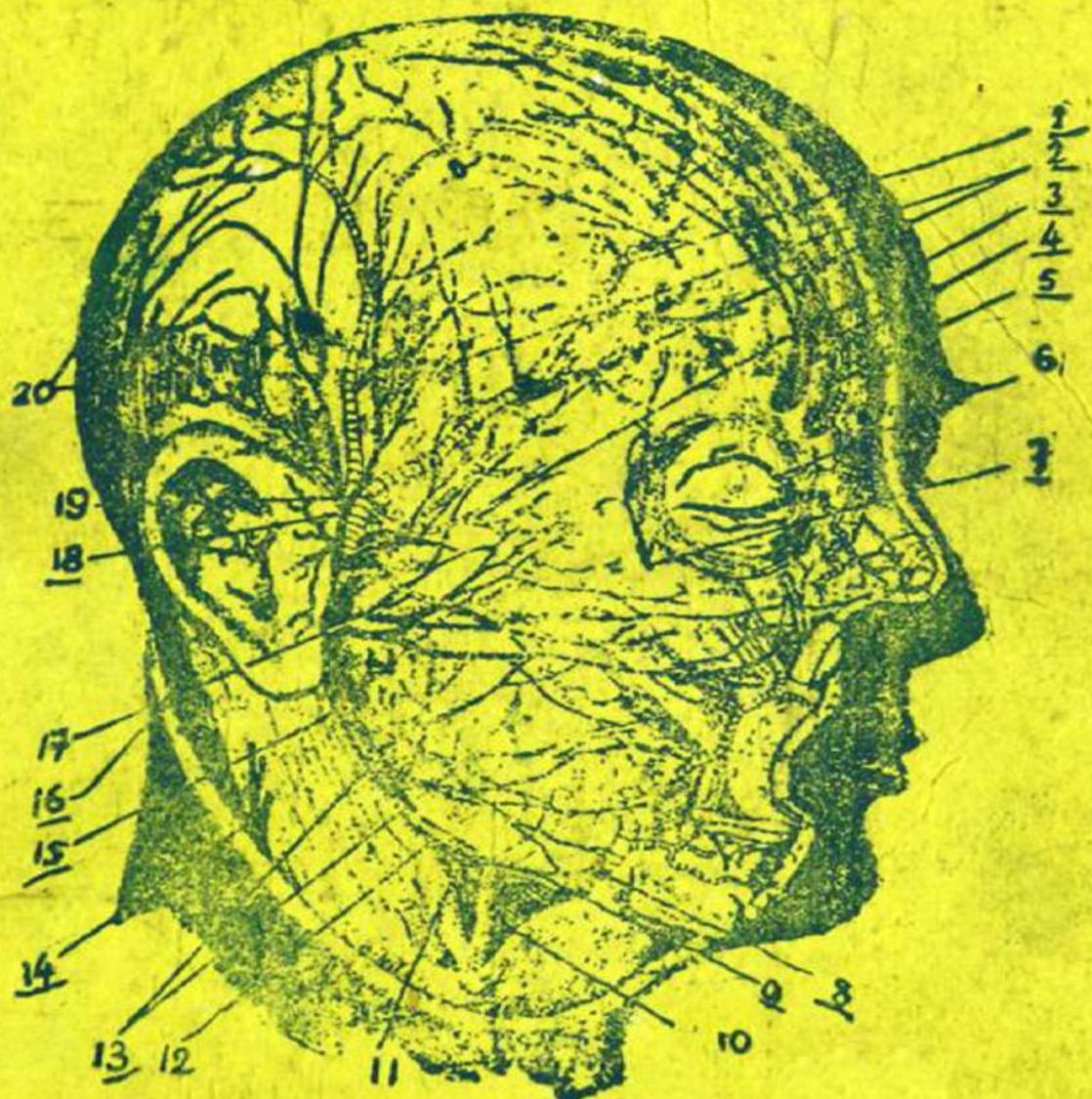


CHÂM CỨU HỌC TOÀN KHOA
TRỊ LIỆU THẦN KINH HỌC

Y ÁN CHÂM CỨU THỰC NGHIỆM

Sơn giả THƯỢNG-TRÚC



THẦN KINH và ĐỘNG MẠCH ĐẦU, MẮT

Cbi Lăng Xuất Bản

292 Võ-Tánh nối dài Tân-Sơn-Nhất Gia-dịnh
Đ.T : 44.613

**CHÂM CỨU HỌC TOÀN KHOA
TRỊ LIỆU THẦN KINH HỌC**

**Y ÁN CHÂM CỨU
THỰC NGHIÊM**

Chi Lăng Xuất Bản

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Châm-cứu Đại-thành.

Formulaire d'acuponcture

Docleur J. Lavier

Précis de la vraie acuponctur chinoise.

Soulié de Morant.

Châm-cứu Bách Bình Thực dụng.

Trần-tá-Hoàng .

Bách bình nghiệm phương.

Trần-lòn-Nhơn

Tiêu-nhi Bách bình nghiệm phương.

»

Phụ-nhơn bách bình nghiệm phương.

»

Hiện-Đại Trung-Y Dược Tạp chí.

Trần-Cư-Lam.

Hiện-Đại Trung-Y Nội-khoa học.

»

Giảng-minh Châm-cứu-học.

Trung-Y Học-Viện

»

Châm-cứu trị liệu học.

Y-Học-sĩ Hà-Trọng-Đào

Châm-cứu-học.

Trần-lòn-Nhơn

Trung-Quốc danh-y nghiệm-phương.

Dương-y-Hiệp.

Lâm-sản các khoa Tông hợp trị liệu.

Châu-Liên.

Tân-châm-cứu-học.

Việt-Phong-Tiên

Nham-chứng trị liệu.

Đường-minh-Sơn

Giảng-minh Thiết-dụng châm-cứu-học.

Vương-tuyết-Đài

Châm-cứu-học thủ-sách.



Soạn giả *Thiêng Trác*
Hình tác giả hiện kim

Chay tài tưa

Đề tựa quyền Y-ÁN-CHÂM-CỨU THỰC NGHIỆM này, tôi xin dịch bài nói về KHOA CHÂM-CỨU Ở ÁU-CHÂU (L'ACUPONCTURE EN EUROPE) của Ông SOULIÉ DE MORANT trong quyền PRECIS DE LA VRAIT ACUPONCTURE CHINOISE sau đây để công hiến cùng độc-giả.

* Trước khi xuất bản cuốn sách dày đú và vi-dai về Khoa Châm-cứu căn cứ vào tài-liệu phiên dịch của TRUNG-HOA và các chứng nghiệm để đáp ứng lời yêu cầu của một số Y-sĩ, tôi quyết định trình bày nơi đây điểm chính của phương pháp trị liệu một vài căn bệnh mà ÁU-CHÂU tỏ ra bất lực một phần nào.

Hơn nữa với quyền sách nhỏ này, công chúng có thể phân biệt trong số Y-sĩ thực hành khoa Châm-Cứu ai đã học hỏi từ nguồn gốc, ai chỉ vì sự bành trướng mạnh mẽ của khoa Châm-Cứu mà cho rằng hành nghề này không cần học hỏi, lại tin vào sự cầm nghi thật thà dốt nát của thần chủ và uy lực của quảng-cáo.

Từ năm 1901, sau khi học hỏi ở Trung-Hoa cách đây 6 năm, lần đầu tiên tôi đem vào nước Pháp phương pháp trị-liệu bằng Kim thuật và Ngại cứu mà ở Áu-Châu, Mỹ-Châu từ trước hấy còn bị quan niệm mơ hồ, nay đã có thể thực nghiệm, các cuộc thí nghiệm ngày gia tăng, kết quả đã được công nhận, do đó không thể không biết đến khoa Châm-cứu.

Phải công nhận rằng nếu lúc sơ khởi Bác-sĩ Paul Ferreyrolles không áp dụng những điều tôi đã học tập ở Trung-Hoa thì ở Áu-Châu đến nay cũng vẫn còn không biết tới Khoa này.

Tôi là lãnh-sự, Văn-học giả, Hoa-ngữ học giả, đã trở thành một Đông Y-sĩ chỉ vì khi thâu thập được kết quả trong môn học này, tôi không hề suy nghĩ gì hơn là cần phải học hỏi cho được 1 thuật rất kỳ diệu đối với tôi; và vì thế khi trở về Pháp tôi đem ra phổ biến khi gặp sự nghi kỵ.

Nhưng nhờ các Bác-sĩ Marcel và Thérèse Martiny sau khi khảo sát nghiêm khắc khoa Châm-Cứu Trung-Hoa chân truyền để được theo dõi phát huy và tránh cho ngành này khỏi bị thực-nghiệm một cách mù-quán với những kết quả không xác tín và tạm thời.

Từ đó Bác-sĩ Flankin ở Bệnh-viện Bichat và các vị Nội trú : Macé de Lépinay và Gallot dùng tài liệu của tôi và của Bác-sĩ Ferreyrolles thi hành vào cuộc thực nghiệm tại Y-Khoa Đại-học. Họ thống kê và thông báo những kết quả tốt hay không tốt cho Hội Nghiên-Cứu các nhà Bác-học của chúng ta.

Bác-sĩ J. Landowski, Barjac, Poret M. Lavergne, Sauvageot, Bonnet-Lemaire v.v. nhờ phương pháp ấy thu hoạch được nhiều kết quả trị liệu tuyệt hảo.

Có vài Y-sĩ bạo dạn dựa vào tài liệu của tôi và của các môn đệ đem ra trị bệnh cũng được nhiều kết quả bất ngờ.

Trái lại trước sự thành công của phương pháp đó lại công bố là đã tự phát minh mà không nhận là vừa mới được thụ huấn.

Đã đến lúc cần phải chính-xát hóa và thu thập những ý niệm rải rác trong nhiều tài liệu, ngõ hầu những cuộc thực nghiệm của Trung-Hoa tự nhiều thế-kỷ nay không trở thành vô hiệu, và những nhà khảo cứu nhiệt tâm có thể có thêm phương tiện để cứu chữa các bệnh.

Nhưng có điều làm cho người ta suy nghĩ là tại sao từ lâu rồi, ở Âu-Châu không tìm hiểu khoa Châm-cứu, và tại sao khoa Châm-Cứu không phải do một vị Bác-sĩ nào phò biến mà phải do một nhà Hoa-ngữ học.

Trước hết chúng ta không nên quên rằng những nhà truyền-giáo và nhất là các vị Bác-học thuộc dòng Jésuites ở Bắc-kinh từ thế-kỷ thứ 17 đã thu lượm được những điều kỳ diệu và đã trình bày những điểm chính

Thời đó vì sự độc đoán trong đầu óc nhân loại, luôn luôn lại cấm đoán phân tách một phương pháp mới lạ hay bắt phải sửa đổi lại theo thực trạng về tinh thần và vật chất, như Pasteur đã bị làm nhục trước khi được sùng bái, Quang chất trước tiên cũng không được thừa nhận, phương-thức Vị-bệnh liệu bệnh chưa được dạy trong Y-khoa.

Mặc dầu những tài liệu phiên dịch của các vị Giám-mục bị hạn chế gắt gao, các Bác-sĩ Berlioz de Tour (phụ thân 1 Nhạc-sĩ), Bác-sĩ Jules Cloquet Giáo-sư Y-khoa Đại-học Paris quyết tâm thực hành tri-bệnh bằng Châm-sieu-ết vào năm 1825.

Nhưng vì quá dốt nát nên không áp dụng đúng khoa Châm-thuật của Trung-Hoa, họ lại dùng cách đâm sâu vào nội tạng những cây kim thật dày - rồi để yên trong đó từ 20 đến 30 tiếng đồng hồ.

Các cuộc thí-nghiệm này mở đầu cách trị bệnh bạo tàn thực tế kết quả khả quan, nhưng không được bền vững lâu dài, tuy Bác-sĩ Cloquet đã được tiếng trong bao nhiêu năm trị bệnh.

Khoa Châm-Cứu chấn truyền Trung-Hoa vì việc đẽ xướng sai lầm này đã bị mất tín nhiệm nên ở Âu-Châu thời không nghiên cứu nữa. Tuy vậy năm 1863 Ông Lãnh-sự Dabry lại công bố một tài liệu quan trọng của Y-Khoa Trung-Hoa đã có một quan niệm rõ rệt về Khoa Châm-Cứu.

Vậy trước khi muốn học tập Khoa Châm-Cứu chấn truyền phải cần tòm hợp nhiều sự hiểu biết phức tạp, như trước tiên phải biết ngôn ngữ đàm thoại của người Trung-Hoa, rồi đến văn viết của họ rất khác biệt với khoa ngôn ngữ, mặt khác lại phải tìm tòi tra cứu trong Từ-diễn Hoa-Âu về danh từ Y-học mà hiện giờ tôi đương soạn thảo, cũng cần hiểu sâu về nghi-lễ Trung - Hoa đẽ khỏi có những nghi kỵ, như một Ông Giáo-sư Pháp muốn mở mang nền Cáo-dục cho dân Nam Phi không biết tiếng nói và phong tục, tập quán của người Pháp.

Những Y-si của chúng ta đưa qua Trung-Hoa đẽ dạy những phương pháp của chúng ta không biết tiếng Trung-hoa, họ ở đó đẽ dạy không phải đẽ học hỏi, chắc họ cho là mất thè diện, mất uy thế đẽ vào học trong trường người bản-xứ, mặc dầu người bản xứ rất vui lòng chỉ dạy cho họ.

Tôi xin trình bày thêm, nhờ những vị truyền giáo giới thiệu tôi được đến viếng một Bệnh-viện, tôi thấy nhiều điều tuyệt diệu, các Y-si Trung-Hoa vui lòng chỉ dẫn cho tôi học, và còn tìm sách vở cần thiết cho tôi xem. Sau đó khi làm Thẩm-Án tòa Hòn-Hợp Thượng-Hải, tôi gặp một người Châm-y rất giỏi ở nhà Y-tế, vị này cố tâm dạy tôi học đến thành công.

Cũng nhờ biết Hoa-ngữ tôi mới có thể tập luyện ở Trung-Hoa và chuyển qua khoa học Tây phương một liệu pháp phản ứng bất đồng mà từ lâu chưa hề được giảng dạy.

Ở Trung-Hoa từ thế kỷ thứ 28 trước Thiên-chúa giáng sinh, sau khi tìm ra đồng, phương pháp Châm-Cứu đã bắt đầu phổ biến và được đúc kết, người ta đã biết sự tuần hoàn của huyết mạch, sự quan hệ của tạng Tỷ v.v. và từ đây sự khảo cứu không bao giờ đứt đoạn. Tất cả những sách vở tài liệu lưu truyền từ đời này đến đời khác được bảo tồn, chính tôi có sưu tầm đẽ lưu chiểu những tài liệu này.

Ở Nhật bản đã theo nghệ thuật Y-khoa Trung-Hoa từ thời Thượng cổ. Đến năm 1884 mới bắt đầu xây dựng nền Y-học theo kiểu Tây-phương.

Nghệ thuật của chúng ta được bành trướng mạnh, những nhà Bác-học Nhật-bản thu hoạch được nhiều điều danh tiếng.

Trong lúc ấy dân chúng Nhật-bản vì nê Y-khoa chúng ta trở nên nghệ thuật Nội-khoa khoa học, những kết quả mới là các thứ thuốc miễn dịch, thuốc uống, thuốc tiêm ngành Phản-xạ tuyễn, Giải-phẫu học, nhưng đối với nhu cầu túi tiền của họ, thì càng ngày họ càng trở về khoa Châm-Cửu.

Những Y-sĩ trong các Bệnh-viện tư nhận thấy nhiều bệnh tật đối với Tây-y phải chịu bất lực mà từ trước có thè trị một cách rất mau lẹ bằng Châm Cửu nên họ lại càng áp dụng khoa Trị-liệu này.

Bây giờ những nhà Bác-học Âu-châu, lại phải học tập phương pháp Châm kim ấy theo những nguyên tắc khoa học của chúng ta. Những kết quả được trở nên vững chắc và đã có thè giải thích thành một bộ-phận Y-học riêng.

Ngày nay phong trào này được phát triển, khoa Châm-Cửu lại chiếm địa vị ưu thế, những nhà Bác-học uyên thâm như Bác-si Savado, Naka Yana, Fujii v.v. đương điều khiển sự học tập.

Vậy chúng ta nên cố gắng giúp họ và cùng hợp tác với họ trong công việc này để giúp chữa trị cho bệnh nhân :

L'ACUPUNCTURE EN EUROPE

Avant de publier le complet et volumineux exposé que je prépare sur l'Acupuncture, avec traductions précises des textes chinois; références et citations, je me décide, pour répondre aux demandes de nombreux médecins, à donner ici l'essentiel de la méthode de traiter quelques maladies pour lesquelles l'Europe est plus ou moins désarmée.

Le public, d'autre part, par ce petit volume, pourra distinguer, parmi les médecins qui pratiquent l'acupuncture, ceux qui ont étudié aux sources et ceux qui, devant le grand développement de la méthode, prétendent l'appliquer sans l'avoir étudiée, se fiant soit honnêtement à la suggestion soit moins honnêtement à l'ignorance de leur dientèle ou même à la puissance de la publicité.

Depuis en effet que, l'ayant étudié en Chine dès 1901, j'ai le premier dans le monde Blanc, introduit en France, il y a déjà six ans, la Méthode des Aiguilles et Morax, et qu'ainsi l'Europe et l'Amérique qui n'avaient sur elle que des notions confuses, ont pu enfin la pratiquer, les expériences se sont multipliées. Les succès se sont affirmés. Il n'est plus possible de l'ignorer.

Il faut reconnaître que si, au début, le Docteur Paul Ferreyrolles ne m'avait pas arraché ce que j'avais appris en Chine, l'Europe serait encore dans son ignorance à ce sujet.

Pour moi, en effet, consul, sinologue, et littérateur, je n'étais devenu médecin chinois que par émerveillement des effets obtenus par de si faibles moyens et sans pensée autre que d'étudier un art presque miraculeux à mes yeux. De retour en Europe, le scepticisme que je rencontrais m'avait vite empêché de parler.

Mais c'est surtout grâce aux docteurs Marcel et Thérèse Martin que sous un contrôle sévèrement scientifique, l'étude de la vraie acuponcture chinoise a pu se poursuivre, s'affirmer, et ne pas se détourner ou se fosser vers l'application aveugle de formules incomprises, avec résultats incertains ou temporaires...

Depuis lors, le Docteur Flandin, de l'hôpital Bichat, et ses internes MM. Macé de Lépinay et Gllot, utilisant mes documents et ce que leur en transmettait le Docteur Ferreyrolles ont soumis la méthode à l'expérimentation sévère de la Faculté. Ils ont communiqué leurs succès et leurs insuccès à nos grandes sociétés savantes.

Les Docteurs J. Landowski, Barishac, Poret, M. Lavergne, Sauvageot ; Bonnet - Lemaire, etc., ont obtenu, grâce à cette méthode, des guérisons souvent sensationnelles.

Quelques médecins audacieux ont, sur lecture de mes articles ou de ceux des adeptes, tenté et réussi des cures inattendues.

D'autres, devant le succès de la méthode, ont proclamé l'avoir inventée sans même l'avoir étudiée superficiellement.

Il est temps de préciser et de réunir les notions éparses en plusieurs documents afin que les expériences poursuivies depuis tant de siècles par la Chine, tiers de l'humanité, ne soient pas rendues inutilisables par incompréhension de leurs principes directeurs, et que le chercheurs honnêtes et consciencieux puissent avoir un moyen de plus de soulager leurs malades.

• Mais pensera-t-on, comment se fait-il que l'acupuncture ait attendu si longtemps d'être connue en Europe ? Comment a-t-il fallu que ce fut un sinologue et non un de nos Docteurs qui la fit connaître ?

Tout d'abord, elle n'était pas ignorée. Les Missionnaires et surtout les savants jésuites de la Mission Scientifique de Péking, au XVII^e siècle en rapportent les merveilles et en décrivent les grands points.

Mais la dogmatisme de l'esprit humain a toujours empêché d'intégrer une formule nouvelle obligeant à modifier les positions prises mentalement et matériellement, Pasteur a été honni avant d'être déifié. Le radium a été nié tout d'abord. L'homéopathie n'est pas encore enseignée à la Faculté.

Malgré que les notions transmises par les missionnaires fussent fort restreintes, le docteur Berlioz de Tour (père du musicien), le docteur Jules Cloquet professeur à la Faculté de Paris, entreprirent, vers 1825, de traiter des malades à coups d'aiguille.

Mais dans leur ignorance, ce n'était pas l'acuponcture chinoise qu'ils appliquaient, car ils enfonçaient de très longues aiguilles jusque dans les organes et les laissaient en place pendant vingt et trente heures. L'étude de leur expérience est pourtant introductrice. Mais la cruauté du traitement, malgré des succès intéressants, mit vite fin à la grande vogue que le docteur Cloquet connut pendant plusieurs années.

La vraie acuponcture chinoise, par cette fausse présentation fut déconsidérée. L'Europe cessa de s'y intéresser, malgré qu'en 1863 le consul Dabry eut publié un important travail sur la médecine chinoise et donné une idée déjà plus précise sur l'acuponcture.

Pour étudier la vraie méthode il fallait réunir bien des hasards heureux : d'abord la connaissance courante de la langue parlée, puis celle de la langue écrite, fort différente de la langue parlée. D'autre part il fallait se constituer un dictionnaire sino européen de termes médicaux ce qui n'existe encore que par mon travail et en manuscrit. Il fallait aussi connaître l'écriture chinoise assez à fond pour ne pas choquer des susceptibilités aussi grandes que celles d'un de nos maîtres à qui s'adresserait pour en obtenir l'enseignement un Hiot entot ignorant de notre langue et de nos coutumes.

Nos médecins envoyés en Chine pour enseigner nos méthodes ne savent pas le chinois. Ils sont là pour enseigner et non pour apprendre. Peuvent-ils, sans « perdre la face » et le prestige, se mettre à l'école indigène même si celui-ci consentait à les instruire ?

Il fallut encore que, présenté par les missionnaires auxquels appartenait l'hôpital que je visitai, je vis de véritables miracles opérés sous mes yeux. Le médecin chinois consentit à m'instruire et à me trouver les livres nécessaires. Plus tard, juge à la Cour mixte de Shanghai, je trouvai, à la direction sanitaire, un excellent acuponcteur qui acheva de m'instruire. Et c'est ainsi que, parce que le sinologue, j'obtins de pouvoir exercer ;n Chino-

et que je pus transmettre à la science française une variété de réflexothérapie qu'elle n'avait pas encore étudiées.

En Chine, dès le XXVIIIe siècle avant J. C., époque suivant de près la découverte du cuivre, la méthode semble avoir été connue et mise au point. On connaissait déjà la circulation du sang, le rôle de la rate, etc. Et depuis lors, l'étude n'en a jamais été interrompue. Les livres parus de siècle en siècle ont tous été gardés. J'en possède la collection.

Le Japon avait adopté l'art médical chinois dès l'antiquité. En 1884 il fonda des facultés de médecine à l'europeenne. Notre art prit aussitôt une grande extension. Le savants japonais acquirent une renommée considérable.

Le Public japonais cependant, à mesure que notre médecine devenait plus chirurgicale, redoutait de plus en plus pour son corps et pour sa bourse, vaccins, sérumis, injections aux effets inconnus, radiographie, opérations, pour ce qu'on traitait autrefois. Il retourne de plus en plus à l'acupuncture.

Les clercs ; eux; s'apercevaient que bien des malades devant lesquelles notre art est désarmé étaient guéries instantanément par l'acupuncture. Ils employèrent celle - ci de plus en plus.

Les savants à l'europeenne étudièrent alors la méthode des aiguilles selon nos principes scientifiques. Les résultats en furent confirmés et expliqués en partie.

Aujourd'hui ce grand mouvement s'affirme. L'acupuncture reprend sa prédominance. D'illustres savants tels les docteurs Savada, Nakayama, Fujii, etc. en dirigent l'étude.

Efforçons de les aider et de nous associer à leur travaux, pour le bénéfice des malades./.

T.B. Nguyễn Văn Trọng quyền sách của Ông Soulié de Morant, tôi xin trích ra đây để quý ngài tham khảo, vì nhận thấy hiện nay ở nước ta khoa Châm-Cứu chưa được thừa nhận trong ngành Y-học và cũng chưa được học tập tường tận; lại cũng có nhiều người muốn thực hành hay phổ biến khoa này mà không quyết tâm nghiên cứu, hoặc còn mơ hồ, có người còn ngộ nhận là một nghệ thuật mới lạ của Nhật-bản hay môn thuật của Thiếu-lâm Thiền-môn (chính có vài bình nhưn hỏi tôi những sự ngộ nhận này).

Như thế đối với những lời tường thuật của Ông Morant thì tôi

trước năm 1961 ở Âu-Châu vẫn có những điểm sai lầm như & nước ta hiện nay, mong quý độc-giả, nhất là trong giới Y-học đề ý giúp đỡ nhiều hơn cho khoa Châm-Cứu nước nhà ngày thêm được tiến bộ.

Về học lực rất thiếu kém, đối với bài phiên dịch này chắc có nhiều điều khiếm khuyết, không được sát nghĩa lắm, xin quý Ngài lượng thứ cho.

Về phần tài liệu trong sách này tôi xin phò biến các phương trị nghiệm của các vị Châm-Cứu sư danh tiếng Trung-Hoa, Nhật-bản, Pháp và những phương tôi đã thực hành có hết quả trong nhiều năm lâm sàn trị bệnh đề tiễn nghiên cứu áp dụng giúp phần kinh nghiệm.

Có thêm phần Đồ hình Thần-kinh, Kinh huyệt từ bộ phận trong cơ thể, với bản kiêm tra huyệt-vị theo số huyệt từng Kinh mạch để đáp ứng sự yêu cầu của quý vị mới học tập dễ dàng tra cứu.

Vậy tự xét còn nhiều thiếu sót, rất mong quý ngài Châm Cứu sư chỉ giáo thêm để sau này cải thiện hoàn hảo hơn. Tôi xin đa tạ.

THƯƠNG-TRÚC

Soan - giả
THƯỢNG - TRÚC

TOÀN BỘ GIẢI - PHẪU CƠ - THẾ

I - TỈNH - MẠCH

... - ... - ... - HỊT

IV - BỘ XƯƠNG

V - NỘI TẮNG - PHỦ

VI - PHÂN KHU TUYẾN KINH HUYỆT

(Từng bộ phận : Đầu, Ngực, Bụng, Lung, Tay, Chân.)

CHI LĂNG XUẤT BẢN

292. Võ-Tánh nồi dài (T.S.N.)

TÂN CHÂM-CỨU-HỌC

Dẫn giải Giải Phẫu Cơ-Thể và Phản Khu Tuyến Thần-Kinh.

1) Toàn bộ Hệ-thống Thần-kinh và Bộ-xương

2) Phản khu tạng bộ phận.

Đầu : Thần-kinh, Động-mạch, Tĩnh-mạch.

Ngực, Bụng : Thần-kinh, Động-mạch, Tĩnh-mạch.

Lưng : Thần-kinh, Động-mạch, Tĩnh-mạch.

Tay : Thần-kinh, Động-mạch, Tĩnh-mạch.

Chân : Thần-kinh, Động-mạch, Tĩnh-mạch.

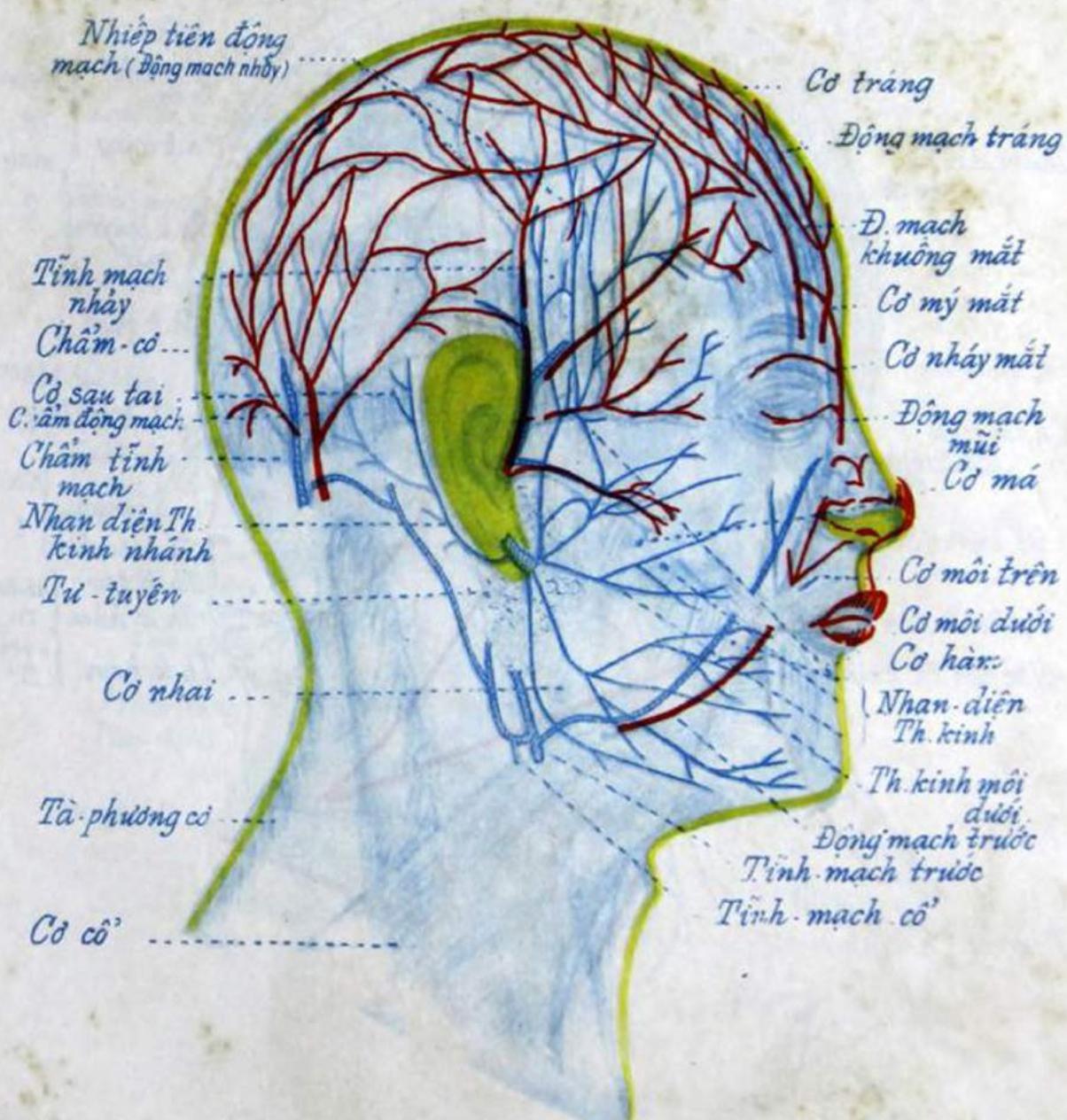
3, 4) Vị-Trí Tạng-Phù trong Cơ-thể.

5, 6) Bình-tật ứng hiện các điểm sau Lưng, trước Ngực, Bụng.

7) Phản Khu Tuyến Kinh Huyết :

- Kinh huyết bộ phận Đầu.
- Kinh huyết bộ phận Ngực, Bụng.
- Kinh huyết bộ phận Lưng.
- Kinh huyết bộ phận Tay.
- Kinh huyết bộ phận Chân

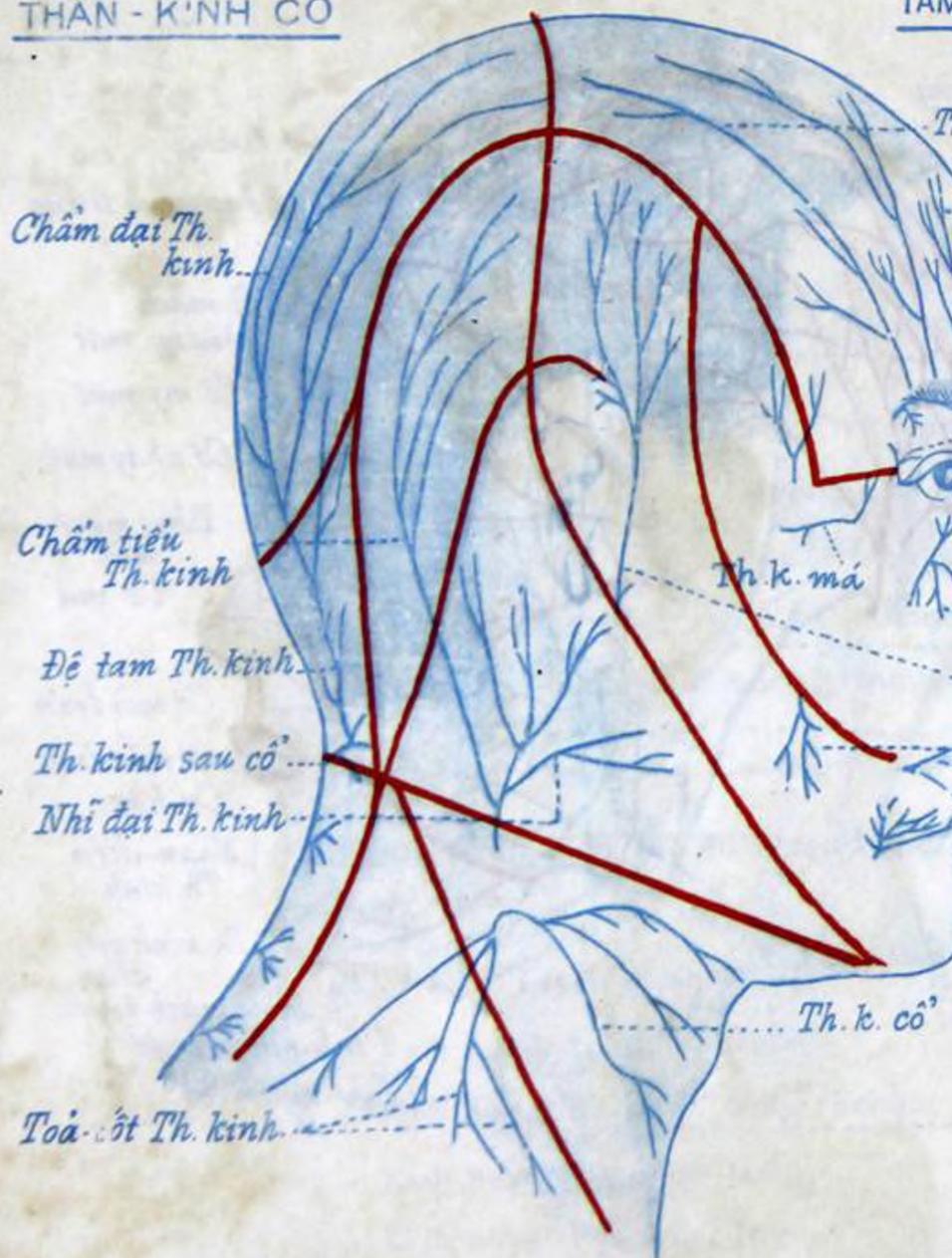
CƠ, HUYẾT-QUẢNG ĐẦU, CỐ VÀ NHAN-DIỆN THẦN-KINH



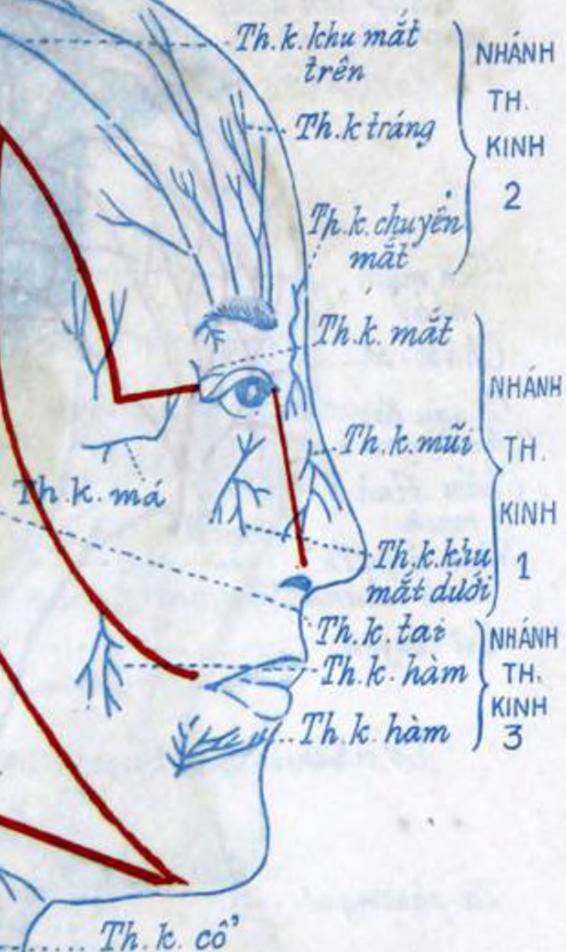
THẦN-KINH ĐẦU, MẶT, CỔ

CƠ HUYỆT QUAN SÁO
HƯỚNG DẪN THIEN-KINH ÁV

THẦN - K'NH CỔ'



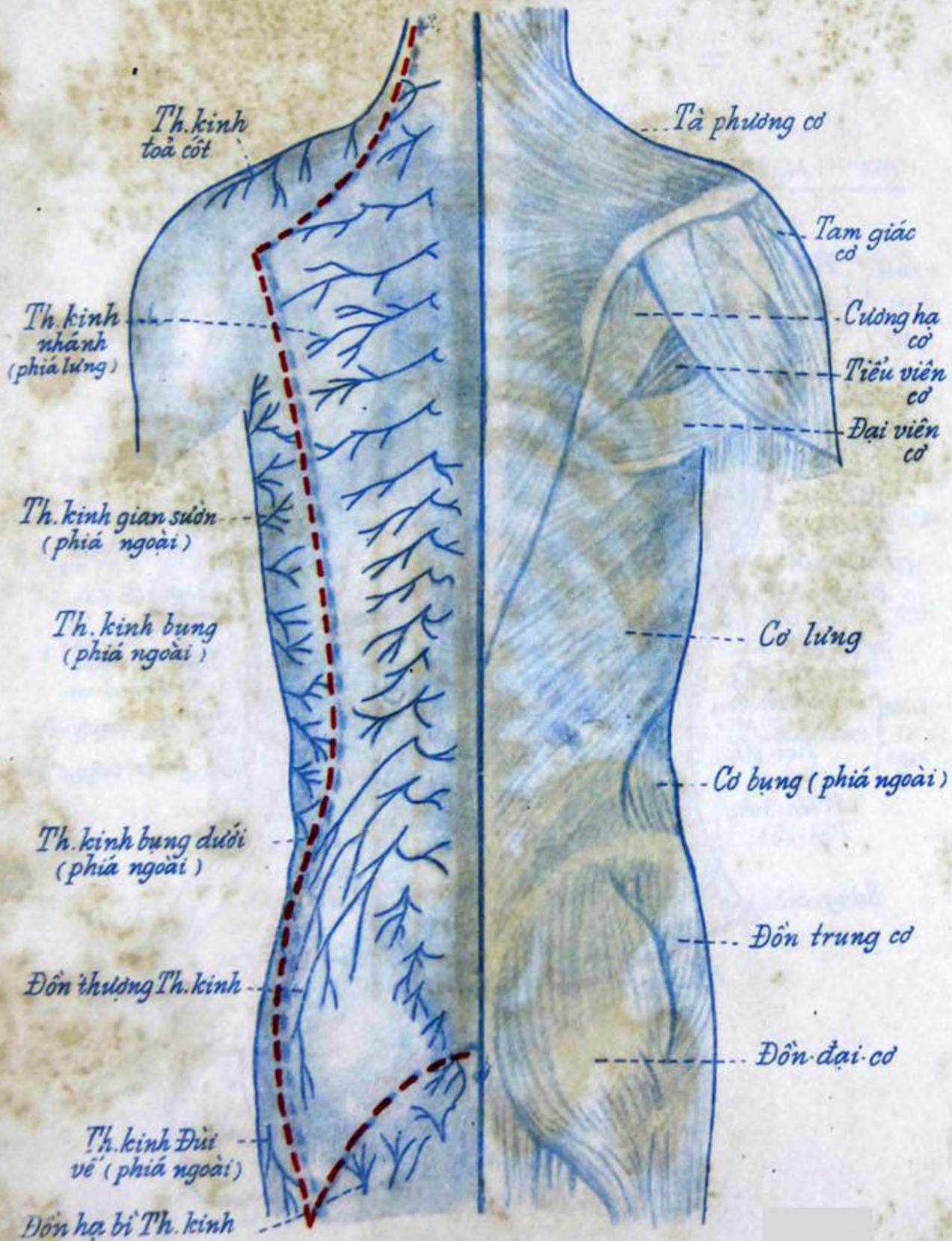
TAM-THOA TH. KINH



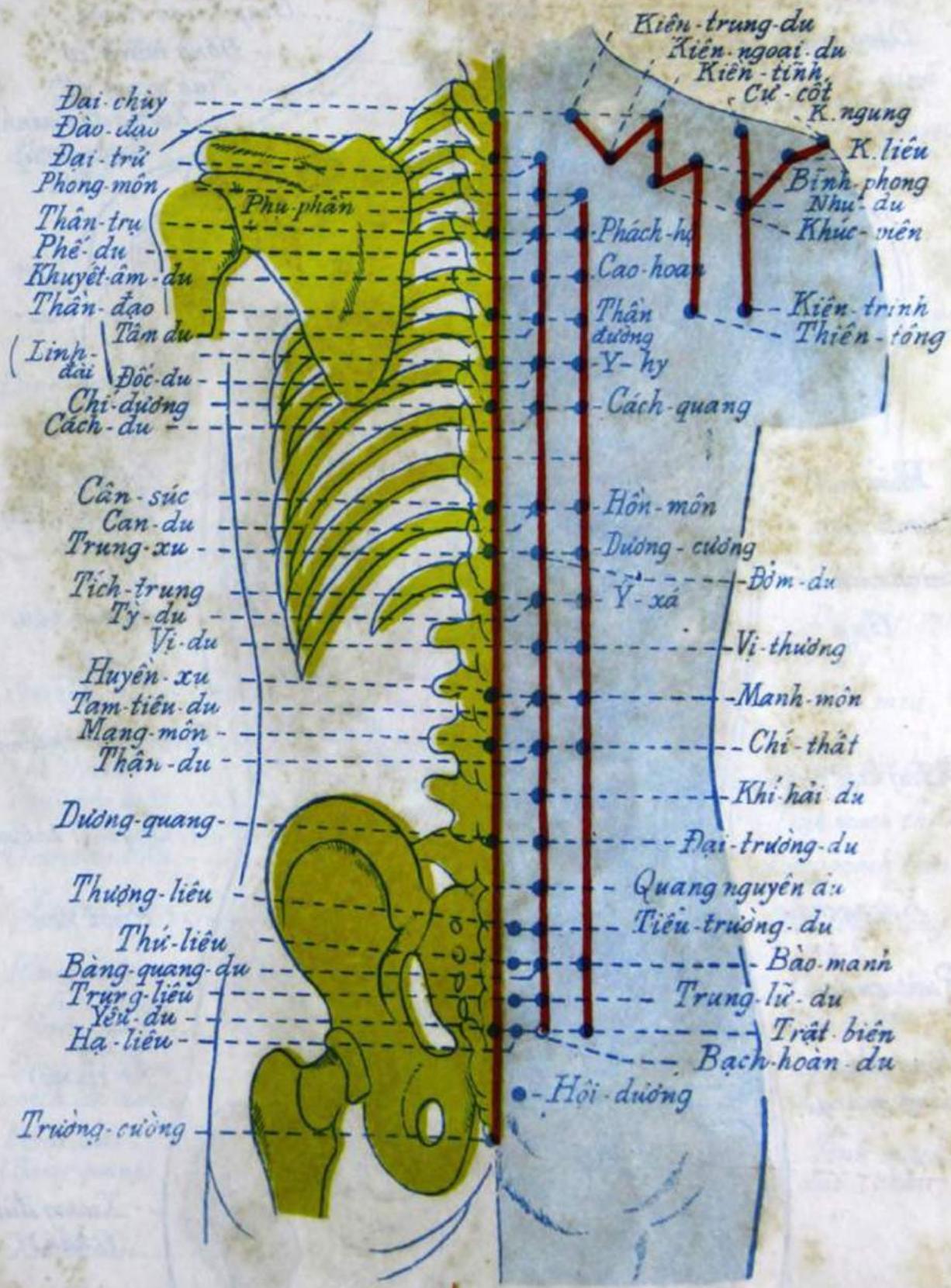
KINH-HUYỆT ĐẦU, MẶT, CỔ



CƠ, NHỤC, THẦN-KINH LƯNG, VAI

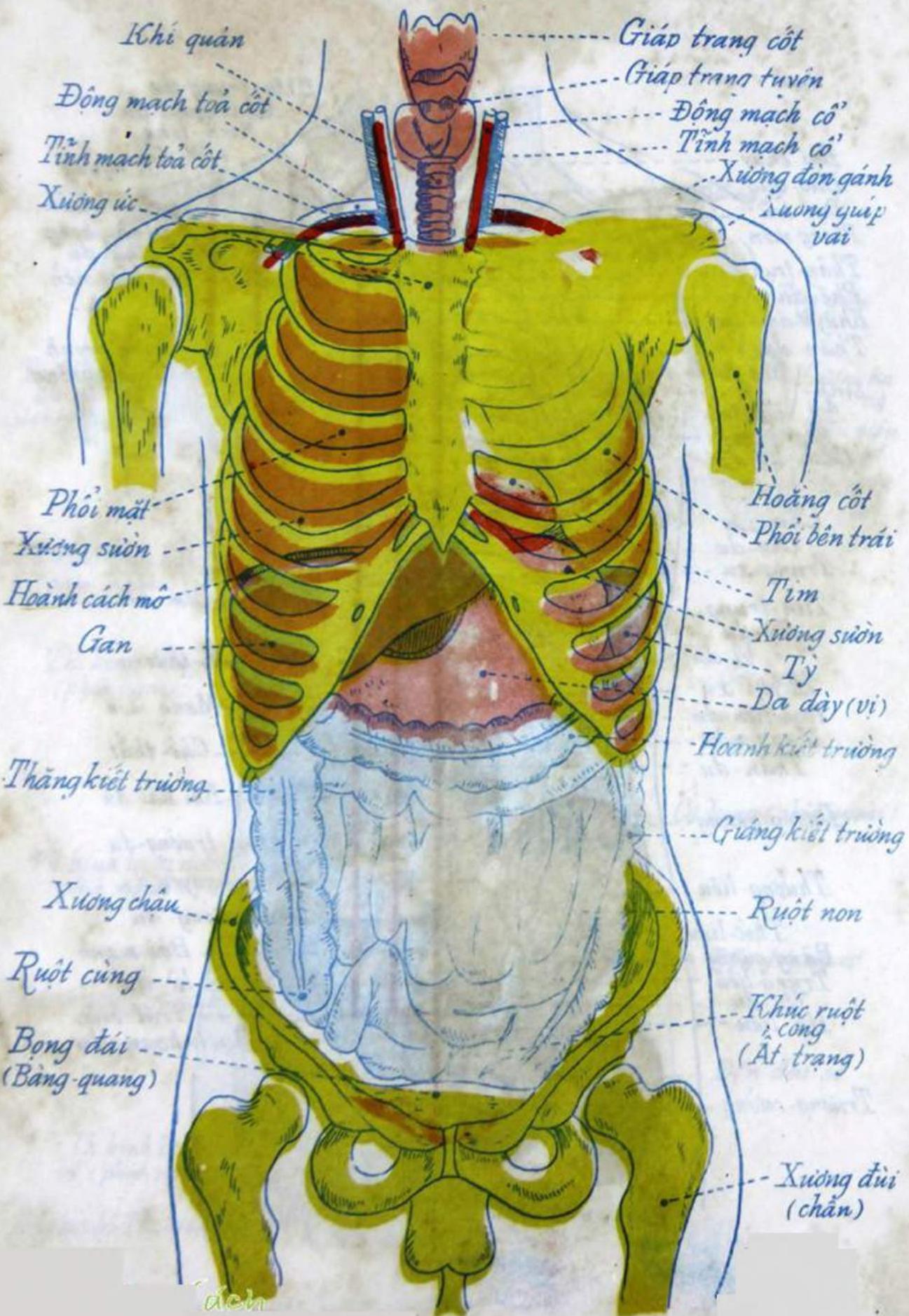


TUYẾN KINH HUYỆT LUNG, VAI



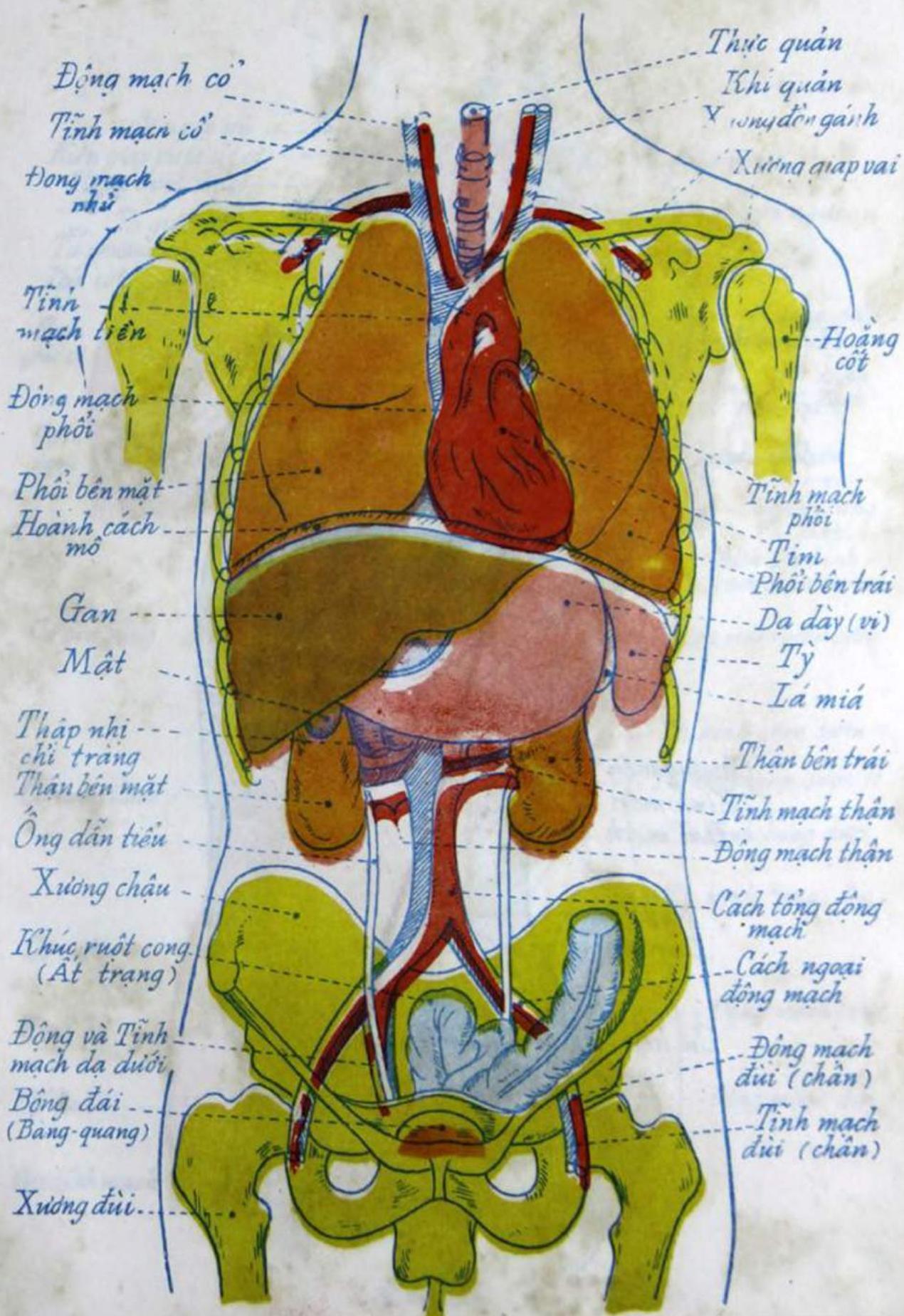
NỘI TẠNG PHỦ NGỨC BỤNG

(TẦNG TRÊN)

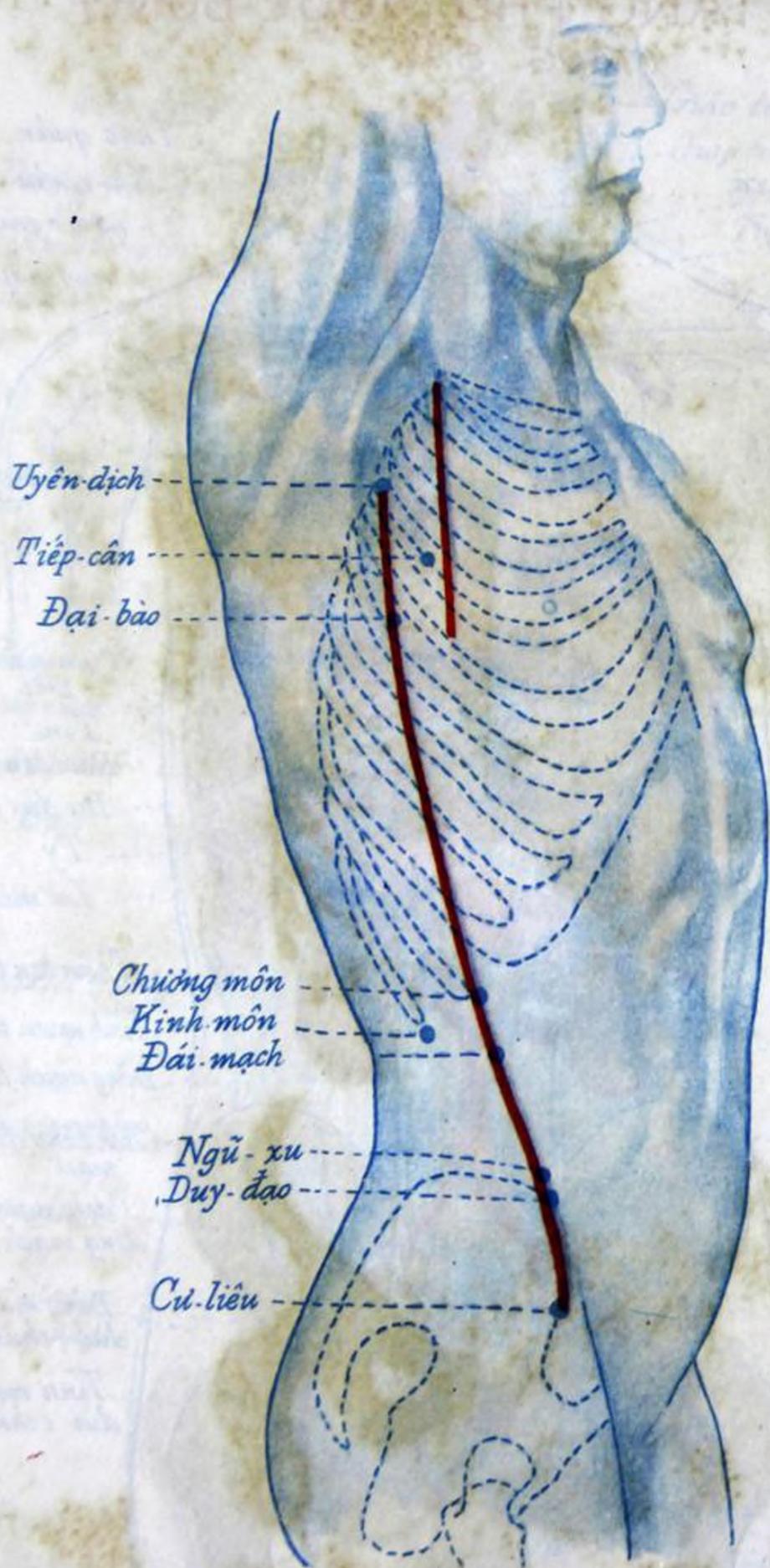


NỘI TẠNG PHỦ NGỰC BỤNG

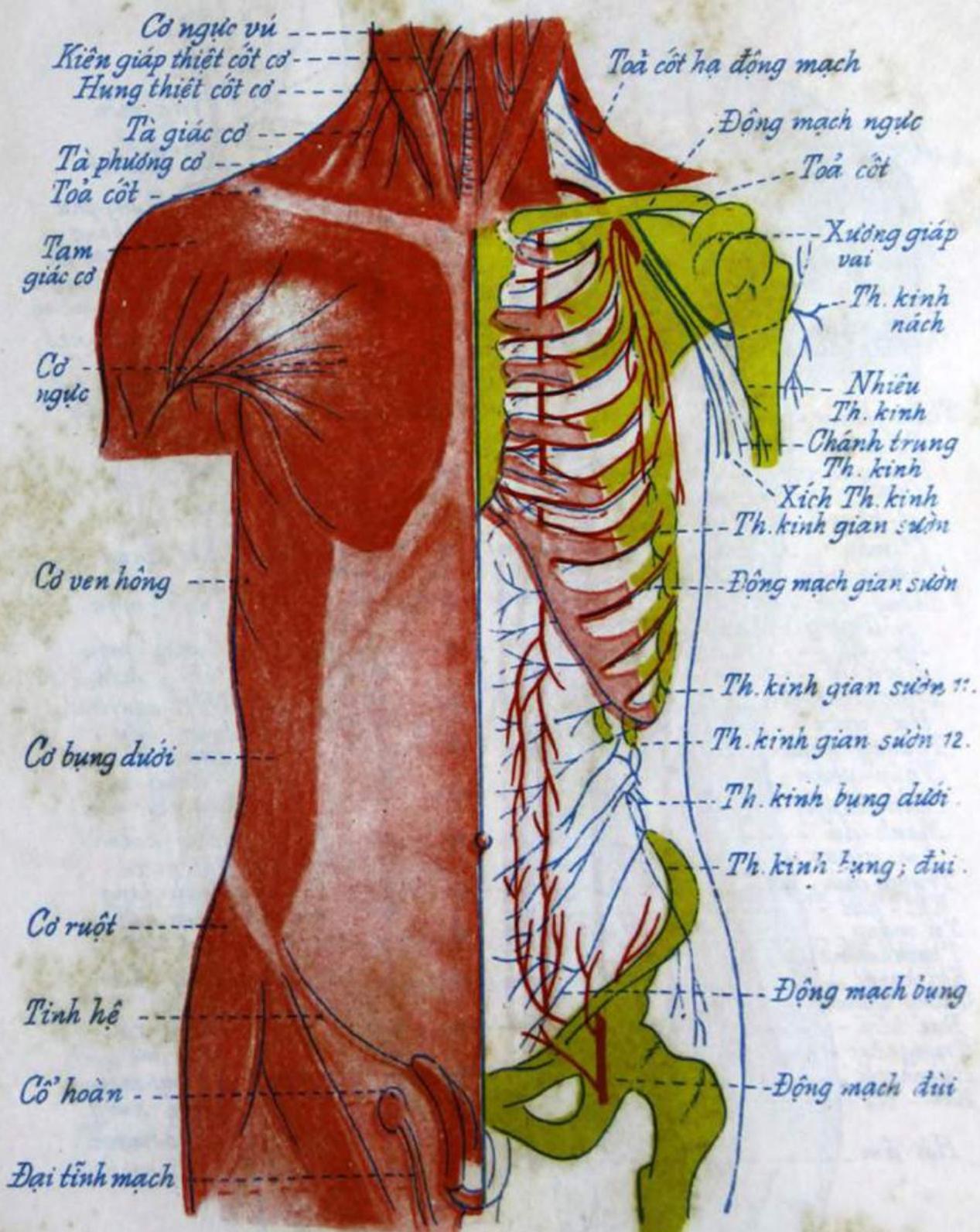
(TẦNG SÂU)



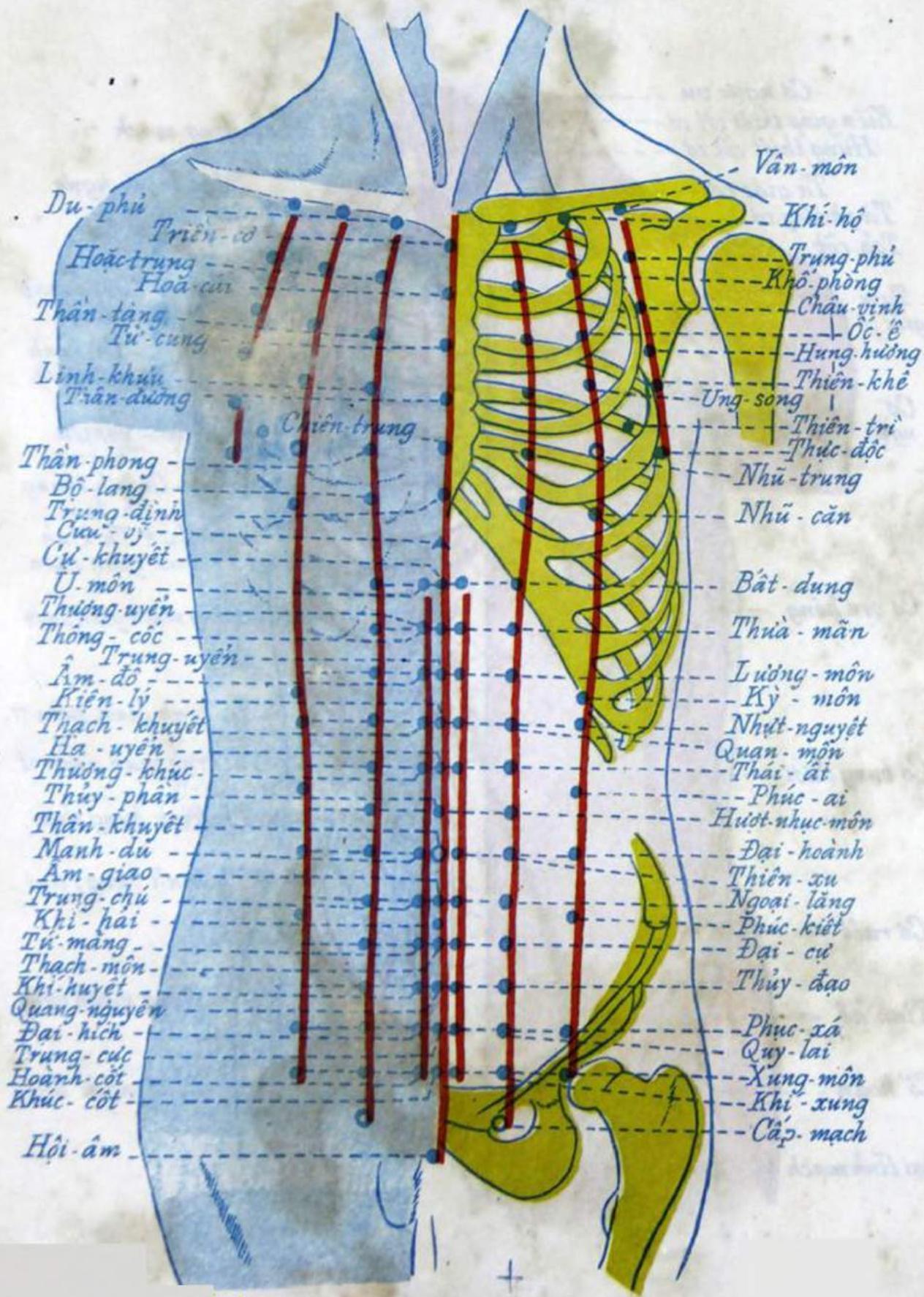
TUYẾN KINH HUYỆT HÔNG, BỤNG



CƠ, HUYẾT-QUẢN, THÂN-KINH NGỰC, BỤNG

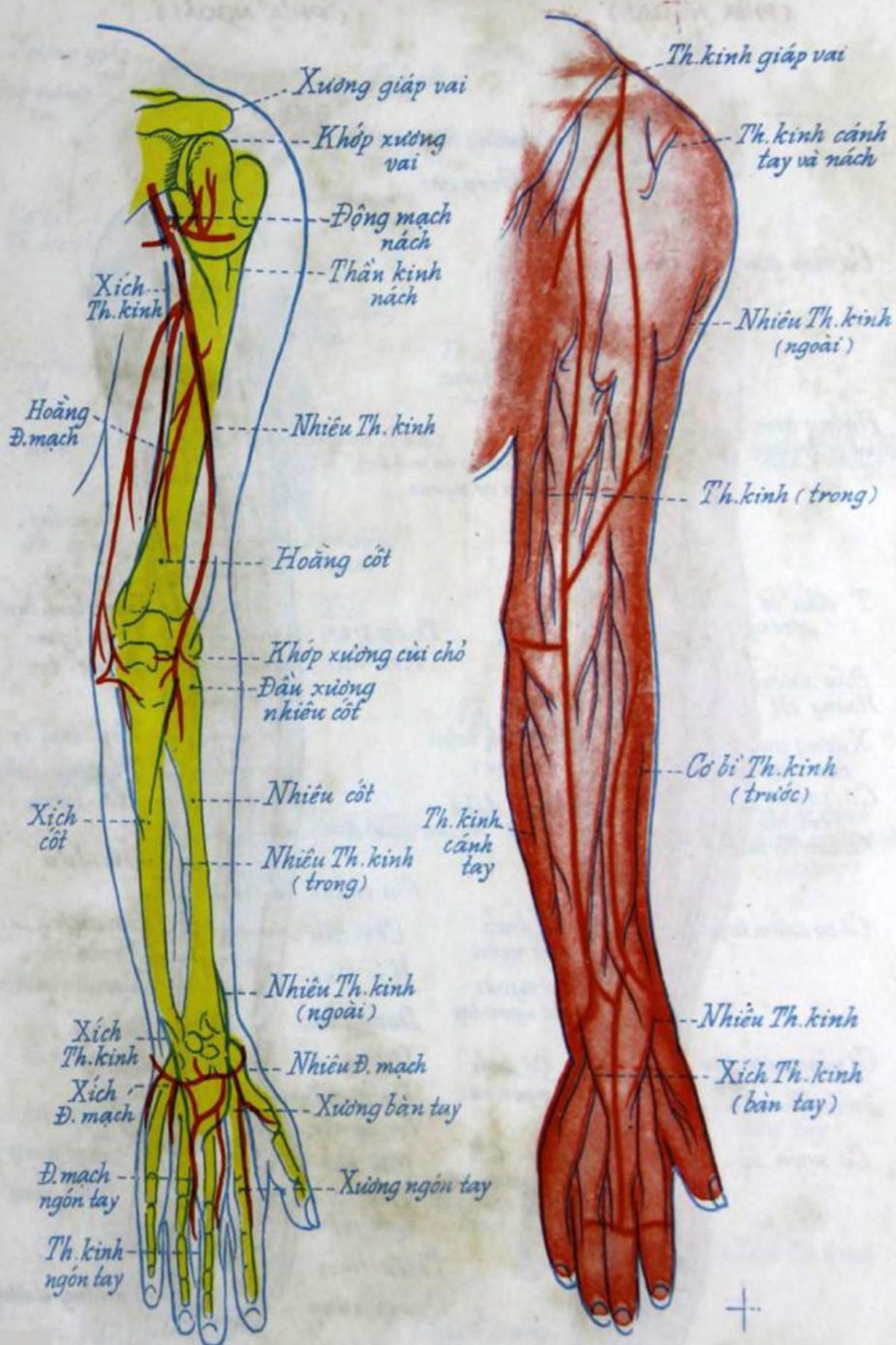


TUYẾN KINH HUYỆT NGỰC, BỤNG

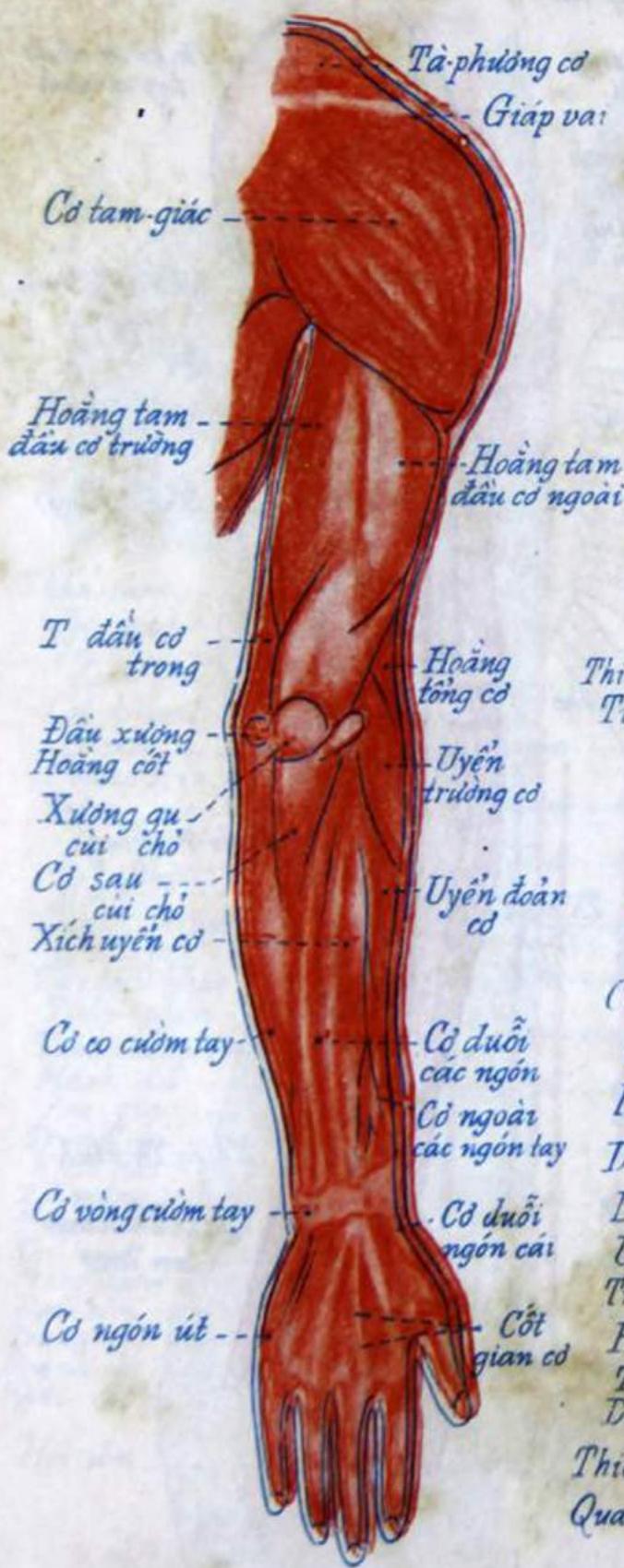


XƯƠNG, HUYẾT-QUẢN, THẦN-KINH CÁNH TAY

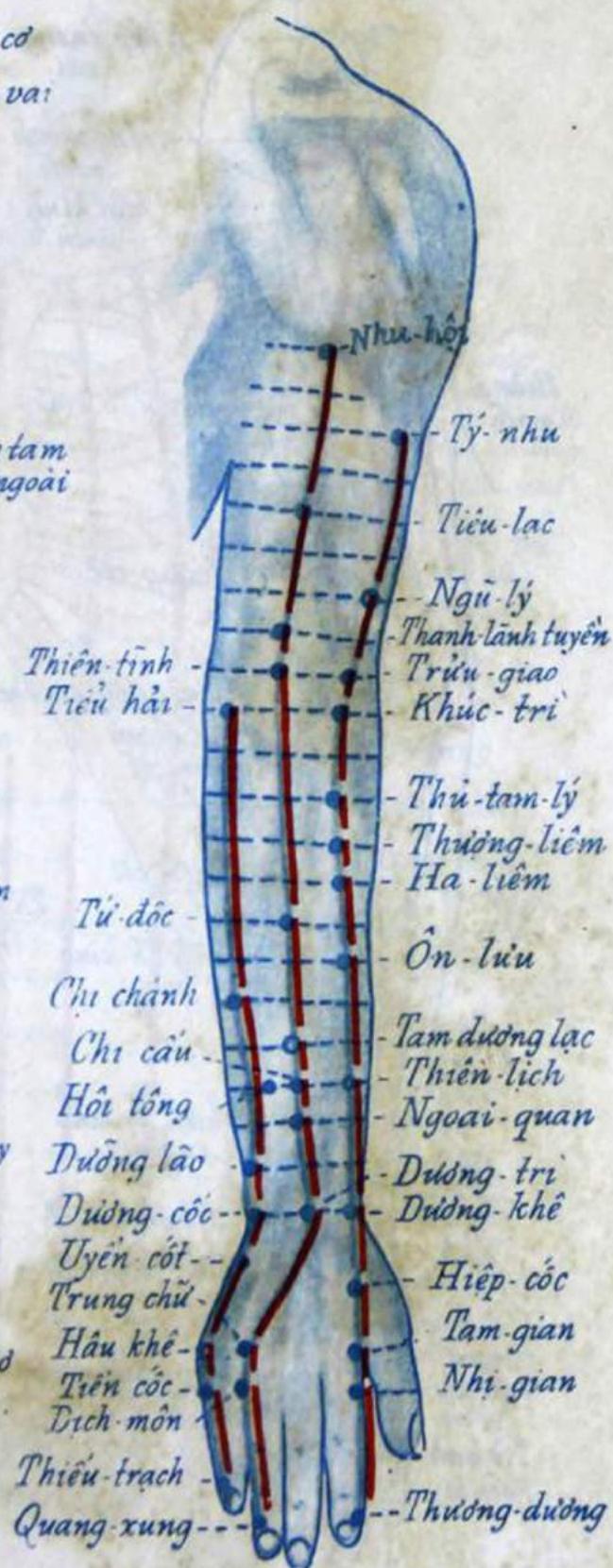
(PHÍA NGOÀI)



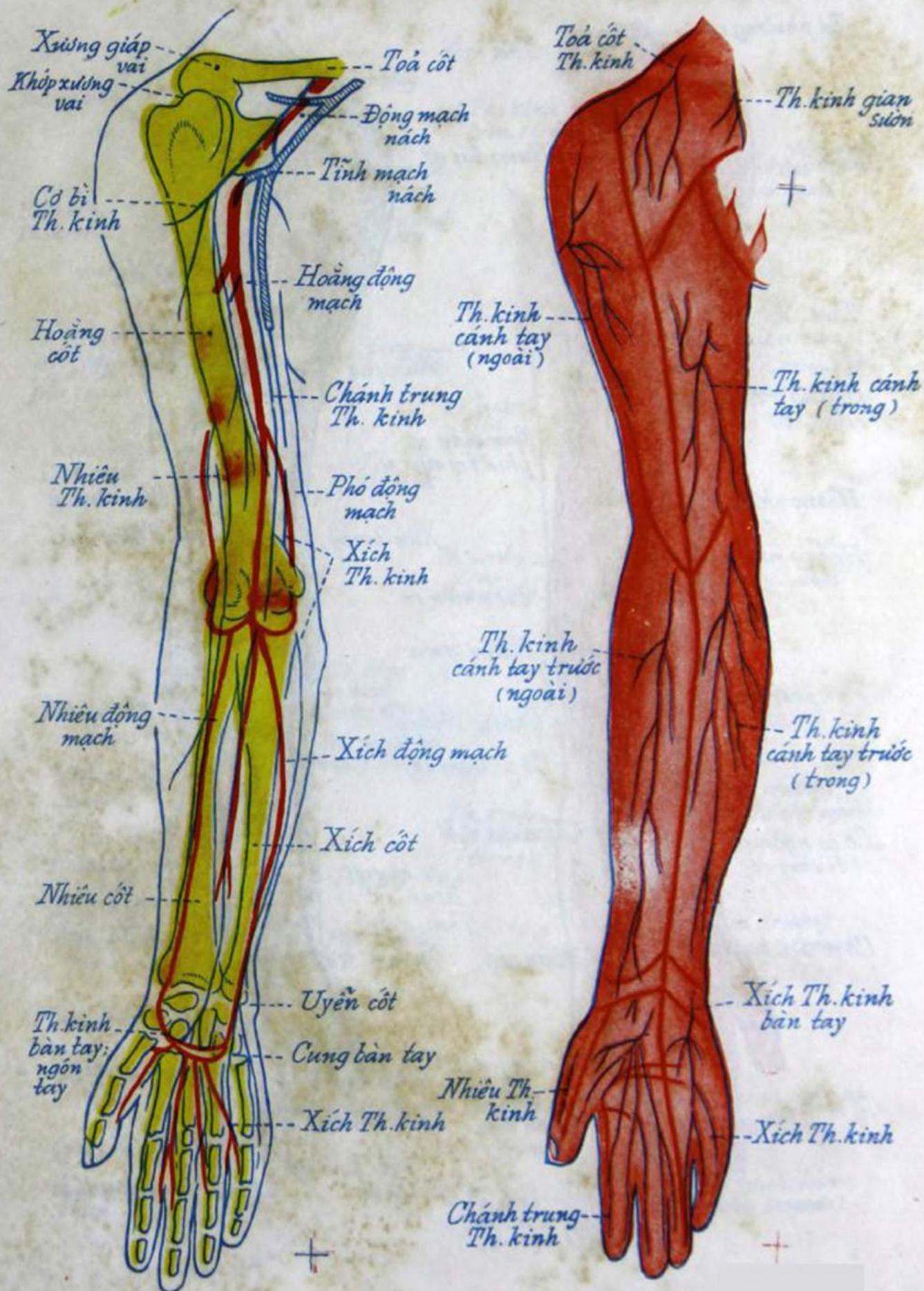
CƠ, NHỤC CÁNH TAY
(PHÍA NGOÀI)



BÀ TUYẾN KINH HUYỆT CÁNH TAY
(PHÍA NGOÀI)

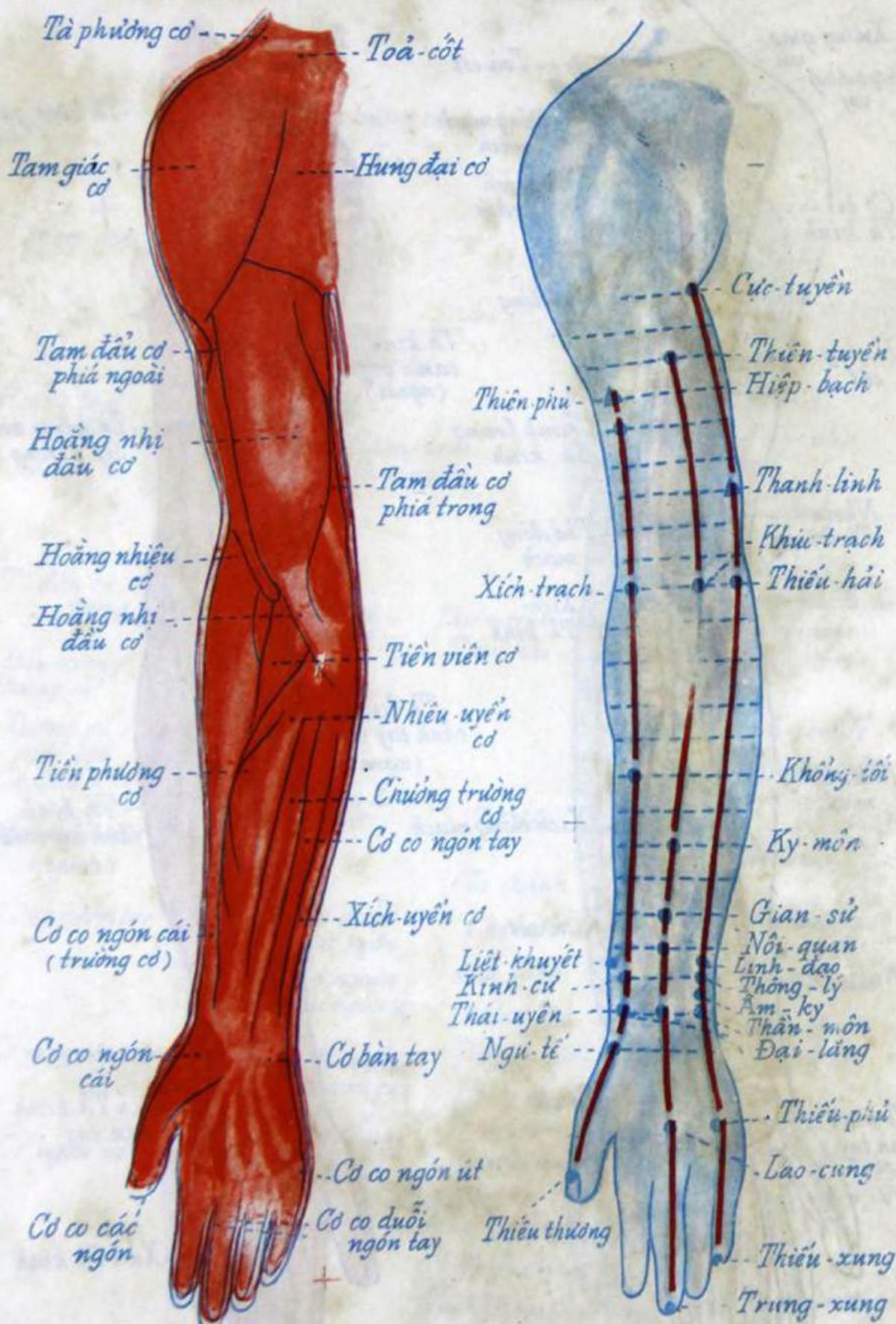


XƯƠNG, HUYẾT-QUẢN, THẦN-KINH CÁNH TAY (PHÍA TRONG)

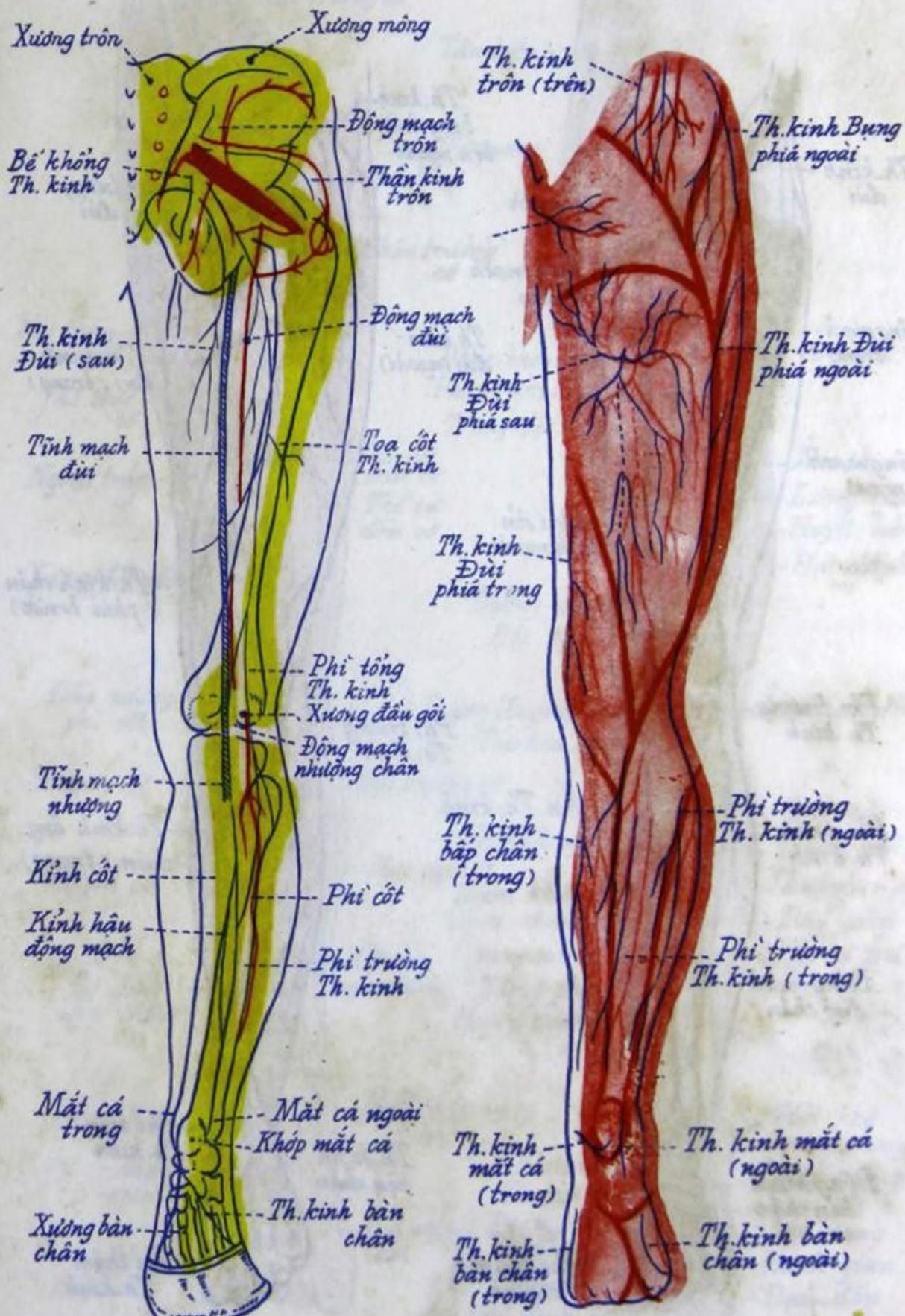


CƠ, NHỤC CÁNH TAY
(PHÍA TRONG)

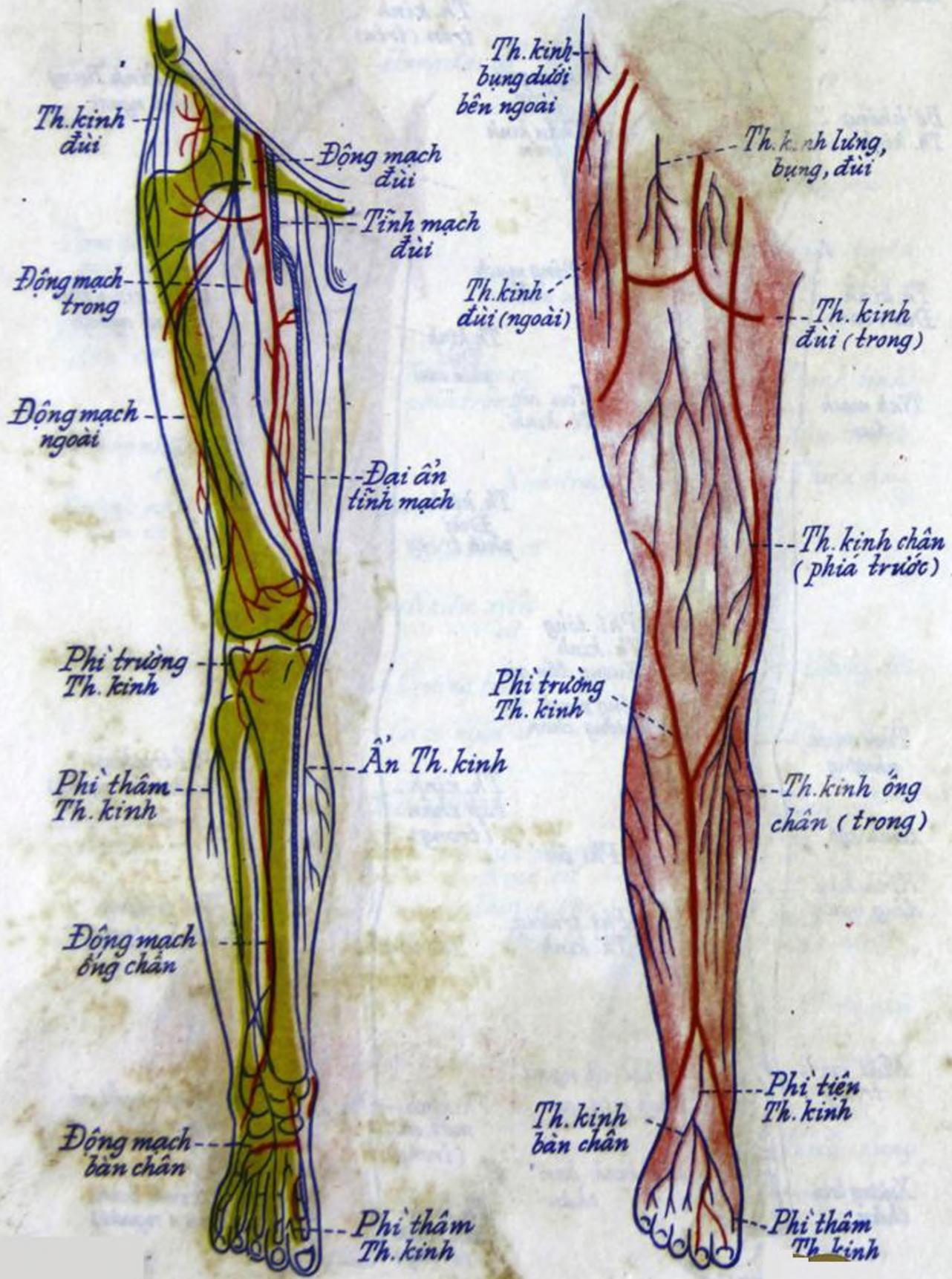
BATUYỀN KINH HUYỆT CÁNH TAY
(PHÍA TRONG)



XƯƠNG, HUYẾT-QUẢN, THẦN-KINH CHÂN (PHÍA SAU)

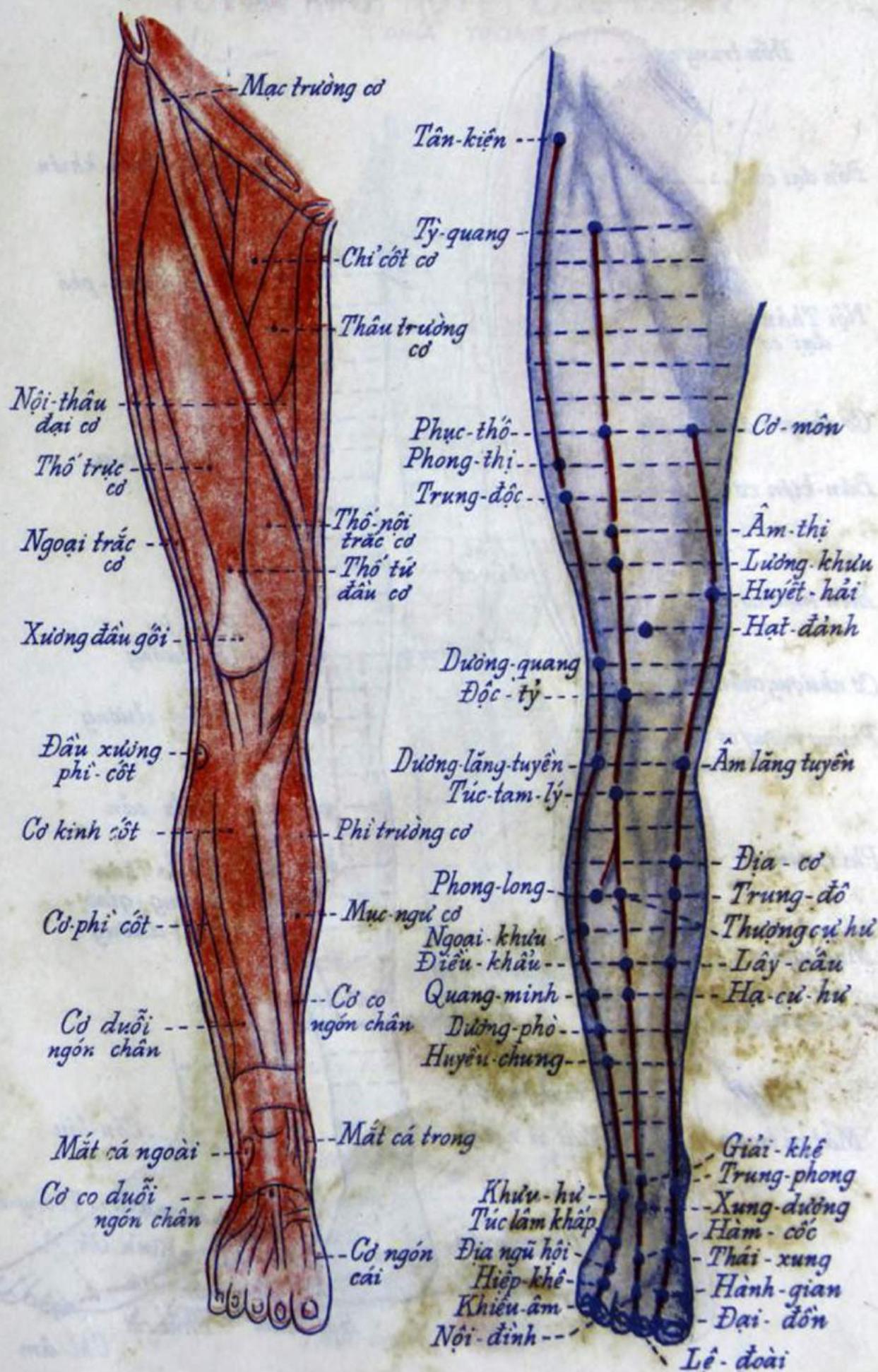


XƯƠNG, HUYẾT QUẢN, THẦN KINH CHÂN (PHÍA TRƯỚC)



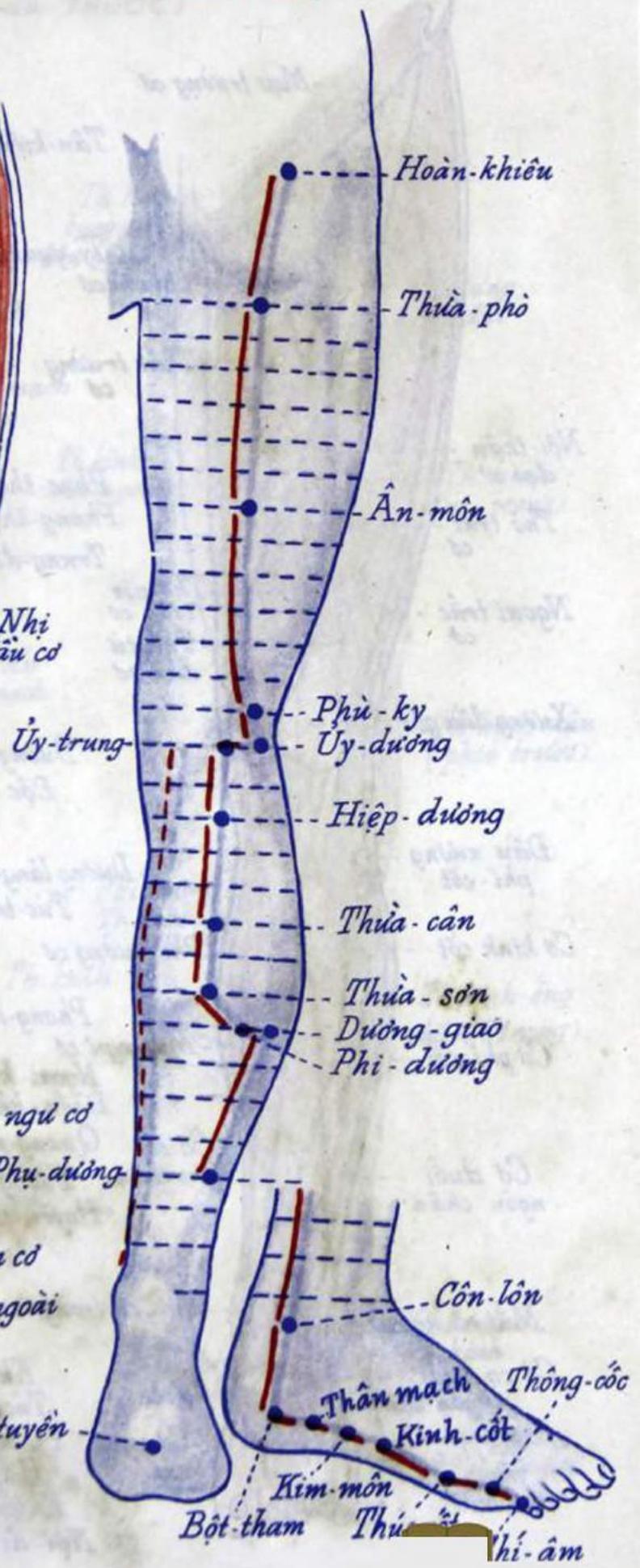
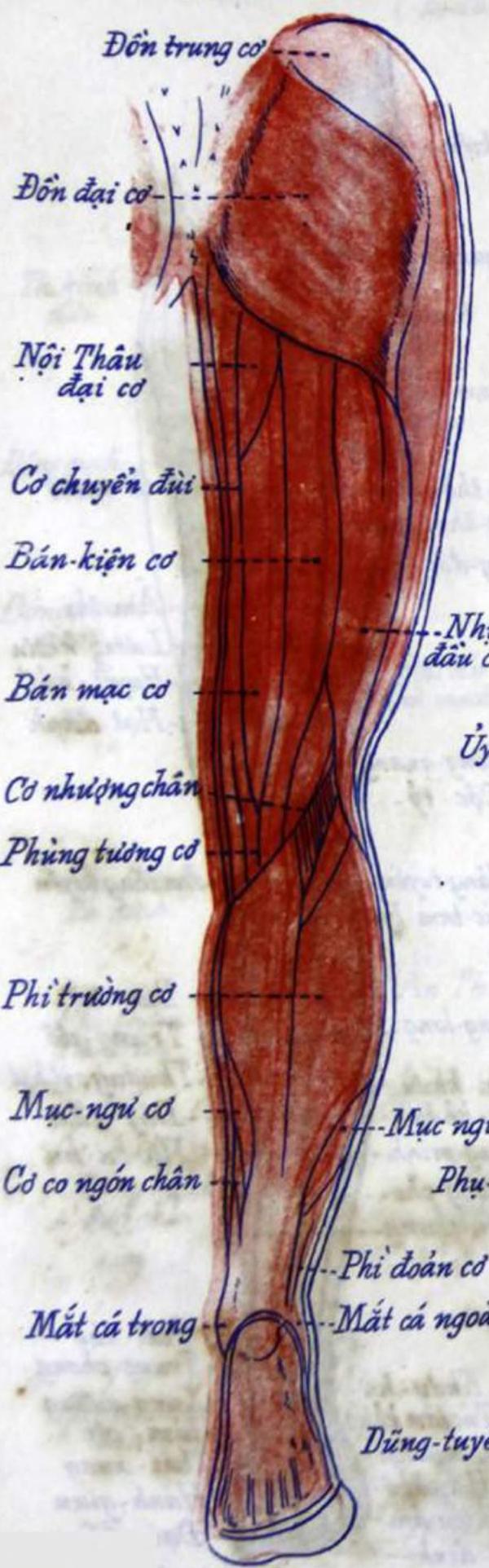
CƠ, NHỤC CHÂN BA TUYẾN KINH HUYỆT CHÂN

(PHÍA TRƯỚC)



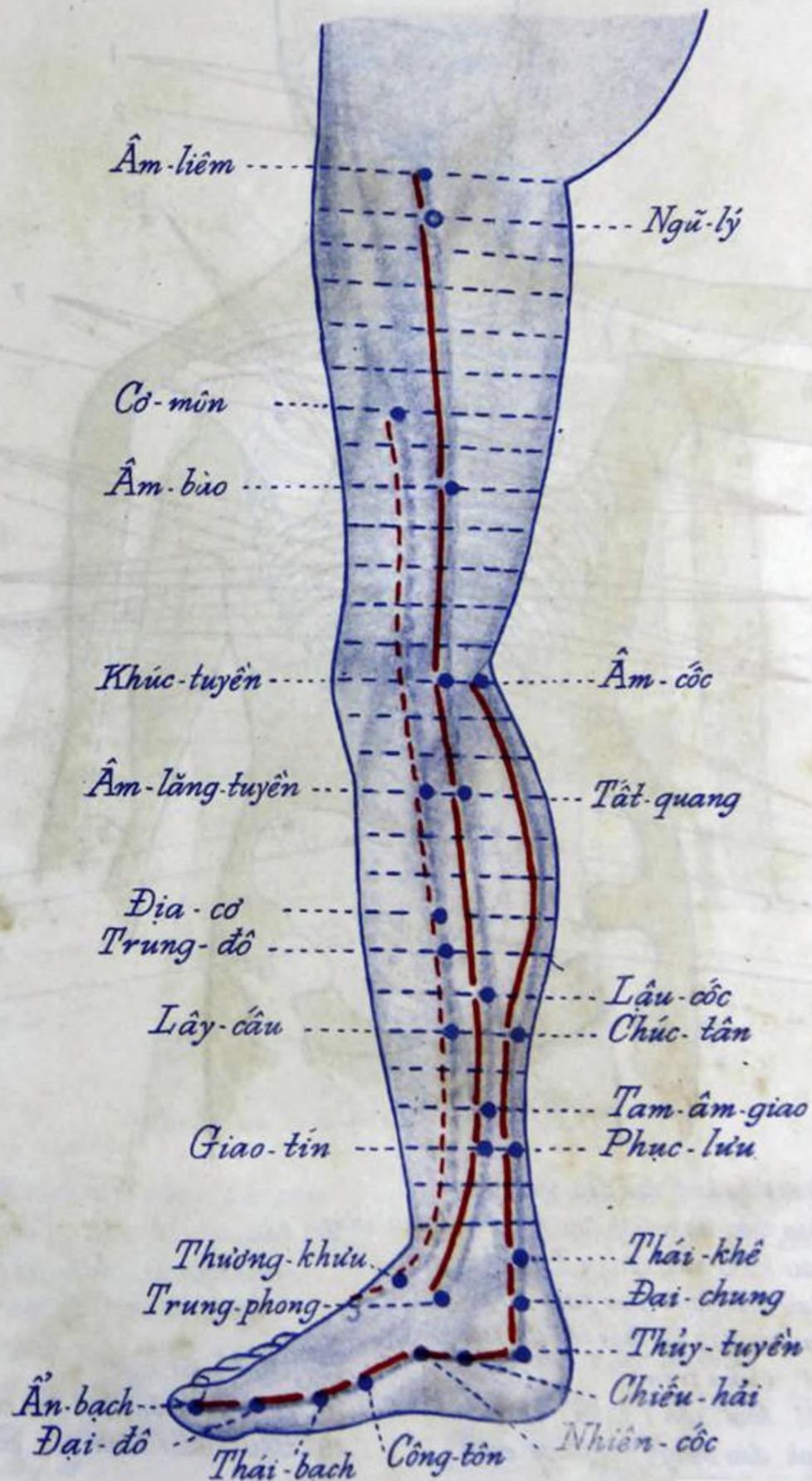
CƠ, NHỤC CHÂN TUYẾN KINH HUYỆT CHÂN

(PHÍA SAU)

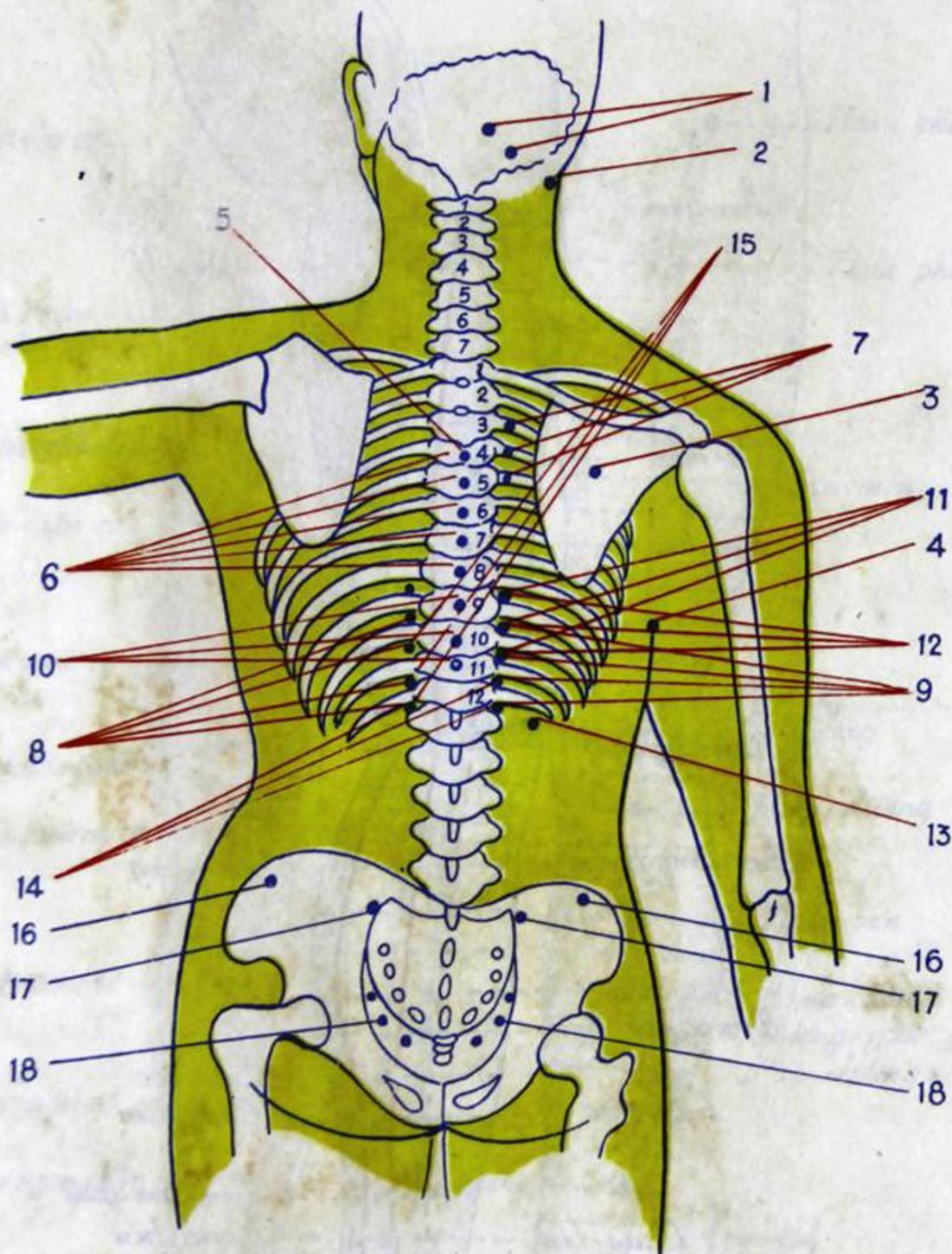


TUYẾN KINH HUYỆT ỐNG CHÂN

(PHÍA TRONG)

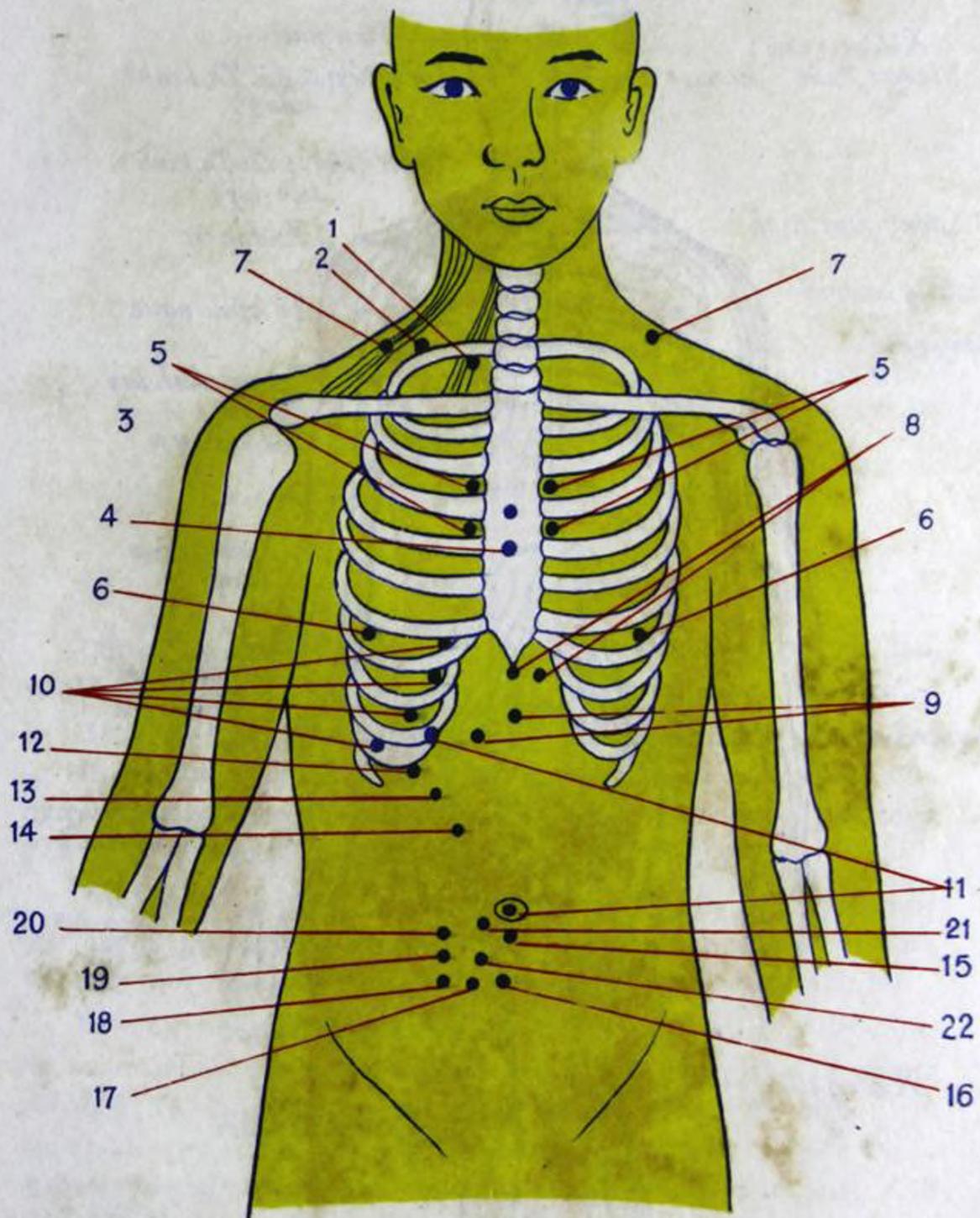


BÌNH TẬT ỨNG HIỆN CÁC ĐIỂM ĐÈ ĐAU PHÍA SAU LƯNG



- 1,2. Đau thần kinh sau đầu, sau cổ'
- 3,4. Đau thần kinh cánh tay, khớp vai, ngực sưng.
- 5. Đau khớp sống lưng (Tích chày)
- 6,7. Đau thần kinh gian sườn, Bình tim.
- 8. Đau dạ dày và thập nhị chỉ trường lở.
- 9,10,11. (nhũ trên)
- 13,14,15. Mật sạn (Đóm-thạch)
- 17. Kinh, đau bụng; tuyến dạ dưới
- 12. Bình cuôn mặt.
- 16. Đau chổ thần kinh toạ cốt.
- 18. Đau thần kinh toạ cốt .

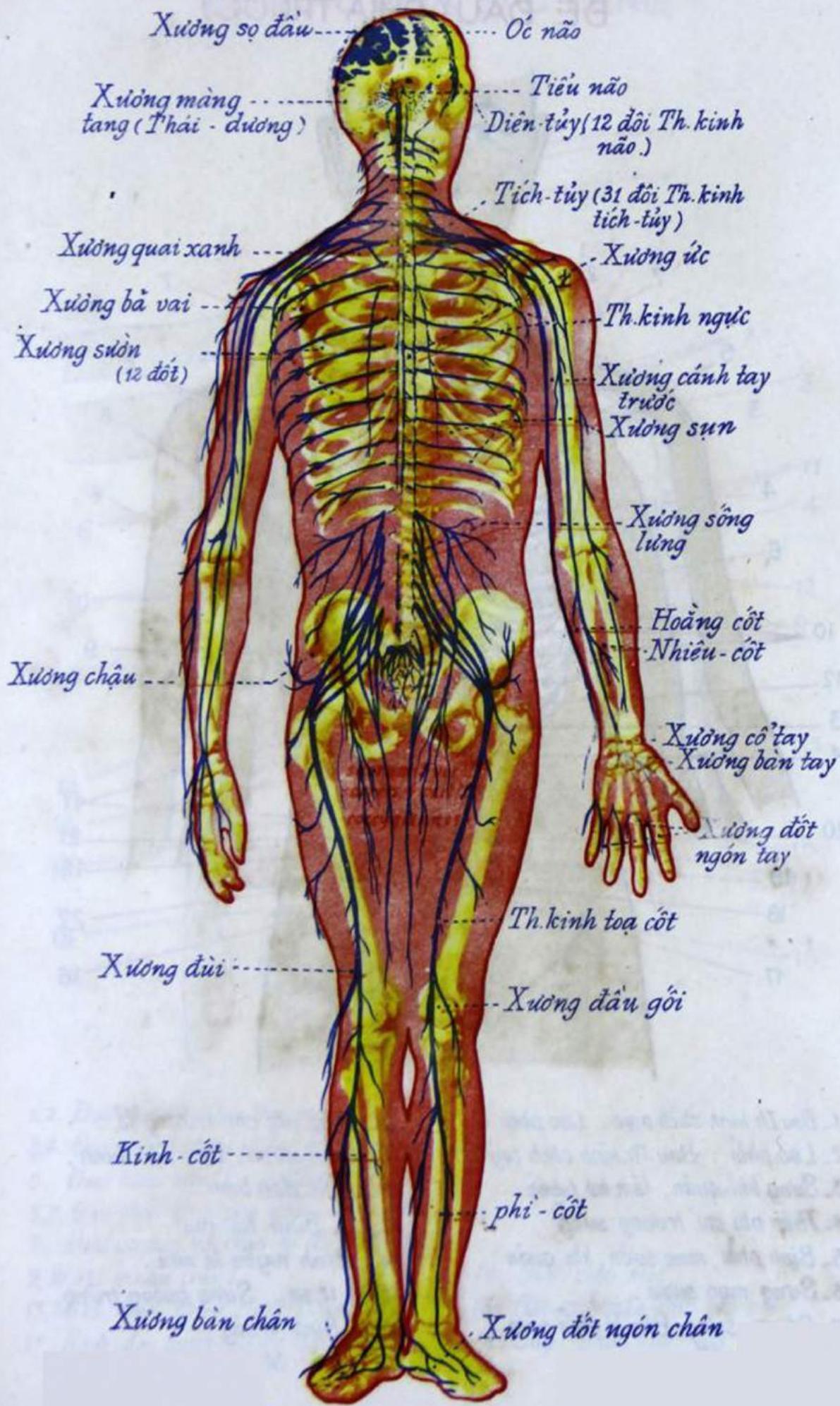
BÌNH TẬT ỨNG HIỆN CÁC ĐIỂM ĐÈ ĐAU (PHÍA TRƯỚC)



1. Đau Th.kinh cách mạc . Lao phổi
2. Lao phổi ; Đau Th.kinh cánh tay
3. Sưng khí-quản , lâm ba tuyến
4. Thập nhị chi' trường sưng
5. Bình phổi , mạn sườn , khí-quản
6. Sưng mạn sườn .
7. Cơ vai sưng ; Đau lá phổi nám
8. Dạ dày lở .

9. Thập nhị chi' trường lở .
10. Gian sườn , Đởm đao bình .
11. Đởm đao bình .
- 12,13. Bình túi mạt .
- 14 - Bình tuyễn lá miá .
- 15, 16, 17, 18 - Sưng buồng trứng .
- 19 - Bình trung .
- 20, 21, 22 - Mạnh-trường sưng .

BỘ XƯƠNG, NÃO TÚY VÀ THẦN KINH



CHƯƠNG I.

I.— NGUYỄN TẮC CHẨN ĐOÁN BÌNH CỦA MỘT Y SĨ CHÂM-Y.

Châm-Cứu trị bệnh phải cần xét đoán bệnh chứng thật chu đáo, vì nhận định đúng bệnh mới có thể trị chắc chắn công hiệu được.

Xét đoán bệnh chứng theo Đông-y không phải chỉ căn cứ vào sự tổn thương của một cơ quan nội-tạng trong cơ thể, dễ tìm hiểu nguyên nhân bệnh chứng, mà còn tìm hiểu sự liên quan của tạng phủ trong hệ thống Thần-kinh theo khí hoá Âm Dương.

Tìm nguyên nhân phát sinh bệnh cần căn cứ vào sự suy yếu hay quá dư dật của nguồn sinh lực cơ quan nội tạng, tìm hiểu sự biến thái của tạng phủ bị rối loạn làm tổn thương phát sinh bệnh tật.

Vì cùng một hình chứng nhưng đối với người cơ thể khoẻ mạnh thì khác mà đối với người cơ thể gầy ốm thì khác, vì như chứng mất ngủ có chứng do sự suy yếu phát sinh (Hư), có chứng bạo bệnh phát sinh (Thiệt). Chứng Táo-bón có chứng do sự thiếu Dinh-dưỡng thiểu huyệt phát sinh (Hư), có chứng vì bị kết tụ phát sinh (Thiệt).v.v.

Như thế trị bệnh cần phải xét kỹ bệnh chứng, tuy từng bệnh nhơn xét về hơi thở, thanh Âm, thè chát, sinh hoạt, để căn cứ vào thè bình và thè chát của bệnh nhơn mà tìm nguyên nhudson để có thể đặc phương pháp trị liệu.

Nhất là về Châm cứu trị áp dụng thử pháp Bổ, Tả, nếu không nắm vững bệnh trạng Hư, Thiệt thì không thể nào thi thuật chính xác được.

Theo Đông-y muốn chẩn đoán chắc chắn phải nắm vững những nguyên tắc căn bản sau đây:

A.— Vọng, Văn, Vấn, Thiết.

B.— Hàng, Nhiệt, Hư, Thiết, Biểu, Lý, Âm Dương, Chơn, Giả.

A.— Vọng, văn, vấn, thiết.

Đông-y xem mạch đoán bệnh đặc ra 4 pháp chính là Vọng, Văn, Vấn, Thiết. Nghĩa là: 1) Vọng là xem hình sắc, 2) Văn là nghe âm thanh, 3) Vấn là hỏi bệnh tình, 4) Thiết là chẩn đoán 6 bộ mạch, 4 yếu điểm ấy không thể thiếu một, nhưng Vọng và Vấn là rất cần thiết, vì nghe âm thanh để xét giọng nói lớn nhỏ, để định hư, thiết, chẩn mạch để xét mạch omissive (phù) hay chèm (trầm) để định bằng, nhiệt (lạnh, nóng) yếu (nhược), hay thạnh (hồng, khỏe) để định hư, ngoài ra thì dưới ngón tay án mạch cũng khó hiểu gì hơn được nữa (về Mạch lý không thể giải được trong phạm vi quyển sách này, sẽ giải sau về MẠCH-LÝ ĐÔNG-Y riêng), nên khi làm sàn trị bệnh nhều người lại cho là chỉ căn cứ ở mạch mà định chứng không nhận đủ cả các pháp xem bệnh xưa thi thiết là không thành thật.

Và cần hỏi cho thật kỹ nguyên nhân duyên cớ phát bệnh thì mới biết được nguồn gốc của bệnh từ trước và hỏi cho thật kỹ căn trạng thì mới biết được căn bệnh sân cạn lâu mao (cấp, mang tánh). Hai với cách xem sắc của mỗi bộ vị, xem sắc của môi, lưỡi, đại tiểu tiện, như thế có thể hiểu được 8,9 phần (xem sự quan hệ của tạng phủ đối với sắc, mùi, vị), sau mới chẩn mạch để tham hiệp quyết định; và còn phải giờ xem chỗ đau (đá chấn) trên cơ thể để tìm hiểu bộ phận bị bệnh; vì cơ quan nội tạng bị bệnh thường thể hiện những điểm đau (xem đồ hình 20).

Vậy khi làm sàn trị bệnh một châm y không thể bỏ qua những nguyên tắc này.

B.— Hàng, Nhiệt, Hư, Thiết, Biểu, Lý, Âm Dương, Chơn, Giả.

Vọng, Văn, Vấn, Thiết để xem hình thể bệnh ống thè biến trên, dưới, tà bửu, tại cơ nhục bì phu huyết mạch cản cốt kinh lạc tạng phu cần phải phân định bệnh chứng thuộc lạnh hay nóng, hư hay thiết, trong hay ngoài, thuộc Âm hay Dương.

L.— Hàng nhiệt tức kiểm tra thè chất bệnh thuộc lạnh hay nóng.

Lạnh Bình lạnh thì sợ gió, ra mồ hôi ướt đầm, uống nước nóng, hoặc không khát nước, thường hiện chứng tay lạnh, người mệt mè, ưa nhâm mát, mắt lờ đờ, ăn ít tiêu hoặc táo lỏng, mũi miệng thở hơi lạnh, hơi thở yên, mặt sắc mệt hay trắng bạc, hoặc đen, nước tiểu trắng. Lạnh thuộc loại Âm, hoặc trong lạnh hoặc ngoài lạnh, Lạnh phần nhiều tốn độc chứng Hư.

Nóng : Thường sợ nóng, ưa đầm mát, ưa uống lạnh, thường hiện chứng tay chân ấm, hoặc nóng, tiếng nói ò è, người bay lay động, hòn mê nói xàm, mặt mệt đỏ, miệng môi khô nứt, nước tiểu đầm, hoặc vàng, gắt. Đại tiện bí, táo.

Nóng thuộc loại Dương, hoặc trong nóng hoặc ngoài nóng. Nóng phần nhiều thuộc chứng Thiệt,

2. — Hư, Thiệt : Xem tánh chất bệnh (theo xưa là khí thanh là thiệt, chánh khí bạc là Hư). Vậy tà túc là Độc bệnh, vi trùng bệnh, sự diễn tiến của bệnh lý. Chánh là khí lực túc sự hoạt động của các bộ phận Tuần hoàn, Hô hấp, Tiêu hóa, Bài tiết, Thần kinh nghĩa là xem kháng lực của cơ thể (sức đề kháng).

Thiệt : thường hiện chứng nóng sốt, ướt kết, Thần khí phiền táo không an, nói xàm, phát cuồng, ngực bung đầy trường đau, hoặc có tích khối, tiêu tiện đầm, lưỡi vàng, hoặc đóng cẩn dày trắng, mạch nhảy mạnh (lồng đại hưu lực).

Hư : thường hiện chứng tay chân hơi hầm, hơi lạnh, ra mồ hôi (trạng, thanh trạng), thần khí mệt mè, ít nói, tiếng nhõ, mặt sắc mệt, nước tiểu nhiều, leng mồi đau hoặc có di tinh, bình thè gày yếu, hơi thở mệt, hoặc có đàm máu, có khi làm nóng cơ (triệu nhiệt), mạch nhảy nhõ yếu (Hư té vô lực).

3. — Biến lý : túc vị trí của bệnh trong hay ngoài.

Bên : Ngoài. Bệnh thuộc cấp tánh, mới phát mới nhiễm, thường ướt lạnh phát sốt đầu đau cổ cứng, xương cốt r้าu đau, không mồ hôi hoặc có mồ hôi ít, bệnh ướt không giải được, mạch nhảy man biến ở trên (phù sát, phù buồm).

Lý : Trong, bệnh tình diễn tiến đã vào trong, đã lâu, túc đã vào thân kinh lại lạng phu, bệnh bên trong thuộc bộ phận tuần hoàn, Hô-hấp, bài-tiết, tiêu-hóa v.v, thường phát nóng phiền táo, khát nước, hay có ợ mửa, tiện bí hoặc táo lỏng, tiêu tiện gắt đầm, sốt cao độ nội xâm, mạch nhảy man ở phần dưới (trầm sát trầm hươn)

4.— Âm Dương. Tất cả biến tượng trên đây như ~~biểu~~ ~~biểu~~ nóng, chứng thiệt, & ngoài biểu là thuộc Dương.

Bệnh thuộc lạnh, chứng hư, đã lão, bệnh vào bên trong lý là thuộc Âm,

Nhưng đoán bệnh lại còn cần phải phân biệt chia Giả mới khỏi làm lão, vì hàng nhiệt có giả hàng, giả nhiệt.

Giả hàng là lạnh ở ngoài mà nóng ở trong, tuy lạnh nhiều mà không ưa nước nóng. Giả nhiệt là ở ngoài nóng mà lạnh ở trong, tuy nóng nhiều mà không thích uống nước lạnh (đó là so sánh đại khái).

Giả thiệt là bệnh thể dữ mà thần khí hư suy, mạch nỗi mà tản dứt đoạn.

Giả hư là bệnh thể trầm trồ suy yếu hư mà thần khí còn mạnh, mạch tuy nhỏ mà chắc chắn.

Lại còn có người hư mà chứng thiệt, người thiệt mà chứng hư.

Như người suy yếu mới cảm nhiễm hoặc mới bị thương đó là người hư chứng thiệt.

Người mạnh cường tráng mà bị lao lực, mất huyết, đó là người thực chứng hư.

Vậy một y sĩ dùng thuốc trị phải cần nhận định rõ bệnh để dùng thuốc cho thích hợp, một Châm-y cũng rất cần đoán chắc bệnh để đổi chứng áp dụng thủ pháp Bò Tả.

Tóm lại khi làm sẵn trị bệnh cần kiểm tra thể bệnh và sự hoạt động của người bệnh như mạnh, suy, nhiệt độ cao hay thấp, tình hình sung huyết hay bần huyết, bệnh thuộc cấp tánh hay mang tánh theo các tiêu chuẩn sau đây :

1.— Xem cụ thể bệnh thuộc tánh gì (lạnh, nóng, cấp tánh hay mang tánh (xem tánh chất)).

2.— Bệnh tình táo thối, thạnh suy, chia giã (xem bệnh tình).

3.— Cơ thể suy yếu hay cường tráng (tánh chất bệnh nhân).

Tất cả phương pháp trên đây là nguyên tắc cương yếu để đoán bệnh tình áp dụng liệu pháp người trị bệnh không thể thiếu sót trong nghệ thuật được (xem đồ án dưới làm tiêu chuẩn).

Vậy chẩn đoán bệnh về Hàng nhiệt Hư thiệt phân định theo án biểu sau đây để làm sẵn trị bệnh tiên xét đoán,

A. – Hàng – Nhiệt

Chứng trạng	Hàng	Nhiệt
Sắc mặt	Sắc trắng bạc, sắc mét hoặc thâm hoặc đen	Sắc mặt đỏ (Thié) hoặc mă hơi hồng (Hư)
Thè, ớn	Sợ gió tay chân lạnh, nhiệt độ thấp, ưa nóng.	Sợ nóng nhiệt độ cao, tay chân nóng ưa lạnh, bén mè, nói xàm
Ăn uống	Miệng không khát, hoặc có khát mà uống ít, ưa uống nóng, ăn ít tiêu	Miệng môi nước, quá khát, uống nước nhiều, ăn uống ưa đồ lạnh.
Ho, đàm	Ho thường tiếng thanh, đàm sắc trắng, thò yếu	Ho nặng tiếng, đàm đờ, rõ hoặc vàng
Đại tiện	Thường lỏng không thành hình, chồ giang mòn lạnh	Đại tiện bí kiết, hoặc lâm tả lý, sắc vàng, đờ, chồ giang mòn nóng
Tiêu tiêu	Nước tiêu thường trong và nhiều	Nước tiêu đờ, vàng ít gắt hoặc tiêu đau
Kinh nguyệt Bụng ; dạ dày	Sắc thường lợt Trong bụng thường lạnh ưa nóng	Sắc đờ, hoặc bầm Trong bụng thường nóng ưa lạnh
Sắc lưỡi	Lưỡi trong trắng nhuộn	Lưỡi đờ, có tưa vàng hoặc khô rát
Chân mạch	Mạch tri (mạch nhảy chậm)	Mạch sát, (mạch nhảy mau).

B.— Hư — Thiệt.

Chứng trạng	Hư	Th thiệt
Hình trạng	Thân thể suy nhược, sức yếu, mè mệt	Thân người trắng kiện có sức, phiền táo không an
Sắc mặt	Mặt sắc mệt	Mặt, mắt đỏ.
Thè ôn	Nhiệt độ thấp, tay chân lạnh hoặc thường sau trưa hực nóng, triều nhiệt	Nhiệt độ cao. Nóng sốt nói xàm.
Tri giác	Đau đớn ưa đè, hoặc té ngửa, cơ nhục hư thoát	Đau nhức, đè càng đau co nhục sưng thịnh, khẩn trương.
Hô hấp	Thở yếu, thiếu hơi, thở mệt	Hơi thở mạnh thường chồ ngực đầy đau.
Ăn uống	Ăn uống giảm, ăn khó tiêu	Ăn được dễ tiêu mà phát sốt hoặc đầy.
Đại tiện	Tả lỏng, đồ ăn không tiêu	Tiện bí hoặc làm tả lý phản vàng giang môn đau
Tiểu tiện	Tiểu nhiều, thắt cầm hoặc đi tinh	Tiểu ít gắt, hoặc đau.
Mồ hôi	Nhiều mồ hôi, mồ hôi trộm (tự hang, thạnh hạng)	Ít mồ hôi, phát sốt mà Mồ hôi bị bé.
Kinh nguyệt	Kinh sắc đậm, sau khi có kinh đau bụng	Kinh sắc thâm thâm, trước Kinh đau bụng.
Ghè (Xaog Dương)	Không đỏ không sưng Không nóng, không cứng Không đau nhức lâm hay chảy nước.	Đỏ Sưng, Cứng, Nóng, Đau nhức kịch.
Bụng, dạ dày	Bụng mềm, đè dễ chịu hoặc thường vị bị hơi đầy khi tăng khi giảm	Bụng trương đầy, Đè càng đau kịch, hoặc có tích khí
Lưỡi	Lưỡi sắc đậm hoặc có đốm đen	Lưỡi sắc thâm đầy, tua vàng Vị giác giảm.
Chân mạch	Mạch Hư, nhảy nhò yếu (tê vô lực).	Mạch thiệt, có lực nhảy mạnh (Hồng đại hữu lực)

Bí chú : Về Biểu lý Âm dương nên phân biệt trên đây mà phân định.

II.— PHƯƠNG-THỨC TRỊ-LỆU

Châm-cứu trị bệnh, mỗi kinh huyệt đều có công dụng về chủ trị bệnh tật tại cuộc bộ, đồng thời chủ trị bộ phận phụ cận hay phản-xạ.

Những kinh huyệt ở bộ phận đầu mặt chủ trị ở đầu và phụ cận. Các huyệt ở ngực chủ trị ở ngực. Các huyệt ở bụng chủ trị bệnh tật ở bụng. Các huyệt ở tay chân chủ trị bệnh ở tay chân và có thể trị các bệnh ở đầu mặt và toàn thân, nội tạng. Những huyệt ở lưng chủ trị các bệnh toàn thân và nội tạng. Châm cứu trị còn cần phải hiểu rõ 14 kinh mạch huyệt nào thuộc kinh nào (sách trước đã có nói) để biết bộ phận nào bị bệnh tùy kinh dụng huyệt như Tâm tạng bệnh thì dùng huyệt kinh Thủ Thiếu Âm Tâm kinh, Vị bệnh dùng huyệt kinh Túc dương Minh vị kinh v.v..

Về phần kinh mạch chủ trị : Bệnh chứng phân định sau đây :

1.— Thủ Thái-Âm Phế kinh chủ trị các bệnh : Ho, Suyễn, Đau ngực, Đau vai, Tay, Yết-bầu, phát-sốt, hoặc lạnh, Tâm phiền.

2.— Thủ-Dương Minh Đại-trường chủ trị các bệnh Đau răng, Hầm, Loa-lịch, Vai Tay, Tê mỏi, Đau mắt, Chảy máu cam, Nghẹt mũi chảy nước, Đau ruột và Bán thân bất toại.

3.— Túc-Dương-Minh Vị-kinh chủ trị các bệnh Chảy máu cam, miệng mỏi sah ghê, Khàn nhàn hoa là, cò Hầu đau, Phúc trường, ruột đau, Tả-ly, Bệnh ngũ-quang, đau Vũ, ít sữa, Bệnh sốt rét. Sốt cao độ, Cuồn loạn, Cảm khâu, Đau dạ-dày, Đàn bà Kinh nguyệt không điều.

4.— Túc Thái-Âm Tỳ Kinh chủ trị các bệnh Ọc sữa, Ọ hơi, Ngực Hồng đau, Bụng trường, Đau Dạ-dày (Tâm phúc thống), tiết-tả, Huỳnh đản, Đại tiêu tiện không thông Chân gối sưng, lạnh đau, Trùng tích, Đàn bà Kinh nhiều, Đái-hạ, Kinh không điều.

5.— Thủ Thiếu-Âm Tâm Kinh chủ trị các bệnh Miệng khát cò khô, Đau tim, Hồng ngực đau, Biên gián, Tim đập bồi Lộp sơ sét, tay chân đau phát sốt.

6.— Thủ Thái-Dương tiêu trường kinh chủ trị, Tai ủ điếc, Bệnh mắt, Hầu đau, Sưng má, Cò cứng, Vai đau tê, Cảnh tay đau, Biên, gián.

7.— Túc Thái-dương Bàng-qiang kinh chủ trị các bệnh Chảy nước mắt, Mắt không thấy rõ, Nhức đầu xoay xombok, Ho, Lao phổi, Tiết tả, Di-tinh, Di-niệu, Đái-hạ, Thận suy, Lưng đau, Bệnh Trì, Khuỷc Khi Sốt-rét, Biên-gián, Hoành-đản, Chân đau tê nhức.

8.- Túc Thiếu-Âm Thận kinh chủ trị ; Sắc mặt khói đen, Đầu xoay mắt hoa, Tâm thần không an, Mất ngủ, Bình Dương-nuy, Khi su-ën, Xán khí, Di tinh, Di niệu, Tử cung hạ truy, Lâm lậu, Hung ngực đầy đau, Dạ dày đau trọc, Đàn bà băng lậu không con.

9.- Thủ Khuyết-Âm Tâm Bào-lạc chủ trị các bệnh Hong ngực đầy trương, Đau tim, Tim phiền (các bệnh Tim), Tâm thần không an, Biến giản, sốt-rét, Ho ngbiêch, Đau Dạ-dày.

10.- Thủ Thiếu Dương Tam tiêu chủ trị các bệnh Tai ứ điết, Nhức đầu, Cò đau, Đau mắt, Lở-lịch, Vai tay đau, khớp xương tay đau, Thần kinh mặt tê, các chứng Biến giản.

11.- Túc Thiếu-đương Đởm kinh chủ trị các bệnh Ngũ quang, miệng mèo mắt xếch, Nhủ nga, Loa lịch, Nách sưng, Hồng đau, Gián gối đau tê, Bán thân bắt toại, Khước khí, phong thấp, phát nhiệt ố hàng.

12.- Túc khuyết-Âm Can kinh chủ trị các bệnh đau lưng, Xán khí, Ngực đầy thở nghịch, Thủy tả, Di niệu, tiêu tiện không thông, Lâm lậu, chân tê đau, Đàn bà kinh ra nhiều, Tử cung trệ, Bình bộ phản sinh thực khí.

13.- Nhâm mạch chủ trị, các bệnh Xán khí, Xích bạch dài, kinh nguyệt không đều, Tiêu tiện không thông, Tử cung trệ, ầu thở không an, Đau dạ dày, Dạ dày trệ.

14.- Đốc mạch chủ trị các bệnh Đau lưng cò đơ, Dốc cung phản trương (uốn ván), Bình trĩ thoát giang. Trẻ con kinh phong, Nhức đầu xoay xầm.

Trên đây là phần chủ trị của từng kinh mạch, khi xử dụng trị bệnh nên biết rõ để nhận định tác dụng chủ trị. Khi trị bệnh lại còn dùng những huyệt chủ yếu và huyệt thứ yếu, vì bệnh thường gặp rất pharc tạp, không thể chỉ đơn thuần 1 kinh tạng bị bệnh, mà phải nhận định thể bệnh với sự liên quan của tạng phủ nào hay kinh lạc nào để quyết đoán phương thức trị liệu.

Khi làm san tri bệnh, một Y-sĩ châm y luôn luôn cần xét đoán cho đúng mới bão dám tri liệu (nguyên tắc trên đã nêu rõ) đó là điều cốt yếu để áp dụng phương thức trị liệu, nhưng có khi tai sao đã đoán đúng bệnh dùng huyệt trị đúng mà không công hiệu.

Vậy phương thức tri liệu khi áp dụng thủ pháp có những nguyên nhân dưới đây làm cho châm-y không thấu được kế quả :

- 1) Chẩn đoán nhận định không đúng Bình.
- 2) Chẩn đoán đúng bệnh áp dụng đúng huyệt nhưng ăn ra đúng vị trí huyệt.
- 3) Ăn đúng vị trí huyệt mà thủ thuật không đúng, như : a) không đúng độ, không đúng phân lượng.
- 4) Như đúng độ đúng phân lượng nhưng châm thuốc không a) cho thần kinh kích thích đến bệnh sở (cảm giác tê nóng, đau khi bình, xem phần bí quyết châm thuốc.)
- 5) Châm đạt đến bệnh sở nhưng không đúng phương thức bồ tát. (Xem phần bồ tát).

Vậy trị bệnh muỗn đạt được mục đích cần phải áp dụng theo 2 phương thức căn bản sau đây :

- I) Ăn bệnh thủ huyệt.
- II) Ăn bệnh trị liệu.
 - I) Ăn bệnh thủ huyệt : theo 3 tiêu chuẩn :
 - 1) Cuộc bộ thủ huyệt :
 - a) Trực tiếp tại bộ phận bị bệnh, như đau mắt dùng huyệt Tinh-minh, Đau lưng dùng huyệt Thận-du, Đau khớp xương dùng các huyệt tại bộ phận khớp xương.
 - b) Phu cận thủ huyệt tức dùng huyệt xung quanh bộ phận bị bệnh như Đau mắt dùng huyệt Dương-bach, Thái-dương, Đau ngực dùng huyệt Trung-phủ, Cự Khuyết. Cơ nhục chân (phì trường cơ) có thể dùng huyệt Ủy-trung, Côn-Lộn v. v.
 - c) Đối chứng thủ huyệt tức không trực tiếp châm cứu các huyệt tại bộ phận bị bệnh mà dùng huyệt đối chứng như đau ngực, ho dùng huyệt Phế-du, đau Dạ-dày dùng huyệt Vị-du.
 - 2) Tuần Kinh thủ huyệt :
 - a) Bồn kinh thủ huyệt tùy bệnh tại kinh nào mà áp dụng huyệt như Tâm-tạng bệnh dùng huyệt Tâm kinh Nội-quang.
 - b) Đối trắc thủ huyệt : Như tai bên trái đau ử châm huyệt Trung-xung bên mặt, Răng bên trái đau châm huyệt Hiệp cốc bên mặt, tay chân 1 bên té bại châm các huyệt tay chân bên mạnh.
 - 3) Kinh huyệt phổi hợp.

a) Tả hưu tương phổi : Hai bên tả hưu đồng thời đều dùng như nhức đầu dùng cả 2 huyệt Thái-dương. Đầu Dá-dày dùng cả 2 huyệt Túc-tam-lý.

b) Tiễn hậu tương phổi : Tại cuộc bộ hịnh dùng huyệt 1 trước 1 sau phổi hợp như Nghẹt mũi dùng huyệt Nghinh-hương phổi hợp với huyệt Phong-tri. Tiễn bị dùng huyệt Thiên-xu phổi hợp với huyệt Đại-trường-du.

c) Âm-dương tương phổi tức phổi hợp Âm kinh và Dương kinh như Túc tam lý phổi hợp Tam Âm giao trị bình tiêu hóa bất lương (Ăn không tiêu). Hiệp-cốc phổi hợp với Liệt-khuyết trị cảm mao.

d) Viền cận tương phổi tức dùng huyệt ở gần và huyệt ở xa phổi hợp như các huyệt Thiên-dot phổi hợp với Hiệp-cốc trị Suyễn súc, Trung-uyễn phổi hợp với Túc-tam-lý trị bình đau Dá dày.

d) Thượng hạ tương phổi tức phổi hợp các huyệt ở tay và ở chân như Nối-quang phổi hợp Công tòn trị bình đau Da dày. Chi-cầu phổi hợp với Cai-đại-tri kiện hỉ, Khúc-tri hợp với Túc tam lý trị giải nhiệt. Thần môn hợp Tam Âm giao trị bình mất ngủ, Hiệp-cốc hợp với Phục lưu Chỉ hưng và phát hưng. v. v.

Đây là Phương thức căn bản Ân bình thủ huyệt (Châm cứu, Thực hành trước cũng có giải) nhưng sau này còn phải nắm toàn diện phần sau sẽ nói rõ Phổi hợp thành phương, Bối du, Mô bu-ết phổi hợp, Ngủ huyệt thuộc ngũ hành sanh khắc nguyên lạc phổi hợp, Kỳ kinh thượng hạ phổi hợp v. v.

II. — Ân bình trị liệu :

Tổn pháp châm cứu phải hiểu rõ về thuật pháp thích ứng với bệnh tình chẩn đoán về B.đu lỵ, Hư nhiệt, Hàng nhiệt phân định sau đây :

1.— Về biểu chứng, nên châm cạn hoặc ít cứu, phân biều nhiệt châm cạn, biều hàng châm sâu, lưu kim.

2.— Lỵ chứng châm sâu, phân lý nhiệt dùng tâ pháp cầm cứu, lý hàng dùng bò pháp già cứu.

3. – Hư chứng phân, Hư hàng châm ít cứu nhiều dùng Bò pháp, Hư nhiệt châm nhiều ít cứu dùng tâ pháp.

4. - Thịt chứng phân biều thịt châm cạn tâ pháp ít cứu, lý nhiệt châm sâu tâ pháp ít cứu.

5.— Hàng chừng châm sâu, lưa kim dùng bồ pháp già cùu.

6.— Nhiệt chừng châm cạn không cùu dùng lá pháp hoặc châm ra máu.

Vậy trên đây 2 phương thức trị liệu căn bản châm y phải hiểu rõ không thể thiếu sót được. Ngoài ra muốn đoạt được chắc chắn kết quả trị liệu còn cần phải hiểu rõ về châm pháp Bồ Tã và bí quyết châm thuật sau.

III.— LUẬN CHÂM PHÁP-BỒ, TÃ.

Phương thức Châm cứu Linh-Khu Kinh mạch có câu : Thạnh tắc tã chi, Hư tắc bồ chi, Nhiệt tắc tật chi, Hàng tắc lưu chi Hán bã tắc cùu chi, Bất thạnh bất hư vĩ Kinh thũ chi (diều hòa bình bô bình tã).

Châm cứu Thực hành trước tôi có nói rõ về châm Bồ Tã theo Nội-kinh, Nhưng hiện nay các sách đều biện luận nhiều về Bồ Tã.

Cứu đối với châm thì Cứu là Bồ châm là tã, đó là so sánh châm kích thích làm cho cơ năng tăng phu bớt cản trướng bức bách nên gọi là Tã, Cứu thường làm cho cơ năng tăng phu tăng thêm sức cơ thể, tăng sức đề kháng nên gọi là Bồ.

Nhưng châm lại có thủ pháp rất quan hệ vì khi áp dụng châm thuật có thể làm cho cơ năng tăng phu tăng cường hay giảm bớt.

Vậy Châm hoặc Cứu mục đích làm cho tăng phu tăng cường sức lực đều là Bồ mà với mục đích làm cho giảm bớt sự dư dật phát bệnh đều là Tã. Như thế Châm thuật Bồ Tã tức áp dụng thủ pháp tương phản với nhau.

Xưa các sách luận châm Bồ Tã thường theo các tiêu chuẩn sau đây :

1.— Châm thuận nghịch,

Châm thuận theo chiều Kinh và dùng huyệt thuận theo chiều Kinh, tức là làm cho sự kích thích thuận theo hướng lưu thông của kinh mạch tức là giúp cho sự hoạt động của tăng phu ấy tăng thêm huyệt lực, như thế là tiếp thêm sinh lực cho Kinh mạch tăng phu ấy tức là châm Bồ.

Châm Tã thì ngược lại, châm nghịch chiều kinh, dùng huyệt nghịch chiều làm cho sự hoạt động của Kinh mạch bị ngăn nghẽn

trở ngại được lưu lại và cung làm cho độc bình thoát khỏi bể tắc.

2.— Tát hời thở : (đã nói rõ ở quyền trước). Tát lợi dung hơi thở ra hit vào để giúp cho sự hoạt động của thần kinh làm tăng hay giàa.

3.— Tác dụng Hưng phần, Úc chẽ, Hưng phần tức Bồ, Úc chẽ tức Tả (cũng đã nói rõ ở quyền trước) cũng gọi là Từ-tật pháp.

4.— Môn tuần tức là Khai bể huyết (đã giải rõ sách trước)

5.— Xoay Kim bồ tả.

Theo châm cứu Kinh nghiệm của châm-sư Trần-lòn-Nhơn gào đây. Châm Bồ đối với Đàn ông con trai dùng ngón tay cái, cầm kim xoay ra trước (tả), Đàn bà con gái thì ngón cái cầm kim xoay ra sau (hữu). Châm tả thì trái lại tức: ĐSi với đàn ông thì ngón cái cầm kim xoay ra sau (hữu). Đàn bà con gái thì ngón cái cầm kim xoay ra trước (tả) Công cũng là Tả tức đẩy xoay vận kim (trước tác thuận). Tất cả những Y-án trị nghiệm của Trần-lòn-Nhơn trong sách này có ghi bồ, tả như là 3 lão, Bồ 3 lão v.v. đều theo thủ pháp này.

6.— Tử Mẫu pháp :

Trị bệnh nội tạng áp dụng kinh huyết của Tang phủ bị bệnh dung huyết Bồ tả va đổi với tang phủ liên hệ cũng áp dụng huyết bồ tả để có thể làm tăng cường hay giảm bớt cơ quan tang phủ liên hệ để điều chỉnh nội tạng. Nội kinh có câu Hư Bồ mẫu tức dùng Mẫu kinh, Mẫu huyết, và mẫu huyết bồn kinh. Thiết tả Tử, tức dùng Tử Kinh tử huyết và Tử huyết của bồn kinh. Thủ pháp này áp dụng theo Ngũ hành sanh khắc (xem giải phần ngũ hành sau).

7.— Lợi dụng hóa chất kim loại mà áp dụng bồ tả.

Hiện nay ở Âu châu Pháp dùng Kim vàng châm bồ. Kim bạc châm tả.

Dùng tánh chất kim thuộc lợi dụng hóa chất biến thè châm vào Thần kinh có tác dụng biến sanh hóa chất khác nhau như kim vàng sắc vàng đỏ thuộc dương tăng sinh lực, Kim bạc sắc trắng thuộc âm, âm tánh chẽ ngự. (Tài liệu Y án bình suyền của Bác-sĩ Lê COZE có giới thiệu sau).

Vậy đổi với các tiêu chuẩn trên đây chúng ta nhận thấy châm bồ tả xưa nay còn phức tạp chưa có nguyên tắc nhất định, nhưng phân tách từng loại thủ pháp thì châm kích thích Thần kinh đều có

tác dụng làm cho té hào. Thần kinh hoạt động nên Bồ Tá là cẩn cù vào sự biến đổi của thần kinh tăng giảm mà phân định. Khi làm sản trị bệnh chúng ta nhận thấy theo kinh nghiệm sau đây :

1/ Châm Thuận nghịch thì làm cho Thần kinh bị kích thích hoạt động theo chiều hướng như khi châm trở lên (mũi kim xoay trở lên) thì cảm nhận té rần chạy lên. Khi châm trở xuống thì cảm nhận té rần chạy trở xuống (Châm các huyết Túc tam-lý, Hiệp-cốc v.v... bệnh nhơn đều cảm nhận như thế cả). Áp dụng thủ thuật này trị bệnh tùy bộ phận trên dưới mà châm theo chiều điều có hiệu quả (xem bí quyết châm thuỷ').

2/ Tùy hơi thở ra hít vào ; thủ pháp này nếu gặp trường hợp bệnh nhơn hòn mè, hoặc suy kiệt và đối với trẻ con thì không thể bão bệnh nhơn làm theo được, hơn nữa đã có nhiều Châm cứu sú cho rằng vì trong phòng bệnh có thở ra hít vào làm cho bệnh nhơn dễ hít thêm vào các loại vi trùng bệnh, như thế không có lợi và cũng chưa thể cẩn cứ để áp dụng bồ tá.

3/ Tác dụng Hưng-phấn, Úc-chế cũng gọi là Tử tật pháp. Châm nhẹ, lần lần đầy kim vào sâu rồi rút kim ra để làm cho thần kinh bị kích thích tăng huyệt lực mạnh (Tử tần châm, tật xuất châm). Châm mạnh, lâu lán lán xoay vận kich thích rút lên hoặc kích thích thêm (tật tần châm từ xuất châm), nhận thấy bệnh nhơn giảm bớt đau nhức, bệnh thuộc viêm chứng thống chứng rất công hiệu. Nhưng cũng có khi cũng làm cho bệnh nhơn bị quá té, quá bị kích thích mà phát sinh phản ứng như thế hai thủ pháp này có tác dụng bồ tá.

4/ Khai, Bé, Ăn tại huyệt đê sau khi rút kim lên khỏi bị ra máu hoặc khỏi bị thông hơi. Không ăn tại huyệt có khi rút kim ra bị ra máu, thủ pháp này có tác dụng bồ tá, vì nếu châm bồ rút kim ra bị ra máu thường gấp phản ứng.

5/ Xoay kim bồ tá. Kinh nghiệm khi xoay kim tâ hữu kích thích thần kinh nhận thấy khi châm kim vào bệnh nhơn cảm nhận té rần như luân điện chạy, đê lâu thì hết, xoay dày lại thì té lại có khi quá xoay mạnh làm cho bị xoay xàm, như thế thủ pháp này rất công hiệu, nhưng xoay bồ tá cần phải đê ý xem xét bệnh nhơn kêu thường gấp phản ứng.

6/ Tử máu pháp. Theo luật ngũ hành sanh khắc đê hỗ trợ tương phối huyệt nhudson rất cần thiết cho bồ tá (xem ngũ hành sau)

7/ Dùng kim vàng châm bồ, kim bạc châm tâ, theo những tài liệu tham khảo Đông Tây gần đây châm-sư Trần-cu-Lâm Giảm-Đốc Trung-Y Học-viện Thượng-hải phối hợp Đông Tây áp dụng bồ từ dùng kim vàng châm nhẹ, châm rút khinh (khinh thích, Đơn thích) dè bồ, dùng kim bạc châm mạnh, lưu kim (trọng thích, trì châm) dè tâ như thế là áp dụng biến thể hóa chất của kim thuộ.

Vậy kinh nghiệm trong khi lâm sàn trị bệnh, chúng tôi nhận thấy phối hợp châm cứu bồ tâ rất công hiệu như :

Châm xong rồi cứa lúc tiên tâ hậu bồ, hoặc trước cứa sau châm tiên bồ hậu tâ. Châm bồ tâ áp dụng thủ thuật Hwang-phân Ăc chê, Từ-tật pháp.

Xoay kim tâ hữa Bình bồ bình tâ và tùy chứng áp dụng thủ thuật vừa xem bệnh nhơn dè ẩn định thủ pháp, xoay tâ, hữa hay lầu mau. (Theo kinh nghiệm thủ pháp y án Trần tồn nhơn).

Vậy phân định châm bồ tâ nguyên tắc sau đây : dè khi lâm sàn trị bệnh dè áp dụng.

Thủ pháp	Bô	Tả	Chủ trị
Hưng-phấn Úc-chế (Tử-Tật- pháp)	Châm nhẹ từ cạn vào sâu rút kim (Tử-tần, Tật-xuất) Dùng kim vàng đơn thich	Châm mạnh sâu Nhứt thiết các chứng Tạng xoay kích thích Phổ, Kinh lạc hàng nhiệt. rút kim lẩn lẩn (Tật-tần Tử-xuất) Kim bạc trí châm.	Nhứt thiết các chứng Tạng Phò chánh khu tà.
Khai, Bể	Rút kim đè án tại huyệt cảm ra máu (Đạo khí châm nhập.)	Rút kim không án huyệt, xoa xung quanah, hoặc ra máu (Đạo khí ngoại xuất)	Chủ trị như trên
Thuận Nghịch	Dùng huyệt và châm thuận chiều	Dùng huyệt và châm nghịch chiều.	Điều hòa Dinh Dưỡng, Lưu thông Kinh mạch, trị các chứng ứa trệ, khí huyết không điều Hoà, Đau nhức Tê mỏi.
Xoay Kim Tả Hữu	Châm vừa trung độ xoay kim nam tả nứ hữu	Châm vừa Trung độ xoay kim nam hữu, nứ tả	Tị tất cả các bệnh tật bất hư bất thiết, hoặc châm doán chưa rõ thiết hư. (bình bò bình tả)
Tử Mẫu Pháp	Dùng mẫu Kinh mẫu huyệt và mẫu huyệt bồn kinh	Dùng Tử Kinh, Tử huyệt và Tử huyệt bồn kinh	Trị về nội tạng Bình tật ngũ hành sanh khắc xuất hiện thiên lệch (Điều hòa Âm Dương.)

Chú ý : 1) Châm sâu cạn : các chứng ở ngoài Da, Bình Trẻ con
chứng thuộc biếu, nhiệt chứng nên châm CẤM.

Các chứng mang tánh Phong thấp, quan tiết cơ nhức sưng
nhức co dystal Hàng chứng bệnh Tình thần đều nên châm SÂU.

2) Châm thuận nghịch chiều đè đặt đến bệnh sở công hiệu hơn.

3) Thời gian. Các bệnh hàn mè, nhiệt bệnh, tại biếu nên châm
kim mau. Các chứng mang tánh, nhiệt tánh, nhiệt chứng thuộc
lý châm hơi lâu, lưu kim 1 chập,

Thuộc hàng chứng, mang tánh phong thấp, quan tiết cơ nhức
viêm, đau nhức, co dystal, đè kim lâu càng công hiệu.

IV. BÍ QUYẾT CHÂM THUẬT

Học châm cứu, khó nhứt về thủ pháp châm thuật, nhưng nhiều người quá bừa bãi cho là dễ, làm cản đường sai lạc sự huyền diệu của thuật pháp cũng có nhiều người sợ sệt không can đảm tòi thuật.

Vậy đây là 1 vấn đề khó khăn trong nghệ thuật, nhiều anh em học viên nhận thấy vị trí các huyệt khó tìm mà không chú ý đến thủ pháp. Vậy vị trí huyệt khó tìm đúng được nhưng có dò án, hình vẽ hoặc khi được đặc truyền có người chỉ dẫn cho mình nhưng khi thực hành phải cầu đo cho đúng v.v. như thế có thể án đúng huyệt (xem tiêu chuẩn án huyệt quyền trước) khỏi sợ sai lạc).

Thực hành khoa châm cứu, chúng ta phải nhẫn nại đặt vấn đề trị được bệnh mới bảo đảm nghệ thuật, nên chúng ta phải dè dặt cẩn thận.

Khi mới bắt đầu vào trị cho một bệnh nhơn, phải hỏi bệnh chứng lý mĩ để nhận định kinh lạc xử dụng đúng huyệt nào chính, huyệt nào phù, rồi định phương pháp thủ thuật hoặc châm như thế nào, hoặc cứu như thế nào, chỉ châm bay chỉ cứu, hoặc châm rồi cứu hay cứu rồi châm và huyệt nào cầm châm, cầm cứu v.v. Bay giờ mới thấy đồng thời của bệnh nhơn do án huyệt, làm dấu đúng vị trí rồi mới bắt đầu thi thuật. Cẩn thận được như thế mới bảo đảm được thủ pháp.

Bây giờ chúng ta không nên làm cản đường nữa, vì đây là bí quyết thuật pháp, vì có khi đã án đúng huyệt rồi mà vẫn trị không có kết quả, hay sai lạc di làm cho bệnh thay đổi hoặc phản ứng.

Có nhiều bạn cho là khó không thể áp dụng đúng được, tôi xin khuyên quý bạn nên cố gắng, nhẫn nại. Không nên có thái độ tầm thường cùa thả không quan tâm đến cứu bệnh, nếu được như vậy

thì nǎm ngay đưốc yếu tố thủ pháp không phải khó khăn không thực hành đưốc.

Tôi xin phò biến 1 bí quyết về châm thuật mà lâu nay nhiều người cho là khó khăn không giải rõ đưốc, có người làm trưởng đó là bí truyền nghệ thuật.

Vậy bí quyết châm thuật là thế nào châm đúng lầu kinh huyệt đạo?

Muốn châm đúng huyệt đào thì khi bắt đầu châm kim, luôn luôn lấy móng tay ăn tại huyệt hối hình nhọn có cảm giác tê không nếu có là đúng huyệt, nếu chưa sǔa lại cho đúng, bây giờ mới đោ mũi kim đúng độ châm dàv vào, phải hỏi bình nhơn có cảm giác tê không? Nếu eօ mới là đúng, nếu chưa hoặc như đau là không đúng, vạy khi chưa đúng thì nên nhẹ rút kim lên (nhờ dừng rút ra hết kim, vì khi rút ra hết rồi châm lại thì bình nhơn kinh sơ và đau đớn lắm, nghiên mũi kim qua trái, hay qua phải, hoặc lên trên hay nhích xuống dưới 1 ly, đẩy kim vào hỏi bình nhơn đã cảm giác tê là đúng, bây giờ đោ yên tại đó, dùng huyệt khác (trường hợp này nếu chưa thi vẫn đោ yên sau sẽ dùng thủ pháp tần châm hay trước lác cho bình nhơn cảm giác tê) chỉ trừ những người quá suy yếu và trẻ em không cảm nhận được. Nếu chỉ dùng 1 huyệt trị thi cũng nghĩ 1 tý rồi áp dụng thủ thuật bò lá xoay kim. Nhưng nhớ khi xoay kim cũng phải hỏi bình nhơn có cảm giác tê mới đúng (trường hợp này có khi châm vào thi tê, đោ yên thi hết, cũng có khi tê suốt cả, như vạy khi hết tê thi xoay lại cho tê, nhưng nên nhớ lúc này xoay dày kim phải hỏi và xem sắc mặt của bình nhơn kéo phản ứng xiềng xương châm, trường hợp này rất nhiều nên cần thận trọng.

Nhờ khi châm trị đúng huyệt có khi chỉ mới châm 1 huyệt một bên bình hết ngay không cần châm bên khác, như thế thi khi châm xong 1 bên tay hay bên chân bên trái hay bên phải (nhờ nam tả nữ hữu), áp dụng thủ pháp bò lá xoay xong rồi mới châm qua tay bên kia, các bộ phận ở lưng bụng có thể châm 1 bên hay 2 bên tùy chứng trạng xử dụng.

Nhưng tê như thế nào mới đúng?

Sau đây là những kinh nghiệm của các vị danh sư tôi xin phò biến một ít huyệt ở các bộ phận cảm ứng tê của huyệt đạo để nhận thấy sự huyền diệu của thuật pháp

Những bộ phận khi châm nhận thấy cảm giác tê đúng vị trí huyệt đạo trị bệnh:

Bộ phận ở đầu mặt :

Những huyệt : Thượng-tinh, Thần-dinh đúng vị trí thì châm cứu cảm giác tê nồng đến mũi, huyệt Thông-thiên châm đúng cũng tê rần đến mũi, Huyệt Bách-hội tê rần hay nồng bừng cả đầu, châm huyệt này hực nồng đến chân, Huyệt Đầu-duy châm Tê đến cả sau đầu v.v...

Vì vậy nên khi dùng những huyệt này trị bệnh nhức đầu, bệnh mũi công hiệu thần tốc.

Những huyệt ở mắt như Toán-trúc, Tinh-minh, Tư-trúc-không châm đúng thì tê đến mắt, như thế trị bệnh mắt mới kết quả.

Huyệt Thịnh-hội, É-phong châm đúng tê đến trong tai, hay đến cả mặt nên trị được các bệnh ở tai.v.v.

Bộ phận ở bụng

Châm các huyệt ở vùng bụng rất khó vì châm cạn lâm tai hở bì thần kinh thì không hiệu quả mà quá sâu đến phúc mạc thần kinh thì sợ nhầm phải trực tiếp nội tạng phủ Trường, vị, lại còn vì có liên quan đến sự hô hấp nên dày kim vào cong kim.

Vây châm các huyệt vùng bụng, khi đâm kim vào phải tùy hơi thở, như thở ra thì châm vào được mà khi thở vào nên định chỉ lại, như thế lần lần mới xoay dày vào cơ mạc thần kinh (ở giữa). Cho tê rần mới đúng, nên ban đầu mới châm vào thì châm nhẹ rồi lần lần xoay dày vào đúng vị trí mới công hiệu, nhưng cũng phải phòng vụng châm.

Những huyệt Trung, Thượng, Hạ-uyên châm đúng thì tê rần đến cả vùng bụng, dạ dày. Những huyệt Khi-hái, Quang-nguyên, Trung Cực, Khúc cốt, châm đúng thì tê đến cả bộ phận sinh dục, Huyệt Thủy đạo cứu thì hơi nóng chạy rần đến xương chậu, Huyệt Quy lai, Khi xung châm đúng tê rần đến cả Âm nan, Âm đạo. Khi áp dụng đúng như thế thì trị các bệnh dạ-dày, Bộ phận sinh-dục mới có kết quả.

Bộ phận ở Lưng.

Bộ phận này cũng rất khó dày kim, nhưng khi châm đúng vị trí huyệt lại càng công hiệu gấp bội, nhưng nên nhớ khi châm phải bảo bình nhơn khom lưng án đúng huyệt ở giữa 2 khớp xương lưng châm dày kim vào (vì khom lưng 2 khớp xương bờ ra châm vào mới công hiệu).

Những huyệt Đại-chùy, Hào-dan, Phong-môn, Phế-du, Tâm du, châm đúng Thần kinh thì té rần đến trước ngực, có khi đến cả tạng Phổi, tạng Tim, nên mới trị được các chứng bệnh Phổi, bệnh Tim, Nhứt là huyệt Cao-hoàn trị được bách bệnh vì châm đúng thì té rần đến cả toàn thân, Huyệt Mạng-môn, Thận-du, Chi-Tháh châm đúng Thần kinh té rần đến trước xương bờn vì thế nên trị được các bệnh Di-linh, Bạch-trọc v.v...

Bộ phận ở Tay.

Những huyệt Kiên-ngung, Khác-tri châm đúng Thần kinh té rần đến cả cánh tay, Huyệt Hiệp-cốc châm đúng té rần lên đến vai (khi châm xoay kim trở lên). Những huyệt Xích-trạch, Thái-uvên, Kinh-cự châm đúng té đến các ngón tay, đặc biệt huyệt Nội-quang, Lao-cung có khi té thốn đến cả trong tim. (Có trường hợp châm huyệt Hiệp-cốc trị bệnh đau yết hầu khi châm đúng huyệt này té chảy đến cổ họng khoan khoái ngay).

Bộ phận ở Chân

Những huyệt Hoàn-khiêu, Phong-thị, Dương-lăng-tuyễn, Âm-lăng-tuyễn, Huyền-chung, Côn-lôn, châm đúng thì té rần đến suối, cả chân, bàn chân Huyệt Huyệt-hài té đến vùng hán, bụng dưới. Huyệt Tam-âm-giao té đến cả dạ con nên trị được bệnh ở bộ phận sinh-dục, vì vậy nên đổi với đòn bà chưa cầm châm cứu, Huyệt Túc-tam lỵ châm đúng té đến vùng dạ dày, (khi châm xoay kim trở lên), té đến suối cả ống chân bàn chân (khi châm kim xoay trở xuống).vv.

Vậy khi châm đúng huyệt-vi, thì thật là huyền-diệu, nên nếu cố luyện lặp được thì nhất định trị bệnh có kết quả ngay, nếu sai thì không công hiệu được. Như thế một người mới học làm sao nắm được bí quyết này ?

Học châm cứu cần quyết tâm luyện tập thủ thuật cho điều luyện bạn mới học ban đầu mới trị 1 bệnh như khi châm hỏi họ đã té chưa ? Té như thế nào ? (Nếu lần đầu chưa có kết quả, hy vọng lần thứ 2 cũng vẫn dễ ý như thế, không nên chán nản).

Sau trị cho người thứ 2, thứ 3, nên cũng áp dụng huyệt ấy thì cũng hỏi như thế, để nhận định đúng huyệt, nhận định tác dụng xíu dung huyệt ấy đúng hay sai, rút kinh nghiệm, để sau cùng cùi y như thế mà thực nghiệm lối 9, 10 người. Nếu cố nhẫn耐, cầu

tiến, quyết tâm học tập cho được một thuật pháp kỳ diệu thì nhất định đoạt được mục đích.

• Nên nhớ trên đây tôi chỉ đưa ra những huyệt chính yếu để bạn thấy khi châm đúng huyệt thì có sự cảm giác tê như thế, vậy khi thi hành thủ thuật bắt kỵ huyệt nào ở bộ phận nào cũng cần bồi xem hình như cảm nhận như thế nào để nhận định mà rút kinh nghiệm hàn than. Vì khi châm đúng vị trí huyệt thì đều có sự cảm ứng như trên và nhất định có công hiệu.

V.— CHÂM CỨU TÂN LIỆU PHÁP

I.— CHÂM DẪN ĐIỆN

Dùng điện lực để trị bệnh có hai tác dụng :

- 1) Tác dụng Hưng-phản (làm vượng phát mạnh).
- 2) Tác dụng Trần tinh (làm hòa diệu).

Y khoa hiện nay dùng năng lực của điện để làm cho các bộ phận thần-kinh hay cơ nhức bị té dại, hoặc liệt bại được khôi phục lại (Hưng phản tác dụng) và để làm cho các lỗ chích té nhức, đau đớn bớt cản trướng tức làm tiêu viêm chỉ thông (Trần-tinh hay ức-chế tác dụng). Đó là lợi dụng năng lực của điện áp dụng trị liệu trên những kích thích diêm của thần kinh cơ nhức để nhờ điện lực kích thích các cơ năng thần kinh ấy mà trừ được bệnh.

Đối với châm trị hiện nay đem áp dụng điện lực để trên kim dẫn điện tại huyệt đạo trị bệnh lại càng được nhiều hiệu quả hơn, vì những diêm kích thích thần kinh tức là những huyệt đạo, nên dùng huyệt trị bệnh dẫn điện lực thêm vào thì đối với tác dụng Hưng phản, Trần tinh lại càng được đắc lực hơn.

Châm cứu trị bệnh thì Châm bồ túc là áp dụng tác dụng Hưng-phản, Châm tà túc là áp dụng Ức-chế, Trần tinh, nếu lai thêm dẫn điện là lợi dụng kim châm thuộc điện tánh hợp thêm điện lực dẫn vào phát sanh tác dụng mạnh hơn, vì Thần kinh do huyệt đạo dẫn truyền vào lại được trực tiếp kích thích nên hiệu năng trị bệnh được nhiều công hiệu.

Vậy đối với các bệnh Tê bại, yếu xuội, đau nhức áp dụng châm dẫn điện nhức định có rất nhiều hiệu quả.

Dùng điện lực cho vào cơ thể người bệnh là lợi dụng làm cho huyệt lực của cơ thể được mạnh dược tăng thêm, khôi phục cơ năng bị bệnh, như thế nên dùng dễ phụ trợ châm lực, vì vậy không phải tùy theo kiêng nào hay huyệt nào cũng sử dụng, mà nên hiểu dùng huyệt là chính mà dùng điện dẫn là trợ giúp.

Khi áp dụng châm trị dẫn điện thì trước nên châm trị dùng các huyệt chính để trị bệnh là chủ yếu rồi mới dùng thêm điện dẫn, tức là dùng âm dương điện, bao bình nhơn một tay cầm nắm (poire), âm, rồi dùng bộ phận dẫn điện dương để trên kim cho luồng điện theo kim truyền vào kinh lạc, để trừ khử tại chỗ, tổ chức bị bệnh, làm cho cơ năng bị bệnh được khôi phục. Như trị chứng Thần kinh ma te Khi áp dụng huyệt châm trị, lưu kim, rồi dùng bộ phận dẫn điện trên đầu cần kim làm cho bệnh nhơn cảm nhận chạy rần cả... (Khi sử dụng dẫn điện thì bệnh nhơn 1 tay cầm nắm poire) âm. Thần kinh khôi phục lại, như thế mới hiệu quả.

Phương thức này cũng như phương pháp châm dẫn cứu pháp, tức châm rồi để ngoại cứu trên đầu kim.

Hiện nay ở Trung Hoa và Nhật bản mới phát minh máy châm dẫn điện (có kèm tài liệu chỉ dẫn sử dụng trị liệu và để dò huyệt vị gọi là Kinh-huyệt Thám-lỗ khi dùng trị các bệnh đau nhức té mỏi rất hay ; tôi có dùng thực-nghiệm có nhiều kết quả.

Xin giới thiệu những bệnh đã thực nghiệm hiệu quả sau đây :

x — Trị bệnh đau lưng 8 năm không khỏi được.

Cô Hoa 37 tuổi đau lưng (giữa sống lưng, tích bối) đau nhức đã 7,8 năm, các thứ thuốc dùng không công hiệu, lưng không khum được, nhức như bị gãy, trời lạnh hay mùa hạ cũng vẫn đau không nhất định.

Trị pháp : Châm Nhân-trung tả 5 lần, Cứu Thận-du, Mạng-môn 5 tráng, kết quả không phản ứng gì.

Trị lần thứ hai Châm Tích-trung (chỗ đau) tả 3 lần sau dẫn điện trên kim 10 phút.

Kết quả ban đầu không biết, sau cảm giác như chỗ đau rần tan ra 1 vùng ở lưng (tức độc bình chạy nhưng cũng không cảm giác gì), dẫn điện thêm 30 phút nữa, sau tả 3 lần, và công 2 lần, nhồi kim.

Kết quả bao, công lưng, hơi hoạt động được.

Trị lần thứ 3, Cũng châm như trên, không dẫn điện, lại không có phản ứng gì.

Vậy trị bệnh này lúc đầu châm không dẫn điện không có phản ứng, lần thứ hai, dẫn điện thì biết có chạy rần ở cả lưng, lần thứ ba thứ không dẫn điện thì không có phản ứng nữa.

Như thế chứng minh là dẫn điện trên kim trợ lực có phản ứng nên có hiệu quả.

2.— Trị bệnh hai vai đau nhức.

Bệnh nhân, Anh Vinh 45 tuổi bị bệnh hai vai đau nhức đã 4 tháng, có thử máu cho là bị bệnh độc Giang-mai tiêm thuốc trừ sinh và các thứ thuốc diệt trùng không hiệu quả sau dùng thuốc Đông-y cũng vô hiệu, hiện bệnh hai vai đau nhức không cử động được.

Trị pháp : Châm Kien-ngung 2 huyệt là 5 lần, công 1 lần, Khúc-tri bên phải là 5 lần. Dùng điện dẫn lèo kim.

Hiệu quả Cảm giác chạy từ cuồng tay lên đến vai, trong mấy phút sau đó hai vai hết đau nhức. Thật kết quả mỹ mãn.

3.— Trị bệnh Phong Thấp đau nhức khớp xương, bại hai chân.

Bệnh nhân, anh Can 19 tuổi ban đầu phát ngón chân út mọc mụn độc lại di độc lên đến chỗ khuỷu (huyệt Hoàn-khiên) đau nhức, đi Bệnh viện trị hết, sau biến làm chỗ đầu gối sưng, ba chân đều nổi cục, không vận động được, thành bại hai chân.

Trị pháp : Châm Phòng-phủ, Giải-khé, Dương-lăng-tuyền, Tuyệt-cốt, Tam-âm-giao, Côn-lôn là 3 lần, Khúc-tri là 2 lần bồ 2 lần. Túch-Chí-âm, Khuếu-âm, Lệ-đoài, Đại-dò ra máu.

Cứu Hoàn-khiêu, Tam-lý, Khuếu-hư, Âm-lăng-tuyền, Dương-lăng-tuyền, Túc-lâm-khấp đều 5 tráng.

Kết quả không phản ứng.

Trị lần thứ hai : Châm Phong-thị, Thái-xung, là 3 lần, Tuyệt-cốt Tam-lý, Dương-lăng, Xích-trạch, Khúc-tri là 2 lần,

Cứu Tỳ-du, Vi-du, Tam-âm-giao, Giải-khé, Côn-lôn, Túc-bát phong đều 2 tráng (bảy giờ bên khớp đầu gối mệt hơi sưng lên).

Trị lần thứ ba trị như trên, bảy giờ bên khớp bàn chân mệt (chỗ huyệt Giải-khé sưng thủng).

Trị lần thứ 4. Châm Thái-xung, Giải-khé, Thương-khưu là 3 lần, Khúc-tri, Túc-tam-lý, Tam-âm-giao, Tuyệt-cốt, Âm-lăng-tuyền, Dương-lăng-tuyền bồ 2 lần là 2 lần, bảy giờ thêm dẫn điện, trên các kim 30 phút. Truyền điện xong xoay kim bồ là rồi rút kim.

Cứu Vị-du 9 tráng, Hoàn-khiêu 9 tráng, Côn-lon và Túc-bát.
phong đều 3 tráng.

Kết quả Chân trái đè xuống đặt được, chân mặt bẩy giờ chuyền
vận mạnh.

Trị lần thứ 5 Châm trị y như trên và dẫn điện 40 phút.

Kết quả : bẩy giờ đi được mấy bước.

Sau tiếp tục trị như trên mấy lần nữa, bình nhơn đi đứng
được như thường, sắc mặt hồng hào và bình phục hẳn.

4.— Trị bình biến phong Nan hoán (bại bẩn thân).

Bình nhơn, Ông-Sanh 55 tuổi nửa năm trước bị chứng trúng-
phong, hơn hai tháng không dậy nòi, bảy giờ tay trái không đưa
cao lên được, chân mặt không vận động được, trị châm cứu các
thày rồi vẫn không nhẹ.

Trị pháp : Châm Kiên-ngung, Khúc-tri, Dương-lăng-tuyễn, bèn
mạnh bỗ trước bên hại lá sau, dùng điện dẫn châm phổi hợp trong
30 phút. (dẫn điện bèn hại)

Hiệu quả : Trị xong tay đưa cao lên được 4,5, tắt, chân hoạt
động hơi mạnh.

Trị lần thứ hai : Châm trị y như trên cũng dẫn điện 50 phút,
kết quả vận động được.

Trị tiếp luôn 3 lần nữa cũng áp dụng dẫn điện như trên. Kết
quả, bình nhơn vận động được như thường. Rất kiến hiệu.

5.— Trị trẻ em chân bị bại.

Bình nhơn, cháu Quốc 2 tuổi bị bại hơn 18 tháng, tay chân đều
bại xuội, sau lần lần hai tay và chân trái bắt chỉ còn chân mặt, chỗ
khớp đầu gối co vô lực không di động được, ngón chân cũng cong
vào không ngay ra được.

Trị pháp : Châm Hoàn-khiêu, Dương-lăng tuyễn, Phong-thị,
Tuyệt-cốt, Tam-lý, Tam-âm-giao, Dũng-truyền, Trường-cường, Côn
lon, châm vừa dùng ngại quyền cứu xung quanh chỗ kim châm.

Cứu Âm lăng tuyễn, Ủy-trung, Hoàn-khiêu, Thuận-du, Mạng-môn.
Túc bát phong đều 1 tráng.

Hiệu quả : Các ngón chân hoạt động co duỗi được.

Trị lần thứ hai : Châm Hoàn-Khiêu, Dương-lăng, Âm-lăng, Đại
chủy, Tam-lý, Trường-cường, Tuyệt-cốt, Phong-thị, Tam-âm-giao,

Dương-tuyền, phổi bôp dẫn điện trên các kim cả thay 20 phút, nhổ kim.

Tiếp cứu : Côn-lôn, Dương-lăng, Tam lý, Tam âm-giao, Tuyệt cốt Giải-khê, Trung-phong, Khuu-hư đều 1 tráng.

Hiệu quả : Chân bên mệt vận động được, quỳ được.

Trị lần thứ ba : Y như trước Thêm Thái-xung, Côn-lôn, Hiệp-khê, tiếp dẫn điện, sau cùng rút kim cứu bằng Ngại quyện mỗi huyệt 1 lần.

Hiệu quả : Chân hoạt động được mạnh, và sau lần lần bình phục hẳn.

Kết luận : Châm dẫn điện những bệnh giới thiệu trên đây rất công hiệu, nhưng chú ý sau mỗi lần dẫn điện rồi đều xoay kim bô ta mới rút kim cốt làm cho độc bệnh tan ra, hay bô thêm lực vào, có khi cũng vẫn áp dụng cứu thêm sau khi dẫn điện là dễ giữ được sức nóng và bô thêm, như trường hợp trị bệnh bai trẻ con trên đây

Châm dẫn điện có công hiệu nhưng nên nhớ những bệnh mới cảm mạo sơ phát không nên dẫn điện vì có thể dẫn tà vào sâu, vậy đối với những chứng mới nèo cảm dùng.

VI.— NGẠI QUYỀN CỨU TRỊ

Dùng ngại Quyền cứu túc chế ngại điệp và thuốc hoặc thêm ~~xa~~ hương quẩn thành cây thuốc, đốt một đầu châm vào huyệt làm cho nhiệt lực thâm nhập vào cơ thể rất tiện lợi.

Năm 1951, lúc tháng sáu nhơn có 1 người bình linh tự nhiên là đau bụng dữ dội, bắt đi cầu, nhưng chỉ bắt rặn ruột kêu xuất mồ hôi lạnh, trong lúc cấp cứu, tôi lấy ngại vẫn điều thuốc đốt cứu huyệt Đại-trường-du 7, 8, phút, lúc thời đi cầu ra nước nhưng còn đau bụng, tôi cứu thêm Túc-tam-lý 10 phút nữa, hết đau bụng nhẹ hẳn, ngày sau làm việc như thường.

Một lần nữa, lúc ban đêm, 1 người bình nóng lạnh, là đau toàn thân đồng thời là đau bụng, đi tả nước mẩy lần, như chứng sưng ruột, cho uống thuốc cấp cứu thò là thì lại làm mửa. Tôi dùng ngại quyền cứu các huyệt Thiên-xu, Túc tam lý, Thần khuyệt, Đại trường du cả thảy gần nửa giờ. Sau đó các chứng lần lần giảm, nhưng bệnh nhơn vì ở xa mai sáng phải về, tôi sợ sáu phát chứng Mạng tánh trường viêm, nên trước khi đi tôi cứu thêm huyệt Túc tam lý và Thiên-xu, cứu đến khi không còn đau bụng âm ỷ nữa, và không bắt đi cầu nữa. Rồi cấp thời bình nhơn phải về, sau thơ cho biết từ ấy về sau hết hẳn.

Vậy hai lần trị dùng ngại quyền trên đây thấy rất kết quả, tôi bắt đầu áp dụng trị bệnh cứu thể ngại viên thấy có những sự tiện lợi sau đây :

1.— Nhiệt lực mau phân tán toàn thân như cứu huyệt Bách-hội lập tức cảm xúc ngay.

2.— Có thể cứu các chỗ bộ phận không tiện dùng ngại viên.

3.— Dùng cứu bồ làm trấn tĩnh tinh thần rất mau (đối với chứng vượng châm, xiết, dùng ngoại quyền cứu ngay tại huyệt Túc-tam-lý tinh lại liền).

4.— Những chứng cấp cứu dùng kim châm không kịp thì dùng ngoại quyền châm cứu kiêm hiệu cũng mau.

Cách dùng : Dùng giấy bồi (vì giấy khác khó cháy), đè ngoại và thuốc lên trên giấy vẫn như điếu thuốc, hai đầu bằng tốt hơn (vì 1 đầu nhỏ 1 đầu lớn thì hao thuốc mà khói sau “ thuốc cứu không hiệu quả). nên dùng ngoại cù lâu năm càng tốt, vì cù súc nóng ôn hòa, hương dịu, ngoại mới súc nóng quá làm ráo mà hương bắc khó chịu. (chế ngoại theo Thái-Ất-Thầu-châm hay Lôi-hòa-châm).

Thủ pháp : Cứu trị bằng ngoại quyền dùng hai phương thức sau đây :

Hoặc cứu trị làm cho vượng phát tức Hưng phẫn tác dụng, hay làm cho giảm bớt, chế ngoại trấn tĩnh tác dụng thì áp dụng hai phương thức là Ôn-hòa cứu và Trước tác cứu.

I) **Ôn hòa cứu :** Đốt ngoại quyền đè lên huyệt cách gừng đè hơi ướt vào mỗi tối, nếu cứu thế ngoại vien thì châm đè xuống cho nóng thì lấy lên, như 1 tráng ngoại cứu, 3 tráng thì 3 lần.

II) **Trước tác cứu :** Cũng cứu như trên nhưng cứ lấy lên đè xuống như châm mò trong 5-10 phút cho súc nóng thật thấm nhập vào. (Phương pháp này của châm sú Châu-Liên, nay tôi áp dụng rất có kiến hiệu).

Xin giới thiệu những chứng bệnh dùng ngoại quyền cứu trị có kết quả sau đây :

1.— Trị trẻ con tả ra nước.

Cháu Thảo 3 tuổi vì cho uống dầu ném làm chứng obrúc tả ra nước luôn không cầm.

Trị pháp : Dùng ngoại quyền cứu các huyệt : Trung-nvền, Thần-huyệt, Thủy-phần, Âm-giao, Khi-hải, Túc-tam-lý, dùng ôn hòa cứu 1 lần như cứu 1 tráng.

Kết quả : Hết ỉa, bình phục hẳn.

2.— Trị trẻ con ợ nước.

Cháu Tư 3 tuổi vì dạ dày yếu hay phát ợ水上, có khi mửa đán.

Trị pháp ; Cứu Thiên-dot, Chiên-trung, Trung uyền, Hạ-uyền, Khi-hái, Thiếu-xu, Vị-du, Túc-lam lý. Ôn hòa cứu 2 lần.

Kết quả hết ợc mửa.

Cách 5 ngày sau lại phát trở lại trị 1 lần nữa như trên, hết bao sau không tái phát nữa.

3.— Trị bệnh nhức khớp xương tay.

Có Giác 34 tuổi, chỗ gần cùm tay sưng nhức, khớp xương đau vận động càng nhức bình dã 10 ngày.

Trị pháp : Dùng ngoại quyền cứu Dương-cốc, Dương-trí (chỗ đau) Đại-chủy, Ngoại-quang, Thái-uyền, Hiệp-cốc. Ôn hòa cứu đều 2 lần.

Kết quả : Bớt nhức, tay vận động được, còn sưng.

Trị lần thứ hai : Trước tác cứu huyệt Dương-trí 40 phút, các huyệt trước trị như trên.

Kết quả : Sưng xẹp và bình phục hẳn.

4.— Trị bị té sưng chân.

Bà Hứng 52 tuổi bị té sưng chân nhức khó chịu.

Trị pháp : Dùng ngoại quyền cứu huyệt Hám cốc, Thái-xung ôn hòa cứu 4 lần.

Kết quả : Sau khi trị đi về không đau, bớt sưng, và lần lần về sau nhẹ hẳn.

5.— Trị chứng Thở huyệt mất ngủ.

Anh Luân 23 tuổi bị thở huyệt mấy ngày dùng đủ thuốc đông tây không công hiệu, nếu ăn đồ gì nóng là thở huyệt ngay, ban đêm không ngủ được, chỗ vú có hơi dày khó chịu, tiêu tiện đi rất nhiều.

Trị pháp : Dùng ngoại quyền cứu các huyệt, Bách hối, Chiên-trung, Nhủ-căn, Trung-uyền, Khi-hái, Phế-du, Cách-du, Can-du, Tỳ-du, Xích-lrach, Hiệp-cốc, Túc-lam-lý, Tử-hoa huyệt ôn hòa cứu 1 lần.

Kết quả cứu xong bắt đầu buốt ngủ, ngủ được hai giờ, tĩnh dày, thở ra máu 2 hảng rồi hết hẳn.

6.— Trị bệnh hư nhược sau làm xoay xẩm, ngực bụng nồi cục đau.

Bà Thành 51 tuổi, bị bệnh chỗ đốt tim đau, bụng đau ớn lanh lẩn xoay xẩm sợ gió.

Trị pháp : Dùng ngai quyền ấn hỏa cứu các huyệt :

Bách-hội, Phong-trì, Tinh-hô, Thượng-tinh, Mạng-môn Thân-du, đều 3 lần, Chiền-trung, Thủy-phản, Thần-khuyết, Thiên-xu đều 1 lần, Khi-hài, Quang-nguyên Đại-lăng, Nội-quang đều 3 lần, Túc-tam-ý, Tam-Âm-giao, Thái-khê, Côn-lon đều 5 lần. Kết quả cứu xong tinh thần phẫn khởi, về nhà ra mồ hôi, các chứng mất hồn, sắc mặt hồng hào khỏe mạnh làm lao động được.

III.— CHỈ CHÂM (Châm thuật bằng móng tay)

Đây là 1 thủ pháp dùng móng tay châm ấn tại huyệt vị để trị bệnh cho trẻ em và những trẻ vị thành niên, dùng thủ pháp này cũng có tác dụng Trần tinh hoặc Hỗn pháo (tức đúng tác dụng châm thuật không khác nào dùng kim thuật).

Phương pháp thực hành : Dùng ngón tay cái, ngón trỏ hay ngón giữa, hoặc 2 ngón ấn tại huyệt và tùy thần kinh sâu cạn mà áp dụng thủ thuật, cũng ấn cho tê rần như châm kim như thế mới đúng và công hiệu :

Cách áp dụng chủ trị như sau đây :

— Trị bệnh đau răng dùng huyệt Thiền-dung (dưới tai 3.4 phân) lấy ngón tay trỏ ấn móng tay tại huyệt vị làm cho té ắt hết đau ngay.

— Bệnh nghẹt mũi dùng huyệt Nghinh-hương lấy móng tay ngón trỏ hay ngón cái ấn tại hai bên cánh mũi.

— Đau yết hầu, dùng huyệt Hiệp-cốc, 2 ngón tay cái và trỏ ấn trong bàn tay và tại chỗ hò khâu cho té rần công hiệu ngay.

— Đau tay chân, nhức mỏi dùng huyệt Gian-sử (ở tay) huyệt (Túc-tam-ý (ở chân) dùng 3 ngón tay nắm tại chỗ ấy và móng tay ấn tại huyệt.

Dưới đây những bệnh dùng huyệt chủ trị, có thể tùy áp dụng ấn huyệt trị rất kết quả như dùng thủ pháp châm kim :

1.— Nhức răng : dùng những huyệt, Hạ-quang, Giáp-xa, Thiên-dung, Thái-dương Hành-gian, Nội-định,

2.— Đau yết hầu : khô nuốt đờ ợn, ho, mất ngủ dùng các huyệt Nhị-gian, Tam-gian, Hiệp-cốc, Tương-khưu, Túc-tam-lý.

3.— Mắt đỏ đau dùng các huyệt : Toán-trúc, Tư-trúc không, Tinh-minh, Thái dương.

4.— Nghẹt mũi dùng các huyệt, Nghinh-hương, Hòa-liêu, Tổ-liêu.

5.— Nhức đầu dùng các huyệt Thái-dương, Đầu-duy, Khúc-mẫn, Huyền-ly, Bách-hội.

6.— Đau chân dùng các huyệt, Dương-lăng-tuyền, Giải-khê.

7.— Tai đau, tai ứ dùng các huyệt, Ế-phong, Thịnh-cung, Nhị-mòn. Ngoài ra tùy chỗ đau cũng có thể áp dụng thủ pháp chì châm, trừ các bộ phận dùng huyệt như ở bụng và các chỗ thần kinh khác không thể áp dụng chì châm thì dùng kim châm hay ngai cứu trị, phối hợp. Thủ thuật này hiện nay ở Nhật-bản các châm sư dùng nhiều để trị trẻ con.

Gần đây có ông bạn Châm y thực nghiệm trị chứng nhức đầu do móng tay cái tại huyệt, Bách-bội làm nóng bừng cả đầu, lại 2 lần hết hẳn.

THỦY CHÂM LIỆU PHÁP (Tim thuốc vào huyệt trị bệnh)

Gần đây có nhiều người theo Tây-y nghiên cứu cách tim thuốc vào huyệt để trị bệnh, nghĩa là tùy chứng bệnh mà dùng thuốc tim và áp dụng tùy bệnh thủ huyệt mỗi huyệt tim vào 1 lít thuốc. Đối với chứng bệnh dùng bao nhiêu huyệt thì đều tim thuốc vào các huyệt ấy để làm cho thuốc trực tiếp vào kinh-lạc dẫn đến kinh lạng hi bệnh được mau kiến hiệu.

Phương này mới nghiên cứu chưa thấy phổ biến rộng. Châm sư Trần-Tồn-Nhơn giới thiệu trị bệnh nhức đầu dùng phương pháp trị liệu sau đây.

Trị chứng Thần kinh tinh Đầu thống. Hiện chứng trạng nhức đầu hoa mắt, xoay xombok tai à, tim đập mất ngủ, người mè mệt, mỗi lần làm việc gì về tinh thần thì liền phát ngay.

Trị pháp dùng các huyệt Hiệp-cúc, Thái-dương, Phế-du, Vị-du.

Dùng sérin lẩy Icc thuốc Nô-phát-dịch tim vào các huyệt dưới da (nằm da lên tim ngay huyệt vào cơ nhục) mỗi huyệt 1 ty thuốc các huyệt Phế-du, Vị-du mỗi lần trị áp dụng hai huyệt tréo nhau, tức huyệt Phế-du bên trái thì thi huyệt Vị-du bên mặt, và trái lại.

Tim trị như thế 4 lần bình hết hẳn không tái phát.

Tôi xin ghi vào đây để nghiên cứu. Các sách châm cứu gần đây có nói Thủ-châm, nhưng phương thức trị liệu này cần phải chuyên môn, hiểu rõ được tánh nhất là Ấu được dùng đúng thuốc mới mong đạt được kết quả, nếu không ắt gặp sự phản ứng nguy hại.

Vậy đây cũng là một sự tiến bộ của ngành Y học nhưng phương thức trị bệnh này được nhiều kết quả mỹ mãn còn nhờ sự nghiên cứu sau này mới có thể chắc chắn được.

V.— CHÂM CỨU TRỊ GẶP PHẢN ỨNG

Phàm bình nhơn hư suy mệt hiện sắc mét khi châm trị dễ bị phản ứng (tức xù) mà cứu trị cũng có khi gặp phản ứng tuy rất ít. Vậy trong lúc châm trị thường trong một trăm người có khi gặp một hai người (1%) còn cứu trong 1000 người có lúc cũng gặp 1 hay 2 người. Vậy phàm gặp bình nhơn suy nhược thì hay gặp hiện tượng phản ứng, nhưng trị liệu có hiệu quả, tôi có trị ít bình hư suy nhược, khi châm trị gặp phản ứng, cấp cứu bình khỏe lại, về sau bình giảm và nhẹ bản, Đơn cử ít bình sau đây để nghiên cứu.

1.— Trị bình đau bên đầu gặp phản ứng.

Ông Mai 55 tuổi lúc thanh niên bị mai độc, thường hai chân hay đau nhức đã mấy năm dùng châm cứu trị, gần đây chân bắt đau, nhưng lại công lên đau đầu phía bên mặt (phía sau đầu dần qua một bên đau nhức thuộc bán biên đầu thống) đau liên tiếp mấy ngày chịu không được, dùng đủ thuốc không công hiệu, đến trị xem bình nhàn vì già yếu (bản huyết tánh) không thể trị 1 vài lão nhẹ được, tôi dùng các huyệt châm trị :

Châm Phong-trì, Phong-phù và chỗ bên đau tả hai lần.

Kết quả : chỗ đau tan dần hơi bớt.

Thị lần thứ 2 : ngày sau châm trị, Túc-lâm-khấp, Lây-cáu, Đại-trử, Phong-trì (bên mặt) là 3 lão,

Kết quả giảm 2/3 (giảm 10).

Trị lần thứ 3. Hôm sau châm Phong-trì, Đại-trử, Lây-cáu, Túc-lâm-khấp bên mặt là 2 lão, Phục kru, (mặt) bò 4 lão.

Đương châm-trị, liền biến sắc trầm trọng, bị phản ứng mắt trực thương bất tỉnh, tối liền dù cho nằm, dùng ngai quyền ôn được cấp cứu ối Khí-hải, Quang-nauyên nữa giờ, người hơi tỉnh lại, bây giờ tiếp xoay kim các buyet châm trước, bò 1 lần lấy kim, đề khỏe 1 giờ sau mới về. Hôm sau lại cho biêt bệnh từ ấy giảm nhẹ hẳn đến 95% và về sau chỉ bồi dưỡng ăn uống và nghỉ ngơi, bệnh lành bão không tái phát nữa.

2.— Trị bệnh đau chân gấp phản ứng.

Ông Năm 38 tuổi hai chân đau từ đầu gối trở xuống thường hay nhức rất厉害.

Trị-pháp : Cứu Hoàn-khiếu, Phong-thị, Âm-lăng-tuyễn, Dương-lăng-tuyễn, Túc-lâm-lý, Tam-sa-giao; Túc-lâm-khấp, Túc bát-phong đều 3 tráng. Bệnh cứu xong thì châm Phong-phủ, Thái-xung. Nhưng đương cứu liền gấp ngay phản ứng làm tiều tiễn tự són vãi ra.

Lập tức đỡ nằm yên tĩnh, cấp cứu khi bệnh chưa khỏe tinh táo-thi, chứng đau chân hết hẳn.

Kinh nghiệm

Đơn cử hai bệnh trên đây, vây trong lúc trị bệnh bằng châm cứu thường cũng khó tránh phản ứng, vì nếu người hư suy quá độ, không thể châm trị ngay, vì sợ phản ứng, nhưng trường hợp cứu trên, đây cũng có thể xảy ra tuy rất ít (1/1000) còn đối với người trai tráng khỏe mạnh có khi châm trị cũng gặp phản ứng, mà lại phản nhiều, tuy vậy cũng chỉ cần cẩn cấp kịp thời và luôn luôn bình tĩnh, nhưng cần phải hiểu rõ để đề phòng cấp cứu.

Nhưng đối với những chứng gấp phản ứng lại sau khi cấp cứu bệnh phục thì bệnh lại thuyên giảm nhiều.

Vậy trong lúc lâm sàn trị bệnh thường gặp những trạng thái sau đây, xin ghi rõ để phòng bị :

Châm cứu trị bệnh nếu có phát làm ợ mửa, hoặc mửa dữ dội (mửa xong lại hết), cũng có biến phát ra mồ hôi lạnh, hoặc xièu,

tay chân lạnh, nếu trầm trọng thì ngã té, hoặc vài tiêu tiêo (són đái) như trường hợp bệnh trên, châm y nên bình tĩnh gấp cứu thi được an toàn bình phục cả sau này bệnh thế (nguyên bệnh) lại có kết quả không biến sach nguy hiểm.

Vậy theo kinh nghiệm tông kết sau đây đè khi làm án trị bệnh châm y được vững tâm khỏi phải lo sợ.

1.— *Dễ phản ứng.*

Xem bệnh nhơn thấy người mè mệt suy yếu, xanh xao, ắt thế nào cũng gặp phản ứng, thì nguyên tắc nên tránh dùng dùng châm trị, trừ phi không thể không trị, thì nên đè nằm yên một chập rồi mới châm (đè nằm châm), hoặc dùng thuốc thổi mũi cho nhảy mũi rồi sau mới châm, như thế là an toàn nhất tránh được phản ứng (thuốc nhảy mũi Thông-quan-lán trị Trung phong).

2.— *Dễ phản ứng khi châm bị xoay xẩm.*

Trước khi muốn tránh khỏi bệnh nhơn xoay xẩm thì khi châm kim vào nên hỏi bệnh nhơn, như có cảm giác muốn xoay xẩm, tim đập (nhờ bắt đầu phản ứng là có hiện tượng này ngay), như vậy là đã bị phản ứng, phải gấp dùng thuốc thổi vào mũi cho nhảy mũi ngay, nhẹ thì cho uống tí nước ắt hết (trường hợp nhẹ đã nói cách xử trí vững châm ở Quyền I Châm-cứu thực-hành). Nếu gặp trường hợp không hết thì gấp dùng Ngai quyền cứu huyệt Túc-tam-lý (trực tiếp cứu 3 tráng), nếu nặng chưa tỉnh thì cứu thêm các huyệt Bách-hội, Nội-quang, Đại-chùy đều 3 tráng ắt khỏe lại ngay và nhờ đè nằm nghĩ một chập cho bình phục hẳn mới cho về.

3.— *Cấp cứu bất tỉnh nhơn sự.*

Có khi bệnh nhơn bị phản ứng tinh thần quá bị kích thích biến sắc làm bất tỉnh nhơn sự, gấp đè nằm yên dùng Ngai quyền cứu huyệt Túc-tam-lý 7 tráng, Bách-hội, Đại-chùy 5 tráng, Nội-quang 3 tráng thì tỉnh lại liền, như chưa thì châm thêm huyệt Nhơn-trung cho cảm xúc mạnh cũng tỉnh lại ngay, bình phục như thường.

4.— *Cấp cứu bị phản ứng thế nguy, lâ., không tỉnh.*

Gặp phản ứng khi đã dùng tất cả các phương pháp trên mà không kiến hiệu, lại thêm mồ hôi ra đậm đẽ, lâu không tỉnh, rất nguy hiểm, gấp dùng ngai quyền cứu Quang-nguyên, Khi-hài ắt tỉnh,

thậm chí vài đái, (trường hợp bình cứu trị đau chân trên) cũng tinh lai và hết ngay, đã trị nghiệm cấp cứu bình trên).

Phàm gặp các chứng lạnh-khuyết Trung-phong, bụng đau, chân lạnh, đái thưt nguy, cấp cũng đều dùng ngoại quyện cứu các huyệt Quang-nguyên, Khi-hải, Thận-đu, Mạng-môn đều có hiệu quả.

5. Chú ý sau khi trị phản ứng.

Sau khi cấp cứu bình phản ứng, khôi phục lại, rồi thì bất kỳ khi trị những huyệt nào đã dùng lá pháp đều định chỉ mà chuyền qua bồ l lần mới lấy kim và để bình nhơn nằm nghỉ nửa giờ hay 1 giờ mới đi về và hảo bình nhơn tĩnh dưỡng thì bình thê (nguyên bình) đều hoàn toàn bình phục hoặc giảm nhẹ hiệu quả ngay.

VII.— CỨU TRỊ : BÍ TRUYỀN

Bí truyền cứu trị nghiệm phương.

Phu thực nghiệm của Danh-sư Châm-cứu Liêu-Cốc-Tử-Linh Nhứt-bản.

Từ xưa ở nước ta các vị Y-sư tiền bối đều phần đông dùng cứu trị nhiều hơn châm trị, hiện nay cũng còn thấy nhiều vị Lão-y vẫn dùng nhiều thật ra những chứng Thần-kinh ma té, Thần kinh thống không dùng cứu trị thì không công hiệu, nhưng cứu pháp có nhiều thứ; như trực tiếp cứu, cứu cách gừng, cứu cách tỏi v.v.. (quyền châm cứu thực hành đã có nói rõ), nhưng những sự sai lầm hiện nay cứu làm cho phỏng lở rất nhiều, thậm chí có người bị lở cả tháng chưa lành (có nhiều bệnh nhơn đến trị bệnh thấy toàn thân đầy cả vết sẹo thâm đen đã mấy năm không phai, nhưng bệnh vẫn không hết hẳn, có người thuật lại chịu đau nhức khó sờ cả mấy tháng vì vết cứu vì thế nên sợ. Xem rất kỹ lại thì có khi sai vì tri huyệt cũng có, mà có khi vì nhòn sai bình cũng có.

Vậy cứu cũng như châm cốt án đúng huyệt, và khi cứu cũng có cảm giác rần nóng cả như luồn điện chạy phóng tán các nơi, như thế mới có kết quả, và khi dùng viền ngoại cứu nhất là trực tiếp cứu nên dùng viền ngoại rất nhỏ mới khỏi thương cơ nhục, và khi án đúng huyệt thì khi cứu nhớ giữ đúng thể vị không nên làm động sai lạc vị trí, như thế mới công hiệu.

Dưới đây xin phô biến những phương thức nghiệm bì truyền của vị danh-sư, như l-bản đề liệt tham khảo, mà những phương này xưa kia các vị tiền bối chúng ta đã dùng rất kết quả.

1.— Chứng Khước-khí dùng các huyệt : Túc-tam-lý, Dương-lăng tuyến, Côn-lon, Đại-lăng, Thần-môn, Trung-uyên, Quang-nguyên, (ban đầu dùng viên ngai nhỏ bằng nửa hột gạo cừu 3 tráng, sau quen chịu nóng được mới dùng viên ngai lớn bằng hột gạo cừu mồi huyệt từ 5 đến 7 tráng).

2.— Nhị xang (ghẻ ở tai) dùng các huyệt : Giác-tôn, Phong-tri, (dùng ngai bằng nửa hột gạo cừu 5 tráng), Túc-tam-lý, Hiệp-cốc cừu 15 tráng đến 50 tráng).

3.— Trung-nhi-viêm : trong tai đau nhức dùng các huyệt ; Nhiền cốc, Phục-lưu, Khúc-tri (dùng viên ngai nhỏ bằng nửa hột gạo cừu từ 50 tráng đến trên 100 tráng).

4.— Nhức đầu dùng các huyệt : Thiền-trụ, Phong-tri, Hiệp-cốc (dùng viên ngai nhỏ bằng nửa hột gạo cừu từ 5 đến 15 tráng).

5.— Diện đinh (mặt bị mọc đinh độc) dùng các huyệt : Khác-tri, Thủ-tam-ý, Hẹp-cíc (cứu từ 3 đến 5,7, tráng, sau sẽ cứu nhiều hơn).

6.— Biên-đảo tuyến-viêm (Nhủ-nga, Hầu-nga, Hầu-tê) dùng các huyệt : A-thi-huyệt, Hiệp-cốc, Phong-tri (dùng ngai nhỏ bằng nửa hột gạo cừu 7 tráng).

7.— Xỉ-thống (nhức răng) dùng các huyệt Khúc-mán, Giáp-xa cừu 5 tráng Xỉ-thống huyệt (tại giữa tuyến giáp vai cừu 3 đến 7 tráng), Túc-tam-lý, Hiệp-cốc (cứu 10 tráng).

8.— Nhắn-bịnh (đau mắt) dùng các huyệt : Can-du, Tích-trung, giữa đốt ngón tay giữa, Phong-tri, Hiệp-cốc, Giác-tôn (cứu 3 đến 7 tráng).

9.— Suyễn-súc dùng các huyệt : Phế-du, Cao-hoan, Chi-thắt, Phục-lưu, Không-lối (cứu 3 đến 7 tráng).

10.— Lặc-mạc-viêm (nhức sườn ngực) dùng các huyệt : Khuu-hư, (cứu 3 đến 5 tráng) Không-lối (cố ho cừu 3 đến 5 tráng), Cao hoan, Chi-thắt.

11.— Bình Phòi dùng các huyệt : Phế-du, Cách-du, Chi-thắt, Thần-du (ngai bằng nửa hột gạo cừu 3 đến 5 tráng), Không-lối (cố ho cừu 3 đến 5 tráng) Túc-tam-lý, Phục-lưu, Hiệp-cốc (nếu người quá suy nhược ngai nửa hột gạo cừu 3 tráng).

12.— Tâm-tạng-bệnh Dùng các huyệt Trung-xung, Thiếu-xung, Tâm-du, (cứu 3 tháng, nếu tim đập làm sợ sệt cứu thêm từ 5 đến 7 tháng).

13.— Dạ dày co thắc đau dùng các huyệt : Lương-khưu, Túc-tam-lý, Lệ-doái, Trung-uyễn, Cách-du, (liên tiếp cứu đến hết đau), nhớ cũng dùng ngai nhỏ.

14.— Vị-viêm, (dạ dày sưng, đau) dùng các huyệt : A-thị-huyệt Lương-khưu, Túc-tam-lý, Trung-uyễn (dùng ngai nhỏ cứu đến hết đau).

15.— Hẹ-lý dùng các huyệt : Đại-trường-du, Tiêu-trường-du, Trung-uyễn, Quang-nguyên (ngai nhỏ cứu 7 tháng).

16.— Tiết bi : Dùng các huyệt : Dưới rún 2 tết do ra phía trái tết và huyệt Dương-cốc đều cứu 7 tháng.

17.— Thận-tạng-viêm dùng các huyệt : Chi-thắt, Thận-du, Phục-lưu, Nhiên-cốc, Đại-trường-du, Tiêu-trường-du đều cứu 3 tháng sau sẽ tăng thêm.

18.— Bàng-quang co thắc dùng các huyệt : Quang-nguyên, Khúc-cốt, Phục-lưu Thận-du, Chi-thắt đều cứu 7 tháng)

19.— Bàng-quang viêm dùng các huyệt : Bác-liêu, Thận-du, Chi-thắt, Phục-lưu đều cứu 3 tháng.

20.— Niệu-dao viêm (sưng niệu đạo) dùng các huyệt Dương-cốc, Chi-chành, Bác-liêu, Chi-thắt, Thận-du đều cứu 3 tháng.

21.— Lâm-lau dùng các huyệt : Khúc-tuyễn, Đại-đôn, Trung-chữ (cứu 30 tháng) Bác-liệu, Thận-du, Chi-thắt, Phục-lưu đều cứu 3 tháng.

22.— Tất-hoàn viêm (sưng hòn dài) dùng các huyệt như trên.

23.— Binh-tử-cung dùng các huyệt : Bác-liệu, Thận-du, Chi-thắt (cứu 3 tháng) Quang-nguyên, Khúc-cốt (cứu 7 tháng) Khúc-tuyễn cứu 30 tháng.

24.— Đa-niệu (dái-dêm) Dùng các huyệt : Quang-nguyên, Khúc-cốt, Thiên-xu, Xích-trạch, Phế-du cứu 3 tháng.

25.— Tích-chùy-lao : dùng các huyệt : Từ đốt sống lưng thứ 6 đến thứ 8 do ra 2 bên mỗi bên lấy 3 huyệt cứu 3 tháng, sau thêm cứu Túc-tam-lý, Hiệp-cốc.

26.— Biên-giản dùng các huyệt : Tinh-hội Thần-môn, Phục-lưu, Nghiêm-cốc cứu 5 đến 7 tráng.

27. Áp-huyệt cao (đóng mạch ngạnh hóa) dùng các huyệt Thái-xung (cứu 3 tráng sau sê lăng) Hiệp-cốc, Phục-lưu. Cứu 5 tráng.

28.— Thần-kinh cánh tay đau dùng các huyệt : Kiền-ngung (thần kinh ngoài ngón tay cái đau dùng, Khúc-tri, Thủ-tam-lý. Hiệp-cốc đều cứu 5 tráng. Thần kinh phía trong ngón út đau dùng Thiên-tôn, Thần-môn cứu 5 tráng.

29.— Thần kinh lưng, chân đau dùng các huyệt : Thần-du, Chi-thắt, Hoàn-khiêu, Ân-môn, Dương-lăng-tuyễn, Thần-mạch cứu 5 đến 7 tráng.

30.— Lưng đau dùng các huyệt : Thần-du, Chi-thắt, Hoàn-khiêu, Thương-liêu Côn-lôn, Thần-mạch cứu 5 tráng.

31.— Vai đau (kiên ngại phong) dùng các huyệt : Thiên-liêu, Kiền-ngoại-du Hiệp-cốc Côn-lôn cứu 3 đến 5 tráng.

32.— Phong thấp thống dùng các huyệt : Kiền-ngung, Khúc-tri, Thủ-tam-lý, Dương-tri (phong thấp đau ở tay dùng cứu 11 tráng) Thần-du, Hoàn-khiêu Ân-môn, Dương-lăng-tuyễn, Túc-tam-lý Thương khưu (đau ở chân dùng cứu 11 tráng), nếu thuộc cấp tánh không nên cứu. *

33.— Bình-tri đau dùng các huyệt : Thủ-liêu đeo ra 2 tết cứu 30 tráng, Bách-hội, Không-tối, Phục-lưu cứu 3 tráng.

34.— Tử cung lạnh không có thai dùng các huyệt : Khi-hải, Âm-giao, Thần-du, Chi-thắt, Bác-liêu cứu 3 đến 5 tráng.

35.— Thần kinh suy nhược dùng các huyệt : Hiệp-Khê, Thủ-cốt, Bách-hội, Thiên-tru Cứu 5 tráng.

36.— Sốt rét dùng các huyệt : Đại-chùy, Thần-trụ, Khi-hài, Khúc-tri đều cứu 5 tráng.

37.— Khớp xương giáp vai đau dùng các huyệt : Thiên-liêu, Kiền-ngung, Thiên-tôn, Kiền-trinh, Khúc-tri cứu 5 tráng, chờ chuyền động đau liên tiếp cứu 30 tráng.

38.— Vùng sườn ngực đau (thần kinh thống) dùng các huyệt : Thương-khưu, Hiệp-khê, cứu 7 tráng, Can-du, Cách-du, Thần-môn cứu 5 tráng.

39.— Cảm mạo dùng các huyệt : Thân-trụ, Phế-du, Cao-hoan, Quang-nguyên, Thủ-tam-lý, cứu 3 đến 11 tráng

40.— Ăn ít tiêu (tiêu hóa bất lương) dùng các huyệt : Thiền-xu, Quang-nguyên, Đái-mạch, Túc-tam-lý, Đại trường-du, Tiểu-trường-du cứu 5 tráng.

41.— Trẻ con cảm tích dùng các huyệt : Thân-trụ, Phế-du bên trái, Tỷ-du cứu 3 tráng, nếu con gái Can-du, Tỷ-du bên mặt.

42.— Tim đập bồi hợp dùng các huyệt : Nhũ-căn bên trái cứu 5 tráng lần lần tăng thêm đến 30 tráng, Thần-môn bên trái cứu 7 tráng.

43.— Tim thắc hẹp (hiệp tam chung) dùng các huyệt : Thương-khưu, Dương-phò-cứu 3 tráng, Trung-xung cứu 5 tráng.

44.— Bình hậu cùi bồi dưỡng dùng các huyệt : Những huyệt du ở lưng (hai bên) và Túc-tam-lý, Trung-uyên, Quang-nguyên, Hiệp-cốc, Không-tối, Khúc-tri, Nhiên-cốc, Thương-khưu, Côn-lô, Thần-mạch, Thiên-xu, Tam-âm-giao (đều dùng ngai nhỏ bằng nứa hột gạo cứu 1 tráng).

VII.— CỨU HUYỆT THẬN-DU.

Thận-Du theo Sách Xưa là huyệt Quan hệ mật thiết với các tạng-phủ Tâm, Can, Tỷ, Phế, Thận, nên châm cùi đều thường hay dùng huyệt Thận-Du.

Hiện nay ở Nhật-Bản cũng thường dùng huyệt này Châm-cứu trị và nhận là yếu huyệt trị bệnh Thận và Bàng-quang, gần đây lại giới thiệu huyệt Thận-du đối với bệnh Thận trị rất thích hợp.

Những bệnh chứng chỗ vùng Thận bộ ở lưng lạnh, chân gối cũng lạnh đồng thời cơ thể có hiện tượng hư hàn, không dùng huyệt Thận-du không công hiệu.

Nhưng thông thường Châm cùi huyệt Thận-du không nên chỉ dùng 1 huyệt.

Sau đây những bệnh dùng huyệt Thận-du có công hiệu :

I.— Cháu X.. II tuổi bị đau bụng làm oẹ mửa đã mấy tháng, thường buồn mai trước khi ăn sáng cũng mửa ra nước. ăn xong lại mửa ra có đồ ăn, mỗi tuần nhứt hai lần đau chỗ rún l lăn, ra mồ hôi

tâm mệt, đưa đến các Bác-sĩ Nội-khoa trị chỉ bớt thời gian vẫn trả lại, rọi kiếng Da-dày không nhận thấy hiện tượng gì chỉ cho là chứng thuộc Thần-kinh tánh.

Hiện bệnh sắc mặt mét trắng bạch, thường hay ra mồ hôi, lưỡi tươi nhuận nhưng trong lưỡi có sắc đen, bụng dày, đè không đau, mạch Thận nhõ yếu, nhận là chứng Thần hư.

Trị pháp: Dùng viên ngai nhỏ bằng hột gạo trực tiếp cứu 2 huyệt Thận-du. Kết quả sắc mặt hơi nhuận lại, bụng hết trương, chứng ợ mửa hết hẳn, 8 ngày sau trị lại cũng chỉ cứu 2 huyệt Thận-du, kết quả các chứng tiêu hết, sau trị tiếp 1 lần nữa, bệnh hoàn toàn bình phục, không tái phát.

2.— Anh Y.. 31 tuổi bị bệnh nhức phỉa sau đầu đã 8 tuần nhứt, thường buồn mai càng đau nhiều, hỏi thêm bệnh nhân cho biết chán đầu gối trở xuống lạnh xem mạch bộ thận yếu nhận là chứng Thần hư đầu thống.

Trị pháp Dùng viên ngai nhỏ trực tiếp cứu 2 huyệt Thận-Du mỗi huyệt hai tráng kết quả hết nhức đầu, 3 hôm sau nhức lại, trị lại cũng cứu Thận-du, bệnh hết và sau cũng tiếp tục trị ít lần nữa, bình phục hẳn.

3.— Cô A.. 39 tuổi 3 tháng trước vì uất huyết đầu nặng nhức khó chịu, lại cảm sốt, nhưng chỗ lưng và chân lạnh, theo Phu-khoa chẩn đoán do bệnh kinh kỳ không điều nên sắc diện thì mét xanh nhưng người khoẻ mạnh, đoán cũng là chứng thận hư đầu thống.

Trị pháp: Dùng ngai nhỏ bằng hột đậu cứu 2 huyệt Thận-du 2 tráng.

Kết quả bệnh hết, trị tiếp ít lần nữa bình phục.

4.— Cô B.. 28 tuổi bị bệnh suyễn súc đau khò đã 9 tuần nhứt, ban đêm thở khó khăn, lại thêm tim đòng hồi hộp, 4 tuần trước vào Bệnh-viện điều trị nhận là bệnh tim nhưng trị lại không thuyên giảm, 8 ngày ra Bệnh-viện, gần đây, bệnh lại trở lại nặng rất lo sợ

Hiện bệnh sắc mặt mét xanh người gầy ốm, thở mệt, chỗ bụng nhấp nháy, ăn bên rún phía trái mạch nhấp nháy mạnh, các chỗ khác bình thường, chán ra mồ hôi nhiều, nhận định là chứng thận hư làm suyễn súc.

Trị pháp: Cứu hai huyệt Thận-du, kết quả thở dễ dàng nhưng mai sáng lại phát, trị tiếp 4 lần nữa (2 ngày trị 1 lần cùug cứu Thận-du). các bệnh hết hẳn.

5.— Cậu thiếu niên 16 tuổi 3 tháng trước đêm náo cũng đã đờm, ban ngày cũng thường tiêu luộn, người chân thường lạnh, ngoài lưng cũng lạnh, dùng thuốc trị tiêu tièo không công hiệu, Sau đi Bệnh-viện Nội-khoa trị cũng không kết quả.

Hiệu bệnh nhân người yếu, thận mạch hư, nhận định thuộc bệnh thận hư.

Trị pháp: Cứu 2 huyết Thận-du mỗi huyết 2 tráng, cách I ngày trị I lần, tiếp trị 4 lần, hết hẳn không tái phát nữa.

Kết luận: Năm chứng bệnh trên đây đều thuộc thận hư, hiện tượng rõ ràng nên cứu huyết thận-du đều có kết quả. Nhưng nên nhớ trị bệnh tùy chứng áp dụng huyết cần thận trọng. Đối với Đông-y trị bệnh quan hệ nhất về sự đoán bệnh, phải nhận định rõ mơi công hiệu, vì nếu sai thi lại gặp phản ứng không lường.

Đơn cử bệnh dưới đây cũng cứu Thận-du lại gặp phản ứng dễ rút kinh nghiệm.

Một bệnh nhân 18 tuổi bị chứng khí-thũng cũng có trạng thái chứng thận hư, trong lúc trị cũng cứu huyết Thận-du, nhưng lúc thời phản ứng thở không nỗi, mệt, bệnh càng nặng, lập tức phải châm tẩy 2 huyết Thái-khê bệnh mới hết.

Vậy lý do tại sao phản ứng, vì bệnh này Thận mạch thiết, mạch tại huyết Thái-khê nhảy mạnh, trị nên tẩy Thái-khê, lại cứu Thận-du nên gặp phản ứng ngay.

Kinh nghiệm trên đây: Trị bệnh cũng đều dùng huyết Thận-du mà khi nhận định đúng bệnh thì công hiệu vô cùng, mà khi nhận sai bệnh thi lại biến sanh phản ứng cấp tốc. Trong khi làm sẵn trị bệnh cần phải hiểu rõ hàng, nhiệt, hư, thiết, biều lý, âm, dương, phân biệt mồi khỏi ngộ nhận. (Xem nguyên tắc chẩn đoán bệnh của một Y-Sĩ Ciasm-Y).

VII. – BỐI-DU HUYỆT HIỆU NGHIỆM.

Phản kinh huyết về kinh BANG-QUANG chúng ta nhận thấy ở sau lưng có nhiều huyết 'DU-HUYỆT', theo xưa Du Huyết là lưu thông xứ vi Du, có tên là Khi-du, Du-hội và có cùi Sở trú vi Du, vậy Du-huyết ở lưng là những chỗ khí lưu trú của Kinh Kinh-mạch tức là tạng phủ Du-huyệt.

Theo cơ-thể học thì những Du-huyệt ở lưng quan hệ với các mạch của Hệ Thân-kinh Dinh-Dưỡng Giao-cảm thắn-kinh (Thân-kinh có giải ở sách trước), Thân-kinh điều khiển cơ năng nội-tạng. Nội-kinh có câu Trị-tạng giáp trị ư Du, vì thế châm cứu và bệnh trực thuộc với tạng phủ cần phải dùng những huyệt Du ở lưng.

Tất cả sau lưng có 29 huyệt là:

Đại-chùy, Phong-môn, Phế-du, Khuyết-ám-du, Tâm-du, Đốc-du, Cánh-du, Can-du, Đõm-du, Tỷ-du, Vị-du, Tiêu-trường-du, Thận-du, Khi-hô-đu, Đại-trường-du, Quang-nghuyên-du, Tam-tiêu-du, Bàng-quang-du, Trung-lữ-du, Bạch-hoàn-du, Thượng-liêu, Thủ-liêu, Trung-liêu, Hạ-liêu, Cao-hoan, Tứ-hoa, Hoạn-môn, Mạng-môn, Yếu-du.

Nhưng trong 29 huyệt có 18 huyệt chủ yếu:

Đại-chùy, Phong-môn, Phế-du, Tâm-du, Cánh-du, Can-du, Đõm-du, Tỷ-du, Vị-du, Tam-tiêu-du, Thận-du, Thượng-liêu, Trung-liêu, Hạ-liêu, Cao-hoan, Mạng-môn, Yếu-du.

Châm cứu trị cần phải hiểu rõ sự quan hệ của những Du-huyệt, khi lâm sàn trị bệnh biết phối hợp áp dụng mới có nhiều kết quả chắc chắn.

Xin đơn cử các hình sau đây:

1) Bà Liên 60 tuổi người suy nhược. vì dạ dày yếu ăn ít tiều nên thiếu sự Dinh-dưỡng phát bệnh chỏ cánh tay trái đến giáp vai đau nhức đã 10 năm, không nằm bên ấy được, tay mặt không đưa ra sau lưng được, ban đêm thường cảm thấy té nhức chỏ giáp vai rất khó chịu không ngồi được, dùng đủ các thứ thuốc chỉ đỡ không hết hẳn.

Trị pháp: Châm cứu trị trong 40 lần đều dùng các huyệt phía sau lưng phối hợp các huyệt ở vai tay trị phong thấp và khiêm dùng Vị-du với các huyệt ở chân trị bệnh dạ dày, áp dụng trực tiếp cứu các Du-huyệt.

Kết quả tay đưa ra sau được, và nằm được như thường không đau nhức nữa, lại ăn uống như thường, bệnh hoàn toàn hết hẳn.

2) Anh Quân 30 tuổi làm nghề Nha-y người gầy ốm, mạch nhỏ vó lực, 2 năm trước bị bệnh Sưng ruột dữ trị hết sau phát đau từ chỏ thành ruột dần đến thận nan (dái) hàng ngày sau 12 giờ trưa khi làm việc thì càng đau dữ, tối không ngủ yên được. đã dùng nhiều

thứ thuốc đều vô hiệu, cho là chứng bất trị, Đông-y cho là chứng Xán-khi nhưng trị cũng không kết quả.

Châm cứu trị cả thảy 23 lần hết đau, vì nhận là chứng Trường thần kinh thống mỗi lần trị đều dùng bối Du-huyệt làm chủ Tam-niều-du, Thận-du, Mạng-môn phối hợp với các huyệt chỗ đau (Thủy-đạo, A-thị-huyệt, Túc-tam-lý, Tam-Âm-giao bên trái áp dụng châm sau gáy cùu, trị trong 5 lần bình giảm 7/10 sau tiếp trị đến hoàn toàn hết hẳn, bình phục lại như thường.

3) Anh Dương 40 tuổi người khỏe mạnh, mấy tháng trước cảm thấy đau từ dưới lưng lèo đến cổ, khi có làm lung gì lại càng đau nhiều, tinh thần mệt mè, dùng đủ thuốc không công hiệu.

Sau châm cứu trị tối nhận là đau Thần-kinh gian sườn thường dùng các huyệt thông-dung trị 3 lần không có kết quả, sau áp dụng các Du-huyệt ở lưng (tả Phế-du, tả Tâm-du, làm chủ) và phối hợp các huyệt Nhũ-căn, Kỷ-môn, Chương-môn, A-thị-huyệt đều châm sau gáy cùu, trị 7 lần kết quả hết hẳn.

Vậy 3 bệnh trên đây dùng các Du huyệt ở lưng rất công hiệu, chứng minh các Du huyệt liên hệ trực tiếp với các cơ năng tạng phủ, nhứt là đối với Thần-kinh dinh-dưỡng, trị bình nên cần nghiên cứu phối hợp.

IX.— PHỐI HUYỆT THÀNH PHƯƠNG

Châm cứu tùy bộ-phận bị bệnh, đổi chứng dung huyệt tại các kinh trực thuộc (điểm diện) và phối hợp kinh liên hệ (tuyến). tùy chứng trang thể chất áp dụng thủ pháp thích ứng, phần Ân bộ thủ huyệt quyền trước đã có nói rõ về phần định bệnh sở tùy bộ phận dung huyệt.

Theo xưa áp dụng phối hợp dung huyệt trị bệnh như được liệu có những thành phương sau đây rất hiệu nghiệm :

1.— Các huyệt hợp dung : Đại-chùy, Khúc-trí, Hiệp-cốc có công dung làm cho cơ năng thanh vượng thường dùng trị các bệnh : Lao phổi, sốt rét.

Dùng các huyệt sau Phối hợp với dung phương trị liệu như :

Đầu cổ cứng đau thì phổi hợp : Phong-trì, Phong-phẫu.

Các bệnh dạ dày ruột thì phổi hợp : Túc-tam-lý, Phong-long.

Thương phong làm nghẹt mũi thì phổi hợp Thượng-tinh, Nghinh-hương.

Các chứng bài huyết, niệu độc thì phổi hợp Nội-quang.

2.— Chỉ hạng, Phát hạng : Hiệp-cốc, Phục-lưu (Bồ Hiệp-cốc, tả Phục-lưu, chỉ hạng, Bồ Phục-lưu, tả Hiệp-cốc phát hạng).

3.— Trị bệnh ở bộ phận Đầu mà dùng các huyệt : Khúc-trì, Hiệp-cốc.

Như mắt đau già Tinh-minh, Tư-trúc-Không, Bình mũi già Nghinh-hương, Hòa-liêu, Tai ủ tai điết già Thịnh-hội, E-phong, Bình ở miệng già Lao-cung, Thủy-cầu, Bình yết-hầu già Giáp-xu, Ngư-tế, Bình đau răng già Hạ-quang (cũng trị chân răng sưng), Nhan diện thần kinh ma té hoặc kinh loạn già Địa-thương.

4.— Vai cánh tay đau và bộ phận ở ngực các chứng như nhức đầu, cổ, Tráng-phong, Hầu-viêm, Hung-mac-viêm thường dùng các huyệt Kiên-ngung, Khúc-trì.

5.— Làm cho cơ năng nữa thân dưới được điều chỉnh dùng các huyệt Hoàn-khiếu, Dương-lăng-tuyễn.

6.— Cảm mạo, Phong-thấp dùng các huyệt : Khúc-tri Uỷ-trung, Hạ-liêm (có thể dùng Thủ Hạ-liêm hay Túc Hạ-liêm tùy ứng dụng).

7.— Điều chỉnh cơ năng nội tạng như Phổi, Gan, Thận, Trường Vị dùng các huyệt : Khúc-tri, Dương-lăng-tuyễn.

8.— Các viêm chứng như ghê, Phu nhơn bệnh tử-cung, buồng trứng dùng các huyệt : Khúc-tri, Tam-Âm-giao.

9.— Bình ở chân và các bệnh Trường Vị dùng các huyệt Dương-lăng-tuyễn, Túc-tam-lý.

10. Trần tinh Thần kinh dùng các huyệt : Hiệp-cốc, Thái-xung.

Trị bệnh Tinh thần phổi hợp với Phong-long, Dương-lăng-tuyễn

Trị Điện-giản Phổi hợp với Thần-môn, Bách-Hội,

11.— Trị Tiện-bi Trần tinh thần kinh Phong-long, Dương-lăng

12.— Bình ở dưới bụng, Bàng-quang, Niệu đạo, Sanh-thực-khi dùng các huyệt : Khi-hải, Thiên-xu.

13.— Điều chỉnh cơ năng, Trường vị, chỉ thương thô hạ tả dùng các huyệt Trung-uyễn, Túc-tam-lý.

14.— Bình Dạ dày dùng các huyệt : Lao-cung, Túc-tam-lý.

- 15.— Kiện Tý Vị dùng các huyệt Hiệp-cốc, Túc-tam-lý.
- 16.— Hung thủng dùng các huyệt : Đại-chúy, Nội-quang.
- 17.— Cường-tráng dùng các huyệt : Nội-quang, Tâm-âm-giao.
- 18.— Ho Thò huyệt, Ho lao phòng sự quá độ dùng các huyệt Ngưu-ié, Thái-Khiê.
- 19.— Cổ lưng thủng đau và điều chỉnh nội tạng dùng các huyệt Đại-trữ, Thân-trụ.
- 20.— Ho suyễn : Du-phủ, Văn-môn.
- 21.— Bình bộ phận sinh dục : Khí-hải, Quang-nguyên, Trung-cực, Tử-cung.
- 22.— Trị bệnh trẻ con như ho, ợe mửa, đau cổ họng, phát sốt dùng các huyệt Hiệp-cốc, Thiếu-thương, Thương-dương.
- 23.— Trị Thè tè, ác họng dùng các huyệt : Khúc-trạ th, Ủy-trung (châm ra máu).

CHƯƠNG II

I.— NĂM HUYỆT CHÍNH TRONG 12 KINH

Học về Kinh mạch, chúng ta đã nhận thấy trong cơ thể có 12 kinh chính và hai kinh Nhâm, Hỗn, mỗi kinh mạch đều có nhiều huyết với sự công dụng trị bệnh của từng huyết.

Trị bệnh bằng châm cứu phải tùy bộ phận đổi chứng dụng huyết chủ trị. (Phần này quyển trước đã có nói rõ), nhưng đổi với trị liệu không phải chỉ biết áp dụng như thế là đủ, vì đổi với huyết cũng như đổi với tánh dược, thì khi trị bệnh lại cần phải biết cách phối hợp, đổi với kinh mạch còn cần phải linh hoạt biến thông.

Phần trước đã nói trị bệnh bằng châm cứu áp dụng theo khí hóa nên kinh mạch đã phân Âm dương (phần sách trước có nói rõ), vì căn cứ theo khí-hóa nên Đông-y phân ra ngũ hành Kim, Mộc, Thủy, Hoả, Thổ, tức cũng theo khí hóa luận Vũ-trụ, và có câu Cơ thể con người là tiều Thiên địa, trị bệnh cho con người cần phải làm điều hòa khí hóa trong cơ thể theo chiều hướng bất thường của vũ trụ.

Vì thế nên đổi với kinh mạch và huyết đạo đều phân theo Âm dương Ngũ hành sanh khắc (sẽ giải rõ phần ngũ hành sau).

Trong 12 kinh mạch có nhiều huyết nhưng áp dụng Ngũ hành sanh khắc thì chỉ dùng mỗi kinh 5 huyết chính là Tĩnh, Vinh, Du Kinh, Hiệp, tức những yếu huyết của mỗi kinh tăng theo Kim, Mộc, Thủy, Hoả, Thổ.

Khi trị bệnh đổi với ngũ tang binh những huyết này rất cần thiết để đổi chứng áp dụng đúng theo quy tắc sanh khắc của ngũ hành.

Vậy sau đây là những huyệt Tinh, Vinh, Du, Kinh, Hiệp của 12 kinh mạch cũng cả thảy là 60 huyệt chính (12 kinh mỗi kinh 5 huyệt).

A. Thập nhị kinh : Tinh, Vinh, Du, Kinh, Hiệp.

- 1) **TĨNH** (TSING/Source/ Sở xuất vi Tinh.
- 2) **VĨNH** (YONG/Petit Courant/ Sở lưu vi Vinh.
- 3) **DU** (YU/ Grand Courant/ Sở trú vi Du.
- 4) **KĨNH** (TCHING/ Courant de Méridiant/ Sở hành vi KINH.
- 5) **HĨEP** (HO/Jointion vec l'Energie général/ Sở nhập vi Hiệp.
- I) **TĨNH** (Những huyệt bắt nguồn từ ở đầu hay ở huyệt cuối cùng của kinh mạch.

Thường ở đầu ngón tay hay ngón chân, trừ huyệt Dũng-tuyền ở giữa lòng bàn chân.

12 Tinh huyệt ở 12 kinh là :

Phế :	Thiếu-Thương.	Đại-Trường :	Thương-Dương.
Tỳ :	Àn-Bạch.	Vị :	Lệ-Đoài.
Tâm	Thiếu-Xung.	Tiểu-Trường :	Thiếu-Trạch.
Thận :	Dũng-Tuyền.	Bàng-Quang:	Chí-Âm.
Bao Lạc	Trung-Xung.	Tam-Tiêu :	Quang-Xung.
Can	Đại-Bôn.	Đорм:	Khiếu-Âm.

II) **VĨNH** Những Huyệt gần tức huyệt tiếp theo huyệt Tinh (Huyệt thứ hai hay huyệt trước huyệt cuối cùng của Kinh mạch.

12 Vinh huyệt ở 12 Kinh là :

Phế :	Ngư-Tế	Đại-Trường:	Nhi-Gian.
Tỳ	Đại-Độ.	Vị :	Nội-Định.
Tâm	Tbiếu-Phủ.	Tiểu-Trường :	Tiền-Cốc.
Thận	Nhiên-Cốc.	Bàng-Quang:	Thông-Cốc.
Bao Lạc	Lao-Cung.	Tam-Tiêu:	Dịch-Môn.
Can	Hành-Gian.	Đorm :	Hiệp-Khé.

III) **DU.** Những Huyệt liền tiếp với Vinh, thường là những huyệt thứ ba hay thứ tư kè từ huyệt Tinh.

12 DU huyệt ở 12 Kinh là :

Phế :	Thái-Uyên.	Đại-Trường :	Tam-Gian.
Tỳ :	Thái-Bạch.	Vị :	Hàm-Cốc.
Tâm :	Thần-Môn.	Tiểu-Trường :	Hậu-Khé.

Thận :	Thái-Khé	Bàng-Quang :	Kinh-Cốt.
Bào-Lạc :	Đại-Lăng.	Tam-Tiêu :	Trung-Chữ.
Can :	Thái-xung.	Đồm :	Túc-Lâm-Khấp.

IV. KINH : Những huyệt phía trong cùm tay hay mắt cá chân.

12. Kiểu ở 12 Kinh mạch là :

Phế :	Kinh-Cự	Đại-Trường :	Dương-Khé.
Tỳ :	Thương-Khuu.	Vị :	Giải-Khé.
Tâm :	Linh-Đạo.	Tiểu-Trường :	Dương-Cốc.
THẬN :	Phục-Lưu	Bàng-Quang :	Còn-Lòn.
Bào-Lạc :	Gian-Sū	Tam-Tiêu :	Chi-Cầu.
Can :	Trung-dò.	Đồm :	Dương-Phò.

V. - HIỆP : Những huyệt ở giữa cùi chỏ hay khớp đầu gối, huyệt nối tiếp với luồng Thân-kinh chính.

12 HIỆP & 12 Kinh mạch là :

Phế :	Xích-Trạch.	Đại-Trường :	Khúc-tri.
Tỳ :	Ẩm-lăng-Tuyễn.	Vị :	Túc-Tam-Lý.
Tâm :	Thiếu-Hải.	Tiểu-Trường :	Tiểu-Hải.
Thận :	Âm-Cốc.	Bàng-Quang :	Ủy-Trung.
Tam-Bảo :	Khúc-Trạch.	Tam-Tiêu :	Thiên-Tinh.
Can :	Khúc-Tuyễn.	Đồm :	Dương-Lăng-Tuyễn.

Mỗi kinh có 5 Huyệt chính : Tinh, Vinh, Du, Kinh, Hiệp trên ngoại ra khi trị bệnh ở các kinh lạc còn cần phải dùng những huyệt Nguyên và Lạc sau đây để phối hợp. Vì dùng 1 trong 5 huyệt Tinh, Vinh, Du, Kinh, Hiệp, thêm Nguyên Huyệt và phối hợp trong ngoại (Biểu, Lý) Lạc huyệt, tức là chủ khách phối hợp, Âm Dương hỗ trợ thì càng công hiệu.

Nội-kinh có câu : Túc-Dương-Minh, Thái-Âm vi biểu lý, Thiếu-Dương, Khuyết-Âm vi Biểu lý, Thái-Dương, Thiếu-Âm vi Biểu-ly, (Túc Âm-dương kinh), Thủ Dương-Minh, Thái-Âm vi Biểu-ly, Thiếu-Dương Khuyết-Âm vi biểu lý, Thái-Dương, Thiếu-Âm vi biểu lý. (Thủ Âm-dương kiều.)

Trong thân thể con người có ngũ tạng lục phủ, Tạng là Âm-kinh, Phủ là Dương-kinh, về sinh hoạt của kinh mạch cứ một Âm phối hợp với một Dương, giao cảm hỗ trợ lẫn nhau (Sự sinh hoạt của kinh lạc đã có nói ở quyển trước về phần kinh huyệt

(trong cơ thể), dễ phát sinh hiệp lực tác dụng, vậy trị bệnh bằng châm cứu phải cào hiểu rõ sự quan hệ liên quan của kinh huyệt Nguyên Lạc phối hợp với nhau.

15 LẠC HUYỆT (xem giải sau)

Phé Lạc vi Liệt-Khuyết	Thiên-Lịch thuộc Đại-Trường
Tỷ nǎi Công-Tôn huyệt.	Phong-Long Vị trung ương.
Tâm lạc Tầm Thông-Lý.	Chi-Chánh quy Tiêu-Trường.
Hai-Chung vi Thận lạc.	Bàng-Quang thuộc Phi-Dương.
Nội-Quan Tâm-bảo-lạc.	Ngoại-Quan Tam-Tiêu-tương.
Liver-cửu hệ Can-lạc.	Quang-Minh Đởm Thiếu-Dương.
Nhám mạch tại, Hồi-Âm.	Độc mạch tại Trường-Cường
Tỷ phục hưu Đại-Bào,	Đại-Bào tòng Âm-Dương. (Huyệt
Đại-Bào là tòng huyệt thông Âm Dương các Kinh mạch.)	

12 Kinh NGUYÊN huyệt (xem giải sau)

Nguyên Huyệt. Nạn-Kinh ; Ngũ tạng lục Phù hữu hịnh giai thủ kỵ Nguyên. Nguyên huyệt thống trị ngũ tạng lục Phù bách hịnh. Tức khi trị bệnh nội tạng cần phải phối hợp thêm Nguyên huyệt của tạng phủ ấy.

Phé kinh Nguyên Thái-Uyên.	Đại-Trường Nguyên Hiệp-Cốc.
Tâm-Bảo-lạc Nguyên Đại-Lăng.	Tam-Tiêu Nguyên Dương-Tri.
Tâm kinh Nguyên Thần-Môn.	Tiêu-Trường Nguyên Uyên-Cốt.
Tỷ kinh Nguyên Thái-Bạch.	Can kinh Nguyên Thái-Xung.
Vị kinh Nguyên Xung-Dương.	Thận kinh Nguyên Thái-Khê.
Đởm kinh Nguyên Khưu-Hư.	Bàng-Quang Nguyên Kinh-Cốt.

Kết luận trên đây là 5 huyệt chính của mỗi kinh mạch và Nguyên (chủ huyệt) và Lạc (phối huyệt).

Trị bệnh có đặc tính riêng sở trị của mỗi huyệt sau đây :

TỈNH huyệt chủ trị ngũ tạng lục phù làm bình dưới tim đày.

VỊNH huyệt chủ trị ngũ tạng lục phù làm bình toàn thân nóng.

DU huyệt chủ trị ngũ tạng lục phù làm bình minh nóng xương đau.

KINH huyệt chủ trị ngũ tạng lục phù làm bình ho suyễn, nóng lạnh.

HỢP huyệt chủ trị ngũ tạng lục phù làm bình hơi nghịch tiết ra.

Khi làm săn trị bệnh nếu thấy hiện hình ở kinh nào mà xót đau có phát hiện chứng trạng như dưới tim đày thì đều dung Tĩnh huyệt,

nếu phát hiện toàn thân nóng thì đều dùng Vinh huyệt, như hiện bình minh nặng xương đau thì dùng Du huyệt, hiện bình ho suyễn làm nóng lạnh thì dùng Kinh huyệt, có hơi nghịch tiết ra đầy đau thì dùng Hiệp huyệt.

Ví như : Bệnh nhoba ho hen chở trên rún phía mặt có động hơi đè đau ấy là Phế kinh bình, nếu dưới chở tim đầy, trị châm huyệt Thiếu-Thương (Tỉnh) thân nóng châm huyệt Ngưu-Tế (Vinh) minh nặng xương đau, châm huyệt Thái-uyên (Du), suyễn súc làm nóng lạnh châm huyệt Kinh-Cự (Kinh), hơi đầy xóc nghịch khó chịu châm huyệt Xích-Trạch (Hiệp).

Vậy cứ chiếu theo đây, nếu mỗi kinh bình phát hiện các chứng kè trên thi đều áp dụng những huyệt trị như thế cả, ngoài ra dùng thêm huyệt Nguyên tức là chủ huyệt của kinh và huyệt Lạc tức là huyệt phổi hợp trị đè phát sanh hiệu lực tác dụng.

Nhưng trị bằng châm cứu còn cần phải hiểu thêm về ngũ hành sanh khắc để áp dụng Bồ Tát thi công hiệu mới vững chắc.

(xem ngũ hành sau)

B. Tinh, Vinh, Du, Kinh, Hiệp, Nguyên, Lạc, Đề, Tà, theo ngò hành
 ★ AM KINH

KINH TANG	TINH	VINH	DU	KINH	HIEP	NGUEN	LAC	BO	TÀ
Ngũ Hành Tâm (Hỏa)	Mộc	Hỏa	Thổ	Kim	Thủy	Thần-môn	Thêng-Lý	(Mẫu)	(Tử)
Càn (Mộc)	Thiếu-Xung	Thiếu Phù	Thần-Môn	Linh-Đạo	Thiếu Hải	Thần-môn	Thêng-Lý	Thiếu-Xung	Thần-môn
Tỷ (Thổ)	Đại-đôn	Hành-gian	Thái-xung	Trung-Đô	Khúc-tuyên	Thái-xung	Lãy-cầu	Khúc-tuyên	Hành-gian
Phè (Kim)	Âm-bach	Đại-đờ	Thái-bach	Thương-khuru	Âm lăng	Thái-bach	Công-tôn	Đại-Đô	Thương-khuru
Thìn (thủy)	Thiểu thương	Ngu-tế	Thái-Uyên	Kinh-cử	Xích-trạch	Thái-Uyên	Liệt khuyết	Thái-Uyên	Xích-trạch
Tâm bão (hỏa)	Dũng tuyễn	Nhiên cốc	Thái-khé	Phục-lưu	Âm-cốc	Thái-khé	Đại-chung	Phục-lưu	Dũng-tuyên
	Trung xung	Lao-cung	Gian sù	Khúc-trạch	Đại-lăng	Néi-quan	Trung-xung	Đại-lăng	

★ ĐƯỜNG KINH

KINH TẠNG	TINH	VỊNH	DU	KINH	HỆP	NGUYỄN	LẠC	BỘ	TÀ
Ngũ hành Đại- Trường (Kim)	Kim Thương dương	Thùy Nhị gian	Mộc Tam-gian	Hỏa Dương- Khê	Thổ Khúc-Trì	Hiệp-cốt	Thiên-Lịch	Khúc-ri	Nhị-gian
Tiểu trường (Hỏa) Vị (Thổ)	Thiếu trạch Tiền-cốt	Hữu-Khê	Dương-cốt	Tiểu-hài	Uyển-cốt	Chi-chánh	Hậu-Khê	Tiểu-hài	
Đốm (Mộc) Bàng Quang (Thủy) Tam Tiêu (hỏa)	Lệ-doài Nội-dinh Khí-huân Hiệp-Khê Thông-cốt	Nơi-dinh Hiệp-Khê Túc-lâm- khắp Kinh-cốt	Giải-khê Hàn-cốt Đương-phò Côn-lon	Túc-tam lý Xung- dương Đương- láng Úy-trung	Phong-long Khuru-hư Quang- minh Phi-dương	Xung- dương Đương- láng Kinh-cốt	Giải-khê Hiệp-khê Chi-âm	Lệ-doài Đương- phò Thúc-cốt	
	Dịch-mèn	Trung-chữ	Chi-đầu	Thiên-tinh	Dương-trí	Ngoại- quang	Trung-chữ	Thiên-tinh	

xem phần ngũ hành sành khắc sau Hư bồ mẫu, Thiết tâ tú.

III -- THẬP NGŨ LẠC MẠCH

Phần Kinh mạch có nói về lạc tức là những nhánh nối liền các Kinh mạch (đã giải sách trước về sinh hoạt của Kinh mạch).

Vậy Kinh mạch chỉ có 12 Kinh chính và Nhâm, Đốc mạch, nhưng lại có đến 15 lạc. Theo Nội-kinh 12 kinh chính có 12 lạc mạch thông với nhau làm biểu lý trong ngoài và hai Mạch Nhâm Đốc là Hai kinh trước sau cùn đối nhau về âm dương trong cơ thể, lại thêm Tỳ kinh ở Trung ương nên có 1 lạc lớn nữa làng hợp âm dương có mạch ở huyệt Đại-bào làng cộng là 15 lạc sau đây :

1.— Thủ Thái-ám Phế-kinh có lạc nhánh là Liệt-khuyết, chạy từ phía trên cùm tay lên ngón cái chỗ huyệt Liệt khuyết chạy nối với kinh Thủ Dương-Minh Đại-trường hợp Phế và Đại-trường làm biểu lý trong ngoài.

2.— Thủ Thiếu-ám Tâm kinh có lạc nhánh gọi là Thông-lý khởi từ phía cùm tay bên ngón út chỗ huyệt Thông-lý chạy nối với kinh Thủ Thái-dương Tiêu-trường làm biểu lý trong ngoài.

3.— Thủ-khuyết-ám Tâm bào-lạc có lạc nhánh gọi là Nội-quang khởi từ giữa cùm tay trong nơi huyệt Nội-quang chạy nối với kinh Thủ Thiếu-dương Tam-tiêu hợp Tâm bào-lạc và Tam tiêu làm biểu lý trong ngoài.

4.— Thủ Thái-dương Tiêu-trường có lạc nhánh gọi là Chi-chánh khởi từ phía ngoài cánh tay chỗ huyệt Chi-chánh chạy nối với kinh Thủ Thiếu-ám Tâm làm biểu lý trong ngoài.

5.— Thủ Dương-minh Đại-trường có lạc nhánh gọi là Thiên-lịch khởi từ trên cánh tay phía ngoài nơi huyệt Thiên-lịch chạy nối với kinh Thủ Thái-ám Phế làm biểu lý trong ngoài.

6.— Thủ Thiếu-dương Tam-tiêu có lạc nhánh gọi là Ngoại-quang khởi từ phía ngoài cùm tay chỗ huyệt Ngoại-quang chạy nối với thủ khuyết-ám Tâm-bào-lạc làm biểu lý trong ngoài.

7.— Túc Thái-dương Bàng-quang kinh có lạc nhánh gọi là Phi-dương khởi từ phía sau ống chân trên mắt cá chỗ huyệt Phi-dương chạy nối với kinh Túc Thiếu-ám-Thân làm biểu lý trong ngoài.

8— Túc Dương-minh Vị có lạc nhánh là Phong-long khởi từ phía chân ngoài trên mắt cá chỗ huyệt Phong-long chạy nối với kinh Túc Thái-ám-Tỳ làm biểu lý trong ngoài.

9.— Túc Thiếu-dương Bồm kinh có lạc nhánh gọi là Quang-minh khởi từ phía chân ngoài trên mắt cá chỗ huyệt Quang-minh chạy nối với kinh Túc Khuyết-âm Can kinh làm biều lý trong ngoài.

10.— Túc Thái-âm Tỳ có lạc nhánh gọi là Công-lôn khởi từ chân chỗ huyệt Công-lôn chạy nối với kinh Túc Dương-minh Vị làm biều lý trong ngoài.

11.— Túc Thiếu-âm Thận có lạc nhánh gọi là Đại-chung khởi từ chỗ dưới mắt cá chân trong nơi huyệt Đại-chung chạy nối với kinh Túc Thái-dương Bàng-quang làm biều lý trong ngoài.

12.— Túc khuyết-âm Can có lạc nhánh gọi là Lây-cầu khởi từ trên mắt cá ngoài nơi huyệt Lây-cầu chạy nối với kinh Túc Thiếu-dương Bồm làm biều lý trong ngoài..

13.— Độc mạch lạc là Trường-cường chạy từ Trường-cường suối lưng thẳng lên đầu mặt.

14.— Nhâm mạch lạc là Hội-âm chạy từ Hội-âm lên bụng ngực

15.— Tỳ Đại lạc gọi là Đại-bào khởi từ huyệt Đại-bào dưới nách 3 tết bao cả Hồng ngực toàn thân.

Vậy tất cả 15 lạc mạch chạy nối các kinh mạch làm thành biều lý trong ngoài, trị bệnh cần hiểu rõ để áp dụng huyệt trị phổi hợp, là nhờ âm dương tương quan quản binh phổi hợp hỗ trợ lẫn nhau thì cũng được nhiều công hiệu.

(Xem phần trị nghiệm sau)

III THẬP NHỊ KINH BÌNN, TÌNH, VINH, DU, KINH HIỆP, HƯ, THIỆT, BÓ, TÀ

Phé Kinh : Đóng hịnh (kinh mạch bị bệnh), hiện chứng trạng phổi đầy trướng, ho suyễn, chỗ ngực (khuyết Vinh) đau hai tay lạnh, phát hịnh (biến sanh bệnh) hơi xổ: lên ho, suyễn, tím phiền, ngực đầy, cánh tay đau ban tay nóng.

Chứng thiệt : đau đần cả vai lưng, ra mồ hôi, tiêu tiện gắt (sát) mạch Khi-khẩu lớn hơn Nhơn-nghinh. (1)

Chứng hư , Vai lưng lạnh, hơi thở hắt (thiếu hơi), tiêu tiện vò dộ, mạch Khi-khẩu nhỏ hơn Nhơn-nghinh,

Châm trị ; Hư, Bồ huyệt Thái-Uyên (Du thô, thô sanh kim), Hư bồ mǎu. **Thiệt** ; Tả huyệt Xích-Trạch (Hiệp thủy, Kim sanh thủy) Thiệt tả tử.

Đại Trưởng-Kinh ; Động bình nặng đau má sưng, phát bình mặt vàng miệng khô, chảy máu cam, hầu tê, trước vai đau, ngón tay cái và trỏ đau, (bất dung).

Chứng thiệt ; Mạch máu, sưng nóng, Mạch Nhơn-nghinh lớn hơn Khi-Khầu.

Hư ; lạnh không欢迎大家, Mạch Nhơn-Nghinh nhỏ hơn Khi-Khầu.

Châm trị ; Hư : Bồ huyệt Khúc-trì, (Hiệp thô, thô sanh Kim) Hư bồ mǎu.

Thiệt ; Tả Huyệt Nhị-gian (Vịnh thủy, Kim sanh thủy) Thiệt tả kỵ tử.

Vị Kinh ; Động bình, Mặt má hơi đen, sợ sệt, không muốn gần người, gần lửa, tim động, bình nặng muốn chạy nhảy như điên.

Phát bình ; Sốt rét, chảy máu cam, mồ hôi, miệng khát, hầu tê, mỏi liệt, bụng dưới trương, đầu gối đau, ngón tay giữa đau.

Chứng thiệt ; thân nóng hoài, hay đói, nước tiểu vàng vàng. Mạch Nhơn nghinh lớn hơn Khi khầu.

Chứng thư ; thân bình ladro, dạ dày lạnh đầy, mạch Nhơn nghinh lớn Khi-khầu.

Châm trị ; Hư bồ Giải-khê (Kinh hỏa ; hỏa sanh thô) hư bồ mǎu, Thiệt Tả Lệ-Đoài (Tĩnh kim, thô sanh kim) Thiệt tả kỵ tử.

Tỳ-Kinh ; Động bình lười c Irving, chỗ dạ dày đau, bụng trương bay q. Phát bình lười đau, thân nặng nề không muốn hoạt động, ăn vào không hę, tim phiền, huyệt dáng, là lồng, chân gối phía trong sưng lạnh, ngón chân cái đau (bất dung).

Chứng thiệt trong bụng đau, mạch Khi-khầu lớn hơn Nhơn-nghinh.

Chứng hư, bụng trương to, mạch Khi-khầu nhỏ hơn Nhơn-nghinh.

Châm trị ; Hư bồ Đại-đô (Vịnh hỏa, hỏa sanh thô), hư bồ mǎu. **Thiệt tả Thương-khưu** (Kinh kim, thô sanh kim) thiệt tả tử.

Tâm-Kinh ; Động bình ; cổ khô, ống tim đau, khát nước, uống hoài tay lạnh. Phát bình ; Mắt vàng hông đau, cánh tay trong đau, bàn tay đau.

Chứng thiệt, chỗ hung cách khó chịu, mạch Khi-khầu lớn hơn Nhơn nghinh.

Chứng hư, không muốn nói năng, mạch Khi-khầu nhỏ hơn Nhơn nghinh.

Châm trị: Hư bồ Thiếu-Xung (Tình, mộc, mộc sanh hỏa) hư bồ mẫu. Thiệt tả Thần-Môn, (Du thô, hỏa sanh thô) thiệt tả tử.

Tiểu Trưởng-Kinh: Động bình : Hầm sưng không xoay cò được lunge như gãy, vai cứng.

Phát bệnh : Mắt vàng má sưng tai điếc, cò, vai, tay, cùi chỏ phía ngoài tay đau.

Chứng thiệt : chỗ cùi chỏ khớp xương đau khó vận động, mạch Nhơn nghinh lớn hơn Khi-khầu.

Chứng hư, phát hirus hạch : Mạch Nhơn nghinh nhỏ hơn Khi-khầu.

Châm trị : Hư bồ Hậu-Khê (Du mộc, Mộc sanh hỏa) Hư bồ mẫu. Thiệt Tả Tiêu-Hải Hiệp thô, Hỏa sanh thô ; Thiết tả tử.

Bàng-Quang : Động bình Đầu đau như vỡ, cò đau, lưng đau, như bị gãy, chân không khum được, nhưng chân cứng mắt cá chân lạnh.

Phát bệnh làm sốt rét, như điên cuồng, cò cứng mắt vàng chảy máu cam, cò, lưng, chân đều đau, ngón chân út đơ (bất dung).

Chứng thiệt : chảy mũi nước, lưng cỗ đau, mạch Nhơn nghinh lớn hơn Khi-khầu.

Chứng hư : Chảy máu cam. Mạch Nhơn-nghinh nhỏ hơn Khi-khầu.

Châm trị : Hư, Bồ Chi-Âm (Tình Kim, Kim sanh Thủy), Hư bồ mẫu.

Thiệt : Tả Thúc-cốt (Du mộc, Thủy sanh mộc) Thiết tả tử.

Thận Kinh : Đói không muốn ăn, mặt đeо như khói, ho, khan ra máu, mắt không thấy rõ, khò khè như suyễn, tim như treo đói xót, hay sợ sệt.

Phát bệnh : Miệng nóng lưỡi khô, hầu sưng khí nghinh, tim phiền đau, da huỳnh đán, lưng đau chân yếu.

Chứng thiệt Đại tiêu không thông, Mạch Thốn-khầu lớn hơn Nhơn-nghinh. **Chứng hư :** Bung đau Mạch Thốn-khầu nhỏ hơn Nhơn-Nghinh.

Châm trị : Hư bồ Phục-Lưu (Kinh kim, Kim sanh thủy) Hư bồ mẫu.

Thiệt : Tả Dũng-Tuyền (Tinh Mộc, Thủy sanh Mộc, Thiệt tả tử.

Tâm-bào-Lạc : Động bệnh lòng bàn tay nóng, cùi chỏ co đau, dưới nách sưng, Hong đầy, tim động mạnh, mặt đỏ mắt vàng.

Phát bệnh : Tim phiền, đau, bàn tay nóng.

Chứng thiệt : Tâm đau, mạch Khi-khầu lớn hơn Nhơn-nghinh.

Chứng hư : Đầu nặng đau, mạch Khi-khầu nhỏ hơn Nhơn-nghinh.

Châm trị : Hư bồ Trung-Xung (Tinh Mộc, Mộc sanh hỏa, Hư bồ mỗ).

Chứng thiệt : Tả Đại-lăng (Du thô, hỏa sanh thô (Thiệt tả tử.

Tâm-Tiêu : Động bệnh tai điết lùng bùng, yết hầu sưng tè.

Phát bệnh : ra mồ hôi mặt, má, phía sau tay đau, vai cánh tay cùi chỏ đau, ngón tay út, ngón trỏ đơ (bất dụng).

Chứng thiệt : Khớp cùi chỏ co cắp, mạch Nhơn-nghinh lớn hơn Khi-khầu.

Chứng hư : Cùi chỏ yếu không co lại được, mạch Nhơn-nghinh nhỏ hơn Khi-khầu.

Châm trị : Hư bồ ; Trung-Chữ (Du mộc, Mộc sanh Hỏa) Hư hổ Mẫu.

Thiệt : Tả Thiên-Tinh (Hiệp-Thô, Hỏa sanh Thô) Thiệt tả tử.

Đóm kinh : Động bệnh miệng đắng, Tim họng đau, khó xoay tròn, mặt có màu khói, người không quang dẫn, chân phía ngoài nóng.

Phát bệnh : đau bên đầu, chỏ ngực hơi sưng đau, làm lạnh, ngực hông, sườn, phía ngoài đầu gối đến mắt cá ngoài các khớp xương đều đau, ngón chân út đơ (bất dụng).

Chứng thiệt : Chân khuyết lạnh, mạch Nhơn-nghinh lớn hơn Khi-khầu.

Chứng hư : Chân yếu khó đứng, ngồi không dậy nổi, mạch Nhơn-nghinh nhỏ hơn Khi-khầu.

Châm-trị : Hư bồ Hiệp-Khè, (Vịnh thủy, Thủy sanh mộc) Hư bồ mỗ.

Thiệt : Tả Dương-Phò (Kinh hỏa, Mộc sanh hỏa) Thiệt tả tử.

Còn kinh : Động bệnh, lưng đau không cùi được, trai xán khí, nứ bung dưới đan, cõi khô, mặt biến sắc.

Phát bệnh : ngực dây, thô nghịch, là chảy, xán khí di niệu hoặc bể.

Chứng thiệt, bòn đái hơi trễ, mạch Khi-khâu lớn hơn Nhơn-nghinh.

Chứng, hư, âm nan ngừa Mạch Khi-khâu nhỏ hơn Nhơn-nghinh.

Châm trị : Hư bồ Khúc-tuyềa Hiệp thủy, thủy sanh mộc, hư bồ mỗu.

Thiệt tả Hành gian (Vinh hỏa, Mộc sanh hỏa) Thiết tả tử.

(1) Khi-khâu mạch trước bộ Quan tay phải. Nhơn-nghinh mạch trước bộ Quan tay trái.

IV. - KINH NGUYÊN LẠC HUYỆT CHỨNG TRỊ

Phế-kinh : Nóng lạnh ho suyễn ngực đầy tát lỏng, tiêu nhiều ; tè nhức, hoặc yết hầu sưng, và đau đầm nghẽn bì phu bình dùng Nguyên huyệt Thái-Uyên, phổi hợp Lạc huyệt Đại-trương Thien-Lich.

Đại-trường : Mũi chảy nước, miệng khô, hầu tè, vai đau, tai ứ điểt, má sưng, ngón tay cái và trỏ đơ dùng Nguyên Huyệt Hiệp-Cốc, phổi hợp Lạc huyệt Phế Liệt-Khuyết.

Tỳ kinh : Lãm bình lưỡi cứng, oẹ mửa, đau bụng đau dạ dày, ợ hơi, mình nặng, bí kiết, huỳnh đản, chân đau gối đau, dùng Nguyên huyệt Thái-Bach, phổi hợp với Lạc huyệt Vị Phong-long.

Vị kinh : Cuồn vọng ca hát, ghét người ghét lửa, ánh đèn, chảy máu cam, trong người nóng, đầm nbiều, ngực đầy chân đau dùng Nguyên huyệt Xung-Dương phổi hợp với Lạc huyệt Tỵ Công-Tôn.

Tâm kinh : Hay quên, kinh sợ, (kinh úy chính xung) phiền táo, hay khát nước, nhổ đầm nước hôi dùng Nguyên huyệt Thần-Môn, phổi hợp Lạc huyệt Tiêu-trường Chi-Chánh.

Tiêu-trường : Hầm má tai sưng phát nóng lạnh, cùi chỏ tay khó xoay trớ, vai lưng đau khó chịu dùng Nguyên Huyệt Uyên-Cốt phổi hợp Lạc huyệt Tâm Thông-Lý.

Thận kinh : Mắt đen, ưa nằm, lưng đau chân đau không muốn bước, hoặc miệng khát, thô huyết hạ bộ lạnh, hoặc bụng dưới đau khó chịu, dùng Nguyên Huyệt Thái-Khê, phổi hợp Lạc Huyệt Bàng-Quang Phi-Dương.

Bàng-quang : Lưng chau đau khó đi, bụng trương đau, hoặc

làm lý tả nóng huyệt, đầu cổ cứng đau khó chịu dùng Nguyên huyệt Kinh-Cốt phổi hợp Lạc huyệt Thận Đại-Chung.

Tâm-bào-lạc : Cánh tay đau nhức; miệng khô, ngũ tần phiền nhiệt, mặt, mắt đỏ, hoặc sợ sệt ngực bung đau dùng Nguyên Huyệt Đại-Lăng, phổi hợp Lạc Huyệt Tam-Tiên Ngoại-Quang.

. **Tam-tiêu :** Tai diết hầu tê mắt sưng hoặc mắt tai hầu đều sưng, cùi chỏ tay đau, ra mồ hôi, ngón tay út ngón trỏ đều đơ tê (bất dung), đại tiện kién bể dùng Nguyên huyệt Thái-Xung, phổi hợp huyệt Lạc Đởm Quang-Minh.

Đởm-kinh : Ngực họng sườn đau chân không dờ được, đắn mặt đau; nách sưng mồ hôi nhiều cỗ nồi hạch tràng hạt mà đau, lưỡi đau miệng đắng, sốt rét, nóng lạnh thấu xương tủy, dùng Nguyên huyệt Khưu-Hư, phổi hợp Lạc huyệt Can Lây-Cầu.

V.— THẬP NHỊ KINH BIỀU LÝ NGUYÊN LẠC HUYỆT PHỐI HỢP TRỊ NGHIỆM

1.— Can với Đởm liên hệ biều lý, dùng Can Đởm huyệt phổi hợp trị nhẹ bệnh phong nan-hoán.

Anh Thiên 22 tuổi chân trái bình phong bại đã 5 tháng vì co lâu nên rút gân teo khò lại, hẵng ngày thường hay đực rút đau, cứ cách chừng 1 giờ rút đực 1 lần, rên la rất khò sỏ.

Trị pháp : Ban đầu châm Đởm huyệt Dương-lăng-tuyễn là pháp, bay giờ chân phía ngoài hết đau, duy phía trong chỏ gân gầm bung còn rút đau khó chịu, cử động không được nên không thể dùng huyệt bên trong, phải áp dụng Can huyệt Lây-cầu phổi hợp châm tâ.

Kết quả : Châm xong chân trái hết đau ngay (thật công hiệu).

Tiếp trị như trên 2 lần nữa, hết đau nhức (thật kết quả ngoài ý định).

Trị lý : Trị bệnh này là án huyệt Can chủ gân, tang phủ liên quan với nhau nên dùng Đởm huyệt (biểu lý phổi hợp) nên công hiệu.

2.— Tâm với Tiêu-trường liên hệ biều lý, bồ Tâm kinh và bồ Tiêu-trường kinh trị nhẹ bệnh mất ngủ nữa tháng,

Anh Tòng 40 tuổi tháng trước bị hàn đi cầu ra máu (trường phong) hả huyết trên 100 lần ra máu nhiều làm bần huyết, người phát vàng tim đập mạnh, đầu xoay xầm, tâm tạng suy nhược, đi thi mệt, ban đêm tay chân đều té không ngủ được hơn nữa tháng.

Trị pháp : Bồ Thiếu-xung Tâm huyết và Hậu-khé Tiêu-trường huyết Châm trị lúc giờ mùi khi châm vào huyết Thiếu-xung thì cảm giác đến tim muôn mữa (ý là vì hiện tượng thể chất suy nhược) xoay bồ thì đầu hết xoay xầm muôn ngũ, đè nǎm ngũ yên 2 giờ, đến giờ Thân bảy giờ châm huyết Hậu-khé Tiêu-trường kinh, khi châm vào thì nhận thấy khoan khoái, xoay bồ tiếp rút kim.

Kết quả về nhà đêm ấy ngủ đến sáng, và sau không còn chứng mất ngủ nữa.

Trí lý : Bệnh này vì thiếu huyết nên tâm tạng suy nhược thành chứng mất ngủ, vậy trị cần phải bồ Tâm, theo sách xưa huyết tuần hoàn đến sau giờ ngọ thì lưu trú ở tâm, nên châm theo đúng giờ mùi châm bồ Tâm có kết quả thật bất ngờ, vì thế nên ngủ được ngay (đến 2 giờ), bồ Tâm tinh thần khỏe lại, hết mè mệt, vì Tâm với Tiêu-trường liên hệ biều lý, tiếp bồ Tiêu-trường hỗ trợ dề, kết quả về sau không còn chứng mất ngủ nữa.

3.— Thận với Bàng-quang liên hệ biều lý, bồ Bàng-quang trị nhẹ bệnh Thận hư tai lùng bùng.

Ông Thành 66 tuổi, già yếu suy nhược nên hai tay thường lùng bùng.

Trị pháp : Châm bồ Phục-lưu 3 lần, bồ Phi-dương 3 lần.

Kết quả ; Khi châm Phục-lưu bồ xong tai bắt ủ ngay, tiếp bồ Phi-dương bệnh giảm nhiều.

Trí lý : Bồ thận trị bệnh tai ủ rất hay, nhưng nên phối hợp bồ Bàng-quang lạc huyết mới mau công hiệu.

4.— Tỳ với Vị liên hệ biều lý. Châm Tỳ, Vị huyết trị nhẹ bệnh tim đập, tai lùng bùng điết.

Anh Lộc 28 tuổi bệnh tai lùng bùng điết, tim đập mạnh.

Trị pháp : Châm Thái-bạch, Phong-long, bồ 3 lần, Đại-dô cũng bồ 3 lần.

Kết quả : Tai hết lùng bùng bắt điết (khi mới châm 2 huyết Thái-bạch, Phong-long) Tiếp châm bồ Đại-dô, tai thông ngay hết điết.

5.— nề với Đại-trường liên hệ biếu lý, Châm Đại-trường kinh Thiên-lịch trị nhẹ bệnh cò ngứa ho

Bà La 66 tuổi bệnh ho khan ngày đêm không dứt, không nắm được, cò ngứa thi ho, phát ra mồ hôi.

Trị pháp : Châm Kinh-cử tà 3 lần, cộng 3 lần cò hết ngứa, tiếp châm Thiên-lịch tà 3 lần.

Kết quả đêm ấy mồ hôi hết ra, ngủ yên ho giảm nhiều.

VI.— THẬP NHỊ KINH, TỈNH, VINH, DU, KINH, HIỆP TRỊ NGHIỆM

1.— Tỉnh huyết trị bệnh dưới tim dày trường, Châm tĩnh huyết trị hết chứng thịnh linh xâm té.

Ông Giáp già yếu tâm trạng suy nhược đi đường xa quá mệt thịnh linh té bên vệ đường mắt nhắm không nói được, hỏi không trả lời chỉ lấy tay chỉ chỗ tim.

Trị pháp : Châm Thiếu-xung Tâm tĩnh huyết. (Châm kim vào mắt mở ngay và nói được liền).

Trị lý : Bệnh nhơn không nói được lấy tay chỉ chỗ tim tức vì khí hế tắc tim dày trường làm xâm té, làm trị nên cho tâm khiếu thông dung Tâm tĩnh huyết, kết quả ngay.

2.— Tỉnh huyết trị chỗ dạ dày dày đau, châm tĩnh huyết trị nhẹ bệnh dạ dày dày trường không muốn ăn uống.

Cô Tú 36 tuổi chỗ vùng dạ dày dày trường không muốn ăn uống thêm bệnh Bạch-dái nhiều.

Trị pháp : Châm Ân-bạch ra máu, Hiệp-cốc tà 3 lần

Kết quả : Dạ dày hót đau ăn uống được ; bạch đái cũng giảm.

Trị lý : Chỗ da dày đau là vì Cân khắc tỳ, không muốn ăn uống là vì Tỳ bị tích trè. Châm trị Tý tĩnh huyết là: cho Mộc không khắc thò, thi Tỳ hết bị tích, châm huyết Hiệp-cốc là Đại-trường nguyên nguyệt phổi hợp nên hết dày trường mà ăn được, bạch đái cũng hết.

3.— Vinh huyết trị toàn thân nóng ; Châm Vinh huyết trị bệnh nóng sốt. Cô Phòng bị độc Dương mai làm ghê độc, toàn thân nóng sốt, ghẻ nhức, tay sưng.

Trị pháp: Châm Lao-cung (Tâm-bảo-lạc Vinh huyệt) tả 3 lần.

Kết quả : Châm kim ngay lòng bàn tay làm tim động tả xong toàn thân lạnh, vậy chứng minh Vinh huyệt trị bệnh toàn thân nóng sốt rất hay.

4. – Du huyết trị bệnh Thân nặng xương đau, châm Du huyết trị nhẹ bệnh thân nặng xương đau, ho, nhức đầu.

Có Chân toàn thân các khớp xương đau nhức, mình nặng, nhức đầu, ho, trạng thái như bị gió phạm náo.

Trị pháp : Châm Thái-uyên Phế du huyết tả 3 lần. Kết quả Thân hết nặng, hết đau, đầu hết nhức (đầu lạnh bây giờ chuyển nóng), các bệnh hết, châm Đại-trường Thiên-lịch tả 2 lần.

Kết quả bệnh hoàn toàn bình phục.

Tri lý : Chứng này đầu phong thống, ho tức thuộc phong, phổi bị phong và bệnh lâu không đi nên thân nặng dần đến đau khớp xương. Trị dùng Phế du huyết là trị gốc lòn ngọt nên kết quả rất hay.

5.— Du huyết trị xương đau, châm du huyết trị nhẹ bệnh thân đau phát hưng.

Có Tú 31 luồi toàn thân đau nhức mỗi đêm đều ra mồ hôi 1, 2 lần, mỗi buổi mai lúc 5, 6 giờ thì tim bức rức khó chịu, cách 2 tuần lại thô ra uớt 1 lần.

Trị pháp : Châm Thần-môn du huyết (hên mặt) xoay tả 1 lần thi toàn thân dễ chịu tả lòn uớt, hết đau nhức sau xoay bò 3 lần, tiếp châm tả Dưỡng-lão.

Kết quả hết thịnh hưng, sang hôm sau tim cũng hết bức rức uớt.

Tri lý : Mồ hôi là do tâm dịch bệnh này vì Tâm bệnh nên phát ra mồ hôi. Du huyết trị thân đau nhức nên dùng Tâm Du huyết Thần-môn, trước là để trị đau nhức sau bò trị tâm hirs, (trước là sau bò các chứng đều hết).

6) Du huyết trị đau xương, Châm du huyết trị bệnh toàn thân đau nhức, mồ hôi, tim phiền khát.

Anh Tuyêo 25 luồi toàn thân đau nhức, khi đau nhiều thì ra mồ hôi nhiều, đau ít cũng ra nhưng ít hơn, tim lại làm nóng này phiền táo, miệng khát nước mà không muốn uống.

Trị pháp : Châm Thần-môn tâm du huyết + huyết trước bò sau tả, dùng ngại quyền cứu Phục-lưu, Thái-khé, Côn-lon, 3 lần.

Kết quả : hết đau nhức, mồ hôi giảm, miệng khô khát.

Cách 3 ngày sau trị 1 lần nữa bệnh hết hẳn.

Trị lý : Trị bệnh này cũng dùng huyệt như trên, các chứng đau xương, thanh họng, miệng khát đều hiện tượng tâm hư thành bệnh, sau cùi các huyệt trị thận và bàng quang là có biểu chỉ hưng, nên công hiệu càng mau kết quả.

7) Kinh huyệt trị ho nóng lạnh, Châm Phế kinh huyệt trị nhẹ bệnh cảm họ, Cò Thi 26 tuổi nhứt cảm mạo phát ho, ợ hơi thở đàm, cò ngứa.

Trị pháp : Châm Kinh cự, Phế kinh huyệt (bên mặt) tả 3 lần, tiếp tả huyệt Thiên-lịch 3 lần.

Kết quả : châm tả Kinh-cự xong thì cò hết ngứa, ngực khoẻ, sau tá thêm Thiên-lịch ho suyễn đều giảm, ngày sau hết hẳn.

8) Kinh huyệt trị ho nóng lạnh, châm Kinh huyệt trị nhẹ bệnh ho nặng nhất là sau buổi trưa và sáng sớm.

Cò Canh 21 tuổi bệnh cảm hàn sau phát ho nặng, cò ngứa, thường sau giờ ngọ thì phát ho cả đêm đến sáng.

Trị pháp : Châm huyệt Kinh-cự tả 3 lần, Xích-trạch tả 3 lần (dùng huyệt bên mặt).

Kết quả : Khi châm tá huyệt Kinh-cự thì cò hết ngứa, sau tá Xích-trạch thì hết hàn, ho cũng dứt.

Trị lý : Kinh-cự thuộc Phế Kinh huyệt chủ trị phổi nếu bệnh nhẹ có thể hết ngay, bệnh này nặng nên dùng thêm huyệt Xích-trạch phổi hợp càng công hiệu.

9) Hiệp trị khí nghịch tiết tả, Châm Hiệp huyệt trị nhẹ bệnh đau bụng làm tiết tả tăng sáng sớm (ngủ cạnh tá).

Trị pháp : Châm Túc-tam-lý Vị hiệp huyệt trước tá sau bò.

Kết quả : châm tá xong thì ở bụng cảm giác khoan khoái hết bắc di tả, sau xoay bò tình thần khỏe, ngày hôm sau tá chỉ hết hẳn.

Trị lý : canh nǎm gần sáng là lúc khí huyết tuần hoàn chau thán khi lưu trú tại trung - tiêu ; thuộc vị, bệnh trước phát đau bụng sau tá, vậy là vì lạnh ứ trệ ở trường vị, khi di lên phổi lại phản trả xuống làm tả, dùng Hiệp huyệt là trị khí nghịch làm tiết tả, dùng Túc-tam-lý làm cho cơ năng khôi phục lại bình hết.

10) Hiệp huyệt trị khí nghịch làm tiết tả, châm Hiệp huyệt trị nhẹ bệnh Bạch-lý (kiết đàm trắng), tiêu tiện đau và đầm, bụng, tay chân cũng đau.

Cô Nhàn 28 tuổi bị hịnh Bạch ly, mỗi lần tá làm đau bụng, kiêm nhức đầu, bụng dưới đau, tay chân nhức, lại phát nóng lạnh.

Trị pháp: Châm Khúc-tri Hiệp huyệt (bên mặt) tả 3 bỗ 3, Trung-uyễn, tả 3 bỗ 3, Tiêu-hải Hiệp-huyệt (bên mặt) tả 3 lần.

Kết quả: Châm trị xong bụng hết đau bêt kiết tinh thần khỏe, bình phục.

Trị lý: Bình kiết-ly đau bụng nguyên nhân bị lạnh trê ở ruột. Hiệp huyệt trị khí nghịch tiết là nên dùng Đại trường Hiệp huyệt Khúc-tri và Tiêu-trường Hiệp huyệt Tiêu-hải, lại dùng thêm Trung-uyễn trợ nên bình kêt quả hết hẳn.

11) Châm Hiệp huyệt trị hết chứng Xích-ly (kiết lần máu đỗ).

Cháu Linh 2 tuổi bị hịnh kiết máu đi nhiều lần, không dứt.

Trị pháp: Châm Khúc-tri, Tiêu-hải, Cửu Thượng, Trung-uyễn, Thủ-y-phần, Thần-khuyết, Thiên-xu, Trường-cường, Âm-giao, Quang-nghuyên, Đại tiều-trường-du, Tú-liệu đều 1 tráng.

Kết quả bình hết hẳn.

Kết luận: vây kinh nghiệm trị trên đây chúng ta nhận thấy áp dụng năm Huyệt chính: Tỉnh, Vinh, Du, Kinh, Hiệp trị các bệnh rất công hiệu.

VII.— KỲ KINH BÁC MẠCH

Kỳ Kinh bắc mạch tức là các Kinh ngoài 12 Kinh chính là: Đốc, Nhâm, Xung, Dương duy, Âm-duy, Dương-kiên, Âm-kiên, phân ra 4 Kinh Dương và 4 Kinh Âm. Đây là những Kinh Mạch thông suốt bao gồm cả các Kinh mạch trong cơ thể.

1.— Đốc Mạch: Đốc mạch khởi từ huyệt Hạ-cực du (tức Trường-cường) theo sống lưng lên đến Não các huyệt Phong-phù, Bách-hội, xuống đến mũi và môi miệng đến huyệt Ngàn-giao thông với kinh Thái-dương Tiều-trường.

Theo Nói-kinh Mạch Đốc khởi từ tiền-phúc vỉ hạ cốt trung-trường (Tức Trường-cường), kỳ lạc tung âm khiếu, tức từ huyệt Trường-cường có lạc nhánh vào âm-khiếu như thế là hiệp với Nhâm mạch ở khoản giữa Trường-cường và Hội-âm Nhâm-mạch (Mạch Đốc đã học ở trước về kinh mạch).

Mạch Độc chạy phía sau lưng nuôi dưỡng cả các kinh Dương.
(Độc ư hậu tư vinh chư dương) vì Dương mạch chi hải).

Bệnh phát hiện ở mạch này thì lưng cứng đỡ cõi uống ngược, không cuỗi xuống được, chỗ bối tẩm nóng, phát cuồn chảy, chỗ xương cõi Đai-chùy đau.

Biến bệnh tay chân co dục (quơ tay chân) trùng phong bắt ngứ, điện-giản, đầu nhức mắt sưng, nước mắt dày dặn, hoặc lưng chân đau 1 bên, cõi cứng không vận chuyển được, răng, má, hầu sưng, tay chân té, phát thanh hạng.

Trị pháp dùng huyết Hậu-khê (chủ huyết) phối hiệp huyết Thân-mạch (phối huyết).

2.— Nhâm mạch : Nhâm mạch khởi từ huyết Hội-Âm chạy lên ngực bung đến huyết Thủ-tương thông với kinh Thủ-thái-Âm Phế kinh, (lạc nhánh thông với kinh này (về kinh huyết có nói ở Kinh mạch Nhâm trước).

Mạch Nhâm ở trước bụng nuôi dưỡng các mạch Âm (Nhâm ư tiền đồng vinh chư âm vì kinh lạc chi hải).

Phát bệnh hiện chương đòn ống bị kết tụ làm chứng săn khí, đầu hàn bành Đái-hà, trung-hà, nóng lạnh không điều hòa, miệng lưỡi sanh ghẻ, đầu nhức cõi đau, bụng dưới đến rún quặn dữ.

Biến chứng bệnh làm sỏi-rét, tiêu ra máu. Ho đậm, Hầu sưng, tiêu tiện khô, tâm ngực bụng đau, săn hàn hắt ngứ, các bệnh thuộc huyết phèn, tử thai không hạ. Trị pháp dùng huyết Liệt-khuyết (chủ huyết trị Tâm phúc ngũ tạng bệnh) phối hiệp huyết Chiếu-hải (phối huyết).

Dương-Kiêu : Mạch Dương-kiêu chạy từ phía sau mắt cá ngoài huyết Thân-mạch chạy dọc phía sau chân lên đến huyết Phong-trí lạc nhánh thông suốt với kinh Thái-dương Cang-quang.

Theo Nội-kinh mạch này khởi từ huyết Thân-mạch đến Bột-tham Phụ-dương rồi chạy đến kinh Túc-thiểu-dương, hội ở huyết Cự-liệu chạy lên vai cùng với kinh Thủ Dương-minh hội ở huyết Kiên ngung, Cự-cốt và Thủ Thái-dương, Dương-duy hội ở huyết Nhu-du, cùng với kinh Túc Dương-minh hội ở các huyết Địa-thương, Cự-liệu và Thủ-khấp.

Vậy kinh mạch này thông suốt các kinh Phù thuộc biểu ở ngoài.

Phát bệnh hiện chứng Âm huân Dương cấp, chủ tay chân bị

phong độc, ung độc. Biến bệnh lưng cong cứng chân sưng, sợ gió tự hang, đầu đau, mắt đỏ, tay chân té lanh, tai điếc chảy máu cam, các khớp tay mỏi, nứa thân mình sưng phù.

Trị pháp : Dùng huyệt Thân-mạch (chủ huyệt trị tay chân bị phong độc, ung độc).

4.— **Âm kiêu** : Mạch Âm kiêu khởi từ mặt cá chân trong chạy thẳng lên hối ở huyệt Nhơn-nghinh lại yết-hầu lạc nhánh thông với Túc Thiếu dương Thận kinh, từ khởi từ huyệt Chiếu-hải chạy theo chân phia trong lên huyệt Giao-tio, chạy lên bụng ngực cõi tại huyệt Nhơn-nghinh.

Mạch này thông suốt các kinh thuộc các tạng thuộc lý bên trong.

Phát bệnh hiện chứng đàm trê Biền cuồn, Dương huốn Âm cấp.

Biến bệnh Hầu nghẹt, Tiêu tiệu làm lịch, đau tại bàng quang, ruột sôi, thò tả phiền-vị tích-tụ, Trướng phong hạ huyết, náo sản bón mè.

Trị pháp : Châm huyệt Chiếu-hải (chủ huyệt trị tạng phủ bệnh).

5.— **Đái mạch** : Mạch Đái khởi từ trên rún 2 phân bao tròn cả vòng hông như sợi giây lưng thông với Túc Thiếu-dương Đồm kinh.

Mạch này hội các huyệt Đái-mạch, Ngũ-Xu, Duy-đạo bao thông suốt hết các mạch làm cho điều hòa.

Phát bệnh hiện chứng bụng cõi trương, lưng lau lau như ngồi trong nước lạnh, tay chân nặng.

Biến chứng tay chân bị phong không cử động được, té đau, phát sốt co rút, nhức đầu mắt sưng đỏ, răng má sưng, tai điếc, chân đau hông đầy.

Trị pháp dùng huyệt Lâm-khấp (cổ huyệt trị tay chân bệnh) Phổi huyệt Ngoại-quang.

6) **Mạch Xung** : Mạch Xung khởi từ huyệt Khi-xung chạy lên rún bụng ngực, lên đến huyệt Du-phủ tức suối kinh Túc Thiếu Âm Thận : các huyệt Đại-hoành, Đại-hích, Khi-huyệt, Tử-mãng, Trung-chú, Mạnh-du, Thương-khúc, Thạch-khuyết, Âm-đô, Thông-cốc, U-môn lên đến Du-phủ ở ngực.

Phát bệnh hiện chứng Thận khí không đủ thượng xung mạch không đi lên làm bụng trương đau lý cấp.

Biến bệnh cùu chũng tâm thống, ngực đầy đau ngần nghẽn..

Phiên vị, đồ ăn bị tích ở trường vị bụng đau, bao-y không hạ, huyết xung tâm.

Trị pháp châm huyệt Công-tôn (chủ huyệt trị tâm phúc ngũ tạng bình), phổi hợp huyệt Nội-quang.

7. Dương duy: Mạch Dương-duy khởi từ huyệt Tuyệt-cốt chạy lên Dương-lăng-tuyền chạy dọc theo chân lên lưng đến huyệt Đại-trũ lạc nhánh thông với kinh Thủ Thiếu-dương Tam-tiêu.

Theo Nội kinh khởi từ chỗ hội của các mạch Dương huyệt Kim. Mắt cá ngoài lên Dương-giao lên lưng vai hợp với Túc thiếu dương Thiên-liêu, Thủ-Túc Dương-minh Kiên-tĩnh lên đầu mặt hợp với Túc Thiếu-dương Dương-bach chạy lên Bốn-thần, Lâm-khấp, Mục-song, Chánh-dinh, Thừa-linh, Não-không xuống Phong-trí, thẳng xuống họng hội với huyệt Nhịt-nguyệt, rồi đi lên hợp cùng Hốc mạch bội ở huyệt phong-phū, Á-môn.

Mạch này chạy ràng buộc hết các mạch mạch Dương gọi là Duy lạc chư Dương, vì thuộc dương nên chủ về Phong bệnh bên ngoài, phát nóng lạnh.

Biến bệnh làm các khớp tay chân sưng đau, gối lạnh, tay chân tè mõi, đầu phong, xương gân lưng đau, đầu cổ mỵ mắt nhức, mắt cá chân sưng, Thương-hàng tự hạng. Trị pháp Châm huyệt Ngoại-quang (chủ huyệt trị phong hàng và bình ngoài da).

8) Âm-Duy: Mạch Âm-duy khởi từ mắt cá chân trong Giao-tín lên Tam-âm-giao lên rún chỗ huyệt Âm-giao thông với Thủ khuyết-âm Tâm bào-lạc.

Nội kinh thì mạch này khởi từ chỗ giao hội các mạch âm từ huyệt Chúc-tan, chạy lên hội với kinh Túc Thiếu-âm ở huyệt Phúc-ai, Đại-hoành, và kinh Túc Khuyết-âm Phủ xá, Kỵ-môn, hợp cùng với Nhâm mạch nơi huyệt Thiên-dot, Liêm-tuyền. Mạch này chạy ràng buộc hết cả các kinh mạch Âm (duy lạc chư Âm).

Phát bệnh hiện chứng Cuồng ngác làm thống (Âm chủ về huyết, tâm chủ huyết nên làm đau tim).

Biến bệnh Tâm đầy đau, ngực đầy trướng, ruột sôi làm tả ty, thoát-giang, làm chứng ngăn nghẽa nuốt không xuống (tất cả các chứng tâm thống hiếp thống và chứng Thương-hàng không giải được làm chứng kiết hung).

Trị pháp : dùng huyệt Nội-quang (chủ huyệt trị Tâm, Đốm, Tỷ, Vị bệnh).

Kết luận : Nhận định về Kỳ kinh bắc mạch, chúng ta tóm tắt các yếu điểm sau đây :

1) Kỳ kinh tức là các kinh mạch ngoài 12 kinh chính nhưng bao trùm tất cả các kinh mạch các tạng phủ.

2) Bốn kinh Dương là : Đốc mạch, Dương-Kiều, Đái mạch, Dương-duy chủ trị tất cả các bệnh ở bộ phận lưng, vai, chân thuộc phần biểu bên ngoài.

3) Bốn mạch Âm là Nhâm mạch, Âm kiều, Mạc-Lung, Âm-duy, chủ trị tất cả các bệnh thuộc bộ phận bụng ngực hông sườn thuộc phần lý bên trong.

4) Mỗi kinh mạch có 1 huyệt chủ trị và dùng thêm 1 huyệt ở dưới phổi hợp.

5) Những huyệt chủ và khách phổi hợp sau đây :

Hậu-khé (chủ) Thân-mạch (khách). Công-tôn (chủ) Nội-quang (khách).

Lâm-khấp (chủ) Ngoại-quang (khách).

Liệt-khuyệt (chủ) Chiếu-hải (khách).

Vậy ví dụ sau đây :

Như trị bệnh về Tâm, Đốm, Tỷ Vị bệnh các chứng đều dùng huyệt Nội-quang thì kết quả ngay, hoặc tùy phổi hợp đối chứng dùng yếu huyệt lại càng mau kiến hiệu, như bệnh tại các kinh mạch ấy thì dùng luôn 2 huyệt 1 chủ và 1 khách phổi hợp trị.

Giới thiệu những phương trị nghiệm sau đây :

Dùng huyệt Nội-quang chủ khách phổi hợp trị có kết quả.

1.— Anh Sanh 48 tuổi bị bệnh ho rất nặng, đã 2 tháng, khi ho thì chỏ vùng vú đau, kèm ngắt nghẽn khó chịu, đã 3 ngày không ăn được, không ngủ yên được, tiêu tiện tự són không biêt, đại tiện lỏng, phát sốt, lườiura vàng, người ốm, gầy, tư hụng, mạch nhảy 120, tai ngực đầy tức, thở dốc, làm khi suyễn, mặt phù thũng, chứng hiện rất nguy hiểm.

Trị pháp : Trước cùu Thiên-đột, và 3 hàng huyệt trước ngực mỗi huyệt 1 tráng. Dùng ngai quyet cùu các huyệt Khi-hải, Quang-

nguyên, Thái-khê, Túc-tam-lý, Tam-Âm-giao, Thần-khuyết, Trung-uyên, Phế-du, Phong-môn, Đại-chùy, Bách-hội, Tỳ-du, Vị-du, Bách-lao, Côn-lon, Nội-dịnh, Công-tôn đều bồ 3 lần.

Sau châm Nội-quang, Công-tôn, Phong-long tả 3 lần.

Kết quả : Vì bệnh này thuộc Hư chứng nên không áp dụng dùng châm trị, nhưng vẫn bắt đắc phải châm trị nên trước dùng ngại quyền cứu bồ các huyệt 3 lần làm cho tinh thần vượn lại sau mới áp dụng châm.

Cứu xong đến khi châm tả huyệt Phong-long sau tả huyệt Nội-quang thì cảm thấy tại ngực khỏe khoắn, tả tiếp huyệt Công-tôn, tinh thần vượn lại nhiều, ngực được thông suốt, bớt thở dốc ngay, nói năng được qua 1 giờ sau cho ăn được 1 chén cháo. Đêm ấy không ho, ngũ yên, đến khuya hết sốt nóng, ngày hôm sau mặt xop, ăn uống được. Rất thần diệu.

2.— Anh Hiền 24 tuổi bệnh phia bên sườn trái chỗ ló lách sưng lớn độ cả tấc, tràn đến trên rún, chỗ Dạ dày, thình lình phát đau kịch liệt, nặng quá làm tối lầm mày mặt, cảm nhận như có hơi nóng chạy lên đầu nên bắt xoay xẩm, trong tai lại chảy mũ, hay quên lâng, bình thường đi đường hoặc nói năng gì lâu thì muỗi ngắt phải nghỉ 5,7 phút mới nói lại được, vì hay mệt làm như hụt hơi, đi xe thì lại làm mửa, nếu mửa thì làm tối xẩm, cõi cứng đơ, thở mệt, mặt đỏ, thân hình té cứng.

Trị pháp : Dùng ngại quyền cứu các huyệt Tỳ-du, Vị-du, Cảnh-du, Phế-du, Túc-tam-lý. Dũng-tuyền mỗi huyệt 5 lần.

Châm Nội-quang tả 3 lần, Công-tôn tả 7 lần, Chương-môn tả 4 lần.

Kết quả khi châm huyệt Chương-môn trước xoay kim thì cảm giác hơi nóng tại đó chạy lên chỗ ổ tim, lần lần chạy lên miệng, tả tiếp 1 lần nữa hơi bớt, tiếp lần thứ 2 thì hết nóng bây giờ mặt hết đỏ, cảm giác như có hơi chạy ra sau lưng, lưu kim. Sau châm Nội-quang, Công-tôn, khi châm cảm giác hơi nóng xong lên ngực, chạy đến sau đầu não phát sốt, xoay tả Nội-quang 4 lần thì sốt bớt nhưng chỗ ngực còn nóng tả tiếp Nội-quang và tả luôn Công-tôn thì miệng hết nóng, đầu não cũng hết. Sau tả tiếp 2 lần nữa và tả luôn Chương-môn, lưu kim bây giờ hết nóng hẳn.

Trị xong chỗ lác bên bông hết sưng, thở khoan khoái, cách 2 ngày sau tháo lại phát ngừa (độc bình xuất), nhưng các chứng đều hết, lác xop, mặt trở lại tươi nhuận bình phục,

Kết luận vây trị 2 bình trên đây là áp dụng Ký kinh bắc mạch 2 huyệt Nội-quang và Công-tôn phối hợp rất thần diệu. Vả lại vì bình quá hư suy nguy hiểm áp dụng trước cùu sau châm cũng rất kiêng hiệu.

Kinh kỵ bắc mạch chủ trị

Tên huyệt	Tạng-phù Kinh-mạch	Thông kỳ-kinh	Chủ-trị
Công-tôn	Tỳ-kinh	Xung-mạch	Đau vùng Tim ngực, bụng, (phần trên Tâm phúc ngũ tạng bình). Bộ phận chân phía trước.
Nội-quang	Tâm-bào	Âm-duy	Đau vùng ngực bụng phần trên Bộ phận tay phía trong (chữ trị Tâm, đởm, tỳ vị bình).
Túc-lâm-khấp	Đờm-kinh	Đái-mạch	Đau các bộ phận đầu trán, mắt, tai đau bên hông, bộ phận chân phía trước (cũng chủ trị tay chân bình).
Ngoại-quang	Tam-tiêu	Đương-duy	Đau các bộ phận đầu trán mắt tai, bên hông, cánh tay phía ngoài, chủ trị phong hàn bình ngoài da).
Hậu-khê	Tiêu-trường	Đốc-mạch	Đau bên đầu, mắt tai mũi, yết hầu, bộ vai (kiên giáp bộ) cánh tay phía xích-cốt.
Thần-mạch	Bàng-quang	Đương-kiêu	Đau cổ, mắt, lưng, dì, bộ phận chân phía ngoài sau. (chủ trị chân bị phong độc, ung độc).
Lịt khuyệt	Phế-kinh	Nhâm-mạch	Đau trán, miệng, ngực, cánh tay phía Nghiêu cốt.
Chiếu-hải	Thận-kinh	Âm-kiêu	Cổ, mắt, họng, bụng dưới, bộ phận chân bên trong phía sau (chủ trị tạng phủ bình),

CHÚ Ý: Khi áp dụng cần phối hợp 2 huyệt trên dưới (thường họ phối hợp).

VIII. THẬP NHỊ KINH MÔ NGUYỆT,

Mô nghĩa là kết tặc chỗ khi huyết Tinh hoa sô kiết. Nội-Kinh Dương bình hành âm cõi linh Mô tại Âm tức là bình dương chạy vào Âm phần kết ở Âm (Mô) Bụng thuộc Âm nên Mô huyết ở tại bụng Các bình Hư nhược thường trị tại các huyết Mô. Những Mô huyết của các tạng phủ sau đây :

Phế Mô Trung-phủ, Tâm Mô Cự-khuyệt,
Can Mô Kỳ-môn, Tỳ Mô Chuong-môn,
Thần Mô Kinh-Môn, Vị Mô Trung-uyễn,
Bàng-quang Mô Trung-cực, Đồm Mô Nhứt-nguyệt,
Đại-trường Mô Thiên-xu, Tiêu-trường Mô Quang-nguyên, Tam
Khu Mô Thạch-môn, Tâm bào Mô Chiêu-trung.

Giới thiệu thực nghiệm áp dụng Mô huyết trị các bệnh dưới đây :

1.— Trị bệnh dùng Phế Mô Trung-phủ.

Châu Phương 15 tuổi bị bệnh chỗ nách có nỗi cục chạy đến Trung-uyễn sưng to phát ho.

Trị pháp Châm Túc-lâm-khắp Trung-phủ tâ.

Kết quả : ngày sau hết ho (chỗ nách còn sưng).

Trị lý : Bệnh này sưng đau, chỗ nách nơi kinh mạch tuần hành thuộc Hôm kinh nên dùng châm huyết Túc-lâm-khắp và dùng Mô huyết Trung-phủ, không dùng huyết trị bệnh ho, lại trị hết ho, chứng minh tính khí của phổi kết ở Huyệt Trung-phủ nên châm trị huyết này dứt ho (bệnh này chỉ nói về phần dùng Phế Mô huyết).

2.— Trị bệnh dùng Can Mô huyết Kỳ-môn.

Cô Thúc 26 tuổi bị bệnh hai bên hông đau do Can khí xocs lên làm đau, chỗ vị uyển sưng đau đe lại càng đau, ban đêm hơi lại càng xocs lên làm chỗ ô tim ở ngực cũng đau.

Trị pháp : lấy móng tay ấn chỗ huyết Kỳ-môn bên trái thi cảm giác có hơi chạy qua bên mặt, ấn bên mặt thi lại chạy qua bên trái. Vậy châm 2 huyết Kỳ-môn (Can Mô huyết), tâ.

Kết quả chỗ hông và giữa ngực đều hết đau.

Trị lý : Can mạch chạy chỗ vùng hông nên bên hông đau là hiện tượng Can bệnh, lại thêm đau chỗ Vị-uyển xocs lên Tim là vì Mộc khắc Thổ nên đau (đúng bệnh lý với ngũ hành sanh khắc), vậy trị dùng Can Mô huyết Kỳ-Môn rất đúng, nên có hiệu quả ngay, chứng minh Khi kết Mô huyết mà cũng chứng minh Can Mộc khắc Tý thô nên chỗ Vị-Uyển cũng hết hẳn.

TANG-PHÚ, ĐU, MÔ HUYỆT CHỦ TRỊ.

Trị bệnh nội tạng dùng huyệt kinh tạng ngoài ra cần tìm tang phổi ấy thuộc tại bộ phận như ở lung hay tại bụng, ngược mà áp dụng phổi hợp trị, như trên đã nói, tại bộ phận như ở lung tức là Du huyệt (Bối du), Bộ phận ở ngực bụng tức là Mô huyệt. Kinh nghiệm thường Cấp tánh bệnh, phát nhiệt ở hàng dùng Bối Du huyệt. Mạng tánh bệnh thường dùng Mô huyệt. Thiết chứng thì dùng Du huyệt. Hư chứng thì dùng Mô huyệt Các chứng Nội tạng mạng tánh phổi hợp cả Du huyệt và Mô huyệt ứng hiệp với nhau rất công hiệu. (Phần trước có nói rõ về hiệu nghiệm của Bối du huyệt). Phổi hợp Bối-du, Mô huyệt nên áp dụng theo án biều dưới đây.

Tang-phú	Bối du-huyệt	Mô-huyệt	Chủ trị
Phế	Phế-du	Trung-phú	Hô hấp khí bệnh, như ho suyễn, ngực đầy.
Tâm-bào lạc	Khyết-âm-du	Chiên-trung	Tâm tạng tật bệnh, như đau tại chỗ ngực, ô tim, tâm hì hợp.
Tâm	Tâm-du	Cự-khuyết	Các bệnh Tâm, Vị như Tâm hồi hợp, đau dạ dày, bệnh về thần kinh, như thần kinh suy nhược, bệnh cuồn ngóc.
Can	Can-du	Kỳ-môn	Can, Vị bệnh như đau vùng gan, chứng ầu thò, nhiều chất chua.
Đồm	Đồm-du	Nhứt-nguyệt	Can Đồm bệnh như chứng buồng đầm, đau vùng gan sườn, mặt.
Tỳ	Tỳ-du	Chương-môn	Can Tỳ bệnh như Gan lá lách lớn, đau, ăn khó tiêu, bụng đầy trướng, phúc tả.
Vị	Vị-du	Trung-uyễn	Vị bệnh, Đau dạ dày, đầy trướng, ăn ít.
Tam-tiêu	Tam-tiêu-du	Thạch-môn	Bệnh tích nước, tháo thủng, phúc tả.
Thận	Thận-du	Kinh-môn	Đau tạng thận và sinh dục khí, đau lưng, di tinh.
Địa-trường	Đại-trường-du	Thiên-xu	Bệnh bộ phận ruột già, đại tiện bí, bụng đầy.
Tiêu-trường	Tiêu-trường-du	Quang-nguyên	Bệnh bộ phận ruột non, bụng dai và sinh dục khí, ruột đau thắc, xán thống bí tiểu, di niệu, di tinh.
Bàng-quang	Bàng quang-du	Trung-cyc	Bệnh bộ phận Bọng đái, sinh dục khí, bí tiểu, di niệu, di tinh, kinh nguyệt không điền.

IX. BÁC HỘI HUYỆT.

Theo Nội kinh có nói Bác Hội huyệt tức là chỗ giao hội Tinh khí của Ngũ tạng lục Phẫu và huyệt mạch căn cốt, tinh túy trong cơ thể giao hội kết tụ lại.

Vậy bác hội là : Ngũ tạng hội ở Chương-Môn, Khi Lục phủ hội ở Trung-uyễn.

Cốt hội Đại-trữ, Tủy hội Tuyệt-cốt, Cân hội Dương-lăng-tuyễn, Huyệt hội ở Cách-du, Khi hội Chiên-trung, Mạch Hội Thái-uyễn.

Trị bệnh kết tụ nội tạng thì dùng Hội huyệt.

Giới thiệu trị nghiệm các bệnh dưới đây áp dụng Hội huyệt kết quả.

1.— Trị bệnh Não lậu dùng huyệt Tủy hội Tuyệt-cốt.

Bà Kim 50 tuổi bị bệnh não lậu, mũi chảy nước hôi thối, ho thở ra cũng hôi, ban đêm miệng càng thối nhiều, trên đầu não cảm giác như có con vật gì bò rợ rày khó chịu.

Trị pháp Châm 2 huyệt Tuyệt-cốt tã 3 lần, Cứu các huyệt Bách-Hội, Tinh-hội, Thượng-tinh, Thần-dinh đều 1 tráng.

Kết quả hết hẳn.

2.— Trị bệnh chân co cúp dùng Cân hội huyệt Dương-lăng-tuyễn.

Anh Thiền 23 tuổi trước bị bệnh bại đau gần trị hết nhưng 2 chân co cúp lâu không ngay ra được.

Trị pháp Châm huyệt Dương-lăng-tuyễn bồ 3 lần.

Kết quả châm trị xong gần giàn, ngay chân ra được 2 tấc.

3.— Trị bệnh Hoát-loạn thô tã dùng huyệt Phẫu hội Trung-uyễn.

Ông Thành 54 tuổi bị chứng Hoát-loạn thô tã ra nước 4, 5 lần, chỗ đờ tim đầy, miệng đắng, tay lạnh, thở mệt mắt lõm vào, bệnh phát từ khi 12 giờ trưa đến tối, chứng rất nguy cấp.

Trị pháp Dùng ngại quyền cứu huyệt Trung-uyễn 3 lần, Khi-bài bồ 3 lần, Thủy-phần bồ 7 lần, Thần-khuyết bồ 1 lần, Thiên-xu bồ 3 lần, Túc-tam-lý tã 3 lần, Hiệp-cốc tã 1 lần.

Kết quả khi cứu huyệt Trung-uyễn thì lần lần hết đau, tim đỡ đập, sau mới tiếp cứu các huyệt, bệnh giảm dần hết thô tã, 1 giờ sau hết hẳn.

Kết luận: Trị 3 bệnh trên đây, Bệnh thứ 1 theo xưa là chứng nǎo lâu, nǎo tức thuộc tủy, dùng tủy hối huyệt Tuyệt-cốt có kết quả.

Bệnh thứ 2 Gán co cúp áp dụng Gán Hội Dương-lăng-tuyền, châm trị cũng kết quả ngay ra được 2 tấc.

Bệnh thứ 3 Chứng Hoát-loạn thô tã bệnh thuộc Trường Vị áp dụng phủ Hội Trung-uyễn nên kết quả hết hẳn.

Vậy chứng minh Bác-hội huyệt rất công hiệu.

BÁC HỘI HUYỆT CHỦ TRỊ

Tên huyệt	Hội thuộc	Chủ trị
Chương-môn	Tạng	Trị các bệnh; Gan, Cách-mô, Tỳ, Thận, (Tạng chi hội)
Trung-uyễn	Phủ	Trị các bệnh Trường Vị, (Phủ chi hội)
Chiên-trung	Khí	Trị các bệnh ngực trường đầy, suyễn súc (Khí chi hội).
Cách-du	Huyết	Trị các bệnh tạng Tâm bệnh, huyết bệnh (Huyết chi hội).
Thái-uyễn	Mạch	Trị các bệnh thuộc nhiệt tánh, hoặc tú, chí khuyết lạnh, Tim suy nhược, bệnh về mạch (Mạch chi hội).
Dương-lăng tuyền	Cân	Trị bệnh phong thấp cơ nhục, chân tê, nau hoáo, (Cân chi hội).
Đại-trữ	Cốt	Trị bệnh về xương cốt, chứng cốt chưng lao nhiệt (Cốt chi hội).

PHỤ CHÚ: Nội Kinh có câu nhiệt bệnh tại nội thủ kỵ Hội chi khí huyệt. Nên bác Hội huyệt phần nhiều trị nhiệt chứng vi chủ, nhưng thông thường dùng cũng công hiệu.

X. THẬP NHỊ YẾU HUYỆT.

Châm cứu Đại-toàn xua lâm sàn trị bệnh kinh nghiệm dùng 12 huyệt chính sau đây thông dụng và hiệu nghiệm :

Tam-lý, Nội-dịnh huyệt, Khúc-tri, Hiệp-cốc an, Uỷ-trung phổi Thừa-sơn, Thái-xung, Côn-lon huyệt, Hoàn-khiệu dương Dương-

lăng, Thông-lý tinh Liệt-khuyết. Tam bách lục thập huyệt bắt xuất Thập nhì quyết. (nghĩa là 12 huyệt chính này biết phối hợp áp dụng trị bệnh rất công hiệu vì trong 360 huyệt trong cơ thể cũng không ngoài 12 huyệt này vậy).

Tên, huyệt	Kinh mạch	Chủ trị
Túc-tam-lý	Vị kinh	Các bệnh đau mặt cõi, răng bụng, bộ phận ở bụng và chân phía trước.
Nội-dinh	Vị kinh	Đầu tráng cõi răng và chân trước như trên.
Khúc-tri	Đại-trường	Trị bệnh các bộ phận vai tay phía trong.
Hiệp-cốc	Đại trường	Trị các bệnh mặt, cõi, mắt, tai mũi răng, ngực và cánh tay phía ngoài.
Úy-trung	Bàng-quang	Trị các chứng sau đầu, cõi, lưng dì và bộ phận phía sau.
Côn-lôn	» »	Trị các chứng bộ phận vai dì, và chân phía ngoài.
Thái-xung	Can kinh	Trị các chứng bệnh ở cõi, mắt, yết hầu, bụng dưới và bộ phận chân phía trong.
Hoàng-khiêu	Đốm kinh	Trị các chứng bộ phận phía sau, và phía sau dì.
Dương-lăng tuyền	» »	Bệnh bộ phận phía bên hông và chân phía trước.
Thông-lý	Tâm kinh	Trị các bệnh yết hầu, tim, ngực, bộ phận cánh tay phía xích cốt.
Liệt-khuyết	Phế kinh	Trị các bệnh ở đầu cõi, miệng và bộ phận cánh tay phía nhiều cốt.

XI. LỤC TỔNG HUYỆT CHỦ TRỊ.

Kinh nghiệm các Vị Châm cứu xưa lại cũng thường dùng 4 huyệt chủ yếu tổng trị các bệnh như : Trị bệnh thuộc vùng bụng, huyệt Túc-tam-lý, ở lưng dùng huyệt Uỷ-trung. Bệnh ở đầu cõi dùng huyệt Liệt-khuyết. Miệng mài dùng huyệt Hiệp-cốc tức Tứ lồng huyệt, sau dùng huyệt Nội-quang trị các bệnh ở vùng ngực rất hiệu nghiệm thành Ngũ lồng huyệt. Nay kinh nghiệm nhận thấy huyệt Tam-âm-giao quan hệ cả 3 kinh âm, áp dụng trị bệnh thuộc 3 kinh ấy rất thích hợp nên thêm là Lục lồng huyệt, thành các câu ca :

Đò phúc Tam-lý lưu, Yêu hối Uỷ-trung cầu, Đầu hàng tần Liệt-khuyết, Điện khâu Hiệp-cốc thấu, Tâm hung thủ Nội-quang, Tiều phác Tam-âm mưu.

XII.— THƯƠNG BỊNH TRỊ HẠ, HẠ BỊNH TRỊ THƯƠNG

Theo xưa về phương pháp trị liệu có câu Thương bình trị hạ, Hạ bình trị thương (tức bình đau ở trên trị dùng huyệt ở dưới, bình đau ở dưới dùng huyệt ở trên).

A.— THƯƠNG BỊNH TRỊ HẠ (BỊNH ĐAU Ở TRÊN TRỊ Ở DƯỚI)

1.— Châm ở Chân trị hết bệnh nhức răng.

Bà Da 51 tuổi răng hàm dưới bên trái đau đến tai đã mấy ngày, miệng hả, hai hàm răng không cắn lại được.

Trị pháp : Châm Thái-xung tả 3 lần.

Kết quả : Khi châm tả 1 lần răng bớt nhức, xoay tă tiếp lại hết đau. Trị xong bệnh hết hẳn, miệng ngậm răng nhai được như thường.

Bệnh đau răng thì dùng huyệt Hiệp-cốc có khi kết quả có khi không, vì đau do Hư hỏa, Thiệt hỏa, Phong hỏa, Can hỏa có nhiều thứ, trị chứng này dùng huyệt ở dưới trị bệnh ở trên, vì trước lấy tay ấn tại huyệt Hiệp-cốc, không thấy phản ứng gì, mà khi ấn tại Thái-xung thì răng hết đau, nên châm Thái-xung kết quả ngay.

2.— Châm ở chân trị hết bệnh nhức đầu :

Ông Châu 52 tuổi bệnh đau cổ đau nhức.

Trị pháp Châm huyệt Thái-xung bên trái tả 3 lần. Kết quả châm trị xong bệnh hết hẳn.

Kết luận : Vậy đơn cử hai bệnh trên đây chứng minh bệnh đau ở trên trị dùng huyệt ở dưới công hiệu.

Sau đây xin giới thiệu những phương-thức trị nghiêm :

1.— Bệnh đau tai châm Túc-lâm-khấp, Thái-xung có kết quả, (hoặc thêm Ê-phong, Thịnh-hội).

2.— Trẻ con đau tai sưng lở châm Túc-khiếu-âm ra máu, thích Dũng-tuyễn công hiệu ngay.

3.— Nhức răng thuộc Vị hỏa Tả Túc-tam-lý, Nội-dinh kết quả, nhụy thuộc Can hỏa Túc-lâm-khấp, Thái-xung kết quả.

4.— Đầu xoay xầm thuộc hư nhược Châm Bồ Túc-tam-lý có kết quả, Đầu xoay xầm thuộc Can vượng tả Thái-xung. Túc-lâm-khấp, khiêm Thận hư thêm bồ Phục-lưu công hiệu.

5.— Đầu tráng đau thuộc Dương-minh kinh tả Túc-tam-lý và Nội-dinh có kết quả.

6.— Nhức đầu đau hai bên (biên đầu thống) tả Túc-lâm-khấp, Thái-xung công hiệu.

7.— Nhức tại đỉnh đầu Tả huyệt Uỷ-trung, Thái-xung công hiệu.

8.— Bình Nǎo-lậu dùng huyệt Tuyệt-eốt công hiệu,

9.— Đầu bụng dùng huyệt Túc-tam-lý Công-lon hữu hiệu.

B.— Hạ bình trị thương (Đau ở dưới dùng huyệt ở trên)

1. - Cứu ở đầu trị hết bình trè con lòi trè.

Chú Sanh 4 tuổi bị bình lòi đóm trè.

Trị pháp : Cứu Bách-hội 7 tráng có kết quả.

Bình thoát gian nặng sau khi cứu Bách-hội thì châm thêm huyệt Trường-cường ra máu càng công hiệu, bình nhẹ chỉ cứu Bách-hội cũng kết quả.

2.— Cứu ở Đầu trị hết bình Di-tinh.

Ông Hai 57 tuổi bị bình đi tiêu hoài trị dùng bồ Thận-du và Quang-nguyên hết, duy cách 2,3 đêm phát đi tinh 1 lần.

Trị pháp : Cứu Bách-hội 5 tráng kết quả.

3.— Chân bị phong thấp nhức, dùng các huyệt : Phong-phủ, Khúc-trí có hiệu.

4.— Lưng đau nhức châm Huyệt Nhơn-trung kết quả (đã trị rất nhiều người đều công hiệu).

5.— Hai chân yếu dùng các huyệt Tích-trung, Đại-chùy, Mạng-môn, Trường-cường, Thận-du công hiệu.

Kết luận : Vậy trên đây là những kinh nghiệm trị liệu áp dụng huyệt trị bình đối lập ở trên thường dùng những huyệt ở dưới, những bệnh ở dưới lại dùng những huyệt ở trên rất công hiệu, cũng không nên nhận là tuyệt đối, khi làm sán trị bình nên phải nghiên cứu phối hợp huyệt mà áp dụng thì mới vận dụng đúng phương pháp.

XIII.— ÁP DỤNG NAM TÀ NỮ HỮU

Theo cách sách xưa về mạch lý và Châm cứu đều phân Nam tà (trai dùng bên trái), Nữ hữu (Gái dùng bên phải), khi làm sán trị bình mới nhận thấy rất đúng, vậy vin giới thiệu trị bình kinh nghiệm dưới đây để tiện tham khảo; vì tôi đã trị bình trai dùng huyệt bên trái trị có công hiệu mà bên mặt không công hiệu, trị bình đàn bà con gái dùng huyệt bên mặt có công hiệu mà khi dùng bên trái lại không công hiệu.

1.— Trị bệnh trai dùng huyết bên trái có hiệu mà dùng bên mặt vô hiệu.

Chân Hòa 42 (uỗi bệnh vàng da (buỳnh đầm bệnh) lại thêm nhức đầu, miệng đắng.

Trị pháp : Châm Túc-lâm-khấp bên trái, Thái-xung bên mặt đều tả 3 lần.

Kết quả: Đầu ấy hết nhức đầu, tinh thần khoẻ.

Trị lần thứ 2 dùng hai huyết này thay đổi, Túc-lâm-khấp bên mặt, Thái-xung bên trái cũng tả 3 lần. Kết quả : Đầu vẫn đau như trước.

- Trị lần thứ 3 trị châm lại như lần thứ 1 tức châm Túc-lâm-khấp bên trái, Thái-xung béo mặt; Kết quả đầu hết nhức.

Trí lý: Vậy chứng này thuộc Đồm bệnh (Đồm nhiệt làm miệng đắng) nên áp dụng trị tả Đồm kinh vì chủ tả Can kinh phụ trợ, nhưng châm trị tả huyết Túc-lâm-khấp bên trái công hiệu, ngày sau lại cải lại châm bên mặt thì bệnh trở lại (vô hiệu) lần thứ 3 châm lại bên trái thì lại kết quả. Như thế đủ chứng minh trị bệnh đầm ống, con trai dùng huyết bên trái nhứt định công hiệu.

Như thế thuyết xưa dùng Nam tả, Nữ hổ rất đúng.

XIV.— NGŨ HÀNH SANH KHÁC VÀ HƯ THIỆT BỒ TÀ

Âm Dương (Quyền trước đã có giải rõ). Trị bệnh cần hiểu rõ Âm Dương là cần xem rõ chứng thuộc Âm hư hay thiệt, Dương hư hay thiệt để áp dụng châm thuật Bồ Tà.

Dương chủ ở ngoài chủ về nóng, Âm chủ ở trong chủ về lạnh.

Dương thiệt thì ngoài nóng, dễ làm cho Âm hư, Âm thiệt thì nhiệt tiêu, mà nhiệt tiêu thì trong lạnh, vậy Dương hư là ngoài lạnh, Âm thiệt là trong lạnh, Âm hư là trong nóng, đó là thường lệ.

Trị bệnh bằng châm cứu thì hư tắc Bồ, Thiệt tắc Tà. Nhưng bồ tà cần phải hiểu rõ dùng huyết nào để bồ huyết nào để tà, hoặc tà tăng nào bồ tăng nào, Vì bồ tà còn trị bệnh làm cho thăng bằng sự thừa sự thiếu. Bồ là thêm vào chỗ thiếu, Tà là bớt chỗ dư, đó là nguyên

tắc điều chỉnh thăng bằng Thần kinh tức là làm cho Âm Dương điều hòa để điều chỉnh cơ năng tạng phủ.

Vậy hiểu rõ Âm Dương rồi còn cần phải hiểu cẩn cội của Ngũ hành sao khắc thì mới có thể áp dụng bồ tát.

Ngũ hành là gì ? Đông y phân tạng phủ theo Ngũ hành là theo lý hóa, vì Thần kinh dinh dưỡng theo sự luân chuyển của kinh mạch liên hệ tạng phủ này hỗ trợ nuôi dưỡng tạng phủ kia, vì sự liên hệ của hệ thống Thần kinh làm điều chỉnh cơ năng tạng phủ.

Áp dụng theo Ngũ hành tức là theo khí hóa của Vũ-trụ ; KIM, MỘC, THỦY, HỎA, THỔ. (Kim-khí, Cây cỏ, Nước, Lửa, Đất).

Luật Ngũ hành có tương Sanh và tương Khắc.

Tương-Sanh : Kim sanh Thủy, Thủy sanh Mộc, Mộc sanh Hỏa, Hỏa sanh Thổ, Thổ sanh Kim.

Tương Khắc : Kim khắc Mộc, Mộc khắc Thổ, Thổ khắc Thủy, Thủy khắc Hỏa, Hỏa khắc Kim.

Theo lý luân tương sanh thì Kim khi đốt cháy ra nước, (kim sanh thủy). Nước nuôi được cây, (Thủy sanh Mộc), cây đốt cháy thành lửa, (Mộc sanh Hỏa). Lửa đốt tan ra tro thành đất, (Hỏa sanh Thổ). Trong đất có dưỡng chất kim loại (Thổ sanh Kim).

Theo lý luân tương khắc. Loại kim khi chặc cây chết (Kim khắc Mộc) Cây bám vào ăn mủ mờ của đất (Mộc khắc Thổ) Đất ngăn chặn được nước chảy (Thổ khắc Thủy) Nước tươi tắc lửa (Thủy khắc Thổ) Lửa đốt kim khi cháy thành nước (Hỏa khắc Kim). Theo lý luân thông thường tương sanh tương khắc là thế.

Ngũ hành phân theo tạng phủ như sau :

Phế, Đại-trường thuộc Kim. Can thuộc Mộc, Thần Bàng-quang, thuộc Thủy. Tâm, Tâm bao lạc, Tam-tiêu, Tiêu-trường thuộc Hỏa Tỷ Vị thuộc Thổ.

Theo lý luân sanh khắc áp dụng trị bệnh Hư tắc Bồ Thiệt tắc tà Nội kinh có câu : Sanh ngã vi mẫu, Ngã sanh vi tử, nghĩa là cái sanh ra ta là mẹ (mẫu), Cái mà ta sanh ra là con (tử), và có câu Hư bồ mẫu. (Hư bồ mẹ). Thiệt tắc tử (Thiệt tắc con).

Vậy Hư tắc bồ mẫu. Bồ mẹ là làm cho mẹ đầy đủ dồi dào át nỗi con mạnh. Thiệt tắc tử (tức thúc ép con làm cho con phải rút tinh thần nhiều sức mẹ để làm giảm sút bởi sự quá thừa của mẹ).

Như thế trị bệnh khi áp dụng bồ tă thi theo ngũ hành sah khác mà bồ tă, tức là theo kinh tạng nào hư thiêt mà áp dụng bồ tă, nên dùng huyệt cũng phải biết huyệt sah khác mà áp dụng vì thế nên trong mỗi kinh có 5 huyệt chủ yếu trên đều phân ra theo ngũ hành dè có thể áp dụng châm trị bồ tă.

Năm huyệt Chủ yếu Tinh, Vinh, Du, Kinh, Hiệp phân theo ngũ hành như sau đây :

Những Kinh Tạng : Tâm, Can, Tỵ, Phế, Thận, Tâm bao lạc : Các huyệt theo ngũ hành thi Tinh Mộc, Vinh Hỏa, Du Thổ, Kinh Kim, Hiệp Thủy.

Những kinh Phủ : Đại-trường, Tiều-trường, Vị, Đởm, Bàng-quang, Tam tiêu các huyệt theo ngũ hành Tinh Kim, Vinh Thủy, Du Mộc Kinh Hỏa, Hiệp Thổ. Vậy áp dụng Bồ tă phải căn cứ vào tạng phủ nào theo hành gì dùng huyệt theo hành gì tức là theo luật tương sah tương khắc mà áp dụng. (Xem độ án Âm-kinh, Dương-kinh)

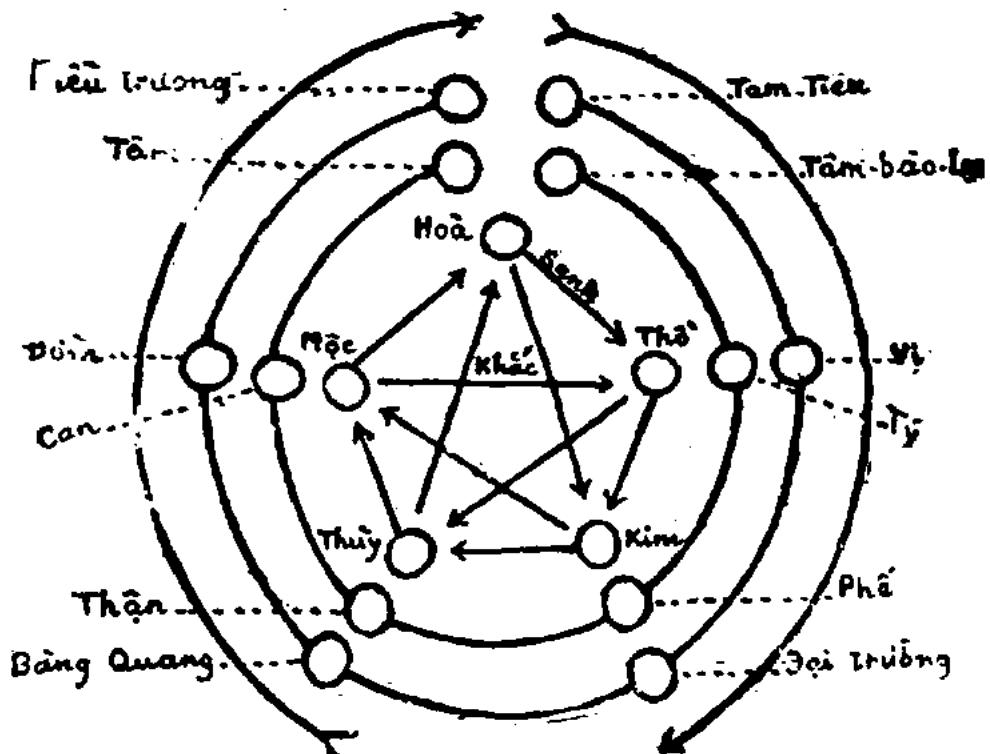
Ví như : Phế kinh bệnh Ho suyễn phiền khát, ngực đau v.v..

Chứng thiêt : Thị Ngực, đầu đau ra mồ hôi v.v.. Trị bệnh cần tă huyệt Xích-Trạch, là vì Huyệt Xích-Trạch thuộc huyệt Hiệp thuộc Thủy, như vậy là tă tử vì Phế thuộc Kim sah Thủy.

Chứng Hư thi lưng đau (ngực đau dẫn ra đến lưng) thiếu hơi thở mệt v.v.. Trị bệnh cần Bồ Huyệt Thái-Uyên, là vì huyệt Thái-Uyên thuộc huyệt Du thuộc Thổ, như vậy là bồ mầu, Thổ sah Kim.

Vậy khi lâm sàn trị bệnh nên theo công lệ này mà áp dụng bồ tă thi trị, (xem phần dưới đây chỉ rõ về hư thiêt bồ tă bệnh chứng của 12 kinh mạch)...

Lục Phù ngũ tạng đối với ngũ hành sanh khắc



Tương sanh : Hòa sanh Thổ, Thổ sanh Kim, Kim sanh Thủy, Thủy sanh Mộc, Mộc sanh Hòa.

Tương khắc : Hòa khắc Kim, Kim khắc Mộc, Mộc khắc Thổ, Thổ khắc Thủy, Thủy khắc Hòa.

XV.— NGŨ TẠNG ĐỐI VỚI NGŨ HÀNH

Phần trên nói về Phương pháp trị liệu áp dụng huyệt trị từng tạng phủ tùy chứng dung huyệt chủ yếu, nhưng theo Đông-y ngũ tạng lục phủ đều tương quan với ngũ hành sanh khắc như trên kia đã nói, Phế, Đại trường thuộc Kim. Can, Dõm thuộc Mộc. Thận, Bàng quang thuộc Thủy. Tâm, Tiễn-trưởng, Tâm bào lạc, Tam-tiêu đều thuộc Hòa. Tỷ, Vị thuộc Thổ.

Về sinh lý cơ quan tạng phủ đều có liên quan với nhau nên khi một tạng phủ bị bệnh không phải chỉ riêng tạng, phủ ấy bị bệnh mà thôi lại còn liên quan mật thiết với các tạng phủ khác về bệnh lý và cũng còn do sự điều hòa âm dương của Thần kinh liên hệ, nhất

là do sự biến hóa của Ngũ hành sanh khắc.

Vì như bị bình đau Dạ-dày (do Tỳ vị) tức Tỳ vị bị bình, thi Tỳ Vị thuộc Thổ nếu xét về ngũ hành sanh khắc thì Hỏa sanh Thổ, Mộc khắc Thổ vậy tương quan về bình lý thi Tỳ Vị bị bình liên quan đến các tạng phủ khác như Tâm, Tiêu-trường, Tam-liêu, Tâm bào-lạc, (thuộc Hỏa) tương sanh, và Can, Đõm (thuộc Mộc) tương khắc.

Trị bình nhận đoán đúng thi có thể bồ hỏa (Tâm bào-lạc, Tam Liêu) đề sanh Tỳ Vị Thổ, hoặc là mộc (Can, Đõm) đề chế bớt khỏi khắc Tỳ Vị thô,

Đối với Châm cứu trị bình ở Tỳ, Vị, chúng ta thấy có dùng các huyệt như : Túc-tam-lý, Thiên-xu (Vị kinh), Nội quang, Gian-sử (Tâm-bào-lạc), các huyệt Kiện-lý, Trung-uyên, Khi-hải (trực thuộc Thượng, Trung, Hạ liêu), Chương-môn (Cao kinh), ngoài ra còn dùng các huyệt dính dường sau lưng như Can-du, Tỳ-du, Tâm-du, Vị-du.

Vậy đây là đại khái sơ lược đề chúng ta có thể nắm il quy tắc chính về ngũ hành sanh khắc quan hệ với ngũ tạng lục phủ cần phải hiểu rõ và suy diễn áp dụng, vì tất cả các bình tật của các tạng phủ đều cần phải theo quy luật ấy áp dụng trị liệu mới mong nắm được yếu tố về phương pháp áp dụng huyệt trị bình (xem phần dưới về ngũ tạng tương quan ngũ hành sanh khắc trị nghiệm).

Về ngũ tạng còn có sự liên quan đến sự thè hiện trên cơ thể như sắc, mùi, vị, và thông với ngũ khiếu bên ngoài (phần này rất quan hệ để xem xét đoán bệnh).

Theo các sách xưa thi Tâm sắc đỏ, vị đắng, khai khiếu ở lưỡi, chủ về mạch, Can sắc xanh, vị chua, khai khiếu ở mắt, chủ về Gan.

Tỳ sắc vàng, vị ngọt khai khiếu ở môi miệng chủ về cơ nhục.

Thận sắc đen, vị mặn khai khiếu ở tai và nhị âm.

Phế sắc trắng, vị lạt khai khiếu ở mũi chủ về Da lông.

Kết luận : Sơ lược về phần trị liệu đối với châm cứu trị rất cần hiểu rõ đủ tất cả những phần quan hệ căn bản, mới mong khi làm sẵn trị bình có thể tùy cơ ứng biến khỏi phải phân vân (xem những phương trị nghiệm y-án thực hành sau).

XVI.— NGŨ TẠNG SANH KHẮC TRỊ NGHIỆM

Để chứng minh về ngũ tạng tương quan với nhau đối với ngũ hành sanh khắc, dưới đây tôi xin trích những phương trị liệu có kết quả, khi biết áp dụng đúng với luật ấy.

1.— Ngũ tạng thuộc ngũ hành:

1.— Tiêu-trường thuộc hỏa, Tả hỏa làm giảm bệnh sốt nóng.

Ông Lưu 56 tuổi bị chứng về mùa Xuân cảm nhiễm phát sốt nóng cao độ làm suyễn súc, mặt đỏ, lưỡi vàng, vì trong nóng quá làm rít thở, nhiệt độ 41.

Trị pháp : Ban đầu châm tả Hiệp-cốc, không giảm sốt, sau án tạng phủ thi Tiêu-trường thuộc hỏa vây dùng huyệt Hậu-khê tả hỏa.

Châm Huyệt Hậu-khê xoay kim tả 3 lần, bệnh giảm sốt, tả tiếp 3 lần nữa con sốt giảm nhẹ ngay, tiếp tả 2 lần nữa. Bệnh hết sốt, bệnh phục. Vậy chứng minh là Tiêu-trường Hỏa chứng sốt cao độ giảm hết ngay.

2.— Tiêu-trường thuộc hỏa, Tâm bào-lạc thuộc hỏa, Bồ tả, hỏa trừ được chứng Sốt-rét.

Cô Trần 44 tuổi bị sốt-rét đã hơn 1 năm, trước lạnh sau nóng, người yếu gầy, mặt vàng, mè mệt.

Trị pháp ; Huyệt Hậu-khê thuộc Tiêu-trường hỏa, Huyệt Gian-sử thuộc Tâm bào-lạc hỏa (lặng phủ trong ngoài giao tiếp với nhau). Trước châm bồ xoay kim 3 lần, rồi xoay tả 3 lần.. bệnh hết hẳn.

Bệnh này vì trước lạnh nên trước bồ hỏa bắt túc (hiểu, bồ huy sau lại nóng nên tả hỏa hirus dư (dư, tả thiệt), vì thế nên công hiệu.

3.— Tâm thuộc hỏa, Thận thuộc Thủy, Tả Tâm hỏa, Bồ Thận thủy trị bệnh Phế-lao huyết khô, mắt kinh, lòng bàn tay, bàn chân nóng.

Cô Quân 39 tuổi bị bệnh phổi nặng, huyết khô nên mắt kinh ngực đã 3 tháng, lòng bàn tay lòng bàn chân nóng, mỗi ngày sau 2 giờ chiều làm tim phiền nhiệt, đêm không ăn, chỉ ngủ được vài giờ, đầu xoay mắt hoa, ho nhỏ bợt trắng, ăn không tiêu, hoặc no hơi, tim hồi hộp, nói hơi mệt, dùng đủ các thứ thuốc Đông, Tây đều cho là chứng cảm huyết lao, rồi phổi thì là chứng Lao-phổi.

Trị pháp : Vì sợ vượng châm nên trước cứu bỗ Tam-Âm-giao, Nội-quang, Thái-khê, 3 trắng, Côn-lon 1 trắng, sau châm bỗ Phục-lưu, Tam-Âm-giao, Tam-lý, Nội-quang trước bỗ sau tà.

Kết quả : Ngày sau ăn được.

Trị lần thứ 2 Châm Tam-lý, Tam-Âm-giao bỗ, cứu như trước, và châm thêm bỗ Phục-lưu, Phi-dương, châm tà Đại-chùy, Phế-du, Phong-môn.

Kết quả : Tình thần khỏe, ăn được tăng, vai bớt đau.

Trị lần thứ 3 Trị như trên. **Kết quả :** Không phản ứng, duy chỗ Trung-uyên lại hơi đau.

Trị lần thứ 4 : Trị như trên bỗ thêm Phục-lưu, Tam-Âm-giao, Tam-lý, Trung-uyên, và tà Nội-quang.

Kết quả : Đêm ấy bớt ho, ngày sau chứng triều nhiệt huỗi trưa giảm, sắc mặt tươi nhuận, tình thần khỏe, ngủ được thêm 3 giờ.

Trị lần thứ 5 : Trị như trên. Bay giờ tình thần khỏe khoắn, ho bớt nhiều.

Trị lần thứ 6 : Châm Đại-lăng (tả 4 lần, tả Tâm bào-lạc). Bỗ Thận-thủy Phục-lưu, Tam-Âm-giao, Tam-lý, Cứu như trước.

Trị lần thứ 7 : Trị y như trước, thê Đại-lăng thay dùng huyệt Chiếu-hải. **Kết quả** các chứng triều nhiệt và hư hỏa hết, bình hết.

Trị lý : Bình ngày trị lần đầu vì nhận thấy Tâm tang suy nhược, cho nên bỗ Thận-thủy Phục-lưu là vì Âm hư hỏa động làm lòng bàn tay bàn chân nóng nên bỗ Nội-quang để tăng cường tâm hỏa.

Vì trị 3 lần trước đều bỗ hỏa nên không thổi được nhiệt, vì thế nên trị lần thứ 4 tả Nội-quang làm hỏa bỗ Thận-thủy thì ngày sau bớt nóng, vậy chứng minh Tâm tang hỏa không hư (dùng bỗ sai).

Trị lần thứ 6 cũng tả Tâm hỏa (huyệt Đại-lăng). Nhưng qua lần thứ 7 không cần tả Tâm hỏa nữa chỉ bỗ Thận-thủy (bỗ Chiếu-hải), nên hư hỏa thổi, tay chân hết nóng bình nhẹ. Vậy chứng minh dùng thủy chế hỏa rất hay.

Về lại bệnh này cũng thuộc bệnh phổi, đối với kinh Phổi dùng huyệt trực tiếp trị mà không bỗ Thận-thủy, tả Tâm hỏa dùng trị liệu gián tiếp thì bệnh phổi không thể có kết quả được.

4.— Tả Tâm hỏa trị nhẹ bệnh biến thân sưng lở do độc Dương-xmai.

Anh Phùng 28 tuổi bị bệnh lậu độc Dương-mai, đã mấy năm, gần đây phát bệnh cả mình ghê lở, nhất là các khớp ngón tay, (10 ngón tay không thẳng ra được), thử máu thì máu quá đen, độc nhiễm toàn thân phát nóng, ghê nhức.

Trị pháp : Hai lần đầu châm tả huyệt Lao-cang (tâm-bào-lạc chủ huyệt, tả Tâm hỏa). Kết quả khi châm lập tức trong tim nghe hơi nóng thoát ra cứ mỗi lần xoay tả thì thân lần lần lạnh (hỏa khí thân lạnh, trị xong ngày sau ghê giảm bớt ngay).

Trị lý : Theo các sách muôn tả Tâm hỏa thì tả Tâm-bào-lạc lúc công hiệu cho nên tả hỏa tức thì phát lạnh, ấy là hỏa tiêu phản nhiệt vi hàng, ghê giảm tức Tâm hỏa giảm xang hầm tiêu, vậy tả Tâm trị bệnh này rất công hiệu.

XVII.— NGỦ TẠNG TƯƠNG QUAN NGỦ HÀNH SANH KHẮC TRỊ NGHIỆM

1.— Tả Can trị hết bệnh đau Da-dày (Vị bệnh).

Bà Dương 64 tuổi phía dưới chỗ ở tim đau 20 năm nay, ban đầu 1 năm phát mای lần, lần lần càng nặng, gần đây lại nặng hơn, phải uống A-phiến mới bớt, bây giờ mỗi ngày tại Trung-uyên dày đau không hết, khi đau, tim nhảy đập mạnh.

Trị pháp : Châm Trung-uyên, Chương-môn tả.

Kết quả : Khi châm huyệt Trung-uyên tả 2 lần thì đau chạy xuống dưới, xoay kim qua trái đây vào (công) thì đau lại chạy lên trên, xoay kim thèm thì đau chạy xuống dưới lại, xoay kim đây nữa thì đau chạy vào giữa, không dứt được, sau tiếp xoay 3 lần nữa cũng vẫn còn đau tuy ít nhưng không dứt hẳn. Sau châm Chương-môn (Can huyệt) khi châm vào thì tim đập mạnh (Chương-môn là Can huyệt thuộc mộc, Tâm thuộc hỏa, tức Mộc sanh Hỏa nên phản ứng) chỗ Trung-uyên lại đau dữ (Can mộc khắc Tỳ thô) tiếp xoay tả 3 lần nữa, hết đau, bình nhẹ.

Trị lý : Chứng này thuộc Tâm khí thông, nhưng thiệt là cuồn trên Da dày đau (Vị thuộc thô, Can thuộc mộc, vì Can thạnh nên khắc Vị thô, lại thấy chỗ Trung-uyên đau là chỗ vị khầu nên trị châm Trung-uyên, sau đau tuy giảm nhưng không hết, đến khi châm huyệt Chương-môn (Can huyệt), khi châm vào thì tim lại động mạnh,

chỗ Vị-nyễn cũng đau dữ, đó là Can mộc sanh Tâm hỏa, và Can mộc khắc Vị thô, cho nên sau tả Chương-môn tim hết đập mạnh, Vị thô khỏi bị khắc nên hết đau, bình nhẹ.

2.— Bồ Tỳ Thô tức thì mửa ra nước và đàm nhiều, hết ho, hết đau minh.

Cô Vinh 31 tuổi bị bệnh chân gối bên mặt té nhức ngày đơ không co lại được bình dã trên năm, tim đập mạnh, hông bên trái đau, toàn thân cốt tiết đều đau, lại thêm ho có đàm.

Trị pháp : Châm Thái-bạch, Tam-Âm-giao, Ủy-trung, Hoàn-khiêu

Kết quả : Châm xong về nhà bắc đi cầu trên 10 lần, miệng mửa đàm nước rất nhiều. Mửa rồi thì chỗ ố tim và phía hông trái hết đau hết đập, thảo thè lại khỏe không đau nhức nữa, ngày hôm sau chỗ gối đau hết, co duỗi được bình thường.

Trí lý : Bệnh này vì bị đàm bể ngăn nghẹn nên làm cho tim đập mạnh và hông đau, chân gối đơ cứng. Trị dùng đại bồ Tỳ thô Thái-bạch, Tam-Âm-giao, như vậy là làm cho Thủ khắc Thủy, nên phát mửa đàm, nước và tiết tả, rồi các chứng đều hết. Vậy chứng minh Thủ khắc Thủy rất công hiệu.

3.— Bồ Thận trị hết bệnh nhức đầu mặt đỏ tháo sốt nóng.

Cô Trinh 27 tuổi bịnh nhức đầu, mặt đỏ tháo sốt cứ sau giờ ngọ thì phát.

Trị pháp : Châm Phục-lưu, Phi-dương (đó là dùng Nguyên, Lạc Phối hợp trị).

Kết quả : Mặt hết đỏ bớt nhức đầu, bớt sốt, ngày hôm sau chứng giảm nhẹ.

Trí lý : Mặt đỏ sốt là thuộc hỏa, nhức đầu cũng do hỏa xông lên và lại bệnh sau giờ ngọ phát là chứng thuộc Âm (tức bệnh do Âm hư hỏa động) trị dùng bồ Thận thủy chế hỏa, bệnh hết, chứng minh áp dụng Thủ khắc Hỏa công hiệu.

4.— Phong xuất Hỏa khí, trị nhẹ chứng sưng phổi.

Chau Binh 2 tuổi bịnh ban trái sau rồi phát ho, nóng vỗt cao độ, khí suyễn, đàm kéo, miệng lở, mặt đỏ, môi lưỡi mọc mu, khi ho thì môi rướm máu, đã 2 ngày chưa hết lại kiêm chứng kỵ, Tay ý chẩn đoán là bệnh sưng phổi.

Trị pháp : Châm Hiệp-cốc và Thủ tinh-huyệt, Ân-bạch, Lệ doai ra máu. Phong phủ, Phong-tri, Thân-trụ, Đại-chùy, tâp pháp.

Kết quả : Các chứng đều giảm, hết kiết.

Trị lần thứ 2 ăn được, trị tiếp đến 4 lần hết sốt, các chứng hết hẳn.

Trí lý : Bệnh này vì ban trái lâu chưa hết sốt nên chuyển thành sưng phổi, là vì hỏa khắc kim. Trị áp dụng châm tà các kinh Tiểu-trường, Tâm-bào-lạc, Tam-tiêu, và Phế-kinh để làm cho thối hỏa (hết nóng) hỏa thối thì phổi yên, ho hết. Vậy chứng minh Phổi kim nhọn bị tâm hỏa khắc thành phổi sưng nên trị phổi Kim chế hỏa thì hết bệnh.

5.— Bồ Phế, Thận trị hết bệnh Phu nữ kinh bế đã 5 tháng không thông, phát ho, mà mỗi lần ho thì vài tiêu tiễn.

Cô Vinh 49 tuổi mất kinh đã 5 tháng lại phát ho mà mỗi lần ho thì nước tiểu tự ý vài ra, ho đàm mặn.

Trí pháp : Châm Thái-uyên, xoay kim bỗ, tà 3 lần, Thái-khê xoay bỗ 4 lần. Kết quả : Châm xong ho giảm, hết vài tiêu, qua 3 ngày sau thì có kinh. Bình hết hẳn.

Trí lý : Tạng Thận có ống dẫn nước tiểu, bình tiểu tiện tự ý ra là vì cơ năng Thận tăng mất sự cò thắc, nên không ho thì nước tiểu không ra, mà khi ho thì tự ý lưu xuất, ho do phổi, do sự hô hấp, Phổi ho thì Thận khí không thâu nạp, mất sự thúc ép của cơ năng Thận nên nước tiểu tự ý ra. Theo phép trị bồ Phế Kim sanh Thận thủy và khiêm bồ Thận nên áp dụng huyệt Thái-khê là Thận chi Du huyệt thuộc thô, thô sanh kim, làm cho kim sanh thủy, vì thế nên trị chứng này công hiệu mà kinh huyệt cũng thông. Chứng minh Kim sanh Thủy rất đúng.

6— Bồ Thận trị nhẹ bệnh mất trông không rõ (thuộc Can khai khiếu ứ mục).

Aoh Thu 43 tuổi bị bệnh mắt bên mặt mờ không thấy rõ.

Trí pháp : Châm Phục-lưu bỗ (Thận kinh huyệt).

Kết quả : Châm xong mắt sáng, ngày sau càng thấy rõ.

Trí lý : Hư bỗ màu : Thận thủy sanh Can mộc và đồng tử (con người) cũng thuộc Thận thủy, vì thế nên bỗ Thận Phục-lưu công hiệu ngay.

7.— Châm Can huyệt trị nhẹ bệnh đau tim.

Cháu Quân 10 tuổi thường chỗ ở tim đau đớn 1 năm, ban đầu mấy tháng phát 1 lần, gần đây ngày đêm đều đau không dứt, khi đau thì mặt mắt xanh, tay lạnh, khom lưng hoài,

Trị pháp : Châm Thiếu-thương ra máu, bình hơi hớt, sau 1 tiếng đồng hồ lại đau lại 1 tí rồi hết, đến đêm lại đau nhung so với trước nhẹ hơn.

Trị lần thứ 2 ngày sau. Châm Linh-dạo, tà pháp. Kết quả : Tả xong thì hết đau. Nhưng sau giờ ngọ lại hơi đau lại.

Trị lần thứ 3 Châm Thần-môn. Kết quả Châm vào thì đau rời hết nhưng gần đến giờ ngọ lại đau.

Trị lần thứ 4 Châm Nội-quang, Thừa-tương. Kết quả Châm trị xong hết đau.

Trị lần thứ 5 trị như trên. Châm trị xong về nhà, vì đi đường xa nên đau lại 1 tí, qua ngày sau cũng còn hơi đau nhung nhẹ hơn.

Ngày sau lại trị. Nhận định bệnh qua ngày sau lối gần sáng (giờ sủu) phát đau lại bệnh này đúng do khí lưu trú ở Gan.

Trị châm huyệt Thái-xung. Kết quả hết đau và sau không tái phát nữa.

Trị lý : Trị bệnh này dùng các huyệt kinh Tâm chỉ hết tạm thời, trị lần sau châm Can huyệt Thái-xung mà tim hết đau đó là vì Tâm kinh với Can kinh liên quan với nhau (thuộc cả 2 hệ thống tuần hoàn và tiêu-hóa, nên trị châm Can mà bệnh tim hết).

8.— Châm Vị huyệt trị nhẹ bệnh tim nhảy đập mạnh.

Cô Năng 43 tuổi bị bệnh tim thường đập mạnh, chỗ ở tim đầy đau, bệnh đã 20 năm nay khi đau thường làm ợ mửa nước trong.

Trị pháp : Châm Thượng-uyên xoay tà và công 3 lần.

Kết quả : Châm trị xong tim hết đập mạnh và hết đau.

Trị lý : Hòa sanh Thủ chỗ Tâm khâu tức cuộn trên Da dày (đa dày là vị thô) vị thô tà bị bệnh, chỗ ấy cùng liên quan đến tim nên làm cho tim đau đập mạnh, tức Tâm thiệt sanh bệnh nếu Quan tà Thượng uyên (thiệt tà tử) bệnh nhẹ hết đau.

9.— Châm Vị huyệt trị nhẹ bệnh ho lâu 20 năm.

Ông Kim 68 tuổi mỗi đêm nằm ngủ đều phát ho, không ngủ vào được, thường chỗ ở tim đau, đã 20 năm nay dùng thuốc nhiều vẫn không có công hiệu.

Trị pháp ; Châm Trung-uyên tà pháp, khi xoay kim tà xong, chỗ ở tim được khoan khoái, tối lại nằm ngủ yên không ho nữa, đến nữa đêm tỉnh dậy còn ho chút ít, ngày hôm sau hết hẳn.

Trị lý : Chỗ ô tim đau là do Vị Thô-tho tà, tiếp với Phế-kinh làm phế-khi không được điều hòa nên phát ho mãi không hết, Trị dùng tà Vị huyết làm Vị yên cơ năng Phế tăng khởi phục lại nên hết ho. Vả lại bị bệnh này vì lâu đã dùng nhiều cách trị trực tiếp Phế kinh không hết, nên nay định sự liên hệ cơ năng Vị và Phế-kinh quan hệ với nhau nên áp dụng trị liệu công hiệu.

XVIII.— NGŨ SẮC QUAN HỆ VỚI NGŨ TẠNG

Nội kinh có câu : Tâm sắc đỏ, Can sắc xanh, Tỳ sắc vàng, Phế sắc trắng, Thận sắc đen, cẩn xem xét sắc diện mà đoán bệnh.

Vậy khi làm sàn trị bệnh cần xem sắc diện của bệnh nhau mà đoán bệnh để định phương thức dùng huyệt Châm cứu trị át công hiệu.

1.— Tâm sắc đỏ, Châm Tâm huyệt trị chứng bệnh Đèn giản mặt sắc đỏ.

Chú Thợ 15 tuổi bị bệnh thần-kinh thất thường, mặt đỏ mắt trực thị, nói xàm, có khi ca hát, đầu xoay xầm, tiện bí.

Tại pháp : Châm Thần-môn tà pháp.

Kết quả : Mặt hết đỏ, tim yên, hết nói xàm, bệnh lăn lăn tinh, hết hẳn.

Trị lý : Sắc mặt đỏ thuộc tâm, Trị tà tâm Du huyết Thần-môn bình giảm.

2.— Can sắc xanh, Tả Can huyệt trị nhẹ bệnh nhức đầu mặt sắc xanh.

Ông Hòa 48 tuổi cho biết lúc nhỏ bị bệnh Tráng phong, trị hết sau phát đầu nhức khi đau khi hết dày dưa không dứt, đến nay phát nhức đầu luôn 10 ngày, mặt sắc xanh, tròng mắt và móng tay cũng biến sắc xanh, hai bên Thái-dương có lúc đực nhức, miệng khô đắng, nửa năm gần đây có thò huyệt 1 lần rất nhiều.

Tại pháp : Châm Can huyệt Thái-xung (bên mặt) và huyệt Đõm-kinh Túc-lâm-khấp (bên mặt) tả pháp.

Kết quả : Đầu ấy hết nhức đầu, tinh thần khỏe, ngày sau mặt hết xanh, duy đầu còn lạnh.

Sau trị hai lần nữa như trên thêm huyệt Phong-tri. Bình hết hẳn.

Trị lý: Bình này thấy mặt sắc xanh, tròng mắt cũng xanh, đó là thuộc Can-tạng, Can và Đốm là tạng phủ trong, ngoài (biều lý), nên dùng Can-Đốm 2 kinh Du huyệt trị, vì thế nên mặt hết xanh bình giảm.

Vậy chứng mình mặt sắc xanh bình thuộc Can-Đốm rất đúng.

3.—Tỷ sắc vàng Bồ Tỳ trị hết bình Huỳnh-dẫn (da vàng).

Anh Lộc 28 tuổi 1 năm về trước một hôm ăn cháo rất nóng rồi uống nước rất lạnh uống nhiều làm hàng khỉ lách ở Tý Vị (tục danh là Thủy-lách), vì người yếu kiêng chứng mộng di tinh, nên sau phát bệnh mặt vàng cả (Huỳnh-dẫn), môi và móng tay trắng nhợt, tim đập mạnh, tai ử, ngày càng trầm trọng.

Trị pháp: Lúc đúng giờ ngọ Châm huyệt Thái-bạch, Phong-long bồ.

Kết quả: Tai hết ử, Tim bớt đập mạnh, mặt mặt bớt vàng, mà trở lại tươi nhuận, duy khi làm lung gì quá sức thì còn hơi mệt. (Vì bình nặng chỉ trị có 1 lần nên chưa thật bình phục hẳn).

Trị lý: Bình này là chứng Huỳnh-dẫn, nên mặt vàng. Chứng Huỳnh-dẫn là thuộc Tỷ bình. Theo sách xưa bồ Tỳ trị đúng thời gian đúng lúc là công hiệu, nên khi trị lại dùng giờ ngọ châm bồ huyệt Thái-bạch và Phong-long 2 huyệt phổi hộp nêu kiêng hiệu ngay (tim hết đập mạnh, tai hết ử, mặt trở lại tươi nhuận, kết quả thật ngoài sự tưởng tượng).

4.—Phế sắc trắng Châm Phế kinh huyệt trị hết chứng ho thô đậm mặt sắc trắng bạc, tim nặng, q hơi.

Cô Lý 26 tuổi bị cảm lạnh làm ho, mai sờm càng ho nhiều, khi suyễn, mặt sắc trắng, thô đậm, khi ho thì chớp tim đầy, q hơi.

Trị pháp: Châm Kinh-cự Thiếu-lịch đều tả 3 lần.

Kết quả: Tả Kinh-cự thì cổ hết ngứa, ngực khoan khoái, tả Thiếu-lịch xong thì hết ho, đêm lại hết suyễn súc, bình giảm đến 9/10.

Trị lý: Bình sắc mặt trắng, ho là bình thuộc Phổi nên dùng Phế-kinh huyệt Kinh-cự và Đại-trường-huyệt Thiếu-lịch phổi hộp trị bình hết.

5.—Thận sắc đen. Bồ Thận trị bình đầu xoay xẩm, mặt sắc đen người suy nhược.

Ông Hưng 67 tuổi người suy nhược, mặt sắc đen như khói, đầu xoay xẩm, tim mệt, đêm không nằm yên được, làm suyễn sức, không thiếp đến sự ăn uống, tự nhận là chứng chết.

Trị pháp : Dùng ngai trú cứu Thận-du, Quang-nghuyên, Khi-hài.

Kết quả : Ngày hôm sau các chứng l่าน lòn giảm.

Trị cứu tiếp mấy ngày l่าน lòn ăn được, suyễn giảm. Nửa tháng sau ăn khá (ăn được 3, 4 chén cơm), sắc mặt trở lại hồng nhuận. Bệnh hết hẳn.

Trí lý : Bệnh này vì saxe già suy nhược phát bệnh, mặt sắc khói tức thuộc Thận bệnh (Thận bại). Trị cứu Thận-du, Quang-nghuyên, Khi-hài để cõi Thận qua nhiên bệnh chuyển nguy thành an mà sắc mặt biến hổng hào lại bình phục.

XIX.— NGÙ TẠNG CÙNG VỚI NGÙ VỊ QUAN HỆ

Theo Nội kinh năm Vị như vị chua vào gan, vị cay vào phổi, vị đắng vào tim, vị ngọt vào Tỳ, vị mặn vào Thận, vị lạt vào Vị đó là năm mùi vị. Như vậy vị đắng là thuộc Tim, Vị chua thuộc Gan, vị ngọt thuộc Tỳ, Vị cay thuộc Phổi, vị mặn thuộc Thận. Trị bệnh có thể hồi phục như miệng thường thích mùi vị gì mà đoán được bệnh thuộc tạng nào, dùng huyết chủ trị càng được công hiệu.

1.— Can vị chua, tả Can trị bệnh miệng luôn luôn chua.

Cô Tú 31 tuổi thường bắt luận ăn đường, muối, cơm, uống nước trà đều cảm nhận chua cả. Tây y nhận là bệnh vì Da dày nhiều nước chua, nhưng dùng thuốc Đông Tây đều không công hiệu.

Trị pháp : Ăn bệnh miệng chua thuộc Can tạng bệnh. Châm Can huyết Thái-xung tả pháp. (trị trong 5 phút).

Kết quả : Châm trị xong bảo bệnh nhơn uống nước thì nhận không còn chua, lần lòn miệng hết nhơn mùi chua nữa.

Trí lý : Bệnh này nếu cứ nhận vì Da dày nhiều nước chua trị thi vô hiệu mà nhận theo xưa do Gan bệnh (vì chua thuộc Gan), nên kết quả ngay.

2.— Thận vị mặn, dùng huyết Thận trị nhẹ bệnh ho thòi đậm mặn.

Cô Tòn 25 tuổi sau khi sanh bị cảm lạnh phát ho này đã 6 tháng, khi hắt khi không, khi ho thì thở ra đàm có lợn cợn lại mùi mặn, tăng sảng mai càng ho nhiều, ho đến đầu nhức, lưng đau, khó chịu.

Trị pháp : Châm Thái-uyên, xoay trước tả sau bồ 3 lần, Phong-long tả 3 lần Cửu Mạng-môn, Thận-du, Phế-du, Phong-môn, Túc-tam-lý.

Kết quả : Ho hơi giảm.

Trị lần thứ 2, ăn bình vị mặn thuộc Thận, Châm bồ Phục-lưu xoay kim 4 lần, Kinh-cự tả, Cửu Phế-du, Phong-môn, Nhũ-căn, Du-phủ, Hoặc-trong, Thần-tàng, Linh-khưu, Thần-phong, Âm-cốc, Túc-tam-lý đều 1 tráng.

Kết quả : Bình hết hẳn,

Trị lý : Bình này theo áo bình vị mặn thuộc Thận nên dùng huyệt Thận trị bồ thận, hết ho. Vậy chứng ho này lại thuộc Thận mà không phải thuộc Phổi, nên nhơn đàm mặn là bình Thận trị bồ thận bình hết hẳn.

Ông Lương 50 tuổi, bình thở đàm mặn.

Trị pháp : Châm Bồ Phục-lưu, Phi-dương, Cửu Mạng-môn, Thận-du. 1 tráng.

Kết quả : Đàm hết mặn bình hết.

Vậy gấp bình vị mặn là thuộc Thận bình, dùng bồ Thận trị đèn công hiệu.

3.— Tim Vị đắng, Tả Tâm hỏa trị nhẹ bệnh khi ăn vào miệng thi đắng lại thêm cỗ khô, miệng hôi thối.

Anh Vinh 28 tuổi ăn vật gì vào miệng cũng thấy đắng, cỗ khô, miệng lại hôi thối.

Trị pháp : Châm Thận-môn xoay bồ, tả 3 lần, Chi-Chánh bồ.

Kết quả : Châm huyệt Thận-môn cảm giác tai nóng và lùng bùng rồi hết, sau châm thêm Chi-chánh (Nguyên, Lạc chủ khách phổi hợp). Ngày sau bệnh nhơn hết đắng miệng và tinh thần khỏe khoắn.

Trị lý : Bình này miệng thối, cỗ khô không phải chỉ do Tim mà Vị cũng bị nóng. Theo bệnh lý miệng đắng thuộc Tâm tả tâm Nguyên huyệt Thận-môn, hợp với Lạc huyệt Chi-chánh hết bệnh là vì chứng mình đắng thuộc Tâm mà Vị nhiệt cũng do Tâm (hỏa sanh thổ) vì thế nên tả Tâm là trị gốc lão ngon nên công hiệu.

4.— Phổi vi cay, Tà Phế tri nhẹ bình ho cò nồng hơi khó chịu.

Bà Hồ 67 tuổi bệnh ho đã lâu, trong cò hơi nồng khó chịu.

Trị pháp : Châm Kinh-cự tả 3 lần.

Kết quả khi châm kim vào ở ngực cảm giác như chạy đến Phổi, làm cho hơi nồng ở cò bớt, tả xong thì hết hẳn, ngày sau tim khỏe.

Trị tiếp 1 lần nữa bình hết hẳn.

XX. NGŨ TẠNG SỞ CHỦ

Nội kinh : Năm tạng đều có chủ bệnh, như Tâm chủ về Mạch, Phế chủ về da lông, Can chủ về Gan, Tỳ chủ về Thịt. Trị bệnh bằng Châm cứu cũng xem tùy sở chủ mà dùng huyệt trị :

1.— Can chủ Gan Châm Can huyệt trị bệnh rút gần Nan-hoán.

Anh Thiền 23 tuổi bị chứng phong rút gần hai chân đã 5 tháng đau nhức.

Trị pháp : Châm Đõm huyệt Dương-lăng-tuyền bò và Can huyệt Lãy-cấn tả.

Kết quả : chân ngay ra được 2 tấc và hết đau (xem bệnh đau khớp xương).

Trị lý : Can Đõm chủ gần nên dùng Can Đõm huyệt công hiệu.

2.— Phổi chủ da lông (bi mao) Châm Phế huyệt và Đại-trường huyệt trị bệnh bi phu nồi Phong Chân.

Cháu Phú 3 tuổi toàn thân phát Phong Chân, nổi vè, bụng đau nhức nồng.

Trị pháp : Châm Thiến-thương, Thương-dương, Hiệp-cốc ra máu Khúc-trí tả.

Kết quả : Trị xong vè nhả ; các chứng làn lẩn hết, chân tiêu.

Trị lý : Phổi chủ bi mao Phế và Đại-trường tạng phủ trong ngoài (hiểu lý) phong chân phát sanh ngoài da nên dùng Phế và Đại-trường kinh Tinh, Nguyên, Hiệp, Du các huyệt tả thì bệnh hết hẳn.

3.— Tỳ Chủ cơ nhục (thịt) Kiện tỳ là trị bệnh thận thè gầy ốm.
Cô Bình 42 tuổi thận thè gầy ốm.

Trị pháp : Uống thuốc bò Tỳ và châm bò các huyệt Tỳ kinh trị trong 1 tháng người lòn lẩn ăn khỏe lại. Tháng sau thận thè béo mập bồng bao.

XXI. NGŨ TẠNG QUAN HỆ VỚI THÁT KHIẾU.

Nội kinh: Can khai khiếu ư mục (khiếu của Gan ở mắt, Tâm khai khiếu ư thiết (Khiếu của Tim ở lưỡi), Tỳ khai khiếu ư khẩu Khiếu của tỳ ở miệng, Phế khai khiếu ư tỳ, (Khiếu của Phổi ở mũi). Thận khai khiếu ư Nhị (khiếu của thận ở tai) và cầu Thận khai khiếu ư nhị âm, Khiếu của Thận ở hậu-âm và tiều-âm (đại tiểu tiện).

1.— Tai là Khiếu của Thận. Bồ Thận trị bệnh tai ú.

Ông Thúc 60 tuổi, già yếu người suy nhược, dai tai lùng bùng luôn.

Trị pháp: Châm Bồ Thận Phục-lưu, Phi-dương (dùng huyệt bên trái) bồ 3 lần. Kết quả: Châm xong tai bên trái bớt 1 nữa. Sau trị lần thứ 2 châm cả 2 bên bệnh giảm nhiều.

Trí lý: Vậy chứng minh Nhị vi Thận khiếu, trị bồ Thận huyệt công hiệu, nhưng cũng cần bồ thêm Bàng-quang kinh (huyệt Phi-dương), là tạng phủ trong ngoài bồ trợ lẫn nhau càng kết quả nhiều hơn.

2.— Thận khai khiếu ư nhị âm, Bồ Thận trị bệnh đại, tiểu tiện đi nhiều làm phúc tả nồng huyết.

Anh Thành 34 tuổi bệnh đi cầu ra máu mủ đã lâu, mỗi ngày đêm đi 5-6 lần, sau khi đi cầu ra máu, dùng nhiều thuốc trị không công hiệu,. Trị pháp: Châm Bồ Phục-lưu, Phi-dương, Túc-tam-lý, Tam-âm-giao bồ 4 lần kết quả: Đêm ấy đại tiện giảm bớt còn 1 lần. Tiếp tục trị như thế bệnh khỏi phục bão.

Ông Đông 57 tuổi ban đêm thường bắt đi tiểu hoài, đi rồi lên giường nằm muộn đi nữa, cả đêm như vậy, lại thêm bụng dưới đau, đi tiểu thì đau nhiều, có khi đại tiện cũng theo ra luôn.

Trị pháp: Châm bồ Thận Phục-lưu và Phi-dương 4 lần. Cứu Thận-du, Mạng-môn, Thái-khè, Cao-lon, Quang-nguyên bồ 5 tráng.

Kết quả: Đêm ấy còn đi tiểu 1 lần, bụng bớt đau.

Trị tiếp bồ 4 lần nữa hoàn toàn bình phục, đại tiện như thường.

Trí lý: Trí hai bệnh này đều chứng minh Thận khai khiếu ư nhị âm, nên bồ Thận đại tiện tiểu điều hòa chánh thường.

3.— Tỳ khai khiếu ư Thần, khẩu (môi, miệng), khuôn mặt thuộc Tỳ, Vị, Châm Tỳ, vị tình huyết ra máu trị bệnh môi mặt đều sưng thủng.

Cô Lực 23 tuổi bệnh môi trên và khuôn mặt đều sưng thủng, trị

nặng xuống làm mắt không mở lớn được.

Trị pháp : Châm Ân-hạch, Lệ-doai ra máu.

Kết quả đêm ấy ra mồ hôi và chảy nước mắt luôô, qua ngày sau bớt sưng thủng. Trị tiếp lần thứ 2, bệnh hết hẳn.

Trị lý : Trị bệnh này dung với nghĩa Tỵ, Vị khai khiếu ư Thần khâu và nhão bì thuộc Vị, nên tá Tinh huyệt Tỵ, Vị, hết sưng thủng.

4.— Cao khai khiếu ư mục, Bồ Cao trị bệnh mắt không thấy rõ.

Cô Của 43 tuổi hai mắt mờ không thấy rõ gần nữa năm.

Trị pháp : Châm bồ Khúc-tuyễn, Quang-minh Phục-lưu 4 lần.

Kết quả ngày sau chảy nước mắt, con người nhỏ lại (trước con người lớn, tán đại nên không thấy rõ).

Trị tiếp 5 lần bệnh hoan hoàn bình phục, trước thường ngó thấy lốm đốm hoa nay cũng hết luôô.

Trị lý : Bồ Cao Khúc-tuyễn và Đốm huyệt Quang-minh (Nguyên Lạc phối hợp nên công hiệu đặc lực), con người lớn hay lùa thuộc Thần nên bồ Thần Phục-lưu khiêm trị kết quả mỹ mãn.

5.— Phế khai khiếu ư tý. Bồ phế trị bệnh ho lâu, mũi phát đỏ.

Cô Diệu 46 tuổi, bệnh ho lâu mũi đỏ hồng.

Trị pháp : Châm bồ Thái-uyên 4 lần, Cửu Phong-môn, Phế-du 3 trắng.

Kết quả : Bệnh áy ho giảm, ngày sau đầu mũi bớt đỏ. Trị tiếp lần thứ 2 bệnh hết hẳn.

Trị lý : Bệnh ho lâu lại hiện mũi đỏ là thuộc Phế hư nên áp dụng bồ Phế huyệt công hiệu.

XXII.— NGỦ TẠNG BỊNH CƠ

Nội kinh : Bình ghê phát ngừa đều thuộc Tâm, Bình Phong làm xoay xombok đều thuộc Cau, Bình Thấp làm dày trường đều thuộc Tỵ, Bình vè uất hơi đều thuộc Phổi, Bình lạnh dần phát đều thuộc Thần, vậy án tùy sở bình của ngũ tạng dùng huyệt trị.

1.— Bình ghê phát ngừa thuộc Tâm. Tả Tâm huyệt trị bình châm tháo sanh ghê phát ngừa.

Cô Ngô 36 tuổi bình châm tháo phát ghê ngừa đau khó chịu.

Trị pháp : Châm Lao-cung (tả tâm hỏa), Khúc-tri tả 2 lần.

Kết quả : Ngày sau ghẻ khô bớt ngứa.

Trị tiếp lần thứ 2 bệnh hết hẳn.

Trị lý : Vì nóng nhiệt phát ghẻ ngứa thuộc Tâm nên bệnh này tá tâm hỏa rất đúng, và dụng huyệt Khúc-tri tức thuộc Đại-trường kinh thuộc bì phu (trị bì phu nhiệt độc) phối hợp rất công hiệu.

2.— Chứng tay chân kinh đực là thuộc Phong. Cứu Phong-môn trị bệnh tay chân kinh đực hết.

Bà Chi 50 tuổi, tay chân lạnh, thần sắc biến đổi, mặt mệt; mồ hôi ra đậm dề, đầu ngoeo 1 bên, tay chân té cứng, kinh đực luôn không ngớt, la chét chịu không nổi, bệnh nguy cấp.

Trị pháp : Cấp cứu dùng ngoại quyền cứu Túc-tam-lý tức thời mửa ra nước xanh vàng rất nhiều, mồ hôi giảm, tay chân hơi bớt đực, nhưng rồi lại đực lại la chét. Cấp dùng ngoại cứu Quang-nguyên, Khi-hải, Trung-uyên, Bách-hội mẩy trắng. Bệnh giảm nhưng vẫn còn đực. Bây giờ tiếp cứu Đại-chùy, Phong-môn. (Cứu đến Phong-môn thì tay chân hết diệu động) bệnh nhẹ.

Trị lý : Huyệt Phong-tri, Phong-môn đều ở trên mà Phong-môn tức là cửa gió (phong chi môn), chứng phong hết thì tay chân hết đực, vì vậy nên dầu cấp cứu bệnh giảm mà phong chưa định thì còn đực, cứu Phong-môn làm phong định thì làm tay chân hết đực bệnh mới giảm.

3.— Các chứng Thủng-thấp đều thuộc Tỳ. Châm Tỳ Vị huyệt trị bình Phù thủng, đầu không xoay chuyền được thở mệt thiểu hơi, tim đập mạnh.

Anh Thọ 48 tuổi trước đó 20 hôm phát thủng ở đầu rồi đến tay chân, rất nặng nề khó chịu rồi đến cả toàn thân đều phát phù thủng, tim đập mạnh cố cứng đỡ không xoay chuyền được, tay chân nặng trĩu, hơi thở kéo lên không nắm nghiên được (xoay nghiên qua thì hơi hơi muỗn tắc thở), không muốn ăn, lại thêm nhổ đờm có máu.

Trị pháp : Châm Ân-bach ra máu, liếp châm Trung-uyên (xoay tả 3 lần, xoay bổ 3 lần, xoay lại tả 1 lần nữa).

Kết quả : Châm Ân-bach ra máu thì đầu xoay chuyền được, tá huyệt Trung-uyên khi xoay tả thì tim hơi khỏe, tá tiếp lần thứ 2 thì hơi thở được tả 1 lần nữa thì ngón tay diệu nhưng tá tiếp 1 lần nữa thì tim lại động (vì tá nhiều), chuyền xoay kim bổ lại thì bớt nhưng xoay bổ đến lần thứ 3 thì chỗ ở tim lại nặng (bổ nhiều) vì

thể nên xoay lại tâ lai 1 lần nữa, mới bớt, hết nghẹt hơi, tim hết đập mạnh.

Trị lý : Bệnh này rất nguy cấp, không thể dùng nhiều huyết sự thương đến tánh mạng, án bệnh Thấp thuộc Tỵ, và lại tay chân nặng không muốn ăn là thuộc Tỵ. Vì, vì thế nên dùng huyết Tỵ kinh làm chủ, châm Tỵ Tinh huyết Âm-bạch, đầu xoay chuyền được, và cũng dùng Trung-uyên Tỵ bỗ tâ dê làm cho hơi thở đều, vì chỗ ố tim đập mạnh quá lại tay chân nặng nề vô lực nên tâ Tỵ làm tim yên tức chứng minh bệnh phù thủng đều thuộc Tỵ, ố tim (tè thương) cũng thuộc Tỵ Vị, về ngũ hành tương sinh thì Hỏa sinh Thổ (thổ là hỏa chi tử) Tâm thuộc hỏa, Tỵ thuộc thổ, tâ Tỵ dê Tâm yên (thiệt tâ tử). Trị bệnh này nhờ án theo Nội-kinh áp dụng thi trị kết quả được mỹ mãn.

4.— Chư khi uất dai thuộc Phế, Châm Phế huyết trị bệnh tay chân cứng dor không nói năng được, bệnh nguy cấp.

Cô Châu 34 tuổi, thỉnh lình bị chứng i.nguy cấp tay chân cứng dor, ngón tay cứng không co lại được, mắt đỏ, làm khí suyễn, chỗ ố tim nghẹt hơi, miệng không nói được.

Trị pháp : Châm Thiếu-thương và các Thủ Tinh huyết ra máu.

Kết quả : Khi châm Thiếu-thương bên mặt ra máu, tay chân mặt hơi diệu lại, chỗ ngực thông, sau khi châm trị xong các huyết, mặt tươi nhuận lại, ố tim thông, sau khỏe lại hẳn.

Trị lý : Các chứng không thông suốt đều thuộc Phổi, nên tâ Phế thông thi các chứng nhẹ.

5.— Chư hàng thâu dài dai thuộc ứ Thận, cứu Thận trị bệnh hòn dài chạy xốc lên đau.

Anh Thành 32 tuổi bệnh hòn dài thut xốc lên đau rất nguy cấp.

Trị pháp : Cứu Thận-du, Quang-nghuyên, Kbi-hải đều 3 trác y.

Kết quả hết đau, nằm yên được và sau đi đứng bình thường không đau xốc nữa.

XXIII.— NGỦ LAO SỞ THƯƠNG

Nội kinh : Xem lâu thương huyết, Nǎm lâu thương khí, Ngòi lâu thương nhục, Đứng lâu thương xương, Đi lâu thương gân, tức Ngủ lao sở thương. Trị bệnh xem nguyên nhân thương tồn dùng huyết trị công hiệu.

1.—Đi lâu thương gan, Châm Can Nguyên huyết trị nhẹ bình hai chảo đau trên 10 ngày.

Anh Quá 48 tuổi vì đi chạy bộ làm lao động 26 ngày hai chân chỗ cườm chân sưng đau đến mắt cá bình đã 10 ngày.

Trị pháp : Đิ lâu thương gan, Gan thuộc Gân, dùng Can Nguyên huyết Thái-xung thêm chỗ đau (A-thị-huyệt) Thân-mạch đều châm tă 3 lần, rút kim ra máu bầm đen. Cứu Tam-Âm-giao, Côn-lon, Thái-khé, Túc-bác-phong đều 1 tráng.

Kết quả : Chỗ mắt cá bớt nhức, chân trái xẹp, chân mặt giảm.

Trị lần thứ 2 như trên thêm châm Túc-նinh huyết ra máu.

Kết quả : Bình hết hẳn.

Trị lý : Bình này vì đi lâu nên sưng nhức thương gan, dùng huyết Thái-xpong làm chủ nên trị công hiệu.

2.—Nằm lâu thương khí. Châm Phế-Nguyên huyết tri bình mê mui cứ muốn ngủ hoài, lại thêm khí suy yếu.

Anh Can 35 tuổi bị thương ngày đêm nằm ngủ hoài, cả năm thất nghiệp không có việc làm, thêm phát chứng suyễn súc, khi nói hả miệng lắc đầu, trong cổ như có gì vướng, thở mệt, đi thì muốn ngất hơi.

Trị pháp : Châm Thái-uyên, Nội-quang, Đại-chùy đều bỗ 2 lần, Châm Thiêu-dot tă 3 lần. Cứu Phong-môn, Phế-du và 3 hàng huyết trước ngực đều 1 tráng.

Kết quả : Bình nhơn về nhà hơi thở khỏe.

Trị lý : Cứu ngoại thương khí (nằm lâu thương khí) nên nói không ra hơi. Trị dùng huyết Thái-uyên bỗ Phế khí và tă Thiêu-dot tă Phế khí, lại bỗ tă Nội-quang, Đại-chùy hiệp trợ nên kiến hiệu.

CHƯƠNG III

A.— Y-AN CHÂM-CỨU ĐẠI-THÀNH

1.— Một bệnh nhân, *cánh tay không đưa lên được, phát ớn lạnh, người mè mệt, tuy trời nắng mà cũng đắp mền, thầy thuốc xem mạch cho rằng bị cảm lạnh, nhưng dùng thuốc uống không nhẹ.*

Tôi xem mạch thấy mạch đi Trầm, Huyệt, 151 nhuận là bệnh vì đàm dịch bể ở kinh lạc, dùng châm trị :

Các huyệt: Phế-du, Khắc-tri, Thủ, Túc-tam-lý nội ngày ấy bệnh nhân nhẹ dần, tay đưa lên được, không còn ớn lạnh nữa, bỏ mền không trùm, sau tôi cho uống thuốc trừ đàm thấy bệnh nhẹ hẳn.

Bệnh này nếu cứ dùng thuốc tán-hàng bồ-hư ắt không thể trị được.

2.— Một bệnh nhân *nội cực hạch lớn bằng trái thị trên cánh tay, các thầy cho rằng thủng độc, nhưng ấy là vì đàm hạch két ở lớp màng mạc trong da, không thể dùng thuốc uống được trừ phi giải phẫu, tôi dùng châm-cứu trị.*

Tôi châm huyệt Khá-tri, cứu tại hạch ấy 14 tráng để thông kinh lạc, châm-cứu liên tiếp trong mấy ngày lần l่าน hạch tan, bình phục.

Bệnh này nếu dùng thuốc đắp làm thương cơ nhục ắt thành bại chứng làm độc khó trị.

3.— Sỏi hậu sưng chân :

Một người đàn bà, sau khi sanh tự nhiên 2 chân *nội sưng to* chứng rất nguy, chân mạch thấy mạch khi có khi lại ngưng nhận là bệnh sau khi sanh, huyệt xấu rã không hết, lại gặp nỗi độc làm khuyết nghịch, bắt tinh nhau sự; nên bộ phận dưới bị sưng thũng. Tôi châm *ngay các huyệt Túc-tam-âm* (trí tam âm kinh) quả nhiên châm xong bệnh nhau tinh lão và chân lão lòn xẹp.

Sau tôi gặp chứng đờm bà hai đầu gối mất cảm ứng to, uống thuốc điều không nhẹ, tôi châm mạch thấy Huỷt, Phù, như vậy là phong thấp nhập vào cản cốt, tôi áp dụng châm các huyệt Phong-thí, Âm-thị bình nhẹ không tái phát.

4.— Một bệnh nhân bị chứng kiết và thô huyết, thân nóng phát ho, tại *nóng rún nồi* một cục đau ốm chè, mạch rất nguy các thầy không ai trị được mà cũng nhận là chứng bệnh nan trị. Tôi xem mạch thấy gần tuyệt, chứng nguy cấp, nơi dưới rún nồi cục cao to lên, lại theo sách xưa cho rằng ngày ấy không thể châm chích, tôi thấy vậy không thể bỏ được, vì đã nguy cấp; liền châm Khi-hái và cứu luôn 50 tráng; thì thấy cục ấy lần lần tan, hết đau; sau dùng phương trị kiết, trị họ, rồi lần lượt điều lý bệnh nhẹ hẳn.

Nhiều thầy hỏi tôi cách trị. Tôi nhận rằng bệnh có gốc ngon, trị bệnh cũng tùy chứng nào gấp chứng nào huân; bệnh này cứ cho rằng ngày cứ châm-cứu, mà lúc ấy không châm cứu huyệt Khi-hái thì cục ở rún không tan, mạch khí không lưu thông được, át nguy đến tánh mạng ngay nên tôi phải cấp cứu trị ngon lúc nguy cấp; làm cho mạch hồi phục lại rồi tìm căn bệnh trị gốc sau làm cho khí hoàt điều hòa.

Chánh khi bồi phục, thì trị các bệnh khác át nhẹ.

5.— Một bệnh nhân nơi cõi hồn như có nỗi hờn, nuốt vào cảm, như vươn, ấy là tại kinh Phế bị bệnh, tôi dùng châm-cứu trị. Châm các huyệt Chiên-trung, Khi-hái, Túc-tam-ly, và cứu 10 tráng lần lần bệnh nhân lại ăo nuốt điều hòa, không cảm thấy mệt hạch gì cả.

6.— Trị một đứa bé bệnh Cam-lich, uống thuốc gì cũng vẫn ốm leo; tôi nhận đây không phải chứng cam, mà là chứng tích khói tại Tỳ Vị, nên uống thuốc trị cam thông mà không trị tích, đó là trị ngon mà không trị gốc; Tôi châm-cứu huyệt Chương-môn và châm tại tích khói ở tỳ vị, tức là làm cho tiêu tích diệt trùng, quả nhiên sau mới cho uống hoàn diệt trùng, thấy có hiệu quả ngay, đứa bé lần lần ăn uống có da thịt, chứng cam tích đều tiêu mất cả.

7.— Một bệnh lỵ, *tại*, ngực *lần* *lần* *nồi* *cao* *lên*, không có thuốc gì trị được. Tôi nhận là tại Phế kinh bị kết hạch không tan được nên lần lần trước ngực nồi lên cao.

Tôi châm huyệt Du-nhủ và Chiên-trung, sau già cứu 5,7 tráng và dùng thuốc cao dán làm tan đám dịch, lần lần tự nhiên xẹp không biến chứng gì nữa.

8.— Một người đàn bà bệnh nguy hiểm lỵ ; nứa tháng không ăn uống được, nhẫn nại không mở rất lâu, mạch xem khi có khi không nhiều thay nhau không trị bằng châm-cứu thì không nhẹ được. Tôi châm ngay huyệt Nô-quang mắt tự nhiên mở ra, và nhỏ súp cho uống, lần lần bình phục và sau dùng thuốc bồi dưỡng bệnh toàn dã.

9.— Một bệnh nhân bị bệnh kiết lỵ, đến hơn nửa tháng thuốc uống không nhẹ, lại không ăn uống được ; trị bệnh ở tỳ vị cũng không thuyền giảm. Tôi cứu huyệt Trung-uyên và Chương-môn, thi ăn uống được, cứ tiếp châm-cứu trị bệnh nhẹ hẳn. Sau gặp các bệnh y như vậy ; Tôi cũng áp dụng châm-cứu 2 huyệt ấy đều nhẹ cả. Vậy khi với bệnh kiết lỵ lâu, bệnh thè suy hư ; châm-cứu 2 huyệt này trị rất thần hiệu.

10.— Một bệnh nhân 22 tuổi bị chứng đục kính (kinh giảo) mắt hòn-amarit co đặc, tôi châm các huyệt Cưu-vỷ, Trung-uyễn để trợ tỳ vị và 2 huyệt Kiên-Ngung. Khúc-tri để huỷt kinh lạc, làm cho khí huyết lưu thông chứng giàn lần lần định chỉ ngay và tiếp cho uống thuốc hóa đàm, kiện tỳ vị bệnh nhẹ hẳn.

11.— Một bệnh nhân đau tại chỗ gần Da dày nỗi lên một cục uống i-buốc không nhẹ ; tôi ăn chỗ ấy thấy như có một khối vì vậy thuốc không làm tan được, nên áp dụng châm-cứu trị bì-khối (trên dưới khối ấy châm già cừu 7 tráng và tả hữu châm cừu y như vậy, sau châm cừu trên, giữa khối) và cừu huyệt Trung-uyễn bệnh nhẹ hẳn

12.— Một bệnh nhân bị chứng Kinh giàn rã lâu trị nhiều không nhẹ, tôi châm huyệt Liệt-khuyết, Chiêu-Hải và cừu Lam-du bệnh nhẹ ngay, nhưng nên nhớ gấp các chứng kinh giàn phải trị theo ngũ giàn mới công hiệu.

13.— Một bệnh nhân bị chứng Thương hàng : xem mạch thấy Di Tế. Các thầy đều nhận là Âm mạch cho là chứng chết, vì theo nội kinh có câu : « Dương mạch kiến ư Âm kinh già sanh, Âm mạch kiến ư Dương kinh già tử ». Tôi thấy thế dùng châm trị, chứ không bằng theo mạch lý, liền châm huyệt Nô-quang thì mạch lại chuyển lại Dương mạch ; bây giờ mới dùng thuốc thang yết giàn và tùy chứng dung được, bệnh nhẹ hẳn.

14.— Một bệnh nhân bị chứng nghẽn hơi (cách khít) thần hình tiêu tuy, mạch nhảy Trầm Sắc. Tôi dùng hai huyệt trước châm cừu huyệt Chiêu. Trung sau châm cừu huyệt Khi-bài mạch trở thành lai sau cũng tiếp châm cừu hai huyệt ấy đều cừu 7 tráng, bệnh nhẹ hẳn, lần lần ăn được người khỏe mạnh chắc chắn trở lại.

15.— Một bệnh nhợn vì đàm hỏa cánh tay không co duỗi được, người khỏe mạnh. Tôi nhận là vì đàm hỏa lưu lại kinh lạc liền châm huyệt Kiên-Ngung rồi cứu huyệt Phế-Du để điều hòa cǎn bǎn thi đàm hỏa lưu thông ; châm cứu trị, rất có kết quả.

16.— Một bệnh nhợn hai bắp chân đau nhức, tức Lưỡng thô phong, ngày đau nhức khó chịu nằm lại giường trên tháng. Tôi châm huyệt Hoàn-khiêu, Tuyệt-cốt, không đầy tuần nhụt hết đau đi đứng như thường (bệnh này uống thuốc không nhẹ).

17.— Một bệnh nhợn đòn bà làm băng không dứt, thân nóng xương đau làm phiền táo bức rức khó chịu, chân mạch đều sật, bệnh này vì ngộ nhận ngoại cảm dùng thuốc mát để giải nóng làm cho nguyên khí hao tán nên không thể dùng thuốc chỉ băng được. Tôi liền cứu huyệt Cao-Hoang-Du và Túc-Tam-Lý bệnh nhẹ ngay.

Kết luận : Trên đây là những Y án xưa nhận bệnh trị pháp, vậy sau đây chúng tôi xin phổ biến những Y án thực nghiệm phân ra từng loại bệnh mà các vị châm-sư Trung-Hoa — Nhựt-Bản, Pháp v. v... đã trị có kết quả.

B.— Y - ÁN THỰC - NGHIỆM

I.— CHỨNG ÁP HUYẾT CAO

Bệnh lén máu (Áp huyết cao) : Trị bệnh này tức là đề phòng Trúng phong trước. Sách xưa ghi trước một vài tháng hoặc ba bốn tháng nếu người nào cảm thấy tay chân té không hết, có thể là triệu chứng Trúng phong, nên cần cứu Huyệt Túc-Tam-Lý và huyệt Tuyệt-Cốt 3 tráng (cứu phòng) có thể ngừa Trúng phong.

Sau này các châm-sư dùng huyệt Túc-tam-lý làm huyệt chính và các huyệt : Khúc-Trí, Hiệp-Cốc, Huyết-Hải, Tam-Âm-giao, Hành-gian ; Cứu-Vỷ để trị hạ áp-huyết có công hiệu, thủ thuật áp dụng kích thích mạnh (trấn tĩnh thủ pháp) và phân biệt đối chứng dùng huyết đều có kết quả, theo kinh nghiệm của nhiều Châm-sư ở Trung-hoa đã trị nghiệm trên 40 bệnh Áp-huyết cao theo phương pháp sau đây :

Cách trị : Mỗi ngày châm cứu một lần ; tiếp 5 ngày làm một liệu-trình, nghỉ hai ngày, cả thảy trị ba liệu trình 15 ngày làm một

cho-kỳ. Bây giờ bất kỳ Áp huyệt đã hạ hay chưa cũng cần nghỉ và cần đo áp huyệt lại, như đã hạ thì không cần châm trị nữa, nếu chưa hạ thì nên trị tiếp và cứ như vậy đến chu kỳ thì nghỉ và đo Áp huyệt lại, nếu điện trị 1, 2, tháng thì cũng chỉ trong hai tháng trị liệu là lâu, nếu chưa hạ cũng cần hoãn sau mới trị lại và cần xem lại bệnh thè để áp dụng huyệt phổi hợp, nhưng vẫn dùng huyệt Túc-tam-lý là chính. Ngoài ra khi áp dụng châm trị thì nên để bình nhơ nằm nghỉ 30 phút để áp huyệt rồi mới châm trị để tránh phản ứng.

Kết quả: Trong số bệnh nhân Áp huyệt cao hiệu các chứng trạng sau đây: Nhức đầu, đầu nặng, xoay xombok, tai ù; nặng tai, mắt thấy kém, nói nặng không ý thức, thần kinh mặt kinh dữ, đầu cổ cứng đơ, tim bồi hộp đập mạnh, chỗ ở tim đau, tay chân tê, tay chân vận động trở ngại; mắt ngủ, mè ngày ngủ, mắt trĩ nhợt; mè mệt, hoặc hiện 2, 3, chứng trạng trong một bệnh nhân.

Áp dụng phương thức trị liệu trên đây đều kết quả có bệnh hoàn toàn bình phục có bệnh nhẹ giảm 90%, chỉ có vài ba người vì không theo trị đúng liệu trình nên không được kết quả.

Đây là tài liệu trị bệnh xác thực có kết quả xin giới thiệu để đà tài liệu trị bệnh Áp-huyêt-Cao.

Dưới đây xin ghi những ý án và những kinh nghiệm của các Châm-y để tham khảo.

1) Trị chứng áp huyệt cao; nhức đầu xoay xombok, tay chân vô lực:

Chứng trạng: Nhức đầu, xoay xombok, đầu nặng mắt hoa, mắt ngủ, tay chân vô lực, trước tim ngực đau, lồi, bồi hộp do áp huyệt từ 15 trở lên.

Dùng huyệt: Áp-Huyệt huyệt, Bách-hội, Thái-dương. (Huyệt Áp-huyệt dưới huyệt Túc Tam-Lý 1 tấc ruồi, tức giữa Túc-tam-lý và Thượng-cử-hư.)

Thủ thuật: Châm huyệt Bách-hội 2 phần hướng mũi kim ra sau; châm huyệt Thái-dương dọc theo da ra trước 8 phần. Châm huyệt Áp-huyệt 1 tấc 2 phần, kích thích trung độ, lưu kim 20,30 phút.

Mỗi ngày châm 1 lần đến khi nào các chứng tiêu hết, áp huyệt bỏ. Sau cách 1, 2, ngày châm 1 lần chừng 10 lần cho bình phục bình thường thì nghỉ không châm trị nữa.

Trị nghiệm I : Phương thức này đã trị được 8 người Cao huyết áp bị bệnh từ 6 tháng trở lên, có người bị cao huyết áp từ 6, 7, lần đến 41 lần đều nhẹ hẳn.

Đơn cử ít bệnh gần đây đã trị nhẹ hẳn.

1.— Bà Hà-thị... 42 tuổi bị bệnh Áp huyết cao dây徇 8 năm, chứng trạng đầu nhức xoay xẩm, mắt hoa tay chân nhức mỏi, người mệt mệt, ăn uống giảm lần khi cơn phát không đi đứng được, Áp huyết đo 21.

Châm trị cả thảy 16 lần, do áp huyết xuống còn 14, các chứng tiêu thải ăn uống biêt ngon, hoạt động được như thường. Sau cứ cách nhuyễn châm trị thêm trước sau cả chày 99 lần thời gian 3 tháng, người hoàn toàn khỏe mạnh như thường, không tái phát.

2.— Ông Trí h.Văn, 42 tuổi, bị bệnh Áp huyết cao từ hơn một năm nay, bệnh thường phát nhức đầu, xoay xẩm ăn uống ít, tay chân yếu, không thể làm lung gì được, dùng đủ các thứ thuốc, đi Bệnh viện trị cũng không công hiệu, áp huyết luôn luôn do từ 19 lên xuống.

Dùng phương này châm trị liên tiếp 23 lần, huyết áp đo hạ xuống 16 các chứng giảm bớt, châm trị luôn 2 tháng rưỡi huyết áp đo xuống 14 không lên nữa, làm lung hoạt động được như thường bệnh hoàn toàn nhẹ.

Trị chứng Áp huyết cao, nhất định mất ngủ, tim đập mạnh:

Chứng trạng đầu nhức, xoay xẩm, tim đập mạnh thở mệt, đêm ngày không ngủ được, tay chân tê mỏi.

Dùng huyết: Lần thứ nhất, Túc-tam-lý, Cưu-vỹ, Khúc-trì.

Lần thứ hai: Can-du, Phong-trì, Thân-trụ.

Thủ-thuật: Lần thứ nhất Châm Túc-tam-lý 1 tấc, Cưu-vỹ châm xiên trở lên 5 phân, Khúc-trì trực châm 2 tấc ruồi.

Lần thứ hai: Châm Can-du 7,8, phân Phong-trì 1 tấc, Thân-trụ châm 1,5. Tất cả châm mạnh, đè trấp (rút lên dây xuống) định chỉ 1 lần, liên tiếp như vậy 6 lần, lưu kim trong 35 hay 40 phút, cứ mỗi ngày châm trị 1 lần và sau cần điều dưỡng không nên hút thuốc, uống rượu, cử ăn đồ mặn và dầu mỡ.

Trị nghiệm II: 1.—Cô Trương-thị... 20 tuổi học sinh, từ 2 năm nay thường bị chướng nhức đầu, xoay xẩm, huyết áp đo 18, ngoài ra không có hiện chứng gì, bắt đầu trị dùng các huyết.

Túc-tam-lý, Cửu-vỹ, Hợp-cốc, Thái-dương, Tứ-trúc-không, châm trị cả thảy 15 lần, do huyết áp xuống 14, các chứng không còn nữa, đến 5-6, tháng sau không tái phát mà huyết áp do xuống 12.

2.— Bà Thị-Việt, 60 tuổi hoạt động được duy nhức đầu xoay xẩm luôn, có khi phát sốt mای ngủ, tay chân trái té mỏi, tim hồi hộp thở mệt, do áp huyết lên 18 rồi kiếu tim lớn.

Châm trị dùng các huyệt : Thái-dương, Khúc-tri, Tứ-trúc-không, Thiếu-thương, châm trị tiếp 28 lần huyết áp do xuống 16, các chứng đều giảm hết, 3 tháng sau do huyết xuống 15, bình không tái phát nữa.

Trị chứng Áp-huyết cao, Đầu cò đau, miệng khô té :

Bệnh nhơn Đặng Văn... 51 tuổi bị bệnh lên máu đã mấy năm không trị lành hẳn, mỗi năm qua mùa Xuân mùa Thu phát bệnh do áp huyết 18, 20, 21, bình thường cũng 18, đầu cò đau miệng khô thảm, tiêu tiện có chất dán bạch, thường ngày nhẹ đêm nặng, nhiệt độ 38/5.

Trị pháp : Châm Phục-lưu bồ 4 lần, các huyệt Phong-long Ủy-trung, Thái-xung, Túc-lâm-khấp, đều tả 3 lần, huyệt Ân-bạch, Lệ-doái tả ra máu trị liên tiếp 2 ngày, hiệu quả đầu bớt đau, miệng cò bớt, trị tiếp 3-4, ngày huyết áp hạ xuống còn 18 chứng nhẹ.

Trị lý : Bệnh này vì Áp huyết lên, tiêu động mạch cứng nở lớn tám thất nở to và khiêm Thận động mạch bít bách nên chứng tiêu tiện có dán bạch. Thường đa số bệnh áp huyết nếu do động mạch ngạnh hóa, và khiêm chứng Thận tăng bình, trị nên bồ huyết Phục-lưu và dùng các huyệt hạ áp huyết thì áp huyết mới hạ.

Chứng này không phải khó trị, nhưng cần tham khảo các huyệt trị liệu chu đáo thì mới có kết quả.

Trị bình Áp huyết cao, tay chân té, đầu xoay xẩm muối té :

Bệnh nhơn Thị-Hương 49 tuổi, tay chân thường té đã 5 năm, gần đây phát bệnh lên máu do áp huyết lên 18. Hiện bệnh đầu xoay bồ đi muối té, hai mắt hoa, hai chân té, tay bên trái rần đau, nhiệt độ 38, phát như chứng trúng phong đã ba tuần nhứt.

Trị pháp : Châm Phong-phủ, Phong-long, Thái-xung đều tả 5 lần, Cửu-Bách-hội, Phong-tri, Đại-chùy, Phong-môn, Túc-lâm-lý, Tuyệt-cốt đều 3 tráng.

Hiệu quả : Sau khi châm, đầu xoay mắt hoa giảm.

Ngày sau phát nhưng hiện chứng nhẹ hơn, chân боли.

Lần thứ hai châm trị cách hai ngày, trị y như trước, nhưng trị rồi thì đầu lại nặng thêm như có vật gì đè nặng trên đầu qua 4 giờ sau mới giảm, bây giờ thấy nhẹ đến 40%, chân боли nhiều.

Trị lần thứ ba cách 3 ngày, bây giờ hiện bệnh tinh thần yếu, đầu xoay. Châm trị các huyệt : Nội-quang, Phong-phủ, Phong-long, Phi-dương, Thái-xung đều tâ 3 lần. Cứu như trước.

Hiệu quả qua ngày sau tim hồi hộp, nóng giảm tinh thần vẫn.

Trị lần thứ tư cách 4 ngày, hiện tay còn té, đầu xoay và nặng, tim hồi hộp Châm trị các huyệt Phong-phủ, Phong-long, Phi-dương, Thái-xung cung tâ 3 lần, Cứu y trước.

Hiệu quả ngày sau vì làm lao động nhiều nên đến 12 giờ trưa chứng lại phát trở lại nặng y như lúc đầu tiên, nhưng sau ba ngày lại nhẹ.

Trị lần thứ 5. Trị y như trước, thêm huyệt Quang-nghuyên châm bô 4 lần. Sau hai ngày đầu giảm nhưng cùi xuống còn nặng và cũng phát nhưng nhẹ hơn.

Trị lần thứ 6 : Châm Phục-lưu, Tam-âm-giao bô 4 lần, Bách-hội, Khúc-tuyễn, Thái-xung, Tam-âm-giao tâ 3 lần.

Hiệu quả qua ngày sau tự nhiên từ 12 giờ trưa lại đau mặt phát té cứ ba giờ 1 lần rồi hết, lại hai giờ phát một lần cứ như vậy 4 lần nhưng hôm sau nữa, đầu lại hết xoay xẩm.

Trị lần thứ 7. Hiện chứng bệnh muối mửa, chân yếu vô lực đầu xoay. Châm trị các huyệt Khúc-tuyễn, Bách-hội, Thái-xung như trước, Cứu Trung-uỵền, Tam-lý, Trung-dầu đều 3 tráng, bây giờ đầu xoay giảm nhẹ. Bệnh nhau không lại trị nữa, hỏi người nhà cho biết ba ngày sau không phát nữa, bệnh bớt nhiều, và vì quá bận việc nên không trị tiếp nữa.

Phụ chú : Bệnh lèn máu thật rất phức tạp, có trường hợp không thể lấy nguyên nhân nặng nhẹ do áp huyết tăng cao làm tiêu chuẩn, mà còn tùy theo dõi chứng dùng huyệt phổi hợp tuy thường dùng hai kinh Túc thiểu-âm và Túc Thái-dương, cốt huyệt huyệt thuận khí khu phong, nhưng có khi phải bồi bô Thận tạng như trường hợp dùng huyệt Phục-lưu trên đây. Vậy những phương giới thiệu trên đây nên tùy chứng trạng thay đổi áp dụng và đây cũng là những phương kinh nghiệm để khi làm sàn áp dụng được công hiệu.

Phả trị : nghiệm dùng Huyết Nhơn-nghinh trị Áp-huyết cao :

Chứng trạng : Nhức đầu, xoay xầm, thường mất ngủ, tim đập mạnh, hơi mệt, ngực bên trái lồi đầy đau.

Dùng huyết Nhơn-nghinh, cách trị : đè bình nhơn ngồi thẳng, ăn huyết Nhơn-nghinh, châm 1 lắc, xem cầu kim chuyên động theo động mạch, lưu kim 5 phút. Mỗi ngày châm 1 lần, châm 5 lần là một liệu trình nghỉ một tuần châm lại hai hay ba liệu trình.

Trị nghiệm : Châm trị bệnh Áp huyết cao chỉ dùng huyết Nhơn-nghinh trị nhẹ được trên 30 người.

Bệnh nhẹ châm trị một tuần nhất (1 liệu trình), bệnh nặng cũng chỉ 2,3, liệu trình. Có khi Áp huyết hạ xuống ngay có khi lần lần mới hạ, đơn cử giới thiệu đã trị hai bệnh sau đây :

1.— Anh Trần.., 34 tuổi công nhân, bị bệnh Cao áp huyết gần 2 năm thường nhức đầu xoay xầm, không ngủ được, trị rất nồng nhưng không dứt hẳn, anh lấy làm thắt vọng đến châm trị, đo áp huyết lên 18, dùng phương này trị, sau khi châm 3 lần huyết đo hạ 16, châm trị một liệu trình nghỉ không trị nữa trong hai tháng huyết áp do không lên nữa mà các chứng hoàn toàn phục, hoạt động được như thường.

2.— Bà Trương-thị.., 50 tuổi, bị nhức đầu xoay xầm đã 4 năm, uống thuốc rất nhiều và dùng Âu được cũng vô hiệu huyết áp do 19 lại rơi kiếp tim nở lớn.

Dùng phương này trị. Châm trị 1 lần huyết áp đo hạ 14 các chứng đều giảm, sau châm trị đến lần thứ 5 định chỉ không trị nữa, sau mấy tháng đo Áp huyết vẫn giữ mức 14 không lên nữa và bình phục hoàn toàn.

Trên đây là phương châm trị của Châm sư Dương-sơn-Thông Trung-Hoa giới thiệu xin ghi vào đây để tham khảo.

II.— CHỨNG NHỨC ĐẦU

Phản Náo, Náo mạc, đầu sọ, tai mũi, yết hầu các bộ phận phát bệnh hoặc uất huyết, bần huyết, thở khó, đau dạ dày, ruột, bệnh ngoại cảm, Đái đường, Thông phong, đòn bà kinh bịnh v.v.., đều có phản ứng đầu.

Ngoài ra Thần kinh suy nhược, thần kinh đầu đau, hoặc đau toàn cả đầu, hoặc chỉ đau hiện một chỗ nào, có khi đau nhức nặng càng dữ dội ; nhẹ thì cảm thấy nặng triệu, đau liên tiếp mấy ngày, mấy tháng, diễn trì mấy năm không nhức định.

Phàm khi vận động bộ phận ở đầu hoặc khi dùng ý tập trung, dùng tinh thần đều làm cho tăng thêm, bệnh nặng, lại dễ phát mửa.

Trị bệnh này dùng các huyệt chủ trị :

Thiên-trụ, Phong-tri, Kiên-tinh, Cường-gian, Đại-chùy, Bách-hội, Phong-phủ, Đầu-duy, Đồng-tự-liêu, Thái-dương.

Dùng các huyệt chỉ thống đồng thời phối hợp các huyệt làm tăng sức kháng kiện, dùng các huyệt : Khắc-tri, Ngoại-quan, Túc-tam-lý, Tam Âm giao thường áp dụng những phương pháp sau đây :

Nhức đầu thông dụng huyệt :

Thủ huyệt : Hiệp-cốc, Liệt-khuyết, Phong-phủ, Đầu-duy, Thái-dương. những huyệt phụ : Bách-hội, Thần-định, Dũng-luyễn, Thiên-trụ, Đại-chùy, Cường-gian, Khúc-sai, Thượng-tinh, Khúc-tri,

Thủ thuật : Trước châm huyệt Hiệp-cốc, đao kim hướng trở lên, châm Liệt-khuyết và các huyệt, nếu chưa nhẹ, sau mỗi lần dùng cách huyệt thay đổi trị nếu trở phản lại đau quá làm bấn huyệt thêm cứu Bách-hội Thần-định 3,4, tráng ắt công hiệu.

Cách giảm : Đau trước tráng dùng các huyệt : Thượng-tinh, Thái-dương, Án-đường, Hiệp-cốc, Liệt-khuyết.

Đau chính giữa : Thượng-tinh, Thần-định, Bách-hội, Thái-dương, Hiệp-cốc, Liệt-khuyết.

Đau cả cần cò : Thượng-tinh, Phong-tri, Bách-hội, Thiên-trụ, Thiếu thương, Hiệp - cốc, Liệt-khuyết.

Đau trước mí mắt : Toán-trục, Đầu-duy, Thái-dương, Tứ-triết-không, Liệt-khuyết, Dương-bạch, Hiệp-cốc, Thần-định.

Đau một bên đầu : Liệt-khuyết, Đầu-duy, Thái-dương, Phong-tri, Dương-lăng, Hiệp-cốc.

Đau phía sau : Hậu-đánh, Phong-tri, Ngoại-quan, Hiệp-cốc.

Đau đầu cần cò cứng : Thiên-trụ, Phong-tri.

Sau đây chúng tôi xin trích những phương kinh nghiệm

Thần kinh suy nhược đau đầu.

Chứng trạng : Nhirt đầu xoay xombok, bón mê hoặc mất ngủ.

Thủ huyệt : Túc-lâm-khấp và các huyệt phối hợp : Ngoại-quang,

Đầu-duy, Thượng-tinh, Bách-hội, Tứ-trúc-không, Đầu-lâm-khắp, Thần-mạch.

Thủ-pháp : Trước Châm Túc-lâm-khắp 5 phân, Ngoại-quang 1 tấc, Đầu-duy dọc theo da 1 tấc, Liệt-khuyết Châm dọc theo da hướng trở lên 1 tấc thường đau bên trái dùng huyệt bên trái, đau bên phải dùng huyệt bên phải, Thượng-tinh, Bách-hội hướng ra sau 3 phân, Đầu-lâm khắp dọc theo da hướng trở lên Châm 3 hay 5 phân, Thần-mạch trực Châm 3 phân. Dùng pháp lưu kim 1 giờ (cứ 10 phút xoay kim 1 lần).

Phương này trị Thần-kinh suy nhược nhức đầu rất hay, đã trị 10 người, đều mỗi ngày Châm trị 1 lần, đến 3 lần tất cả đều bình phục hẳn.

Nhức thần kinh sau đầu

Thủ huyệt : Phong-tri, Đại-trù, Hoàn-cốt, Ngoại-quang, Hiệp-cốc, Phong-long, Côn-lon. Châm kích thích trung độ.

Hoặc dùng các huyệt : Hậu-danh, Thiên-trụ, Phong-phù, Phong-tri, Bách-hội, Đại-trù, Hiệp-cốc, Liệt-khuyết, và các huyệt phụ: Khiếu-âm, Thông-tbiên, Khúc-viên.

Thủ-pháp : Trực Châm huyệt Hiệp-cốc, Liệt-khuyết và các huyệt. Cứu huyệt Bách-hội.

Nhức đầu phong, Đầu đông

Chứng trạng quen tánh nhức đầu, tại bộ phận ở đầu não đau, ăn không ngon, thường ác tâm oẹ, xoay xẩm, quên lảng, mất ngủ.

Thủ huyệt : Tất cả đều dùng: Phong-Tri, Đại-trù, Hiệp-cốc, Thần-mạch. Đầu có đau: gia Bách-hội, Tiền danh, Hậu danh, Hậu-khé.

Đau phía trước : gia Thượng-tinh, Dương-bach, Phong-long, Nội-dịnh.

Mỵ lăng cốt thống gia : Toán-trúc, Dương-bach, Thái-dương.

Đau mặt bên gia : Đầu-duy, Thái-dương, Lư-linh, Hàm-yếm, Túc-lâm-khắp.

Đau phía sau đầu gia : Hậu-danh, Côn-lon.

Sau khi nồng rượu nhức đầu già : Toàn-trúc, Soát-cốt, Hoàn-cốt, Trung-Uyên, Lương-môn, Túc-lâm-ly.

Trị bình nhức đầu phong đều dùng kích thích trọng độ và thêm cứu các huyệt ở đầu, các huyệt ở tay chân chỉ cần châm trị. Trị bình này nên trị lâu và cũng cần tìm nguyên nhân biến dùng huyệt phối hợp mới trị tuyệt gốc được.

Biên đầu phong (Đầu bên đầu)

Chứng này do tinh thần mẫn cảm hoặc vì quá lao, hay phong sự, thường do Thần kinh bị bệnh trước, hoặc phát toàn đầu bộ da đầu è àm khó chịu, đè đau từng tia thần kinh, bệnh phát trường kỳ có khi mấy ngày, mấy tháng mấy năm thường hay phản phúc chứng cũng phát ác cảm oẹ mửa mắt hoa, tai ứ, sắc mặt mắt xanh, nên phân loại sau đây :

1.— Đầu bộ, Giao-cảm thần-kinh, động mạch làm đau, cơn phát mắt đỏ, hay một bên đầu động mạch biến động, động từ con người nhỏ lại, hoặc đau nhức một bên động mạch làm ép động từ con người thấy lòi to ra.

2.— Nhão tánh biên đầu thống, ác cảm, thấy không rõ, bị mù ám hoặc chỉ thấy rõ một bên.

Thủ huyệt : Phong-trì, Đầu-duy, Thái-dương, Hạ-quang, Phong-long, Thần-mạch, Tùy chứng thêm các huyệt : Đầu-lâm-khấp, Hoàn-cốt, Hòa-liêu, Huyền-ly, Huyền-lư, Phoong-môn, Khuyết-âm-du, Ế-phong, Thượng-tinh, Trung-uyên, Liệt-khuyết, Túc-lâm-khấp, Hành-gian. Mỗi ngày hay cách nhau Châm trị.

Thủ pháp : Như thuộc Giao cảm thần kinh ma túy các huyệt ở đầu kích thích nhẹ không lưu kim.

Như thuộc kinh loạn tánh co đực thì kích thích trung độ và lưu kim thường các huyệt tay chân Châm kích thích mạnh và lưu kim.

Bệnh mặng tánh kinh cứu nên dùng cả Châm và cứu.

Hoặc dùng phương sau đây :

Dùng những huyệt chủ yếu : Dũng-tuyễn, Hiệp-cốc, Liệt-khuyết, Đầu-duy, Thái-dương và những huyệt phụ : Phong-trì, Tứ-trúc-không, Huyền-lư, Hầm-yếm, Dương-bach, Tam-âm giao Kền-thần, Nội-định, Thượng-tinh.

Thủ pháp: Trước Châm Hiệp-cốc, Liệt-khuyết, Thái-dương. Nếu chưa nhẹ, cứu Thái dương 1,2, tráng, ngày sau chưa nhẹ cung Châm các huyệt ấy thêm Phong-tri, Đầu-duy và Dùng-luyễn, Cứu huyệt Dùng-luyễn át nhẹ.

Những phương kinh nghiệm trị đau bên đầu

1) Trị đau một bên đầu điện tri mai không nhẹ :

Dùng huyệt Suất-cốt Châm xoay vận nhẹ cho mũi kim đến gần huyệt Tư-trúc-không, lưu kim 2 giờ từ từ rút kim. Mỗi ngày Châm trị, hay cách nhau châm trị một lần. Trị tiếp 3 lần nhẹ hẳn.

Trị nghiệm: Ông Trương văn... 56 tuổi đau một bên đầu hình đã 4 năm trị rất nhiều phương không hết kè cả châm cứu trị, sau áp dụng phương này trị một lần bệnh giảm bớt nhiều, tiếp trị 2 lần nữa bệnh tuyệt hẳn không tái phát.

Phương này cũng đã áp dụng trị trên 30 người chứng minh hiệu quả hoàn toàn 100%.

2) Trị quen tênh đau bên đầu mắt không thấy rõ.

Bệnh nhân Nguyễn văn.. bị bệnh đau đầu khi con phát mắt không thấy rõ, đầu xoay xẩm khi đau một bên, khi lại đau cả đầu lại thêm làm ợ mửa, trong gia lộc có nhiều người đau đầu.

Thủ-huyệt: Dùng các huyệt Hành-yếm, Huyền-ly, Huyền-lu (chỉ dùng bên đau Phối hợp huyệt Hiệp-cốc bên đau).

Thủ pháp: Dùng kim dài châm huyệt Hành-yếm, vận kim dày đến huyệt Huyền-ly, Huyền-lu, tức 1 kim xuyên luôn 3 huyệt.

Áp dụng pháp bình bồ bình tả lưu kim. Sau châm Hiệp-cốc 1 tắc châm mạnh cũng lưu kim 30 phút. Hai ngày châm trị 1 lần, tiếp trị 2 lần bệnh giảm nhẹ, trị luôn 2 lần nữa hoàn toàn bình phục hẳn không tái phát.

Trị bệnh đau đầu phát có màu

Anh Tám 25 tuổi bị bệnh đau 1 bên đầu đã 6 năm, khi hết khi đau dùng đủ các thứ thuốc và cũng dùng nhiều phương châm cứu trị không dứt, khi đau có phát sốt rất khốc liệt, mỗi năm về mùa hạ lại phát rất nặng.

Trị pháp : Dùng các huyệt : Bách-hợ / ~~Xanh~~ lội, Ế-phong, Tư-trúc-không, Phong-tri, Phong-phủ.

Khi châm trị thì bệnh dứt ngay, sau lấy kim, 3 giờ sau lại phát đau trở lại y cũ, ngày thứ hai châm trị y cũ nhưng không có kết quả.

Trị lần thứ 3. Châm các huyệt trên thêm huyệt Ủy-trung, và lưu kim 45 phút. Bệnh tự nhiên hết hẳn.

Chiều theo thủ pháp này trị tiếp luôn năm ngày nữa, bệnh hết hẳn, 3 tháng sau không tái phát.

Sau áp dụng trị các bệnh thêm huyệt Ủy-trung đều công hiệu.

Trị nhức bên đầu chóng mặt mất ngủ :

Chứng trạng thường nhức bên đầu, chóng mặt mất ngủ, khi phát mất nheo một bên, xoay xầm có khi nhức cả đầu, làm ợe mửa, trong già lộc cũng có người đau như vậy.

Trị pháp : Dùng các huyệt Liệt-khuyết, Tư-trúc-không, phổi hạch huyệt Thái-dương, Đầu duy trị đều dùng bên đau.

Châm Liệt-khuyết xiên lên cánh tay sâu 3 phân, Huyệt Tư-trúc-không châm 6, 7 phân, Thái-dương 5 phân. Đầu duy châm ra sau 3 phân xoay mạnh và lưu kim từ 30 phút đến 1 giờ.

Trị nghiệm : Dùng thủ pháp này thi trị 12 người đều công hiệu cả, chỉ có 1 người vì bệnh lao phổi, nên sau trở lại ngoài ra đều không tái phát Đơn cử hai bệnh sau đây :

1.— Anh Lê-văn... 24 tuổi quan nhân bệnh nhức đầu đau rất kịch liệt, xem sách thì xoay xầm, trí nhớ giảm, khi phát đau ran cả sau đầu, mỗi ngày cứ trước 12 giờ thi phát nhức, có khi đau bắc ợ khan, mất như có gì che không dám ngó, ăn uống như thường, rời kiển các lạng phủ không có bệnh gì cả, hỏi thi già lộc anh có bà thân mẫu bị bệnh nhức đầu kinh niên. Châm trị dùng các huyệt : Thái-dương, Hiệp-cổ, Dương-bạch, châm rồi hết nhức ngay, ngày thứ hai cũng trị như vậy, tiếp hai lần nữa bệnh dứt hẳn, không trị nữa.

2.— Anh Trần văn... quan nhân thường có chứng hay nhức đầu, toàn trước vì trời quá nóng bức thỉnh thoảng phát nhức nặng, uống thuốc cảm nhức đầu giảm, nhưng về sau cứ mỗi ngày đều có phát nhức thành đau đầu phong cứ cách 1,2 giờ đau nhức 1 lần rất khó chịu, các thử thuốc đều không công hiệu. Dương lúc đầu nhức kịch dùng phương này châm 2 huyệt Tư-trúc-không, Liệt-khuyết, Thái-

dương. Đầu-duy, hết nhức. Tiếp trị mấy ngày nữa bệnh hoàn toàn
hết hẳn không tái phát.

Trị đau đầu lâu năm không dứt hẳn

Cô Nghĩa 40 tuổi đau đầu từ hai bên Thái-dương phát đau dần
dần toàn bộ đầu não đau quá bất minh, khi đau giảm bớt đau thi
tay bên mặt tê, lưng đau, hiện nay toàn thân đều đau đớn càng
nhiều, bình dã lâu năm không thuốc gì trị nhẹ cả.

Trị pháp : Châm Thượng-tinh, Liệt-khuỷt, Hiệp-cốc đều xoay
kim bồ 3 lần tă 1 lần, châm Túc-tam-ly bồ 4 lần. Cứu các huyệt :
Thần-dinh, Trung-uyễn, Thần-du, Can-du, Thái-khê, Tam ẩm-giao
đều 3 tráng, Côn-lon 1 tráng Thái-dương, Phong-tri, Ế-phong đều 1
tráng.

Hiệu quả 3 ngày sau cho biết bệnh đã hết duy tay chân châm trị
sau tê rần chưa hồi phục ; (nếu chứng tê rần tay chân sau khi châm
trị chưa khôi phục lại là vì bồ lực làm tăng sức đề kháng độc bệnh
• phản ứng, không trị cũng hết).

Trị lần thứ hai Cứu Thần-du, Bách-hội, Thái-khê, Tam-ly, Tam
Ẩm-giao Nội quang đều 3 tráng, Phong-tri 3 tráng, Thái-dương, Ế-
phong, Côn-lon đều một tráng.

Hiệu quả các chứng nhức đầu, đau lưng, tay chân tê đều nhẹ
hẳn, dạ dày khoẻ ăn ngon. Tiếp trị thêm một lần nữa bệnh hoàn
toàn bình phục hẳn.

Trị vì kinh sơ đau đầu, chân tê vô lực

Bệnh nhân Thị-Địch 19 tuổi, chưa bị khủng bố sơ sét nên phát
đau đầu, mỗi lần kinh khủng sơ sét đều phát, bệnh đã lâu thường
cứ nhức đầu chân tê, hơi mệt, kinh nguyệt hai tháng mới có một
lần.

Trị pháp ; Châm Túc-lâm-khấp, Thái-khê đều bồ 4 lần. Hiệu
quả chân hết tê, đầu đau giảm.

Trị lần thứ hai như trên thêm cứu Bách-hội, Tiễn-danh, Thượng-
tinh đều ba tráng. Hiệu quả bệnh giảm nhiều.

Sau trị thêm một lần nữa y như trước bệnh hoàn toàn nhẹ hẳn.

Trị đau đầu từ phim sau não dẫn đến giữa trưa

Bệnh nhân Thị Minh 50 tuổi đau đầu từ sau Não dẫn phát đến đỉnh đầu, mỗi ngày sau giờ ngọ phát sốt đến hai ngày không ăn, nhiệt độ lên 38/3 tình thần mệt mè.

Trị pháp : Châm Côn-lon, tà 3 lão, Phong-tri, Phong-phủ tà 5 lão.

Cứu Bách-hội Phong-tri, Đại-chùy, Phong-môn, Phiế-du, Côn-lon, Kinh-cốt Thúc-cốt đều 3 tráng.

Hiệu quả : Châm sau đầu nhẹ các chứng giảm, đến giờ ngọ không phát sốt nữa, ăn biết ngon, từ ấy về sau hắt hắt.

Trị đau đầu trước tráng và cả đau bụng

Bệnh nhân Thị-Tịnh 28 tuổi đau đầu trước tráng đến hai bên Thái-dương, bụng đau xung quanh rốn, chỗ quang sườn thứ 2, đi Bệnh viện trị không kết quả.

Trị pháp : Châm Thái-xung, Nội-quang, Hiệp-cốc, Hàm-cốc tà 5 lão. Cứu : Bách-hội, Thượng-tinh, Phong-tri, Chiên-trung, Truồng-uyễn, Khi-hải, Thần-khuyết, Túc-tam-ly, Tam-âm-giao đều 3 tráng Thái-dương 1 tráng. **Hiệu quả :** Đầu, thái-dương hết đau, bụng hết đau, trị một lần nữa nhẹ hẳn.

Trị chứng đau đầu Mỵ lăng cốt thống

Bệnh nhân Đặng-minh-Thế 20 tuổi đau đầu chỗ xương mỳ mắt (Mỵ-lăng-cốt-thống) dưới chàm mày đau dữ sau nồi to lên bằng đầu ngón tay. **Trị pháp :** Châm Túc-lâm-khấp và Thái-xung bên mặt tà 3 lão, thích Khiếu-âm, Tứ-trúc-không ra máu.

Hiệu quả : Nói đêm ấy hết đau và ngày sau nhẹ hẳn, chỗ mực chàm mày cũng hết hẳn.

Trị nhức đầu mắt không thấy rõ

Bệnh nhân anh Phạm văn... 30 tuổi nhức đầu rất lâu trên một nấm mắt không thấy rõ.

Trị pháp : Dùng các huyệt Phong-phủ, Phong-tri, phổi bôp huyệt Túc-tam-ly, Tam-âm-giao (2 huyệt này thay đổi dùng).

Thứ pháp : Châm huyệt Phong-phủ dưới da xoay đầu kim 1 bên qua huyệt Phong-tri lưu kim 15 phút, lặp lặp rút lên lẳng da rồi lại

Xoay chí: Ôn qua bên kia huyệt Phong-trì rồi lưu kim. Tiếp châm huyệt Túc-lam-ly hay Tam-âm-giao bình hàn bình tả lưu kim.

Mỗi ngày châm trị 1 lần, tiếp châm 1... lần có kết quả bình nhẹ hẳn.

Chú ý: Trị bình đau đầu mắt không thấy rõ cần phổi hộp thêm huyệt Cán-du và Mạng-môn (châm Cán-du 5 phút, Mạng-môn 8 phút bình hàn bình tả lưu kim 15 phút), bình trên dây trị một liệu trình kết quả nên không dùng huyệt phổi hộp nếu gặp bình không kết quả nên cần phổi hộp hai huyệt này mới công hiệu.

III. CHỨNG XOAY XÂM (HUYỀN - DỰNG)

Chứng Xoay xâm làm đầu não xoay bỗng, mất hoa lối, tím hồi hộp muộn mửa, do đàm hỏa, lao lực, sầu uất hoặc suy yếu.

Dùng các huyệt: Cứu Bách hội, Châm Thần-dinh, châm cùa Thái dương Túc-lam-ly.

Như tím hồi hộp thêm cứu Tâm-du, châm Tuần-môn, muỗn oẹ châm Nội Quang, Châm cứu Trung-Uyển.

Những phương kinh nghiệm trị chứng Xoay xâm hay dùng:

Trị chứng xoay xâm, mất tối đèn, bất tỉnh.

Bình nhơn Ông Trần-văn-Nhu 52 tuổi. Tháng trước bị chứng Tráng phong, sau làm nhức đầu xoay xâm tối tăm, bất tỉnh nhơn sự 3, 4, phút tỉnh lại. Ngày phát 3, 4, lần làm khi suy yếu, ho khan, tay bên trái té cứng.

Trị pháp: Châm Phục-lưu bỗng 4 lần, Nội-quang, Liệt-khuỷết bỗng 2 lần tả 2 lần, Thái-xung tả 2 lần. Cứu Bách hội, Phong-trì, Tiễn-danh, Thượng-tinh, Thần-dinh, Đại-chủy, Phong-môn, Phế-du, Tâm-du, Cách-du, Can-du, Đõm-du, Thận-du, Túc-lam-ly, Tam-âm-giao đều 3 tráng, Dương-bạch, Lâm-khấp, Thái-dương đều 1 tráng.

Hiệu quả trị sau 3 ngày bình phát giảm mỗi ngày còn hai lần, tức giảm 80% còn phát chỉ 1 phút tỉnh lại, lúc cũng giảm 2/3, trước khi phát mất cảm giác, bây giờ phát có cảm giác, và mất bên trái giờ nay chuyển qua mất bên mặt, tay bên trái hết té.

Trị-lý: Bình này nam tả nữ hữu nên bình bên tả di chuyển qua hữu, nên châm trị bên tả du qua hữu. Trị tiếp hai lần dùng

Huyệt bôm hữa, làm quan bình nêu bình lăn lăn nhẹ hẳn.

Nguyên nhân vì bình Trung phong di độc do não xuất huyết, động mạch ngạnh hóa nguyên nhân không phải do chứng bầm huyệt nên trị dùng các huyệt trên cổ làm hạ áp huyệt chứng Trung phong và bồ Phục-lưu để cõi hạ nguyên bình Can, cường Tâm điều khí rất công hiệu.

Trị chứng xoay xẩm mất ngủ :

Bình nhơn Thị-Khai 27 uồi, Bình đầu xoay xẩm trị châm cứu 42 lăn nhẹ rồi sau sanh chử g mắt thường mờ, hai bên thái dương đực, xoay xẩm, châm trị lại không hết đến Bình-viện rọi kiễn cho biết vì bình lao phổi và bình mất ngủ biến sanh.

Trị pháp : Châm bồ Phục-lưu xoay kim 4 lần, Hiệp-cốc bồ 3 lần tả + lần Thượng-tinh bồ 3 lần Thái-xung tả 3 lần

Cửu Bách-hội, Tiễn-Đanh, Thần-định, Phong-tri, Đại-chùy, Phong-môn, Phê-du đều 3 tràng.

Hiệu quả Giảm bớt nhưng tại thái dương vẫn còn hơi xối.

Trị lần thứ hai, Trị y cũ thêm huyệt Tam-âm-giao bồ 4 lần, Nội-định tả 3 lần. Trị lần thứ ba cũng trị y cũ nhưng vẫn không thuyền giảm hơn lại thêm thở hơi khô và xoay xẩm.

Trị lần thứ 4 Châm trị lại Hiệp-cốc bồ 4 lần, Túc-tam-ly tả 2 lần, bồ 2 lần, Án-đường tả 2 lần, Thái-xung, Nội-định châm lưu kim.

Bình này áp dụng các phương thức trên không hiệu quả là vì không phải do cảm mạo phát bệnh mà do hư hỏa xung lên.

Trị lần thứ 5 Châm Quang-nguyên, Phục-lưu ; Túc-tam-ly, Tuyết-cốt đều bồ 4 lần, Thượng-tinh lưu kim, và Cửu như trước.

Hiệu quả qua ngày sau dần não nhẹ nhàn hết xoay xẩm.

Bình nhơn vì khi hết kinh ngồi lâu làm lung nêu bụng dưới đau và có bình tử cung viêm, nhưng châm trị lần sau này bụng dưới hết đau.

Trị lần thứ 6 vì ngủ chưa yên nên châm trị như lần thứ 5 thêm huyệt Thần-môn bồ 4 lần. Bây giờ dần xoay xẩm nhẹ hẳn và ngủ yên được.

Trị-ly : Bình này mấy lần trước vô hiệu là vì chứng làm bầm huyệt táo bồn chồn dựng, nên lâu sau trị bồ huyệt Tuyết-cốt mà ngày sau kiểm hiệu lại bồ huyệt Thần-môn nên trị chứng mất ngủ cũng có hiệu quả.

Trị chứng xoay xẩm chân vô lực, phát nóng

Bình nhơn Thị-Nguyễn 25 tuổi bịnh đau xoay xẩm tay chân vô lực, tim phiền táo toàn thân phát sốt, lòng bàn chân bàn tay nóng trước khi đi đại tiện bụng đau, mắt đỏ, nhiệt độ 36, đã uống thuốc nhiều, kiêng nhặt là chứng Bìn huyết.

Trị pháp : Châm Phục lưu, Tam-âm-giao, Túc-tam-lý đều bồ 4 lần, Thái xung tà 2 lần. Cứu Bách-hội, Phong-tri, Thượng-tịnh, Thần định, Thận-du, Thái-khê, Côn-lon đều 3 tráng, Khi bài, Quang-nghuyên bồ 5 tháng, Túc-tam-lý bồ 3 tráng.

Hiệu quả : Đau xoay xẩm tay chân vô lực giảm.

Trị lần 2 và thứ 3. Trị y như trước.

Hiệu quả : Mắt hắt đỏ, ăn biết ngon, tim phiền hết, đau bụng giảm, tinh thần khỏe khoắn, chứng xoay xẩm và lòng bàn tay bàn chân hết nóng. Trị lần thứ 4 : Châm Tam-âm-giao bồ 4 lần, Tam-lý Nội-dinh đều bồ 2 lần, tà 2 lần. Cứu Chiên-trung, Trung-uyễn, Chương-môn, Khi-hải, Quang-nghuyên, đều 3 tráng Thái xung Túc-lâm-khấp đều 1 tráng.

Hiệu quả : Bụng trướng giảm, đầu còn xoay xẩm chỗ thái dương nặng. Trị lần thứ 5. Hiện bệnh còn đau bụng và nặng thái dương.

Châm Tam-âm-giao bồ 4 lần, Nội-quang tà 2 lần, Nội-dinh tà 2 lần.

Cứu Chiên-trung, Trung-uyễn, Chương-môn, Khi-hải, Quang-nghuyên đều 3 tráng. Hiệu quả hết đau đầu, bụng đau giảm (Trước tráng nặng xoay xẩm do Vị bịnh làm phản ứng, nên trị tà Nội-dinh, Nội-quang có kết quả hết ngay). Trị lần thứ 6 y như trên. Da dày hết đau.

Trị lần thứ 7 : Châm Túc-tam-lý, Tam-âm-giao, Phục-lưu bồ 3 lần, Côn-lon tà 3 lần, Thái-xung tà 2 lần, Cứu như trước thêm Âm-dô, Thông-cốc đều 1 tráng. Kết quả : Bình hoàu toàn về sau hết hẳn.

Trị chứng xoay xẩm, ngó lâu muỗi té

Bình nhơn Thị Thanh 42 tuổi bịnh đau đầu xoay xẩm mất hoa không ngó lâu được, vì ngó lâu muỗi té, chân té.

Trị pháp : Châm Phục-lưu bồ 4 lần Thái-xung, Túc-lâm-khấp, Nội-dinh, tà 2 lần bồ 2 lần, Cứu Chiên-trung, Chương-môn, Can-du, Hỗm-du, Bách-hội, Phong-tri đều 3 tráng. Thái dương 1 tráng.

Kết quả : Đầu nhẹ hết xoay xẩm và đặc hẳn.

Trị bệnh Xoay xẩm. Tay tê, Lưng đau mất ngủ.

Bệnh nhơn Anh Nhơn 48 tuổi, đau đầu cứ mỗi buổi tối từ sau não chạy tới trước làm xoay xẩm các ngón tay tê cứng ban đêm không ngủ được bình dã lâu dùng đủ thuốc không công hiệu.

Trị pháp : Châm Phục-lưu, Thận-môn Tam âm-giao Hiệp-cốc đều bồ 4 lần. Cứu Bách-hội, Thương-linh, Phong-trì, Thận-du, Mạng-môn, Khi-hái, Quang-nguyên 3 tráng.

Trị lần thứ 2 cách 1 ngày. Châm Phục-lưu, Nội-quang, Phi-dương bồ 4 lần, Phong-phủ, Thái-xung, Túc-lâm-khấp tả 2 lần. Cứu như trước. Hiệu quả đêm sau Di tinh 1 lần, ngày sau đau, mất tay đều giảm, ngủ được 5 tiếng đồng hồ.

Trị lần thứ 3 Châm Phục-lưu, Nội-quang, Phi-dương Thận-môn bồ 4 lần. Đêm ấy cũng di tinh 1 lần, ngủ được 7 tiếng đồng hồ, đau giảm nhẹ.

Trị lần thứ 4. Châm Quang-nguyên, Tuyệt-cốt bồ 4 lần. Cứu Dung-tuyễn 5 tráng; Kết quả bệnh nhẹ hẳn và không còn di tinh nữa.

Trị lý : Chứng này là bệnh hắc huyết, Thần-kinh suy nhược, 2 lần trước trị vì quá đai bồ nên ban đêm di tinh, nhưng ngủ được, lần thứ 4 dùng huyệt Tuyệt-cốt (lúy hội Tuyệt-cốt) bồ não; và Quang nguyên có thận nên có hiệu quả chứng xoay xẩm hoãn toàn bồ. Vậy 2 huyệt Tuyệt-cốt, Quang-nguyên bồ não rất hay.

Trị bệnh đau não xoay xẩm muộn té đã 20 năm.

Bệnh nhơn Bà Phạm-thị-Sương 63 tuổi bị bệnh đau đầu xoay xẩm 20 năm dứt, sơ giờ, mùng hả vẫn trùm đầu, có lúc ngó nhà cửa thấy xoay tròn, có lần té, cả thân mình và đầu bị thương, vai lưng đau, phía vú bên mặt hơi xốc lên đau.

Trị pháp : Châm Phong-phủ tả 3 lần, Thái-dương châm ra máu.

Hiệu quả : trong khi châm Phong-phủ tả 3 lần đau não hết đau ngay, hết sơ giờ bỏ trùm đầu, nhưng hai bên thái-dương đau, liền châm lại hai bên huyệt Thái dương ra máu bình nhẹ hẳn.

Trị lý. Bệnh này châm trị 1 lần mà chứng bệnh đau hai mươi năm hết, vì chứng này Não thống (đầu não đau) xoay xẩm, não thần kinh bịt, nên án chấn huyệt Phong-phủ bình nhơn đỡ đau vì thế áp dụng châm tả 3 lần các chứng trừ hết, không đau não sợ

giờ, nữa, trị đàu xoay xẩm là trị phong thuộc cảm náo nên hiệu quả.

Trị đau đầu xoay xẩm, chân sưng liệt bí đà 10 năm.

Bệnh nhân bà Thị-Minh 66 tuổi, phát bệnh ngày nào đau cũng xoay bò, nặng té, sau cứ 2, 3, ngày phát 1 lần trên 10 năm nay, toàn thân đau rần, cứ đến sau 12 giờ trưa thì chân sưng, lại thêm chứng đại tiện lão hủ, tiêu hóa không tốt.

Trị pháp : Châm Phục-lưu bồ 4 lần Tuyệt-cốt, Tam-lý, Thái-xung đều tả 2 lần. Cứu Bách-hội, Tiền-danh, Tinh-hội, Thượng tinh, Thần-danh, Thái-dương, Phong-tri, Nhỉ-tiêu, Chiên-trung, Trung-Thượng, Hạ-uyễn, Khí-bài, Đại-chùy, Phong-môn, Phế-du đều 3 tráng.

Hiệu quả : Đầu xoay, thân đau giảm, chân bớt sưng, Đại tiện thông, ăn tiêu không đầy trường nữa.

Trị 2, 3, lần sau, đau xoay đã giảm nhẹ phân nữa.

Trị lần thứ 5 cũng trị như lần thứ nhất (vì trị lần thứ 4 các chứng giảm pháo nửa nhưng ngày sau chứng xoay xẩm lại phát trở lại).

Trị lần thứ 6. Hiện bệnh ban đêm bệnh lại phát làm bất tỉnh, hai tay lạnh té, bụng dưới đau, mũi đỏ ngứa.

Châm trị Phục-lưu, Tam-lý, Tuyệt-cốt đều bồ 4 lần, Thái-xung, Túc-lâm-khổp đều tả 2 lần. Cứu y như lần thứ nhất.

Hiệu quả Tay hết lạnh, bụng dưới hết đau, mũi hết đỏ ngứa.

Trị lần thứ 7 : Y như trước. Chứng xoay xẩm hết và các chứng hoàn toàn bình phục.

Trị bệnh xoay xẩm hai chân yếu :

Bệnh này thường phát đau xoay xẩm, hai chân vô lực như có người kéo nặng triệu muỗi té.

Ông Văo 60 tuổi bệnh xoay xẩm trước tráng nặng không dở đầu lên được như có người ở sau đè xuống, hai chân vô lực, bụng dưới lại đau như bị đấm, tim khó chịu, thèm nóng chảy đến lòng bàn chân.

Trị pháp : Châm Tam-lý bồ 4 lần, Thái-khê ; Phi-dương đều tả 3 lần.

Hiệu quả : Tim dễ chịu, nóng chảy đến chân hết, đau nhẹ chân bớt.

Trị lần thứ 3 Y như lần trước thêm châm Trung-cực tả 2 lần, bồ 2 lần, Dũng tuyễn tả 2 lần.

Hiệu quả Đầu xoay xẩm nhẹ hẳn.

Trị lần thứ 4 : Y như trên. Châm rời bịnh nhẹ hẳn như thường, ngày sau bình phục hẳn.

Trị tiếp 2 lần nữa y như trên, Bình hoàn toàn bình phục.

Trị bệnh xoay xẩm mình lạnh Tinh thàn mê mệt, xuất đại họng.

Bệnh nhơn, Anh Trần Sơn 37 tuổi, đầu xoay xẩm, tim hồi hộp, toàn thân lạnh, ra mồ hôi không dứt, hông bụng đau, ăn thì mửa; tinh thàn hắc nhược, bịnh trên 10 ngày rất nguy cấp.

Trị pháp : Cứu Bách-hội, Phong-tri, Thương-linh, Tiễn-nǎnh, Kỵ-môn, Chương-môn, Trung-uyễn, Tam-lý; Tam-âm giao, Thái-xung, Thủ-khé, Phun-lưu, Đại-chùy, Phong-môn, Phế-đo, Mạng-môn, Dương-quang, Thành-lu, Tâm-đu, Tỷ-đu, Vị-đu, Khi-hải, Quang-nguyên, Nội quang, Thần-môn. Tất cả đều 3 tráng.

Hiệu quả Cứu xong các bịnh giảm nhẹ ngay.

Trị lần thứ hai, qua ngày sau : Châm Á-môn, Phong-long, Khúc-tri, Thái-xung, Nội quang, thích Trung xung ra máu.

Cứu Khi-hải, Quang-nguyên, Trung-uyễn.

Hiệu quả : Châm xong hết ra mồ hôi tiếp cứu thì toàn thân hơi nóng lại đầu hết xoay xẩm, ngày sau ăn cháo được, tim hết đập mạnh hồi hộp.

Trị lần thứ ba y như lần thứ nhứt nhưng đèo cứu 1 tráng. Bình hoàn toàn nhẹ hẳn bình phục như thường.

Trị bệnh bị té đầu nǎo xoay xẩm mất ngủ.

Bệnh nhơn Anh Đường 32 tuổi hai năm trước bị té lầu, phía sau nǎo bị động làm đau nǎo, mất ngủ, bây giờ lại xoay xẩm, đã đi nhiều Bình-viện rồi kiến toàn bộ nǎo mất cảm giác, trị đủ cả thuốc Đông Tây vô hiệu, chưa tin châm cứu có thể trị được bệnh nǎo cbi đến trị thử.

Trị pháp : Nhận xét bịnh này không phải nǎo bị thương thì không phải bịnh nǎo mà là nguyên nhân vì không ngủ được, nên nǎo không yên, cốt trị cho ngủ được thì nǎo yên, hư hỏa hạ thì tự nhiên đầu hết xoay xẩm.

Thủ pháp : Châm Phong-phủ tả 3 lần. Phục-lưu bồ 4 lần Tuyết-cốt tả 2 lần bồ 2 lần, Bách-hội châm ra máu.

Hiệu quả lúc châm trị đau nǎo nhẹ hẳn, da dày khỏe tinh thần vượng lại nhưng mắt ngủ vẫn còn như cũ. Ngày sau vẫn còn xoay xẩm.

Trị lần thứ hai Châm trị y như trước thêm Thận-môn bỗ 4 lần biện quả vẫn chưa ngủ được.

Trị lần thứ ba : Châm Phục-lưu Thận-môn bỗ 4 lần, lần này xoay kim bỗ cản thận, châm Hiệp-cốc bên trái bỗ 4 lần.

Cứu Thận-du, Quang-nghuyên, Khi-hải bỗ 3 trắng, Mạng-môn bỗ 3 trắng. Hiệu quả Đêm ấy ngủ được 7 tiếng đồng bỗ, ngày sau đầu đau nhẹ hẳn, bớt xoay xẩm, mặt tươi nhuận, tinh thần hơi khỏe.

Trị lần thứ 4 : Y như trên, kết quả ngủ ngon cả 8 tiếng đồng bỗ, ăn uống khỏe (hình nhau tin tưởng ngay).

Trị tiếp luôn cũng dùng y phương pháp ấy 5 lần nữa, bình hoàn toàn bình phục như thường.

Trị bình sỏi mồi lần đi cầu đứng dậy xoay xẩm muốn té.

Bình nhơn anh Tây 26 tuổi bị bình mồi lần đi cầu đứng dậy đau xoay mắt hoa, muốn té, dùng rất nhiều thứ thuốc không công hiệu.

Trị pháp : Châm Phục-lưu, Phi-dương, Tam-lý, Tam-Âm-giao đều bỗ 4 lỗ Cứu Thận-du, Mạng-môn, Khi-hải, Quang-nghuyên đều 3 trắng.

Kiến biếu ngay, bình hoàn toàn nhẹ hẳn không tái phát.

Bổ Thận trị nhẹ già bình xoay xẩm mặt đen.

Ông Lưu-văn-Hưng 67 tuổi, già suy yếu sắc mặt đen, thường xoay xẩm mắt hoa, tim hồi hộp, hay suyễn, đêm không nằm yên được, không muốn ăn uống cho là chứng gần chết.

Trị pháp : Cứu các huyệt Thận-du, Khi-hải, Quang-nghuyên đều 5 trắng. Hiệu quả ngày sau các bệnh đều giảm.

Trị tiếp lần thứ hai : Cứu y như trước.

Hiệu quả ăn được bớt, suyễn, đau hết xoay xẩm nửa tháng sau càng ngày ảo càng tăng, mặt trở lại hồng hào, các chứng không còn nữa.

Trị lý : Bình này vì già khí suy, sắc mặt đen là bình Thận bại, nên trị cứu các huyệt trên là cổ thận (bỗ Thận-du, Khi-hải, Quang-nghuyên) chuyển nguy thành an, nên trị bình này thành công.

IV.— CƠ NĂNG THẦN KINH BÌNH

Điên-giảng, Dương-phong, Kinh-phong, Phong-xù. Tất cả các chứng này khi phát bắc nhức đầu, tâm thần không yên, thường hình linh m恁 th minden, té phèo nước bọt, ngực rung trong mấy phút rồi có rót l่าน l่าน dịu lại hơi tĩnh hoặc có nhức đầu, không nói m恁 không thấy rõ các hắp thịt (cơ nhục) rung động.

Cơn phát 5,3 lần trong một ngày hay mấy ngày một lần, mấy tuần, mấy tháng hoặc cả năm có mùa phát 1 lần, không nhút định, tất cả đều thình linh xoay xẩm, vật té, Chứng này trẻ con thường hay phát.

Chứng này phần nhiều bệnh do di truyền Mai độc, Ngoại thương-hay trùng độc được, nhưng các chứng Ký sanh trùng trong ruột hoặc các bệnh tai, mũi cũng có dàn phát.

Châm cứu trị bệnh này nên trị lâu dài, từ thời gian phát lào lào giảm bớt đến hết hẳn mới trừ căn.

Tùy dõi chứng dùng huyệt trị.

Tất cả đều dùng các huyệt sau đây :

Đại-chủy, Bách-hội, Thần-dịnh, Dung-tuyền, Thiếu-thương, Bột tham, Gian-sử, Thần-trụ, Cự-khuvết, Phong-thị, Suất-cốt, Phong-phủ, Nhơn-trung, Ân-bạch, Đại-lăng, Cưu-vỹ, Trung-uyền, Lao-cung, Thần-mạch.

Xin giới thiệu những phương trị nghiệm sau đây :

Bệnh Điên Giản thình linh té, Miệng phèo bọt

Bệnh như Hoàng-văn-Minh 20 tuổi thường phát thình linh té ngà, bất tỉnh, miệng phèo bọt hơn nửa giờ tỉnh lại, ngày phát 2, 3 lần.

Trị pháp: Châm các huyệt : Phong-phủ, Xích-trạch, Gian-sử, Thái-xuống tà 4 lần bò 6 lần. Cứu Bách-hội, Phong-tri, Thượng-tinh, Đại-chủy, Phong-môn, Phế-du, Cách-du, Tâm-du, Thần-du, Mạng-môn, Chiên-trung, Kỳ-môn, Chương-môn, Khi-hài, Quang-nghuyên, Tam-lý, Hoàng-khiêu, Phong-thị, Dương-lăng-tuyền, Tuyệt-cốt, Thủ-tùe bắc phong đều 3 tráng.

Kết quả sau khi trị ngày sau phát sơ 1 lần không té, rồi tỉnh lại ngay.

Trị lần thứ hai y như trước. Kết quả về nhà sau không phát nữa và nhẹ hẳn.

Trị bệnh Diên Giản trên 10 năm

Cháu Sanh 15 tuổi bị bệnh diên giản, cơn phát, hai tay quơ, miệng lấp bèp, mắt tròn ngược, phèo hơi miếng, cơn phát đến 6 tiếng đồng hồ l่าน lẩn tỉnh lại, sau cơn phát rồi thì nhức đầu. Bệnh phát từ lúc nhỏ nay đã 10 năm.

Triphap : Châm Xích-trạch, Gian-sử, Khúc-tri đều xoay bồ 2 tà 2 lần Dương-lăng-tuyễn cũng xoay bồ 2 tà 2 lần.

Cứu Bách-hội, Phong-tri, Đại-chùy, Phong-môn, Phế-du, Tâm-du, Can-du, Tỳ-du, Tiết-du, Mạng-môn, Trường-cường, Chiêu-trung, Trung-uyễn, Kỳ-môn, Khi-hải, Quang-nguyên, Tam-lý, Tam-Âm-giao, Thái-xung, Thủ-túc bắc Phong, đều 3 tráng.

Trị liên tiếp 5 lần, kết quả sau hai ngày phát 1 lần, ngày sau mới phát 3 lần.

Trị lần thứ 6 Châm Phong.phủ xoay tà 3 lần, Đại-chùy, Dương-lăng, bồ 3, tà 2 lần, Gian-sử Xích-trạch, Khúc-tri tà 2 bồ 2 lần.

Kết quả hai ngày sau không phát.

Trị tiếp như trên đến lần thứ 9 thì sau đó phát 1 lần và kết quả như sau : thời gian phát thì cơn phát còn 3 giờ, không mửa nữa, mà phát sau rồi cũng không mửa.

Trị tiếp đến 20 ngày mới phát lại 1 lần, từ lần thứ 10 trở đi đều trị như lần thứ nhất (cả châm, cứu), lần thứ 2 cơn phát sơ nhưng còn chỉ 5 phút thì hết.

Trị tiếp hai lần nữa như lần thứ nhất, bệnh nhẹ hẳn không còn tái phát nữa.

Trị chứng Diên Giản, đầu xoay xầm chân tê, rút.

Bệnh nhân Thị Hoa 16 tuổi, bị bệnh Kinh-giản lúc sơ phát ban đầu thi phát kinh 3 lần, cơn phát mắt lảo liền, miệng dục tay chân co, ngày ngô khờ khao, sau 3 phút l่าน lẩn tỉnh lại, chân bèn trái tê rút đi khó khăn, đầu xoay xầm.

Triphap : Châm Xích-trạch, Dương-lăng-tuyễn, Bách-hội, Trung-uyễn xoay tà 3 lần. Cứu : Tinh-hội, Ẩn-dương, Lỗ-phong, Thủ-tương, Chiêu-trung, Cửu-vỹ, Cự-khuyết, Thương-Trung-Uyển, Thần-khuyết, Mạng-môn, Trường-cường, Nội-Quang, Thủ-nô, Tam-lý, Tam-Âm-giao đều 3 tráng.

Kết quả : Sau khi châm rút kim Xích-trạch ra máu đen, sau khi châm các huyệt kia xong thì đầu và chân đều giảm.

Bệnh nhơn về quê, sau 9 ngày cho biết: Sau khi về thì cách 3 ngày sau mới phát 1 lần, nhưng chỉ quay lơ rồi hết, và từ đó về sau hết luôn không tái phát nữa.

Trị các chứng Điện Cuồng Khờ Ngốc (Ý bình), Phong-giản.

Tùy chừng áp dụng huyệt:

Thủ huyệt: Pháp thứ 1) Thủ túc thập-tuyễn, Thủ túc Thập-kỳ, Thủ-túc Thập tuyệt, Tỷ-khưu, Nhơn-trung.

Pháp thứ 2: Đại-chùy, Đào-đao, Yêu-kỳ, Địa-thương, Giáp-xa, Bách-hội, Nghinh-hương, Hòa-liêu, Toán-trúc, Ân-dương Thương-tinh, Thái-dương.

Như khờ khạo không nói, thêm các huyệt: Hải-tuyễn; Liêm-tuyễn, Kim-tân; Ngọc-dịch; Á-môn.

Án-huyệt: Thập-kỳ huyệt: Tại đầu ngón tay ngón chân phía trong cách móng 1 tý (tương đương với các huyệt: Thiếu-thương, Thương-dương, Ân-bach, Lệ-doái). Thập tuyệt huyệt: Tại đầu ngón tay ngón chân phía ngoài cách móng 1 tý (tương đương với các huyệt: Quang-xung, Thiếu-xung, Túc-khiếu-âm, Chi-âm). Thập tuyễn huyệt tức tại chính giữa đầu ngón tay ngón chân. Huyệt: Tỷ-khưu trong lỗ mũi phía dưới chỗ lồng mũi.

Thứ pháp: Trị chứng Điện, Giản, Ý bình thì lúc cơn phát nên dùng pháp thứ nhất. Lúc chưa phát thì dùng pháp thứ hai.

Các huyệt: Thập tuyễn, Thập-tuyệt, Thập kỵ Tỷ-khưu, Nhơn-trung đều châm 3 phân ra máu, không lưu kim. (chứng nặng thì châm sâu, nhẹ thì châm cạn). Huyệt Tỷ-khưu thì chỉ dùng 1 bên (nam là, nữ hữu) xoay vặn 3 phút đến 10 phút. Huyệt Yêu-kỳ châm trả lèn dọc theo da 2, 3 lần, các huyệt khác tùy sử dụng phối hợp.

Không nói: châm Hải-tuyễn ra máu; Liêm-tuyễn 2 lần, châm các huyệt ở lưỡi sau sẽ châm huyệt Á-môn, châm xong dậy bệnh nhơn nói.

Trị nghiệm:

1) Anh Đạo... 26 tuổi bị bệnh Điện Cuồng, cơn phát hành ba đánh đập người, leo lên mái nhà, không nói, không biết quen là, đại tiện táo.

Châm trị dùng các huyệt: Thập-tuyễn, Thập-kỳ, Thập-tuyệt và phối hợp các huyệt trên trị tinh thần. Châm trị cả thảy 12 lần bệnh nhanh hẳn.

2.— Cô Lê thị... 22 tuổi bị định Dương Giang phong khi phát tự nhiên té, hôn mê không biết gì, mặt đỏ miệng phèo bọt miếng, tay chân co rút.

Châm trị : Dùng các huyệt : Thập-tuyệt, Thập-tuyên, Thập-kỳ, Toán-trục, Nhơn-trung. Châm trị 2 lần nhẹ hẳn.

3.— Cô Ngô thị... 20 tuổi Bình Kinh Giang, cơn phát té ngủ, đầu có cứng đơ, cong lưng uốn ván, tay chân co cúp, mắt trợn ngược, sau cơn phát ngày đêm không ngủ được, đến 9 ngày.

Châm trị : Châm các huyệt Phong-phủ, Phong-trí, Lé-phong, Thập-tuyệt, Thập-tuyên, Thập-kỳ, Nhơn-trung, Án-dương, Nghinh-hương, Bách-hội. Kết quả bình hoàn toàn nhẹ hẳn.

4.— Ông Dương văn... 56 tuổi, bị bệnh khò khạo ngày ngô (tặng táo Ý bệnh) cơn phát chạy bay, mảng chưởi lung tung, 20 ngày không ngủ, lúc hết cơn ý thức như thường.

Châm trị khi cơn phát châm các huyệt : Hồi-âm : Tỷ-khưu, Thập-tuyệt, Thập-tuyên, Thập-kỳ. Chứng trạng giải lão về sau nhẹ hẳn.

Trị chứng Điên-Giàn để phòng cơn phát

Bệnh thình linh té, miệng phèo bọt miếng, hắt tinh nhơn sự, một chập tinh lại như thường.

Trị pháp : Dùng biệt huyệt A-thị-huyệt (tai huyệt Đại-chày do 2 bên mỗi bên 1 tắc (đồng thời thốn).

Hai bên lưng từ huyệt Đại-chày đến Trường-cường lấy tay chà trên đốt xương cho nỗi đỏ lên, làm cho tai huyệt Trường-cường bầm nồi lên, lấy tay đe mạnh, dùng kim Tam-lăng-châm, châm hai huyệt Trường-cường ra máu, châm đèn huyệt Hồi-dương cũng ra máu, không lưu kim.

Khi cơn giáng mãn dứt phát thì trị ngay để khỏi phát, chứng nhẹ châm trị hai lần át hết hẳn.

Trị nghiệm :

Em Mả 19 tuổi bị Định Giang Chứng dùng đủ thuốc trị hoài không hết, sau dùng phương này châm trị 3 lần hết hẳn không tái phát.

Anh Vương 36 tuổi công nhơn cũng bị chứng Phong giáng phát thình linh té, miệng phèo nước bọt, hắt tinh nhơn sự, cơn phát 3 phút thì tinh lại như thường, ngày phát 2 lần. Dùng phương pháp này châm trị 1 lần nhẹ hẳn không tái phát rất công hiệu.

Trị bệnh Diên cuôn, Thần kinh bịnh

Bệnh thần kinh, tinh thần thất thường, hay nói xầm hoặc có khi không nói nồng gi, thường khùng khiếp sợ sệt, nhức đầu mất ngủ, hoặc có lúc hành động láo bạo.

Trị pháp : Dùng các huyệt : Tích-tru, Cảnh-chùy, Đầu bộ, Thủ-tâm. Dùng thất-tinh châm, châm hai bên sống lưng, eo lưng, châm mạnh rồi châm hai bên xương cổ, đầu, lòng bàn tay, đều châm ngắn dọc nhiều lần. Mỗi ngày châm 1 lần.

Trị nghiệm :

Anh Di 26 tuổi gần 1 năm bị bệnh mất ngủ, đầu xoay xầm, lại nhơn vi bị kích thích tinh thần nên làm cho tinh thần thất thường, đi Bệnh viện trị gọi là bệnh thần kinh, trị 1 tháng vẫn không thuyên giảm, hiện chứng trạng, lười tựa trảng, huyết áp đo 130/78, nhiệt độ 39, chỗ đốt sống lưng, 5, 7, 8, đè đau, tối áp dụng phương pháp trị liệu này trị tiếp 5 lần, tinh thần khỏe, đau giảm, hơi ngủ được chút ít, bệnh ho hơi nhẹ, bệnh nhơn không trị nữa, nhưng sau gấp gá sự vừa lòng lại phạm phát trở lại.

Đến trị lại 10 lần nữa cũng trị như trên, kết quả ngủ ngon ăn khỏe, tiếp trị thêm 5 lần nữa các chứng toàn giảm, trị thêm 5 lần nữa, cả thảy 20 lần, bệnh khôi phục bình thường làm việc được không tái phát.

Trị các chứng Diên cuôn

1.— **Bệnh Diên cuôn đánh đập người, chạy, bay không kè gỉ.**

Trị pháp : Dùng các huyệt : Đầu-đạo, Phế-du, Cách-du, bắt đầu châm các huyệt sâu vào 1 lý, rồi nghỉ, đày vào 2 phân, nghỉ, rồi đày sâu vào độ 1 tấc (thủ pháp thiên địa nhơn), xoay kim trước tâ sau bò, rồi xoay lại trước bò sau tâ, lưu kim 10 đến 30 phút.

Đương lúc châm trị nếu bệnh nhơn muốn mửa thì để cho mửa sau sẽ rút kim. Thủ pháp này trị bệnh Diên cuôn đảm bảo cho mửa đảm ra được là công hiệu.

2.— **Bệnh Diên cuôn, cười khóc không chứng hoặc nói một mình, không ngủ.**

Trị pháp : Dùng các huyệt : Túc-tam-lý, Tam âm-giao, Cự-khuyết. Châm Túc-tam-lý 2 tấc, Tam âm-giao 2 tấc, xoay qua lại, bình bò bệnh tâ, huyệt Cự-khuyết châm sâu xiên xuống 3, 4 tấc, châm và xoay kim 1 phút, rút kim lên đày kim xuống 3 phân, lưu kim 10 phút.

Phương pháp này trị bệnh thận kinh rất hợp, nhưng cần phổi hợp thêm các huyệt: Bách-hội, Thần-môn, Tâm-du, Cưu-vỹ, Thương-môn, Khi-hải, dùng kích thích nhẹ mỗi ngày hay cách nhau châm trị 1 lần, nên trị thời gian lâu mới hoàn toàn bình phục hẳn.

III.— Trị bệnh Điện cuồn ca khóc không chứng xé áo quần chạy cản, không biết quen thuộc, hành hạ đánh đập người ta.

Trị pháp: Dùng các huyệt: Cưu-vỹ, Cự-khuyết, Thương-uyên, phổi hợp các huyệt Hiệp-cốc, Ân-dường, Thương-tinh Toán-trúc.

Gia giảm: như người thè chất yếu thêm các huyệt: Đại-chày, Phong-môn, Đào-dạo; Phế-du, Thập tuyễn.

Trị bệnh này nên nhờ người giữ cho bệnh nhân nằm ngay ngắn, yên tĩnh mới áp dụng châm,

Thủ pháp: Châm Cưu-vỹ, Cự-khuyết, Thương-uyên đều 3 tấc, Hiệp-cốc 1 tấc rưỡi, Ân-dường, Thương-tinh, Toán-trúc 5 phân bích bò bích tả, lưu kim từ 2 giờ đến 9 giờ (tùy bệnh án thời gian). Tùy bệnh hoặc 1 ngày châm trị 1 lần, hoặc 2, 3 ngày 1 lần.

Người yếu thì lùy bộ phận các huyệt phổi hợp thay phiên dùng. Bệnh này nên cử ăn gà, cá và dùng làm xúc động.

Phương thức này đã áp dụng trị 30 người đều hoàn toàn nhẹ hẳn, có bệnh chỉ châm trị 1, 2 lần, có bệnh 4, 5 lần là cùng, các chứng nặng nên kiên trì châm trị át có công hiệu.

IV.— Trị bệnh Điện cuồn tinh thận bất thường, tự nói một mình, nói bậy bạ, khi khóc khi cười, ngày đêm không ngủ.

Trị pháp: Dùng các huyệt, Đởm-du, Tâm-du, Tỷ-du, Phong-môn, Cưu-vỹ. Như áo nồng không được thêm Trung-uyên, Túc-tam-lý.

Không ngẫu **được** thêm **Thần-môn, Bách-hội.**

Thủ pháp: Trước châm Đởm-du, (đầu kim xoay ra) 8 phân, châm Phong-môn, lần lăn xoay đầy kim vào 3 tấc sau châm Cưu-vỹ (đầu kim xoay trở xuống) 1 tấc, châm Túc-tam-lý 1 tấc. Tất cả các huyệt đều lưu kim 20 phút. Sau rút kim rồi cứu các huyệt: Tâm-du, Tỷ-du, Thần-môn đều 20 tráng (các huyệt này không châm).

Cách 3 ngày châm cứu trị một lần, cứ 3 lần là một liệu trình.

Trẻ em dưới 19 tuổi bị bệnh này dùng phương thuốc này rất mau kiến hiệu.

V.— Trị bệnh Điện cuồn tinh thận thoát loạn không biết quen lạ, xé áo quần chạy cản bậy bạ.

Trị pháp: Dùng các huyệt: Hiệp-cốc, Nhơn-trung, Tinh-minh, Bách-hội, A-thị-huyệt, Cách-du, Trưởng-cường, Túc-tam-lý, Côn-lôn, Thương-uyên, Can-du. (A-thị-huyệt tại 2 bên huyệt Đại-chùy do ra 1 tấc).

Thủ pháp: Châm huyệt Hiệp-cốc, 3 đến 5 phân, Nhơn-trung châm xoay trở lên 3 phân, Tinh-minh 3 phân, Bách-hội châm xoay ra sau 3 phân: A-thị-huyệt châm trở xuống 1 tấc, Cách du, Can-du đều châm trở xuống 8 phân, Trưởng-cường châm dọc theo da trở lên 1 tấc, Túc-tam-lý châm vào 5, 6 phân. Côn-lôn 8 phân Thương-uyên 1 tấc, các huyệt đều xoay vặn mạnh, lưu kim 1 giờ, như châm sau rồi mà bệnh nhọn chưa tĩnh thì rút kim rồi cứu lại huyệt Cách-du và Can-du, cứu đến bệnh nhọn ra mồ hôi và lay động thì thôi.

Tủ pháp này lừa đầu nên cách 1 ngày châm trị 1 lần, nếu chứng hơi giảm cứ cách nhặt châm trị một thời gian, sau cứ từ 3 đến 7 ngày châm trị 1 lần. Mỗi lần châm rồi nêu che uống thuốc Hoàn Ngưu-hoàn Thanh-tâm-hoàn thì bệnh mau nhẹ. (Ngưu-hoàn Thanh-tâm các tiệm thuốc có bán).

Phương này của Châm-sư Dư-phong giới thiệu đã trị 500 người kết quả 300 người đều hoàn toàn hết hẳn.

Trị chứng Kinh giàn thình lình thần hòn loạn

Ông Sanh 50 tuổi tự nhiên tinh thần hòn loạn, đêm đến Tây-y trị không công hiệu đem lại nhờ Châm cứu trị, nhận thấy bệnh mắt đỏ ngầu, không có Thần sắc, tinh thần hờn mê không biết gì, mạch nhảy mạnh (hồng hươi), chứng này thuộc thiệt chứng.

Trị pháp: châm Thiếu-thương, Trung-xung nặng ra máu 3 giọt, Hiệp-cốc, Thần-môn, Nội-quang, Thủy-cầu, Túc-tam-lý, kích thích mạnh.

Kết quả tinh thần an tĩnh bớt bức rứt mạch bớt nhảy mạnh nửa.

Trị tiếp lần thứ 2 Châm Lệ-đoài ra máu 1 giọt, Hiệp-cốc, Thần-môn, Nội-quang, Đại-chùy, Trung-uyên, Túc-tam-lý cũng kích thích mạnh.

Trị lần thứ 3 ngày sau, bệnh mạch đã nhảy thường độ, tinh thần hơi hớt. Châm Thần-môn, Nội-quang, Đại-chùy, Túc-tam-lý cũng kích thích mạnh.

Trị lần thứ 4. Hôm nay mắt còn đỏ. Châm Hiệp-cốc, Nội-quang, Thủy-cầu, Đại-chùy, Ngưu-ỷ, Túc-tam-lý kích thích mạnh.

Trị lần thứ 5. Châm Thần-môn, Túc-tam-lý kích thích mạnh.

Trị lần thứ 6. Hôm nay mắt hơi vàng trở lại. Châm Hiệp-cốc, Thần-môn, Nội-quang, Tinh-minh, Áo-đường, Đại-chùy, Túc-tam-lý kích thích mạnh.

Trị lần thứ 7 châm Thần-môn, Túc-tam-lý, Trung-uyên, Hiệp-cốc, Đại-chùy, Thần-du, Đại-lăng, kích thích trung độ. Liên tiếp y như thế trị 7 lần nữa cả thảy 14 ngày bệnh hết hẳn bình phục như thường.

Chú ý: Trị bệnh này đoán đúng bệnh thuộc Thiết chứng nên trị đúng là pháp châm kích thích mạnh nên bệnh lần nào hết hẳn.

Trị bệnh Kinh giàn ban đêm

Bà Hoa bệnh ban đêm phát Kinh giàn đã 20 năm nay uống thuốc Đông-y lâu không dứt, có khi cách 1 tháng phát 1 lần rất khổ sở, đến nhờ châm trị.

Trị pháp : Châm Đại lăng, Thần-môn, Hậu-khé, Gian-sử, Chiếu-hải, Thủy-cầu, Cửu-vỹ, Cửu Bách-hội, Thần-dinh, Trung-uyên, Phế-du, Tỳ-du, Côn-lon, Dũng-tuyễn. Chỉ trị 1 lần về nhà không phát nữa, đến 5 tháng sau cho biết dứt hẳn không phát lần nào cả. (Trị bệnh này chỉ châm cứu trị 1 lần kết quả thật ngoài ý định).

Trị các chứng bệnh Dương-giảng phong (Phong-xù).

I.— Bệnh kinh giáng thịnh linh té, hôn, mê, miệng phèo nước hột, tay chân co rút.

Trị pháp : Dùng các huyệt : Bách-hội, Cự-khuyết, Thần-môn, Hiệp-cốc, Yêu-kỳ, Thái-xung.

Các huyệt phối hợp: Phong-tri, Thái-dương, Thượng-tinh, Khắc-tri, Thông-lý, Phong-long, Hành-gian, Chiếu-hải, Thần-mạch, Đại-chùy, Dũng-tuyễn, Tâm-du, Can-du, Thượng-uyên, Nội-quang.

Cách phối hợp : Mỗi lần dùng chủ huyệt ít và phối hợp huyệt tùy thay đổi sử dụng. Vì như Dùng các huyệt Cự-khuyết, Cửu-vỹ, Thượng-uyên, mỗi lần 1 huyệt, các huyệt Thần-môn và Thông-lý, Hành-gian và Thái-xung, Bách-hội và Thượng-linh tùy thay đổi sử dụng.

Như trên sót làm phiền vào dùng các huyệt: Đại-chùy, Nội-quang, Dũng-tuyễn, khi cần phải cùng cần dùng ba huyệt này.

Đem nhiều khò khè thêm huyệt Phong-long.

**Ban đêm phát thèm huyệt Chiết-hái, Ban ngày phát thèm huyệt
Thần-mạch.**

**Không ngủ dùng thèm huyệt: Thần-môn, Nội-quang, Túc-tam-lý.
Thường thèm cùu huyệt Án-đường.**

**Thủ pháp : Chứng phiền táo bức rứt tức chứng Thiệt dùng các
huyệt : Đại-chủy, Dung-tuyễn, Thông-lý là pháp.**

**Người hư yếu thuộc chứng Hư-dòng bô pháp và dùng ít huyệt,
thủ pháp nhẹ và thời gian lưu kim mau hơn, ngoài ra tất cả đều
dùng thủ pháp bình bô bình tâ.**

**Huyệt Cự khuyết, Cưu-vỷ châm trả xuồng, trừ huyệt Yêu-kỵ
châm sâu xiên theo da ra ngoài 3 tấc, các huyệt khác châm vào rồi
đều lưu kim từ 20 phút đến 1 giờ.**

**Mỗi ngày châm trị 1 lần hay cách nhau châm trị 1 lần, châm
trị 10 lần là một liệu trình.**

**Chú ý : Trong lúc trị nên cho nghỉ ngơi, không nên quá lao
lực, nên tiết dục và giữ gìn yên tĩnh đừng quá kích thích. Phương
thuật này đều dùng trị trong một liệu trình thì bệnh thường giảm
nhiều, từ 2 đến 3 liệu trình bệnh hoàn toàn hết hẳn.**

**Trị nghiệm : I.— Cháu Huyền 18 tuổi từ hồi 3, 4 tuổi đã bị
chứng Kinh giáng phát không nhất định, thường sợ sệt, mặt đỏ,
mắt xem vật gì cũng không rõ, dùng đủ các thứ thuốc không kiến
hiệu. Sau áp dụng trị phương pháp này, các chứng giảm nhẹ, châm
trị thời gian 16 lần, trong khi trị thì chỉ phát 1 lần. Tiếp tục châm
trị đến 31 lần bệnh hoàn toàn bình phục đến nay 18 tuổi không tái
phát.**

**2.— Anh Vũ 39 tuổi 7 năm trước bị chứng Phong kinh giản,
phát không nhất định thường làm đau đầu, chóng mặt, tay chân lè
đơ dùng phương này trị mỗi ngày 1 lần các chứng đều giảm nhẹ
châm trị đến 11 lần, vì ăn uống không cẩn kién nên trở lại phát 1
lần. Tiếp tục châm trị thêm đến 28 lần bệnh hết hẳn không tái phát.**

**II.— Bệnh Kinh giản thành linh hồn mê, thần thức mất, tay chân
co rút sau tỉnh lại như thường.**

**Trị pháp : Dùng các huyệt : Bách-hội, Côn-lôn, Hiệp-cổc, Giáp-xa,
Địa-thương. Cách già giảm nhau hai mắt xéch, thêm Tu-trúc-
không, lưỡi đơ không nói được thêm Nâng-trung, Chuẩn-trung, Á-
môn, Trung-xung.**

Thủ pháp : Châm Bách-hội 2 phần, Côn-lôn 6 phần, Hiệp-cốc 3 tấc (xuyên kim gần đến huyệt Lao-cùng), rồi tiếp châm Địa-thương, Giáp-xa 3 phần dùng tâp pháp, huyệt Tư-trúc-không châm dọc theo dì mý mắt 5 phần, Nhơn-trung châm trở lên, 3,5 phần Chiên-trung-châm 3 phần, Á-môn 4 phần Trung-xung 2,3, phần lưu kim 30 phút.

Châm trị cách 1 ngày 1 lần, châm trị 2,3, lần ắt hết hẳn.

Trị nghiệm : 1.— Cô Lê thi... 26 tuổi bị bệnh kinh giản cơn phát thần trí hôn mê bất tỉnh, hai mắt xếch, răng cắn cứng, lưỡi đơ tay chân co rút. Áp dụng phương thuật này châm trị 1 lần hết hẳn.

2.— Cô Đỗ thi... 40 tuổi Kinh giản cơn phát thần trí hôn mê bất tỉnh hàm răng cứng tay chân co rút hai mắt xếch.

Dùng châm trị các huyệt Bách-hội, Côn-lôn, Hiệp-cốc, Giáp-xa, Địa-thương, Á-môn, Tư-trúc-không, thủ thuật như trên bình bồ bình tâp. Châm trị 2 lần hết hẳn.

III — Dùng Đòn huyệt Trường-cường trị bệnh Kinh-giảng.

Các chứng bệnh Kinh giảng bình tĩnh hôn mê, tay chân co rút mắt trục thị hay xếch, miệng răng cắn chặt lưng uốn cong (dốc cung phản trương), hoặc mắt miệng xéo một bên cắn lưỡi, trong cõi kéo khò khè, miệng phèo nước bọt, cơn phát từ 5 đến 20 phút mới tỉnh, khi tỉnh lại ăn uống như thường, cơn phát không nhứt định.

Áp dụng huyệt Trường-cường.

Cách trị : Đề bệnh nhơn nằm, hai chân co vào bụng, án tại xương đùi đến giang-môn chỗ giữa cõi súng đó là đòn huyệt Trường-cường.

Án tại huyệt dùng Tam-lăng châm, châm ngay tại huyệt và xung quanh trên dưới tâp hưu (làm dǎo chử thập), châm xung quanh và ngay huyệt lấy tay đè ép nặng ra máu, nếu chưa ra thì châm lại.

Cứ 7 ngày châm trị 1 lần, Châm 10 lần là một liệu trình, bắc đầu trị trong 1 tháng nếu chưa nhẹ phải trị tiếp, thường châm trị trong 3 lần là kiến hiệu.

Phương này đã áp dụng trị 30 người kiến hiệu, nhưng cốt trong lác trị nên khuyên bệnh nhơn rán theo đúng thời hạng và chịu nhần nai đúng thời gian như thế thì tất cả đều hoàn toàn kết quả.

V.— Ý BỊNH (KHỔ KHẠO SĨ NGÓC)

Ý bệnh tức là chứng khờ khạo, sỉ ngốc.

Châm cứu trị bệnh này lúc không phát cơn dùng các huyệt ở lưng, bụng, và tay chân kích thích nhẹ để làm vượng phát thần kinh, nếu đương cơn phát như sợ sệt lợ như cuồng, nhưng không phát nặng, cũng không phải hoàn toàn bất tỉnh, mà hoặc khóc, hay cười, ca hát hay ngồi đứng không yên, hoặc ngồi 1 chỗ mất tinh thần sợ sệt không chứng.

Trị pháp : Châm các huyệt : Nhơn-trung, Dương-khè, Liệt-khuyệt, Đại-lăng, Thần-môn. Nếu ngay ngô quâ, Cửu Thiếu-thương, Tần-du, Châm Thần-môn, Dũng-tnyễn, Trung-uýền.

Thường hay sầu muộn Cứu Bách-hội, Đại-lăng, Châm Nhơn-trung, Ciáp-xa. Dưới đây là phương trị kinh nghiệm :

Trị bệnh sỉ ngốc tinh thần thất thường cười khóc không chứng ra mồ hôi lạnh.

Trị pháp : Dùng biệt huyệt : Phong-nham (nắn ngang huyệt Ế-phong và huyệt Phong-trì, sau Ế-phong 2 tấc).

Thủ pháp : Châm huyệt Phong-nham sâu vào 2 tấc (châm thẳng) khi biết tê rần thì lưu kim.

Chú ý : Huyệt này thuộc kinh Thái-dương Đõn kinh nằm tại sau Châm cổ thuộc Thần kinh não, khi châm phải dè đặt vì sợ phạm Não mạc.

Trị nghiệm : 1.— Anh Mạnh 24 tuổi bệnh phát sanh cười nói, khóc vô chừng đánh đập người, châm trị dùng huyệt ngày bình hết hẳn.

2.— Cô Lương 25 tuổi từ nhiên khóc ngất hết hơi bể tắc (khi bể) Châm trị dùng huyệt này hết hẳn.

Trị bệnh khùng khiju có khóc vô chừng.

Trị pháp : Dùng các huyệt : Thiên-linh huyệt, (biệt huyệt, nằm phía trên nách, trên lằn chỉ 1 tấc do 5 phần), Cửu-vỷ, Nhơn-trung, Phong-nham huyệt.

Thủ pháp : Châm huyệt Thiên-linh theo langer da châm xiên xuống. Châm huyệt Cửu-vỷ xiên xuống Trung-uýền 7 phần, Châm Nhơn-trung kim xoay trở lên 3 phần. Châm Phong-nham thẳng vào 2 tấc, xoay vận kim rồi lưu kim 30 đến 60 phút.

Áp dụng phương này châm trị 1 lần át bệnh nhơn yên liền ngay.

Trị Ý bệnh thận kinh kích thích làm tinh thần hoảng loạn, cười khóc không chừng, hoặc làm hôn mê

Trị pháp : Dùng Thất-tinh châm kích thích hai bên từ cột đến sống lưng, hai bên hông và chỗ eo thắc lưng, không nên làm cho ra máu. Mỗi ngày châm trị 1 lần.

Trị nghiệm : 1.— Cô Đào, học sinh 19 tuổi bình thường hay nhức đầu hôn mê, bệnh gần 5 tháng thường phát luôn mấy lần không thể dùng nǎo lực học hành gì được, khi nằm ngủ thì sợ sệt không yên, bụng cứng hay đau, ăn uống không biết ngon, đại tiện như thường. Kinh nguyệt có từ hồi 18 tuổi mỗi lần từ 25 ngày đến 30 ngày, mỗi lần có kinh 2,3 ngày đau bụng, có Bạch đái hạ, đến Bệnh viện chẩn trị cho biết thuộc về bệnh Thần kinh (Quang nǎng thần kinh bệnh),

Bắt đầu đến châm trị, hiện nhiệt độ đo 37, hai bên sống lưng hơi mồi, từ đốt sống lưng thứ 5 đến thứ 8 [có chỗ đè đau, (lbuộc tạng láo Ý bệnh).

Áp dụng phương thức này dùng Thất-tinh-châm kích thích hai bên lưng từ cột đến xương sống lưng thứ 5 và thứ 8, chỗ thắc lưng và hai bên hông.

Trị lần thứ nhất giảm bớt nhức đầu, tiếp trị 3 lần nữa, ngủ yên được tiếp tục trị luôn đến 6 lần, hết nhức đầu xoay xombok, bớt hôn mê, trị luôn 2 lần nữa (cả tháng 8 lần) bệnh hoàn toàn hết hẳn.

2.— Bà Ngô 44 tuổi, 6 năm gần đây bị bệnh nhức đầu xoay xombok, tim hồi hộp khó ngủ, có lúc hôn mê, bất tỉnh nhơn sự, mỗi lần phát 2, 3 giờ có khi 10 ngày hay 1 tháng phát 1 lần đến Bệnh viện trị không có hiệu quả. Giần đây cứ 10 ngày phát 1 lần, tim phiền táo bức rít, không muốn ăn uống gì, đại tiện lỏng, thường đau bụng hai bên đùi về hơi sưng kinh nguyệt không đều chỗ hông hai bên xương sống thứ 5 và 10 có chỗ đè đau, hai bên cột cũng sưng.

Trị pháp : Dùng Thất-tinh châm, châm 2 bên cột, hai bên hông, chỗ eo lưng thẳng xuống hai bên mông.

Trị hai lần hết hôn mê, đến 10 lần các chứng giảm, tiếp trị hai tuần nhứt bệnh nhẹ hẳn. Nhưng vì bệnh lâu, người hư nhược nên châm thêm các huyệt Nội-quang 1 tắc, Thần-môn 3 phân, Thái-xung 3 phân, Châm lá lưu kim 20 phút, chỉ châm 1 lần bệnh hết hẳn không tái phát.

Trị bình thận trị không minh mẫn, cười khóc bất thường, chán ăn, run rẩy, hôn mê.

Trị pháp : Lần thứ nhất dùng các huyệt: Hiệp-cốc, Phong-phủ, Thận-môn, Gian-sử.

Lần thứ hai dùng các huyệt : Khúc-trì, Nội-quang, Túc-lam-ly, Dương-lăng-tuyền, Tam-âm-giao, Trung-uyễn, Thiên-xu, Khi-hải.

Thứ pháp : Khi cơn phát dùng pháp trị thứ nhất, lúc hết bình dùng pháp trị thứ hai hoặc cả hai trị liệu.

Khi cơn phát châm huyệt : Hiệp-cốc, từ 7 phân đến 1 tấc, Phong-phủ 1 tấc, Thận-môn 5 phân, mỗi huyệt xoay vào kim 3, 5, phút rát kim.

Khi bình thường châm huyệt : Khúc-trì 1 tấc 5 phân, Nội-quang 5 phân, Túc-lam-ly 5 phân, 1 tấc, Tam-âm-giao 5 phân đến 8 phân, Trung-uyễn 1 tấc, 2 tấc, Thiên-xu 5 phân 1 tấc, Khi-hải châm 1 tấc, bình bồ bình tả lưu kim 5 phón. Cách 2 hay 3 ngày châm trị 1 lần

Trị bình kinh cười khóc vô chừng, nói năng hỗn loạn, hoặc tự nhiên hôn mê, bất tỉnh khi phát khí tính.

Trị pháp : Dùng các huyệt: Bách-hội, Nhơn-trung, Thừa-tương-Lao-cung, Thiếu-thương, Ân-đường, Khi-hải, Trung-uyễn, Ân-bạch, Hiệp-cốc, Phong-phủ, Thượng-linh, Túc-lam-ly, chứng phát nặng thêm Hội-âm.

Thứ pháp : Châm Bách-hội hướng kim ra phía trước 3 phân, Thừa-tương châm hướng lên 3, 5 phân, Thiếu-thương 1 phân, Lao-cung 3 phân, Ân-đường 1 phân, Khi-hải 8 phân, 1 tấc, Trung-uyễn 1, 2 tấc, Ân-bạch 1, 2 phân, Hiệp-cốc 3, 7 phân, Thượng-linh hướng ra sau 3, 4 phân như chứng nặng châm Hội-âm 3 tấc, các huyệt Nhơn-trung, Thừa-tương châm rồi kích thích mạnh các huyệt khác châm kích thích nhẹ, lưu kim 30 phút, huyệt Khi-hải châm bồ. Cách 1 ngày châm trị 1 lần, châm trị 6, 7 lần bình nhẹ hẳn.

Trị nghiệm : Cố Trương 26 tuổi hai năm trước phát bệnh đến nay trị đủ cách không công hiệu, hiện chứng trạng nói năng hỗn loạn, có khi hôn mê bất tỉnh, ngày phát 1 lần có khi 2, 3 lần.

Châm trị dùng các pháp trị 3 lần không công hiệu, sau dùng phương pháp này trước châm bộ phận đầu đến tay chân, rồi châm luôn Hội-âm (châm 3 tấc) và châm Khi-hải 2 tấc ruồi, tất cả đều châm

lưu kim 20 phút bình nhơn tinh lại, rót kim, các chứng đều hết và nhẹ hẳn. Sau 2 năm nay không tái phát.

Trị bệnh tinh thần 1 cười nói không chừng, hoặc ca hoặc múa, phiền táo không muốn ăn.

Trị pháp : Dùng các huyệt : Gian-sử, Thương-cự-hư, Trung-uyễn, Thần-môn, Nhơn-trung.

Thủ pháp : Châm Gian-sử 1 tấc, Thương-cự-hư 2 tấc, Trung-uyễn 3 tấc Thần-môn 2 phân, Nhơn-trung 1,3 phân châm mạnh lưu kim 2 giờ đến 4 giờ trong lúc lưu kim nên để cho bệnh nhơn yên tĩnh đừng làm kinh động.

Trị nghiệm : Cô Tú 18 tuổi, làm lao động ban đầu mới phát tim bồi hộp, rồi hôn mê té ngã, tỉnh rồi cười khóc lung tung ca hát không dứt.

Dùng phương này châm trị, khi châm kim vào Cô ấy yên tĩnh mê ngủ, lưu kim 3 giờ đồng hồ sau tinh lại, toàn thân lé nè không cảm giác gì cả nhưng lồn lồn khỏe. Chỉ châm trị 1 lần bệnh hết hẳn.

Trị chứng kinh giòn khóe khó, tim hồi hộp, tay chân quơ múa, hay lạnh khuyết, không nói năng gì hay nói tiếng một.

Trị pháp : Dùng các huyệt : Nội-quang, Nhơn-trung, Bách-hội.

Thủ pháp : Châm huyệt Nội-quang 5 phân, xoay vận 1 phút, Châm huyệt Nhơn-trung 2,3 phân, huyệt Bách-hội đọc theo da 5 phân xoay nhẹ 1 phút lưu kim 20 phút.

Trị nghiệm : Phương này đã trị các bệnh Khóe khan tràn 30' người. Điển hình 2 bệnh sau đây :

1.— Cô Tên 20 tuổi tháng hai năm nay thỉnh linh cảm giác người khó chịu, sau phát hôn mê, tay chân khuyết lạnh, mạch nhảy nhỏ dùng châm cứu trị và uống thuốc không công hiệu. Sau dùng phương này, khi châm huyệt Nội-quang lập tức tinh lại hết đực tay chân, mạch hồi phục, nói năng được, lưu kim trong giây lát rồi xoay kim và lưu lại 20 phút, bệnh hoàn toàn hết, về sau nhẹ hẳn.

2.— Cô Tư 41 tuổi, thỉnh linh đi ngoài đường ca hát rồi hôn mê luôn không nói năng gì, dùng phương này châm trị bệnh tinh lại sau cũng hết hẳn.

Trị chứng Ý-bịnh thất ngủ, bịnh mất ý thức không biết gì, không nói năng gì, đại tiểu tiện có khi không biết.

Trị pháp : Dùng các huyệt : Trung-xung, Gian-sử, (chủ huyệt) và phối hợp các huyệt Nhơn-trung, Can-du, Tâm-du, Túc-tam-lý, Trung uyên.

Thủ pháp : Châm huyệt Trung-xung ra máu, huyệt Gian-sử châm 5 phân xoay mạnh làm cho bịnh nhơn tĩnh, Châm huyệt Nhơn-trung 2, 3 phân Can-du 3, 5 phân. Tâm-du 3 phân, Trung-uyên 1 tấc, trừ các huyệt chủ yếu còn các huyệt kia đều lưu kim 25, 30 phút.

Phương pháp này rất công hiệu đã trị nhiều bịnh có kết quả hoàn toàn.

Chú ý : Bịnh Tạng láo Ý-bịnh là do Đại não bị chấn phát bịnh nên trị bịnh này cần làm cho tinh-thần an tĩnh, khỏi thương tồn, bịnh này rất phức tạp, dùng châm cứu trị nên tùy chứng áp dụng các phương pháp, nhưng bịnh đau thê chấn, thê nào cũng là chứng Thiệt, nên áp dụng thủ thuật mạnh (kích thích mạnh) là dễ tả Thiệt làm Qiao thần kinh thông đạt đến bịnh sở thì mới đạt đến Đại-não bị chấn mới có thể làm cho thần kinh bị tồn hại được điều hòa hưng khôi lại thì các chứng trạng mới giải được, nên khi trị bịnh này cần chú ý làm cho cường tráng mới đạt đến mục đích trị liệu.

Phụ trị chứng Sỉ ngốc kim bại bán thân (Ý-bịnh tách nan hoán)

Huyệt chủ yếu : Thiên-linh-huyệt, Âm-Ủy-huyệt, Túc-tam-lý, phối hợp các huyệt : Uỷ-trung, Thừa-sơn, Côn-lon, Thừa-phò, Hoàn-khiều (trị chân bại). Như tay bại phối hợp các huyệt : Khúc-lri, Nội-quang, Hiệp-cốc như thất ngủ phối hợp các huyệt : Đại-chuỷ, Dao-dạo.

Thủ pháp : Thiên-linh-huyệt (biệt huyệt) phía trên lồng chỉ nách (cách lồng chỉ nách độ 1 tấc) đo ra 5 phân.

Âm-Ủy-huyệt (biệt huyệt). Trên huyệt Khúc-tuyền 1 tấc, ngoài khớp đầu gối 1 tấc. Châm bại huyệt này nên chú ý :

Tay trái án tại huyệt, ngón cái, ngón trỏ và ngón giữa tay mặt cầm cán kim định châm vào huyệt mời đâm vào 4,5 tấc, một ngón tay giữ kim đâm vào cho đúng rồi tận lực xoay vận kim, như bịnh nhơn cảm giác đau đơn làm nên an ủi họ ráo chữa mới kết quả.

Khi châm vào xong rồi bảo bịnh nhơn tự cử động duỗi tay chân, nếu một lần không đạt được mục đích thì lần sau đeo nêm, lưu kim 10

phai - ưng xoay chuyền kim và bảo bình nhơn lự vận động tay chân, nếu vận động được ấy là đạt được mục đích mới thôi, không châm nữa. Nếu bình nhơn vì nằm quá lâu có thể suy nhược, 1 lần châm trị không kết quả thì nên ổn định thời gian châm trị nhiều lần không nên chán nản. Ban đầu mới châm trị nên dùng huyệt Thiên-linh-huyệt làm chủ cách một ngày châm trị 1 lần, nếu chứng trạng có hơi thuyên giảm thì bảo bình nhơn nên vận động tay chân di động như cảm giác té ấy là có kiểm hiệu, và nên phối hợp các huyệt khác châm trị.

1.— Trong khi châm trị nên chú ý phản ứng, bảo bình nhơn lúc châm không nên quá sợ sệt làm lay động.

2.— Khi đày kim vào cũng nên xem xét hình nhơn sắc mặt có biến đổi gì, nếu hơi xanh mét thì cho bình nhơn nằm nghỉ.

3.— Trước khi châm nên kiềm tra xem xét nhiệt độ bình nhơn, như quá 38 độ hoặc cơ thể quá suy yếu, hay có bệnh đau tim, bệnh lao phổi, bệnh đau gan, đau thận hoặc Trung-khu thần-kinh bị bệnh thì không nên châm.

4.— Lúc châm nên cần thận không nên làm thương hại huyệt quảng-

5.— Châm rồi nên cần nghỉ dưỡng và nên giúp bình nhơn vận động tay chân, Châm huyệt Túc-tam-lý phối hợp thì châm sâu 3 tấc.

Chú ý : Phối hợp các huyệt : Như bộ phận dưới thì phối hợp các huyệt ở chân, như & bộ phận trên thì phối hợp với các huyệt ở tay (đều dùng phía bên trái) và áp dụng thủ pháp kích thích mạnh, nhớ hai huyệt Đại-chủy và Đào-đạo nên kích thích nhẹ.

Trị nghiệm : Đơn cử bài bình sau đây :

1.— Anh Vương-văn-Lực 25 tuổi đã có vợ, bị bệnh Ngay ngực (Y biến) lại thêm bại chân trái.

Hiện chứng trạng : Bình nhơn trước 9 năm bệnh đau dài và bụng dưới đau, sau lần lần chân bên trái vận động khó chịu, sau phát không duỗi ra được, thở mèmet, ho, ăn uống không hiết ngon, cả ngày nằm không hành động gì được, đã đi Bệnh-viện trị và kê cổ dùng thuốc và châm cứu đã 4 năm, bệnh chỉ hơi đỡ không dứt, may mắn nhờ xem mạch châm trị.

Hiện bệnh nhơn sắc mặt xanh mét người ốm gầy có trạng thái thiếu máu hơi thở và nhiệt độ thường, chỉ chân bên trái không vận động được như ý vì đã co lâu nên thành tật co duỗi khó khăn, cơ

nhục như co rút, bên trái suy giảm nhiều, nhưng cho biết rọi kiến không thấy bệnh gì, về tinh thần thì bệnh nhơn biều hiện sâu k簿 bị quan, thất vọng, nên ng.rời lò đờ không phản khôi, trí lực rất mờ ám tối tăm không thiết đến sự gì cả, hàng ngày nằm trên giường, ăn uống đại tiểu tiện gì cũng nhờ người khác giúp đỡ.

Bắc đầu châm trị dùng phương pháp trên đây trị 2 lần đao thi châm vận động hơi được, hy vọng có hiệu quả, tiếp tục trị 5 lần các chứng đều thuyên giảm, tất cả khôi phục bình thường, tinh thần săn khoái lại và bình phục hẳn, hiện nay không tái phát.

c 2.— Anh Lý Đệ 33 tuổi đến trị chân đoán cũng thuộc Ý bệnh và hai chân bại. Hiện bệnh : Bệnh nhơn 5 năm trước thường bị bệnh nhức đau đòng, lưng đau đùi đau ý thức không còn vui vẻ, lăn lăn phát toàn thân co rút (lục gọi phong rút) tay chân lạnh, hai chân co cúp không duỗi thẳng được, hàng ngày dùng hai tay vặn lăn lăn rồi xiêu vẹo, đã trị đủ các phương không kiến hiệu.

Hiện bệnh thân khí còn khá, sắc diện không có gì thay đổi, người thè chát, phủ lạng thuộc âm tánh, nhưng nhiệt độ cũng thường, chỉ hai chân lạnh co rút, nửa thân dưới tê liệt, cảm giác mất nhiều vì thận kinh mất điều hòa nên vận động khó khăn và vì bệnh lâu đã vón và di đứng như thế 2-3 năm nên gân liệt yếu.

Bắc đầu châm trị cũng áp dụng phương pháp trên này châm trị 1 lần thi vịn ván đi mạnh dạn, hai giờ hoạt động co duỗi được, châm trị tiếp lần thứ hai thi hành động di đứng được như thường, tinh thần săn khoái như người thường lại vui vẻ phản khôi. Bệnh này chỉ châm trị 2 lần mà kết quả lạ thường, người bình phục hẳn và sau không tái phát chứng gì cả.

Phụ chú : Theo lời giới thiệu dùng 2 huyệt « biêt huyệt » này là làm cho các gân và thận-kinh khôi phục lại nên trị bệnh rất thần tốc và cũng áp dụng phương pháp này trị bệnh tương tự như trên hơn 10 người đều công hiệu, vậy xin ghi vào để tiện tham khảo.

VI.— THẦN KINH SUY NHƯỚC

Bệnh này do công việc làm hay hoản cảnh, thè chát suy yếu dùng g não lực nhiều nên bị bệnh, thường bệnh nhơn từ 20 đến 50 tuổi hay phát bệnh dày dưa làm sức đề kháng cơ thè suy giảm, nên dễ bị cảm mạo, bệnh thường hay mất ngủ, hay mộng mỵ chiêm bao, hay nhức đầu, xoay xombok, đau lưng, đau vai, da thịt như có vật gì rợ ray, hay bức

Tóc khô chìu, tinh thần khi thi phẫn khởi khi thi mè mệt, mắt trông thấy kém, kỵ ức giật, tim hay đập, sắc mặt khi đỏ bừng khi mèm xanh, tay chân thường lạnh, ăn không tiêu, đại tiện táo bí hoặc làm kiết, đi tinh, tảo tiết, hay đi tiểu.

Châm cứu trị bệnh này rất công hiệu.

Dùng các huyệt : Thần-môn, Túc-tam-lý, Bách-hội, Tam-âm-giao, Hiệp-cốc, Quang-nguyên, Hành-gian, Nội-quang, Trung-cực, Cao-boan, Phế-du, Đại-chùy, Mạng-môn. Tùy cảnh hướng thê chất căn bệnh mà áp dụng huyệt, và cũng cần thêm sự ăn uống điều dưỡng.

Trị bệnh thần kinh suy nhược, Huỷ tủy.

Bệnh này cũng thường gọi chứng Huỷ tủy thường phát đầu xoay xẩm đau nhức, sợ sệt (tâm áy) mất ngủ, đi tinh, hay quên ăn uống không biết ngon.

Trị pháp : Dùng các huyệt : Nội-quang, Trung-uyên, Túc-tam-lý, Tam-âm-giao, Thần-môn, Quang-nguyên, Khi-hài, Bách-hội, Thái dương.

Thủ pháp : Châm huyệt Nội-quang 5 phần, Trung-uyên 1 lát, Túc-tam-lý 1 lát ruồi, Tam-âm-giao 5, 8 phần, Thần-môn 3 phần, Khi-hài 8 phần, có nhức đầu châm Bách-hội (mỗi kim ra sau) 3 phần, Thái-dương 3 phần, dùng pháp bình bồ bình tâl lưu kim 15, 20 phút. Huyệt Quang-nguyên thêm cứu 5 phút. Cách một ngày châm cứu trị 1 lần.

Phương này đã kinh trị trên 10 người có hiệu quả đến 90% bệnh thường không có khiếm chứng gì thì mau công hiệu.

Trị Bệnh Thần kinh suy nhược Kinh úy, Chính xung (hồi hợp sợ hãi), hay quên mất ngủ, mè mệt vô lực ăn uống kém khi làm việc gì dùng não thì phát ní ứ : đầu :

Trị pháp : Dùng các huyệt : Bách-hội, Đầu-duy, Phong-tri, Hiệp-cốc, Thận-du, Túc-tam-lý.

Gia giảm : Nhức đầu pbiển táo bất an, lưỡi đơ thêm các huyệt Thái-dương, Toán-trúc, Thần-môn, Gian-sử.

Sợ sệt hồi hộp mất ngủ, mè mệt ăn uống không ngon thêm Tâm-du, Trung-uyên, đầu xoay mất mờ, người tiêu tùy thêm các huyệt Can-du, Liệt-khuyệt, Tam-âm-giao, Hành-gian, Thái-xung, Thái-khé, Châm pháp bình bồ bình tâl nên chú ý sợ vung châm.

Mỗi ngày hay cách nhau châm trị 1 lần.

Trị Thần kinh suy nhược Tâm úy, Chính xung, Kiện-vong.

Dùng phương pháp châm trị :

Dùng các huyệt : Thiên-trụ, Phong-tri, Uyển-cốt châm 5 phân. Đại-chùy, Thân-trụ châm 3 phân, Can-du, Hỗn-du, Vị-du, Tý-du, Tam-liêu-du, Đại-trường-du đều châm 1 tấc 2 lốt.

Thủ tam-lý, Túc-tam-lý, Âm-lăng-tuyễn, Tam-âm-giao đều 5 phân.

Đau trước đầu, hoặc sưng thủng dùng các huyệt : Tiền-danh, Bách-hội, Tinh-hội, Suốt-cổc, Đầu-tâm-khắp, Dương-hạch, Đầu-duy, Bồn-thần. **Đau phía sau đầu** dùng các huyệt : Hậu-danh, Phong-phủ, Ngọc châm và châm Thiếu-hải 3 phân, Thông-lý 3 phân, Phong-tri 8 phân, Kiên-linh 5 phân, Thiên-liêu 6 phân, Khúc-viên 5 phân. **Phế-du, Cao-hoan** đều 3 phân.

Ăn uống không biết ngon dùng các huyệt : Châm Trung-uyễn, Lương-môn, Hạ-uyễn 8 phân, Túc-tam-lý 1 tấc.

Lиен tiếp châm trị 1, 2, luân nhứt ắt công hiệu.

Như bệnh quá hư như dùng các huyệt : Bách-hội, Mạng-môn, Tâm-du, Thận-du, Tinh-cung, Khi-hải, Quang-nguyên, Trung-cực, Thông-lý, Tam-âm-giao đều 3, 5 phân.

Hoặc dùng phương pháp cứu trị.

Dùng các huyệt : Phong-tri, Đại-chùy, Thân-trụ, Thiên-xu, Thủ-tam-lý, Túc-tam-lý đều cứu 7 tráng.

Hoặc cứu các huyệt : Bách-hội, Phế-du, Thiên-trụ, Kiên-linh, Phong-tri, Thân-trụ, Cao-hoan-du, Quang-minh, Túc-tam-lý 10, 15 tráng.

Bệnh nhẹ trị trong tuần nhứt, nặng trị 2 tuần liên tiếp cứu trị ắt công hiệu.

Hoặc dùng phương sau đây : Cứu các huyệt : Can-du, Tý-du, Thận-du, Trung-uyễn, Mạng-môn, Quang-nguyên, cách 1 ngày cứu trị 1 lần cũng công hiệu.

Trị chứng Hư-leo (Âm hư) Tứ âm bổ thay pháp.

Bệnh nhân Cô Quản 39 tuổi nửa năm trước bị chứng băng huyết, rồi 1,2 ngày sau làm tắc kinh luôn 3 tháng, rồi kiết cho là chứng leo phổi, dùng Đông Tây được các thứ nhưng vô hiệu, bệnh càng ngày tình thần mè mệt (bì quyện).

Hiện chứng trạng : Sau bưởi trưa thường phát sốt, tim mệt làm phiền táo bón rất, có lúc toàn thân sốt cao độ, ho khan nhổ ra bọt

trắng, tim đập mạnh, đầu xoay mất hoa, tai cõi như có vướn đầm
ngạt, đời muôn ăn, nhưng ăn vào ngực đầy muôn mửa, dai liện 7
này chưa đi, chân hơi sưng, đêm khó ngủ, miệng khô, thở mệt,
không nói nhiều được, nói tiếng nhỏ, thân người gầy, mặt đen kho
dét, vai bên trái đau.

Trị pháp : Nhơn vì bình nhơn quá hư nên trước dùng ngại
quyền cứu bồ các huyệt : Tam-lý, Nội-quang, Thái-khê, Côn-lon 3
tráng để phòng ưng châm, sau châm các huyệt, Túc-lam-lý, Phục-
lưu, Nội-quang, Tam-Âm-giao đều bên mặt, bồ pháp.

Kết quả : Ngày hôm sau ăn được.

Trị lần thứ hai, Châm Túc-lam-lý, Tam-Âm-giao, bồ (tùi 2 huyệt).

Kết quả : Khoan khoái, tinh thần khỏe, ăn ngon, vai trái hết đau.

Trị lần thứ 3, 4 như trên. Kết quả sật mặn tươi nhuận, chứng
nóng trưa (triệu nhiệt) giảm, còn ho nhưng vẫn khỏe.

Trị lần thứ 5 như trước, kết quả ngủ yên 4, 5 giờ, bắt ho.

Trị lần thứ 6, 7 như trước, kết quả hết nóng cơn nhẹ hẳn.

Đây là nguyên tắc trị bệnh này : Dùng các huyệt : Phục-lưu (bồ
Thận thủy), Tam-Âm-giao (Tư Âm bồ huyệt), Túc-lam lý (kiện tỳ
tráng dương), Nội-quang (cường tám khiêm tả hỏa),

Kết luận : Nguyên tắc bồ Hư-lao.

1.— Bình nhơn người mè mệt bị quyền sợ châm, hay nếu châm
đã phản ứng ưng châm. Vậy trước khi châm nên cần thận, hay
hơn hết, trước cứu bồ (cứu dập lửa) để làm cho thận kinh vươn lại
như các huyệt : Bách-hội, Đại-chùy, Nội-quang, Tam-lý, Tam-Âm-
giao, Khí-bài, Quang-nghuyên, Thái-khê, Côn-lon chia huyệt đều bồ
3 tráng.

Sau sẽ dùng các huyệt trị bình, ưng là thi cứ tả, ngày sau mới
chánh thức châm trị, nhớ nên châm Bồ pháp.

2.— Ngày sau lần thứ hai trị chiếu theo 9 huyệt trên dùng
ngại quyền cứu (như Hư hỏa, mà đó dùng huyệt Nội-quang, châm
tả không cứu) rồi mới châm bồ các huyệt Túc-lam-lý, Tam-Âm-giao,
Hậu-khê, Nội-quang 4 huyệt dùng Nam là Nữ hưu, như Hư hỏa, mà
không dò thi huyệt Nội-quang châm tả 2, bồ 2 lần. Nên hồi bình
nhơn sợ ưng châm, nếu hơi xem xâm cần dùng ngại quyền cứu
Túc-lam-lý (khi chưa châm huyệt này), để làm cho bình nhơn hết
xoay xẩm và tim yên mới thôi, nhiên hậu sau lần lần rút kim từ từ

các huyệt (nhớ ăn tại huyệt), từ từ trong 30 phút để đủ lực bỗn mới kiển hiệu.

3.— Nếu vì quá Hư sanh bệnh thì khi bệnh thế đã giảm cần phải phò chánh khu tà túc tùy chứng dùng huyệt 1, 2 huyệt châm trị không nên dùng nhiều, nếu cần lá các huyệt thì phải thường dùng các huyệt Túc-tam-lý, Tam-Âm-giao đại Bổ để phò chánh.

Trị các bệnh Âm hư hỏa động (thường bệnh nhao lòng bàn tay bàn chân phát nóng ấy là chứng Hư lao) cần trị bỗn tiếp 6, 7 lần át thổi hư nhiệt, ngoài ra các chứng Âm Dương bất túc cần châm Bổ mới kiển hiệu.

VII.— BỊNH VỀ MẠCH MÁU (Huyết quặng bệnh tật)

Tinh mạch viêm (Sưng tinh mạch).

Chỗ tinh mạch bị sưng muôn làm mũ, phát sánh đau nhức, làm cho da nỗi đỏ, nóng, sưng, thành toàn thân phát sốt, bệnh này thường hay phát, chỗ đau sưng cao lên không dám đeo, phải dùng đồ chuồm nóng mới bớt đau.

Châm cứu trị bệnh này dùng các huyệt : Đại-chùy, Thân-trụ, Kiên-linh, Mạng-môn và các huyệt xung quanh chỗ đau (thiên ứng huyệt), tùy chứng châm trị rất công hiệu,

Tinh mạch lưu. (Tinh mạch nốt u, cục).

Huyết ở tinh mạch lưu thông bị trở ngại làm cho tinh mạch sưng to, những người làm lao động, và những đàn bà mang thai thường hay phát, bệnh thường phát ở chân, ban đầu thi thấy khi vận động thi chân sưng lên, sau chỗ tinh mạch như bị thương nên lan dài ra mà làm thành từng khúc, hoặc nhiều cục nhỏ, từ ấy chân lại nặng triệu, hơi sưng ngứa, cào gãi thi phát ghê chảy nước lở rất khó trị (chú ý này khi phát nên cần đề phòng sự cào phá ra thành ghê khó trị lâu).

Châm cứu trị bệnh này dùng các huyệt : Bách-hội, Đại-chùy, Thân-trụ, Mạng-môn và các huyệt phụ nên chỗ bị bệnh, tùy chứng châm trị rất có hiệu quả.

(Hai bệnh trên đây, nếu trường hợp sanh đoxic, xem mục trị Ghé đoxic sau).

Bàn huyệt (thiếu máu).

Bệnh vì mất máu quá nhiều thành suy nhược, làm xoay xẩm phiền

'khát, hay mửa, người mệt xaober hoặc vàng da, tay chân lạnh, thở yếu, hay mệt, nhiệt độ hạ thấp, sau ra mồ hôi dầm dề, ý thức mất, đến nguy hiểm, về mạng tánh (chứng lâu dần phát) mệt mỏi, miệng mõi mệt, làm gì nặng thì thở mệt, tim đập, thường nhức đầu xoay xẩm, ù tai oẹ mửa, tay chân lạnh, toàn thân mệt mè, đào bà bị chứng Bàn huyết, sau kinh không đều, đến tắc kinh.

Châm cứu trị bệnh này dùng các huyệt : Thân-trụ, Cách-du, Vị-du, Mạng-nôn, Trung-uỷền, Quang-nguyên, Túc-lam lý, Nội-dịnh, Phong-long, Trung-phủ, Phong-trí, và trên chỗ khu di (lỗ chỗ mông di cách lối 4 ngón tay), dùng ôn hòa cứu nứa giờ đến 1 giờ, tùy chứng dùng huyệt châm cứu trị, Thường mỗi lần dùng lối 4.5 huyệt, đều dùng cứu 5, 7 tráng, tùy chứng luân phiến xử dụng.

Hồng huyết cầu quá nhiều.

Những người hồng quyết cầu quá nhiều thường phát chứng nhức đầu xoay xẩm, đau bên đầu, chỗ bụng (tỷ tạng) bên trái đau, mặt mũi đỏ, khi huyết tan thì làm mạch máu cẩn trưởng thường phát sanh chảy máu cam, rãnh ra máu (đào bà khi có kinh thì phát nhức đầu xoay xẩm), lấy máu kiểm nghiệm thì hồng huyết cầu lên đến trên 14000 vạn. Vì hồng huyết cầu nhiều dễ sanh ra bệnh Đở máu, đến mức gân máu, và nếu phát sanh Não đầy máu bị xuất huyết át chết ngay.

Châm cứu trị bệnh này cần dùng các huyệt sau đây : Đại-chủy, Thân-trụ, Tỳ du, Can-du, Vị-du, Thái-dương, Khúc-trạch, Xích-trạch, Uỷ-trung, Thủa-sơn, Nhơn-trung, Kiên-linh.

Châm Uỷ-trung, Khúc-trạch, Thái-dương, Hiệp-cốc đều ra máu, các huyệt khác dùng châm lá pháp, trị thời gian lâu có công hiệu.

Vậy bệnh này thường phát trước bệnh lèn máu, vì thế nên những người sợ máu lèn (Áp huyết cao) nên đo máu và kiểm nghiệm hồng huyết cầu nhiều nên bắt đầu dùng phương này trị để khỏi phát sanh bệnh Áp huyết cao, nặng đến Não xuất huyết nguy hiểm.

VIII.—BỊNH TIM (Tâm thống, Hung thống, Nhiệt tâm thống)

Cấp tính Tâm nội mạc viêm.

Bệnh này thường do các bệnh Phong thấp, Sản hậu phong, Đại huyết chứng dẫn phát làm cho lồng ngực bên trái cảm giác khó chịu, khó thở hay đập mạnh, hoặc có tiếng động, hoặc chỗ sườn

Thứ 3 nơi huyệt Ngọc đường phía trái đay trường phát bệnh tim đập mạnh, thở mệt có khi ở trên da có nốt ban đỏ, và phát sốt mấy ngày hay cả tuần, lâu mới hết, biến thành Hư chứng mang tánh bình.

Nếu vì bài huyệt làm nước da xanh mét, mề mệt, hoặc vàng ứa, toàn thân khớp xương đau, có khi mệt thở ngắt hơi làm thành chứng Bần huyệt, làm lạng Tỷ lớn, có lúc phát đau, đau, vai, tay, chân phát ban đỏ, chỗ ở tim cũng có phát, thành chứng nguy hiểm.

Châm cứu trị dùng các huyệt : Phế-du, Cách-du, Kiên-trung-du, Kiên-ngoại-du, Đại-chùy, Kiện-lý, Trung uyền, Nội-quang, Nội-dịnh, Thái-khê, Trung-phong, Đại-lăng, Ân-bạch, Thiếu-xung, Thần-môn-

Tùy chứng luân phiên thay đổi xír dụng.

Mạng tánh tâm nội mạc viên.

Cò động mạch tim lưu thông trở ngại, miệng tim hẹp, tĩnh mạch căng, tim uất huyệt làm cơ tim suy nhược biến thành chán bị thủng, lần lần hai chân đều thủng đến toàn thân, tim đập mạnh thở mệt.

Châm cứu dùng các huyệt chủ trị : Hiệp-cốc, Nội-quang, Khúc-tri, Xích-trạch, Tâm-du, Du-phủ, Trung-phủ, Thần-lòng, Thần-đường, Cao-hoan, Thần-môn, Túc-tam-lý.

Chơn tâm thống.

Bệnh này chỗ ở tim lúc đau rất kịch liệt có khi đau đến 10, 15 phút mới giảm, sau thời gian giảm hoặc cả năm vẫn trở lại, hoặc ít tháng trở lại (chứng này cơn phát nếu đau nặng lúm át chẽt ngay).

Dùng các huyệt chủ trị : Phong-phủ, Thiên-tru, Phong-tri, Thiên dung, Thiên-song, Phong môn, Kiên-trung-du, Kiên-ngoại-du, Đại-chùy, Đại-trử, Tâm-du, Hiệp-cốc, Phụ-phần, Thần-đường, Thủ-tam-lý, Túc-tam-lý, Gian-sir, Côn-lon.

Tâm bào viêm (sưng màng bao tim).

Bệnh này khi phát như chỗ tạng tim, bị châm đau, thở vào khó chịu, đè chỗ ở tim đau, Tim đập mạnh, thở khó khăn như bị đè chỗ ống thực quản, nên nuốt xuống cũng đau, có phát nát cục, oẹ mửa bình nhơn thường muốn nằm bên trái.

Chứng Cấp tánh thì có phát sốt, Mạng tánh không sốt, khi thở vào muốn ôm chỗ ngực đè hơi để chịu, bệnh này mới phát trong tuần nhứt đê trị.

Dùng các huyệt chủ trị : Nội-quang, Gian-sử, Tâm-du, Đại-chùy, Thần-trụ, Kiên-linh, Cao-hoan, Thần-đường, Phế-du, Hiệp-cốc, dùng huyệt Hiệp-cốc bên trái và huyệt Khúc-tri kích thích mạnh cho giảm cơn đau, ngoài dùng thêm dầu nóng thoa bóp chỗ ngực phổi hở thì mau công hiệu.

Tâm tạng biện mạc viêm.

Bệnh này do hỗn phong tim lớn, tả phong tim sưng, làm Phế động mạch hẹp, phát suyễn súc, thở mệt, chân thủng.

Dùng các huyệt Phong-tri, Kiên-linh, Đại-trụ, Tâm-du, Trung-uyên, Khi-bài, Thiên-trụ, Phong-môn, Cao-hoan, Kiên-lý, Quang-nghuyên.

Mỗi ngày thay đổi huyệt châm trị 1 lần.

Nếu phù thủng dùng các huyệt : Thận-du, Thủ liêu, Túc-lam-lý, Tam-âm-giao và Tam-tiêu-du, Tiểu-trường-du, Âm-lăng-tuyễn, Phục-lưu mỗi ngày thay đổi châm trị 1 lgo để thông uổng tiệp thủng xop.

Phụ trị nghiệm những bệnh đau tim.

Bệnh thiếu huyêt tim suy nhược. (Tâm lực suy kiệt)

Bệnh nhân Châu Thần 14 tuổi, vì lúc nhỏ thiểu sira nuôi ném bành thiểu máu bệnh Nội thương, người yếu ớt, nay thành bệnh tim làm sợ sệt, lòng bàn chân nóng, chỗ ngực thấy dạng tim nhảy, hai bên má đỏ, mũi có hơi nóng, ho, đi đường thở mệt, sắc mặt xanh mệt, tinh thần mè mệt.

Trị pháp : Châm các huyệt Nội-quang, Tam-âm-giao, Phục-lưu, bđ 2 lần. Cứu Đại-chùy, Tâm-du, Phế-du, Chiên-trung, Thận-du đòn 3 trắng, Khi-bài. Quang-nghuyên đòn 2 trắng.

Kết quả : Lòng bàn chân bớt nóng và mũi cũng bớt.

Trị lần thứ 3 : Ngày hôm sau trị y như trên thêm châm huyệt Ngõinh-hương.

Kết quả : Ho giảm, mũi hết nóng.

Trị lần thứ 3, 4 trị y như trên.

Kết quả : Tim ít đập, ho giảm nhẹ nhưng chỗ vai hơi đau.

Trị lần thứ 5 : Châm trị như lần thứ 1. Cứu thêm chỗ đau (thiêm ứng huyệt), kết quả chỗ ấy giảm.

Trị lần thứ 6, 7 châm cứu y như lần thứ 1.

Kết quả chỗ vai đau dù lại, nhưng ho và chỗ tim bớt.

Trị lần thứ 8, 9, 10, 11, 12 như trên. Kết quả khá nhiều.

Trị lần thứ 13, 14, 15, 16, Châm Phục-lưu, Túc-lam-ly, Tam-âm-giao, Nội-quang bỗ, kết quả vai hết đau.

Tiếp tục trị y như lần sau này đến lần thứ 20, rồi tiếp luôn đến lần thứ 25. Kết quả các chứng nhẹ hẳn, tinh thần khoái khoái.

Trị lần thứ 26 : Châm Nội-quang, Túc-lam-ly, Tam-âm-giao, Phục-lưu bỗ. Kết quả bình phục như người thường, đi đường không mệt nữa, tinh thần sắc mặt tươi nhuận.

Bệnh tim nhảy, thở khó, nằm ngòi không an (Tâm lực bất toàn)

Anh Trần-văn-Hương 30 tuổi bị bệnh tim đập làm miệng mũi thở hổn hơi rất khó thở, cứ 5 ngày phát 1 lần, khi phát nằm ngòi không được mà đi thi mệt, lại sau 12 giờ trưa chõ lồng bàn chân nóng ran, người sặc mặt, khô đèn, mạch nhảy 120, tiểu tiện bất cầm ăn giảm ít.

Thủ pháp : Châm các huyệt : Thận-môn, Hậu-khê, Nội-quang đều bỗ Cửu Chiên-trung, Trung-uyên, Khi-hài, Túc-lam-ly đều 3 tráng, Công-lôn 1 tráng. Kết quả : Đi hết mệt, tim nhảy và thở đều giảm.

Trị lần thứ 2 : Trị y như trên, Cứu thâm huyệt Thận-du 3 tráng.

Kết quả : Tiểu tiện chính thường, hơi xộc lên giảm, miệng mũi hổn thở dã bớt, ăn ngon sắc mặt trở lại hồng nhuận.

Trị lần thứ 3 : Châm Thận-môn, Hậu-khê bỗ 4 lần, Nội-quang, bỗ 2 lần, tả 2 lần. Kết quả châm xong vã, nhưng vì cảm hàng, nên ngày hôm sau lại hơi xộc lên rồi bớt, quá trưa lồng bàn chân nóng giảm, đi đường không mệt nữa.

Trị lần thứ 4, hiện bệnh đi đại tiện rặn, bụng hơi đầy.

Châm Thá-uyên, Đại-chùy bỗ 3 tả 1, Thiên-đột tả 3 lần, Cửu Phong-môn 7 tráng. Phế-du 20 tráng, Cao-hoan 20 tráng, Khi-hài, Túc-lam-ly đều 3 tráng. Kết quả các chứng giảm 1/3.

Trị lần thứ 5 : Hiện chứng trạng. Tại cõi ngược từ Thiên-đột trở xuống đến Cửu-vý hơi trường, đậm nhiều, miệng nóng.

Châm Nội-quang, bỗ 2 tả 2 Thương-uyên bỗ 3, Cửu như trên trừ huyệt Cao-hoan. Kết quả : Đầm nhẹ nhõ dẽ, các chứng giảm.

Trị lần thứ 6. Hiện lưng bên trái đau.

Châm Uỷ-trung tả 3 lần, lưng hết đau, họ giảm các chứng thở mệt hoàn toàn nhẹ hẳn.

Trị tiếp 2 lần nra như lần thứ 5 bình hoàn toàn bình phục.

Trị chứng tâm khí thống.

Bà Đường 64 tuổi bị đau chỗ ở tim hơi xđc đau đã trên 20 năm nay, ban đầu 1 năm phát mấy lần, rồi sau càng nặng, gần đây lại nặng hơn, đau đến phải uống A-phiếu mới hết, khi đau tim nhảy mạnh liệt.

Trị pháp : Châm huyệt Trung-uỷen, Chương-môn (tả huyệt).

Kết quả : Khi châm huyệt Trung-uỷen xoay kim thấy đau hơi боли, có hơi chạy qua trái rồi chạy từ trên xuống dưới, nhưng không đứt, tả 3 lần cũng chưa đứt hẳn, sau châm huyệt Chương-môn thì tim lại nhảy mạnh, lại chỗ Trung-uỷen cũng đau, nhưng khi là Chương-môn 3 lần thì các chứng giảm hẳn nhẹ ngay.

Trị bệnh này nhận thấy vì huyệt Chương-môn thuộc Cận mộc, Mộc sanh hỏa nên phản ứng, nhưng là Chương-môn xong Tầm hỏa không bị khắc nữa nên tim hết nhảy, và Vị thô (Trung-uỷen) không thô khắc nên bình hết hẳn.

Trị bệnh Tâm khẩu trưởng (chỗ ở tim dày).

Bệnh nhau, Cơ Tứ 36 tuổi chỗ tim bao trưởng dày, không muốn ăn uống lại thêm bệnh Bạch đái nhiều.

Trị ph 6, . Châm huyệt Ân-bạch ra máu, Hiệp-cốc tả 3 lần (dùng 1 huyệt).

Kết quả : Chỗ tim giàn, ăn được, chứng Bạch đái hết.

Trị bệnh này vì do Tỳ trệ Mộc khắc Thổ nên dùng luôn Hiệp-cốc là Đại-trưởng Nguyên huyệt và Ân-bạch là Tinh huyệt nên chứng trưởng hết, ăn được, chứng Bạch đái giảm nhẹ.

Trị bệnh đau tim, lói chỗ chấn thủy.

Chứng này là Tâm khí thống, cũng gọi là Hiệp tâm thống.

Trị pháp : Dùng các huyệt : Thần-tòng, Hung-hương, châm 3 phân, kích thích mạnh, Đại-trứ, Phụ-phần, Phong-môn, Phế-du đều 5 phân kích thích mạnh, các huyệt Tiêu-hải, Tam-lý, Ngưu-tế (bên măi) đều 5 phân kích thích mạnh mới hết đau.

Hoặc dùng phương : Trước châm Thiếu-thương, Linh-đạo, Cửu Giao-sử, Cự-khnyết 5,6 tráng (cứu liên tiếp). Châm cứu đến hết đau, nếu chưa hết, tiếp châm Túc-tam-lý và Ân-bạch rồi cứu Túc-tam-lý 5, 6 tráng, Cửu Gian-sử 14 trángắt hết đau ngay.

IX. BỊNH MẮT NGỦ

Bệnh mất ngủ thường cũng do Thần kinh suy nhược, làm đau đầu, xoay xầm, hay quên, sợ sệt, hồi hộp.

Trị pháp : Dùng các huyệt : Thần-môn, Phục-lưu, Thượng-tinh, Bách-hội, Túc-tam-lý, phối hợp các huyệt : Công-lon, Nội-quang.

Như có nhức đầu thêm huyệt Phong-lết.

Trước châm huyệt Công-lon, bỏ rồi châm Huyệt Nội-quang 6 phần, Thượng-tinh 1 phần, Bách-hội 2 phần (xiên ra sau) Thần-môn 3 phần là, Phục-lưu 6 phần (bổ), Túc-tam-lý 1 tắt bình bỏ bình già, lưu kim 30 phút hay 1 giờ.

Mỗi ngày trị 1 lần.

Bệnh Mất ngủ, hoặc ngủ 1 chập tỉnh dậy.

Bệnh cả đêm không ngủ được, hoặc ngủ 1 chập tỉnh dậy rồi không ngủ lại được.

Trị pháp : Châm các huyệt : Dương-khê, Thần-môn, Túc-lâm khấp 4 phần, Phong-thị 2 phần, Thiên-lon 5 phần là và lưu kim huyệt này 2 phút, các huyệt khác đều lưu kim 20 phút.

Mỗi ngày châm trị 1 lần.

Trị nghiệm : Phương này đã trị bệnh mất ngủ 15 người đều châm trị trong thời gian 3 lần công hiệu ngay.

Trị bệnh mất ngủ, tai ù, sau cổ đè đau.

Bệnh nhân Lê văn ... 43 tuổi hiện bệnh lưng đau, tai lùng lùng, đầu cổ nặng, cả đêm không ngủ được, ban ngày nằm ngủ, cứ hướng tượng phía sau cổ có chỗ nào đau, sưng, lại thêm đi cầu thường ra máu, dùng dù thuốc không công hiệu.

Trị pháp : Châm Thần-môn ; Phục-lưu huyệt bổ, Ủy-trung tì. Kết quả : Ngủ được, lưng bớt đau.

Trị lần thứ hai : Y như trên. Đã cự ra máu giảm bớt.

Trị lần thứ ba : Châm Thần-môn ; Phục-lưu, Côn-lon bổ.

Kết quả : Lưng bớt đau nhiều.

Trị lần thứ 4 : Châm Thần-môn, Phục-lưu, Phi-dương, Côn-chánh bổ.

Kết quả : Ngủ thêm được nhiều.

Trị lần thứ năm : Trị y như trên, thêm cửa huyệt Thận-du 3 tráng, Mạng-môn, Trường-cường, Bát-liệu đều 1 tráng.

Kết quả : Chỗ lưng (Thận bộ) đau chạy các nơi (độc chạy) ngủ yên giấc, ban ngày bớt tư tưởng như trên, ban đêm ngủ được 4 giờ, nhưng vì mộng sợ nên thức giấc.

Trị lần thứ 6 : trị như trên: Lưng giảm, tai bớt lùng bùng

Trị lần thứ 7 : Trị y như lần thứ 5 thêm châm Thượng-tinh tà

Kết quả : đau hết nặng, đi cầu hết ra máu, bớt đau lưng và tai lùng bùng ít. Trị lần thứ 8 cũng trị y như trên, các chứng nhẹ nhiều, nhưng lại chỗ ngực hơi đau.

Trị lần thứ 9 Châm Quang-nguyên, Trung-cực, Phục-lưu, Thận-nô, Phi-dương, Chi-cháoh đều bđ, Đại-chùy tà.

Cứu : Mạng-môn, Thận-du, Tinh-cung, Khi-hải đều 2 tráng.

Kết quả : Bình nhẹ hẳn không trị nữa.

Trị bình mất ngủ, có hiccups như bị đè nghẹt :

Bình nhơn, Anh-Hương 37 tuổi, bệnh mất ngủ, chỗ cổ họng như bị nghẹt bít tắc hơi thở, chỗ huyệt Đại-chùy sau cổ đè đau.

Trị pháp : Châm Nội-quang, Tam-Âm-giao, bđ, cứu Thận-du 3 tráng, Bách-hội, Đại-chùy, Trung-uỷen, Khi-hải, Túc-tam-lý đều 3 tráng.

Kết quả : Ngủ yên, tìm hết hiccups, các bệnh nhẹ hẳn.

Trị bình mất ngủ 50 ngày.

Bình nhơn, Anh Thành 27 tuổi bệnh không ngủ được đã 50 ngày, đau họng xoay xầm lại có chứng Di tinh (nhẹ).

Trị pháp : Châm Thận-môn, Phục-lưu, Tam-Âm-giao Thái-uyên bđ 4 lần.

Kết quả : Dêm ấy ngủ được 1 giờ.

Trị lần thứ 2 y như trên, kết quả ngủ được 3 giờ hết Di-tinh.

Trị tiếp 1 lần nữa bình hoàn toàn bình phục.

Trị bình mất ngủ, nhức đầu, Tim hiccups, Tinh thần mệt mè :

Bí h nhơn, Cô Thành 34 tuổi hai năm trước có ngày đi làm vì trời nắng quá, về phát nóng sốt, đến Bệnh viện xin trị bệnh, xem thấy bệnh nhơn nhiều quá, phát kinh sợ quá độ, về tối lại không ngủ được, tim đập hiccups sợ sệt quá, ban ngày thì hiccups, bệnh như thế đến 15 ngày rồi thì thỉnh thoảng làm sợ sệt quá độ tim đập nhanh

muốn điên, không ngủ được, tinh thần mè mệt, dâng thuốc Đông y uống hết, nhưng qua 1 năm sau lại phát lại cũng mất ngủ, sau tìm đập hồi hộp không thể chịu nổi, phải nằm trên giường, cũng trị thuốc Đông-y bình đờ nửa tháng, nhưng tinh thần thất thường, như có cảm giác muốn tự sát, cứ tư tưởng hụy rất kinh sợ. Hiện chứng tráng, măt ngủ, miệng mũi cõi đều khô, đầu tráng, hai bên thái dương đau, kinh nguyệt không đều, tim đập mạnh có lúc phát sốt, măt trợ tráo như có trạng thái bình tinh thần.

Trị pháp : Châm các huyệt : Thần-môn, Tam-Âm-giao ; Dùng-tuyên đều bồ 4 lần.

Trị lần thứ 2 : Châm Thần-môn, Nội-quang bồ 3 lần.

Kết quả : Đêm ấy hơi muốn ngủ.

Trị lần thứ Ba : Châm Thần-môn, Nội-quang, Phục-lưu bồ 4 lần.
Đêm ấy lại mộng sợ không muốn ngủ như trước.

Trị lần thứ 4 : Châm Thần-môn, Thái-uyên, Chi-chánh bồ 4 lần.

Trị lần thứ 5 y như trên, kết quả miệng khô, Đầu xoay xầm giảm bớt.

Trị lần thứ 6 cũng y như trên, kết quả ngủ yên được, đau hết, đồng, sắc mặt tươi nhuận, ngày hôm sau lại phát đau rang.

Trị lần thứ 7 Châm Nội-quang, Tam-Âm-giao bồ 4 lần.

Kết quả hết đau rang trưa ngủ được và tối ngủ đến sáng.

Trị lần thứ 8 cũng dùng châm hai huyệt Tam-Âm-giao và Nội-Quang như trên. Kết quả chứng mất ngủ hết hẳn, đầu xoay xầm cũng hết, kinh lại có điều hòa. Bình bình phục hẳn.

Phụ phương trị bệnh mất ngủ :

- Dùng những huyệt chính : Ân-bach, Thần-môn, Tam-Âm-giao, Âm-lăng, Nội-quang, và các huyệt phụ : Lao-cung, Thái-uyên, Dùng-tuyên.

Thủ pháp : Như bình mới phát, người còn khỏe nên châm mạnh các huyệt Tam-Âm-giao, Âm-lăng, Ân-bach, Thần-môn.

Như bình đã lâu người suy nhược, dùng các huyệt trên nhưng châm nhẹ và mau. Vẫn dùng châm trị, bình này không nên cừu

Trị bệnh mất ngủ thường nên trị lúc buỗi chiêm trước khi đi ngủ càng công hiệu. Như tìm hồi hộp nhớ luôn luôn thêm huyệt Nội-quang. Theo các sách trị bệnh mất ngủ lấy huyệt chính trị là huyệt Thần-môn (dày là huyệt mà các Y-sư xưa cho là huyệt Dưỡng-lão), tùy theo bình mà áp dụng bồ tả trị đều công hiệu.

X. BỊNH NÀO TÍCH TÙY. Nào bón huyết (Huyệt hư huyền dụng).

Bệnh phát thành linh toát mồ hôi lạnh, tay chân lạnh, mắt hoa tai điếc, ác cảm ầu thò, thậm chí muôn té, cần cắp cứu.

Mạng tánh thường mê mệt, xoay xầm đầu nặng trĩu, mắt thấy kém, ưa nôn, ngủ mê, khi đứng dậy mắt tối đen, dễ té ngã.

Dùng các huyệt chủ trị :

Thiên-trụ, Uyển-cốt, Phong-tri, Kiên-trung-du, Kiên-ngoại-du, Kiên-linh, Kỳ-môn, Tam-lý, Hiệp-cốc, Đại-dòn, Lê đới, Nội-dịnh, Phong-long, Thượng-tinh, Bách-hội, Trung-uỷền, Giải-khé, Thùy-cấu.

NÀO XUẤT HUYẾT (TRÚNG PHONG). Bai xuội, Bán thân bất toại hoặc Biên khô.

Chứng này phát do Trúng phong tức là Đức gân máu não, bệnh mới phát do não đầy căn huyết, làm tối tim mày mặt, té xiêu, miệng méo mắt xếch, 1 bên thân bại xuội, hay run rẩy, hoặc bại hai chân hai tay. Trị Trúng phong hết rồi sau thành bại xuội, tức bao thân bất toại hay biên-khô.

Bệnh mới phát tức NÀO XUẤT HUYẾT, (Đức gân máu Não).

Chứng trạng : Thành linh té xiêu, bất tĩnh, thở yếu, mạch loạn, đau ngoèo 1 bên, mắt đục miệng méo, són dài, són ỉa, tùy bệnh đức gân máu nặng nhẹ mà hiện bệnh chứng, có khi phát một tí tiếng đồng hồ đến 2, 3, ngày chết ngay, có khi chết liền không cứu cấp kịp, bệnh nhẹ lăn lăn tỉnh lại, nhưng không nói năng gì được, hoặc nói không rõ, liệt nửa thân, không hoạt động được.

Trị chứng Trúng phong sách Châm cứu thực hành trước. Chứng tái đã có ghi rõ phương pháp trị liệu.

Vậy sau đây là những chứng Hậu trúng phong tức trúng phong sau di hại làm bón thân bất toại. Những phương pháp nghiêm.

Trị bệnh bón thân bất toại (bại xuội).

Bệnh trúng phong sau làm tay chân té dai, mắt cảm giác, bệnh đã 5 tháng. Hiện chứng tay chân không di động được, ngón tay ngón chân không cử động, mắt vàng, hay run rẩy, mạch nhỏ.

Trị pháp : Dùng các huyệt: Kiên-ngung, Khác-tri, Dương-tri, Hậu-khé, E-phong, Giáp-xa, Hoàn-khiếu, Phong-thị, Dương-lăng, Tuyệt

cốt, Côn-lon, Hành-giang, Giải-khé, Ủy-trung, Thủ-sơn.

Thủ thuật : Trước châm Hoàn-khiêu, 2 tấc, Dương-lăng-tuyễn 1 tấc, rìa châm Kiên-ngung, Khúc-trì đều 1 tấc ruồi, Dương-tri 3 phần, E-phong, Giáp-xa 5 phần, Hậu-khé, Phong-thị, 8 phần, Tuyệt-cốt, Côn-lon, Hành-giao, Giải-khé 5 phần, Ủy-trung, 1 tấc ruồi, Thủ-sơn 8 phần.

Dùng phương thức bịnh bò bình là và luro kim 20, 30 phút.

Sau rút kim xong Cứu hai huyệt Hoàn-khiêu, Kiên-ngung cứu đến đó da thì thoi, cách 1 ngày châm cứu 1 lần.

Trị nghiệm : Ông Lê văn... 67 tuổi bị bệnh trúng phong sau làm tay chân té cứng, da mặt run, mất cảm giác, bệnh đã trên 4 tháng.

Dùng phương này châm cứu trị lần đầu không biêt đau đớn gì, sau cứ cách 1 ngày châm trị 1 lần, đến lần thứ 3 thì lại các huyệt châm cảm thấy té rần, đến lần thứ 4 cảm giác nhiều, tiếp tục đến 6 lần thì tay chân bắt đầu di động được và co duỗi được, đến 13 lần có thể vịn giường đi được, tiếp tục trị đến lần thứ 15 thì có thể đi đứng hoạt động được chút ít.

Trị tiếp tục đến cả thấy 23 lần thì tự chống gậy đi mạnh dạn tự động 1 mình, về sau lần lần bình phục hẳn.

Trị bịnh bón thân bất toại cảm khẩu :

Trị pháp : Dùng các huyệt : Hiệp-cốc, Khúc-tri, Thủ-tam-lý, Hoàn-khiêu, Kiên-ngung, Dương-lăng-tuyễn, Âm-lăng-tuyễn, Dương-tri, Thiên-tru, Ủy-trung, Thủ-tam-lý, Điều-khẩu, Dũng-tuyễn, Kỳ-môn, Thiên-xu.

Thủ thuật : Trước châm các huyệt bên mạnh, châm nhẹ, sau châm bên bại, dùng thủ thuật trước lác khi có cảm giác rần té thì rút kim, nếu cùa Áp huyệt cao thì không dùng hai huyệt Kỳ-môn và Thiên-xu.

Trị nghiệm : Dùng phương này liệu pháp lâu mao không nhất định, có khi châm trị 1, 2 lần bên bại cử động được ngay, có khi phải đến hai tuần mới vận động được, có khi lâu đến 1, 2 tháng mới bình phục được. Đã trị nghiệm 9 người, Đơn cử 2 người sau đây:

1) Cô Triệu 49 tuổi biện bịnh phía bên trái bại lâu ngày, lại thêm đau thường nhức, không ăn uống được, tình thần mè mệt, không ngủ được, đại tiện bí tiểu tiện đờ, đi điều trị các nơi đều cho là vì huyệt áp cao, dùng Âu-dược, nhưng đo huyệt áp vẫn 14, phía bên trái vẫn mất cảm giác, đau càng nhức lung, mắt bên trái nhỏ lại, sau uống thuốc Đông y hạ áp huyệt, thì đo xuống 11; nhưng đi te xiều, bên trái lại càng trầm trọng bại hẳn, đau nhức càng nặng

ngày đêm không ngủ được, dùng thuốc an thần thì an tĩnh được 4 chap bình lại trở lại đau nhức như cũ. Bây giờ dùng Châm cứu trị áp dụng phương pháp này châm phía bên bại kích thích mạnh dùng thủ thuật trước tác và vì có bệnh đau mủi nên dùng thêm các huyệt, Án-dường, Thượng-linh, Phong-tri, Liệt-khuyết cũng dùng trước tác thuật, châm trị lần đầu thi tay chân vận động được nhưng còn khó khăn, đầu mỗi khi châm trị thi bớt, ngủ được 4 giờ nhưng lúi lai vẫn nhức, Tiếp tục châm trị 1 tuần nhút thi bên bại cử động được. Châm trị tiếp trong 2 tuần nhút các chứng giảm nhẹ lão và tự động hành động, sau lần lần bình phục hẳn.

2) Anh Thông 34 tuổi thình linh tự nhiên không nói được dễ dàng và chân bên mặt cử động khó khăn, hiện chứng miệng ngậm, răng cắn chắc (nhà quan khắn hế) lưỡi đơ, bại bên mặt, không muốn ăn uống, bên bại mắt cảm giác, đo áp huyết hao tim yếu.

Trị pháp : Dùng phương thuật trên đây, vì cảm khàn nên thêm hai huyệt Giáp-xa, Liêm-tuyền. Châm trị dùng thủ thuật, bên mạnh châm nhẹ, bên bại châm mạnh, trước tác thuật, không lưu kim, mỗi ngày châm trị 1 lần. Trị trong hai lần thi lưỡi co thụt được, châm trị tiếp đến 10 lần thi nói được tiếng một và tự vận động tay chân được, sau mới nói rõ, tiếp trị vài lần nữa và dùng thêm thuốc thi thần trị lần lần sảng khoái lại, sau bình phục hẳn.

Trị bệnh Bán thân bất toại Áp huyết cao.

Chứng trạng 1 bên thân bại, miệng méo mắt xếch, sắc mặt đờ, miệng chảy nước giải, nói năng không rõ.

Trị pháp : Dùng các huyệt Bách-hội, Nhơn-trung, Dũng-tuyền, Phong-long, Nhơn-nghinh, Kiên-ngung, Khúc-tri, và các huyệt : Hiệp-cốc, Hoàn-khiêu, Phong-thị, Dương-lăng, Túc-tam-lý, Tuyệt-cốt

Thủ pháp : Trước châm Bách-hội, Nhơn-trung 3 phân, sau châm bên mạnh : Dũng-tuyền, Phong-long, 8 phân, Nhơn-nghinh 3,5 phân, Kiên-ngung, Khúc-tri 1 tắc rưỡi, Hiệp-cốc 1 tắc, Hoàn-khiêu 2 tắc, Phong-thị, Dương-lăng-tuyền, Túc-tam-lý 1 tắc. Tuyệt-cốt 5 phân. (Huyệt Phong-long dùng tá pháp, còn các huyệt khác đều bình bô bình tá lưu kim 30 phút)

Châm xong bên mạnh rồi cũng y như vậy châm bên bại (bỗ pháp), lưu kim 15 phút.

Mỗi ngày châm trị 1 lần. Bình nát trị trong 10 lần, bình nồng trị trong 15-20 lần át công hiệu.

Trị bình bán thân bất toại, tay chân bên bại mất cảm giác, không vận động được.

Trị pháp: Dùng các huyệt: (Bên bại) Công-tôn, Nội-quang, Bách-hội, Thượng-tinh, Hoàn-khiêu.

Thủ pháp: Châm bên bại các huyệt: Công-tôn 8 phân, Nội-quang, 5 phân Bách-hội 5 phân (mũi kim xiên ra sau) Thượng-tinh 4 phân, (xiên tới trước) sau trực châm Hoàn khiêu 4 tấc. Niêm vận bồ pháp lưu kim 3 tiếng đồng hồ.

Phương này đã áp dụng trị nghiêm trên 10 người đều công hiện.

Trị bình bán thân bất toại. Lưỡi đơ miệng méo.

Bình nhơn Anh Hào 49 tuổi nguyên hai năm về trước chân gối hay té, 3 ngày trước đây tự nhiên lưỡi đơ, đi từ trên lầu té xuống chết dắt, tinh lại thì tay chân bên mặt không vận động được, xuôi đơ xuống, lưỡi đơ, miệng méo không nói được nữa.

Trị pháp: Châm Quang-nghuyên, Phong-long, Phong-phủ, Phong-trí, Nhơn-trung đều lưu kim.

Cứu Bách-hội, Hoàn-khiêu, Phong-thị, Dương-lăng, Túc-tam-lý, Tayet-cốt, Thủ túc bắc phong, Khúc-trí, Hiệp-cốc, hữu Địa-thương, hữu Giáp-xa 3 trắng.

Kết quả: Lưỡi đơ và chân hơi giảm bớt.

Trị lần thứ 2 và thứ 3 cách 1 ngày trị 1 lần. Châm Quang-nghuyên bồ, Phong-long, Phi-dương tả, Khúc-trí bồ. Cứu Khí-hải, Quang-nghuyên, Thần-khuỷết đều làm ôn bồ,

Mỗi lần trị đều có kết quả, chân đi được.

Trị lần thứ 4 sau uống thuốc nhưng bệnh lại trở lại, không muốn ăn, chân không đi được nữa (ấy là phản ứng).

Trị lại như trên thêm Hiệp-cốc, bên tả bồ, bên hữu tả.

Kết quả: Ăn được, chân đứng dậy được.

Trị lần thứ 5 cũng như trên thêm cứu Bách-hội, Thượng-tinh, Phong-trí, Khúc-trí, Nhị-tiêu đều 3 trắng, Phong-phủ 1 trắng.

Kết quả: hết té, vận di thì muốn chạy, ngón tay trái vận động được.

Trị làn thứ sáu y như trên kết quả vịn đi xa được, tay mặt vận động được, miệng bết méo.

Trị lòn thứ 7 (hiện tay bên mặt còn tê, lưỡi còn đơ). Châm Đại-chủy bồ, Khúc-trí, Hiệp-cốc, bên trái bồ, bên mặt tả, Phong-phủ tả, Phục-lưu bên mặt và huyệt Phi-dương bên trái đều bồ. Cứu Quang-nguyên, Khi-hải 3 trắng, Bạch-hội 20 trắng, Tiễn - đǎnh- Thượng-tinh, Phong-trí, Phong-môn ; Phế-du, Hoàn-khiêm, Phong-thị, Âm-lăng, Dương-lăng, Tam-lý, Tuyệt-cốt, Thủ túc bắc phong đều 3 trắng.

Kết quả : Tay bết tê.

Trị lòn thứ 8 (hiện tay mặt vô lực, lưỡi còn đơ, miệng còn hơi méo). Châm Quang-nguyên bồ Khúc-trí bên trái bồ, Bên mặt tả Dương-lăng mặt tả, Phong-long, Phi-dương, Địa-thương bên mặt, Thịnh-hội bên mặt đều tả, Phong-phủ tả.

Cứu như trước thêm các huyệt Thủ-tam-lý, Nội-quang, Ngoại-quang, Kiên-ngung đều 3 trắng. Trung-nyễn 10 trắng, Bát-phong, Thập-liết đều 1 trắng (nhớ đều dùng huyệt bên mặt). Kết quả cầm được, đi được.

Trị lòn thứ 9 trị như trên. Kết quả tay cầm viết được, lưỡi hết đơ miệng hết méo.

Trị lòn thứ 10 như trên, kết quả tay cầm viết được, đi đứng nói năng được như thường.

Trị lý : Trị chứng Trùng-phong, Huyết áp cao sau làm hán thân bất toại, hoặc biến khô (liệt 1 bên), mỗi lần trị đều dùng châm bồ Quang-nguyên, Phục-lưu và cứu Quang-nguyên, Khi-hải dè cho Thân mạnh, ỉch nǎo làm chủ, hiệp với các huyệt, trị phong hạ đàm thì kiến hiệu mau, và cách trị thì bên mạnh bồ, bên bại tả là hay nhất.

Trị bệnh bán thân bất toại miệng méo mắt ngò

Anh Thân Văn 43 tuổi hiện chứng tay chân mặt xuội, miệng méo không nuốt đồ ăn được; mắt sưng, ban đêm không ngủ được, trọng tai thường phát hơi ra, đường đại tiện không thông, tiểu tiện ngày đi 5 lần.

Trị pháp : Châm Khúc-trí, Dương-lăng-tuyễn bên trái bồ, bên mặt tả, Giáp-xa, Địa-thương đều tả, Nhơn-trung lưu kim, Cứu Bách-hội, Phong-trí đều 3 trắng.

Kết quả : Mắt bớt sưng, miệng bớt méo hơi hoạt động được. ngũ được chút ít, tim khoan khoái.

Trị lần thứ 2 y như trên kết quả chân mài chuyển động được, tay cũng bớt tai bết phì hơi.

Trị lần thứ ba : Châm Khuê-tri, Dương-lăng-tuyễn bên trái bờ bên mặt tả, Tuyệt-cốt bên mặt tả, Tam-ly, Ngoại-quang bên mặt bờ Cửu Bách-hội, Phong-tri, Đại-chủy, Phong-môn, Địa-thương, Giáp-xa bên trái, Thủ túc bắc-phong, Túc-lam-ly, Âm-lăng-tuyễn, Tam-Âm-giao, Phong-thị, Côn-lôn, Thái-xung đều 3 tráng.

Kết quả Tiêu tiện giảm ít, cảm hơi hoạt động mạnh, miệng bớt méo, ngũ lâu hơn.

Trị lần thứ 4 như trên kết quả chân đứng được, miệng bớt méo, ngũ yên, đại tiện như thường.

Trị lần thứ 5 như trên, kết quả, chân vận động linh hoạt hơn, dắt đi thì chuỗi lối như chạy.

Tiếp trị lần thứ 6 y như trên kết quả tự đi đứng một mình được, miệng nhai đồ ăn được.

Trị lần thứ 7 cũng như trên, bây giờ đi xa được.

Trị lý : Bệnh này do Đức gân máu não bộ phận tuần hoàn bị thương, trị dùng tá bén bại, bồ bến mạnh, nên kiến hiệu mau, nhưng lần thứ 3 là nhiều nên hơi phản ứng sau cải lại bén hịnh tả, bến mạnh bồ nhiều nên có kết quả mau, đi được, áp dụng phương pháp này trị rất kiến hiệu.

Trị bị hàn thân bất toại, tay chân yếu.

Ông A 52 tuổi, 1 năm về trước, nhơn cảm mạo phong hàn, ban đầu tay trái lè không cử động được sau chuyển đến chân cũng lè đi đứng xiêu vẹo, (nan hoán) run rẩy yếu đuối, bây giờ dùng rất nhiều thứ thuốc Đông y điều trị không công hiệu, sau đưa vào Bệnh-viện nhờ cứu chữa, nhưng vì không có chỗ nằm nên cho ta và thuốc về nhà uống và tim, trị 1 tuần (Bệnh-viện đo áp huyết cho là chứng vì Áp huyết cao), sau có người giới thiệu đi trị bằng Châm cứu.

Hiện chứng irang, sắc mặt đỏ, nói năng không được rõ, nhưng thần trí vẫn còn khỏe, ăn không giảm sút, đại tiêu tiện như thường.

Trị pháp : Lần thứ nhất : Châm các huyệt : Hiệp-cổc, Xích-tracb, Thủ-tần-ly, Dương-tri, Hoàn-khiêu, Phong-thị, Uỷ-trung, Côn-lôn,

Cứu các huyệt : Bách-hội, Kiên-ngung, Khúc-trì, Đại-lăng, Dương-lăng.

Lần thứ hai. Châm cứu y như trước thêm châm cứu Phong-tri
Cứu Phong-môn, Phế-du, Cách-du, Khi-hồi, Kiên-trinh, Uyền-cốt,

Lần thứ 3 trị như trên thêm cứu Thận-du, Túc-tam-ly.

Lần thứ 4 châm các huyệt như trước, Cứu thêm Lý-môn,
Trung-chử, Dịch-môn.

Lần thứ 5 cứu Bát-liệu và châm các huyệt như trước.

Lần thứ 6 cứu Ngoại-quang, Chương-môn, Châm như trước.

Lần thứ 7 cứu Dương-phò, Tuyệt-cốt, Châm các huyệt như trước.

Lần thứ 8 cứu Khuu-hư, Thương-khuu, châm như trước.

Lần thứ 9 châm các huyệt như trước.

Lần thứ 10 cứu Cao-hoan, Nội-quang, châm các huyệt y như
trước.

Lần thứ 11 châm các huyệt như trước.

Lần thứ 12 cứu Lao-cung, Dũng-tuyễn châm các huyệt như trước

Trị lần thứ 13, 14, 15 y như lần thứ 12.

Về sau cứ cách 1 ngày trị tiếp thêm 1 lần cũng như những lần
sau cộng cả thảy trước sau 23 lần.

Kết quả tay chân hồi phục lại bình thường.

(Bệnh này có áp dụng hàng ngày 1 tháng thuốc uống trợ giúp
thêm).

**Phụ trị nghiệm Trùng-phong (Não xuất huyết) và Hậu trùng-
phong di hoạn.**

Theo các sách xưa : Châm-cứu Tập thành trị chứng bịnh Bub
Trùng phong bắt tinh nhơn sự dùng các huyệt :

**Thịnh-hội, Giáp-xa, Địa-thương, Bách-hội, Kiên-ngung, Khúc-trì,
Phong-hội, Túc-tam-ly, Tuyệt-cốt, Nhĩ-Tiêu, Phát-lẽ, Đại-chùy
Phong-tri.**

Mięng méo mặt zéch dùng các huyệt : Thịnh-hội, Giáp-xa, Địa-
thương (méo bên trái cứu bên mặt và trái lại).

Bán thân bắt toại dùng các huyệt : Bách-hội, Tinh-hội, Phong-tri,
Kiên-ngung, Khúc-tri, Hiệp-cốc, Hoàn-khiên, Tam-ly, Tuyệt-cốt,
Phong-thị.

Miệng cắn không mở dùng các huyệt: Nhơn-trung, Giáp-xáu
Hiệp-cốc, Bách-hội.

Không nói được dùng các huyệt: Kỳ-môn, Nhơn-trung, Thiên-đột, Thần-môn, Chi-cầu Phong-phù, Dũng-tuyễn.

Theo sách Châm cứu Toàn thư: trị Tràng Phong bắt tinh nốt sự dùng các huyệt Bách-hội, Nhơn-trung, Trung-xung.

Tràng phong miệng cắn không mở được dùng các huyệt Thừa-tương, Giáp-xá, Hiệp-cốc.

Miệng méo mít xéch dùng các huyệt: Nhơn-trung, Thừa-tương-Địa-thương, Thủ-bach-hội, Ễ-phong, Phong-môn, Phong-tri, Liệt-khuyết, Nội-dinh.

Bán thân bắt toại (hai phần trên hay phần dưới) dùng các huyệt: Bách-hội, Nhơn-trung, Kiên-tĩnh, Phong-môn, Khúc-tri, Tam-lý, Hiệp-cốc, Trung-xung, Phong-thị, Dương-lăng, Túc-tam-lý, Tuyệt-cốt, Côn-lon.

Tràng phong nan hoán (hai 1 bên) dùng các huyệt: Kiên-tĩnh, Kiên-ngung, Kì-đè-tri, Thủ-tam-lý, Dương-Khé, Hiệp-cốc, Hoàn-khiêu, Phong-thị, Dương-lăng-tuyễn, Dương-phò, Khưa-hư, Côn-lon.

Gần đây theo Châ-n-sư Ky-Tâm áp dụng sau đây trị có kết quả.

Toàn thân dùng các huyệt: Đại-chùy, Phong-tri, Tâm-du, Thủ-du, Khúc-tri, Liệt-khuyết, Hầm-cốc, Dương-lang, Túc-tam-lý, Tam-âm-giao, Trung-uyễn.

Cuộc bộ, miệng méo mít xéch dùng các huyệt: Thủ-y-cầu, Thừa-tương, Giáp-xá, Địa-thương, Thính-hội Ễ-phong, Liệt-Khuyết, Nội-dinh, Tư-trúc-không đều châm trái lại (bịnh méo bên trái châm bên phải).

Nói năng khó khăn dùng các huyệt: Bách-hội, Thông-thiên, Âm-môn, Thiên-đột, Kiên-tĩnh, Thủ-y-cầu, Địa-thương, Tinh-Hội, Ễ-phong.

Bán thân bắt toại: Tay dùng các huyệt: Kiên-tĩnh, Kiên-ngung, Tý-nhu, Khúc-tri, Thủ-tam-lý, Liệt-khuyết, Hiệp-cốc, Uyển-cốt, Tam-dương-lạc, Dịch-môn, Dương-tri. Chân dùng các huyệt: Hoàn-khiêu, Phong-thị, Ủy-trung, Dương-lăng-tuyễn, Côn-lon, Thái-khé, Tuyệt-cốt, Tam-âm-giao.

Thủ pháp tùy chứng trang luân phiên sử dụng, cách 1 ngày hay 3 ngày trị 1 lần. Bịnh mới dùng châm trị làm chủ, kinh thích

trung độ. Nếu áp huyết không cao thì có thể dùng cứu trị làm chủ nhung mạch nhảy lora không nén cứu.

Sau đây xin giới thiệu 2 phương pháp đã trị khỏi mổ măng.

1.- Trị bệnh Trúng-phong hậu bán thân bất toại.

Ông Thọ-Nguyễn Gia-Kiệm 61 tuổi Thầy thuốc bắc bị chứng Trúng-phong làm méo miệng mắt xếch, bán thân bất toại bại bên trái, đem đi Bệnh-viện chẩn đoán là chứng Não xuất huyết trong 13 ngày không thuyên giảm.

Hiện chứng trạng miệng méo mắt xếch, không nuốt nước được, nói không rõ, bại tay chân bên trái, 13 ngày không đi cầu. Bệnh nhơn cho biết 10 năm trước bệnh trúng phong bại bên mặt, phải đưa đi Thương-hải Châm cứu trị 1 tháng mới bình phục, năm nay lại phát bên trái.

Bắt đầu trị ngày 7.4.65. Dùng các huyệt : Địa-thương, Giáp-xa, Hạ-quang, Bách-hội, Phong-tri, Thiên-trụ, Đại-trù, Liêm-tuyền, Ủy-trung, Túc-lam-lý, Côn-lon.

Trước châm tay chân không bại (châm nhẹ lấy kim, sau châm-ben bại lưu kim 25 phút).

Ngày sau trị lần thứ 2 châm trị y như trước thêm Thiên-dot, châm sâu xiên (rõ xuống), lấy thêm Thủ-lam-lý, Đại-lăng.

Kết quả nuốt nước được, cho uống thuốc (trước không nhở thuốc được).

Trị lần thứ 3 (hôm nay đi cầu được (15 ngày không đi cầu).

Cứu Bách-hội, Phong-tri, Ế-phong, châm Hạ-quang, Địa-thương, Giáp-xa, châm thêm Kim-tan, Ngọc-dịch. Tay chân châm y như trước, gia thêm cứu bên bại.

Kết quả : Bệnh bớt nhiên tay đưa lên được, chân tự nhắc lên được, tự xoay trở một mình được, nói được nhưng miệng còn méo.

Trị lần thứ 4 Châm Bách-hội, Phong-tri, Thiên-trụ, A-nôn, Thiên-dot, Thủy-cầu, Giáp-xa, Đại-thương. Tay chân châm cứu y như trước gia thêm Thủ-túc bắc-phong.

Trị lần thứ 5 Trị như trước thêm châm trị mắt, Toán-trục, Tứ-trúc-không, Tứ-hạch (bên mắt bệnh), Cứu bên tay chân bại thêm số tráng (trước 3 tráng bây giờ 5 tráng), và cứu 2 huyệt Giáp-xa, Địa-thương bên không bệnh 2 tráng.

Trị lần thứ 6 Trị như trên.

Trị lần thứ 7 Châm Phong-tri, Bách-Hội, Phong-phű, Thiên-tri, Á-môn, bên mắt bệnh, Toán-trúc, Tư-trúc-không, Giáp-xa, Địa-thương (cứu bên không bình 2 huyệt này), Tay chân trị y như cũ nhưng chỉ châm cứu bên bại.

Kết quả : trong 7 ngày bình giảm rất nhiều, nuốt nước dễ dàng, ăn uống được hơn trước, đại tiện thông hàng ngày, miệng bớt mèo, nói hơi rõ, tay đưa lên khỏi đầu chân đưa lên cao, thử vận tự nằm ngồi đi một mình được.

Bệnh nhora vì ở xa nên về nghỉ 7 ngày sau lại trị lại, hiện nòi nồng rõ ràng hơn trước, ăn cháo mạnh như người thường, đi được, chỉ còn tay chưa nắm vật đưa vào miệng được, chân đe ho, run, cười nói lớn miệng còn mèo, mắt còn mờ.

Châm trị lại : Châm Toán-trúc, Tư-trúc-không, bên mắt mới Giáp-xa, Địa-thương bên không bình, Cứu bên bình và châm Phong-tri, Bách-hội, Phong-phű, châm cứu bên tay chân bại những huyệt, Kiên-ngung, Cự-cốt, Kiên-trung, Kiên-ngoại-du, Kiên-tĩnh, Thủ-tam-lý, Khúc-tri, Dương-khê, Cự-en-cốt Hiệp-cốc, Hoàn-khiều, Phong-thị, Âm-thị, Ủy-trung (không cứu) Túc-tam-lý, Huyền-chung, Côn-lòn

Cách 6 ngày lại trị, hiện bình hết mèo khi nói cười, tay còn té nhiều, chưa nắm vững được, châm bớt nhiều.

Châm trị như trước tay thêm Ngoại-quang, Dương-cốc, nhưng hôm nay châm nhẹ bên không bại, chân cứu bên bại.

Cách 7 ngày lại trị. Hiện bình đi đứng dễ dàng, tay đã cầm được nhưng vẫn còn yếu, chân cũng đi còn yếu.

Châm trị như trước chân thêm Thái-xung, chỉ châm cứu bên bại.

Sau cứ cách 7 ngày lại trị tiếp 2 lần nữa bệnh hoàn toàn bình phục.

2.— Trị bệnh Não Dát huyệt.

Ông Thoàn Hồ-c-môn àm thợ mộc 67 tuổi, sau khi làm về tối ăn cơm lụi nijeん tay run röt chân không hay rời bắt đầu té liệt, đến đi Bệnh-viện chẩn đoán là chứng Não dát huyệt dùng Âu-dược 3 ngày bình không giảm, đến về ngày 28-11 đến nhờ châm trị.

Hiện bình nhơ khoẽ mạnh, tay chân bên trái bị liệt không cử động được, mắt mắt không mèo, tiếng nói còn rõ ràng, chỉ đầu nhức, mắt hơi mờ.

Trị pháp Dùng các huyệt: Bách-hội, Phong-trì, Thiên-tru, Toàn-trúc, Tư-trúc-không, Thái-dương, Kiên-ngung, Khúc-trì, Hiệp-cốc, Hoàn-khiên, Phong-thị, Âm-thị, Üy-trung, Túc-tam-lý, Dương-lăng-tuyền, Tuyệt-cốt, Côn-lon.

Trước châm bện mạnh châm nhẹ lấy kim sau châm bện bài lưu kim 25 phút, và cho uống thuốc Lưu-phong hươt-huyết.

Trị lần thứ 2 y như trên nhưng lưu kim lâu hơn (45 phút).

Trị lần thứ 3 cũng trị như trên nhưng bện bài gia cứu 2 tráng.

Kết quả sau ngày ấy tay chân cử động được, và bắt đầu tập chống gậy đi được nhưng hơi run.

Trị lần thứ 4 trị như trên tay thêm Thủ bắc-phong, Chân thêm Giải-khé, Thái-xung, Túc-bắc-phong.

Trị tiếp 3 lần nữa cũng dùng liệu trình 7 lần, bình nhẹ hẫu, đi đứng như thường, về sau đi làm lại như cũ.

Trị ngừa Trúng phong.

Người thè chát béo hay ốm nếu cảm giác đau ngón tay tê đầu xoay lưỡi đơ; nên cần trị trước để phòng ngừa sau này có thể bị trúng phong.

Dùng các huyệt Bách-hội, Phong-trì, Kiên-linh, Khúc-trì, Phong-thị, Túc-tam-lý, Tuyệt-cốt.

Thủ pháp: Dùng ngại cứu Bách-hội, rồi cứu Phong-trì, Kiên-linh, Khúc-trì, Phong-trì, Túc-tam-lý, Tuyệt-cốt 10 hay 20 tráng (người thè, chát béo nên dùng nhiều), nhờ cứu thứ tự như thế, từ trên xuống và Nam trước bẹn trái, Nữ trước bẹn mặt.

Cách 2 ngày cứu 1 lần cứu 4 lần là 1 liệu trình, nghỉ 10 ngày.

Cứu xong nên tránh ra gió (cứu trong 3 liệu trình).

Chú ý: Phương này áp dụng cứu trị ngừa trúng phong rất hay. Vì nên đề phòng trước hơn để sau plat bệnh nguy hiểm.

XI. BÌNH PHỐI: HO, SUYỄN

Trị các chứng ho, như Ho ló, tức, cảm ho,

Dùng các huyệt: Đại-trũ, Phế-du, Thiên-dot, Xích-trạch, Ngoại-quang, Kinh-cự, Tam-âm-giao.

Bàng ngày châm trị 1 lần.

Ho gió : Phong-thấp, Khát-tháo, cầm ho.

Nhứt đậu nóng lạnh ho.

Dùng các huyệt : Phong-tri, Thân-tru, Phong-môn, Ngoại-quang, Kinh-cự.

Ho nhức đầu nóng lạnh châm các huyệt : Phong-môn hoặc Phế-du, Xích-trạch, Hiệp-cốc Ngoại-quang.

Ho nhiều rất có thêm Thiên-dột Tam-Âm-giao, mỗi ngày châm trị 1 lần, Tiếp châm trị 3, 4, ngày ắt nhẹ.

Hỗn dụng phương sau đây :

Dùng các huyệt cho ra mồ hôi : Hiệp-cốc, Liệt-khuyết, Khúc-tri, Ngư-té.

Làm trán cơn ho dùng các huyệt : Đại-trú, Thiên-dột, Phong-môn, Phong-long, Túc-tam-lý.

Làm cho giảm nóng dùng các huyệt : Đại-chùy, Xích-trạch, Uỷ-trung, Gian-sử. Hàng thấu (vì lạnh ho) châm thêm Cao-hoan, Linh-dài. Nhiệt đậm thì thêm các huyệt : Chiên-trung, Thái-khê.

Ho khan, ho kinh niên.

Chứng trạng nhiều nhưng chủ trị cần làm cho cơ năng tăng phổi mạnh khi huyệt lưu thông, bồi dưỡng cho vươn phổi.

Dùng các huyệt : Phế-du, Trung-uyên, Du phủ, Xích-trạch, Túc-tam-lý, hoặc Phong-môn, Thân-tru, Kiên-linh, Thái-uyên, Phong-long.

Mỗi ngày thay đổi kích thích trong độ ít lần ắt công hiệu, nhưng so với cứu trị hay hơn.

Cứu pháp : Cứu các huyệt : Thân-tru, Phế-du, Linh-dài, Thiên-dột, Chiên-trung, Tỳ du, Trung-uyên, Túc-tam-lý, Phong-long mỗi huyệt cứu 5 tráng. Cứu trị tiếp 2, 3, tháng bệnh tuyệt hẳn.

Ho lâu thêm cứu Phế-du, Châm Thái-uyên, Chiên-trung, Phong-long, Bình thường nên cứu để phòng khỏi ho dùng các huyệt : Cao-hoan, Phế-du, Thân-tru..

Ho lâu. Lao nhược ho đậm.

Dùng các huyệt : Đại-trú, Phế-du, Phong-môn, Cao-hoan, Linh-dài, Phong-long, Liệt-khuyết, Thiên-dột, Hiệp-cốc. Châm nhẹ.

Hỗn cứu Tứ-hoa Hoạn-môn 10 tráng, Đại-trú, Phong-môn, Phế-du, Khuyết Am-du, Can-du, Phách-hộ, Phụ-phản, Cao-hoan, Thần-giường, Y-hy, Sam-liêu du đều 10 tráng và cứu Tiêu-bại 10 tráng,

Ho đậm : Ho đậm nhiều hoặc bồi, nhưng không phát nóng lạnh.

Dùng các huyệt : Phế-du, Đốc-du, Tỷ-du, Phong-long, Trung-uyễn, Khi-hải, Túc-tam-lý. Mỗi ngày châm trị 1 lần hoặc cứu 5, 7, 10 ngày, (nên áp dụng cứu trị kiển hiệu hơn).

Khai thấu khí suyễn (ho kéo dài) Chỉ khí quảng suyễn khai.

Dùng các huyệt : Chiên-trung, Xích-trạch, Linh-dài, đậm nhiều thêm Phong-long, ho lâu không đậm thêm cứu Quang-nguyên.

Thủ pháp : Trước châm Xích-trạch, Linh-dài, đều 5 phân, xoay và lưu kim 20 phút trong thời gian lưu kim cứu Thiên-trụ, Chiên-trung, Quang-nguyên, cứu đỏ da sẽ khỏi.

Trị nghiệm : Ông Văn 44 tuổi thầy thuốc nhơn cảm mạo sau làm suyễn súc, dùng thuốc uống vô hiệu.

Hiện chứng : Suyễn súc ho xót, ngực đầy khó chịu nằm ngửa ho rọi kiển bị bình phổi.

Trị dùng các huyệt : Xích-trạch, Linh-dài, Phế-du, Nội-quang, Túc-tam-lý, bình hò bình tả, phổi hợp cùu các huyệt : Thiên-dot-Chiên-trung.

Châm cùu trị, sau cảm giác ngực khoan khoái suyễn súc hết không tái phát nữa.

HƯU PHƯƠNG : Trị chứng ho suyễn, ban đêm không nằm được thở đậm, thở hơi kéo khò khè.

Cách trị : Dùng Thất-tinh-châm dọc theo hai bên xương sống từ đốt thứ nhất đến đốt thứ năm, châm ngang và xuôi.

Dưới thắc lung cũng châm như vậy, và châm trước ngực chỗ hai bên Khi quảng chỗ xương sườn. Nhưng không nên châm mạnh lắm, chỉ châm cho nỗi đỏ không ra máu.

Ban đầu châm mỗi ngày 1 lần, đến 10 lần thì nghỉ, cách 10 ngày châm lại 1 lần, 20 lần là 1 liệu trình. Châm xong không nên ra gió, và kỵ ăn đồ kích thích.

Trị nghiệm : 1.— Cô Thị 26 tuổi, ho, hen suyễn, hơi thở khò khè, khi nhẹ khi nặng bình đã 20 năm, hiện chứng ho, hen suyễn đậm kéo khò khè, thở hụt hụt rọi kiển cho vì thân kinh quá cẩn phát suyễn súc, trị ở Bệnh viện chỉ giảm hắt chút ít không trừ tuyệt gốc, hàng ngày dễ phát cảm mạo, khi đến mùa Thu, Đông lại phát nặng, khi suyễn, nhở đậm đặc trắng, ngực nặng phải khạc nhổ hoài, ngủ không nằm thi thoảng được thường lúc sơ phát gộp lúc có kinh tê

Làm như cảm mạo, gia đình có già cha Cố bệnh phổi, mẹ bệnh suyễn.

Hiện người mệt mỏi, lười tua trắng, nhiệt độ chỉ trên 36 : chỗ họng sườn thứ 1 đến sườn thứ 8 có điểm đê đau, động mạch có nơi chèn ép (lưu huỳnh quẩn suyễn súc).

Trị pháp : Kích thích Thần kinh hai bên sống lưng từ đốt thứ 1 đến đốt thứ 8, các chỗ kí quẩn ở cổ, hai bên họng sườn cũng đều châm kích thích (toàn dùng Thất-tinh-châm) trị cả thảy 8 lần, suyễn súc định chỉ, tiếp tục trị 16 lần chứng suyễn hết hẳn.

2.— Cháu Kim I tuổi mẹ cháu cho biết khi mới sinh hắn được 100 ngày, nhơn cảm họng làm suyễn, đàm nhiều thở khó khăn, đem đến Bệnh viện Nhi Trưng trị 8 tháng thì bệnh khí tăng khi giảm không thể trị nhẹ hàn, kiểm tra các bộ phận đầu, cổ, họng, không có bệnh gì, niệu lưỡi tua trắng nhiệt độ đến 37, chỗ bên họng từ sườn thứ 3, 5 đê đau làm suyễn thở.

Trị pháp : Dùng Thất tinh châm, châm kích thích chỗ thần kinh sống lưng từ 1 đến 5 và chỗ sườn, bên họng, chỗ kí quẩn đều kích thích nhẹ. Trị 3 lần, thì ban đêm hơi giảm bớt, nhưng trong cổ còn có hơi kéo khò khè, trị tiếp đến lần thứ 8, nhơn khi trời lạnh, cho ăn uống không cần thận, nên phát sốt nóng, nhưng không có suyễn mà trong cổ đàm nhiều tiếp trị đến 15 lần các chứng đều hết hẳn.

Trị Ho suyễn, theo mùa, (mùa xuân, mùa thu hay phát).

Dùng biệt huỷệt Thấu-ma.

Cách trị, đê bệnh nhơn ngồi ngày, ăn khoảng giữa hai huyệt, Kiên-trinh và Khúc-viên, hơi xé xuống 1 tý (đã 2 phần), châm từ 3, 5 phần lùy ống béo, mũi kim xiên vào huyệt Đại-chùy xoay vặn kim dày vào đến 2 lát ruồi hay 3 lát, bình hồ bình tả (xoay tới trước dày vào 3 lần, rút ra, xoay 9 lần (tam nhập cửu xuất), lưu kim 30 phút, cách 1 ngày châm trị 1 lần. Bình nặng châm trị 6 lần ắt nhẹ, bình nhẹ trị 3 lần hết ngay.

Chú ý : Châm huyệt Thấu-ma hướng vào huyệt Đại-chùy dày vào đúng giác độ 12 không nên châm sâu vào ngực gấp phản ứng nguy hiểm, nên cẩn thận trọng.

Trị nghiệm : Ông Phò, Nông dân, bị bệnh suyễn súc đã trên 20 năm, mỗi năm cứ đến tiết xuân, thu cảm họng, thì phát bệnh, khi lên cơn không nằm được, ăn uống càng kém sút, thở hơi but, trào

Đại hàn miệng rất khó sờ dùng các phương trị không nhẹ, sau đã dùng phương này.

Trước châm Trung-phủ 1 tấc, Liệt-khuyết 1 tấc ruồi, Thiên-dot châm xiên xuống 1 tấc ruồi, bình bồ bình tẩy lưu kim 30 phút.

Châm rồi thì cơn suyễn giảm bớt, nhưng trị tiếp luôn 3 lần nữa vẫn chưa cải thiện thêm.

Trị lần thứ 4 dùng biện huyệt Thảo-ma, châm đúng theo phương thức trên lưu kim 15 phút. Châm rồi cơn suyễn hạ ngay.

Cách 1 ngày châm trị 1 lần, trị tiếp 3 lần hết suyễn súc, bình hoàn toàn bình phục hẳn không tái phát.

Trị Ho suyễn cầm mạo phong hàn thì phát, đêm kéo khò khè.

Trị pháp dùng các huyệt : Thiên-dot, Chiên-trung, Khi-hái, Túc-lam lý, phối hợp các huyệt Thần-trụ, Linh-dài, Phế-du.

Dùng ngoại trực tiếp cứu hoặc cách gừng, bình nhẹ cứu đến đỡ, nếu nồi phòng dùng cao dán cho lành sau cứu trị lại.

Trị nghiệm có người bệnh trên 20 năm dùng phương này trị hết hẳn.

Những phương đã trị nghiệm :

Trị bình ho dày dưa 20 năm, đêm không ngủ được.

Ông Kim 65 tuổi, mỗi đêm nằm tức phát ho không ngủ được, bình thời lịm hơi khó chịu, khi ho thì chõi ở tim đau, làm đau đần bình đã 20 năm dùng đủ phương kè cả Châm cứu trị đều không công hiệu.

Trị pháp : Châm huyệt Trung-uyễn tẩy có kết quả. Trong khi châm xoay tẩy thì chõi ở tim khỏe, xoay kim tẩy xong thì dễ chịu, ít ho. Kết quả đêm ấy nằm yên, ngủ được, đến nữa đêm hơi ho chút ít, ngày sau hết không ho nữa.

Trị lý : Trị bình này công hiệu là vì nhện thấy bình đã lâu mà từ trước các thày trị đã dùng nhiều huyệt về tạng phổi (phế kinh) trị không công hiệu, nên dùng Vị huyệt (Trung-uyễn lai hàn phận & Vị) áp dụng trị Vị nhện xét Vị thò sanh Phế kinh, mà Vị vì nhiệt nên là Vị mà phổi hết ho, vì thế bình lâu năm trị được công hiệu.

B6 Phé Thận trị hết chứng Ho kèm vài tiêu.

Cô Vinh 49 tuổi đã mất kinh 6 tháng bình ho, khi ho thì nước

Tiêu tự ý giải ra, nhổ đàm hơi mặn.

Trị pháp : (Nhận xét đàm mặn thuộc Thận). Trị châm huyệt Thái-uyên, huyệt Thái-khê bđ.

Kết quả : Châm trị rồi ho giảm và hết giải tiêu, ngày thứ 3 kinh thông bình hết hẳn.

Trị bình buồi mai ho suyễn, sắc mặt trắng mét.

Cô Lý 26 tuổi bị cảm hàng ho, cứ buồi mai phát ho, khi suyễn, sắc mặt trắng bạc, ọc mửa ra đàm trắng, khi cơn ho thì cô ngứa, tim nặng, q hối.

Trị pháp : Châm Kinh-cự, Thiên-lịch đều tà. Kết quả khi trị tà Kinh-cự xong, cô hết ngứa, ngực bết nặng, rồi tà Thiên-lịch sau, hết suyễn súc, ho nhẹ giảm 90%.

Trị bình này dùng huyệt Phế và Đại trường kinh phổi hợp nên rất công hiệu.

Trị ho, tiếng nặng có ngứa.

Cô Lê 22 tuổi ho tiếng nặng, có nứa phát ho, tim nặng, trưa tối ho nhiều, đến sáng lại càng nặng.

Trị pháp : Châm Kinh-cự, Xích-trạch tà, cô hết ngứa.

Tiếp trị lần thứ 2 bình nhẹ hẳn.

Trị bình ho, dưới rún đau.

Cô Bích 18 tuổi bị bình ho đã 4 tháng, dưới rún đau, miệng đắng, nhổ đàm lợn cợn,

Trị pháp : Châm Khi hải, Tam âm giao.

Cứu Đại chày, Phong-môn, Phế du, Thận-du, Mạng mòn, Chiên trung, Quang-nguyên, Túc-tam-lý. Bình hết hẳn.

Trị bình ho vai đau, đêm không nằm một bên được.

Bà Kim 57 tuổi ho, chõ ngực đau đến nách vai, hơi thở ra cũng đau, đêm không nằm nghiêng qua bên trái được, sợ lạnh, ai cũng cho là bị bình phổi nặng.

Trị pháp : Châm Nội-quang, Xích-trạch tà.

Kết quả : Ho hết, hông vai cũng hết đau, đêm nằm nghiêng được. Trị tiếp lần thứ hai ho dứt hẳn, tình thần khoẻ lại như thường.

Trị ho lâu, đêm chi ngủ không nằm được.

Ông Truyền 54 tuổi ho đã 7 năm nay người yếu, đêm chi ngủ không nằm được.

Trị pháp : Châm Thái-uyễn bỗ, Nội-quang bỗ. Cứu Đại-chùy Phong-môn, Phé-du, Thận-du, Mạng-môn, Chiên-trung, Khi-hải Túc-tam-lý, Linh-dài, Chí-dương, Phách-hộ đều 3 tráng.

Kết quả : Đêm ấy nằm được ho lần lần giảm. Trị tiếp I lần nữa hết hẳn.

Trị bình ho, nơi ngực như có nỗi cục (bi khổi).

Ông Thé (60) tuổi bình ho suyễn, ngực lung đau, khó thở đàm, khi ho, thì chỗ ngực như có vướng cục gì. Lấy tay đè thì chạy, có phát nóng lạnh, người uể oải, lung lạnh.

Trị pháp : Châm Nội-quang tà 2 bỗ 2 lần.

Cứu Đại-chùy, Phong-môn, Phé-du, Chiên-trung, Chương-môn, Thượng-Trung, Hạ-uyễn đều 3 tráng. Khi-hải, Túc-tam-lý, Tam-ám giao đều 3 tráng.

Kết quả : Lung hết lạnh, đàm dễ thở, ho ngực bớt đau.

Trị lần thứ 2. Cứu y như trên thêm Thận-du, Phong-long 3 tráng.

Tiếp trị lần thứ 3 cũng như trên kết quả bỏ ngực hết nỗi cục nữa.

Tiếp trị luôn 5 lần nữa các chứng đều giảm, ho cũng giảm về sau hết hẳn, bình phục như thường.

Bổ thận trị bình ho, nhổ đàm mặn.

1.— Ông Đặng 23 tuổi nhơn sản hậu gấp lạnh làm ho dữ 6 tháng, khi hết, khi ho, không dứt, cơn ho thì mửa đàm mặn, tảng sáng lại ho nhiều, ho đến lung đau, đầu xoay chóng mặt.

Trị pháp : Châm Thái-uyễn bỗ, Phong-long tà. Cứu Mạng-môn, Thận-du, Phé-du, Phong-môn, Túc-tam-lý. Kết quả ho giảm

Trị lần thứ hai : Châm Phục-lưu bỗ, Kinh-cự tà. Cứu Phé-du, Phong-môn, Nhũ-căn, Du phủ, Hoặc-trung, Linh-khưu, Thần-phong, Âm-cốc, Túc-tam-lý đều I tráng.

Kết quả bình hết hẳn.

2.— Ông Dương 50 tuổi cũng ho nhổ đàm mặn.

Trị pháp : Châm Phục-lưu, Phi-dương bô, Cửu Thận-du, mang-mòn đều 1 tráng. Kết quả hết ho và đàm hết mặn.

Trị bình ho khan tiếng.

Bình nhơn Văn Tông 24 tuổi cảm mạo phong hàn mắng hâm ho làm khao mất tiếng.

Trị pháp : Châm Phong-phủ tà, Thái uyên bô, Hiệp-cốc tà, Cửu Đại-chùy, Phong-môn, Phế-du đều 3 tráng. Kết quả : Bình hết hẳn.

Trị bình ngực đau lâu làm ho khan.

Cháu Siv chờ ngực đau đã 7, 8 tháng không giảm sau phát ho khan, rồi kiết phổi không bình, đó là do bệ thận kinh làm đau.

Trị pháp : Châm Nội-quang, Thái-uyên đều tà, Cửu Thiên-dot thêm các huyệt giữa ngực và hai bên (tức ba bàng huyệt ở giữa ngực đến ngang vú, xem đồ hình trước) và ba huyệt Ký-môn, Chương-mòn, Nhũ-căn mỗi huyệt đều 1 tráng.

Kết quả : Châm trị sau hết ho, ngày sau đàm dễ nôn, ăn uống được và hết hẳn.

Trị bình già ho khan, phát họng. (ra mồ hôi)

Bà La 66 tuổi bình ho khan ngày đêm không dứt, không nằm được, chớp tim đầy, cõi ngứa phát ho, ra mồ hôi.

Trị pháp : Châm huyệt Kinh-cự tà, tiếp châm Thiên-lịch tà.

Kết quả : Đêm ngủ hết mồ hôi (chỉ họng), ho dễ đỡ đàm.

Sau ăn bình dùng các huyệt ở tạng bình như Tâm, Can, Tỳ, Phế, Thận mỗi tạng dùng huyệt châm trị kết quả hết ho.

Trị bình ho, lâu cõi ngứa chảy nước mũi.

Cô Điều bệnh ho lâu cõi ngứa, tiếng khan, ho thường phát ban đêm và hay chảy nước mũi.

Trị pháp : Châm Thái-uyên bô, Cửu Phong-môn, Phế-du đều 3 tráng.

Kết quả đêm ấy ho giảm, mũi hết chảy nước.

Trị lần thứ hai y như trên bình hết hẳn.

Ho, mặt thùng bình rất nặng.

Anh Sanh 48 tuổi bệnh hàn sau 2 tháng phát ho, khi con ho thì chớp vú đau, đàm nghẹt đã 3 ngày không ăn uống được, biện người ốm như sẩy, nằm ngủ mê, són tiêu không hay biết, đại tiện lỏng,

người phát sốt, nóng nói xám, lưỡi tưa vàng thở mệt, đàm ngắn ở ngực khi làm suyễn, mặt thủng bình rất nguy hiểm.

Trị pháp : Cứu từ huyết Thiên-dot đến giữa ngực ba hàng huyết đều cứu 1 tráng. Cứu Khi-hài, Quang-nguyên, Thái-khé, Tam-lý, Tam-âm giao, Thiên-xu, Thần-khuyết, Trung-nyễn, Phế-du, Phong-môn, Đại-chùy, Bách-hội, Tỳ-du, Vị-du, Bách-lao, Côn-lon, Nội-dinh, Công-tôn, Nội-quang đều 3 tráng, sau châm Nội-quang, Công-tôn, Phong-long tà 3 lần.

Kết quả : Tình thần khỏe lại, ngực thông, thở giảm, hết nói xám, qua 1 giờ sau cho ăn cháo, đêm ấy không ho, ngủ được, tăng sáng hết sốt, ngày sau mặt hết thủng ăn uống được.

Trị bệnh này vì chứng bệnh nặng nên cần cứu trước cho tình thần khỏe trở lại sau mới châm tà Phong-long và tà Nội-quang, nên bệnh bớt, kết quả nhẹ được.

HO RÀ MÁU

Trị bệnh ho rà máu.

Có Châu 30 tuổi bo đàm nhiều có lợn máu, khi suyễn tim nhảy, hai tay có phát âm mệt ngứa, bệnh đã 2 tháng.

Trị pháp : Châm Khúc-trì, Tam-âm-giao, Nội-quang đều tà và châm Khúc-truyền tà 3 lần.

Kết quả : Các chứng đều giảm, ho cũng giảm, đàm hết máu, mệt ngứa cũng giảm, tiếp trị lần thứ hai y trên, bệnh hoàn toàn bình phục bẵn.

Trị bệnh ho sau rời thở huyết.

Có Văn 32 tuổi, 6 tháng trước phát sốt rét 10 lần qua tháng sau phát ho, rồi tự nhiên có 1 ngày lại thở huyết có cả huyết ú đen, khi thở bụng dưới đau.

Thủ pháp : Hiện bệnh bình thường đau lưng, ngực đầy, chỗ cuối lưng cũng đau, xương vai đau, miệng khát nước, đàm có hột, vì bị thở huyết nên hai chân yếu, không muốn ăn, mỗi ngày cứ đến 12 giờ trưa túi thở 1 lần.

Trị pháp : Châm Trung-uyễn, Nội-quang, Tam-lý-tả.

Cứu Phế-du, Cách-du, Can-du, Đờm-du, Tỳ-du, Thận-du, Chiên-trung, Ký-môn, Chương-môn, Thương-uyễn, Hạ-uyễn, Khi-hài, Tam-lý, Tam-âm-giao, Tmai-xung đều 1 tráng.

Kết quả : Ngày ấy không thở, nhưng sáng mai lại thở, nhưng ít hơn.

Trị lần thứ 2 (ngày sau) Châm huyệt Xích-trạch bên mặt, tâ. Cứu Bách-hội, Nhũ-căn, Trung-uyên, Khi-hải, Phế-du, Cách-du, Can-du đều 3 tráng, Tỳ-du, Hiệp-cốc, Tam-lý, Tam-Ẩm-giao đều 1 tráng.

Kết quả : Hết thở huyệt, bình nhẹ hẳn.

Trị chứng thở huyệt vì ho lâu.

Cô Điều 46 tuổi ho lâu, nay làm thở huyệt, thêm đau mũi và hai bên mũi đều đỏ.

Trị pháp : Châm Thái-uyên bỗ, Cứu Phong-môn, Phế-du 3 tráng.

Kết quả đêm ấy bớt ho hết thở huyệt, ngày sau mũi hết đỏ nhẹ hẳn.

BÌNH SUYỄN.

Trị bình Suyễn lâu năm.

Bà Long 68 tuổi bị bình Suyễn lâu năm, ho, mỗi buổi sáng mai; ngồi dậy thì ho, khó thở, đi đường hoặc nghe mùi dầu, thuốc thi phát suyễn nặng ; lúc không dứt được.

Thị pháp : Châm Thiên-dột tà. Cứu từ : Liêm-tuyễn, Nhơn-nghinh, đến Chiên-trung và từ Du-phủ đến Bộ-lang các huyệt đều 1 tráng.

Kết quả : Từ Thiên-dột trở xuống hơi khỏe, sáng hôm sau ngồi dậy được, ho giảm, đàm ít dễ nhổ, nghe mùi thuốc không phát mửa, cho rằng bình nhẹ 2/3. Trị lần thứ hai y như trên, Bình hết hẳn.

Trị bình Suyễn sưng ống khí quản (mạng tánh chi khí quản Suyễn

Cô Huỳnh 40 tuổi bình Suyễn súc nặng khó thở đêm không nằm được nhổ đàm có hột, rít, khi ho nghe ở ngực có cục gì lớn ; bằng trứng gà (bì khối) rất đau đớn khó chịu.

Trị pháp : Châm Thiên-dột tà. Kinh-cự tà, Thiên-lịch bỗ. Cứu Nhơn-nghinh, Đại-nghinh. Hoa-cái, Tử-cung, Chiên-trung và từ Du-phủ đến Bộ-lang các huyệt đều 1 tráng.

Kết quả : Đêm ấy Suyễn bớt nằm được, ho đàm đều giảm phân nửa, chỗ ngực bớt nặng hết đau.

Trị lần thứ 2 Châm Thiên-dot tả, Thừa-tương tả, Cửu nhú trước thêm Thượng-uyên, Trung-uyên, Kinh-cự, Thiên-lịch, Hiệp-cốc đều 3 tráng.

Kết quả ngày hôm sau đậm đẽ nhõ, trước 12 giờ trưa lại ho lại, nhưng không bớt đau.

Trị lần thứ ba (chỗ ngực bị khôi đè đau (Châm Trung-uyên tả). Khi châm trị thì chỗ đau giảm, tả sau, hết đau và chỗ bị khôi ấy hết mất, (lần này chỉ châm trị huyệt Trung-uyên).

Trị lần thứ 4 Cách 13 ngày các bệnh giảm nhưng vì bệnh lâu suy nhược nên bị cảm mạo lại phát suyễn ho, răng đau, chỗ ố lim ngực còn khó chịu, nhức đầu xoay xẩm, các chứng chưa giảm, nên sau Châm Túc-tam-lý bỗ, Bách-hội bỗ.

Kết quả răng hết đau, ngực nhẹ, các chứng giảm rồi đêm ấy các chứng hết và ngoài lưng hơi ấm lại (trước lạnh luô), bệnh nhẹ và bình phục hẳn.

Trị bệnh Suyễn, xóc nghịch, không ăn được.

Anh Vinh 32 tuổi ban đêm ho rất nặng, chỗ ngực phát đầy lên khi Suyễn hơi dưới xóc lên đau nhức, đèn tráng lấp vàng, không ăn được, đi Bệnh viện rọi kiếng cho biết ống khí quản bên trái và bên phải sưng thủng (mang tánh chi khi quặng viêm, chi khí quặng hoàn trưởng), ngoài ra lim phổi vẫn thường.

Trị pháp : Trước cứu chỗ trước ngực ba hàng huyệt đều 3 tráng.

Cứu huyệt Đại-chày, Phong-môn đều 3 tráng, Huyệt Cao-hoan-dòng được quyền cứu 3 lần.

Kết quả : hết suyễn, ho và chỗ ngực trưởng giảm 1/3, ăn được.

Trị lần thứ 2, cách 2 ngày hiện chứng còn nhức đầu, hơi xóc lên.

Châm Thái uyên bỗ, Nội-quang tả, Phong-long, Hiệp-cốc, Thành-tru đều tả Cứu 3 hàng huyệt trước ngực mỗi huyệt 5 tráng và các huyệt Linh-dai, Chí-dương, Phong-tri, Đại-chày, Phong-môn, Phê-du đều 3 tráng, Huyệt Cao-hoan cũng dùng ngai quyền cứu 5 lần.

Kết quả bệnh hoàn toàn hết hẳn ; bình phục như thường.

Trị bệnh khí suyễn:

Anh Cần 35 tuổi nhơn độc sách thăm đêm cả năm phát sanh khí suyễn trong cò có tiếng khò khè, thở mệt.

Trị pháp : Châm các huyệt Thái-uyên, Nội-quang, Đại-chùy bô Thiên-dột lỗ.

Cứu Phong-môn, Phế-du và trước ngực ba hàng huyệt mỗi huyệt đều 1 tráng.

Kết quả : Trị xong về nhà khỏe và lâu lần hết hẳn.

XII. BÌNH LAO PHỐI

Trị bình Lao phổi, ho có đờm làn máu, thường phát nóng cơn, (hực nóng), có lúc ho ra máu, thô huyết, phát mồ hôi trộm.

Trị pháp : Dùng các huyệt : Đại-trú, Đại-chùy, Phong-môn, Phế-du, Thái-uyên, Thiên-trụ, Khúc-tri, (châm trị) và các huyệt ; Tú-hoa-hoạn-môn, Cao-hoan, Bách-lao, Ngũ-tạng-du, Túc-tam-lý, Tam-âm-giao, Khi-hải, Trung-cực, Thái-xung (cứu trị).

Thủ thuật : Châm 7 huyệt trên và cứu Tú-hoa-hoạn-môn, Cao-hoan, Ngũ-tạng-du là chính ; các huyệt khác tùy chứng giàm -cứu trị.

Trị nghiệm : I) Em Lý-thì... 18 tuổi bị bình lao phổi hiện chứng trạng, ho, thô huyết, ra mồ hôi trộm bình đẵ 7 tháng, gần hai tháng sau đây, bắt luôn không có kinh nguyệt, ăn uống càng ngày càng kém, bình thè gầy ốm, mồi buỗi mai, hơi hực sốt, nửa đêm thường ra mồ hôi trộm, rồi kiểm là bình lao phổi dùng các thứ Âu-dược chỉ hơi bớt sơ nhưng không dứt được.

Trị pháp : Lần thứ I) Châm 7 huyệt trên và cứu các huyệt chính, ngày sau cho biết ban đêm bớt ra mồ hôi trộm, không còn thô huyết, ho cũng giảm, nhưng còn thở mệt, không muốn ăn.

Trị lần thứ 2 Cứu Ngũ-tạng-du, châm Vị-du, Túc-tam-lý, Tam-âm-giao, Tú-hoa-hoạn-môn. Châm cứu y như vậy trong 13 lần.

Kết quả : Ăn được, tinh thần khoan-khoái.

Từ lần thứ 14 Châm cứu Khi-hải, Trung-cực, Phế-du, Thái-xung, cứu huyệt Bách-hội.

Trị lần thứ 15 Châm Túc-tam-lý, Ngũ-tạng-du, Đại-chùy, Khi-hải, Trung-cực. Cứu Huyệt Cao-hoan.

Kết quả : Thân thè khỏe lại, bình hết, bình phục hẳn.

II) Cô Châm bịnh lao phổi, ho, mồ hôi trộm, nóng cơn, thâm ốm bịnh gần 1 năm.

Trị pháp : Châm Ngũ-tạng-du, Đại-chùy, Giao-sử, Khi-hải, Trung-cực, Trung-uỵền, Tam-âm-giao.

Cứu Cao-hoan, Tứ-hoa-hoạn-môn.

Dùng các huyệt này châm cứu thay đổi, sau chỉ cứu không trong thời gian 2 tháng, bình phục và khỏe hẳn.

Phụ chủ : Trị bịnh Lao phổi theo Đông-y cần Tư âm bồ pbế, cường tráng, kiện tỳ làm chủ. Châm cứu trị bịnh này là làm cho huyết mạch lưu thông bồ toàn hoàn khỏe và các sự dinh dưỡng được tinh tắn, kháng lực cường thịnh, tiêu hóa hô hấp đều mạnh. Vì thế nên cần châm cứu thời gian lâu trong 1, 2 liệu trình.

Những huyệt trên đây theo cõi thuyết trị Ngũ lao thất thương. Hư lòn thạnh-bang lao nhiệt khái thấu là yếu huyệt.

Những huyệt chủ yếu trị bịnh Lao phổi.

Đại chùy : Chỉ thạnh-bang trị cốt chứng lao nhiệt (mồ hôi trộm, bức nóng).

Phong môn : Giải nóng trị ho.

Phế-du : Giải ngũ tạng nhiệt, chỉ huyệt trị cốt chứng lao nhiệt (hực nóng trong xương).

Đào-Đạo, Thân-trụ, Cao-hoan : Trị Hư lòn, ngũ lao thất thương (các chứng lao).

Thái-uyên : Chủ trị ho, phiền muộn không ngủ, đầy trướng, suyễn súc, đau lưng, đau tim đau phổi.

Khúc-trí : Giải nhiệt, trị đau ngực, đau hông.

Cao-hoan, Tứ-hoa, Hoạn-môn, Bách-lao : Trị bô phận bô hấp mang tánh, thản kinh suy nhược.

Ngũ-tạng-du : Giải các tạng phủ nóng, ngoài ra các du huyệt khác còn làm cho kiện Tỳ, mạnh bô tiêu-hoa, nên tùy dùng trị.

Vậy nên khi ứng dụng trị liệu thì cần áp dụng như sau :

Như ho, dùng các huyệt : Cao-hoan, Phế-du, Phong-môn, Đại-chùy, Thái-uyên, Túc-tam-lý, Tam-âm-giao.

Ngực đau dùng các huyệt : Thái-uyên, Nội-dinh, A-thi-huyệt.

Lạt huyệt dùng các huyệt : Phế-du, Cách-du, Xích-trạch, Túc-tam-lý

Bách-lao, Trung-uyễn, Phong-long, Ngư-tế.

Phát sỏi dùng các huyệt : Đại-chùy, Khúc-trì, Phong-môn, Thủ-trụ, Tam-âm-giao.

Mồ hôi trộm dùng các huyệt : Đại-chùy, Hậu-khê, Âm-ky, Phục-lưu.

Dạ dày, ruột bị trớ ngại dùng các huyệt : Trung-uyễn, Khi-hủi, Quang-nguyên, Vị-du, Túc-tam-lý.

Ngoài ra các huyệt : Đại-chùy, Thủ-trụ, Tử-hoa-hoạn-môn. Cao-hoan là các huyệt mà các bậc Danh-y xưa gọi là huyệt trị bệnh lao phổi rất hay, nên phối hợp ứng dụng trị liệu rất đạt kiến hiệu.

Hữu-phương : « Phương pháp này đã áp dụng trị nhẹ nhiều bệnh lao phổi ở, Bệnh-viện Bài-lao Trung-hoa ».

Đùng các huyệt chủ trị : Kiên-trung-du, Khi-hộ, Du-phủ, Khổ-phòng và hợp với các huyệt trước ngực.

Cần làm cho tăng cường sự tiêu-hóa dùng các huyệt :

Can-du, Dởm-du, Tỷ-du, Vị-du, Tam-tiêu-du, Thủ-du, Khi-hải-du, Tam-âm-giao, Thủ-môn, Thông-lý, Địa-cơ.

Cần chỉ thịnh-hạng dùng các huyệt : Hiệp-cốc, Ngư-tế, Nội-quang.

Ngoài ra nên phối hợp với các huyệt sau đây có tác dụng làm cường tráng : Cao-hoan, Thủ, Túc-tam-lý, Khúc-trì.

Trị nghiệm : Trị bệnh Lao phổi nên tùy theo chứng trạng mà áp dụng phối hợp và thay đổi các huyệt sau đây : Khúc-trì, Túc-tam-lý, Hoàn-khiêu, Tam-âm-giao, Địa-cơ, Điều-khầu, Đại-lăng, Thủ-môn, Nội-quang, Ngoại-quang, Côn-lòn, Phong-thị, Ủy-dương, Đại-chùy, Đại-trứ, Cao-hoan, Kiên-trinh, Bỉnh-phong, Phế-du, Vị-do, Tam-tiêu-du, Cách-du, Can-du, Hành-gian, Thái-xung, Lao-cung, Quang-nguyên, Thiên-xu, như ngbet mũi cũng dùng huyệt Nghinh hương (không dùng thường).

Cách trị : Tuy áp dụng luôn phiên các huyệt trên châm cứu trị cứ 2 tuần là 1 liệu trình ; mỗi ngày dùng từ 3, 4, hay 5 huyệt, trong thời gian 20, 30, phút. Sau cứ mỗi liệu trình nghỉ 3 ngày rồi trị lại vài liệu trình nữa và cần rời kiêng xem kết quả thế nào để trị tiếp đến khi thật lành hẳn, và cần bồi dưỡng cho nhiều để không tái phát trở lại.

Sau đây giới thiệu về phương trị công hiệu :

Trị bệnh Lao phổi kiêm di tinh.

* Cậu Hà-văn-Tây 27 tuổi bị ho, rọi kiểm thấy phổi bên mặt
phía trên có điểm nám, biện chứng thường phát ho, có ngứa
như có đàm, ngoài lưng vai đau, trời lạnh thì lưng và trước sườn,
đau kiêm chứng di-tinh đã 15 ngày, Bệnh phổi nám đã trên 1 năm;
dòng dù các thứ thuốc không công hiệu, nhiệt độ thường
35°, 9, đại tiện 2 ngày mới đi 1 lần.

Trị pháp : Châm Thái-uyên, Phục-lưu bỗ 4 lần, Nội-quang tả
2 lần (dùng 1 huyệt) Cửu Đại-chùy, Phong-môn, Phế-du, Cao-hoan,
Linh-dài, Chi-dương, Chiên-trung, Nhũ-căn, Kỳ-môn, đều 2 tráng
Thận-du, Khi-hải, Quang-nguyên đều 5 tráng. Mạng-môn 3 tráng.

Kết quả không phản ứng gì.

Trị lần thứ 2 cách 1 ngày, trị như trước thêm Phi-dương 1
huyệt bỗ 4 lần. Kết quả Lung ngực bớt đau.

Trị lần thứ 4. Châm Nội-quang, Tam-Âm-giao, Phục-lưu đều
dùng 1 huyệt bỗ 4 lần, Cửu như trước. Kết quả, ngày sau miệng khô.

Trị lần thứ 5. Châm Thái-uyên, Tam-Âm-giao, Phục-lưu (2 huyệt
bỗ 4 lần.

Huyệt Nội-quan trái tả 1 lần, Cửu như trước.

Kết quả : Miệng hết khô hai bên sườn và chỗ ở tim đau, mồ
ngạt, không thông.

Trị lần thứ 6. Châm như trước thêm Thái-xung 1 huyệt tả 1 lần.
Cửu như trước thêm Bách-hội, Thượng-tinh, Ngoại-nginxhinh hương
3 tráng.

Trị lần thứ 7. Châm Nội-quang, Tam-lý 1 huyệt tả 2 lần Trung-
uyễn bỗ 3 lần tả 1 lần. Cửu Chiên-trung, Nhũ-căn, Kỳ-môn, Chương-
môn, Thượng-uyễn, Hạ-uyễn, Thiên-xu, Khi-hải, Đại-chùy, Phong-
môn, Phế-du, Tỳ-du, Thận-du, Tam-lý đều 3 tráng. Kết quả đêm ấy
di tinh 1 lần.

Trị lần thứ 8. Châm Quang-nguyên, Tam-Âm-giao, Phục-lưu 1
huyệt bỗ 4 lần. Ngày hôm sau dòng tối và xạ-hương sát ngoài san
lung 1 lần, (sát tối sẽ có phương sau) đương lúc sát tối thì miệng
hà hơi ra bời tối, ngày sau chỗ sát tối nổi phồng lên bình nhẹ.

Sau đi rọi kiền lại thấy chỗ phổi lành uhiều chỉ còn 1 tý hơi mờ, như thế là đã có kết quả.

Trị bệnh Leo-phổi, bụng trướng không ăn được.

Cô Ngọc 20 tuổi bệnh ho, đi rọi kiền phổi bên trái chỗ sườn 1, 2, 3, có 1 điểm đen, phổi bên mặt chỗ sườn 1, 2 cũng có chút ít, hiện chứng đau đầu, bụng trướng, miệng, hôi, có lúc hoa mắt, đôi khi không muốn ăn, miễn cưỡng ăn thì định trệ không yên, kinh nguyệt thì nửa tháng lại có hành kinh 1 lần, người khỏe mạnh, mặt đỏ như không có bệnh hoan gì.

Trị pháp : Châm Thái-uyên, Thiên-lịch, bỗ 4 lần, Nội-quang, Phong-phủ tả 3 lần (đều dùng 1 huyệt bên mặt).

Cứu Đại-chùy, Phong-môn, Phế-du, Trung-phủ, Vận-môn, Khi-bộ, Trung-uyễn đều 3 tráng.

Kết quả : Ăn được vài chén cơm, nhưng chỗ ngực lại đau, đi chay càng đau nhiều.

Trị lần thứ 2 : Cách 1 ngày Châm trị như trước thêm Thiên-dot tả 3 lần.

Kết quả : Đã không nghe đau ngực nữa.

Trị lần thứ 3 : Châm Thái-uyên-Thiên-lịch cũng dùng 1 huyệt bỗ 3, tả 1, Đại-lăng, Thiên-dot, Phong-long (1 huyệt) tả 1 lần. Cứu như trước.

Kết quả : Đã lâu nhận thấy còn hơi xông lên ngực đau, ngày sau thì miệng hột hói, sườn ít đau.

Trị lần thứ 4. Châm Nội-quang, Hiệp-cốc, Phong-long đều bên mặt tả 3 lần, Đại-lăng Thái-xung bên trái tả 3 lần. Cứu Phong-môn, Phế-du, Cao-hoan (dùng Ngại-quyền cứu 4 lần).

Kết quả : Miệng hột hói, đầu hết đau.

Trị lần thứ 5 Châm Nội-quang-Thái-xung (hữu-huyệt) tả 3 lần, Túc-lâm-khấp (tả huyệt) tả 3 lần. Cứu trước ngực 3 hàng huyệt.

Kết quả không có phản ứng gì.

Trị lần thứ 6. Châm như lần thứ 4. Cứu như lần thứ 1. Kết quả có kinh sắc đen nhưng bụng trướng lung đau lại nặng.

Trị lần thứ 7. Hiệu bình nhơn khi làm lung thì đau lung, kinh vẫn còn, Châm Đại-chùy, Tam-âm-giao đều 1 huyệt, bỗ 2 tả 3 lần. Nội-quan bên mặt tả 3 lần. Kết quả : Lung bớt đau.

Trị lèn thứ 8. Như trên thêm huyệt Thái-uyên bỗ 4 lần.

Bây giờ đi rọi kiền thấy hai bên phổi nơi sườn 1 còn 1 điểm lờ mờ, không rõ, chỗ sườn 2, 3, hết hẳn, người khỏe và làm lung được.

Trị lèn thứ 9. Châm Thái-uyên bỗ 4 lần, Đại-lăng tả 5 lần (bên mặt), Đại-chủy bỗ 2 tả 2. Cứu như lèn thứ 1, Kết quả lung giảm, nhưng còn khi suyễn và miệng còn hối chút ít.

Trị lèn thứ 10, 11. Châm Đại-lăng, Thiên-dot, Chí-cầu, Hiệp-cốc (bên mặt) tả 3 lần. Kết quả : miệng bớt hối, Ngực bớt đau, nhưng khi ngủ chán lại té, đi đường hơi mệt.

Trị lèn thứ 12, Châm Phong-phủ tả 2 lần, Nội-quang tả 3 lần, Ưng-song, Ốc-để (dùng 2 huyệt), tả 2 lần, Thái-uyên bỗ tả 2 lần.

Trị lèn thứ 13, Châm Phục-tưu (2 huyệt) bỗ 4 lần Thái-uyên bỗ tả 1, Phong-phủ, Khi-hộ đều tả 1 lần.

Trị lèn thứ 14, Châm Thái-uyên bỗ 4 lần, Khi-hộ (bên trái) bỗ 2 tả 1 lần. Bây giờ đi rọi kiền lại thấy chỗ sườn thứ hai còn 1 tí lờ mờ, còn các nơi đều tốt cả, tráng lại như thường.

Phụ chú : Bệnh Lao phổi trạng thái bệnh không giống nhau, nên phương pháp trị liệu cũng không dùng nhứt loạt được. Trong khi làm sàn trị bệnh nhận thấy phần nhiều bệnh đều hư nhược, duy binh nhơn này vì còn thanh xuân, chưa chống, người khỏe, miệng hối trong nóng là thuộc loại lao phổi, trị dùng bỗ thì ngực đầy trường đau, nên trị lèn thứ 3 dùng tả nhiều thì nóng hối mà hạch lao cũng giảm (ấy là vì người khỏe mạnh nên phải dùng tâ pháp để giảm nhiệt khử độc).

Vậy đối với các bệnh khác, cần xem trạng thái bệnh thể Hư Thiệt mà áp dụng thủ pháp không nên cầu nệ theo cách trị bệnh này vì phần nhiều bệnh Lao phổi không nên quá tả (không có lợi).

Phụ phương dùng tỏi sát trị bệnh Lao phổi.

Phương này ở Trung-hoa trong dân chúng áp dụng trị có hiệu quả, xin giới thiệu để nghiên cứu áp dụng trị bệnh nám phổi.

Ở Trung-hoa trong dân chúng thường dùng tỏi đâm nhuyễn hòa với cháo ăn trị bệnh nám phổi, nên áp dụng phương dùng tỏi để trị bệnh nám phổi, Lao phổi theo phương thức sau đây :

Phương thức. Tỏi đâm nhuyễn đắp vào bộ phận sau lưng, trị bệnh Lao phổi so với ăn cháo tỏi nhứt định công hiệu hơn.

Dùng 1 cân 4 lượng lỏi đâm nhuyễn, Xạ hương 1 phần, Bão bình nhọn nấm sáp, bắt đầu từ huyệt Đại-chùy, (đốt thứ nhứt sống lưng) đến huyệt Trường-cường (đốt xương cùng) 21 đốt xương, giữa sống lưng và hai bên. Trước lấy lỏi về thành 1 giấy tròn, trong lỏi 5 ly Xạ-hương đắp lên từ đốt thứ 1 đến đốt thứ 21, đắp tắt cẩn lỏi ấy cao độ 2 phần dài như hình 1 con rắn, trên dùng giấy bông đắp bao lại cho khỏi tiết hơi ra, đè đó trong hai tiếng đồng hồ, mới lấy ra lau sạch, bây giờ điều dưỡng trong 3 tháng, bệnh nhẹ chỉ trị 1 lần, bệnh nặng 3 tháng sau trị 1 lần nữa, át công hiệu ngay.

Đơn cử trị bệnh dưới đây.

Anh Tín 21 tuổi bị bệnh phổi 2 năm, ho, sắc mặt mệt xanh, tinh thần lao quỵt, ăn uống không biết ngon, chưa có vợ.

Chiếu theo phương pháp trên đây trong uống thuốc hổ dưỡng, kết quả khi sát lỏi đến nửa giờ, trong miệng mũi đều có mùi tỏi thui, ngày sau các chỗ sáu lỏi đều có nỗi lên mụn trong họng hơi đau không nắm được, chảy nước, (lý bông gòn thấm nước này. Ấy là chất độc ra, không nên cho chảy lau các nơi). Qua ngày sau thì lành hẳn.

Chỉ trị 1 lần mà sắc mặt lần lần hồng hào trở lại, tinh thần khỏe, ăn nhiều và làm lung như thường. Vậy phương này phổi hợp với châm cứu trị bệnh Lao phổi nhứt định có nhiều kết quả.

Phụ trị bệnh Hen Suyễn nặng của Bác sĩ LE COZE (đang trong Tập chí Châm cứu Thế giới số 33).

Bà R... 47 tuổi bị bệnh Hen suyễn đã 20 năm, rất khổ sở, dùng đủ các thứ thuốc Âu-dược lỏi lân trị suyễn cũng chỉ trán áp cơ chút ít, vẫn phát mãi không dứt, cho là bệnh nan y.

Sau lỏi (lời của Docteur LE COZE) nói với bệnh nhọn, khoa Châm cứu rất thần diệu có thể trị được, không đến nỗi tuyệt vọng. Bệnh nhọn bằng lỏng đến nhờ tài trị, tài cho biết rất cần nhẫn耐 (trị nhiều lần mới có thể có kết quả, bệnh nhọn tua tưởng đồng ý theo trị).

Hiện bệnh chứng: Bệnh nhọn nói hơi hút họng, giọng không thanh, nhở chẳng cho biết. Bệnh từ khi mới phát sau khi sanh (sản hậu) cứ suyễn mãi bắc đầu trị, vẫn cầm chứng vô hiệu trong thời gian 10 năm tuy cầm thấy khỗ sở vẫn còn hy vọng trị được nhưng

rồi không có kết quả gì cả, đến nay đã 20 năm, kè cã dùng đủ các thứ thuốc lối tân nhất cũng chỉ dứt cơn I ty rồi lại phát, thật là hànuyệt vọng.

Bây giờ kiểm tra bệnh thì hiện chứng trạng sau đây :

Phổi: Tuy bình thường nhưng thuộc chứng sưng màng phổi (Phế mạc viêm), ngoài lưng chỗ bộ phận phổi có diêm đè đau.

Tim: So với người thường thì tim hơi lớn 1 lit.

Gan: Đôi với bình thường thì lớn hơn 3 ngón tay, (đè quanh huyệt Chương-môn thấy nồi ở tay).

Huyết áp: Bình thường.

Mũi: Vì thường hay chảy nước mũi nên bị sưng, thuộc màng tinh lý viêm.

Kinh nguyệt: Không điều, mà mỗi lần hành kinh bất kỳ trước, sau hay trong khi có kinh bình phát càng nặng hơn.

Bệnh này sau khi kiểm bệnh thì có thể đoán là bệnh do Gan biễn sanh (vì hiện tượng Gan lớn) ngoài ra không có hiện tượng gì cả.

Chiếu theo sách của Bác-sĩ Dr. De La FUJE, tôi định phương thức trị liệu sau đây :

Trị suyễn : Dùng kim vàng châm Phế-du, kim bạc châm Trung-phủ, Hoặc-trung, Du-phủ.

Trị Tim dùng kim bạc châm : Thiếu-hải, Thông-lý, Thần-môn.

Trị Gan dùng kim bạc châm Hành-gian, Thái-xung, Trung-dò-Chương-môn.

Trị mũi dùng kim bạc châm Nghinh-hương, Kim vàng châm Hiệp-cốc, Hòa-liêu.

Trị chân (vì bệnh nhọn cho biết 2 chân cảm giác nặng nề khó chịu) dùng kim bạc châm Thương-khưu, Khưu-hư.

Định phương thức trị liệu nhận thấy nhiều huyệt quá, nhưng tự nghĩ vì bệnh quá lâu, 20 năm, nếu không dùng toàn bộ trị liệu thì sợ khó thành công, nên quyết định áp dụng phương thức ấy thì trị.

Bây giờ bắt đầu trị, áp dụng đúng như trên, châm trị xong cho uống thêm thuốc Cholidonium 4CH Antimoium Tartarium 4CH, chỉ uống 1 lần thôi.

Trị lần thứ 5 cõng trị như lần thứ 1 (áp dụng huyệt từ từ thay đổi dùng như thế trong một liệu pháp).

Về sau bệnh nhơn cứ tiếp tục trị, cách 3 ngày 1 lần cả thảy trị 12 lần.

Kết quả : Trị lần thứ 1 và thứ 2 có hiệu quả chút ít.

Lần thứ 3 kết quả nhiều hơn, chứng tỳ viêm và cháo nồng đã hết, chứng chảy nước mũi hết.

Lần thứ 4 sau khi trị thì chiều hôm ấy không phát suyễn, sáng sau mới phát 1 lần, nhưng cơn nhẹ hơn và ít hơn.

Lần thứ 5 đến lần thứ 7, so với 4 lần trước bệnh chuyển khá nhiều, kiểm tra lại thì chứng Phế mạc viêm và Tỷ viêm đã hết, ban đêm không phát cơn nữa, chỉ ban ngày phát vài lần nhưng cơn giảm ít hơn.

Trị đến lần thứ 8 thì bệnh nhơn khỏe khoắn nhiều, các bạn hữu thấy rất ngạc nhiên vì bây giờ bà ăn như thường không kiêng cử gì nữa cả.

Bắc dần từ lần thứ 9, 10 thì cách 6 ngày trị lại 1 lần. Bệnh nhơn bây giờ thấy hơi thở khoan khoái, ngủ yên, cảm giác của người chết đi sống lại, rất sung sướng.

Trị lần thứ 11, bệnh nhơn về nhà tự đi bộ dạo mát, tự nhận đã bao năm nay được đi dạo chơi lần thứ 1.

Trị lần thứ 13 cách 10 ngày, bệnh nhơn cho biết đã hết hẳn, ngày đêm như thường, không còn gì nữa cả, tức là hoàn toàn bình phục, trị lần này cốt chỉ để đoạn căn.

Cách 3 tháng sau có người bạn của bà lại xin trị bệnh cho biết hiện nay bà đã khỏe mạnh như thường.

Vậy xin giới thiệu 1 phương trị liệu ở Pháp, Bác sĩ COZE đã trị 1 bệnh suyễn 20 năm kết quả hoàn toàn bằng châm thuật (chỉ dùng 1 lần thuốc khi bắt đầu trị lần thứ 1), thật rất hiệu nghiệm.

Theo phương pháp này dùng kim vàng châm bồ kim bạc châm tà công hiệu, chúng ta nên nghiên cứu tham khảo (xem bài nói về cách châm trị Bồ Tá của các Châm-sư hiện nay ở trước).

XIII. BÌNH DẠ-DÀY và RUỘT

Bình Dạ dày co thắt.

Dùng các huyệt : Tam-tiêu-du, Vị-du, Trung-uyễn, Khúc-trì, Nội-quang, Túc-lam-lý, Can-du, Công-tôn.

Thủ thuật : Châm kim thích mạnh. Bình nhẹ châm trị 1 lần, bình nặng châm trị 3 lần át hết, trong nên cho uống thuốc kiện tỳ. Bình Vị, trường giảo thống (Dạ dày, ruột đau thắt).

Dùng các huyệt : Châm Nội-quang, Thượng-liêu ; lưu kim 15; 20 phút, Cứu Trung-uyễn. Nếu cách vài giờ sau đau lại, nên xem như Da dày lở thì dùng phương sau trị (phương trị Dạ dày lở).

Cứu Chứng Tâm Vị thống' (các chứng đau chớ ở tim và đau Da dày).

Dùng các huyệt : Trung-uyễn, Nội-quang, Công-tôn.

Châm 1 tát xoay vận tà pháp, lưu kim 30 phút.

Cách nhạt châm trị 1 lần, châm trị 5 lần là 1 liệu trình,

Trị nghiệm : Dùng phương này đã trị gần 500 người châm 3 lần đến 5 lần hết hẳn, không quá 1 liệu trình.

Đau dạ-dày, tay chân lạnh.

Dùng các huyệt : Trung-uyễn, Nội-quang, Lương-khưu.

Thủ pháp : Châm Trung-uyễn 2 tấc, Nội-quang, 5 phân, Lương-khưu, 5, 6, phân bình bỗ bình tà lưu kim 1 giờ, cho tay chân ấm lại.

Tâm khẩu thống (Đau chớ gần ổ tim ngực).

Dùng huyệt : Cửu-vỹ (nằm ngửa do dưới Xương ức 1 tấc),

Châm 3 phân rồi bão bình nhơn ho, thừa lúc khí hít vào xoay kim vào 1 tấc 5 phân đến 2 tát, bình bỗ bình tà lưu kim 1 giờ.

Châm trị 1 lần hay 2 lần hết hẳn (bệnh đau cả năm không nhẹ dùng phương pháp này cũng công hiệu).

Bình Dạ dày lở :

Phương thứ nhứt : Dùng các huyệt : Đại-trữ, Cách-du, Cửu-vỹ, Quang-nguyên, Khi-hải, Xích-trạch, Nội-quang, Đại-lăng, Chương-mô, Thượng-uyễn, Cự-khuyết, Túc-lam-lý.

Thủ pháp : Châm Đại-trữ, Cách-du hướng mũi kim ra ngoài, 5-8 phân (trước tác thuốc) lưu kim. Châm huyệt Cửu-vỹ xoay xuống 8 phân hay 1 tát đè trấp 3, 4, lún. Châm Quang-nguyên, Khi-hải

đến 8 phần bay 1 tất bỗ pháp. Châm trị 4 lần chứng trạng sẽ giảm, nếu ngực không được khoan khoái dùng các huyệt: Xích-trach, Nội-quang, Đại-lăng bỗ pháp lưu kim 30 phút. Cách nhay châm trị 1 lần, Sau khi châm thì cứu thêm Thượng-uyễn, Cự-Khuyết.

Phương thứ 2 : Dùng các huyệt: Nội-quang, Chiếu-hải, Công-tôn, Tỳ-du, Vị-dn, Túc-tam-lý, Kiên-tinh, Thủ-mạch, Trung-uyễn, Thiên-ứng (chỗ đau).

Thủ pháp : Châm Nội-quang 5 phân, Túc-tam-lý 1 tất rưỡi, Chiếu hải, Công-tôn, Tỳ-du, 5 phân, Kiên-tinh 1 tất, Thủ-mạch 5 phân, Trung-uyễn, Hạ-uyễn đều 1 tất, bình bỗ bình tả.

Mỗi ngày luân phiên dùng huyệt thay đổi châm trị 1 lần.

Phương thứ 3 : Dùng các huyệt: Nội-quang, Công-tôn, Thượng-tinh, Bách-hội Trung-uyễn, Túc-tam-lý.

Thủ pháp : Châm Bách-hội ra sau 2 phân, Nội-quang 5, 6, phân, Trung-uyễn 2 tất, Túc-tam lý 3 tắc (trực châm tà pháp), dần dần dùng ngón tay cái xoay tới trước là tà, hướng ra sau là bỗ, dần dần trái lại, lưu kim 3, 4 giờ. Ban đầu mỗi ngày châm trị 1 lần, liên tiếp 3 lần. Sau cách nhứt châm trị 1 lần. Trị 5, 6, lần.

Sau khi châm trị 2, 3, lần thì hết ợ chua, hết mửa.

Tất cả châm trị từ 3 lần đến 11 lần bệnh hết ngay.

Trị nghiệm:

1) Anh Phụng 44 tuổi đau dạ dày đã 13 năm, chứng trạng bay ợ chua, đau bụng mỗi khi ăn xong lại mửa (phiên vị) rồi kiết là chứng dạ dày lở, trị dùng phương pháp này trong 11 lần bình phục hẳn.

2) Ông Lưu 50 tuổi đau dạ dày 25 năm, chứng trạng ợ chua, bụng đau, ăn rồi hay mửa, Dùng phương này thêm huyệt Thiên-xu châm trị 18 lần bệnh hết hẳn nhưng sau vì trời lạnh lại tái phát lại, châm trị lại mấy lần nữa bình phục như thường và sau tuyệt hẳn.

Phương thứ 4. Dạ dày lở làm chỗ đốt tim trường đau, đại tiện khi táo khi không.

Dùng các huyệt: Trung-uyễn, Túc-tam-lý, Thái-bach, Đại-dô.

Thủ pháp : Châm bình bỗ bình tả lưu kim 1 giờ sau cứu thêm 10 phút.

Cách 1 ngày châm trị 1 lần.

Trị nghiệm :

1) Anh Tú 30 tuổi. Chỗ ở tim đau nhói, bụng trống càng đau nhiều, ăn chút ít gì thì bớt đau, thường hay đau lưng, năm trước có bệnh dạ dày ra máu. Đại tiện khi táo khi lỏng, ăn nhiều thì làm đầy trường, bình thường thì tim xót, có khi mất ngủ. Bệnh viện rọi kiểm chứng nhận bệnh dạ dày lở; trị thời gian lâu không nhẹ, sau dùng châm cứu trị, áp dụng phương này, dùng các huyệt Túc-tam-lý, Trung-uyễn, Tam-ám-giao châm thêm ngoại cứu. Trị cả thảy châm 3 lần, Cứu 9 lần hết đau và nhẹ hẳn.

2) Anh Trí 32 tuổi bị bệnh đau dạ dày, thường khi phát đau thì mửa, ăn rồi thì làm đầy trường, đau dần dần sau lưng rọi kiểm chứng nhận dạ dày lở dùng đủ thứ thuốc không công hiệu, sau áp dụng phương này dùng các huyệt: Trung-uyễn, Túc-tam-lý, Thái-bạch, Đại-dô, Châm trị thêm cứu.

Cả thảy trị 3 lần hết đau bình phục như thường.

3) Anh Lý 35 tuổi bệnh đau dạ dày đã 2 năm, chỗ dạ dày phát nóng xót khó chịu, thường mửa nước chua có khi mửa ra máu, ăn cơm no thì đầy trường, dùng đủ các phương vô hiệu. Sau dùng châm cứu trị, áp dụng phương này dùng các huyệt: Túc-tam-lý, Trung-uyễn, Thái-bạch, Đại-dô. Châm cứu trị cả thảy 4 lần bệnh toàn dù.

Phương thứ 5 : Dạ dày lở lâu, chỗ Vi-uyễn đau; mửa nước chua, ăn đồ ăn vào mửa ra (Phiên vị) đại tèn bí.

Dùng các huyệt: Thượng-uyễn, Trung-uyễn, Thừa-mẫn, Lương-môn, Khi-hài, Thiên-xu, Nội-quang, Túc-tam-lý, Tam-ám-giao, Thượng-cụ-hư, Tỳ-du.

Phối hợp các huyệt: Hạ-uyễn, Đại-hoành, Thận-du, Đại-trường-du, Hiệp-cốc, Hành-giang, Quang-nguyên, Chiếu-hai, Thái-bạch.

Thủ pháp: Châm bình bồ bình tả, các huyệt ở bụng và lưng châm nhẹ, và cứu 15, 20 phút. Các huyệt ở tay châm mạnh không cứu.

Trị nghiệm : Ông Lân 50 tuổi, đau dạ dày lở mấy năm, mửa nước chua ăn vào mửa ra ngay, đau khó chịu, có lúc đau ngắt, 6, 7 ngày không ăn được, bình như vậy đã 3 tháng.

Trị pháp : Châm các huyệt : Thương-uyễn, Trung-uyễn, Thủ-môn, Lương-môn, Khi-hải, Thiên-xu, Chương-môn, Túc-tam-lý, Thương-cự-hư, Tam-âm-giao, Tỳ-du, Vi-du làm chủ và phối hợp các huyệt Thận-du, Đại-trường-du, Hạ-uyễn, Đại-hoàn, Hẹp-cốc ; Nối-gian, Hành-gian, Quang-nguyên, Châm thêm cứu.

Cách 1 ngày châm cứu 1 lần, tắt cả Trị 10 lần bình nhẹ bắn.

Dạ-dày đau nồi cục (bi khói).

Chỗ Vị-uyễn phát đau nhức ; làm nề mề nước chua, ngực đầy tam phiền, lưng có chỗ đau nhói như dùi đầm.

Dùng các huyệt : Trung-uyễn, Dương-lăng-tuyền, Quang-nguyên

Các huyệt phối hợp : Cụ-khuyết, Thiên-xu, Khi-hải, Cao-hoang, Đại-trường-du, Kiện-lý, Tất Dương-quang.

Thư pháp : Châm Dương-lăng tuyễn 1 tắc, Trung-uyễn 2 tấc, Quang-nguyên 2 tắt, Tim phiền châm Cụ-khuyết 5 phân, mề mề châm Thiên-Xu, khi-hải 2 tắc. Chỗ bụng đau châm Cao-hoan 5 phân, Đại-trường-du 5 phân, Kiện-lý 1 tắc, Túc-Dương-quang 5 phân, các huyệt đều châm xoay blok bồ bình là, lưu kim 1-2 giờ. Mỗi ngày châm trị 1 lần.

Trị nghiệm : Một bình nhơn chỗ giữa dạ dày nồi lên 1 cục (bi khói) đau, thân hình tiêu tụy, uống thuốc không nhẹ, lời ăn chỗ ấy thấy như có cục gì, vì vậy uống thuốc không tan nồi.

Áp dụng châm cứu trị bi khói : Trên dưới khói ấy châm thêm cứu 7 tráng và hai bên khói cũng châm cứu như vậy, sau châm cứu giữa chỗ khói ấy, tiếp cứu huyệt Trung-uyễn 7 tráng.

Kết quả bình hết hẳn (đi định áp dụng phương pháp trên nếu chưa hết).

Trường vị viêm (đau Dạ dày và ruột).

Đau Dạ dày và ruột làm trên thô dưới là.

Dùng huyệt : Kỷ-tam-huyệt (huyệt mới) phối hợp các huyệt : Thủ-mạch, Kim-tan, Ngọc-dịch, Túc-tam-lý, Nội-quang, Hẹp-cốc, Trường-cường, Dũng-tuyền, (án huyệt Tam-kỷ-huyệt, bảo bình nhơn nằm ngửa 2 chân duỗi thẳng, án huyệt Dũng-tuyền do ra sau 2 tắc 5 phân là vị trí huyệt dàn ống châm bên trái trước, dàn bà châm bên mặt trước).

Thư pháp : Châm Kỷ-tam-huyệt thẳng từ 1 tắc 5 phân, châm

vào 5 phần nghiên 1 ứ, xoay kim 3 lắc châm vào 5 phần nữa, xoay kim 3 lắc, châm vào 5 phần nữa. Như mứa nhiều châm Thân-mạch 3 phần, Kim-lân, Ngọc-dịch châm ra máu, rồi châm Túc-tam-lý-Nội-quang 6 phần, Hiệp-cốc 8 phần.

Là nhiều ; Châm Trường-cường 1 lắc (mũi trỏ lên) Dùng-tuyễn 5 phần (xoay kim rút ra không lưu kim), ngoài ra các huyệt khác lưu kim 10 phút, như có thoát giang (lồi trê), châm trị xong rồi dùng vị thuốc bắc : Ngù-Bội-Tử tán nhỏ, rửa giang mỏ . rồi thoa thuốc trên vào án tại giang-nôn, lấy tay ấn vào, ắt thau vào ngay.

Cấp tánh Thở tả đau bụng chuyên gân.

Dùng các huyệt : Kim-lân, Ngọc-dịch, Trung-uyễn, Thiên-xu, Thủ-sơn.

Thủ pháp : Châm Kim-lân, Ngọc-dịch ra máu rồi châm Trung-uyễn 1 lắc 5 phần. Thiên-xu 1 lắc, Thủ-sơn 5 phần, Châm nhẹ xoay kim lưu kim, rồi dùng ngai đè trên cán kim đốt làm ấm châm đến khi hết đau bụng mới tháo, Châm xong lấy kim cứu huyệt Trung-uyễn Thiên-xu, Thủ-sơn.

Cấp tánh Vị-viêm làm tôm phiên, mứa, đau bụng ỉ chảy.

Dùng các huyệt : Khúc-trạch, Ủy-trung, Thập-tuyễn, Đại-tụ-tuyễn, phối hợp các huyệt Trung-uyễn, Nội-quang, Thủ-tam-lý, Thiên-xu. (Áo huyệt Đại-tụ-tuyễn ngay chính giữa trên lưỡi),

Thủ pháp : Châm các huyệt Ủy-trung, Thập-tuyễn, huyệt Đại-tụ-tuyễn châm ra máu. Rồi châm Trung-uyễn 1 lắc, Nội-quang 5 phần, Thiên-xu, Túc-tam-lý đều 1 lắc bình hồ bình tả lưu kim 15 phút hoặc đến khi hết đau bụng mới rút kim, hoặc trước châm Trung-uyễn, sau châm Túc-tam-lý như đau chưa dứt châm luôn Nội-quang lưu kim 30 phút. Hoặc cứu Trung-uyễn, và Túc-tam-lý cũng công biện.

ĐAU ĐÃ DÀY KINH NÍÊN

Trị đau Dạ-dày mang tánh.

Trị bệnh này thường dùng các huyệt sau đây rất kiến hiệu : Nội-quang, Túc-tam-lý, Trung-uyễn, Âm-đô, Kiện-lý (làn bà chưa cẩm châm) Hạ-uyễn (đào bà chưa cẩm châm cứu), Vị-du.

Như thuốc mang tánh Vị-binh, thi bão bình nhơn nấm ngứa, ăn huyệt Nội-quang châm đúng vị trí, xoay vận 2,3 phút cho té, sau

châm Túc-lam-lý cũng xoay vận cho lê, nếu tháo thoát đúng thì hết đau ngay. Sau nghỉ 1 giờ rồi châm Vị-du, Trung-uyên, Hạ-uyên, Âm-dô, Kiên-lý, cũng xoay vận cho lê toàn thân, đeo kim 1 lý sau cứu các huyệt ấy 3,5, tráng lâm cho ngọt lực vào Vị bộ cảm giác nóng, thi bình hết hẳn.

Trị bình Đạ dày co thắt đau hoặc mửa.

Anh Thành 39 tuổi đau Đạ dày co thắt không muốn ăn, hay mửa lại thêm bệnh phong thấp làm đau khớp xương vai trái, thở hay ăn uống gì cũng đau, nằm lại càng đau hung, phải ngủ ngồi, ngày đêm rất khổ sở. Trị dùng thuốc Tây tim 8 ngày không hiệu quả.

Trị pháp : Châm Nội-quang (2 huyệt) và Tiết tam-lý, Khúc-tri, Kiên-nhung bên trái sau cùu Cửu-vỹ 3 tráng, châm Thượng-uyên, Trung-uyên, tà hữu Kỳ-môn. Rồi châm 2 huyệt Túc-lam-lý già cùu 3 tráng.

Kết quả : Trị xong hết đau.

Trị lần thứ 2 trị như trên. Kết quả chỗ vai tay hết đau.

Trị lần thứ 3 Châm Nội-quang (2 huyệt) Thượng-uyên, Trung-uyên, tà hữu Kỳ-môn, Cửu tà hữu Túc-lam-lý 3 tráng.

Kết quả bình bết hẳn, hoàn toàn bình phục.

Đau bụng làm thở ta không dứt.

Dùng các huyệt :

Nhơn-trung, Trung-uyên, Hạ-uyên, Thủy-phần, Thiên-xu, Khi-hải ; Nội-quang, Hành-gian, Thập-tuyên, Túc-lam-lý, Thái-khê.

Thủ pháp : Trước châm Thập-tuyên và Túc-lam-lý ra máu, sau châm huyệt Nhơn-trung 3 phân, Trung-uyên, Hạ-uyên 2 tấc, Thủy-phần và Thiên-xu, 1 tấc, Khi-hải 5 phân, Nội-quang 5 phân, Dương-lăng-tuyễn 1 tấc, Hành-gian, Thái-khê 5 phân, Túc-lam lý 1 tấc.

Huyệt Trung-uyên dùng tà pháp, Túc-lam-lý vận niêm đeo tráp, ngoài ra các huyệt khác bình bồ bình tà, trừ Trung-uyên, Dương-lăng-tuyễn đều lưu kim 30 phút, các huyệt kia 10 phút.

Dùng phương pháp này châm trị 1 lần nhẹ hẳn.

Trị nghiệm : Anh Vương 30 tuổi bị chứng Cấp tách trường viêm đau bụng thô tả không dứt làm vợt bể, khuyết nghịch, mắt mờ, dùng phương pháp này trị 1 lần hết đau, thô tả chỉ.

Vị thần kinh quan nhang bệnh.

Đau bụng đè thi bớt, cơn phai lâu man không nhất định.

Trị pháp : Trước châm huyệt Trung-uyền 5 phân Túc-tam-lý 1 tấc, kích thích mạnh, lưu kim 15 phút hoặc đến khi hết đau rút kim.

Phương này trị Cau khi thống do thất linh biến phát.

Iloğc dùng cứu các huyệt ; Can-du, Tỳ du, Trung-uyền, Túc-tam-lý đều 5 tráng. Tùy chỗ đau và tùy bộ phận áp dụng huyệt phối hợp.

Mạng tánh Vị thống (đau bụng kinh niên).

Đau Dạ dày mười năm, đầu đau, hông đau, đầu gối đau nhức.

Bà Dương 55 tuổi đau Dạ dày đã mười năm mỗi ngày đau trên mươi lần, hai bên lưng cũng đau, hai bên Thái dương nhức, bốn năm ngày đau một lần, khi đau uống nước lạnh 4,5 chén, kéo dài một hai ngày mới hết, đầu gối đau luôn chân mỗi ngày đau một lần, ho thì mửa nước chua, người vàng mặt thảm đen.

Trị pháp : Châm Thái-khé, Thượng-uyền, Thiên-đột tả.

Kết quả : Châm Thái-khé xong bụng bớt đau, tả Trung-uyền tê rần đến hông lần lần đau giảm, tả Thiên-đột thi chỗ Vị quản đau hết, chân hết đau, mặt lần lần tươi nhuận lại.

Trị tiếp 3 lần nữa bình phục.

Dạ-dày đau, phát mửa không ăn được, thường sôi ruột.

Bệnh nhơn Ông Sanh 59 tuổi thường đau tại Vị-uyền làm mửa, không thiết gì đến ăn uống ; hay sôi ruột tay chân yếu vô lực.

Trị pháp : Châm Trung-uyền tả, châm Ân-bạch ra máu.

Trước châm Ân-bạch ra máu sau châm Trung-uyền xong bình hết hẳn.

Đau Dạ dày lâu, khi hết khi đau không dứt.

Bệnh nhơn Anh Nguyên 34 tuổi đau Dạ dày rất lâu, cứ đau hết rồi lại đau, lần này phát đau đến hơn hai tháng, uống thuốc bắc và đi trị ở Bệnh-viện cũng không bớt lại thêm chứng mửa khan và đau bên hông trái, đại tiện ba ngày không đi cầu, không ăn uống thường hay ra mồ hôi trộm, lại thêm phát khi lạnh khi nóng không chừng.

Trị pháp : Châm Trung-uyền, Nội-quang, Chưng-modo đều tả.

Cứu : Chiên-Trung, Nhũ-căn, Khí-hải, Tam-lý, Tam-Âm-Giao, Nội-định, Công-tôn đều 3 tráng Hiệp-cốc, Cự-khuyết, Thượng-uyển Nội-quang, Âm-đô, Thông-cốc đều 1 tráng.

Kết quả : Châm xong thì trong bụng khoan khoái, bên hông trái đau dần qua bên hông mặt, bụng đau giảm, oè khan.

Trị lần thứ hai. Châm Nội-quang, Hiệp-cốc tà. Cứu Chiên-Trung 3 tráng. Trung, Thượng, Hạ-uyển, Khí-hải, Túc-tam-lý, Tam-Âm-giao, Nhũ-căn Nội-định đều 3 tráng.

Kết quả : Hết đau, mồ hôi trộm cũng hết, các chứng nhứt đau, oè khang và đau bụng đều dứt hẳn.

Đau Dạ-dày lâu năm vì nhiều nước chua.

Bình nhơn Anh Au 32 tuổi bịh đau Dạ dày đã lâu, mửa nước chua, hể thi mửa, bên hông và sau lưng đau, sắc mặt mệt khó láo, tay chân vô lực.

:Trị pháp : Châm Trung-uyển bồ, Nội-quang, Tam-lý, Công-tôn tà (nằm châm để tránh phản ứng).

Cứu : Tỳ-du, Phế-du, Vị-du, Thận-du, Đại-trường-du, Phong-môn, Chiên-Trung, Chương mòn, Khí-bài đều 3 tráng.

Kết quả : ho mửa đều giảm, hơi khỏe.

Trị lần thứ 2. Cách 1 ngày 1 lần, trị như trước, kết quả hông lưng đau đều giảm, tay chân hơi khỏe lại.

Trị lần thứ 3. Bảy giờ khi ho còn đau chỗ Dạ dày và hai bên hông.

Châm Khi-hải bồ, Nội-quang, Kiện-lý, Phong-long tà. Cứu như trước.

Kết quả : Hông bên trái bớt nhưng lại sang qua hông bên mặt khó chịu.

Trị lần thứ 4 : Cũng y như trước.

Kết quả : Dạ dày bớt đau, bớt đầy, ăn uống được, nhưng chỗ tám khâu còn hơi khó chịu.

Trị lần thứ 5. Châm Thượng-uyển tà, Kỵ-môn bồ, Nội-quang bồ, Thái-uyển, Tam-lý đều bồ. Cứu y như trước.

Kết quả : bệnh giảm nhiều.

Trị lần thứ 6. (vì đêm ấy chỗ Trung-uyển còn đau sảng lại mửa nước chua có đàm nhiều).

Châm Túc-lam-lý, Trung-uyễn bồ, Nội-quang bồ.

Cứu như lần thứ 1. Kết quả : Các chứng đều giảm hết nhiều.

Trị lần thứ 7. Châm Trung-uyễn bồ, Chương-môn tả, Nội-quang, bồ, Công-lon, Phong-long tả. Cứu Thiên-xu, Khi-hải, Cách-du, Tỳ-du, Vị-du đều 3 tráng.

Kết quả : Hỗn nhõn đậm nhiều, mửa nước chua cũng nhiều.

Traj lần thứ 8 : Châm Thái-u ên, Thái-bạch bồ, Nội-quang bồ Phong-long tả. Cứu như lần trước.

Kết quả : Da dày hết đan, mửa nước chua cũng hết. Nay giờ rời kiến thấy phổi hơi nám, lát dau chuyển qua trị Phổi. (Đã dày kết quả).

Đau dạ dày nhiều nước chua.

Bệnh nhơn Ông Thành-Binh 54 tuổi bệnh đau dạ dày mửa nước chua, bụng đau từ huyệt Trung-uyễn đến Khi-hải, có nỗi 1 cục đau.

Trị liệu : Châm Trung-uyễn bồ, Khi-hải bồ, Nội-quang tả. Cứu Tỳ-du, Vị-du, Nhũ-căn, Thận-du, Chương-môn, Chiên-trung, Thượng Hả-uyễn, Âm-dô, Thông-lý đều 3 tráng.

Kết quả : Hết mửa nước chua, Đau dày giảm nhẹ ngay.

Đau Dạ dày bụng đói không muốn ăn, ho mửa nước trong.

Bệnh nhơn Dương văn Thi 32 tuổi, bệnh bụng biếng đói mà không muốn ăn, mỗi lần ho thì mửa nước trong, cứ sau 12 giờ trưa thì phát cơ rét trước lạnh, sau nóng.

Trị pháp : Châm Thượng-uyễn bồ, Tam-âm-giao tả Úy-trung tả.

Kết quả : Bụng đói muốn ăn, ho hết nhõn nước trong, ngày ấy nóng lạnh lại nhiều hơn.

Qua ngày sau trị 1 lần nữa y như trên bệnh hết hẳn.

Bệnh ăn vào đói ăn không tiêu.

Cháu Tư 2 tuổi phát sốt, ăn vào không tiêu, ỷ ạch ở bụng hoài, ban đêm bắt uống nước nhiều.

Trị pháp : Châm Hiệp-cốc, Thiếu thương, Thương-dương ra máu.

Cứu các huyệt : Thượng-uyễn, Trung-uyễn, Hạ-uyễn, Khi-hải, Quang-nghuyên, đều 3 tráng, Túc-lam-lý 3 tráng.

Kết quả : Ăn tiêu, hết phát sốt, hết nhõn đầm.

Đã dày lở, mổ ròi muốn lở lại.

Bệnh nhơn Lưu-thi-Hoa, sáu năm về trước, Da dày bị lở 4

Bệnh viện mồ rồi, nay lại đau giữa ngực, tức muốn phát trở lại, chỗ huyệt Trung-uyên đau không nắm thằng được, mặt vàng, người mệt, đại tiện thường táo, phân đen có lợn máu, tiểu tiện vàng thường phát sốt, Da dày quá yếu, ăn cháo cũng không được nhiều, lại thêm sanh bạch dài.

Trị pháp : Châm Trung-uyên 2 tấc bồ. Nội-quang, bồ. Cửu Tam-lý ; Nội-đinh đều 3 tráng. Thương-uyên, U-môn, Thông-cốc, Âm-đô đều 1 tráng.

Kết quả chỗ dạ dày đau giảm, ăn cháo được hai chén, mạch dài giảm.

Trị lần thứ 2 y như trên. Kết quả hết hẳn.

Mồ Tử cung, sau phát đau Dạ dày, đau xoay xầm.

Cô Trinh 44 tuổi năm trước đau Tử-cung, phải mồ và kẹp luôn buồng trứng. Sau phát đau Dạ dày và đau xoay xầm.

Trị liệu : Châm Trung-uyên, Ủy-trung, đều bồ.

Cửu Bách-hội, Thiên-dinh, Phong-trì, Đại-chùy, Phong-môn, Phế-du, Mạng-môn, Tam-lý, Chiên-trung, Trung-uyên, Chương-môn, Khi-hải, Quang-nguyên đều 3 tráng.

Kết quả : Chứng đau Dạ dày và đau xoay xầm giảm 1/3.

Trị lần thứ hai cũng trị y như trên. Các chứng hết hẳn.

Trị chứng Phiên-vị : ăn vào mửa đờ ăn ra.

Anh Ngô-văn... 40 tuổi bị bệnh ăn không hạ xuống, ăn nhiều thì mửa đờ ăn ra, chỗ ngực đầy đau, ban đêm ưa đè (đè thi êm, ít đau)

Trị pháp : Châm Trung-uyên bồ, Nội-quang là, Tam-lý là.

Cửu Chiên-trung, Thương-uyên, Hạ-uyên, Kỳ-môn, Chương-môn, Khi-hải, Thiên-xu, Cách-du, Tỳ-du, Thân-du 3 tráng.

Kết quả ăn không mửa nữa, bụng bớt đau.

Trị lần thứ 2 y như trên, bệnh hết hẳn.

Trị bệnh đau bụng lả mấy nǎm.

Cháu Trương 12 tuổi thường đau bụng tại chỗ Vị uyên, có trùng lả nhoi, đau như vậy đã mấy năm, ngày nào cũng đau âm ỷ không dứt, có khi mửa ra lả (tức đau bụng lả).

Trị pháp : Châm Trung-uyên, công 3 lần.

Kết quả : Khi châm kim vào thì đau bớt ngay, đè kim, xoay hướng lên tim công 1 lần, thì đau chạy qua bên trái dưới chỗ vú,

xoay kim qua trái, xoay công 1 lần nữa, thì đau chạy qua bên mặt, tiếp xoay kim bên mặt công 1 lần nữa. Hết đau, từ đây về sau lại dứt hẳn.

MÙA RA MÁU

Vị xuất huyết (Mùa ra máu) phát sốt.

Bệnh nhân Anh Hữu 36 tuổi, 3 ngày trước có mửa ra máu, phát nóng, nhiệt độ 39, miệng khô uống thuốc vào lại mửa ra, ngày sau làm tim hồi hộp, không muốn ăn.

Trị pháp : Châm Tam-lý tà (trị tim bót hồi hộp). Châm tiếp Xitch-trach, Thái-xung, Phong-long, tà Cứu Cách-du, Tỵ du, Cao-du, Thận-du, Chương-môn, Chiên-trung. Tam-âm-giao đều 3 tráng.

Kết quả sau khi châm tà các huyệt thì hết nóng sốt, mửa ra máu cũng dứt, ăn cháo được.

Ngày thứ hai y theo trước Châm cứu trị 1 lần nữa, bệnh nhẹ hẳn không tái phát.

Trị bệnh Thở huyết buổi mai (Vị xuất huyết)

Anh Lưu-văn-Minh 23 tuổi, mỗi buổi mai lại thở ra huyết 1 bung, uống đồ lạnh thì cầm, lung đau.

Trị pháp : Châm Trung-uyên, Nội-quang, Nội-dịnh đều tà 3 lần.

Kết quả : Lung hết đau và hết thở huyết nữa.

Trị chứng thở huyết buổi chiều.

Chau Long 13 tuổi mỗi ngày sau 12 giờ trưa đến 7 giờ tối thường có phát thở huyết một lít, đã 3 tháng, ho cũng thở máu tươi, thở ra miệng hơi mặn, chớ tim khó chịu, tai điếc.

Trị pháp : Châm Túc-tam-lý tà, Cứu Chiên-trung, Chương-môn, Khi-hải, Thận-du đều 3 tráng.

Kết quả hết thở huyết, tai bớt điếc.

Trị lần thứ hai y như trên. Bệnh hoàn toàn nhẹ hẳn.

I.— Phụ trị nghiệm các bệnh Dạ-dày của các vị Châm-cứu sú Nhứt-bón.

1) Mạng tánh Vị Viêm, Châm-sư Đại-Điền-Văn giới thiệu trị 2 bệnh :

— Một bệnh nhân 55 tuổi người yêu, bị bệnh đau Dạ-dày 1 năm lác mòi phát sau lần lần phát rất nặng, các Bác-sĩ trị nhau là bệnh đau Dạ-dày nhiều nước chua, nhưng trị mãi 2, 3, năm nay không công hiệu.

Bệnh nhơn rất yếu chỉ nằm gào hái năm nay, hiện chứng nhiệt độ thường, người hơi thũng, sắc mặt mệt, thiếu máu, bụng đầy, bên rún phía trái có hơi sưng, đè đau, chỗ dạ dày có trang thái lớn, sau lưng chỗ huyệt Thận-du, Kinh-môn, Mạnh-du đè đau.

Trị pháp : Dùng các huyệt : Thận-du, Kinh-môn, Tam-tiêu-da, Thủ-liêu, Tỳ-du, Can-du, Cách-du, Tâm-du, Thân-trụ, Thiên-liêu, Khúc-trì, Tam-lý, Dương-lăng-tuyễn, Thái-khê, Tam-âm-giao, Tâ Lãm-khấp, đều cứu 3 tráng.

Cứu sau chỗ bụng đầy hơi bớt, đè ít đau. Sau cứu Chiên-trung Đại-trường-du, Hữu-Thiếu-hái, Tâ Ký-môn, Đại-cụ, Đại-bào, Chương-môn, Mạnh-du.

Bắt đầu trị từ ngày 29-3 đến 10-11, tự dì được đến trị hết bệnh, về sau trong thời gian 3 năm người rất khỏe mạnh, không tái phát.

2.— Một bà Nữ giáo-viên 40 tuổi bị bệnh đau dạ dày gần 10 năm, ăn ít, thường hay đi cầu, hiện chứng người thiểu bồi dưỡng, hình ốm gầy, dưới rún bên trái gần huyệt Đại-cụ đè đau, dạ dày hơi trục xuồng, chỗ lưng vai đè đau.

Trị pháp : Cứu Trung-uyễn Thủy-phản, Đại-cụ, Khi-hái, Thủ-trụ, Tâm-du, Cách-du, Tỳ-du, Thận-du, Kinh-môn, Thủ-liêu, Tâ Dương-trì, Khúc-trì, Tam-lý, Thái-khê đều 5 tráng. Tiếp tục trị 3 tháng bệnh hết và khỏe mạnh.

II.— Bệnh Đạ dày lở. (Vị Hồi-dương).

Châm-cứu sử Trung-thiên-Liễu giới thiệu trị 2 bệnh :

1.— Trị bệnh thứ nhất dùng các huyệt Trung-uyễn, Cụ-khuyết, Tâ Bất-dung, Bảo-manh, Thận-du, Yêu-du, Tâ Vị-thương, Tâ Can-du, Thân-trụ, Tâ Tâm-du, Tâ Ngoại-quan, Dương-lăng-tuyễn, dùng ngại nhõ cứu 5 tráng.

Châm kích thích nhẹ các huyệt: Tâ Tâm-du, Tâ Vị-thương, Bảo-manh, Bách-hại.

Trị lần thứ nhất ngày 28-7, lần thứ 3 ngày 3-9, lần thứ 4 ngày 21-9, lần thứ 5 ngày 28-11. Bệnh hết hẳn.

2.— Trị bệnh thứ hai dùng các huyệt : Cụ-khuyết, Trung-uyễn, Hữu Lương-môn, Hữu Đại-cụ, Hữu Trach-Tiền, Hoàn-khiêu, Thận-du, Vị-du, Hữu Vị-thương, Thân-trụ, Hữu Tâm-du, Khúc-trì, Dương-lăng-tuyễn, Hữu Đại-cụ, đều cứu 5 tráng.

Bệnh nhơn sợ châm nên chỉ dùng cứu trị lần thứ nhất ngày 19-5, lần thứ hai ngày 25-5, lần thứ ba ngày 30-6, lần thứ tư ngày 9-7.

Kết quả : bệnh hoàn toàn hết hẳn.

III.— **Bệnh Dạ dày trút.**

Châm-cứu-sư Đại-diễn-Văn giới thiệu trị 4 bệnh :

1.— Bà X... 49 tuổi bị bệnh Dạ dày trút dưới rún 2 ngón tay-lấy tay đè cõm tay, ăn nhẹ cũng đau, đè nặng lại càng đau dữ, ta huyệt Thủy-phần và phía bên mặt huyệt Đại-cụ đè đau, ngoài lưng và vai cũng đau.

Trị pháp : Dùng các huyệt Trung-uyên, Thủy-phần, Hưu Đại-cụ, Thần-du, Kinh-môn, Thủ-liêu, Tỳ-du, Cách-du, Tâm-du, Phế-du, Thần-trụ, Khúc-tri, Tả Dương-tri, Dương-lăng-tuyễn, Thái-khê đều cứu 5 tráng.

Vì có thêm bệnh Dạ dày nhiều nước chua nên gia thêm cừu Túc-tam-lý.

Cứu trị xong qua 2 ngày ăn được, người khỏe, không nhức đầu như trước.

Trị 2-3n thứ 2 cứu Đại-cụ, Cách-du, Tâm-du, Phế-du, Khi-hái, Huot-nhuc-môn, Can-du, Đốc-du, Túc-tam-lý.

Về sau cứ cách 2 tuần cứu trị 1 lần, trị trong ba tháng bệnh hết hẳn.

2.— Anh Giáo-viên 36 tuổi bị bệnh Dạ dày trút dưới rún 3 ngón tay, đè mạnh các huyệt Trung-uyên, Thủy-phần, Huot-nhuc-môn, Kinh-môn đều đau, ở sau lưng chỗ các huyệt Tỳ-du, Tam-tiêu-du, cũng đè đau, chứng Dạ dày trút nặng.

Trị pháp : Cứu các huyệt : trên và thêm Tả Dương-tri, Khúc-tri, Túc-tam-lý, Dương-lăng-tuyễn, Thái-khê đều 5 tráng.

Liên tiếp cứu trị trong thời gian 6 tháng, bệnh hoàn toàn bình phục, một năm sau người khỏe mạnh mập mạp.

3.— Cậu học sinh bị bệnh Phổi và Dạ dày trút.

Trị pháp dùng các huyệt Trung-uyên, Mạnh-du, Thủy-phần, Khi-hái, Thần-du, Chương-môn, Đại-trường-du, Thủ-liêu, Tỳ-du, Can-du, Cách-du, Tâm-du, Thảo-trụ, Thiên-liêu, Tả Dương-lăng-tuyễn, Thái-khê đều cứu 5 tráng.

Sau cứu thêm Chương-môn, Huot-nhuc-môn, Đại-cụ, Chúc-lan.

Bệnh này trị trong thời gian 1 năm thấy kết quả, trị tiếp đến 18 tháng bệnh hoàn toàn hết hẳn.

4.— Một cô Nông dân 32 tuổi bị bệnh Phổi và chứng Dạ dày trút.

. Trị pháp, Cứu các huyệt Trung-uyên, Cụ-khuyết, Khi-hái, Thủy-phần, Thần-trụ, Phong-môn, Tâm-du, Cách-du, Chí-dương, Can-du,

Tỳ-du, Thận-du, Kinh-môn, Thủ-liêu, Khúc-trì, Tả Dương-trì, Túc-tam-lý, Thái-khé, đều 3 tráng, tuần sau lên 5 tráng.

Trị liên tục trong thời gian 1 năm bình hoàn toàn bình phục, hết hẳn.

IV.—Bệnh Dạ dày yếu. Ăn ít, Dạ dày dày đàm, ợ hơi, hoặc chua, nhức đầu xoay xẩm tiễn bí, thiếu dinh dưỡng, người yếu:

Châm cứu sú Đại-diễn-Văn giới thiệu trị 2 bệnh :

1.—Anh Giáo-viên 32 tuổi Dạ dày yếu thèm muối phát chứng Dạ dày trút.

Trị pháp : Dùng các huyệt Trung-uyên, Cự-khuyết, Thân-trụ, Phong-môn, Can-du, Tỳ-du, Thận-du, Kinh-môn, Thủ-liêu, Tả Dương-trì, Túc-tam-lý, Thái-khé, đều cứu 5 tráng.

Sau thêm các huyệt Thận-môn, Đại-cụ, Khi-hải, Thủy-phản, Tâm-du.

Trị liên tục trong thời gian 2 năm bình hết, người khỏe mạnh mập mạp.

2.—Cậu học sinh 25 tuổi vì hay đau chỗ dạ dày nên sau làm Dạ dày yếu, người suy nhược.

Trị pháp : Cứu các huyệt Trung-uyên, Thủy-phản, Đại-cụ, Mạnh-du, Khi-hải, Thân-trụ, Thiên-liêu, Cao-hoan, chỗ dưới đốt xương sống thứ 8, 1 huyệt, Can-du, Tỳ-du, Tam-tiên-du, Kinh-môn, Thận-du, Thủ-liêu, Tả Dương-trì, Khúc-trì, Túc-tam-lý, Thái-khé đều 5 tráng. Sau cứu thêm Huöt-nhục môn và Lương-môn.

Cứu trị thời gian nữa năm, khôi phục tráng kiện như thường.

V.—Bệnh Dạ dày nhiều nước chua.

Châm cứu-sú Đại-diễn-Văn giới thiệu trị 2 bệnh :

1.—Một bà 40 tuổi bị bệnh Dạ dày nhiều nước chua.

Trị pháp : Cứu các huyệt Thân-trụ, Thiên-tôn, Cách-du, Can-du, Tỳ-du, Thận-du, Thủ-liêu, Cự-khuyết, Trung-uyên, Lương-môn, Khúc-trì, Túc-tam-lý, Dương-lăng-tuyễn, Thái-khé. Trong thời gian cứu trị làm đau răng, nhức đầu cứu thêm Khuyết-âm-du, Hữu Kỳ-môn (bết đau đầu). Sau lại thêm chỗ vai đau cứu thêm tả Lương-môn, tả Kỳ-môn (2, 3 ngày hết đau).

Cứu trị trong thời gian hơn 1 tháng hết hẳn.

2.—Cô giáo 34 tuổi bị bệnh Dạ dày nhiều nước chua,

Trị pháp : Cứu các huyệt : Trung-uyên, Thượng-uyên, Khi-hải, Thận-du, Thủ-liêu, Tam-tiên-du, Tỳ-du, Tâm-du, Thân-trụ, Thiên-

niêu, Tả Dương-tri, Khúc-tri, Hưu Thiếu-hải, Tam-lý, Tam-Âm-giao
Thái-khê đều 3 tráng.

Tiếp tục cùn trị trong 3 tháng, hung hết đau, bình hết, ăn ngon,
người lên cân, khôi phục rất khỏe mạnh.

XIV.— CHỨNG NÁT CỤC (ÁCH-NGHỊCH)

Trị bình Nát cục dùng các huyệt sau đây :

Nội-quang, Dương-lão.

Thủ pháp : Trước châm huyệt Dương-lão 3-5 phân xoay rõ kim sau châm Nội-quang 5 phân đến 1 lắc, bình bồ bình tẩy lưu kim 20 phút. Hơi thông rút kim.

Hoặc dùng phương pháp sau đây :

Dùng các huyệt : Nội-quang, Cửu-vỹ, Túc-tam-lý, Cách-du.

Thủ pháp : Châm Nội-quang, lưu kim 5-10 phút, Cửu Cửu-vỹ 5 tráng, như chưa nhẹ thêm châm huyệt Túc-tam-lý lưu kim 15-20 phút, hay châm Cách-du lưu kim 15-20 phút át công hiệu.

Trị chứng Nát cục liên tục

Dùng các huyệt : Âm-độ, Trung-uyên.

Thủ pháp : Châm Trung-uyên 5 phân, Âm-độ 3 phân bình bồ bình tẩy, lưu kim 1,2 giờ Châm luân tiếp 1-3 lần, (nỗi ngày châm trị 1 lần

Bình Nát cục lâu ngày áp dụng phương này đều kết quả hoàn toàn.

Chứng cứ phát Nát cả dây không dứt dùng các huyệt : Nội-quang, châm 1 lắc, Huyệt Thiện-dot châm 5-8 phân (huyệt Nội-quang lưu kim 30 phút, huyệt Thiện-dot khi có cảm giác té thì rút kim).

Trị nghiệm : Cô Lương bị chứng Nát cục hoài cả dây không dứt, uống các thứ thuốc không công hiệu.

Châm trị dùng cái huyệt này tiếp trị 2 lần chứng giảm, liên tục trị 6 lần bình hết hẳn. (mỗi ngày châm trị 1 lần).

Trị chứng Nát cục lâu lâu phát một lần.

Dùng các huyệt : Thượng-uyên, Trung-uyên, Hạ-uyên, Túc-tam-lý.

Thủ pháp : Trước châm Thượng, Trung, Hạ-uyên đều 1 lắc rưỡi. Túc-tam-lý 1 lắc rưỡi bình bồ bình tẩy lưu kim 30 phút đến 1 giờ từ rút kim.

Trị một lần công hiệu ngay.

XV.— CHỨNG TÀ NƯỚC

Trị bệnh đi cầu ra nước, chỗ Vị-uyên (cuốn dạ dày) đau.

Trương-thị-Hoa 10 tuổi là chày (loàn nước), ăn vật gì có dầu thì mửa, chỗ Vị-uyên đau uống thuốc không công hiệu, bệnh đã trên tháng nay.

Trị pháp : Cửu Đai-chùy, Phong-môn, Phế-du, Đại-trường-du, Vị-du, Tỳ-du, Trung-uyên, Chiên-trung, Chương-môn, Khi-hải, Thiên-xu, Thủy-phần, Túc-tam-lý đều 3 tráng.

Kết quả : Hết tả nước, ho giảm, chỗ Vị-uyên còn đau nhưng không vào không mửa nữa.

Trị lần thứ 2 như trên, chỗ Vị-uyên hết đau, bệnh hết hẳn.

Trị chứng tà nước, đau xoay xầm, tim đập mạnh, tay chân yếu.

Anh Châu 39 tuổi bệnh tả nước, đau xoay xầm, tay chân yếu bụng đau, miệng lạt không biết mùi.

Trị pháp : Châm Hiệp-cốc, là 3 lần, Túc-tam-lý bỗ 3 là 1 lần, Cửu Thủy-phần 5 tráng, Trung-uyên, Chương-môn, Thiên-xu, Khi-hải, Tam-âm-giao, Phế-du, Phoug-môn, 3 tráng, Thần-khuỷết, Âm-giao, 1 tráng

Kết quả : Hết tả nước, đau hết xoay xầm, miệng hết lạt.

Trị chứng bệnh Ngủ cạnh tà (quen lánh nửa đêm bắt đi cầu).

Chứng này thuộc Thận Tỳ hư làm phúc tà.

Dùng các huyệt : Bách hội, Chiếu-hải, Mạng-môn, Thận-du, Tam-âm-giao, Túc-tam-lý. Phối hợp các huyệt : Thiên-xu, Thủy-dạo-Quang-nguyên, Quy-lai, Đại-trường-du, Tỳ-du, Trung-liệu, Thủ-liệu (các huyệt này tùy lựa dùng) gia-giảm, như Tâm bù đêm không ngủ được thêm Thần-môn, Nội-quang.

Thủ pháp : Châm huyệt Chiếu-hải, đầu kim xiên trở lên huyệt Khưu-hư 3-5 phân. Huyệt Tam-âm-giao 5-8 phân. Túc-tam-lý 8-10 tắc bỗ pháp lần lần xoay kim, cảm giác tê hoặc hơi nóng, lưu kim 30 phút đến 1 giờ, rút kim, rồi cứu các huyệt : Bách-hội, Thận-du, đến đỏ da.

Mỗi lần châm trị trừ các huyệt Chiếu-hải, Túc-tam-lý, Tam-âm-giao đều châm gia cứu, còn các huyệt khác chỉ cứu không châm.

Trị nghiệm : Cố Liên 42 tuổi, lưng mõi bụng đau, hai bên hông và bụng dưới, sau buổi trưa thường phát đầy trướng, lưng phai lạnh, 2 chân trở xuống lạnh ngắt, tiếp đến nửa đêm từ 12 giờ đến 2 giờ khuya, lại bắt đi cần 1 lần, đêm nào cũng vậy, rất khó náo, bệnh đã hơn 1 năm, dùng đủ các thứ thuốc Đông, Tây đều vô hiệu.

Hỏi căn bệnh thì thường Vị yếu, ăn uống không tiêu, kinh nguyệt hay sai kỳ, bệnh thuộc mang tánh, thán khí bất túc, Mạng mòn hàn hư, bệnh tại Tỳ, Thận, áp dụng châm cứu trị.

Dùng theo phương pháp trên châm cứu trị cả thảy 5 lần, chứng tả hết, và các chứng đều tiêu mất không còn nữa, bệnh hoàn toàn bình phục.

Phương pháp này là Ôn bồ Thận, Mạng-môn và điều lý Tỳ Vị, dùng Cứu nhiều hơn Châm là Bồ hư Ôn hàng và lại tả lâu thương Âm phần, nên dùng huyệt Mạng-môn, Thận-du, Tam-Âm-giao làm chủ và các huyệt Tỳ-du, Túc-tam-lý phối hợp với các huyệt ở hạ tiêu điều hợp lại, và dùng huyệt Bách-hội để làm hưng khởi Dương-khí, nên Âm Dương được điều hòa, bệnh khôi phục lại hẳn.

XVI.— HOÁT LOẠN THỔ TÀ

Tị Thổ tả kiêm phát ban đỏ.

Bệnh nhọn Thi-Tri : bệnh chỗ vùng Dạ dày (Thượng-uyễn) đè đau, bụng dưới đau, lưng đau, sảng sớm Tim cũng đau kịch, toàn thân phát ban đỏ và ngứa, kinh nguyệt đến 40 ngày mới có chút ít, ăn một chén cơm vào thì làm tả rồi tiếp mửa, mỗi ngày là mửa 3 lần.

Trị pháp : Châm Túc-tam-lý, Tam-Âm-giao tả 2 bồ 2 lần, Nội-quang, Khúc-tri tả 3 lần, Cứu Đại-chùy, Phong-môn, Tỳ-du, Vị-da, Thận-du, Tam-tiêu-du, Mạng-môn, Trung-uyễn, Thượng-uyễn, Thủ-y-phần, Thần-khuyết, Thiên-xu, Khi-hải, đều 3 tráng.

Kết quả : Tả, mửa và hòng ban hết, qua ngày sau lại phát cỏ kinh (tính ngày thi đúng 33 ngày) ăn được nhiều.

Trị lần thứ 2 : Châm Hành-gian tả 2 lần, Túc-tam-lý tả 2 bồ 2 lần, Nội-dịnh-tả 3 lần. Cứu Bách-hội, Phong-tri, Thượng-tinh, Kỳ-

môn, Thượng-uyên, Trung-uyên, Hạ-uyên, Thần-khuyết, Khi-hải đều 3 tráng.

Kết quả : Các bệnh hoàn toàn hết hẳn.

Trị bệnh Thở tả nặng.

Anh Thành 32 tuổi, thình lình sau buổi trưa phát Thở tả rất nặng, bắt đầu tim phiền téo, tay chân lạnh, phát tê, sau lại plát mữa rồi tả toàn là nước, ngày sau lại giang mòn không nbiếp lại được, cứ chảy nước hoài, miệng cũng chảy nước giải, toàn thân lạnh, hai bắp chân đau như vọp bẽ, bắt tinh nhơn sự, (chứng này trên chảy giải dưới chảy nước các Y sĩ đều cho là chứng bất trị, chứng chí).

Iliệun bệnh nhơn sặc mặt mét bạc chấn, thở hơi mệt, tay chân lạnh như nước đá, miệng chảy nước giải, dưới giang mòn, cứ chảy nước ra, đau ngón tay héo, mạch hắt, chỉ tim còn đập, nhưng rất yếu, người mất trí giác.

Trị pháp : Cứu Bách-hội, Đại-chùy, Phong-môn, Phế-du, Vị-du, Thận-du, Mạng-môn, Chiên-trung, Nội-quang, Khúc-tri, Chương-môn, Thượng-uyên, Trung-uyên, Thủ-phản, Thần-khuyết, Thiên-xu, Túc-tam-lý, Tam-Âm-giao, Thái-xung, Thủ túc Bác-phong, Khi-hải, Quang-nguyên tất cả đều 3 tráng.

Kết quả : Khi cứu các huyết trước bệnh nhơn hơi thở ra, sau cứu đến Khi-hải, Quang-nguyên, bệnh nhơn cầm giác đau nhưng vẫn chưa tĩnh, mà miệng đã hết chảy giải, dưới đất cũng bớt chảy nước.

Cách 20 phút trị tiếp lần thứ 2. Cứu 2 huyết Khi-hải, Quang-nguyên, lần lần biết đau, hết ỉa nước, chân cũng bớt đau.

Cách 1 giờ trị lần thứ 3, tay chân bấy giờ hơi ấm lại nhưng vẫn còn mè. Cứu y như trước.

Kết quả : Hết mữa và ỉa có hơi phản, nhưng chỉ nhâm mắt nằm đó, tay chân bớt lạnh.

Ngày hôm sau trị lần thứ 4 : Cứu như trước thêm Âm-lăng-luyễn, Thái-bạch, Tuyệt-cốt đều 2 tráng, Trung-uyên, Khi-hải, Quang-nguyên, Thần-khuyết, Túc-tam-lý, Nội-dinh 3 tráng, (và dùng dầu nóng xoa bóp). Trong cho uống thuốc.

Kết quả : Hết mữa, ỉa cũng dứt hẳn, ăn uống được lần lần (cho uống nước cháo lần lần lập cho ăn chút ít). 3 ngày sau khỏe lại và đi đứng bình phục như thường.

Dùng Ngại quyền cứu trị chứng Thô-tả.

Bệnh nhân Anh Thành 54 tuổi sau buổi trưa bụng hơi đầy, chiết phai tả ra nước và phân 5 lần sắc như nước gạo, người ấm hai mắt lồm vào, làm mửa, ăn uống không được, miệng khát nước, tay lạnh, uống nước vào liền mửa ra ngay, lưỡi tua trắng, mạch nhảy 80, chứng giống như Hoát-loạn Thô-tả.

Trị pháp: Trước cứu Túc-tam-lý 5 trắng, Huyết-cốc, 1 trắng, Tam-âm-giao 4 trắng, Khi-hải, Trung-uyễn 3 trắng, Thủy-phân 7 trắng, rồi dùng Ngại quyền cứu thêm huyệt Trung-uyễn 5 lần.

Kết quả: Cứu xong tim bớt nhảy, cho uống nước không mửa ra nữa, qua hôm sau ngũ ngon được cả ngày rồi bệnh nhẹ hẳn, khôi phục lại bình thường, làm lung được.

XVII.— BÌNH KIẾT-LÝ

Trị chứng Kiết-Lý (cảm khẩu lý)

Ông Thịnh 64 tuổi cảm mạo 4, 5 ngày sau vì đi đường, khé nước, uống vào lại mửa ra rồi làm tả luôn, sau cứ 1 ngày bắt đi kiết mấy lần hắc rặn, phân có đờ trắng vàng lẫn lộn, không ăn uống gì được (cảm khẩu lý) cứ bắt uống nước hoài, đau bụng, lưỡi tua, mặt đỏ.

Trị pháp: Châm Tiêu-hải, Trường-cường tả 3 lần. Cứu Thượng-uyễn, Hạ-uyễn 1 trắng, Trung-uyễn, Thủy-phân, Thần-khuyết, Thiên-xu, Khi-hải, Quang-nguyên, Tam-âm-giao đều 3 trắng, Túc-tam-lý 3 trắng, Chương-môn, Đại trường du, Bát-liệu, Trường-cường Âm-giao, Thái-xung, Dương-lăng đều 1 trắng.

Kết quả: Bụng đầy giảm bớt đi cầu rặn, sáu mai ăn cháo được nhưng bắt đi cầu, phân vàng.

Trị lần thứ 2: Châm Trung-uyễn, Túc-tam-lý bồ 4 lần, Cứu Thủy-phân, Khi-hải, Thiên-xu 3 trắng, Thượng-uyễn, Hạ-uyễn, Thông-cốc, Âm-dò 1 trắng, Thần-khuyết 2 trắng.

Kết quả Bầu đầu ăn được, sáng đi cầu phân tối.

Trị lần thứ 3, Châm Tiêu-hải tả huyệt, Trường-cường, tả 3 lần. Cứu như trên. Kết quả đi cầu không rặn nữa hết khát nước và nhẹ hẳn.

Trị bệnh Kiết Lý đau bụng nhứt đầu.

Cô Thành 37 tuổi đi cầu đàm mủ sắc trắng đỏ, lâm rặn, đau bụng nhứt đầu, tim nóng, khát không muốn uống nước.

Trị pháp : Châm Khúc-trí, Hiệp-cốc, Tiêu-hải, tâ 3 lần.

Cứu Trung-uyên, Thủ-y-phần, Thiên-xu, Âm-giao, Túc-lam-ly đều 3 trắng. Kết quả bệnh nhẹ hết hẳn.

Trị bệnh Hồng-Bạch-ly ngày đi trên dưới 20 lần.

Ông Dương 62 tuổi, bị bệnh Kiết đàm mủ có lẫn máu (hồng bạch ly), đi bắc rặn, ngày đi trên dưới 20 lần, ăn vào thì tại dạ dày đầy trướng, phát ho, bệnh trên 1 tháng.

Trị pháp : Châm Trung-uyên bỗ 3 lần, Túc-lam-ly, tâ 1 lần hỗ 2 lần, Khúc-trí tâ 3 lần. Cứu Chương-môn, Thủ-y-phần, Thiên-xu, Khi-hải, Quang-nguyên, Tam-âm-giao đều 3 trắng.

Kết quả : Đi cầu giấm còn 9, 10 lần, bụng bớt đầy ho giảm.

Ngày sau trị lần thứ 2. Châm Túc-lam-ly, Côog-lon bỗ 4 lần, Nộ-quang tâ 2 hỗ 2 lần. Cứu như trên.

Kết quả bệnh nhẹ, hết đi cầu, ho giảm.

Trị bệnh có thai làm kiết lý.

Cô Linh 26 tuổi bị bệnh Kiết-ly máu mủ (hồng bạch ly) đi cầu bắc rặn, mỗi lần đi đều đau bụng, ngày đi 4, 5 lần, đêm 7, 8 lần bệnh đã hơn tuần nhứt.

Trị pháp : Châm Khúc-trí, tâ 3 lần, Khi-hải tâ 2 bỗ 1 lần, Trường cường, Bát-liệu châm. Cứu Trung-uyên, Thủ-y-phần, Thiên-xu, Âm-giao, Túc-lam-ly 3 trắng. Kết quả không phản ứng.

Ngày sau trị lần thứ 2 : Châm Khúc-trí bỗ 2 tâ 2, Túc-lam-ly bỗ 2 tâ 2, Âm-giao bỗ 4 lần. Cứu các huyệt như trên.

Kết quả : Bệnh nhẹ, nhưng qua 9 ngày lại đi cầu ra mủ hắc rặn.

Trị lần thứ 3. Châm cứu y như lần thứ 2, Bệnh giảm 1/3

Tiếp trị 2 lần nữa y như trên bệnh hoàn toàn hết hẳn.

Trị bệnh Kiết-Lý không muốn ăn uống.

Bệnh nhân Anh Sâm 32 tuổi bị bệnh Xích-Ly bắc rặn (ly cấp độ trọng), không muốn ăn uống, lại thêm chán từ mất cả bèn mặt trở xuống, gần cổ đau nhứt, bệnh đã 10 ngày.

Trị pháp : Châm huyệt Khuu-hu hòn mặt bỗ 3 lần, Túc-lam-khấp chán mặt tâ 3 lần, Tam-âm-giao, Tiêu-hải, Âm-lăng-luyễn bỗ

3 lần.

Cứu Trung-uyễn, Thủ-y-phần, Thận-khuyết, Thiên-xu, Khi-hai-Thận-du, Mạng-môn, Trường-cường đều 3 trắng.

Kết quả : Bệnh giảm chán bớt đau, (tức đã giảm 1/2).

Trị lần thứ 2 (ngày hôm sau) châm cứu y như trước.

Kết quả : Bệnh hoàn toàn hết hẳn.

XVIII.— BỊNH ĐAU VÙNG NGỰC, HỒNG

Trị bệnh ngực đau, ho khan.

Cháu Tam 14 tuổi đau lại giữa ngực 7, 8 ngày không hết, thường ho khan, rồi kiết không bình gì cho là vì thận kinh phát đau.

Trị pháp : Châm Nội-quang, Thái-uyễn đều tă 2 lần.

Cứu Thiên-dot, ba hàng huyệt trước ngực, và Kỳ-môn, Chương mông, Nhũ-cảo đều 1 trắng.

Kết quả : Châm cứu trị xong hết đau, ngày sau ho dễ đỡ dần ăn uống khỏe và về sau hết hẳn.

Trị bệnh ngực sườn bên mặt đau có nỗi cục.

Cô Trần 24 tuổi bên hông mặt và giữa ngực có nỗi 1 cục như hòn đau nhức như dao cắt, cả ngày không hết, nằm bên trái thì bên trái cũng đau, bệnh đã 3 ngày, hai ngày trước đau ít, nay lại nặng.

Trị pháp : Châm Chương-môn tă 4 lần, công 1 lần Thương-uyễn tă 4 lần công 2 lần. Cứu Trung-uyễn, Chương-môn, Thần-khuyết, Cửu-vỹ đều 1 trắng. Chiên-trung, Khi-hai 3 trắng.

Kết quả : Châm trị xong cảm nhận có hơi chảy, trong 40 phút thì hết đau từ ấy sau bết hẳn. Chứng này cũng do bệnh Gan phát sưng nỗi lên, Trị bệnh này chỉ châm cứu 1 lần mà khỏi ấy lào tan hết.

Trị bệnh ngực đau, lưng túc.

Bà Lưu 50 tuổi trước chỗ giữa ngực đau dẫn ra cả sau lưng lâm túc, bệnh đã 6 tháng, nay lại ra mồ hôi, hơi xoay xẩm, khi phát đau thi không ăn uống được,

Trị pháp : Châm Thủ-tương, Nội-quang, Trung-uyễn đều tă 3 lần.

**Cứu Chiêu-trung, Cưu-vỹ, Cứ-khuyết, Thượng-uyễn, Hạ-uyễn,
Thần-khuyết đều 1 tráng, Túc-tam-ly, Tam-âm-giao 3 tráng, Khi-hái
đ 3 tráng.**

Kết quả : Các chứng đèn giảm.

Trị lần thứ 2 Châm Phục-lưu bỗ 4 lần, Nội-quang tâ 3 lần, Cứu
như trên, thêm Lại-chủy, Phong-môn, Phế-du đều 3 tráng.

Kết quả : Bệnh hết hẳn.

Trị bệnh đau giữa lòng ngực.

Cô Anh 20 tuổi, nứa nǎm trước chở giữa lòng ngực đau, có lúc
dẫn rát, bụng đau, hảy giờ trở lại,

Trị pháp : Châm Trung-uyễn tâ 4 lần, công 1 lần, Cứu Thượng-
uyễn, Thần-khuyết, Khi-hái, Chương-môn. 1 tráng, Nội-quang, Túc
tam-ly, Hạ-uyễn, đều 3 tráng.

Kết quả : Châm lưu kim 3 phút, trên rủn đau tâ 1 lần bớt, tiếp
tâ 1 lần nứa hơi giảm, lâ tiếp 2 lần nứa đến rủn kim lên 1 phần rồi
lấy động tần công châm 1 lần thì hết đau, sau cứu, bệnh hết hẳn.

Đau sườn ngực, vùng huyệt Chương-môn.

Cô Hoa 40 tuổi sườn bên trái chở huyệt Chương-môn đau, nǎm
rất khó chịu, lay mặt vì xách đồ nặng bị thương nên trong cùi chở
đau.

Trị pháp : Châm-Hành-gian tâ 4 lần, Xích-trạch tâ 4 lần.

Kết quả : Hết đau. Bệnh này đau tại vùng Gan nên dùng huyệt
Hành-gian tâ công hiệu ngay. Dùng huyệt Xích-trạch là vì chở ấy đau
nên áp dụng trị cũng công hiệu.

Sườn ngực đau vì Ngoại-thương hay vì Gan, Mật sưng.

Bệnh này thường có phát nóng lạnh hoặc dày đau làm ợ mửa
hoặc ợ chua, bệnh nặng thở, ho, nói lớn tiếng cũng xđc lèo đau.

Trị pháp : Dùng các huyệt : Thực-độc, Dương-lăng-tuyễn, Kỷ-
môn và các huyệt phu Can-du. Chương-môn, Trước châm sau cứu,
đã có công hiệu, (bệnh Gan, Mật sẽ có mục sau).

Bệnh sưng mặng sướt (Hung mạc viêm)

Do các bệnh Lao phổi, Thận tạng viêm, cảm mao v.v, dẫn phát
hoặc đau 1 bên, nám càng đau, ho cũng đau, thở cũng đau, có khi
vài ngày đau 1 lần hay kéo dài mấy tháng, có bệnh thành mặng tánh
cũng do các bệnh Lao phổi phát sanh, nếu sưng làm mủ át khó trị.

Dùng các huyệt châm trị, Đại-trù, Phong-môn, Phế-du, Khuyết-âm-du, Tâm-du, Cách-du, Phách-hộ, Cao-hoan, Thần-đường, Thiến-hàn, Túc-tam-lý, Tam-âm-giao, Chi-cầu, Dương-lăng ; Thái-xung ; Chương-môn, Kỳ-môn. Tùy chứng châm cứu trị rất công hiệu.

Các chứng gọi là Khi-hung, Thủy-hung cũng đều dùng phương pháp này trị cả.

XIX.— BỊNH ĐAU VÙNG BỤNG

Phúc mạc viêm (đau màng bụng cấp tính).

Dùng các huyệt trị làm tiêu viêm chỉ thống :

Cách-du, Tiêu-trường-du, Tam-âm-giao, Hành-gian, Âm-liêm và phối hợp các huyệt : Can-du, Đởm-du, Tỳ-du, Tam-liêu-du, Thần-du, Khi-hai-du, Đại-Trường-du tùy chứng châm cứu trị công hiệu.

Bệnh về màng lánh cũng dùng các huyệt này trị, nhưng cần trị lâu mới có kết quả.

Trị bệnh bụng đau đớn đến hông lưng đều đau.

Bệnh nhân Anh Sưu 25 tuổi 1 năm trước chỗ cuống Dạ dày đau, lần lần dẫn xuống đến vùng huyệt Chương-môn, dẫn đau đến lưng, bụng dưới cũng đau, hông bên mặt đau, hiện súc mặt mệt.

Trị pháp : Châm-Trung-uyễn, Chương-môn, Nội-quang, Thái-xung là. Cứu Bách-hội, Đại-chủy, Phế-du, Tỳ-du, Vị-du, Can-du, Thần-du, Chiết-trung.

Kết quả : bệnh hết hẳn.

Trị bệnh bụng lạnh đau :

Ông Dương Văn Hưng 71 tuổi, bụng cảm như bị lạnh đau, hờ tay nóng xoa hoặc đe thì đỡ.

Trị pháp : Châm Trung-uyễn, Tam-lý bồ, Cứu Thần-du, Mạng-môn, Thủong-uyễn, Hạ-uyễn, Chương-môn, Kỳ-môn, đều 3 tráng. Ủy-trung 1 tráng.

Kết quả : Bệnh hết lạnh hết đau

Đau bụng pha dưới rún dần ra sau lưng :

Bệnh nhân Anh Tài 35 tuổi pha dưới rún đau như dài dăm liên tiếp 4, 5 ngày, mỗi ngày đau 1, 2 lần, khi đỡ thì bên lưng pha

mặt lại đau, ngực như đầy, ăn không tiêu miệng thường chảy nước dãi.

Trị pháp : Châm Nội-quang, Túc-lâm-khấp, Khi-hái, Khúc-trì, Hoàn-khiêu, Thái-xung đều châm bêо mặt, tâ, Cứu tại phía bên lưng chỗ đau (dùng ngoại quyển, cứu 3 lần).

Kết quả : Dưới rún bớt đau, vùng lưng ngực cũng giảm 2/3 hết chảy nước dãi.

Trị lần thứ 2 (cách ngày sau). Các chứng kia nay giảm lại làm nhức đầu chán ván, Châm Nội-quang, Khi-hái, Trung-uyễn, Tam-ám-giao, Thừa-sơn cả 2 huyết, tâ, châm Trường-cường ra máu.

Cứu Hoàn-khiêu, Thận-du, Bách-hội, Thái-dương, Đại-trường-du, Tiêu-trường-du, Bàng-quang-du, Chiên-trung, Thượng-uyễn, Hẹn-uyễn, Chương-môn đều 3 trắng.

Kết quả : Bình hoàn toàn bình phục hẳn.

Trị bình bụng dưới đau và đầu xoay xẩm (bình đã lâu),

Cô Thành 42 tuổi ban đầu phát nóng lạnh, 2 bên bụng dưới khó chịu, phát 2 lần, làm chỗ rún đau, hiện bụng dưới đau, ăn uống ít và kiêм chứng nhức đầu xoay xẩm kinh niên, bây giờ phía bên Tứ cung đau nặng đã trên 10 ngày.

Trị pháp : Châm Khi-hái, Tứ-cung bên trái đều tâ.

Cứu Thận-du, Túc-lâm-lý, Tam-ám-giao, Bách-hội, Chiên-trung, Thần-định, Chương-môn, Phong-trì, Tiền-đanh, Thượng-tinh đều 3 trắng, Mạng-môn 1 trắng.

Kết quả : bụng dưới bớt đau, đau giảm bớt, buổi mai ăn được 1 chén cơm.

Trị lần thứ 2 ngày hôm sau. Hiện chứng tay chân tê, đầu xoay xẩm, các chứng cũ vẫn còn (xem lại bệnh này vì người to béo quá nên có thể phát chứng Trứng phong).

Trị pháp : Châm Phong-phū, Thái-xung, Khúc-trì đều tâ.

Cứu Bách-hội, Phong-trì, Phong-môn, Phế-du, Tam-lý, Phong-thị, Tuyệt-cốt, Thần-định, đều 3 trắng. Tam-ám-giao 3 trắng, E-phong, Thượng-tinh, Thái-dương, Đại-chùy đều 1 trắng.

Kết quả : Đầu xoay xẩm tê hết, chỗ bụng trên rún giảm bớt, ăn được.

Trị lần thứ 3 (hiện chỗ bụng còn đau) Châm Quang-uyễn tâ, Cứu Khi-hái, Túc-tam-lý, Phong-thị, Âm-thị đều 3 tráng, Trung-uyễn Thân-khuyết đều 1 tráng.

Kết quả : Các chứng hết hẳn, bình phục,

Trị bình bụng dưới thường đau bên trái qua mặt.

Bệnh nhân, Anh Hòa 28 tuổi bụng dưới đau khi bên trái khi bên phải, tim phiền nhiệt, ăn no thì chỗ ngực nặng đau, toàn thân các khớp xương đều tê rần bên trái thường đau, bình dã trên 1 năm đi Bệnh-viện xem cho là bị Mai-dộc. có Thầy cho là bộ phận tiêu hóa bình.

Trị pháp : Châm Túc-tam-lý, Công-tôn tâ, Khi-hái bđ, Cứu Chiên-trung, Trung-uyễn, Thiên-xu, Thân-khuyết, Kỳ-môn, Chương-môn, Thân-du, Mạng-môn, Đại-trường-du, Tiểu-trường-du, đều 3 tráng.

Kết quả : Bình hết hẳn.

Trị bình bụng trường, đau xoay xẩm :

Cô Thanh 46 tuổi bụng lớn, từ trên đến bụng dưới đều đầy trường, trong lùm làm bức rức phiền táo, đau xoay xẩm.

Trị pháp : Cứu Chiên-trung, Trung-uyễn, Chương-môn, Kỳ-môn Tam-lý, Tam-Âm-giao, Nội-quang, Can-du, Đởm-du, đều 3 tráng, Mạng-môn 1 tráng.

Kết quả : Bụng dưới bớt đau.

Trị lần thứ hai, Châm Hạ-uyễn, Thiên-xu, tâ, Khúc-trí bđ, Cứu Kỳ-môn, Chương-môn, Trung-uyễn, 3 tráng, Thân-khuyết 3 tráng.

Kết quả : Bình hết hẳn.

Trị bình bụng trường cứng tay chân nóng :

Châu Thị Quế 16 tuổi bình bụng trường cứng, ngực bể tắc không thông, không ăn được, bàn tay bàn chân nóng.

Trị pháp : Cứu Trung-uyễn, Chiên-trung, Chương-môn 3 tráng, Khi-hái, Quang-uyễn, Túc-tam-lý, Tam-Âm-giao 3 tráng, Nội-quang Phế-du, Đại-chùy, Phong-môn, Thân-khuyết đều 1 tráng.

Kết quả : Ăn uống được, lòng bàn tay bàn chân bớt nóng, chỗ ngực giảm.

Trị lần thứ 2 Trị y nhú trên không phản ứng.

Trị lần thứ 3 Châm Trung-uyễn, Túc-tam-lý, Nội-quang, tâ.

Kết quả : đi tiểu nhiều dai tiễn được thông đi nhiều, bụng hơi giảm.

Trị lần thứ 4 y như trước : kết quả giảm thêm.

Trị lần thứ 5 như trên thêm Tam-lý bồ 2. Cứu Chiên-trung, Thiên-xu, Khi-hải, Tam-âm-giao, Chương-môn, Thận-du, 3 tráng.

Kết quả : bụng trướng giảm nhiều ngủ yên, sau hết hẳn.

Trị bệnh trướng (Cổ trướng) Lá lách sưng đói không muốn ăn

Bệnh như Anh Hội 42 tuổi bụng lớn (cổ trướng) bên hông trái có nỗi cục cứng như sưng Lá lách, đói không muốn ăn, vì ăn rồi thì trướng lên ; lại hay thích uống nước lạnh không thích đồ nóng, đi thì mệt, sắc mặt mệt vàng, mắt hờ mờ, nước tiểu vàng, bình đỗ 3 tháng.

Trị pháp : Châm Nội-quang, Tam-lý tả phái

Cứu Thương-uyễn, Trung-uyễn, Hạ-uyễn Thủ-phần, Thủ-khuyết, Thiên-xu, Khi-hải, Quang-nguyên, Túc-tam-lý, Tam-âm-giao, Tuyệt-cốt, Mạng-môn, Dương-quang, Tỳ-du, Vị-du, Thận-du đều 3 tráng.

Kết quả : Ăn được, miệng bít mũi.

Trị lần thứ hai. Châm Chương-môn, Thiên-xu, Nội-quang, Tam-lý. Cứu như trước. Kết quả Tinh thần khỏe khoắn, nhưng sau 12 giờ trưa lại nồi trướng lên nặng.

Trị lần thứ 3 cách 1 ngày. Châm Trung-uyễn bồ, Tam-lý, Nội-quang đều tả, đè nấm lưu kim 1/2 giờ mới rút kim. Cứu như trên thêm Cách-du, Âm-lăng-tuyễn, Thái-bạch, Phong-long đều 3 tráng.

Kết quả : Bụng trướng giảm nhiều.

Trị lần thứ 4. Trị như trước châm thêm huyệt Kỳ-môn, tả.

Kết quả : Ăn được ; ngủ ngon giấc ; đi được chút ít.

Trị lần thứ 5. Châm Trung-uyễn tả, Tam-lý, Nội-quang, bồ.

Kết quả : Bụng trướng giảm tinh thần khỏe.

Trị lần thứ 6. Châm Quang-nguyên, Thái-bạch, bồ, Âm-lăng, Hành-gian tả. Cứu như lần thứ 1.

Kết quả : Ăn uống già lăug, tinh thần khỏe thêm.

Trị lần thứ 7. Trị như trên, kết quả bụng bớt nhiều, nhưng qua 3 ngày sau miệng khô đặc.

Trị lần thứ 8 và 9. Châm Trung-uyễn bỗ, Khí-hài tả, Thiên-xu bỗ, Nội-quang tà.

Kết quả: Bung bớt trường và nóng giảm, ăn ngon, miệng hết khô.

Trị lần thứ 10. Trị như trên; kết quả bung trường giảm nhiều, chỉ còn chỗ rún bên trái, nhưng trưa lại phát sốt đến nửa đêm mới hết, và sau buổi trưa thì 2 chân lại phát thủng.

Trị lần thứ 11. Châm Quang-nguyên bỗ, Khúc-trì tà, Nội-quang, Hành-cốc tà.

Kết quả: Chân bớt sưng nóng sốt giảm, đi cầu trước ra nước sau phần đen.

Trị lần thứ 12. Châm Trung-uyễn bỗ, Khúc-trì tà, Chương-môn Thiên-xu tà, Cửu Hạ-uyễn, Thủy-phần, Thần-khuyết, Thiên-xu, Khí-hài, Tỳ-du, Mạng-môn, Tam-lý, Tam-đam-giao đều 3 tráng.

Kết quả: Các bệnh đều giảm nhẹ, đại tiện như thường, rún bên trái còn cứng.

Trị lần thứ 13. Châm Thông-lý bên trái bỗ, Nội-quang tà, Chương-môn, Thiên-xu, bỗ Khí-hài, Túc-tam-lý bỗ, Thái-xung-tả (kết quả chỗ nỗi ở rún phát đau).

Trị lần thứ 14. Trị như lần thứ 3.

Kết quả: Châm trị rồi thì chỗ đau giảm, 2 chân và lưng hơi thủng.

Trị lần thứ 15, Trị y như trước.

Từ đây bệnh nhơn không lại trị nữa (hoặc bạn việc làm ăn mà bệnh đã giảm bớt nên không lại trị nữa.)

(Bệnh này chưa thấy rõ, nhưng nhận xét chắc bệnh đã hết.)

Các bệnh về Cổ trường (Phúc-thủy) xem mục bệnh Thận sau.

Trị bệnh Hoành-Cách-mô co thắt.

Chứng này khi ho thì phìa trên ngực phồng lên, phìa dưới thóp vào, thở ra thì phồng lên làm cho khó thở, ho như đàm vít khó chịu, bệnh thở mệt, nguy hiểm, bệnh này có khi phát đau 1 bên do Thần-kinh viêm hay Tích-tủy viêm, nhưng phần nhiều do Hoành-cách-mô bị bệnh dẫn phát.

Dùng các huyết chủ trị : Vị-du, Tam-liêu-du, Bất dung, Kỳ-môn, Nhựt-nguyệt, Cửu-vỹ lây châm cứu trị.

Nếu Hoành-cách-mô có rát làm nứt cục, tức do bộ phận tiêu hóa bị bệnh như Dạ dày, Lá-lách, Tuy-tạng, Gan, Mật, hoặc do bộ phận hô hấp bị bệnh, như vi Phổi thủng, Ho gà, Hung mạc viêm.

Người lớn tuổi bị bệnh là do nội tạng bệnh, trẻ con lịm là do thần kinh cảm xúc, như thính-môn bị hể thì có lúc khôi phục lại được nhưng nếu bệnh nặng diện trل lâu ngày làm cho tinh thần mệt, phải cần trị.

Dùng các huyệt chủ trị : **Chương-môn**, **Kỳ-môn**, **Cách-du**, **Khí-xá**, **Khí-hô**, **Không-tối**, **Phoong-tri**, **Thái-khê**, **Phong-phủ**, **tùy châm cứu trị**.

Nếu Hoành-cách mô bị co thắt làm cho ngực nổi to lên, bụng đạ trên trường, khó thở, tay chân lạnh, chứng nặng làm ngất xiêu.

Dùng các huyệt chủ trị : **Can-du**, **Đồm-du**, **Tỳ-du**, **U-môn**, **Bát-dung**, **Nhụt-nghẹt**, **Kỳ-môn**, **tùy châm cứu trị**.

XX.— BỊNH GAN, MẬT, LÁ LÁCH

Bệnh Gan lớn cứng.

Chứng trạng hông bên mặt có khồi cứng, bụng trường đạ dưới đau, đại tiện bí lỏng, ăn không ngon, mạch tả quan huyễn, hưu lực.

Trị pháp : Dùng các huyệt : **Thượng-uyễn**, **Trung-uyễn**, **Hà-uyễn**, **Thái-xung**, **Khí-hải**, **Hành-gian**, **Can-du**, **Kỳ-môn**.

Thủ thuật : Châm 3 huyệt Uyễn đều 1 tắt 5 phần, Khí-hải 2 tắt, Thái-xung 1 tắt, Hành-gian 8 phần, Can-du 5 phần, Huyệt Kỳ-môn, châm đầu kim xoay ra sau 1 tắt, bình bô bình tả, lưu kim 1 giờ đến 2 giờ, sau rút kim mỗi huyệt cứu 5-7 tráng.

Mỗi ngày hay cách nhặt châm ; Cứu trị 1 lần.

Cầm kỵ đồ ăn sanh lanh và kích thích.

Trị nghiệm : 1.— Cò Trần 32 tuổi, ngày 24/9 đến châm trị, cho biết bệnh trước đau Dạ dày trut, Gan lớn, trị đã 2 năm không công hiệu. Hiện chứng : Bụng trường, Bụng dưới đau, đại tiện bí, Gan lớn lấn sườn 3 ngón tay.

Trị pháp : Dùng các huyệt : **Thượng-uyễn**, **Trung-uyễn**, **Hà-uyễn**, **Hành-gian**, **Thái-xung**, **Kỳ-môn**, bình bô bình tả.

Ngày 28/9 trị lần thứ 2 cũng dùng y các huyệt ấy thêm Cụ.

khuyết, Khi-hải, Đại-dôn cũng áp dụng thủ thuật bình bồ bình tả pháp.

Ngày 28/9 trị lần thứ 3, hiện bệnh bụng dưới bớt đau, ăn uống được, Châm trị dùng các huyệt trên thèm Can-du,

Ngày 30/9 trị lần thứ 4 cũng dùng y như trước, và tiếp tục trị 23 lần cả thảy, kết quả : Gan nhỏ lại, ăn uống như thường, đi rồi kiểm xem thì Gan đã bình phục, bình hoàn toàn hết hẳn.

2.— Cô Thương 34 tuổi ngày 25-9 đều châm trị, hiện chứng trạng, chỗ vùng tim thường đau, bụng và Gan sưng cứng, đại tiện bí, ăn uống giảm ít, mặt mũi tay chân phát vàng, Gan lớn đến rùn đe đau.

Trị pháp : Dùng các huyệt : Thượng-uyên, Trung-uyên, Hạ-uyên, Kỵ-môn, Hành-gian, Thái-xuug châm bình bồ bình tả.

Ngày 27-9 trị lần thứ 2 cũng áp dụng huyệt trị như trước thêm Cự-khuyết, Khi-hải, Đại-dôn.

Ngày 29-9 trị lần thứ 3 chỗ ở tim bớt đau, bụng sườn còn hơi sưng cứng, trị như lần thứ 2.

Ngày 1-10 trị lần thứ 4 như trên thêm các huyệt : Can-du, Chỉ dương, Công-lon đều châm 5 phân, Lê-đoài 3 phân bình bồ bình tả. Tiếp tục châm trị như thế trước sau cả thảy 15 lần, chứng Huỳnh-dàn hết, Gan nhỏ lại còn lối 3 ngón tay.

Sau tiếp trị đến 30 lần, Gan nhỏ lại còn bằng ngón tay.

Tiếp trị trước sau cả thảy 40 lần Gan hoàn toàn bình phục như thường. (Thời gian trị hai huyệt Đại-dôn, Hành-gian thay đổi xử dụng).

Trị bệnh Gan thủng lớn bình mới phát (Can-ngạnh-hoa sơ kỳ).

Khi Gan mới phát bệnh thường sườn bên mặt có chỗ đe đau, bụng hơi trương, phát sốt, ăn uống không ngon, đại tiện táo bón.

Trị liệu : dùng các huyệt : Thận-du, Đại-trường-du, Bàng-quang-du, Tỷ-du, Vị-du, Bác-liêu, Kỵ-môn, Cự-khuyết, Túc-tam-lý.

Thủ pháp : Châm nhẹ các huyệt Thận-du, Tỷ-du, đều 4 phân Bác-liêu 2 phân, Túc-tam-lý 1 tấc 2 phân, bình bồ bình tả lưu kim 20-30 phút.

Cách 1 ngày châm trị 1 lần, và cần tinh đường tinh thần, cẩn thận dò sanh lanh.

Bệnh thuộc mạng tánh là vì ban đầu Trường Vị bị sưng huyệt, nhơn Gan cứng làm cho cơ năng bài tiết hấp thu yếu, nên ăn không biết ngon, làm ác tâm ấu thô, bụng trường đại tiện táo.

Châm cứu trị bệnh này bất kỳ Hư Thiệt đều dùng các huyệt:

Bà huyệt Uyển (Thượng, Trung, Hạ) Khi-hải, Can-du, Tỳ-du, Kỵ-môn, Túc-tam-lý làm chủ và tùy chứng thêm các huyệt phụ:

Như : Tiêu-tiện ít thêm Quang-nguyên, Âm-lăng-tuyễn.

Tim suy nhược thêm Thận-môn, Nội-quang, Tâm-Âm-giao.

Thô huyệt hay Nực huyệt thêm Xích-trạch, Nội quang, Hiệp-cốc.

Phù thủng thêm Thận-du, Đại-trường-du, Quang-nguyên, Túc-tam-lý, Tam-Âm-giao, Bác-liệu, Ngoại-quang, Âm-lăng và cứu các huyệt: Thủy-phần, Thận-khuyệt.

Châm cứu trị bệnh này cốt làm cho khí huyệt điều hòa, thông kinh lạc làm cho Gan tăng giá tăng huyệt để khôi phục cơ năng sinh lý của Gan và làm cho cơ năng Bì-tiết của Thận mạnh, thành mâu thuẫn Tỳ, tức là mục đích dưỡng Can; kiện Tỳ, lợi tiêu tiện làm yếu.

Trị bệnh Gan thủng, bụng trường, đau xoay xẩm.

Cô Chơn 30 tuổi nhơn áo sầu quá độ thành chứng Cản-huyệt do bệnh đã 3 năm, hiện nay phát Cổ-trường đau uặng xoay xẩm, ngực đầy cứng, toàn thân suy nhược, trong tim nóng, lòng bàn tay nóng, ớn lạnh, tiêu tiện ít, đại tiện táo bón, kinh nguyệt không đều, có bạch đái, nhiệt độ 38, rọi kiến thuộc bệnh Gan sưng và bụng nước.

Trị pháp: Châm Quang-nguyên bỗ 4 lần, Phục-lưu 2 huyệt bỗ 4 lần, Trung-uyễn, bỗ 2 tà 2, Âm-lăng (2 huyệt) bỗ 2 tà 1; Hành-gian 2 huyệt tà 3; Nội-quang 1 huyệt tà 3 lần.

Cứu Thận-khuyệt, Chiên-trung, Chương-môn, Thủy-phần, Thiên-xu, Cảnh-du, Can-du, Đởm-du, Tỳ-du, Vị-du, Tam-tiêu-du, Túc-tam-lý, Tam-Âm-giao, Thái-xung 3-5 tráng.

Kết quả: Trị xong phát ợ hơi, các chứng; đau ngực, tim, lòng bàn tay nóng đều giảm.

Trị lần thứ 2 như trên. Bệnh nhơn về nhà sau bệnh bớt nhiều. Nhưng vài hôm sau, vì phải giặt quần áo nhiều, quá lao lực và phải

dầm nước, rồi lại gây gỗ với anh em trong nhà, nên hôm sau phát bụng và chân đều thủng, ăn uống lần lần ít, bình trở lại trầm trọng, đến trị 1 lần nữa không kién hiệu (Châm trị không kết quả nữa).

Án lý: Vì bệnh này trị 2 lần công hiệu, nếu biết điều dưỡng kêt lần lần bệnh sẽ được.

- **Trị bệnh Gan sưng và Mật có hiện tượng bị bệnh.**

Anh Dương 36 tuổi, 2 tháng trước bệnh, đến Bệnh-viện trị cho biết bệnh Gan sưng, trị tại đây 4 tháng ruồi không kién hiệu, xin về nhà điều dưỡng, nhưng Gan dày bệnh lại trầm trọng chỗ vùng gan đau, nói chuyện càng đau nhiều, chỗ ngực cũng đau, thân không thẳng ngay ra được, trên bụng cũng có chỗ đè đau, hai bên Thái-dương cấn, miệng đắng khát nước luôn, nhưng không uống được, vì uống nước vào thì mửa ra đến nước xanh (nước mật), tiêu liệu thì vàng (vì Gan sưng đau nên nước tiêu vàng); khi Gan bớt đau thì nước tiêu hơi trắng, mặt đen khô đét, người mồ mệt không nằm ngồi được, lưỡi tưa vàng, đại tiện bí, hay ngứ.

Trị pháp: Châm Túc-lâm-khấp (2 huyệt) là 3 lần, Thái-xung, Nội-quang, Kỳ-môn, (bên phải) là 2 lần, Hành-gian là 3 lần, thích Khiếu-âm Đại đòn, Lệ-đoài ra máu.

Kết quả: Khi châm ra máu các Tinh huyệt thì bệnh nhơn tinh táo, khi châm tả các huyệt rồi, khát nước cho uống, lần này uống vào không mửa nữa, miệng bớt đắng, ngày hôm sau chỗ bụng bớt đau, tinh thần sảng khoái, lưỡi hết tưa vàng.

Trị lần thứ 2 (biện chỗ vùng Gan còn đau, đại tiện 2, 3, ngày không đi cầu.

Châm Thương-uyển, Nội-quang là 3 lần, Túc-lâm-khấp, Thái-xung, Kỳ-môn bên phải là 2 lần.

Kết quả: Đại tiện thông, ngực bớt đau, tinh thần khỏe đi đường được, ăn uống không mửa nữa.

Trị lần thứ 3, 4, trị như trên; Tinh thần khỏe nhiều.

Trị lần thứ 5. Châm Kỳ-môn bên phải, Chương môn phải, là 3 lần, Nhựt-ngnyệt phải, Khuỷu-hư, Hành-gian 2 huyệt, Túc-lâm-lý phải đều là 2 lần.

Kết quả: chỗ vùng Gan bớt, vùng ngực cũng bớt đau bớt đầy.

Trị lần thứ 6. Hiện bệnh còn xoay xẩm, chân yếu, và chỗ bụng còn đầy (do là 2 ngày nhiều quá). Châm trị Thương-uyển là 2 lần, bỏ 2 lần Khúc-tri bỏ 4 lần, Nội-quang, Tam-lý bình châm không tả.

Kết quả : vùng Gan như cảm giác nhô bớt, chỗ vùng Mắt hơi
khó chịu không muốn ăn.

Trị lần thứ 7 như trên ; thêm châm Đại-dôn, Khiếu-âm ra máu.

Kết quả : bôm sau ăn được.

Trị lần thứ 8. Cách 5 ngày nhơn vì mấy ngày ấy làm việc hơi
mệt, lại nằm dưới chỗ ẩm thấp phát lạnh, ho, khi ho chỗ tim đau,
cố ngứa. Châm trị cũng như trên.

Kết quả : sảng bôm ấy giảm, nhưng trưa bôm ấy phát sốt nên
lỗi lại nặng.

Trị lần thứ 9 Châm Nội-quang tả 2 lùn bỗ 2 lần, Kỷ-môn tả
1 bỗ 1, Thương-khưu 2 huyệt đều tả 3 lùn, Khí-hải bỗ 4 lần.

Kết quả : ăn nhiều, ngực bớt.

Trị lần thứ 10. Trị như trên bình hoàn toàn bình phục hẳn.

Trị bệnh Gan làm Huỳnh đản (Vàng da)

Bệnh này mắt vàng, da vàng, nước tiểu cũng vàng nhưng ít,
thường tinh thần mè mệt, vàng ngực sườn đè đau, xót xa không
biết nói, ăn khó tiêu chứng này có 2 chứng : Dương-huỳnh, sắc
vàng có phát sốt, miệng khát tiện bí. Âm-huỳnh sắc đậm mà hơi
mùa khói, có phát lạnh, làm Tiết-lả. (giã chảy).

Trị pháp : Dương-huỳnh dùng châm trị, Âm-huỳnh dùng cừu
trị nhiều hơn châm.

Trị pháp : Đều dùng các huyệt : Trung-uỷ-tendon, Nội-quang, Dõm-
du (châm) Như phát sốt tiện bí thêm Lao-cung, Dương-cương. Âm-
lăng-tuyễn, Can-du (châm), như có hơi màu khói thêm Tỳ-du, Kỵ-
ly, Chí-dương, Công-tôn trước châm sau cừu.

Trị bệnh Gan thành hắc đản. (Da thâm đen)

Em Thái học sinh đệ tam trường Pétrus-ky, bị bệnh da nỗi đen
tung đậm cùng cả mắt, môi, lưng, bụng tay chân như vết mực.

Bệnh này trước kia là chứng Huỳnh-đản (đau Gan làm vàng da)
dùng Âu được trị lùn lòn da hết vàng nhưng phát ra đóm đen, tung
tung đậm Âu được không công hiệu nữa, Bác sĩ nhà trường cho
rằng không có thuốc gì trị được nữa (theo lời em nói lại), người hơi
tiều tay, bắc đầu đi châm cừu trị các nơi cũng không công hiệu sau
đến xin chữa trị.

Trị pháp : Dùng các huyệt ; Nhơn-trung, Thủa-tương, Xích-trạch, Khúc-tri, Nội-quang, Kỳ-môn, Chương-môn, Đại-trú, Phong-môn, Phế-du, Can-du, Tỳ-du, Vị-du, Đốm-du, Bàng-qnang-du, Hại-trường-du, Tiêu-trường-du, Thận-du, Huyết-hái, Khúc-tuyễn, Túc tam-lý, Tam-âm-giao, Đại-dôn, Hành gian, Khiếu-âm.

Tất cả các huyệt thay đổi châm trị kích thích nhẹ lưu kim 20 đến 40 phút. Ban đầu 5, 7 huyệt, sau lần lần đến 9, 10 huyệt.

Tiếp tục châm trị, ban đầu liên tiếp trị bằng ngày sau cách 1 ngày trị 1 lần, Trong cho uống thuốc Đông-y, « Giải-dộc thanh-can », uống cả thảy 11 thang trị trong thời gian 2 tháng.

Kết quả : các vùng mặt, ngực tay chân lần lần mất hết vết đen và da trở lại tươi nhuận, bình giảm 8, 9/10

Sau vì bận việc học hành không đến trị nữa, nhưng về sau có người do em giới thiệu đến trị bệnh, hỏi thăm thì bệnh em đã hoàn toàn hết hẳn.

Trị bình tái Mật sưng.

Cháu Lê 18 tuổi chở ô tim khoản sườn thứ 8,9, có đi kèm đè đau, vùng Thượng uyển bên mặt sưng lớn, như có hơi xong lên cõi khóc chén, đầu xoay xẩm, tròng mắt đỏ, chở vùng mày mắt có nỗi mут đè đau, đại tiện mẩy ngày mới đi 1 lần, các Y sư đều cho là bệnh sưng tái mặt hay bệnh mật sạn, nhưng dùng thuốc trị không công hiệu.

Trị pháp : Châm Kỳ-môn, Nhứt-uguyệt bên mặt, Túc-lâm-khấp, Thái-xung, Nội-quang đều châm lưu kim, Thích huyệt, Đốm-du và Khiếu-âm ra máu. (vì người yếu nên không là nhiều mà chỉ lưu kim ngoài dùng thuốc xoa bóp chở đau).

Kết quả : hết đau.

Trị lần thứ 2 Châm Nội-quang, Kỳ-môn, Nhứt-uguyệt, Ư-môn, Chương-môn, đều lưu kim. Khuỷ-bư, Thái-xung-dùng 1 huyệt tã 1 lần, Khiếu-âm châm ra máu.

Kết quả : hết đau, thũng cũng xẹp lần.

Trị lần thứ 3, (chở ngực Cự-khayết còn đau).

Châm Nội-quang, 2 huyệt, Công-tôn, Thượng-uyển, Kỳ-môn, Nội-dinh, đều lưu kim châm Đại-dôn ra máu,

Kết quả : hết đau, hết sưng các chứng nhẹ hẳn.

Trị bình dần bà chữa, sưng tái mật.

Cô Thục 27 tuổi chưa 8 tháng chở dưới vú bên mặt phát nóng

nỗi hạch đau sưng, đè nhức, hắng ngày hay mửa, buổi mai mửa ra nước đắng (mùi).

Trị pháp : Châm huyệt Nhịt-nguyệt bên mặt lưu kim (nhơn người luè chất hư nên không tẩy mà lưu kim), châm Khiếu-âm ra máu.

Kết quả : Châm trị xong chỗ nỗi hạch hết đau, rồi dùng thuốc xoa chỗ ấy lần lần hết nóng,

Tiếp tục trị 3 lần nữa y như trên bệnh hoàn toàn nhẹ hẳn.

XXI.— BÌNH THẬN VÀ BÀNG-QUANG

Bình Thận có sạn.

Bệnh này phát vì nguyên nhân bị bệnh Phong-thấp, hoặc vì ăn thịt uống rượu quá độ, đàn ông từ 36 tuổi trở lên thường hay mắc phải vì nước tiểu ra không hết lâu đồng kết ở bộ phận Thận cung như sạn, sau chuyển qua niệu đạo, Bàng-quang.

Chứng trạng, phát đau tại bộ phận lạng Thận, dẫn đến Bọng-đái, Niệu-đạo, hòn dài, làm tiêu ít, tiêu ra máu, làm bể tắc niệu đạo nên có khi làm bí tiểu tiện, đồng thời làm mửa, bụng trương đầy, tay chân lạnh, cháu thản ra mồ hôi, rồi kiến Thận có sạn.

Trị pháp : Cần làm thông tiểu tiện dùng các huyệt : Tam-tiêu-du, Thận-du, Khi-bài, Mạng-môn, Chỉ-thất, Đại-trường-du, Tiểu-trường-du, Quang-nguyên-du, Tam-âm-giao, Âm-lăng-tuyễn, Thái-khê, tùy áp dụng châm cứu trị.

Nieu độc (tiểu có chất đan-bạch).

Bệnh này phần nhiều do Thận tạng viêm, mạng tánh làm cho niệu đạo bể tắc hoặc Thận bị trở ngại.

Chứng trạng đột nhiên nhức đầu, hay đau thường khó chịu, toàn thân có khi co rút, thở khó khăn, có khi làm ợ mửa, Áp huyết tăng cao, cấp tánh phát co rút rồi hết, phản phúc không chứng. Mạng tánh bệnh thể diễn tiến như bệnh Náo, làm mất ngủ nhức đầu, xoay xombok, ký ức giảm, nước tiểu có chất đan-bạch, tình thản khó chịu.

Trị bệnh này cần làm cho Thận kinh trung khu điều hòa lại.

Dùng các huyệt : Thiên-xu, Tả phúc-kiết, Mạng-môn, Thận-du, Khi-bài-du, Đại-trường-du, Tiểu-trường-du, Túc-tam-ly, Tam-âm-

giao, Đại-dôn, Lệ-doàn, Dùng-tuyễn, Tam-gian, Nhị-giao, Thiếu-phủ, Lao-cung, Ngư-lỗ, kích thích mạnh rồi rút kim.

Hoặc cứu các huyệt Nhị-gian, Tam-gian, Dùng-tuyễn (dùng hoàn ngại nhò cứu 10 tráng và tùy chứng trạng cứu những huyệt phổi hợp trị).

Trị bệnh Thận lao

Bệnh nhân Lê Khuê 36 tuổi đi tiểu nước đen có lợn cợn như máu bầm, đến Bình-viện rồi kiểm và thử nước tiểu thì thấy trong nước tiểu có vi trùng lao, cho là chứng Thận lao nhưng trị 5 tháng không công hiệu, lại thêm tiểu ra máu và đau buốt rất厉害, sốt,

Trị pháp : Châm Trung-cực, Âm-lăng-Tuyễn, Tam-âm-giao tâ 3 lần, Thái-khé bồ 2, tâ 2, Cứu Thận-du, Mạng-môn, Bàng-quang-du, Trường-cường 3 tráng. Kết quả ngày sau tiểu tiện hết ru máu, bịab lần lão hết hẳn.

Trị bệnh Bàng-quang ma tê (co thắt).

Tiểu tiện thắt cầm Buồng trường đau, đầu xoay xẩm.

Cô Hoa 19 tuổi đi tiểu cả ngày đi hoài không dứt, đầu xoay xẩm, bụng dưới đau, ăn ít tiêu, đại tiện 2-3 ngày đi 1 lần.

Trị pháp : Châm Thái-uyên bên phải bồ 4 lần, Khi-hải, Tam-âm-giao 2 huyệt bồ 3 lần, Chương-môn (phải), tâ 2 bồ 2 lần.

Cứu Chiên-trung, Chương-môn, Kỳ-môn; Quang-nguyên, Trung-cực đều 3 tráng.

Kết quả : Các chứng giảm nhiều, ăn uống được.

Trị lần thứ 2 cách 1 ngày. Châm Thái-uyên, Tam-âm-giao bồ 4 lần, Nội-quang bồ 2 lần. Cứu như trên thêm Trung-uyễn, Khi-hải 3 tráng.

Kết quả : Các chứng hết và bình phục hẳn.

Trị bệnh Thận viêm làm phù thủng.

Bệnh nhân Võ Minh 36 tuổi 10 năm trước chân thường hay sưng, lâu lâu phát 1 lần, nay lại sưng to dã 8 tháng không xẹp, đến Bình-viện thử nước tiểu cho biết bệnh làng Thận sưng.

Hiện bệnh toàn thân phù thủng lấy tay nhặt thi thủng xuồng, trước ngực đầy trương, chân cứng, đại tiện có máu đỏ, tiểu tiện ít mỗi tuần nhạt lại có di tinh 1 lần, thủng hết, nhưng sau 3 ngày phát thủng trở lại, người sắc vàng.

Trị pháp : Châm Phục-lưu, Phi-dương, Âm-lăng-tuyễn, Thái-xung (trái) bỗ 4 lần, Cứu Thận-du, Mạng-môn, Tý-du, Vị-du, 3 tráng.

Kết quả : Chân bên trái vận động được (chân bên trái nềⁿ bên trái có công hiệu), nhưng miệng còn khát nước, uống nước lần^ls, bụng trương, đại tiện có lợn máu.

Trị lần thứ 2 cách 2 ngày, Châm Phục-lưu, Phi-dương, Túc-tam-lý, Công-tôn đều bên trái bỗ 4 lần, Cứu như trước thêm Trung-uyễn, Chiên-trung 3 tráng, Kỷ-môn, Chương-môn 3 tráng, Khi-hải-Quang-nguyên, dùng ngại quyền cứu 3 lần.

Kết quả : Miệng bớt khát nước, bụng trương giảm 1/2.

Trị lần thứ 3 cách 3 ngày, trị như trên,

Kết quả : Chân xẹp 2/3, đại tiện hết ra máu.

Trị lần thứ 4 cách 4 ngày, cũng trị như trên.

Kết quả : Bụng trương giảm thêm 1/2, hết khát nước.

Trị lần thứ 5 cũng trị như trên. Lần này kết quả di tinh sau không phát thủng nữa, toàn thân tiêu hết, ăn uống khá.

Trị lần thứ 6 Châm Thái-uyễn, Phục-lưu, Nội-quang, Tam-Âm-giao đều bỗ 4 lần, Cứu y như lần thứ 2.

Kết quả : Kiến hiệu, các chứng hoàn toàn tiêu, thân khỏe khoắn, bình phục như thường.

Trị bình Thận tạng sưng hai năm, mặt phờ thủng.

Bệnh nhân Hà Giao 20 tuổi bị bệnh Thận 2 năm, mỗi năm kể đến mùa Đông thì phát làm bầm huyệt, mặt đen, đi đường thì thở mệt, lại thêm chứng nặng tai, nổi bạch ở cổ, nay đến mùa Đông cũng phai lại, mặt sưng phù.

Trị pháp : Châm Phục-lưu, Khúc-tuyễn, Phi-dương, Nhơn-trung, bỗ 4 lần, Cứu Thận-du, Mạng-môn, Dương-quang 10 tráng.

Kết quả : Má bết sưng thủng, Thận hết sưng.

Tiếp trị 2 lão nữa y như trên bình hoàn toàn bình phục.

Trị nghiệm : Trị bình Thận phát phu thủng, Châm bỗ các huyệt Quang-nguyên, Phục-lưu, Phi-dương, Cứu Thận-du, Mạng-môn rất hay, nếu có khiêm phát chứng gì thì phổi hợp huyệt trị đều công hiệu.

THỦNG TRƯỞNG

Trị chứng Thủy-thủng.

Chứng này ban đầu mẩn phù rồi dần cả mặt, tay chân, ngực,

bụng đều đầy làm khí suyễn, tiêu ít, dài sưng lớn, có bệnh trước phát bụng rồi ra đến tay chân, đầu mặt.

Trị bệnh này nên phân biệt cấp tánh và mang tánh.

Cấp tánh trị nên dùng châm trị nhiều hơn.

Mang tánh nên cần cứu trị nhiều hơn.

Trị pháp : Dùng các huyệt Trung-uyễn (châm) Thủy-phần (cứu) như mặt phù thêm huyệt Nhơn-trung, tay phù thêm Thiên-lịch, chân phù thêm Túc-lâm-khấp, Tam-âm-giao.

Như thè chất người suy nhược, bệnh khí thủng khi xopal, dùng các huyệt trên trước châm sau cứu già thêm Tam-liêu-du, Vị-du, Túc-lâm-lý đều cứu ắt công hiệu ngay.

Trị bệnh Cò trưởng.

Bệnh này hoặc chỉ trưởng bụng to, (Khi cò), chỉ trưởng ở bụng mà tay chân nhỏ, hay teo khô, bệnh nặng thì bụng nổi gần xanh,

Bệnh này mới phát người còn khỏe thì có thể châm cứu trị có kết quả, nếu đau lâu người yếu đuối trị khó kết quả.

Trị pháp : Dùng các huyệt : Trung-uyễn, Thủy-phần, Khi-hải, Thiên-xu, Túc-lâm-lý, Tỳ-du, trước châm sau cứu (huyệt Thủy-phần chỉ cứu).

Như tiêu tiện không thông thêm Tam-âm-giao, Âm-lăng-tuyễn.

Đại tiện lâú nước thêm Đại-trường-du, Nội-dinh trước châm sau cứu.

Ăn uống không tiêu thêm Nội-quang, Vị-du (châm, cứu).

Tiêu bí thêm Phong-long, Thừa-sơn.

Ngực đầy thêm Chương-môn, Cán-du (châm).

Trị bệnh Thấp-thủng.

Bệnh toàn thân thủng, đầu xoay xầm.

Bệnh nhon Lê Bôi 24 tuổi toàn thân phát thủng, 2 chân đều sưng, đầu xoay xầm chân ván bệnh đã 3 ngày (bệnh này vì bị thấp kinh), thường sau buổi trưa lại Thủng nặng hơn.

Trị pháp : Châm Túc-tam-lý bên trái, Công-tôn 2 huyệt, Tam-âm-giao 2 huyệt đều bỗ 4 lần. Cứu Vị-du, Tỳ-du, 5 trắng, Thận-du bỗ 3 trắng, Mạng-môn bỗ 1 trắng.

Kết quả : Châm trị sau ra mồ hôi nhiều, đi tiểu mồ hôi lại càng ra đậm dề. Ngày hôm sau toàn thân và chân hết thủng, đầu cũng giảm rồi lạn lạn bình phục.

Trị bệnh toàn thân đều Thủng, Tim hồi hộp.

Bệnh nhân Trần Huỳnh 72 tuổi, Thủng toàn thân trừ đầu không phát, tim nhảy mạnh hồi hộp, miệng đắng, ho thì phát tức, mửa ra nước miếng như bọt trắng, ban đêm không nằm ngủ được.

Trị pháp : Châm Phục-lưu bỗ 4 lần, Đại-lăng, Trung-uyên bỗ 3 lần Cửu Khi-hài, Quang-nghuyên, Trung-uyên, Bách-lao đều bỗ 3 tráng, Phong-môn, Phế-du đều 3 tráng.

Kết quả : Châm xong thấy dễ chịu, ngày sau toàn thân thủng xẹp 9/10 nằm ngủ nghiên được, ho, thở và miệng đắng đều giảm.

Cách 3 ngày trị lần thứ 2 Châm Đại-lăng, Trung-uyên đều bỗ 3 lần, cửu như trước.

Kết quả : Sau bệnh hoàn toàn hết hẳn.

XXII.— BỊNH VỀ TIẾU TIỆN

Trị bệnh Bàng-quang đầy mà tiêu tiện không thông.

Dùng các huyệt : Đầu ông, con trai ; Khi-hài, Thủy-dao.

Đầu bà con gái : Trung-cực, Thủy-dao.

Thủ pháp : Châm 1 tết đến 1 tết 5 phân, xoay vận kim cho cảm giác lê đến âm đạo mới thôi, lưu kim 30 phút.

Châm trị dài thông ngay.

Trị bệnh đi tiêu cứ rỉ ra hoài không dừng.

Thủ huyệt : Dùng huyệt Đại-dôn nam là, nữ hữu.

Châm thẳng vào 1 phân, xoay kim dày vào ngón chân cái bước về trước, lưu kim 30 phút.

Phương pháp này đã trị 3 người công hiệu.

Trị bệnh Đái đêm.

Trẻ con hay dài đêm là do tập ăn uống, hoặc vì có sỏi lỏi ở ruột. Người lớn ban ngày hay ban đêm bắc đi dài hoài thuộc chứng. Dị niệu cũng dùng phương này trị.

Dùng các huyệt chủ trị : Thần-du, Khi-hải-du, Эх-ly-tường-du, Bàng-quang-du, Bát-liêu, Trường-cường, Hồi-dương, Quang-nghuyên, Túc-tam-lý Tam-âm-giao, Quang-nghuyên-du, Đại-dôn, Nang-môn. Tùy châm cứu tri.

Trị bệnh già hay đi tiểu đêm.

Bà Xa 62 tuổi ban đêm cứ bắt đi tiểu hàng giờ, ngày cũng đi tiểu

Nhiều lần.

Trị pháp: Dùng các huyệt: Quang-nguyên, Trung-cực, Khi-hải, Túc-tam-lý, Phục-lưu, Thái-khê.

Trị lần thứ 1. Châm Khi-hải, Quang-nguyên, Phục-lưu, lưu kim 30 phút.

Trị lần thứ hai. Châm Khi-hải, 1 tấc, Trung-cực + tấc 5 phân, Thái-khê 5 phân, (thủ thuật đè trấp) lưu kim 30 phút.

Trị lần thứ 3. Châm Khi-hải, Túc-tam-lý 1 tấc ruồi, cũng lưu kim 30 phút. Cứ hai ngày châm trị 1 lần cả thảy 3 lần bình nhẹ hẳn.

Trị bình tiểu tiện dài từng giọt bụng dưới đau.

Trị bình này châm các huyệt: Khúc-cốt, Quang-nguyên, Trung-cực 1 tấc, Thủy-đạo + tất 5 phân, bình bồ bình tả lưu kim 1 giờ. Trong lúc lưu kim xoay vặn 1 lùa cho cảm giác lè đến âm đạo.

Cách 1 ngày châm trị 1 lần.

Trị nghiệm: Bà Tân 59 tuổi nhơn việc nhà làm quá lao nhọc cảm nhiễm phục lưu làm tiểu tiện gắt, bụng dưới đầy đau đến âm đạo rất khó sờ.

Dùng phương pháp trên châm trị 1 lần tiểu bởi gắt, trị lần thứ 2 bởi đau bụng, tiếp trị lần thứ 3 bình hết hẳn.

Trị bình niệu bế. (bí tiểu tiện).

Bình bụng dưới không đau nhưng đi tiểu rặng nước tiểu không ra.

Dùng các huyệt: Khi-hải, Quang-nguyên, Dương-lăng, Túc-tam-lý.

Thủ pháp: Châm các huyệt 5-6 phân, đè trấp, bình bồ bình tả pháp, lưu kim (Khi-hải, Quang-nguyên lưu 3-5 phút) Dương-lăng, Túc-tam-lý 5-6 phút), Châm trị trong thời gian 30 phút hay 1 giờ ắt tiểu tiện thông ngay.

Chú ý nếu bình này mà bụng dưới đầy đau không đi tiểu được là bí tiểu tiện thì châm Huyệt Khúc-cốt (châm thẳng vào 1 phân, xoay vặn kim, bảo bình nhơn ho 3 tiếng thì tiểu tiện thông ngay. Tiểu thông rồi rút kim ra. Phương này trị tiểu tiện bình bế bể lết, nếu có kèm chứng gì thì tùy chứng gia thêm huyệt thi trị,

Trị bình bí tiểu tiện.

Chứng Bàng quang đầy tức mà không đi tiểu được.

1.— Cô Lý 39 tuổi, vì sanh dẽ nhiều nên xin cột buồng trứng

khỏi sah (trị ở Bình-viện), sau về nhà lại biếu chứng đi tiểu gắt, ngày sau bụng trương lên, tiểu tiện chỉ rặn từng giọt đã 8 ngày, vì bị quá lâm đau lưng, đầu xoay xẩm, rất khó sờ không chịu nỗi.

Trị pháp: Châm Tam-Âm-giao, Khúc-cốt, Âm-lăng-tuyễn, kích thích trung đờ, lưu kim 15 phút, sau rút kim, trong 15 phút sau dài được, về sau tiểu tiện thông luân như thường.

2.— Cô Dương 33 tuổi có thai 2 tháng, sau phát chứng tim hồi hộp, thường làm mệt hay thở dốc, không nằm được ở Bình-viện kiểm tra chứng nhận vì tim lớn phía dưới, nén tim đậm có tiếng động, phổi bị ép nên thở mệt, bắt dần tri, nhưng sau lại phát chứng đi tiểu khó khăn, cứ bắt rặn hoài làm thai trút, phải nhờ cô Bồ tát cách đem thai ra, nhưng rồi lại phát tiểu tiện bì, đặt ống cho đi tiểu, bình dã 4 ngày. Sau nhờ châm cứu trị.

Trị pháp: Châm Tam-Âm-giao, Khúc-cốt kích thích trung đờ đến tê rặn tới bộ sinh-dục, lưu kim 15 phút, rút kim.

Kết quả: tiểu thông ngay, từ đó hết hẳn.

Trị bình lâu (Lâm bình).

Bình nhơn Lê Cang 28 tuổi, năm trước nhơn vì nhà bị cháy, nằm dưới đất, hơi xông lên làm bình, uống thuốc trừ thấp khí, sau sah chứng đi tiểu không có chứng (vô đờ) đến thành lâu, đi tiểu đau, nước tiểu đục như mủ, sáng dậy lại càng nhiều.

Trị pháp: Châm Quang-nguyên hở 3 tâ 1 lần, Tam-Âm-giao 2 huyệt bò 2 tâ 2, Cứu Thận-du, Mạng-môn, Bàng-quang-du 3 tráng, Bát-liệu 1 tráng.

Kết quả: Châm trị sau đó chứng mủ hết mà bụng dưới đau hơi xốc lên nhưng sáng đi tiểu hết đau, ngày sau thì âm đạo rất như lửa nóng.

Trị lần thứ 2. (Cách 1 ngày) Châm Tam-Âm-giao, Khúc-tuyễn (bên mõi), tâ 3 lần. Kết quả Âm đạo bít nóng rất, nhưng lại đi tiểu ra mủ.

Trị lần thứ 3 Châm Trung-cực, bò 2 tâ 2, Tam-Âm-giao tâ 3 lần.

Cứu như lần thứ 1. Kết quả đau giảm 1/2.

Trị lần thứ 4. Trị như trên, Kết quả tiểu bít mủ.

Trị lần thứ 5. Trị như trên, Kết quả tiểu hết đau.

Trị lần thứ 6. Châm Trung-cực bò 2, tâ 2 lần, Âm-lăng-tuyễn tâ 3 lần. Địa-cơ bên mõi) tâ 3 lần, Đại-lăng tâ 1 lần.

Kết quả : đi tiêu hết chất mù nhưng sắc còn đục trắng.

Trị lần thứ 7. Trị như trên.

Tử ấy không lại trị nữa.

Bệnh này lúc trị lần đầu cũng dứt, nhưng độc còn không ra hết, nên ngày sau làm cho âm đạo nóng rất, sau phải trở lại trị lại đến bây giờ mù hết còn đục đó là độc đã tiêu dần rồi, trị lần thứ 7 không lại trị nữa, tin chắc bệnh đã hết hẳn.

XXIII.— BÌNH DI, MỘNG TINH

Đi mộng tinh. Bệnh này do bộ sinh dục không được kiện toàn, thường do mộng giao hoặc có khi không mộng, vậy bệnh này nên phân ra 2 loại sau đây :

Về sinh lý Di tinh, thường thanh niên nam nữ, chưa kết hôn, tinh dịch phát kỳ, nên tinh tử bay mơ tưởng hoặc sau khi kết hôn lại di vãng, tinh dịch ứch nhiều nên khi ngủ, làm, can vương nằm mộng phát sanh tinh tự tiết, hoặc 1 tháng 1, 2 lần tinh xuất sau người không thay đổi gì, ấy là sinh lý tự nhiên không phải bệnh.

Về bệnh lý phần nhiều do thủ dâm, phòng sự quá độ, làm suy nhược bệnh ở tinh túy bị thương, lâu thành nặng bất kỳ vì tư tưởng không loại nguyên hay vì nguyên nhân nào dẫn phát cứ mỗi tuần nhuyệt 1, 2 lần, hay mỗi ngày 1 lần sau khi tinh xuất, người mệt, đầu xoay xẩm mắt hoa, đau lưng mỗi gối tay chân bâi hoái (ấy chứng nặng).

Nhưng chứng này thanh niên cũng hay thường mất phái, có khi vì độc dâm thư xem phim dâm sự, làm tinh động cũng phát làm ảnh hưởng nhiều đến sức khoẻ.

Trị bệnh này châm cứu cũng rất hiệu nghiệm.

Kinh nghiệm áp dụng phương thuật dưới đây bệnh nhẹ trị trong 3 hay 5 lần bệnh nặng cũng đến 20 lần là nhiều, có thể làm cho cơ năng sinh dục khôi phục lại hết bệnh, nhưng khi trị cũng cần xem bệnh nặng nhẹ để định phương thuật.

Trị pháp : Dùng các huyệt Thận-du, Chì-thắt, Khi-hái, Trung-cực, Tam-âm-giao, Âm-lăng-tuyền, Quang-nguyên (Bệnh nặng nên trọng yếu trị).

Thủ thuật : Trước châm Tam-âm-giao, Âm-lăng-tuyền, tiếp châm Khi-hái, Quang-nguyên, Trung-cực rồi châm Thận-du, Chì-thắt.

Huyệt Tam-âm-giao châm cảm giác tê đễn bộ sinh-duc. Các huyệt Khi-hái, Quang-nguyên, Trung-cực châm cảm giác tê đễn sinh-duc khi (âm đạo), huyệt Thận-du, Chi-thắt châm nhẹ mau nhưng cũng tê đễn trong bụng.

Nếu bệnh nhơn nhão nại cảm nhận tê như vậy thì châm trị kết quả ngay.

Nếu bệnh nhơn không chịu nỗi sự kích thích tê thì trước châm Tam-âm-giao, Thận-du, Quang-nguyên sau mới châm các huyệt khác hoặc có thể châm sau thêm cừu Quang-nguyên, Chi-thắt mỗi huyệt 6, 7 tráng.

Cách 1 ngày trị 1 lần, tiếp tục trị, bệnh nặng thì ngày nào cũng trị, nặng lắm cũng chỉ 20 lần kiêng hiệu ngay.

Trị bệnh Mộng Di tinh theo kinh nghiệm là vì Thần kinh suy nhược Tí nên cần làm cho cơ năng điều chỉnh lại theo phương thức sau đây :

Dùng các huyệt chủ yếu :

Túc-tam-lý, Tam-âm-giao, Hiệp-cốc, Nội-quang, Thần-môn.

Tùy bệnh lồng phổi hợp các huyệt như sau :

Mắt ngũ : Châm Thần-môn, Tam-âm-giao, Tâm-du, Thông-lý, Đại-lăng, Hiệp-cốc.

2) Hay nằm mộng ; Châm Ân-bach, Lệ-doài, Thiếu-thương, Nội-quang, Đại-dòn.

3) Mắt ngũ mộng nhiều Cứu Đại-chùy, Thần-trụ, Tâm-du, Hòn-môn.

4) Nhức đầu phía trước Châm Đầu-duy, Thương-tinh, Áo-đường, Thái-dương, Liệt-khnyết, Chiếu-hái.

5) Nhức đầu phía sau Châm Phong-tri, Hiệp-cốc, Khiếu-âm, Uỷ-trung.

6) Nhức 1 bên đầu Châm Tứ-trúc-không, Hiệp-cốc, Hành-gian.

7) Tim hồi hộp sợ sệt Châm Nội-quang, Thần-môn, Tam-âm-giao, Khi-hái.

8) Đầu xoay xẩm, hay quên, mắt trĩ nhớ. Châm Bách-hội, Tứ-thần-thông, Thương-tinh, Đầu-lâm-khấp, Phong-long, Hành-gian, Giải-khết, Âm-dò,

9) Án không tiêu Châm Thương-uyễn, Trung-uyễn, Hả-uyễn.

10) Phúc tã (Tã chảy) Châm Hiệp-cốc, Khi-hái, Quang-nguyên, Túc-tam-lý.

11) Tiện bì Châm Chi-cầu, Thiên-xu, Dương-lăng-tuyễn, Bát-kền.

12) Di tinh tảo tiết. Châm Quang-nguyên, Trung-cực, Khúc-cốt, Tam-âm-giao, Cứu Chi-thắt, Bát-liêu.

13) Dương nuy Châm Trung-cực, Quang-nguyên, Cứu Mạng-môn.

Những phương thức trên đây nếu bệnh thể không đồng thì tùy áp dụng không nên cầu nệ.

Trị nghiệm Bệnh Đêm mộng Di tinh.

Bệnh nhân Hà Quang 28 tuổi vì Thận suy đêm hay nằm mộng di tinh một tháng 2, 3, lần, ban ngày thức dậy thường đau lưng.

Trị pháp : Châm Phục-lưu, Tam-âm-giao bỗ 4 lần, Trung-cực bỗ 1 lần, Cứu Thận-du, Tinh-cung, Mạng-môn, Khi-hái, Quang-nguyên bỗ 5 tráng.

Kết quả : Đêm ấy bộ phận sinh dục nóng, làm Di tinh nhưng sáng dậy bớt đau lưng, 3 ngày sau hết đau.

Trị lần thứ 2 Châm Thái-uyên, Tam-âm-giao bỗ 4 lần Trung-cực bỗ 1 lần, Hiệp-cốc tả 2 lần, Cứu như trước thêm Đại-hích, Hồi-Âm, đều 3 tráng, sau cứu Bách-hội 5 tráng.

Kết quả : Châm cứu trị xong ngày sau ít đau lưng.

Trị lần thứ 3 trị như trên, lưng hết đau.

Trị lần thứ 4 đến lần thứ 7 đều trị y như trên.

Kết quả : Bệnh hết nhưng hai chân phát sưng.

Trị lần thứ 8 Châm Phục-lưu, Thái-uyên, Thủa-sơn, bỗ 4 lần.

Kết quả : Chân hết sưng.

Trị lần thứ 9 trị như trên, Tinh thần phấn khởi ăn ngon.

Trị lần thứ 10 Châm Thái-uyên, Phục-lưu, Tam-âm-giao bỗ 4 lần, Trung-cực bỗ 1 lần, Hiệp-cốc, tả 2 lần, Cứu như lần thứ 2.

Kết quả : Lưng hết đau, Di tinh không còn nữa, hoàn toàn bình phục.

Trị bệnh Di tinh, buồi mai thức dậy tinh tự chảy ra.

Bệnh nhân Lê Nguyễn 43 tuổi, mỗi buồi mai thức dậy tinh tự chảy ra làm lưng mỏi, đầu xoay xẩm, uống thuốc rất nhiều không công hiệu.

Trị pháp : Cứu Thận-du, 20 tráng, Tinh-cung 15 tráng, Khi-hái 10 tráng, Quang-nguyên 10 tráng (bỗ).

Kết quả : trị lần đầu ngày sau dậy không xuất tinh.

Ngày thứ 2 ban đêm tinh lại tự xuất. Trị y trên,
Trị lần thứ 3 trị như trên, sango vẫn còn chút ít.
Trị lần thứ 4 y như trên.

Kết quả : trị 4 lần bình hết hẳn.

Trị lý : Trị bệnh Di tinh theo hai bệnh trên đây, có khi bỏ thi
bỏ đúc, có khi bỏ lại làm huot tinh, ấy là vì nhơn cơ năng bị bệnh
không đều. Bệnh thứ 3, trị bỏ Thận nên đêm lại bộ phận sinh dục
nóng mà làm xuất tinh, ấy là vì kích thích bộ sinh dục quá.

Trị bệnh thứ nhất lại tâ Phế(huyệt Thái-uyên) và lâ Hiệp-cốc, sau
cứu Bách-hội làm cho tinh không xuống được nên có được Thận
vì vậy bệnh hết hẳn.

Trị bệnh Di tinh lâu năm không đúc

Bệnh nhơn Võ Quang 49 tuổi bị bệnh di tinh đã mấy năm, mỗi
tháng di tinh 2, 3, lần, đại tiện mỗi ngày 3, 4 lần, dùng đủ thuốc
không có hiệu.

Trị pháp : Châm bô Kh-L-hai, Quang-nguyên 4 lần,

Cứu Hồi-Âm, Thận-du. Đại-hích 3 tráng, Tinh-cuong 10 tráng,
Bách-hội 7 tráng.

Kết quả : Đương đêm ấy di tinh 1 lần.

Trị lần thứ 2 ngày sau : Châm Thái-uyên, Ngoại-quang, Tam-ly
Tam-âm-giao bỗ 4 lần, Cứu Bác-liên, Hồi-Âm, Trương-cương, Khúc-
cốt, Đại-hích, Bách-hội đều 3 tráng.

Kết quả : chiều hôm ấy lại di tinh 1 lần (các phương thức này
chưa chịu).

Trị lần thứ 3 (Cách 1 ngày) Châm Phục-lưu, Thận-môn, bên trái
bỗ 4 lần Trung-circ, Tam-âm-giao bên trái bỗ 1 lần, Nhơn-trung lưu
kim, Cứu Tâm-du, Nội-quang đều 3 tráng, Bách-hội 5 tráng.

Kết quả : Đêm ấy ngũ được nhiều.

Tiếp trị lần thứ 4, 5, đều y như trên.

Trị lần thứ 6 Châm thêm huyệt Phi-dương bỗ 4 lần.

Trị lần thứ 7 Châm Phục-lưu, Phi-dương, Thận-môn, Quang-
nguyên bỗ 1 lần Nhơn-trung lưu kim, cứu như trước.

Trị tiếp 6 lần nữa y như vậy.

Kết quả : Tinh thần khỏe khoắn trong 22 ngày không có di tinh tiếp
dùng thuốc bỗ bồi dưỡng, đại tiện đi bình thường 1 lần, bình phục hẳn.

Trị lý : Chứng này cũng trị bô thi di tinh, nên trị san cài lại thêm Thǎa-môn. Nhơn-trung là làm cho tim vượng thì ngũ yến, sau lần trị thêm Phì-dương. Quang-nghuyên bô không di tinh nữa, và bô lâu làm cho tình sang và cơ năng Đai-trường mạnh lên thì chứng di-tinh giảm mà đại tiện được bình thường hết bệnh.

Trị bệnh mỗi đêm đều có Di huyệt tinh không đúc, đầu xoay xẩm.

Bệnh nhơn Lê Tân 24 tuổi bị bệnh Di huyệt tinh đã 1 năm (mỗi đêm đều có di tinh), tay chân phát nóng, đỗ mồ hôi trộm, đầu xoay mặt hoa, chân yếu, đi đường muốn té, chèo ở tim đau, nước tiểu vàng, đại tiện táo, ăn uống như thường nhưng người mệt xanh, tinh thần bạc nhược.

Trị pháp : Cứu Tinh-cung, Thận-du, Khi-hái, Quang-nghuyên, Đại-hích, Phục-lưu bô 5 tráng, Túc-tam-lý, Tam-Âm-giao, Công-tôn đều 3 tráng.

Kết quả : đêm ấy không di tinh.

Trị lần thứ 2 cách 1 ngày Châm Quang-nghuyên, Đại-hích bô 4 lần, Trung-uyễn bô 1 lần. Cứu Chiên-trung, Thượng-uyễn, Hạ-uyễn Chương-môn đều 3 tráng Khi-hái bô 3 tráng, Thận-du, bô 5 tráng, Tinh-cung bô 9 tráng, Đại-hích bô 3 tráng.

Kết quả : khi châm trong 5 phút tim bớt đập, bô Quang-nghuyên thi hết, sau khi rút kim và cứu rồi thì thấy dễ chịu, tình lý chỉ,

Trị lần thứ 3 cách 3 ngày (Tình chỉ lại bụng đau nhiều, làm nóng). Châm Nội-quang trái bô 3 lần, Túc-tam-lý trái tâ 3 lgo, Tả-Trung-uyễn, 2 lần, không lưu kim. Cứu các huyệt như trên.

Kết quả : dạ dày hết đau, từ sáng đến chiều không muốn ăn nhưng không đói, nếu ăn nhiều thì muốn mửa, bụng đầy, đèn không ngủ.

Kết quả : Đêm ấy và đêm sau lại di tinh 1 lần.

Trị lần thứ 4. Vì nhận thấy người yếu không thể châm trị nhiều nên chỉ châm bô Quang-nghuyên 4 lần.

Trị lần thứ 5 cách 3 ngày, Hiện đại tiện bí, đau hông, trưa lạnh.

Châm tâ huyệt Trung-uyễn 5 lần (là mạnh nên vượng châm), ấn móng tay tại huyệt Nhơn-trung và Thiếu-thương thì bình phục (trị vượng châm).

Kết quả : trưa hết lạnh, không di tinh nữa, hết ra mồ hôi, đầu bết xoay xẩm.

Trị lần thứ 6 Châm bô Nội-quang 3 lần, Công-tôn tả 3 lần (bô tả xoong rút kim không lưu kim). Cứu Trung-uyễn, Chương-môn (và

bóng đam), Túc-lam-lý. (Mặc cứu họng ngực dày đều giảm nhẹ, thi thoái cứu), sau chở Dạ dày hết đau hẳn.

Trị lần thứ 7 cách 10 ngày. Từ trị lần thứ 1 đến nay di tinh có 1 lần, Cứu Chiên-trung, Thượng-uyễn, Trung-uyễn, Hạ-uyễn, Chương mòn đều 3 tráng Thành-du, Khi-hái, hổ 5 tráng Túc-lam-lý hổ 9 tráng.

Tụ hàn bình di tinh bết hẳn, bình Dạ dày sau dùng thuốc thêm cũng điệu, bình phục.

Trị lý : Trị bình này vì di tinh nặng mà lại thêm đau Dạ dày nên mấy lần đầu trị có lần bị vựng châm là dạ dày bị kích thích mạnh đến xung tâm kinh.

Vậy theo cách trị mấy bình trên đây không giống nhau, nên khi trị bình này cần đổi chứng và tùy theo chất bình nhơn mà áp dụng mới được công hiệu.

XXIV.— CHỨNG DƯƠNG NUY (Liệt dương)

Trị chứng Dương nuy thường dùng các huyệt sau đây :

Bách-hội, Cách-du, Thành-du, Mạng-mòn, Dương quang, Quang-uyễn, Trung-cực, mỗi ngày cứu trị 1 lần.

Hoặc dùng những huyệt chủ yếu : Thành-du, Quang-uyễn, Khi-hái, Tam-âm-giao, Âm-lăng-tuyễn.

Và những huyệt phụ Trung-cực, Nhiên-cốc, Âm-cốc, Chiếu-hái.

Trước châm Tam-âm-giao, Âm-lăng-tuyễn, tiếp châm Quang-uyễn, Khi-hái già cứu Quang-uyễn, Khi-hái nhồi tráng ắt công hiệu.

Hoặc dùng phương sau đây :

Châm Quang-uyễn 2 tấc hổ pháp, Trung-cực 2 tấc, Khi-hái 1 tấc rưỡi, Thượng-liêu, Trung-liêu, Thủ-liêu đều 5 phân lưu kim 30 phút đến 1 giờ, cách nhau trị 1 lần. Châm trị tiếp 6 lần ắt công hiệu.

Phương thuật dưới đây cũng trị nghiệm hai người bị bình Dương-nuy : Anh Lợi 45 tuổi, và Anh Võ Đô 32 tuổi bị bình Dương nuy đều dùng trị 3-4, lần nhẹ hẳn.

Châm các huyệt : Công-lôn, Lây-cầu, Thành-du, Chí-thất, Tam-âm-giao, Trung-cực, lưu kim 30, 40 phút.

Trị bình Dương-nuy, tiều tiện vô độ.

Bị h nhơn Lê Tuyên 32 tuổi bị Thành suy bần huyệt tay chân vô lực, đầu xoay xẩm, ra mồ hôi trộm làm hôi hộp, ăn không tiêu.

bình dương vật bất khoái, đều liệt ngày đi 7, 8, lần, đêm 2, 3, lần, sắc mặt đỏ.

Trị pháp : Châm Phục-lưu 2 huyệt, Túc-tam-lý, Thái-uyên, đều bỗng 4 lần, Nội quang bỗng 3 lần, Cửu Khi-bài, Quang-uyên, Thận-du, Mạng-môn, đều bỗng 3 tráng.

Kết quả : Đêm ấy hơi hết đi tiêu, mặt hơi đỡ.

Tri lần thứ 2 : Châm Phục-lưu 2 huyệt, Túc-tam-lý, Tam-âm-giao, Thái-uyên đều bỗng 4 lần.

Kết quả : Đầu ấy dương vật hơi nóng hơi khởi lên, không ra mồ hôi, mặt hơi đỡ, tình thần khỏe khoắn, về sau bình phục,

Trị bệnh đòn ông tinh trùng bị bệnh (Nem tinh thọ thai bất năng)

Đòn ông bị bệnh này vì xạ tinh cung bể, hoặc vì bệnh Lậu sau phát sanh, vì phong sự quá độ, hay vì thủ dâm, thần kinh suy nhược sau có khi cũng phát (giao cấu không xạ tinh) hoặc xuất tinh dịch mà không có tinh trùng (cần kiểm tra tinh dịch để biết tinh trùng). Hoặc vì bệnh Lậu làm Tất-hoàn-viêm phát bệnh, Tất hoản không sanh tinh trùng hoặc do gãy dǎn tinh bị bệnh sau bể tắt nên tinh trùng không ra (chỉ liết ra chất tinh dịch không tinh trùng) hoặc vì tinh trùng không tốt, hay xạ tinh cung bị co rút.

Trị bệnh này cũng dùng các huyệt như trị bệnh Di tinh và cần kiểm tra tinh trùng thì mới kết quả.

Dùng các huyệt : Quang-nghuyên, Đại-hịch, Trung-cực, Thiên-xu, Khúc-cốt, Túc-tam-lý, Phong-trì, Thiên-trụ, Đại-trứ, Kiên-ngoại-du, Đại-chủy, Thủ-trụ, Bác-liêu, Mạng-môn, Tam-âm-giao. Tùy chứng châm cứu trị.

XXV.— BỆNH VỀ TINH HẸ (Hòn dài sưng, Xén khứ)

Bệnh hòn dài sưng lớn đau nhức, khi mới phát cấp tách, cũng có phát nhức dần, phát sốt, thường hay đau 1 bên (rất ít hai bên), sau lâu thành mang tách, làm bệnh xán khứ.

Thủ huyệt : Dùng các huyệt : Túc-tam-lý, Hiệp-cốc, Khúc-tuyễn, Tam-âm-giao, Trung-đô, Đại-bào.

Mỗi ngày châm trị kích thích mạnh 1 lần, châm trị nhiều lần ắt tiêu. Hoặc dùng phương sau đây ; Các huyệt chủ yếu : Đại-dôn, Hành-gian, Quang-nghuyên, Khi-xung, Độc-Âm, Tam-âm-giao, những huyệt phụ : Quý-lai, Thủ-du, Địa-cơ, Trung-cực.

Thứ pháp : 1) Trước châm Tam-âm-giao, Âm-áng-u ẩn, tiếp châm Quang-nguyên, Khi-xung và cứu tại chỗ bụng đau kịch (thiên ứng), 2, 3, tráng.

2) Cứu huyệt Đại-dôn và Độc-âm 3, 4, tráng như chưa hết đau thì tại chỗ đau (thiên-ứng) lấy trực kinh đo 1 vòng rồi gấp làm 3 đè tại rún và ngay dưới rún làm thành hình 3 gốc đều nhau, cứu lại hai bên hình ba gốc ấy 2, 3, tráng ắt hết đau.

3) Cứu Đại-dôn, Hành-giao 3, 4, tráng (đau bên trái cứu bên mặt, đau bên mặt cứu bên trái).

Theo 3 phương pháp này thay đổi trị rất công hiệu.

Trị bệnh sưng dai làm Xán khí.

Bệnh nhân Văn Nguyên 28 tuổi, hai hòn dai sưng, bụng dưới trương lên làm Xán khí.

Trị pháp : Châm Khúc-tuyễn, tà 3 lần, kết quả bụng trương giảm. Trị lần thứ 2 cách 4 ngày. Châm Khúc-tuyễn hở 2 tà 2 lần.

Kết quả : Bụng giảm đau nhưng chỗ hạch dài còn.

Trị lần thứ 3 cách 3 ngày. Châm như trên thêm Tam-âm-giao bỗ 2 tà 2 lần.

Kết quả : bụng hết đau chỗ hạch nhỏ lại.

Trị lần thứ 4. Châm trị như trên, chỗ hạch lại nỗi đau nhưng đè thi không đau, ấy là châm lực làm kịch chỗ hạch ấy.

Trị lần thứ 5. Châm Khúc-tuyễn Thái-khé hở 3 tà 1 lần. Cứu Thận-du, Trưởng-cường, Hồi-âm 3 tráng, Mạng-môn 1 tráng.

Kết quả : Chỗ hạch tiêu nhão lại.

Trị lần thứ 6 y như trên, và tiếp trị lần thứ 7, bệnh hết hẳn.

— Trị bệnh sưng dai thuộc cấp tách.

Bệnh nhân Nguyễn Côn 30 tuổi, bệnh dai sưng lớn, đồ phù thủng, khi đau chạy từ lưng xuống dai, bụng dưới đau dữ, từ rún đến dai rặn đau, tim hồi hộp, bệnh đã 6, 7 ngày, ban đêm đau không ngủ được.

Trị pháp : Cứu Bách-hội, Đại-chùy, Thận-du, Mạng-môn, Phế-du, Chiên-trung, Trung-uỵền, Chương-môn, Kỳ-môn, Túc-tam-ly, Tam-âm-giao, Đại-dôn, Độc-âm, Thái-khé đều 3 tráng.

Kết quả : Cứu xong bệnh giảm bớt, nhưng khát nước, uống nước mía bị lạnh lại đau, từ dưới dai xộc lên đè sang đau.

Trị lần thứ 2. Châm Khúc-tuyễn, Thái-khé tà 4 lần. Cứu Khi-hái, Quang-nguyên 3 tráng. Kết quả bệnh giảm 1/3, ngủ được.

Trị lão thứ 3 như trên. **Bụng dưới** phát đầy đau.

Trị lão thứ 4. Châm Khi-hài, Thái-khê bên trái bồ 4 lần, Chương-môn, Kỳ-môn, 2 huyệt, Ủy-trung, bên trái, Khúc-tuyễn bên phải 2 lần.

Kết quả: bụng dưới hết đau. đầu hết xoay xẩm, đêm lại phát gùa cả mình.

Lần thứ 5 hiện dai cồn sưng đau dẫn đến bụng, lưng cũng đau không đứng thẳng được. Châm Khi-hài, Thái-khê, bồ 4 lần, Khúc-tuyễn, Ủy-trung, Chương-môn, Kỳ-môn tả 3 lần. Cứu như trị lão đau.

Kết quả: Hết ngứa, dai đến trưa lại nóng ran.

Trị lão thứ 6. Châm trị như trên, dai nhô lại và nóng giảm bởi lưng bụng bớt đau.

Trị lão thứ 7 cũng châm cứu trị như trên.

Kết quả: ngày hôm sau hết hẳn, bình phục.

— **Trị bình sưng dai thuộc mộng tinh.**

Bình nhơn Lê Hậu 25tuổi dai bên trái lớn, bên mặt nhỏ, động đến thì rệp xuỗng, đau ran đến lưng, Đầu thường xoay xẩm đi kèm đau, có lợn chất trắng (Bạch-trọc) hình đât 2, 3 năm.

Trị pháp: Châm Khúc-tuyễn bên trái tả 3 lần, Trung-cực tả 2 bồ 2 lần.

Cứu Thận-du bồ 5 trắng, Mạng-môn Bồ 3 trắng, Tiêu-trường-du bồ 3 trắng, Trường-cuồng 3 trắng, Bác-liệu đều 1 trắng.

Kết quả: Tiêu-liệu hết đau, lưng giảm, dai rệp cũng bớt, đầu không xoay xẩm. Trị tiếp lão thứ Hai như trên.

Kết quả: Dai hết sưng bình nhẹ hoàn toàn.

Bình này lâu mà chỉ trị 2 lần kết quả mỹ mãn.

Trị bình Thiên-trụy (Đái trệ).

Bình nhơn Trần-văn-Chi 65 tuổi, Dai bên mặt sưng đỏ như cái trứng gà, lòng thòng xuỗng 3 tác làm đau nhức, đứng thi thoảng chạy xuỗng, nằm thi thoảng lên.

Trị pháp: Châm Khúc-tuyễn, Thái-khê bên mặt bồ 4 lần, Khi-hài bồ 2 là 2. Khi-xung mặt tả 3 lần. Cứu Chương-môn, Kỳ-môn, Quang-ngnyễn, Tam-giác-huyệt, Thận-du, Mạng-môn, Tiêu-trường-du, Hại-dôn, Hại-chúy, Phế-du, Khi-xung (châm già cứu) đều 3 trắng.

Kết quả : Dái bớt sưng, đứng không chảy xuống nữa.

Trị lần thứ 2. Châm cứu trị như trên, Dái nhỏ lại và hết đau.

Cách 3 ngày sau trị thêm 1 lần nữa cũng y như trên.

Kết quả : Lần lần dái teo lại và hết hẳn, bình phục.

XXVI.— PHONG THÁP, BỊNH PHONG TÊ-XHÁP

Bệnh nhứt Thần kinh khớp xương.

Dau khớp xương dần gối, khớp xương cùi chỏ, cùm tay, đau như bị châm bị đốt, đau cả trên dưới, nếu nặng lắm chỏ cơ nhuc eo rút, da thịt rắn đau, đè nhẹ cũng đau kịch.

Thủ huyệt : Nhức tại đầu gối dùng các huyệt : Tất-nhản, Ủy-trung, Âm-lăng, Tam-âm-giao, Côn-lôn.

Mỗi ngày châm kích thích trung độ, cũng dùng ngai cứu hoặc tại các huyệt chỏ đau dùng phương pháp châm lưu kim.

Nhức cùi chỏ : Dùng các huyệt : Dương-tri, Dương-cốc, Dương-khê, Hiệp-cốc, Trung-chử, Ngoại-quang.

Mỗi ngày hay cách nhứt châm trị.

Phụ phương : Hoặc dùng những huyệt : Hoàn-khiên, Ủy-trung, Phong-thị, Dương-lăng, Âm-lăng, Tất-nhản, Xích-trạch, Khúc-tri, Kiên-ngung, Cự-cốt, Côn-lôn, Giải-khê, Thần-mạch, Chiếu-hải, Trung-phong.

Dau khớp xương đùi châm các huyệt : Ủy-trung, Âm-lăng, Dương-lăng, Tất-nhản.

— **Dau khớp-xương vai.** Châm các huyệt : Kiên-ngung, Khúc-tri, Cự-cốt.

— **Dau khớp cùi chỏ.** Châm các huyệt : Khúc-tri, Xích-trạch, Hiệp-cốc.

— Nhứt đau nhức các khớp xương các chỏ khác thì tùy dùng các huyệt phụ cận mà châm trị.

— **Bịnh Phong-tháp** đau khớp xương không nhứt định.

Dùng các huyệt : Phong-tri, Hiệp-cốc, Côn-lôn, phối hợp các huyệt : Khúc-tri, Thủ-tam-lý, Dương-lăng, Phong-thị, Khuỷu-hư, Thái-xuong.

Thủ pháp : Châm Phong-tri 1 tấc (xiên vào) Hiệp-cốc, Côn-lôn 1 tấc, Khúc-tri 1 tấc 5 phân, Thủ-tam-lý 5-7 phân, Trung-chử 3-5 phân, Túc-tam-lý, Dương-lăng 1 tấc, Phong-thị 5-8 phân, Khuỷu-hư,

Thái-xung 3 phần, bình bồ bình tả pháp, lưu kim 1-2 giờ.

Hoặc châm xong già cùu mỗi huyệt 5 phút.

Các huyệt tùy linh hoạt sử dụng mỗi ngày hay cách nhau châm trị.

Bình Phong trào cổ (Lec châm). Trật gối.

Ngủ dậy đầu trật nghéo 1 bên đau không lay động được.

Trị pháp: Áo huyệt Tân-thức (biệt-huyệt), dưới huyệt Phong-tri, dưới mý tóc 1 tấc rưỡi, phối hợp với huyệt Huyền-chung.

Thủ pháp: Trước châm huyệt Huyền-chung từ 1 tấc đến 1 tấc rưỡi châm trở xuống xoay vận kim 2 lần bình bồ bình tả, lưu kim, sau châm huyệt Tân-thức 8 phần, châm xiên ra ngoài lưu kim 30 phút.

Châm trị vài ngày át hết, phương này đã áp dụng trị 2 người có công hiệu).

Trị bình Phong-trật gối, Cổ vai sưng nhức không xoay-vận được.

Dùng các huyệt: Phong-tri, Kiên-linh, Phong-phủ, Đại-chùy, E-phong.

Thủ pháp: Châm Phong-tri 8 phần, Kiên-linh 8 phần, Phong-phủ 4 phần, E-phong 6 phần, Đại-chùy 4 phần, Kích-thích mạnh xoay vận lưu kim 30-40 phút, mỗi ngày châm trị 1 lần (đã trị 9 người châm 2 lần hết hẳn).

Bình Cổ thẳng cứng xoay động đau nhức.

Thủ huyệt: Phong-tri, Tuyệt-cốt, Thiên-trụ, Kiên-trung-du, Liệt-khuỷết, Châm Phong-tri 8 phần, Tuyệt-cốt 1 tấc xoay vận lưu kim 30-60 phút. Hoặc châm bên đau huyệt Thiên-trụ, Kiên-trung-du, và Liệt-khuỷết 3-5 phần xoay vận cho cảm giác tê thì hết đau. Nếu chưa bình phục ngày sau trị 1 lần nữa át công hiệu ngay.

Trị nghiệm: Cô Mã 29 tuổi bị bệnh Phong trật gối, uống thuốc gì cũng không hiệu sau áp dụng châm trị dùng Phong-tri và Tuyệt-cốt châm trị 3 lần bình hết hẳn, áp dụng trị 10 người nữa cũng hết hẳn.

2 — Cổ Tú 25 tuổi, ngũ dậy đột nhiên cảm giác Cổ cứng đơ không xoay được. Dùng châm trị áp dụng các huyệt : Thiên-trụ, Kiên-trung-du, Liệt-khuỷết châm 2 lần hết hẳn.

Chú ý: Các phương thức trị bình Phong trật gối trên đây đều dùng 1 huyệt bên cạnh ở tay, chân hoặc ở lưng đều kích thích mạnh.

Lâu-Kiên-phong (Phong nhức khớp xương vai).

Vai tê, khớp xương vai đau nhức không vận động được.

Trị pháp : Dùng các huyệt : Kiên-ngung, Kiên-liêu, Kiên-trinh, Cự-cốt, Thiên-lôn, Tý-nhu, Khác-tri, Hiệp-cốc.

Dùng pháp Ôn châm : Châm kim rồi đè ngại lên cán kim đốt cho Ôn độ theo kim vào làm cho chỗ đau, cảm giác có nhiệt độ thâm nhập vào thì mới có kết quả.

Trị nghiệm : Đã trị nghiệm có bệnh đau 8-9 tháng, có bệnh đến 20 năm cả thảy 24 người thì 10 nhẹ hẳn, 14 người giảm nhiều ấy là vì bệnh lâu mau và tùy thời gian trị nhiều ít nên kết quả không đồng. Vậy phương này đã áp dụng trị kết quả 90/00.

Bệnh Vai Nách, cùi chỏ đau nhức.

Thủ huyệt : Dùng các huyệt : Kiên-ngung, Khác-tri, Hiệp-cốc.

Thủ pháp : Trục châm huyệt Kiên-ngung, Khác-tri đều 1 tắt, Hiệp-cốc 7, 8, phân. Tùy chứng trạng áp dụng bỗ tà (hư hổ, thiệt tà) không dùng bình bỗ bình tà. Chỉ châm xoay vận kim từ 10 đến 20 phút rút kim, bóp nhẹ châm trị 1 lần, bình nặng mỗi ngày châm trị 1 lần.

Bệnh Vai, cánh tay đau, khó vận động.

Dùng các huyệt : Kiên-trinh, Thiên-lôn, Kiên-ngoại-du.

Thủ pháp : huyệt Kiên-trinh (ngay lồng chỉ nách phía trên 1 tắt) châm vào 8 phân, xiên lên trên 1 tắt 7 phân là huyệt Thiên-lôn châm thẳng vào 8 phân, (ngay chỗ xương kiên-giáp-cốt), Cứu huyệt Kiên-ngoại-du (huyệt Đầu-đạo do ra 3 tắt), cứu đến đỏ da. Hai huyệt kia lưu kim 20 đến 60 phút.

Trị bệnh Vai, mắt đau, cảm lạnh.

Bệnh nhơn Lê-Quang bên vai, mắt đau tê lạnh, mắt mờ.

Trị pháp : Châm Kiên-ngung là 3, cộng 3 lần bỗ 1 lần, Thủ-tam-tý bỗ 4 lần. Kết quả vai bết đau, mắt sáng, tinh thần khỏe khoắn như thường.

Trị bệnh Vai đau, tay không đưa lên được.

Bệnh nhơn Hà-Sơn 65 tuổi vai đau tay không đưa lên được.

Trị pháp : Châm Kiên-ngung, Kiên-tinh bỗ 4 lần, Khác-tri, Ngoại-quang tả 3 lần, Cứu Kiên-ngung, Kiên-lich (châm rồi lấy kim cứu 3 tráng).

Kết quả : Vai đau giảm tay đưa lên cao được.

Trị đau thứ 2 trị như trước. Bây giờ vai hết đau, lết chạy đến cùi chỏ đau, ngón tay té.

Trị lần thứ 3 Châm Khiết-trí, bồ 4 lần, Hiệp-cốc, Ngoại-quang tâ 3 lần.

Kết quả bình hết hẳn.

Tử ký : Châm trị vai hết đau mà chạy xuống cùi chỏ ấy là độc bình, chạy xuống, không cần trị nữa cũng hết bệnh.

Trị bình từ vai đến cùi chỏ đau, tay không cử động được.

Bình nhơn Tử 45 tuổi, đau từ vai đến cùi chỏ, làm tay không cử động được, chiều lại đau nhiều, đêm càng nặng, dùng đủ thứ thuốc không công hiệu bệnh đã trên 8 tháng.

Trị pháp : Châm Kiên-ngung tâ 3, công 3 lần, Khúc-trí tâ 3 lần.

Cứu : Thủ-ngù-lý, Nhu-hội, Xích-trạch, Khúc-trạch, Thủ-tam-lý, Khúc-trí đều 3 trắng.

Kết quả : Chiều giảm nhiều bớt đau, vai cũng như thường, nhưng đau ran ra hai bên, tay trái cử động được.

Trị lần thứ 2. Châm Ngoại-quang, Tiêu-hài, tâ 4 lần, Cứu như trước thêm Thiên-lôn, Kiên-linh, Trung-cử, Nội-quang, Ngoại-quang và chỏ đau đều 3 trắng.

Kết quả : hết đau tay cử động được.

Trị lần thứ 3 Châm tâ chỏ đau (thiên-ứng) 3 lần. Tay trái đưa lên được.

Trị lần thứ 4 cũng châm tâ chỏ đau 3 lần.

Kết quả : tay đưa cao lên được, bình hết hẳn.

Trị bình các khớp xương sưng, từ vai đến nách đau.

Bình nhơn Thị Giao 40 tuổi, 8 tháng trước các khớp xương ngón tay đau lần lần các chỗ ấy lai sưng lên, tay trái chỏ nách sưng đau, elan hai khớp xương đau, gối cũng đau, từ cổ đến nách ngực không dười cũng đau, đôi khi không muốn ăn.

Trị pháp : Châm Khúc-trí, Xích-trạch, Kiên-linh, Tam-âm-giao, Khi-hài tâ 3 lần. Cứu Bách-hội, Phong-trí, Phong-môn, Phê-du, Đại-trứ, Kiên-ngung, Hiệp-cốc, Thủ-tam-lý, Trung-uỷ-êu, Chiên-trung, Hoàn-khiêu, Phong-thị, Âm-lăng, Dương-lăng, Túc-tam-lý đều 3 trắng, Thủ-thập-tiết, Thủ-hắc-phong đều 1 trắng. Thần-khuyết 3 trắng, trong cho uống thuốc.

Kết quả : Tay từ cổ vai đến nách giảm, cổ xoay được dễ dàng (trước đây không xoay được).

Trị lần thứ 2 trị y như trước, châm thêm huyệt Hiệp-cốc tay trái là 4 lần. **Kết quả :** Các chứng đau bụng, đau đầu gối đều giảm.

Trị lần thứ 3 Châm Đại-chùy, Phong-môn, E-phong, Khúc-tri, Hiệp-cốc, Ngoại-quang đều là 4 lần.

Kết quả : Các chứng đều hết bình nhẹ hẳn.

Trị bệnh toàn Thân các khớp xương đau, sợ gió, đại tiện bí.

Bệnh nhân Trần Phát 50 tuổi, toàn Thân nặng nề, các khớp xương đều đau, cò đau, đầu xoay xẩm sợ gió, miệng đắng ưa uống nước lạnh, mặt mệt vàng, đại tiện 6,7, ngày không đi, nhiệt độ 39, mạch nhảy 108, luối lửa.

Trị pháp : Cứu Bách-hội, Phong-tri, Thượng-linh, Thân-dịnh, Tam-ly, Tam-Am-giao là 3 trắng, Thái-dương, Nhị-tiêu là 1 trắng, Khi-hái, Quang-nguyên bồ 3 trắng, trong uống thi-ốc.

Kết quả : Đầu xoay, sợ gió, các khớp đau đều giảm, nhiệt độ còn 37, ngày sau đại tiện thông, tinh thần khỏe khoắn.

Trị bệnh Vai đau dần đến ổ nách.

Bệnh nhân Lê-Tình: 43 tuổi Vai bên trái dần xuống đến nách đau nhức, nhọn nhùa hạch lâm thuốc ngừa dịch, sau bị nhiễm Phong hàn phát đau.

Trị pháp : Châm Kiên-ngung bồ 4 lần (đè nấm châm) Ngoại-quang, Hậu-khê là 3 lần. Cứu Thiên-tôn, Bình-phong, Kiên-liêu, Đại-chùy, Phong-môn, Phế-du đều 3 trắng.

Kết quả : Chỗ Ổ nách bớt đau.

Sau 7 ngày trị lại (hiện phía bên vai đau) Châm Thái-uyên, Đại-lăng là 3 lần, Cứu chđ đau (hiện ừng) 3 trắng, Đại-chùy, Phong-môn, Phế-du 3 trắng.

Kết quả : Vai hết đau.

Trị lần thứ 3 (tiếp hôm sau) Châm Đại-chùy, Nội-quang, Lao-cung là 3 lần. Bệnh hoàn toàn bình phục.

Trị bệnh tay chân các khớp xương đều nhức.

Bệnh nhân Văn-Hương 40 tuổi tay chân khớp cùi chỏ, đầu gối đều đau nhức rất khó chịu (cấp tính Quang-liết-viêm).

Trị pháp : Châm Phong-phủ, Khúc-tri, Âm-lăng, Dương-lăng, Xích-trạch là 4 lần. Cứu Trí-tiêu, Kiên-ngung, Thủ-tam-ly, Hiệp-cốc, Hoàn-khiêu, Phong-thi, Túc-tam-ly, Tuyệt-cốt, đều 3 trắng, Thủ-bắc-phong, Thái-xung, Ủy-trung đều 1 trắng.

Kết quả : Mát hán hàn.

Trị bệnh tay chân tê, các khớp xương nói lên đau :

Bệnh nhân Võ-Thân 57 tuổi bị chứng Dương-nuy đã 3 năm, Năm ngoài tay chân phát tê đơ, dưới đầu gối đau buốt khó chịu, các khớp xương tay chân có lúc nói lên đau nhức, có đi trị đủ các Châm-cứu y-sư các nơi đều không công hiệu, hỏi xem thì bệnh nhân chỉ các chỗ đã châm trị, như gần đây thì các vị đã dùng các huyệt : Phong-phủ, Đại-chủy, Khúc-tri, Dương-lăng ; Thừa-sơn, Ủy-trung, Hiệp-cốc, Tam-ám-giao, Túc-tam-khấp, Thái-bach, Dũng-tuyền. Trị cả thảy đến 39 lần, có kiến hiệu nhưng rất ít, sau không biến đổi thêm bớt gì, tiếp dùng đủ thứ thuốc trị gần 2 tháng cũng chưa công hiệu. Năm tháng gần đây thì phát bên mặt nhẹ, bên trái nặng, cho rằng hết phương trị.

Xét vì bệnh Dương-nuy, Thảo bại, có thể dễ bị chứng Trùng-phong, sức yếu khó tránh được.

Trị pháp : Châm Túc-tam-lý, Tuyệt-cốt tà 2 bỗ 2 lần, Thái-xung tà 2, Khúc-tri tà 3 lần. Kết quả Chân gối bớt đau, tay chân hơi nặng, ngón tay tê đơ, còn đau thì bớt.

Trị lần thứ 2 (cách 1 ngày). Châm Thái-xung, Tuyệt-cốt, Túc-tam-lý bỗ 3 lần, Khúc-tri tà 3 lần.

Kết quả : Bây giờ chân lại đau lung, ngón tay cũng tê cứng, chân có lúc lại tê dứt.

Trị lần thứ 3 Châm trị như trước, thêm Dũng-tuyền bỗ 3 lần, trong uống thuốc Khu-phong.

Kết quả : Uống thuốc ngày hôm sau bụng đau, đã cầu 2 lần hết đau, nhưng các khớp xương lại đau hung, chân lại co rút.

Trị lần thứ 4 (Hiện tay chân tê cứng đau, bắp chuỗi chân muôn sưng, béo trai nặng bên mặt nhẹ). Châm Thừa-sơn, Thái-xung, Tam-ám-giao, Khúc-tri, các huyệt bên mặt bỗ 2 lần, bên trái tà 2 lần.

Châm trị sau ngày ấy dễ chịu, tay chân hơi bớt, (lần này châm trị theo cách trị bệnh Bai Nan-hoán) châm bỗ bên mạnh, tà bên bệnh (có hiệu quả) trị như thế dễ làm cho hai bên được thăng bằng.

Trị lần thứ 5. Trị như trước thêm bỗ Phục-lưu 4 lần.

Kết quả : Công hiệu các chứng đều giảm (huyệt Phục-lưu trị các chứng hư nhược, điều chỉnh Thảo tang rất hay).

Trị lần thứ 6 : Châm Phục-lưu, Tam-ám-giao bỗ 4 lần, Khúc-tri Thừa-sơn, Thái-xung bỗ bên mặt 2 tà bên trái 2 lần.

Kết quả : ngày ấy chân lại tê, ngón chân hơi sưng (do bỗ Phục lưu phản ứng).

Trị lần thứ 7. Châm Thủy-tuyễn, Côn-lôn, Thái-xung, Dung-tuyễn Tam-ám-giao tà 3 lần. Kết quả : các chứng lại đau lại, (vậy chừng hứa nhiều phản ứng) Tiếp châm bỗ lại Phục-lưu, các chứng giảm. (Lần này áp dụng tà nhiều, sai).

Trị lần thứ 8. Châm Thủy-tuyễn, Phục-lưu, Tam-ly, Tam-ám-giao Côn-lôn, Thái-xung bỗ 4 lần, rút kim huyệt Côn-lôn ra máu đen.

Kết quả : lần này công hiệu bình giảm, nhưng qua ngày sau bình lại trở lại và đặc kinh (ấy là vì bỗ nhiều nên phản ứng).

Trị lần thứ 9 Châm Phục-lưu, Côn-lôn, Tam ám-giao bỗ 4 lần, Phong-thị tà 3 lần. Kết quả tay chân bớt tê bớt đau.

Trị lần thứ 10 dùng các huyệt như trên nhưng bỗ 1 lần.

Kết quả : bình giảm nhiều, 7/10.

Trị lần thứ 11 cũng như trên. Bình lần lần hết hẳn.

Trị kỵ : Trị bình này rút kinh nghiệm nhiều :

1) Trị bình Nan-hoán bỗ bên mạnh tà bên bình công hiệu.

2) Thể chất hư dùng bỗ Phục-lưu rất hay vì trị lần thứ 7 quá tà nên phản ứng bình trở lại, chứng minh hư nên bỗ không nên tà nhiều, vì thế trị các lần sau dùng bỗ kiển hiệu nhẹ 7/10, và chỉ là huyệt Phong-thị (tà II) để làm cho độc thoát ra nên bình hoàn toàn nhẹ hẳn.

Trị bình tay chân tê, đầu xoay xẩm.

Bệnh nhân Lê-Nguyễn 42 tuổi hai tay tê cứng (tay mặt từ cùi chỏ đến ngón tay, tay trái từ nách đến ngón tay đều tê, hai đầu gối trả xuống cũng tê, đầu lại xoay xẩm bệnh hơn 1 tháng).

Trị pháp : Châm Khúc-trì, Hiệp-cốc, tà 4 lần, Nội-quang tà 3 lần Thái-bạch bỗ 4 lần.

Kết quả ; Đầu hết xoay xẩm hai tay từ Nội-quang đến ngón bợ tê.

Trị lần thứ 2 Châm trị y như trên. Chân tê giảm, tay bớt 1/2.

Trị lần thứ 3 y như trên.

Kết quả : các chứng tê lần lần hết hẳn.

Trị bình đau xương gân Phong-tháp.

Bệnh nhân Trần-Nhàm 23 tuổi bình đau 5 tháng chân mặt bại tê mỗi đêm chân mặt từ đùi (chỗ Hoàn-khiêu) đến mắt cá nồi gân lên đau 5, 6 lần, khi đau như muốn rút gân chịu không nỗi, mỗi lần đau

phải đè hổp 2 giờ đồng hồ mới dịu, và khi cù đít không dám động đây vì cử động là đau kinh không dừng, đau đứt loát mồ hôi lạnh, tim đập mạnh. Chân trái vì bị chấn thương đè lên nên cũng co cúp thành như bị thương luôn cả 2 chân. Người càng ngày ôm, mặt mệt xanh. Thuốc gì cũng không công hiệu, các thầy Đông-y nhận cho rằng chứng bài át chết.

Trị pháp : Châm Thượng-Dương-lăng-huyệt công 10 lần, bỗ 2, tà 3 lần, Lây-cầu là 3 lần, Hoàn-khiếu là 3 công 3 lần.

Kết quả : ban đầu lấy tay đè chỗ gần trên huyệt Dương-lăng dưới đầu gối nên đặt là Thượng-dương-lăng, thì chỗ ấy đau giảm, nên châm ngay tại huyệt này áp dụng thủ thuật công, bỗ, tà trị thì hết đau ngay, định châm thêm huyệt Lây-cầu, nhưng vì chân không lây động được nên phải châm huyệt Lây-cầu chân mạnh sáp dụng Can Đô n kinh hợp trị) là 3 lần kết quả đau giảm đến 3/4 (trước đau đến 2 giờ nay đau còn 1/2 giờ). Qua ngày sau giảm nhiều còn đau 2 lần nhưng đau cũng ít, chân tự động được không đau, sắc mặt hớt mát.

Trị lần thứ 2 ngày thứ 3. (hiện bệnh chỗ đầu gối và lưng đau, nhưng đau II). Châm Trường-cường tà 3 lần, công 3 lần, Lây-cầu tà 3 công 1, bỗ 3 công lại 1 lần nữa. Thượng dương-lăng bỗ 3 công 3 tà 3 lần.

Kết quả : Trong khi châm trị tà Trường-cường thì tại bàn tay và lưng hết đau, và vì chân không lật lại được nên vẫn châm huyệt Lây-cầu bên mạnh, châm tà thì gần hết đau, tiếp châm Thượng-dương-lăng, tà, công mấy lần thì hết đau hẳn.

Ngày sau châm trị lần thứ 3 (hiện chỗ đầu gối còn đau, còn là, nên châm Ngoại-tất-nhẫn tà 3, công 3 lần hết đau.

Trị lần thứ 4 hiện còn đau từ gần đầu gối đến mắt cá chân.

Châm Côn-lon tà 3 công 3, tiếp châm Ủy-trung là 1 lần. Hết đau.

Trị lần thứ 5 vì hai chân còn tréo chưa mở rộng ra được.

Châm Thượng-dương-lăng bỗ 4 lần, Lây-cầu bỗ 4 lần.

Trong khi châm trị các huyệt này mỗi động tác bỗ đều có hiệu quả, từ bỗ 1 lần Thượng-dương-lăng thì cảm giác tê rần từ trên xuống đến mắt cá, tiếp xoay bỗ từng chập thì chân lăn lăn đuỗi ra được, chỉ còn chỗ mắt cá cuồng chân còn co, tiếp châm huyệt Lây-cầu thì trong khi thi thuật bỗ từng hồi, thì các gân mềm diu hoạt động, luôn 3 lần như vậy, chân lăn lăn mở ra được.

Sau này bắt đầu cho ăn đồ bò gân đã làm cho gân khôi phục lại, 2 tháng sau cho biết bệnh nhơn đã không gây đi được.

Phụ chú : Trị bệnh này rất thần dịu, thủ thuật Châm y rất điều luyện, mỗi động tác châm thuật đều làm cho bệnh thế dần dần giảm thiểu, như vậy mới chuyền nguy thành an được,

Trị bệnh tay chân co rút ; đau xoay xẩm.

Bệnh nhơn Thị-Châu 47 tuổi 2 tay co rút đã mấy tháng, hai chân từ đầu gối đến mắt cá té, đầu xoay chán ván, có lúc phát lạnh, hơi nghịch xông lên ngực, kinh nguyệt đã mất 5 tháng.

Trị pháp : Cứu Bách-hội, Phong-tri, Đại-chúy, Phong-môn, Phết du, Khúc-tri, Thủ-tam-lý, Hiệp-cốc, Nội-quang, Ngoại-quang, Thủ-bắc-phong, Thủ-du, Mạng-môn, Trường-cường, Hoàn-khiên, Trung-uyễn, Chiền-trung, Chương-môn, Khi-hài, Túc-tam-lý, Âm-lăng, Dương-lăng, Tuyệt-cối, Tam-âm-giao đều 3 tráng.

Kết quả : Các chứng bót, tay chân giảm nhiều.

Trị ăn thứ 2: cứu y như trên kết quả té giảm nhiều, hết lạnh, hết chân ván, nhưng mất đau.

Tiếp trị lần thứ 3, 4, 5 đều cũng y như trên, mất hết đau.

Trị lần thứ 6 cũng như trước thêm bò Khi-hài, Quang-nguyên, Thủ-du. Kết quả các bệnh đều giảm.

Sau tiếp tục trị 4 lần nữa cũng đều y như trước, bệnh hết hẳn

Trị bệnh đau khớp xương (Phong thấp), đứng, không đi được.

Bệnh nhơn Hà-Vân 55 tuổi vì công việc làm phải đầm dưới nước lâu ngày tho phong thấp làm đau nhức khớp xương, không đi được, mấy năm nay cứ 3-4 năm phát một lần; nhưng lần này phát bệnh 5 ngày, tay chân té, hai đầu gối đau chỉ đứng được, mà không nhắc đi được, cũng không chán hẳn ra được, lúc ngồi không đứng dậy nổi, bên đầu gối mặt bị thương, lại thêm có khi phát ho làm bụng đau.

Đã đi trị nhiều, các thầy đã châm các huyệt Dương-lăng-tuyễn, Ủy-trung, Khúc-tri, châm thêm cứu cũng có và cũng có cứu các huyệt: Phong-thị, Âm-thị, nhưng đều không công hiệu.

Trị pháp : Châm Thái-bạch, Túc-tam-lý, Phong-long, đều bỗ 4 lần.

Kết quả : Ngồi đứng dậy được, đứng thì đi được, tay chân hết té, ho cũng hết. Trị lần thứ hai. Vì còn khó khăn chưa đi vững được, trị tiếp y như trên bệnh hết hẳn.

Trị lỵ : Bệnh này vì nhậu thẩy trước các thầy đã có dùng những huyệt chủ yếu trị 8 lần không见效, sau đến tôi nhận thấy bệnh nhơn chán không chán hẳn ra được chỉ bằng đơ là do Tỷ hưu nên áp dụng Nguyên Lạc, 2 huyệt phối hợp trị châm bỗ 4 lần công hiệu ngay vày dùng Nguyên, Lạc huyệt áp dụng thì trị bá phát bá trúng rất thần diệu.

Bệnh đau nhức về bộ phận cánh tay.

Trị bệnh cuồng tay sưng nhức :

Dùng các huyệt : Châm Hiệp-cốc (bồ thuận chiều kinh) Dương-khé, Thiên-lịch (tả nghịch chiều kinh), Liết-khuỷết kích thích mạnh lưu kim.

Châm trị 7, 8, lần hết đau hết sưng, sau châm xoay kim qua tả, qua hưu 15 lần bình hết hẳn.

Áp dụng phương pháp này trị các bệnh, châm trị 2 lần các chứng giảm sau trị thêm 5 lần nữa cộng cả thảy 16 lần bình hết hẳn.

Bã trị 8 người có 5 người được hoàn toàn còn 3 người đau gầu 1 năm giảm 80%.

Các chứng ngón tay cái sưng nhức dùng phương này trị cũng hiệu quả.

Trị bệnh cánh tay trên đau không đưa lên được.

Một tay hay cả hai tay, đau không đưa lên được, vận động khó khăn.

Thủ huyệt : Điều-sơn (biệt huyệt, phía trong Huyệt Điều-khẩu 5 phân) Khúc-trí, Hoàn-khiêu. Kiên-ngung.

Thủ pháp : Châm Điều-sơn 2, 3 tắt ngay rồi trước huyệt Thủ-sơn, (dưới 1 tý), Các huyệt Khúc-trí, Kiên-ngung, Hoàn-khiêu đều châm vào 1 tắc rưỡi, bình bỗ bình tả. (Huyệt Điều-sơn lưu kim 5 phút). Khi châm huyệt Điều-sơn vào rồi bảo bình nhơn cử động cánh tay xem, như hoạt động được, thì không dùng các huyệt kia. Nếu chưa hoặc bình lâu thì phối hợp các huyệt ấy.

Trị nghiệm : Huyệt Điều-sơn trị bệnh Phong-thấp phát té rất hay, chứng Hàng té cũng công hiệu.

Bệnh nhơn Cô Trương 42 tuổi bị bệnh cánh tay không đưa lên được, khi đưa lên thì chỗ nách co rút lại bình dã 1 năm, Châm trị dùng huyệt Điều-sơn theo phương pháp trên hào đưa tay lên được ngay, rất hay.

Phụ chú : Các bệnh về Phong thấp làm vai tay té nhức như tay không đưa lên được, tay đau không xoay chuyển được, vai tay đau.

Châm cứu trị nên dùng các huyệt chủ yếu : Kiên-ngung, Khúc-tri, Hiệp-cốc, Kiên-trinh, Thiên-tôn, Kiên-ngoại-du, tùy châm hay cừu.

Phương dùng huyệt Điều-sơn phối hợp với Hoàn-khiếu, Khúc-tri, Ấy là pháp trên dưới tương ứng điều chỉnh cơ vắng, tức là pháp phối hợp dùng huyệt trị, nên trị có hiệu quả.

Bệnh cánh tay đau nhức :

Bệnh đau cả ngón tay, cùm tay, cùi chỏ, chỏ vai đều làm cho khớp xương khó cử động.

Dùng các huyệt : Kiên-ngung, Khúc-tri, Hiệp-cốc.

Châm Kiên-ngung, Khúc-tri 1 tấc, Hiệp-cốc, 7, 8 phân, hư bồ thiết tẩy. Hoặc bình bồ bình tẩy lưu kim 20 phút.

Châm trị 1 lần bệnh nhẹ, nếu chưa nhẹ trị tiếp cứ 1 ngày châm 1 lần để công hiệu.

Phương trị nghiêm :

Bệnh cùi chỏ sưng đau 10 năm :

Bệnh nhân Cô Trinh 35 tuổi cùi chỏ tay mặt sưng đau đã 10 năm ; mỗi năm cứ đến nửa hạ thì phát đau nhức đêm không ngủ được.

Trị pháp : Châm Khúc-tri, Thủ-tam-ly, tẩy 3 lần, Hiệp-cốc bồ 4 lần.

Kết quả : Chỗ cùi chỏ lại đau nhức (do bồ Hiệp-cốc nên độc bình tựu lại thêm nặng).

Trị lần thứ 2 : Châm thêm Khúc-tri, Túc-tam-ly, Xích-trach bồ 3 lần, Hiệp-cốc tẩy 3 lần.

Kết quả : Cùi chỏ bớt đau, đêm ấy ngủ được.

Trị tiếp 1 lần nữa y như trên. Bệnh hết hẳn.

Trị lý : Trị lần đầu phản ứng vì quá bồ, sau là Hiệp-cốc, công hiệu ngay. Áp dụng phương này trị khớp xương sưng đau đều kết quả.

Trị tay té, lòng bàn tay ngừa không cầm được.

Bệnh nhân Trần-thị-A 48 tuổi, tay trái té không đưa lên được cũng không cầm được, lòng bàn tay ngừa gai trầy da, tay mặt té nhẹ hơn vì nặng vận động nhưng cũng không cầm được, đêm bàn tay thường nóng nên cứ chà xát 2 bàn tay thì thấy rãnh ra ngoài bàn

tay và ngón tay, lại thêm chân trái cũng té 4, 5 tháng. Đứng miết cườn, yếu ớt.

Trị pháp : Châm Hép-cốc, bỗ 4 lần, tà 1 lần, công 3 lần, bên mặt bỗ 4 lần. Khúc-tri bêu trái là 3, bên mặt, bỗ 3, Kiên ngung trái là 3 công 5, bên mặt bỗ 3, tiếp châm các Tinh huyết tay trái ra máu, cứu Thủ-bác-phong tay trái.

Kết quả : Mỗi lần châm trị thì mỗi động tác trị đều thấy bình lần lần giảm, sau châm ra máu các Tinh huyết, bình hết ngay.

Bình này chỉ trị 1 lần mà hoàn toàn bình phục.

Trị bình vì vận động cườm tay sưng đau.

Cô Dương 38 tuổi, vì mài dao quá nhiều nên cườm tay sưng đau.

Trị pháp : Châm Ngoại-quang (chỗ đau), tà 3 công 10 lần, Thiên-lịch tà 3, công 5 lần. Kết quả hết đau, lần lần hết sưng.

Trị bình hai tay sưng, gập lạnh càng đau, ngón tay dor không co được.

Bệnh nhân Lê-An 56 tuổi, hai bàn tay sưng, khi trời lạnh thì đau, các ngón tay dor không co được, bình đã 2 tháng.

Trị pháp : Châm Ngoại-quang, Trung-chử, Nội-quang đều bỗ 3 lần tà 1 lần.

Cứu Thủ-bác-phong, Thập-liết.

Kết quả : Hết sưng, tay hoạt động được.

Trị lần thứ 2 y như trên. Kết quả gập lạnh ít đau, ngón tay hoạt động được. Trị tiếp 2 lần nữa như trước, bình phục hẳn.

Trị bình tay té, ngón tay cứng không co được, bình đã 20 năm.

Bà Lâm 56 tuổi, bình tay té, cứng, ngón tay cứng dor, không co được; sợ lạnh, ho, bình đã 20 năm.

Trị pháp : Châm Hiệp-cốc, Đại-lăng, Ngoại-quang đều 2 huyệt bỗ 1 lần.

Cứu Thủ-bác-phong, Thập-liết, Ngũ-bỗ đều 3 tráng.

Kết quả : Tay mặt bớt té, ít sợ lạnh, bớt ho.

Trị lần thứ 2 y như trước. Ngón tay cử động được.

Trị lần thứ 3 như trước, kết quả, tay mặt khá hơn, cử động được.

Trị lần thứ 4 cũng như trước, kết quả cử động được cả hai tay.

Trị lần thứ 5 như trên, kết quả hai tay nắm vững được.

Trị tiếp lần thứ 6 và thứ 7 bình phục hẳn.

Trị bệnh tay tê, ngón tay cứng lại miệng hôi.

Bệnh nhân Châu-văn-Hà 52 tuổi hai tay tê cứng không cầm nắm được, lại thêm phát nồng, miệng hôi, mặt cũng đỏ.

Trị pháp: Châm Hiệp-cốc tà 3 lần, Thủ Tiab-huyệt châm ra máu. Cứu Thủ-bác-phong, Hiệp-cốc.

Kết quả: Trước cứu Bác-phong, Hiệp-cốc, sau châm các Tinh huyệt ra máu, tay cử động được, sau châm lại Hiệp-cốc, Tay cầm được.

Trị bệnh các đốt ngón tay đau không ngay ra được.

Bệnh Nhơn Cô Lục 45 tuổi, hai tay các đốt ngón tay đều đau nhức ngay ra càng đau dữ dội co luồn, chỗ nách khi vận động không linh hoạt, bệnh đã hơn 1 tháng.

Trị pháp: Châm Nội-quang, Hiệp-cốc, bồ 2, tà 2. Cứu Thủ-bác-phong, Thập-tiết, Ngoại-quang, Thủ-tam-lý đều 3 tráng.

Kết quả: giảm nhiều, ngón tay co vào được 8/10.

Trị lần thứ 2 y như trước. Kết quả hết đau tay mặt bớt nhiều hơn, tay trái còn.

Trị lần thứ 3. Châm Lao-cung bồ 3, tà 3 lần, cứu như trước thêm Hiệp-cốc 3 tráng. Kết quả bớt nhiều nhưng ngón giữa tay mặt chưa co vào mạnh được.

Trị lần thứ 4. Châm Lao-cung bồ 4 lần, Cứu như trước thêm Hiệp-cốc. Bệnh hết hẳn bình phục.

Trị bệnh tay và bàn tay đau, đầu xoay xầm.

Bệnh nhân Thị-Điều 45 tuổi tay trái đau, 4 ngón tay đau, trong lòng bàn tay ngón út đau, đèсли bớt, đau xoay xầm, có lúc làm tim đập khó chịu.

Trị pháp: Châm Trung-chi, Ngoại-quang, Phục-lưu bồ 4 lần, Thái-xung tà 1 lần. Cứu Bách-hội, Phong-tri, Thuỵng-tinh, Thủ-dinh, Thủ-dương, Thủ-bác-phong, đều 3 tráng.

Kết quả: Ngón tay duỗi ra hết đau, đầu hết xoay xầm.

Trị tiếp lần thứ 2 y như trước, Bệnh hết hẳn.

Bệnh tay đau sưng đỏ :

Bệnh nhân Cô Dương 37 tuổi, tay mặt đau đến cườm tay, sưng to đỏ, đau kịch không dám đeo, hít lạnh thì đầu xoay xầm.

Trị pháp: Châm Thủ-Tinh-huyệt ra máu, Hiệp-cốc, tả 5 lần, Lao-cung tả 3 công 4 lần.

Kết quả: Khi châm Thủ-Tinh-huyệt ra máu xong châm Hiệp-cốc thì tay cảm giác đau, lấy tay đέ vuốt đến Hiệp-cốc da tay nhăn lại, bết nóng hết đau, lòng bàn tay còn đau, nên châm Lao-cung thì hết đau, lần lần co ngón tay được, lấy tay đέ chồ đau đến hai bên chồ lỗ kim châm thì hết đau ngay, đầu xoay xầm cũng hết.

Cẩn binh: Bình này vì độc tại lòng bàn tay không tiết ra được, nên làm cho mu bàn tay sưng lên vì không có chồ tiết độc, nên châm các Tinh-huyệt cho độc ra theo máu, độc ra rồi nên đέ không ra nữa, vì tại lòng bàn tay là chồ độc tụ lại đó nên châm huyệt Lao-cung và Hiệp-cốc làm cho độc có chồ tan ra cho hết vì thế nên bình hoàn toàn hết ngay.

Bình hai bàn tay tê đau, các ngón tay không co được.

Bình nhơn Lê-Sưu 48 tuồi sau khi cầm mạo nhẹ rồi hai bàn tay, các ngón tê đau không co được.

Trị pháp: Châm Hiệp-cốc, Trung-chũ, Dương-trí, Xoay vận 2 lần rồi lưu kim 10 phút.

Kết quả: Châm xong tay bên mặt giảm bớt 8/10, co vào ít đau, chỉ còn tay trái đau.

Trị lần thứ 2 y như trước, Tay mặt hết hẳn tay trái hơi giảm.

Trị lần thứ 3; cũng y như trước, bình hết hẳn cầm nắm như thường.

Bình bộ phận ở chân

Trị bình hai chân sưng, toàn thân đau nhức.

Anh Minh 26 tuồi nhơn cảm hàng thấp làm sưng chân, uống thuốc Đông Y có vị Phụ-tử Càn-cương và ăn thịt bò lại càng sưng nhức phát ngừa thêm giải sưng lớn, hãy giờ hai chân sưng ngừa, đầu xoay xầm, hơi xốc lên làm ho, thở mệt toàn thân và xương sống cũng đau.

Trị pháp : Châm Tam-Am-giao, Thái-xung, Thương-khưu, Nội-đinh tẩy, chân Ân-bạch, Lê-doài ra máu.

Kết quả : Đầu hết xoay, ho thở đều giảm.

Trị lần thứ hai (cách hai ngày) Châm trị như trên thêm Phục-lưu bò ; (rút kim ra chảy nước vàng).

Kết quả : Chân mặt hết sưng, chân trái như thường.

Trị lần thứ 3 cách 1 ngày. Hiện chứng chỗ Trung-uyên hơi trướng, chân động lại đau. Châm trị như trước thêm châm các ngón chân trái ra máu. Cứu Trung-uyên, Chương-môn, Đại-mạch, Thận-du, Mạng-môn, Túc-tam-lý đều 3 tráng,

Kết quả : Chỗ Trung-uyên hết đầy, chân hết sưng, bình nhẹ hẳn.

Bệnh chân sưng đã 3 năm, bụng trướng đau.

Cô Chơn 37 tuổi bệnh sưng chân đã 3 năm nay. gần đây lại phát bụng trướng đầy đau, mặt, mắt đều vàng, móng tay trắng bạch.

Trị pháp : Châm Trung-uyên, Nội-định, Khi-hài hổ, Túc-tam-lý, hổ. Cứu Đại-chùy, Tỳ-du, Vị-du, Thận-du, Chương-môn, Chiên-trung, Thương-uyên, Hả-uyên, Thủy-phần, Thiên-xu, Túc-tam-lý, Tam-Âm-giao, Nội-định, đều 3 tráng.

Kết quả : Bụng hết đầy trướng, móng tay đỏ hồng hào lại, chân đỡ đau.

Trị lần thứ 2 y như trên. Chân xẹp.

Trị lần thứ 3 cũng như trên. Kết quả hai chân xẹp hết nhưng chiều lại sưng lại, mặt mắt vàng.

Trị tiếp lần thứ 4 cũng y như trước.

Kết quả : Hai chân xẹp hẳn hết sưng nữa, có kinh, sau bình phục.

Bệnh hai ống chân sưng nhức.

Anh Diên 34 tuổi bệnh hai ống chân sưng cứng nhức dau đã 8 tháng, da mặt phát vàng.

Trị pháp : Châm Túc-tam-lý, Tam-Âm-giao hổ.

Cứu Chiên-trung, Trung-uyên, U-môn, Thông-cổc, Chương-môn, Phong-thị, Âm-thị, Âm-lăng, Dương-lăng, Tuyệt-cốt, Khưu-hư, Thái-xung, Túc-lâm-khấp, Thương-khưu đều 3 tráng.

Kết quả : Chân hết sưng.

Trị 1 lần nữa y như trên. Hết tê hết sưng bệnh hoàn toàn bình phục hẳn.

Bệnh hai chân sưng, chỗ ô tim đầy trướng.

Anh Hữu 39 tuổi bệnh hai chân sưng, chỗ ô tim phát đầy trướng đau.

Trị pháp : Châm Trung-uyên, Nội-quang lả, Túc-tam-lý hổ.

Cứu Đại-chùy, Phong-môn, Phế-du, Vị-du, Thận-du, Chiên-

trung, Chương-môn, Khi-hài, Tam-âm-giao, Âm-lăng, Công-tôn, Thái-bach 3 tráng.

Kết quả : Chân hết sưng, ngực hết đầy trướng.

Trị lần thứ 2 cũng trị như trên, Kết quả tất cả các chứng đều hoàn toàn hết hẳn.

Bệnh hai chân sưng, sau buỗi trưa nặng hơn.

Cô Ngọc 27 tuổi bệnh hai chân từ đầu gối trở xuống đều sưng, sau buỗi trưa lại phát nặng hơn.

Trị pháp : Châm Thái-xung, Tam-âm-giao tâ. Kết quả chân mặt giảm. Trị tiếp lần thứ 2 bệnh hết hẳn.

Bệnh Chân yếu, toàn thân vô lực đứng thì lưng đảo theo, té.

Cô Phát 38 tuổi, dương đài dắt, thỉnh thoảng chán yếu nhức đầu thẳng đỡ không co lại được, đứng dậy thì lưng chân đều yếu xiết toàn thân vô lực, không thể ngồi được bệnh đã 2 ngày.

Trị pháp : Cứu Mạng-môn, Thận-du, Trường-cường Dai-chùy, Phong-môn, Phi-du, Hoàn-khiên, Âm-lăng-tuyễn, Dương-lang-tuyễn Túc-tam-lý, Tuyệt-cốt đều 3 tráng.

Kết quả : Cứu trị xong, chân mạnh lại co duỗi được cong lưng ngồi dậy không đảo té nữa.

Trị bệnh chân yếu bụng đau.

Anh Cúc 32 tuổi hai chân yếu vô lực, bụng đau, đêm không ngủ yên được, không muốn ăn.

Trị pháp : Châm Túc-tam-lý tâ 3 lần, Cứu Khl-hai 3 tráng, Trung uyễn, Thiên-xu, Thần-khiết đều 1 tráng.

Kết quả : Bụng hết đau, ngũ yến, chân hơi mạnh.

Trị lần thứ 2. Châm Túc-tam-lý hổ 3 lần.

Bệnh nhẹ hẳn đi được như thường.

Bệnh hai chân thẳng đỡ không co được, đầu xoay, bụng trướng.

Bà Trương 52 tuổi bệnh hai chân tự nhiên thẳng đỡ không co jai được, đầu xoay xẩm, như não tuy di động, bụng trướng, mặt mệt, có lúc mắt bèn trái nhức khó chịu, buồm Mai dày, miệng khô, đi đại nhiều lbi đầu bót xoay xẩm.

Trị pháp : Châm Phong-phủ, Phong-tri, Uỷ-trung, Toán-trác tâ 3 lần. Châm Cht-âm ra máu, Cứu Bách-hội, Tiều-dầu-h, Thương-tinh, Thần-dịnh, Thái-dương đều 3 tráng.

Kết quả : Hai chân co được, miệng hết khô.

Trị lần thứ 2 y như trên. Kết quả chân đều như thường, nhưng trưởng giảm, nhưng đầu còn xoay xẩm nhiều.

Trị lần thứ 3, cũng y như trên, Bệnh hoàn toàn nhẹ hẳn không trị nữa.

Bệnh hai chân đau nhức, ho lại đau nhiều, bệnh đã lâu.

Ông Hoàng 50 tuổi, hai chân đau nhức đã mấy năm, khi phát ho thì lại đau rất厉害.

Trị pháp : Châm Uỷ-trung tâ 3 lần, công 2 lần, Túc-tam-lý tâ 3 lần.

Kết quả : Trong khi châm trị vừa kích thích châm thì bệnh giảm hẳn, châm trị xong bệnh hết hẳn.

(Khi án huyệt Uỷ-trung bên trái lấy móng tay rạch thấy ứng hiệu, liền châm tâ 1 lần, đau giảm, ho không dẫn đau nữa, là tiếp 2 lần nữa bớt nhiều, tiếp công 3 lần hết hẳn, tiếp án bên chân mặt cũng thấy ứng hiệu liền châm tiếp cũng như chân bên trái, hết hẳn, tiếp châm Túc-tam-lý, bình phục như thường.

Bệnh hai chân thường phát đau như dài dăm đã 6 năm.

Cô Tư 49 tuổi hết kinh nguyệt đã 6 năm đồng thời phát sưng hai chân đau nhức như bị đâm khổ chịu, buổi chiều thì đau nặng hơn, có lúc làm tay té, hiện sắc mặt mệt vàng.

Trị pháp : Châm Phong phủ tâ 3 lần, Tam-âm-giao hổ tâ 1 lần, Khúc-tri bđ 3 tâ 1. Cửu Bách-hội, Đại-chùv, Phong-môn, Phế-dn, Cách-dá, Cân-du, Tỳ-du, Thận-du, Phong-thị, Túc-tam-lý, Âm-lăng, Dương-lăng đều 3 tráng.

Kết quả : Đêm ấy, đau giảm nhiều.

Trị lần thứ 2 y như trước bệnh giảm gần 8/9 phần 10.

Trị thêm lần thứ 3, bệnh hết hẳn.

Bệnh chân mặt và xương bàn tay đau nhức.

Cô Quốc 23 tuổi, trước thường có bệnh hay đau lưng, sau lại phát bên chân mặt đau từ ống chân đến gót chân, đến nay lại phát đau từ xương bàn tay trở xuống, dùng thuốc cao không kết quả, bệnh đã gần nửa tháng.

Trị pháp : Châm Phong-phủ, Khúc-tri, Hoàn-khiêu, Côn-lon, đều tâ. Cửu phong-thị, Dương-lăng, Túc-tam-lý, Tuyệt-cốt 3 tráng.

Kết quả : các bệnh đều giảm.

Trị lần thứ hai y như trước bệnh hoàn toàn hết hẳn,

Bệnh hai chân đau không nhứt định chỗ nào.

Anh Bình 20 tuổi hai chân đau không nhứt định chỗ nào, bệnh đã 1 năm nay từ đầu gối trở xuống đến chỗ bắp chân tê cứng.

Trị pháp : Châm Phong-thị, Dương-lăng tà, Cửu Âm-lăng, Khúc-tuyền, Túc-tam-lý, Tuyệt-cốt, Tam-âm-giao, Hoàn-khiêu, Thái-xung, Túc-bắc-phong, Côn-lòn đều 1 tráng.

Kết quả : Ngày ấy bệnh giảm, nhưng sang hôm sau lại đau lại.

Trị lần thứ 2, hiện bệnh bảy giờ hơi ho, tay và chân mặt đều đau nhức. Châm Khúc-tri, Dương-lăng-tuyền bên mặt, tà. Cửu Túc-âm-lý, Âm-thị, Túc-bắc-phong, Thái-xung, Côn-lòn đều 1 tráng. Phong-thị 3 tráng.

Kết quả : Châm Khúc-tri sau lại thấy sưng đau, châm Âm-lăng-tuyền chỗ huyệt ấy cũng hơi sưng đau, nhưng qua ngày sau thì chân mặt hết đau (châm trị bên mặt nên bên mặt hết đau).

Trị lần thứ 3 cách 8 ngày hiện chứng chân trái hơi đau tay mặt còn đau Châm Âm-lăng-tuyền bên trái, Kiên-ngung, Khúc-tri bên mặt đều là.

Kết quả : chân bớt, tay hết đau.

Trị lần thứ 4 cách 15 ngày (hai chân đều hơi còn đau) Châm Phong-phủ, Thái-xung tà, cửu Phong-thị, Âm-lăng, Dương-lăng, Hoàn-khiêu, Túc-tam-lý, Tuyệt-cốt đều 3 tráng.

Kết quả : hai chân hết bão, bình phục.

Bệnh bên trong dùi nồi hạch sưng đau :

Anh Minh 24 tuổi phía bên trong dùi bên mặt nồi lên 1 hạch lớn sưng đau, đứng thẳng hay ho cũng đau.

Trị pháp : Châm Khúc-tri, Thái-xung tà (bên mặt)

Kết quả : chỗ hạch ấy lần lần nhỏ lại.

Trị lần thứ 2 Châm Khúc-tuyền, Khúc-tri, Tâm-âm-giao, Âm-lăng-tuyền tà. Kết quả hạch ấy lần lần nhỏ lại nhiều.

Trị lần thứ 3. Châm Âm-bào, Dương-lăng, Tam-âm-giao tà. Cửu Khúc-tuyền, Âm-lăng, Thái-xung đều 3 tráng.

Kết quả : Bệnh hết bão.

Bệnh đau đầu gối và mu bàn chân.

Cậu Đức 15 tuổi từ đầu gối đến mu bàn chân đau nhức khó chịu.

Trị pháp : Châm Luông-Tất-nhản bên mặt, Khúc-tuyền bên mặt,

Kết quả-hư-tả.

Kết quả châm trị rồi từ trên mặt cá chân nhẹ hẳn.

Trị lần thứ hai y như trên. Bình phục.

Trị bình hai chân khi gấp thời tiết mưa gió thì đau nhức, gân thịt đực khó chịu.

Anh Viễn 35 tuổi hai đầu gối khi gấp tiết trời mưa gió thì r้าu đau, gân thịt đực khó chịu, khi khát khi không.

Trị pháp : Châm Phong-phù, Dương-lăng, Khúc-trí-tả, cừu Hoàn khiêu, Phong-thị, Túc-tam-lý, Âm-lăng, Tuyệt-cốt, Tam-Âm-giao 3 trắng.

Ủy-trung, Côn-lon, Thái-xung 1 trắng.

Kết quả : Bệnh hết hẳn.

Bệnh khớp xương đầu gối (bánh chè) nhức, bệnh đã 6, 7 năm.

Bà Hà 62 tuổi chỗ khớp xương đầu gối bên mặt đau nhức, vận động lại càng đau nhưng ngồi thì không đau, bệnh đã 6, 7 năm.

Trị pháp : Châm Xích-trạch, Hiệp-cốc, Dương-lăng là 3 lần, cừu Hiệp-cốc, Dương-lăng, Ủy-trung, Tật-nhảo, Túc-tam-lý, Phong-thị đều 3 trắng.

Kết quả : ngay chân ra không đau nữa duy thông chân xuống còn đau.

Trị lần thứ 2 Châm như trước không cừu. Kết quả đầu gối lại sưng.

Trị lần thứ 3 Châm cứu y như lần thứ 1.

Kết quả : bây giờ thông chân xuống không đau nữa.

Trị tiếp 1 lần nữa cả chân cừu. Bệnh hoàn toàn hết hẳn.

Bệnh khớp xương chân tê cứng ngồi lâu sưng đã đứng khó khăn.

Anh Quí 30 tuổi trước 2 chân tê cứng sau phát mẩn khớp xương, đều cứng đỡ ngồi lâu sưng, không vận động được, đi đứng vô lực.

Trị pháp : Châm Phục-lưu, Túc-tam-lý bỗ, Tuyệt-cốt-tả, Cửu Hoàn khiêu, Phong-thị, Dương-lăng, Côn-lon, Túc-bác-phong, Thái-xung, Tam-Âm-giao 3 trắng.

Kết quả : Bớt sưng hết đau.

Trị lần thứ 2 sau 7 ngày, trị như trên kết quả hai chân bớt tê.

Trị lần thứ 3 cũng trị như trên, kết quả chỗ khớp mắt cá sưng xẹp, tê cũng giảm nhiều.

Trị lần thứ 4 như trên (2 huyệt Thái-xung đều tả). Lần này đau

giảm thiểu ngắn chán cái co hết đau (trước nhức lâm), đã không được.

Trị lần thứ 5, cũng như trước, kết quả chỗ mắt cá xop hẳn.

Trị lần thứ 6 Châm Phục-lưu hổ, Thái-bach 2 huyệt tả.

Kết quả trên dưới đều xop hết sưng, té cũng hết nhẹ hẳn.

Bệnh đầu gối chỗ khớp xương co đau không ngay ra được.

1) Bà Hoa 54 tuổi, mùa đông trời lạnh thi chỗ đầu gối bên trái, khớp xương đau nhức co vào dưới ngay ra không được.

Trị pháp : châm Ủy-trung, Khúc-tuyền, Âm-lăng bồ, Khúc-tri tả.

Kết quả : ngày sau đầu gối bớt đau nhương chỗ ấy hơi ngứa, gối lăn dưới ra được.

Chú ý : Áp dụng phương này trị các chứng đầu gối nhức đau vì Hàng thấp trệ rải cõng hiệu.

2) Bà Hải 48 tuổi cũng bệnh chung trạng như trên,

Trị pháp : Châm Khúc-tuyền, Âm-lăng-tuyền, Tâm-Âm-giao bồ Khúc-tri tả.

Kết quả : các bệnh đau nhức đều hết hẳn.

Theo kinh nghiệm thi phương này có thể dùng Dương-lăng-tuyền thi Khúc-tri cũng công hiệu. (Đối với bệnh Dương-mai lưu độc thi phương này không có kết quả).

Bệnh toàn thân xương đau, phát mồ hôi trộm.

Anh Tuyên 48 tuổi có lúc toàn thân đau nhức, khi đau phát ra mồ hôi, đau ít thì mồ hôi ít, miệng lại khát nước, nhưng không muốn uống, ngày hay ra mồ hôi tối lại có mồ hôi trộm, mỗi khi đau nhiều thi tim lại nhói như ngừng đập.

Trị pháp : Châm Thận-môn trái, bồ. Dùng ngoại quyền cứu Phục Juru bồ 3 lần, Con-lon 1 lần.

Kết quả : Các chứng đều giảm.

Trị lần thứ 2 cách 3 ngày châm cứu như trước. Bệnh hết hẳn.

Trị bệnh sưng đầu gối chỗ khớp xương đau nhơn vì bệnh lao.

Anh Thành 25 tuổi hai đầu gối sưng to nhức, tay chân ốm gầy (người ta gọi là đau dău voi). Tay bên trái cũng đau có lúc nhức, đau xoay xẩm, có lúc đau bụng, lại có ho nhòe đậm trắng, tay chân như cầm dưới nước lâu ngày, đã trị ở Bệnh-viện bài lao nhòn bệnh và rọi kiến cho là bệnh Lao phổi.

Trị pháp : Châm Xích-trạch, Lưỡng-Tất-nhân Âm-thi bồ, Khúc-tri, Đại-dồ, Dương-lăng-tuyền tả.

Cứu Hoàn-khiên, Phong-thi, Âm-lăng, Khúc-tuyền, Bách-hội, Phong-tri, Đai-chùy, Phong-môn, Phế-du, Vị-du, Tỳ-du, Thần-du, Túc-tam-lý, Tam-âm-giao đều 3-tráng.

Kết quả : Ngày sau nhồi đàm rất nhiều (đã ảnh hưởng đến phổi nên đàm lồng dễ nhồi).

Trị lần thứ 2 cách 1 ngày. Châm Khúc-tri, Dương-lăng, Tuyệt-cốt bồ, Xích-trạch là, Khuu-hư, Nhiên-cốc bồ.

Kết quả : Châm xong các chỗ đau đều hết, nhưng chỉ chỗ Thần-mạch đau.

Trị lần thứ 3 cách 1 ngày. Trị v như trên trừ huyệt Khuu-hư, Nhiên-cốc, thêm huyệt Thần-mạch.

Kết quả : Đêm ấy chân gối ben mặt lại đau phải dùng dầu nóng bóp mới đỡ chịu, nhưng ăn uống được nên 1 tuần sau sắc mặt hồng hào trở lại, chân hơi nở nang, duy chỗ đầu gối co vào còn đau quá vẫn phải dùng dầu nóng bóp.

Trị lần thứ 4 (cách 7 ngày). Châm Khúc-tri, Dương-lăng, Thần-mạch.

Cứu như lần thứ 1. Kết quả đau nhức giảm nhiều. Nhưng gặp tiết trời lạnh nên 5 ngày sau chỗ đầu gối lại sưng, nhức, đêm ấy không ngủ được.

Lần thứ 5 không châm trị (vì trời mưa gió).

Trị lần thứ 6 Châm Khúc-tri, Dương-lăng, Khúc-tuyền, Thái-xung, Phong-phủ và chỗ đau cứu như trước.

Kết quả : Đêm ấy ngủ yên và hơi nhức.

Trị lần thứ 7 (lần thứ 5 vì gặp trời dương âm u vẫn vũ mưu gió, nên không châm trị, chỉ dùng dầu nóng bóp), lần này châm cứu cũng như trước, nhưng huyệt Khúc-tuyền cải châm bên mặt.

Kết quả Đầu gối xẹp lần và hơi di động được.

Trị lần thứ 8 : Châm cứu như trước trừ huyệt Khúc-tuyền.

Kết quả : Bảy giờ ngồi trên giường thông cháo xuống được (trước kia không di động được) bệnh giảm nhiều.

Trị lần thứ 9 (hiện chứng chân mặt khớp xương còn đau, chân trái co vào còn đau. Châm Nhiên-cốc, Thái-xung, Dương-lăng, Khúc-tri, Phong-phủ.

Kết quả : Bớt sưng bớt đau, bệnh giảm.

Tiếp trị đến lần thứ 12, thì các khớp xương hết sưng, hết đau.

Trị đến lần thứ 15 thì tự cử động được.

Trị tiếp 2 lần nữa (đến lần thứ 17), thì nhờ người dia đứng được, và lần lần lập đi được. Về sau không trị nữa chỉ bồi dưỡng ăn uống đủ bù mà bệnh hết hẳn.

Bệnh này đến lúc trị gần khai vì già đình quá ở xa lại quá bận việc làm ăn cũng gặp lúc trời ẩm áp dễ chịu nên không sợ trở lại về nhà bồi dưỡng có thể lành bị hổn loạn.

Trị bệnh toàn thân khớp xương tay chân sưng cứng đau nhức, bệnh thế nguy cấp.

Bà Minh 43 tuổi, năm trước lúc ban đầu phát đau ở vai, sau cả thân phát tê, chỗ nào cũng lạnh ngắt đau nhức, khớp xương các đốt ngón tay, cùi chỏ, đầu gối đều sưng to, cõi cứng, tay chân cử động được, minh thường, lưỡi té dơ, hau té, uống nước không hạ, mắt mắt thâm sắc, chứng nguy cấp không thể trị được, nhưng vì quá yêu cầu nên cố gắng trị.

Trị pháp : Châm Phong-phủ, Kiên-sinh, Cửu Bách-hội, Phong-trì, Hại-chủy, Phong-môn, Phế-du, Tâm-du, Cao-du, Đởm-du, Thần-du, Mạng-môn, Khúc-viên, Bình phong, Kiên-ngung, Khúc-tai Hiệp-cốc, Ngoại-quang, Chiên-trung, Khi-hái, đều 3 tráng, Cao hoan 15 tráng.

Kết quả : Cứu hai bên Cao-hoan từ 8 đến 15 tráng, thì bên trái còn té, mà toàn thân giảm vài ba phần, hầu té cũng giảm.

Trị lần thứ hai như trước.

Trị lần 3 cũng trị như trước. Khi châm Kiên-sinh thì bên mặt phát sưng, Cửu Bách-hội, đầu cũng nổi lên sưng, khi cứu đến Khúc-tri thì té cả tay nhưng hết sưng, đầu cũng bớt.

Trị tiếp 2 lần nữa, cũng như vậy chân hết té, có được, hết sưng

Trị tiếp 2 lần nữa (đến lần thứ 7), cũng y như trước thêm cứu các đốt ngón tay.

Trị luôn 3 lần nữa, bây giờ chân hơi hoạt động được.

Trị đến lần thứ 13, 14. Tay chân xop hết không còn đau nhức nữa.

Trị luôn 5 lần nữa (đến lần thứ 19) cũng trị y như trước cả.

Kết quả : Tay mặt vận động được như thường, sắc mặt hồng hào, lưỡi nhuận lại, về sau tất cả các chứng đều giảm.

Sau cùng cứu luôn mấy lần nữa thì lần lần bệnh hết hẳn hoạt động được như thường.

Trị lý : Bệnh này từ đầu đến sau vẫn đang cứu trị, vì nhận thấy

toàn thân sưng nề ngay quanh khớp, sức đề kháng suy yếu nên không thể dùng châm trị, chỉ trực tiếp cứu làm cho khôi phục sức đề kháng lại rồi tiếp tục cứu mãi mà bình hết được.

Trị bệnh toàn thân khớp xương đau kiêm bệnh Ngoại trĩ.

Anh Tiên 46 tuổi bị bệnh toàn thân các khớp xương đau nhức, chân trái lại sưng, lưỡi đau, thèm bệnh Trĩ ngoại, mùa hạ thường ngồi dưới đất ướt nên lại phát thấp xang.

Trị pháp : Châm Khúc-trí, Dương-lăng-tuyền bđ, Nội-quang tà, Phục lưu bđ. Cứu Bách-hội 5 tráng, Vị-du, 13 tráng, Tuyệt-cốt 5 tráng, Thận-du, Phế-du, Lý du, Phong-môn, Mạng-môn, Trisòng-cường, Âm-lăng, Tam-lý, Tam-âm-giao, Thái-xung đều 3 tráng. (bệnh này nếu có diện có thể dẫn thêm diện).

Kết quả : Chân bớt sưng, các khớp xương bớt đau, trĩ cũng bớt.

Trị lần thứ 2 trị y như trên. Kết quả cháo xop nhiều, các bệnh bớt.

Trị tiếp 2 lần bình phục hẳn.

Bình bộ phận & lưng

Trị bệnh đau lưng khum cúi khó khăn.

Thủ huyệt : Dùng các huyệt chủ trị : Thận-du, Đại-trường-du phối hợp các huyệt : Thừa-sơn, Côn-lon.

Thủ pháp : Châm Thận-du xoay kim vào, Thừa-sơn 1 tấc, Côn-lon 5 phân, Đại-trường-du 5 phân, bình bđ bình tà lưu kim 30 phút.

Cách nhiệt châm trị 1 lần.

Tri bệnh đau lưng, vận động càng đau dữ (Thận hư yêu thống).

Thủ huyệt : Thận-du, Chí-thắt ; phối hợp Mạng-môn, Ủy-trung.

Thủ pháp : Châm Chí-thắt xoay kim từ 5 phân đến 1 tấc, châm xong thêm cứu, Ủy-trung châm từ 8 phân đến 1-tắc 5 phân, Mạng-môn 5-8 phân Thận-du châm xoay vào 1/2 tấc lưu kim 30 phút.

Trị nghiệm : 1) Anh Phú 39 tuổi, bệnh đau lưng, đi lâu làm lung già thì càng đau dữ dội, không muốn ăn, thường chồ bộ thận đe dan, (Thận hư). Trị dùng huyệt Thận-du châm bđ, Ủy-trung bình bđ bình tà lưu kim.

Trị lần thứ 2 thêm Mạng-môn châm già cứu.

Tới đến 14 ngày bệnh hoàn toàn bình phục hẳn.

2) Cô Ngọc 46 tuổi đau lưng kịch liệt, đi xa càng đau hung, bệnh luộc Phong hàn làm đau lưng.

Trị dùng huyệt Chi-thắt, châm già cùn. Huyệt Ứy-trung bồ
bình tà lưu kim. Trị lần thứ 2 giảm hơi nhiều.

Tiếp liệ lần thứ 3 thêm huyệt Mạng-môn châm già cùn.

Trị hai lần nữa bình hết hẳn.

Trị bệnh đau lưng 5 năm, ngồi không đứng dậy thẳng được.

Anh Thọ 33 tuổi bị bệnh đau lưng đã 5 năm nay mỗi năm cứ
tiết trời lạnh thì đau, nay thêm cảm Thấp khi càng đau nặng, ngồi
không thể đứng dậy thẳng lưng được.

Trị pháp: Châm Ứy-trung là, Cửu Thập-du, Mạng-môn, Dương-
quang, Tích-trung.

Kết quả: Lưng đứng thẳng được, còn hơi đau.

Trị tiếp 3 lần nữa y như trước hịnh hết hẳn.

Trị bệnh vì khum lưng làm việc lâu nên đau nhức.

Cô Lý 47 tuổi chỗ khớp xương lưng thứ 7, cổ cong lưng làm
việc quá lâu nên không chuyên động được, thành đau kịch, bình đã
hơn tuần lễ.

Trị pháp: Châm Thượng-liêu, Hạ-liêu, Thủ-liêu, Trung-liêu là,
Trường-cường châm già cùn 3 tráng, Quang-nguyên-du, Tiều-trường-
du, Bàng-quang-du đều cùn 3 tráng,

Kết quả: Châm cứu xong giảm nhẹ, ngày sau chuyên động
không đau.

Trị lần thứ 2: Tất cả các huyệt trước đều cùn, thêm cùn Khi-
bài, Quang-nguyên, 3 tráng, Thiên-xu, Thần-khuyết, Thủy-dạo 1 tráng.

Kết quả: Lưng hết đau, còn hơi khó chịu.

Trị tiếp 1 lần nữa bình hết hẳn.

**Trị bệnh vì làm lụng, bị thương làm đau lưng dẫn đến dài (bên
mặt).**

Anh Chí 36 tuổi vì chỉ ngồi làm việc quá phát đau lưng, dẫn đến
dài phía bên mặt đau nhức lâu không hết.

Trị pháp: Châm Ứy-trung là, Cửu Thập-du, Mạng-môn, Hoàn-
khiếu, Trường-cường đều 3 tráng.

Kết quả: Hết đau.

Trị lần thứ 2 (cách 12 ngày, vì hơi đau lại). Châm : Ứy-trung bồ,
cùn như trước.

**Trị lần thứ 3 cách 2 ngày, Châm như trước thêm Châm Phục-
lưu bồ.**

Kết quả : Hết hẳn.

Trị bệnh Thần kinh vai lưng đau:

Anh Nhơn năm trước đau bên vai trái dần đến sau cõi, đến nay chạy đau đến cả lưng, có khi lên đến đầu não, phát ho.

Trị pháp : Châm Hán-khê lỗ, Cửu Đại-chùy, Phong-môn, Phế-du, Thận-du, đều 3 tráng, Mạng-môn 1 tráng.

Kết quả : Ban đầu chỗ vai sưng, Châm rồi chạy đến vai sưng, trước ngực như có vật gì chạy khó chịu, nhưng qua ngày hôm sau lưng hết đau.

Trị lần thứ 2 Châm Trung-chú, Côn-lôn, Cửu Đại-chùy, Phong-môn, Phế-du, Thận-du, Mạng-môn đều 3 tráng.

Kết quả : Lúc trị còi đau, nhưng qua ngày sau các chứng hết hẳn, hết ho.

Trị bệnh đau lưng không nghiên qua được và té.

Bà Hàng 50 tuổi đau lưng nằm ngồi không xoay được, chân bên trái té đi đường vẫn đau nhiều.

Trị pháp : Lấy ngón tay ăn mạnh tại huyệt Hoàn-khiếu bệnh nhọn cảm thấy đau giảm, liền Châm tại đó, xoay vận kim tục thí bệnh nhọn cảm thấy chạy rần đến chân hết té hết đau.

Đêm ấy nằm chuyen xoay lưng được, sáng dậy hết đau hết té luôn. (Bệnh này chân té vì lưng đau, nên chỉ áp dụng 1 huyệt Hoàn-khiếu mà có kết quả).

Trị bệnh vì đi nhiều làm 2 chân sưng nhức (đã 10 ngày).

Anh Quốc 48 tuổi vì phải đi, chạy, làm công việc trong thời gian 26 ngày, nên hai chân chỗ mấu cả sưng nhức (cả trong ngoài đều sưng) bệnh đã 10 ngày.

Trị pháp : Bệnh này đau ngay chỗ huyệt Thân-mạch, lại vì đi nhiều làm gân bị thương nên áp dụng huyệt Thái-xung (lộn gân) làm chủ.

Châm huyệt Thái-xung, Thân-mạch lỗ, rút kim ra chảy máu bầm đen. Cửu Tam-âm-giao, Tuyệt-cốt, Thái-khê, Túc-bắc-phong đều 1 tráng;

Kết quả : Chân mệt xopy trước, rồi chân trái lặn lặn giảm.

Trị tiếp lần thứ 2. Trị như trên thêm Châm các Tinh huyệt ở chân ra máu. Bệnh hết hẳn.

Trị bệnh đau gối đau đi không được.

Có Chân 24 luồi, hai chân đau cứng từ lồng gối trở xuống tè đỡ, chân đỡ lên thì đau gối đau nhức.

Trị pháp: Châm Ủy-trung tả, Tuyệt-cổt hổ, Cửu Thận-du, Âm-lăng-tuyễn, Dương-lăng-tuyễn, Túc-tam-lý, Tam-Âm-giao đều 3 tráng, Mạng-môn 1 tráng.

Kết quả: Chân đỡ lên được, đau gối hết đau, tè giảm mà phát ngừa, qua đêm sau phát nóng lạnh, dưới hông dày đau.

Trị lần thứ 2 Châm Phong-phủ, Ủy-trung, Thái-xung, Côn-lon, Tuyệt-cổt tả, cừu như trên thêm Túc-bác-phong.

Kết quả: Hông hết đau, còn ngừa, chân tè, đêm lại mặt nóng.

Trị lần thứ 3 Châm Phong-phủ tả, Thái-xung hổ, Cửu Dung-tuyễn, Túc-bác-phong, Thái-khê, Côn-lon đều 3 tráng.

Kết quả: Đêm mặt hết nóng, tè giảm đi đứng tự nhiên, bình bết hẳn.

HẠT-TẤT-PHONG

Trị bệnh đau gối sưng (chứng Hạt-tất-phong).

Có Trinh 2 năm trước bị bệnh đau đầu gối 1 tháng rồi hết, qua năm sau đau gối bên mặt đau, lăn sưng lớn tức chứng Hạt-tất-phong, ngày nhẹ đêm nặng, đau gối đau đe càng đau dữ, khi đau thì tim hồi hộp ; chân cong lại không được.

Trị pháp: Châm các huyệt Lưỡng-tát-nhẫn, Khúc-tuyễn, Dương-lăng-tuyễn, Âm-thị, Túc-tam-lý, Ủy-trung hổ, Phong-phủ, Tuyệt-cổt, Thái-xung tả, dùng điện dẫn trên các huyệt.

Cửu Hoàn-khiêu 5 tráng, Phong-thị, Thận-du, Mạng-môn và các huyệt châm trên đều 3 tráng.

Kết quả: Khi dẫn điện trên kim từ huyệt Túc-tam-lý đến Tất-nhẫn, đều không cảm giác gì (đây là chỗ tu các độc hịnh), nhưng trên đầu gối đe không đau và duỗi ra được, sau lại cũng bết đau, 3 ngày sau lăn lăn xop.

Trị tiếp lần thứ 2 cũng trị y như trên.

Kết quả: Hết sưng và xop hẳn, bình phục.

Trị bệnh đau gối sưng, bắp thịt rút, toàn thân phát ngừa.

Bà Thành 58 tuổi bị nhức hai khớp xương đầu gối đau nhức, cơ bắp chân co rút đau, toàn thân phát ngừa.

Trị pháp: Châm Thận-sau hổ, Nội-quang tả, Cửu Lưỡng-tát-

ahān, Túc-tam-lý, Khúc-tuyền, Âm-lăng-tuyền, Dương-lăng, Tuyệt-cốt, Côn-lôn đều 3 tráng.

Kết quả : Khi Châm 2 huyệt thì vượng châm, nhưng sau cứu trị thì tim yên và đầu gối bớt đau, ngày sau chân mệt giảm, chân trái còn đau.

Trị lần thứ 2 cách 2 ngày trị như lần trước.

Kết quả : Chân trái cũng bớt.

Trị lần thứ 3 (hiện bệnh chân bớt đau nhưng tay mặt và vai đến cùi chỏ rần đau, tim hồi hộp) Cứu Ngoại-quang, Giải-khé, Khúc-tri, Kiêng-ung đều 3 tráng.

Kết quả : Tay hết đau, tim hồi hộp, nhưng loạn thần lại phát ngứa,

Trị lần thứ 4 Châm Ngoại-quang, Khúc-tri, cứu như trên.

Kết quả : ngứa giảm. Tiếp trị lần nữa như trên, thần bớt ngứa và các chứng đều hết hẳn.

Trị bình khớp cùi chỏ sưng to làm mũ.

Cứu Đức 17 luồi khớp cùi chỏ tay trái sưng to lớn, có chỏ muổn ra mũ, chứng này vì trước cảm nhiệt phát sanh, bệnh đã 3 tháng.

Trị pháp : Châm Khúc-tri, Thiên-linh, Xích-trạch bỗ, Hiệp-cốc, Đại-lăng, Uy-ên-cốt tà.

Kết quả : Khi châm cảm lè cứng, hơi dục, chỏ miệng ghê tởm biến chảy nước vàng (não kim làm cho chảy mũ), ngày sau cùi chỏ hơi xẹp.

Trị lần thứ 2 y như trước, tiếp trị lần thứ 3, sưng giảm xẹp nbiều, nước vàng bớt chảy, nhưng trong xương còn đau,

Trị tiếp lần thứ 4 cũng như trước, hoàn toàn bình phục.

Lậu thương.

Vì vận động, lao lực quá sức làm thương gân cốt gọi là Lậu-thương làm đau các gân cốt, khớp xương, như ngón tay, nách, cùi chỏ, đầu mắt cá, cườm tay.

Trị pháp : Tùy bộ phận mà áp dụng huyệt.

Cườm tay đau trặc châm : Dương-tri, Dương-khé, Hiệp-cốc.

Cùi chỏ đau trặc Châm Khúc-tri, Khúc-trạch, Tiêu-bãi,

Đầu gối đau trặc châm Độc-lý, Thương-khưu, Dương-lăng-tuyền.

Mắt cá chân đau trặc Châm Thương-khưu, Giải-khé, Khưu-hư.

Như đòn đau thi tại cuộc bộ A-lbi-huyệt châm, uốn sưng không

thì chậm thêm cừu.

Trị bệnh tay chân tê (mồ mọc).

Ông Thành 57 tuổi tay chân tê bên mặt nặng hơn, muốn làm bài bán thản, chân muộn sưng.

Trị pháp : Châm Phục-lưu, Tam-âm-giao, Khúc-tri, Thủa-sơn, Thái-xung bên mặt chân bỗ, bên trái là.

Kết quả : Bên trái còn tê, bên mặt hết. Trị tiếp mấy lần nữa hết hẳn.

Trị bệnh này theo cách trị bệnh bán thản, bỗ bên mặt tả bên trái có kết quả.

Phong-thấp tê.

Các chứng Phong-thấp tê, tay chân hoạt động hơi khó khăn.

Thủ huyệt : Kiên-ngung, Khúc-tri, Hiệp-cốc, Hoàn-khiêu, Dương-jăng, Túc-tam-lý, Yêu-dương-quang, Tuyệt-cốt, Ngoại-quang.

Cách gia giảm : Hàng thử già Quang-nguyên, Kbi-bãi, Tam-âm-giao, Túc-lâm-khấp, châm rồi thêm cừu,

Phong nhiều thêm Phong-thị, Cách-du, Đại-trữ, nếu tim bồi hộp thêm Thần-môn, Đại-jăng.

Thủ pháp : Kiên-ngung, Khúc-tri 1 tắt 2 phần. Hiệp-cốc, 1 tắt Hoàn-khiêu 2 tắt 5 phần, Dương-jăng, Túc-tam-lý 1 tắt, Yêu-dương-quang, Tuyệt-cốt, Ngoại-quang 5 phần. Quang-nguyên, Kbi-hải, 1 tắt Tam-âm-giao, Túc-lâm-khấp 5 phần, Thần-môn, 3 phần, Đại-jăng 5 phần, Phong-thị 5 phần, Cách-du xiên ra ngoài, Đại-trữ 5 phần.

Đều dùng bình bỗ, bình tả pháp lưu kim 1 giờ. Cách 1 ngày trị 1 lần.

Trị chứng Tê, ngoài các huyệt : Ngoại-quang, Hiệp-cốc. Khúc-tri Phong-thị, Dương-jăng, Túc-tam-lý nên tùy bộ phận dùng huyệt phổi hợp.

TRỊ NGHĨỆM :

Trị chứng Phong-thấp, cánh tay đau nhức.

Anh Nguyên 30 tuổi mấy tháng trước vì đi biển làm nghề đánh cá quá lao lực lại bị lạnh làm đau cánh tay trái từ cùi chỏ trở ra đến ngón tay, vận động co duỗi đều đau, có khi đưa ra không co lại được hoặc co vào không đưa ra được.

Trị pháp : Châm Hiệp-cốc, Nhị-gian, Tam-gian, Dương-tri, Kinh-cự. Cứu các huyệt Khúc-tri, Thủ-tam-lý, Kiên-ngung.

Kết quả : Châm cứu xong hơi bớt, dễ chịu.

Trị tiếp 2 lần nữa y như trên bình hết hẳn.

Trị chứng Phong-thấp, lưng, chân đau nhức.

Bà Lâm 58 tuổi người tỉnh Thanh mè mệt, chân yếu vô lực, chỗ eo lưng thường đau ban đêm thường cảm nhận đau từ hông bên mặt chạy xuống đền chân, dùng thuốc không công hiệu.

Trị pháp : Chứng này thuộc chứng hư khíêm Phong thấp bình.

Châm Phong-tri, cùu Khúc-tri, Thận-du, Khi-hải, Quang-nguyên, Dương-lăng-tuyễn, châm Âm-lăng-tuyễn, Tam-âm-giao, Cửu Túc-tam-lý. Trong cho uống Thận-khi-hoàn.

Kết quả : Bớt dễ chịu. Sau trị tiếp 5 lần nữa y như trên, bình hết hẳn.

Trị chứng Phong-thấp đau chỗ xương bàn tay.

Ông Sanh 50 tuổi mấy năm trước thường đau chỗ xương bàn tay lên đến lưng, nên cả lưng chân đều đau té nhức luôn, vì thường uống rượu nên thân thè gầy ốm, năm nay phát đau mỗi đêm ngủ dậy chỗ lưng càng đau kịch, ráu ngồi dậy không nổi, lúc đau thì tìm lại hộp khó chịu. Dùng đủ thuốc Đông, Tây trị Phong-thấp đều vô hiệu, đi rọi kiến không thấy trạng thái gì, sau lại đại tiện ra máu, thử nước tiểu thì không có hiện tượng gì, huyết áp cũng thường, sau đi trị Ngoại khoa cũng không có kết quả,

Nhờ người giới thiệu đi châm cứu trị.

Trị pháp : Châm các huyệt : Ủy-trung, Thương-liêu, Thận-du, Mạng-môn, kích thích nhẹ châm xong già cùu mỗi huyệt 3 tráng (trừ huyệt Ủy-trung).

Đến trị lần thứ 2 cho biết tối lại ngũ sáng dậy bớt đau nhiều.

Trị y như trước. Từ ấy về sau không thấy lại trị nữa, cách mấy tháng gặp người bạn cho biết đã hết hẳn ngay từ ngay hôm sau nên không trị nữa.

Trị chứng Phong-thấp làm các khớp xương đau (Lịch-tiết-phong, Quang-tiết thống)

1) Ông Giáo-học 65 tuổi, bệnh chỗ khớp cùi chỏ đau nhức, ban đêm ngủ quên nghiên qua đung bức chịu không nổi, tay không đưa cao lên được nên đánh răng cũng đau, bệnh đã 12 năm dùng đủ thuốc vô hiệu, gần đây lại phát thêm chỗ bàn tay bên mặt đau, ngồi không được.

Trị pháp : Tay, châm Khúc-trì, Thủ-tam-lý (châm nhẹ kích thích 2 phút không lưu kim).

Chân, Châm Hoàn-khiêu, Phong-thị, Dương-Lăng-tuyễn kích thích 2 phút lưu kim 30 phút rút kim.

Trị tiếp châm cứu 4 lần, bình giảm 8/0 sau trị tiếp 2 lần nữa hoàn toàn hết hẳn không tái phát,

•2.— Ông Phương 36 tuổi khớp xương cùm tay đau đòng Hồng hoa-du bóp hơi bởi nay lại đau nhức cùm tay mặt, tuần sau lại đau chò đầu gối và chồ mắt cá chân mặt. Dùng Án được không công hiệu, sau đi Đông-y nhận là chứng Phong-thấp Lịch tiết phong nhưng uống thuốc cũng không kết quả, bây giờ đến châm cứu trị.

Trị pháp : Dùng các huyệt Kiên-ngung, Khúc-trì, Thủ-tam-lý, Hiệp-cốc, Nội-quang, Chi-cầu, Hoàn-khiêu, Phong-thị, Dương-lăng-tuyễn, Túc-tam-lý, Côn-lôn đều dùng trị cả 2 tay 2 chân, châm sau mỗi huyệt đều giàu.

Kết quả : đau giảm nhưng chồ mắt cá chân còn đau, trị tiếp 2 lần nữa y như trên, bình hết hẳn. Đến nay 2 năm không tái phát.

3.— Ông Long 40 tuổi thường hay uống rượu bịnh Phong thấp đau khớp xương phía trong mắt cá chân và trên cùm chân, có lúc lại sưng đỏ nóng nhức khó chịu không cử động được.

Trị pháp : Châm Túc-tam-lý, Tam-âm-giao, Côn-lôn, Thái-khê, Trung-phong, Thương-khưu, Khuu-hư, Chiếu-hải, Thần-mạch, áp dụng trước tác thuật bịnh nhọn cảm giác tè cả, lưu kim ít phút rồi trực tiếp cứu 2 tráng.

Kết quả : hết nhức. Sau y như trên trị tiếp mỗi tuần trị 3 lần, trị cả thảy 5 lần bình hết hẳn, mấy tháng sau không tái phát.

4.— Ông Thu làm thợ vì vận động cánh tay mặt mài và cũng vì quá uống rượu, nên phát bệnh đau khớp xương chồ cùm tay có lúc phát sưng đau nhức.

Trị pháp : Châm Khúc-trì, Thủ-tam-lý, Ngoại-quang, Chi-cầu, Uyển-cốt, Hiệp-cốc, Trung-chứ, kích-thích, lưu kim II, rồi trực tiếp cứu 1 tráng.

Trị tiếp 3 lần hết hẳn. khuyên dừng uống rượu, nhưng cách 2 tháng sau vì lại uống rượu nên đau trở lại, tên trị, cũng dùng huyệt trị như trước, mấy lần nữa mới hết.

Kinh nghiệm trị các chứng Phong-thấp trên đây đều châm dùng thủ thuật trước tác và lưu kim (tiên tâ) sau cứu (hậu bô) đều có công hiệu mỹ mãng.

PHONG THẤP KHƯỚC KHÍ.

Chứng Phong-thấp Khước-khí thường do hàng thấp hay Nội-thương thấp nhiệt phát sanh, chứng trạng thường làm cho chân tè yếu, sưng phù, cơ nhục đau, đầu gối sưng hoặc phản xạ yếu, chứng nặng làm tim hồi hộp, ngực đầy, có khi phát nóng lạnh. Chứng trạng thường phân ra ba loại sau đây :

Càn tánh khước-khí : chân vô lực yếu, tê, khớp đầu gối co rút đau, có khi sưng, hoặc hình thè khô tiêu, người suy nhược có thè nguy đến tánh mạng.

Thấp tánh khước-khí : chứng phát sưng phù, làm như bị thủng đại tiện bì, như thủng xẹp thì cơ nhục ốm leo.

Xung tâm khước khí : chứng này rất nguy hiểm, cũng phát như các chứng càn tánh, thấp tánh khước-khí nhưng làm tim đập mạnh, thở mệt bụng trướng, ác cảm àu thò, ăn uống không được, đại tiện bì, tiểu ít có khi nặng xung tâm nguy đến tánh mạng ngay.

Trị chứng này cũng phân ra cách trị khác nhau :

Càn tánh khước-khí : dùng các huyệt : Dương-lăng-tuyễn, Âm-lăng-tuyễn, Túc-tam-lý, Dương-phò, Huyền-chung, Côn-lôa, Thái-khê, Dũng-tuyễn.

Thấp tánh khước-khí : dùng các huyệt : Phong-thị, Dương-lăng tuyễn, Túc-tam-lý, Dương-phò, Huyền-chung, Tam-âm-giao, Thừa-sơn (nếu nóng nhiều không nên cứu).

Xung tâm khước khí : Cứu các huyệt Phong-thị, Túc-tam-lý, Huyền-chung, Thừa-sơn.

Vậy áp dụng những huyệt trên, tùy theo bệnh trạng mà dùng châm già cứu, tùy cơ ứng biến.

Những phương trị nghiệm sau đây :

Anh Thái 48 tuổi làm nghề đánh cá bị bệnh chõ ống chân, cườm chân đau đến đầu ngón chân cái đã hơn 1 năm, cứ mỗi tháng đau 3, 4, lần không nóng không sưng, nhưng khi đau không cử động được đã dùng thuốc Tây tim trị, nhưng chỉ đỡ không hết, sau nhờ châm cứu trị, tôi cho biết phải nhấn nại trị 5, 6, lần mới kiển hiệu.

Trị pháp : Trước châm Dương-lăng-tuyễn, Tam-âm-giao, Thái-

khé, Thương-khưu, Trung-phong, Đại-đô, Côn-lon, Hành-gian, Thiên-
trung-huyệt. Cứu Dương-lăng-tuyễn, Thương-khưu, Thiên-ứng.

Kết quả : hết đau. Trị tiếp 3 lần nữa hoàn toàn hết hẳn, sau đã
mấy tháng không tái phát.

Ông Đoan 54 tuổi hai khớp đầu gối đau nhức, không co duỗi
được, trời mưa gió lại càng đau nặng dã trên tháng dùng đủ thuốc
không công hiệu.

Hiện chứng trạng ăn uống như thường chỗ đau không sưng
nhưng lấy tay đέ thì đau khó chịu.

Trị pháp : Châm Dương-lăng-tuyễn, Âm-lăng-tuyễn, Tất-nhân,
Khúc-tuyễn, Uỷ-trung. Tất-quang và cứu Hạt-danh, Tất-nhân, Thiên-
trung.

Kết quả : hôm sau có duỗi được. đau ít.

Trị lần thứ 2 Cũng trị như trước thêm cứu Dương-lăng, Âm-
lăng, Khúc-tuyễn 5 tráng, trị tiếp cả thảy 4 lần kết quả hết hẳn, không
tái phát.

XXVII.— BỊH NGOÀI DA. (BÌ PHU BỊH)

Ngoài da rộ rạy như kiến bò.

Châm các huyệt : Khúc-tri, Thần-môn, Hiệp-cốc, Tam-Âm-giao.

Phong độc chấn khói.

Toàn thân nồi đỏ từng vè, có cục phát ngứa, phát nóng có khi
sưng phù hoặc lặng rồi phát lại.

Dùng các huyệt : Can-du, Cách-du, Đại-trường-du, Kiên-ngung,
Khúc-tri, Huyết-hải, Tam-Âm-giao.

Hoặc dùng các huyệt : Khúc-tri, Dũng-tuyễn, Khúc-trach, Hiệp-
cốc, Ủy-trung, Hoàn-khiêu, Huyết-hải, Cách-du, Chi-Âm.

Tháp chấn.

Ngoài da nồi như Hoa phấn, nồi cục, hoặc chảy nước, hay có
mụt ngứa, đêm không ngủ được, có khi phát từng cuộc bộ như :
Đầu, mặt, tay, chân.

Dùng các huyệt : Ủy-trung, Hiệp-cốc, Ngoại-quang, Huyết-hải,
Cách-du, Tam-Âm-giao.

Cách 2-3 ngày châm trị 1 lần.

Phân ra cuộc bộ như sau : Như ở chân dùng các huyệt : Ủy-
trung, Khúc-tri, Huyết-hải, cứu chấn bịnh.

Như ở tay ; Châm các huyệt : Đại-chùy, Trung-chứu, Hiệp-cốc. Cứu chỗ bình.

Dưới ống chân châm Ngoại-khưu, Tam-Âm-giao, Giải-khé.

Bộ phận trên châm Phế-du, Khúc-trì, Chi-cầu, Đại-lăng, Hiệp-cốc.

Phong chấn : Châm Khúc-trì, Huyết-hai, Ủy-trung, Phế-du.

Bên thân sanh ghẻ châm Khúc-trì, Hiệp-cốc, Tam-lý, Tuyệt-cốt, Xiên-ngung, Khúc-trạch, Ủy-trung, Hoàn-khiêu, Huyết-hai, Dũng-tuyên.

GHÉ NGÚA :

Dùng các huyệt chủ yếu : Châm các huyệt : Khúc-trì, Chi-cầu, Đại-lăng, hiệp-cốc, Hậu-khé, Dương-khé, Dương-cốc, Ủy-trung, Tam-lý, Dương-phò, Côn-lòn, Hành-gian, Cách-du.

Hoặc châm các huyệt : Khúc-trì, Huyết-hai, Hiệp-cốc, Tam-lý, Ủy-trung, Hành-gian, Hậu-khé, Phế-du. Cứu các huyệt : Khúc-trì, Cách-du, Lao-cung, Đại-lăng.

Thần kinh tánh bì phu bình.

Toàn thân phát ngứa bắt gài đến chảy máu mới đỡ ngứa, thường người lớn tuổi hay phát chứng này, có khi mùa đông phát, mùa hè hết hay ngược lại, có khi phát như ghẻ ngứa, thấp chàm.

Dùng các huyệt : Đại-chùy, Hiệp-cốc, Khúc-trì, Hoàn-khiêu, Túc-tam-lý, Tam-Âm-giao, Huyết-hai, Ủy-trung, Can-du. Cứu Huyết-hai, Cách-du, Khúc-trì.

Phong-dơn. (Da nổi phong ngứa như phát Đơn, Phung).

Cả mình nổi có cục phát ngứa như Đơn, Phung.

Anh Văn 34 tuổi, ban đêm phát ngứa cùng mình da nóng, tay gác luôn, cả mình đỏ rần.

Trị pháp : Châm Khúc-trì, Đại-chùy, Phong-phủ tả.

Kết quả : Khi châm thấy dễ chịu, chưa rút kim ra, người khó chịu xin nằm (phản ứng vựng châm) giải vựng châm, các huyệt dương châm xoay bô lại rút kim, tỉnh lại thì hết ngứa hết nóng, da lẩn lẩn bớt đỏ, đêm ấy về nhà lòng bàn tay phát nóng.

Trị tiếp 1 lần nữa y như trên. Bình không phản ứng nữa, sau hết hẳn.

Bịnh toàn thân phát nổi cục ngứa, chán sưng phù.

Cháu Khương 12 tuổi toàn thân nổi cục đỏ, nổi bung cũng có, chán sưng phù đè như Thủy thủng, phát ngứa gác, trên mặt sanh ghẻ.

Trị pháp : Châm Khúc-tri, Đại-chủy, Hiệp-cốc, Tam-Âm-giao, Huyết-hái tâ.

Kết quả : Khi châm làm vưng châm ra mồ hôi đậm dè, giải rồi bình lăn lăn giảm, chán bớt sưng, mặt hết ngứa.

Trị lý : Bệnh này độc nhiều nên khi châm tâ, độc phát ra làm vưng châm dù mồ hôi đậm dè, giải dùng thuốc thổi mũi cho nhảy mũi liên thỉnh, thì bệnh tiêu trừ hết hẳn. Còn bệnh trên vì độc công lên nên cũng phản ứng vưng châm, nhưng hai bệnh đều kết quả hết bệnh. Vậy đây cũng là kinh-nghiệm nên nghiên cứu trong khi làm sàn trị bệnh.

Trị bệnh ghê ngứa, độc phát nỗi hạch ở nách.

Cháu Dương 12 tuổi phát ghê ngứa gãi trầy cả, phía bên nách bên mặt lại nỗi hạch sưng nhức, tay không đưa lên được,

Trị pháp : Châm Khúc-tri, Lao-cung tâ.

Kết quả : ngày sau hạch xẹp, tay đưa lên được, ghê lăn lăn hết.

Trị toàn thân phát ghê ngứa nhức nhối khó chịu:

Cô Dần 36 tuổi toàn thân phát ghê ngứa nhức nhối khó chịu.

Trị pháp : Châm Khúc-tri, Lao-cung tâ. Kết-quả giảm ít.

Trị lần thứ 2 như trên không thay đổi.

Trị lần thứ 3 như trên thêm Tam-Âm-giao, Liệt-khuyết tâ.

Kết quả : bệnh nhẹ hết hẳn.

Bệnh hai tay phát ghê ngứa đã 7 tháng, thêm phis sườn đau.

Ông Thành 61 tuổi hai tay phát ghê ngứa đã 7 tháng không hết thêm phis sườn trái lại đau.

Trị pháp : Châm Khúc-tri, Nội-quang, Tam-Âm-giao tâ. Cứu Kỳ-môn, Chương-môn và chỗ đau 3 tráng.

Kết quả : ghê bớt ngứa, chỗ sườn hết đau.

Trị lần thứ 2 như trên bệnh hoàn toàn hết hẳn.

Bệnh đau gối phát ghê chảy nước vàng.

Anh Phước 22 tuổi chỗ đau gối phát ngứa, sưng chảy nước vàng dùng đủ thuốc không công hiệu.

Trị pháp : Châm Khúc-tri, Đại-lăng, Tam-Âm-giao, Khúc-tuyễn tâ.

Kết quả : giảm phản ứng.

Trị lần thứ 2 y như trên. Bớt ngứa, ít nước vàng.

Tiếp trị lần thứ 3 cũng như trên, kết quả hết hẳn.

Bệnh đau sưng ghê gǎn 20 năm không hết,

Anh Bách 37 tuổi đầu phía trước trán, và sau đầu sưng ghê gǎn 20 năm có khi phát nóng, công lèo đầu làm xoay xầm tinh thần mè mệt.

Trị pháp : Châm Phong-phủ, Khúc-tri, Tam-Âm-giao, Đại-lăng, Khúc-tuyền, Hiệp-cốc tà.

Kết quả : ghê khó bớt.

Trị tiếp lần thứ 2, 3, như trên bệnh giảm nhiều.

Trị luôô đến lần thứ 10 bệnh mới hoàn toàn hết hẳn.

Trị bệnh Thấp-chắn (Thế-giới Châm cứu Y-học-lập chí số 2.)

Ông R người Pháp 40 tuổi phục-vụ ở Bệnh-viện Pháp, bệnh thấp xang ngứa gãi hoài, trên da nổi mụn đỏ, vì làm việc trong Bệnh-viện quá nóng nực lại càng ngứa gãi luôn.

Trị pháp : Châm Xích-trạch, Liệt-khuyết (2 huyệt), Uy-trung, Quang-xung lưu kim 15 phút mới lấy.

Kết quả : Châm xong bệnh nhơn dễ chịu, tự nhận như có hơi gió thổi chỗ cách tay lạnh, sau về nhà phát ngứa trở lại nhưng ít hơn, qua 3 hôm sau bệnh trở lại ngứa như cũ.

Trị lần thứ 2. Trị như trên, bệnh nhơn cũng cầm nhận như lần trước nhưng đến Bệnh-viện làm việc nữa giờ không phát nữa, về nhà tối ngủ yên không ngứa, qua 3 ngày sau đi làm việc như thường da trở nên hồng hào hết ngứa.

Ngày thứ 4 đến Bệnh-viện làm việc trong 4 giờ tự nhiên lại phát rất khó chịu, rồi bắc ngứa gãi đến chảy nước.

Bây giờ lập tức dùng các huyệt như trước châm tri. Khi châm trong 5 phút thì bệnh nhơn cầm nhận dễ chịu, lèo lèn hết hẳn, và từ ấy về sau không hề tái phát nữa.

XXVIII BỊNH VỀ NGŨ QUANG MẮT, TAI, MŨI, MIỆNG

A.—BỊNH MẮT.

Bệnh mắt có mây thấy không rõ.

Anh Sâm 37 tuổi, năm trước mắt bên trái không thấy rõ, năm nay sang luôn qua mắt bên mặt, hai mắt đều có mây dày không thấy.

Trị pháp : Châm Ngư-yêu tà, thich Thái-dương, Nhị-liêu, Chi-âm tà máu. Cứu Dương-bạch. Đại-tiều cốt-không, Lâm-khấp.

Kết quả : Châm cứu xong bệnh nhơn hơi thấy.

Trị lần thứ 2 Cách ngày sau trị như trước, Kết quả thấy chư to trên tờ báo (HÓA BÌNH).

Trị lần thứ 3 Châm Thượng-tinh, Toán-trúc, Tinh-minh tà, thich Chi-Âm, Nhĩ-tiêu ra máu. Cứu như trước.

Kết quả thấy khá, có thể thấy vật trong nhà, nhưng nếu chói ánh sáng lầm thì không thấy.

Trị lần thứ 4 như trên.

Trị lần thứ 5 Châm Thượng-tinh, Toán-trúc, Phong-phủ, Hiệp-cốc Quang-minh tà, cứu như trên.

Kết quả khi rút kim huyệt Quang-minh ra máu bầm đen, ngày sau thấy rõ hơn, xem báo gần được.

Trị lần thứ 6. Châm Ngư-yêu, Thượng-tinh, Phong-phủ, Toán-trúc, Hiệp-cốc, Quang-minh tà, cứu như trước.

Kết quả : Thấy khá hơn.

Trị lần thứ 7 y như trên.

Qua 5 ngày sau đến trị lại cho biết đã thấy rõ nhiều, thấy ánh sáng cũng được, xem gần thấy được chư nhưng gần lầm (1 lầm) không thấy rõ.

Trị lần thứ 8 như trên.

Kết quả nhiều hơn có thể thấy người ở xa, nhận biết được.

Trị lần thứ 9 như trên. Kết quả hôm sau tự đi lại trị bình không cần người dàn như những lần trước nữa.

Trị lần thứ 10. Kết quả hoàn toàn bình phục như cũ.

Bịnh Mát có mày trắng. 20 năm không thấy rõ người đối diện.

Ông Phước 54 tuổi hai mắt đều có mày trắng dày 20 năm nay, đối diện người ngồi trước mặt cũng không nhận rõ, trời lạnh hay chảy nước mắt.

Trị pháp : Châm Ngư-yêu, Toán-trúc, Tinh-minh tà.

Kết quả sau khi châm trị về nhà thấy được chỉ tay.

Bịnh hai mắt không thấy rõ, không dám bước đi 1 bước.

Cô Trương 45 tuổi hai mắt bị mày che không thấy đường, 1 bước không đi được rất khổ sở.

Trị pháp : Châm Ngư-yêu, Toán-trúc tà, thich Nhĩ-tiêu, Chí-Âm ra máu. Cứu Đại-tiêu cốt-không 7 trắng.

Kết quả 2 mắt hơi thấy ánh sáng, thấy người.

Trị lần thứ 2 trị như trên. Kết quả thấy đường tự đi lại tri.

Trị lần thứ 3 cũng trị như trên.

Kết quả Thấy rõ và đi làm lung đưọc.

Bịnh mắt bên mặt không thấy, mắt trái mới kéo mây mờ.

Cô Dương 44 tuổi mắt bên mặt không thấy rõ đã 1 năm, mắt bên trái bây giờ đau kéo mây không thấy rõ, dùng đủ các thứ thuốc vô hiệu.

Trị pháp : Châm Toán-trúc, Ngưu-yêu, Đồng-tử-liêu tả. Cứu Dương-bạch, E-phong, Lâm-khấp.

Kết quả ; Trị xong thấy ánh sáng.

Trị lần thứ 2 Châm cứu như trên ; châm xong chảy nước mắt hơi nóng, thấy được vật, thấy được người.

Trị lần thứ 3 trị như trên,

Kết quả : mắt bên mặt nay thấy được người, mắt bên trái thấy rõ hơn.

Bịnh mắt sưng nhức, tròng đèn hú.

Cô Tiên 38 tuổi mắt bên mặt sưng đau nhức đã 24 ngày, gần đây tròng đèn như bị phá, nhức đèn cả miệng cả răng.

Trị pháp : Châm Tinh-minh, Ngưu-yêu, Toán-trúc, Hiệp-cốc, Túc-tam-lý, Khưu-hú (dùng 1 buỷt) tả, thich Tư-trúc-không, Nhĩ-tiêu, Lê-doài, Ân-bạch ra máu.

Kết quả : Không phản ứng gì.

Trị lần thứ 2 như trên cũng chưa có kết quả gì.

Trị lần thứ 3 Châm trị như trên thêm Trung-xung, Quang-xung, Thiếu-xung, Thiếu-trạch, Đại-dôn, Chí-âm, Khiếu-âm đều ra máu.

Kết quả : Mắt hết đau nhức, răng miệng cũng hết ; nhưng lại phát lạnh.

Trị lần thứ 4 Y như trên. Kết quả, hết phát lạnh, tròng đèn như bâu nhỏ lại.

Trị tiếp 3 lần 5, 6, 7, đều trị như trên,

Kết quả : Tròng đèn thâu vào không lòi ra ngoài nữa, mắt hết sưng.

Trị lần thứ 8, 9, cũng trị như trên,

Kết quả : Tròng mắt trở lại bình thường, cũng hết sưng, chỉ còn hơi đỏ.

Trị lần thứ 10 Châm Hiệp-cốc, Thái-dương, Đồng-tử-liêu, Tinh-minh, Phong-tri tà, thich Tư-trúc-không, Thương-dương ra máu.

Trị lần thứ 11, 12, 13, như trên.

Kết quả : Hết sưng hết trưởng.

Trị lần thứ 14. Châm Thái-dương, Hiệp-cốc, Xích-trạch, Ngư-yêu
thich Tư-trúc-không, Thương-dương, Thiếu-thương ra máu.

Kết quả : hết sưng nhức trong tròng lâu lại đau, tròng trắng còn đỏ.

Trị lần thứ 15 Châm Thương-tinh, Thái-dương, Hiệp-cốc, Đồng
tử-liêu, Tinh-minh tà, châm Tư-trúc-không ra máu.

Kết quả : hết đau nhức.

Trị lần thứ 16 như trên thêm Khuu-hư, Thái-xung, Xích-trạch tà,
Trị lần thứ 17 cũng như trên,

Kết quả : Hết sưng thủng, bình phục hẳn nhưng vì tròng đèn hư
đè nên phải chịu tật.

Bệnh mắt sưng nhảm không mở được.

Cháu Minh 10 tuổi hai mắt sưng nhảm không mở được, tròng
mắt có gân máu, mắt bên trái nặng hơn, bệnh đã 1 tháng dùng đủ
thuốc đều vô hiệu.

Trị pháp: Châm Tinh-minh, Toán-trúc, Ngư-yêu, Thương-tinh,
Hiệp-cốc tà ; thich Tư-trúc-không, Nhì-liêu, Ân-bach, Lệ-doài ra máu.

Kết quả : giảm nhẹ hơn, mở mắt được

Trị lần thứ 2 Trị như trên hết nhức.

Trị lần thứ 3, 4, cũng trị như trên. Kết quả tròng mắt bớt gân
máu, mắt hơi thấy được,

Trị lần thứ 5 như trên.

Kết quả, Gân máu tan nhiều, hai mắt hết nhức, ngày sau thấy
rõ hơn.

Trị lần thứ 6 cũng trị như trên, mắt mở được to.

Trị lần thứ 7 cũng trị như trên.

Kết quả : Mắt mở thấy ánh sáng, mắt bên trái chưa thấy rõ.

Trị lần thứ 8, 9, cũng như trên mắt nhẹ nhiều, mắt bên mặt thấy
rõ hơn nhưng bên trái chưa thấy rõ lắm.

Trị lần thứ 10, 11 cũng y như trên, không dùng Ân-bach, Lệ-
doài.

Kết quả bình hết hẳn.

Bệnh hai mắt sưng nhức và đau đớn.

Cô Cúc 32 tuổi hai mắt sưng đỏ nhức không dám mở, tròng
trắng nổi lên làm nô nhục, lại nhức đau, ban đêm đau khóc cả đêm
không ngủ được.

Trị pháp : Châm Ngư-yêu, Toán-trúc, Tinh-minh tà.

Kết quả : hết sưng hết nhức mỏi mắt được, chỉ còn gân máu.
Ngày hôm sau lần lần hết hẳn.

Bệnh nhức đầu mắt có mây, Đầu phong hoán nhán.

Cô Ngọc 46 tuổi trước thường đau đầu hai bên Thái-dương đã 7,8 năm mắt bên mặt không thấy rõ, 3 năm nay sang qua mắt bên trái đau, khi nhức đầu nặng thì phát đau mắt, đau nhẹ thì phát nhẹ

Trị pháp : Châm Ngư-yếu tà, Toán-trúc, Tinh-minh bò, cứu Đại tiêu cốt-không, Dương-bạch, Phong-tri, Lâm-khấp 3 trắng.

Kết quả : Sau 2 ngày mắt lần lần rõ, đầu mắt hết đau.

Trị lần thứ 2, trị như trên.

Kết quả Mây trắng tan dần, hơi thấy rõ hơn trước.

Trị lần thứ 3 y như trước thêm cứu Hiệp-cốc, Mây bớt, nhưng phát ngứa.

Trị lần thứ 4, trị như lần thứ 1 gia thêm Phong-tri (bên trái) châm tà.

Kết quả Châm xong hết ngứa, ngày sau gân máu cũng bớt.

Trị lần thứ 5 cũng như lần thứ 1, kết quả mây tan nhiều.

Trị lần thứ 6 cũng như lần thứ 1 nhưng các huyệt chỉ cứu 1 trắng.

Kết quả hoàn toàn bình phục, đau đầu cũng hết luôn.

Bệnh mắt kéo mây đã 20 năm, không thấy rõ.

Cô Hội 44 tuổi cứ mỗi đêm phát đau bụng cảm giác hơi nóng xông lên đầu, hai bên Thái-dương nặng đau khó chịu, vì vậy mắt lại kéo mây không thấy, chảy nước mắt, bình trên 20 năm.

Trị pháp : Châm Ngư-yếu, Toán-trúc, Tinh-minh tà. Cứu Dương-bạch, Lâm-khấp, Phong-tri, Ế-phong, Ngư-yếu, Toán-trúc 1 trắng.

Kết quả : Châm xong đầu khoan khoai hết đau, mắt cũng hơi rõ.

Trị lần thứ 2. Mắt bên mặt nặng. Châm Đồng-tử-liêu, cứu như trước.

Kết quả Châm xong đầu khoan khái, mắt thấy rõ.

Mắt bị thương phát kéo mây không thấy rõ.

Ông Thiên 56 tuổi mắt bên trái bị thương sanh mây trắng, sưng nhức không thấy rõ.

Trị pháp : Châm Ngư-yếu, Toán-trúc tà.

Kết quả mắt sáng tự nhiên hết mây bình hết hẳn.

Mắt ngó như có điểm đen không thấy rõ.

Bà Sanh 68 tuổi mắt ngó trước mặt như có điểm đen không thấy

Trị pháp : Châm Ngự-yếu, Toán-trúc-tả.

Kết quả : ngó thấy rõ xô kim mày được.

Trị lần thứ 2 Châm Tinh-minh.

Kết quả : Thấy rõ hết điểm đen, bình phục hẳn.

Trị Mát Quáng gà. Ban đêm không thấy rõ.

Anh Nhiên 42 tuổi, mắt ban đêm không thấy rõ, bình dã 2 tháng
lại có bệnh đau chồ ô tim hơn 1 năm.

Trị pháp : Châm Nội-quang, Thượng-uyền, Túc-tam-lý, Tinh-minh.

Kết quả : mắt to ban đêm thấy, tim hết đau.

Trị lần thứ 2 Y như trên, bình hết hẳn.

Trẻ con bịh mắt vàng, đêm không thấy rõ.

Cháu Hoa 5 tuổi, da mặt vàng, mắt tròng trắng vàng, nước tiểu
đỏ, đại tiện táo, mặt và tay chân thủng, mắt không thấy rõ bình dã
6 tháng. (Bệnh này là bệnh đau Gan phai vàng thủng, và đau mắt).

Trị pháp : Châm Chi-Am. Ăn-bach ra máu. Cứu Chi-dương, Thận
du, Hỗm-du, Tỷ-du, Thái-khé, Tam-âm-giao đều 1 tráng.

Kết quả : Mắt xop, bết sốt, ăn được.

Trị lần thứ 2 cách 3 ngày châm như trên. Cứu thêm Phục-lưu
3 tráng.

Kết quả Chân hết thủng.

Trị lần thứ 3 Châm Thiểu-thương, Hiệp-cốc ra máu. Cứu Phế-du
Phong-môn, Chi-dương, Can-du, Tỷ-du, Thận-du, Quang-minh đều
1 tráng, Đại-liều-cốt-không 2 tráng.

Kết quả Thủng xop.

Trị lần thứ 4 Trị như trên. Kết quả đêm thấy rõ, bình hết hẳn.

Bệnh giờ mất mờ.

1) Ông Xuân 59 tuổi, mắt bên trái gần đây cứ sau 12 giờ trưa
mờ thấy không rõ.

Trị pháp : Châm Phục-lưu, Phi-dương, Tinh-minh bồ, Toán-trúc
tả. Cứu Can-du, Thận-du 3 tráng, Mạng-môn 1 tráng.

Kết quả Mắt hết hoa, ban đêm giảm nhiều.

Trị lần thứ 2 như trên. Bệnh hoàn toàn bình phục.

2) Bà Lý 80 tuổi mắt hoa, đầu xoay xầm, có lúc đi muối té.

Trị pháp : Châm Bách-hội tả, Túc-tam-lý bồ.

Kết quả Mắt thấy rõ, đầu hết xoay xầm.

Mắt có mộng không thấy rõ.

Cô Anh 36 tuổi bình hai mắt đỏ kéo mày, mắt bên trái sưng, chò con ngươi có 1 cái mọt mộng như hột bắp trắng, không thấy rõ.

Trị pháp : Châm Tinh-tinh, Thái-xung, Hiệp-cốc tả, Tư-trúc-không, Nhĩ-tiêu ra máu ; kết quả mộng tiêu, mắt bên trái thấy rõ.

Trị lần thứ 2 như trên trừ Thái-xung.

Kết quả bình hết không trị nữa.

Bình khóc mắt lở loét.

1) Anh Phát 36 tuổi mắt bên mặt khóc trong lở chảy mủ, mỗi ngày đều chảy nước mắt, dùng đủ thuốc không công hiệu.

Trị pháp : Châm Tinh-minh, Hiệp-cốc tả.

Kết quả mủ bớt và cũng giảm sưng nhức.

Trị lần thứ 2 Hết mủ hết sưng nhức, còn chảy nước mắt.

Trị tiếp 3 lần nữa bình phục hẳn.

2) Chịu Phù 9 tuổi 2 mắt khóc đỏ lở loét đã 15 ngày (biob trước sau phát đi phát lại nhiều lần)

Trị pháp : Châm Tinh-minh, Thái-bach tả, cứu Đồng-tử-liệu 1 trắng.

Kết quả hết lở. Tiếp trị 1 lần nữa hết hẳn.

3.— Mỵ mắt dưới sưng lở có mủ.

Anh Tài 27 tuổi mắt bên mặt mỵ dưới sưng đỏ phía ngoài có điểm đen.

Trị pháp : Châm Tinh-minh, Hiệp-cốc, Tam-lý, Đại-bào tả, Ân-bach, Lệ-đoài ra máu. Kết quả mắt hết sưng nhức, lăn lăn hết hẳn.

4.— Mỵ mắt trên lở loét.

Cháu Lập 11 tuổi mỵ mắt trên như sanh ghê sưng chảy nước mắt, буди mai nhức không nháy mắt được.

Trị pháp : Châm Tinh-minh tả.

Kết quả : châm vào cảm giác tê đến mắt, liền hết nhức, mắt nháy được ngày hôm sau bình hết hẳn.

Mắt hay chảy nước mắt sòng.

Ông Tân 63 tuổi hai mắt sáng đến trưa hay chảy nước mắt sòng буди chiều lạnh hết, dùng nước nóng rửa không dùng nước lạnh được, nhỏ thuốc lạnh thì càng nặng hơn.

Trị pháp : Châm Thái-xung, Phoong-tri, Tinh-minh tả.

Kết quả ngày sau giảm. Biob này dùng các huyệt khác không công hiệu mà áp dụng các huyệt này trị 3 lần hết hẳn.

Bệnh tròng mắt lồi ra ngoài (mắt lộ),

Ông Tia 56 tuổi mắt bên trái tròng mắt sưng nổi cao lộ ra ngoài mà không nhấp lại được, thấy vật gì cũng lòe, hai bên thái dương nhức, đầu xoay xầm chầm bên trái té đau, Huyết áp đo lên 15. (Bệnh đau mắt kim Áp huyết cao).

Trị pháp : Châm Phong-phủ, Phong-tri, Toán-trúc, Ngư-yêu, Thượng-tinh, Hiệp-cốc tà. Cứu Bách-hội, Tiễn-danh, Thần-định, Nhĩ-tiêu, É-phong, Thái-dương đều 1 trắng.

Kết quả : Đầu hết xoay xầm, nhưng đầu cò lại phát ngứa, chảy nước mắt nhưng mắt lại tồi hơn, ngày sau đầu khỏe bớt đau nhiều.

Trị lần thứ 2 như trước, mắt bớt sưng.

Trị lần thứ 3 cũng trị như trên.

Kết quả Từ đầu và nũa thân người đến đầu gối phía bên trái đều phát ngứa. (Trị 2 lần này bệnh lại phát như thế là vì bị cảm nhiễm âm thấp nhiều, nên muốn phát bệnh Bán-biên Não-xuất-huyết do do Động-mạch Não căn).

Trị lần thứ 4 cũng trị y như trước. Kết quả đầu giảm nhẹ.

Trị lần thứ 5 cũng y như trước. Kết quả sau hết ngứa, mắt trở lại bình thường.

Trị lần thứ 6 Châm Xích-trạch, Thái-xung, Phong-phủ, Phong-tri, Tinh-minh bên trái tà, thich Tư-trúc-không, Nhĩ-tiêu ra máu.

Kết quả : Các chứng giảm.

Trị lần thứ 7 (hiện bán thân và đầu phát ngứa). Châm trị như trên thêm Phục-lưu bồ.

Kết quả : các chứng ngứa bớt nhiều (do châm bồ Phục-lưu công hiện).

Trị lần thứ 8 (hiện đầu còn xoay xầm, chảy nước mắt sổng, chân té.) Châm Tinh-minh, Toán-trúc, Ngư-yêu, Phong-phủ, Phong-tri, Thái-xung, Quang-minh tà, thich Tư-trúc-không, Nhĩ-tiêu ra máu.

Cứu Bách-hội, Tiễn-danh, Thượng-tinh, Thần-định đều 3 trắng, Thái-dương 1 trắng. Kết quả : Chân bết té tròng mắt gần đờ nay chuyễn đèn.

Trị lần thứ 9 Trị như trên.

Kết quả mắt lồi ra đã thâu vào, mỵ trên thấy rõ (trước vi tròng lộ cao đội mỵ lên, nay hết) bao thận phát ngứa giảm.

Trị lần thứ 10, 11, 12, cũng y như trên.

Kết quả Các chứng giảm bớt ogira, mắt trong nhưng chưa xop bằng phẳng.

Trị lần thứ 14. Châm Phong-tri, Tinh-minh, Toán-trúc, Ngư-yêu, Thái-xung, Quang-minh, Địa-ngũ-hội tà,

Kết quả : Mắt xop vào hết,

Trị lần thứ 15, 16 cũng trị như trên.

Kết quả bình giảm đến 2/3.

Trị lần thứ 17 Châm Phong-phủ, Phong-tri, Hành-gian, Quang-minh, Tinh-minh, Ngư-yêu, Toán-trúc, Hiệp-cốc. Cứu Bách-hội, Thượng-tinh, Thần-dinh, É-phong đều 3 tráng, Thái-dương 1 tráng.

Kết quả mắt hết đau.

Trị lần thứ 18 Châm Xích-trach, Thượng-tinh, Địa-ngũ-hội, Phong-phủ, Hiệp-cốc tà, cứu như trên.

Kết quả. Mắt xop và bình phục hẳn.

Mát lộ tròng lại nhức cả mặt.

Cháu Trinh 15 tuổi mắt bên trái đỏ bầm sưng nhức không mở được, tròng đen đã lộ (lộ cao lên) nhức cả nửa bên mặt, phát lạnh.

Trị pháp : Châm Ngư-yêu, Hiệp-cốc, Quang-minh, Phong-tri, Nội-quang, Tư-trúc-không. Chi-ám, Khiếu-ám, Đại-dôn, Nhĩ-tiêu ra máu.

Trị lần thứ 2 cũng trị như trên.

Kết quả Bớt lạnh, mắt dễ chịu bên mặt đau giảm,

Trị lần thứ 4, 5, 6, đều y như trên.

Kết quả. Các chứng giảm, hết chảy nước mắt, bớt đỏ.

Trị lần thứ 7, 8, cũng như trên.

Kết quả : Tròng đen xop hết lộ ra ngoài, mắt hết nổi gần đỏ.

Trị tiếp 1 lần nữa bình hoàn toàn bình phục.

Bình mắt không thấy rõ vì Não bị thương.

Cháu Huỳnh 14 tuổi mắt không thấy bình đã 4 tháng, cháu vòi trên lầu té xuống rồi hôn mê, Não bộ bị thương, sau trị hết rồi thì hai mắt lại không thấy, dùng đủ các thứ thuốc Đông Tây không công hiệu.

Trị pháp : Châm các buyet Toán-trúc, Tinh-minh, Tư-trúc-không, Đồng-tử-liệu, Quang-minh, Thần-du, Can-du.

Lần thứ 2 Châm Tinh-minh, Đồng-tử-liệu, Tư-trúc-không, Thái-dương, Thủa-khấp, Tú-bạch, Can-du (gia cứu Can-du).

Cách mỗi ngày châm trị 1 lần, hai phương này thay đổi trị liên tiếp 20 lần, trong uống thêm thuốc Kè-can Da-minh-sa tán, mắt lần

lão thay rò bình phục nát

Bệnh mắt mờ trên, dưới sưng lờ loét có vảy lâu không nhụy
tục gọi là chứng Huyền-phong (mắt bết)

Trị pháp : Châm Toán-trác, Tinh-minh, Tứ-bạch, Đồng-tứ-liêu.

Cứu Đại-liêu cốt-không, và châm mý mắt ra máu.

Dùng phương thuật này liên tiếp trị, dầu bệnh lâu năm cũng
còn hiệu.

Mắt Cận thị.

Dùng phương pháp trị sau đây :

- 1.— Ngọc-châm, Đầu-duy.
- 2.— Tinh-minh, Thượng-tinh.
- 3.— Ngọc-châm, Thượng-tinh.
- 4.— Thiên-tru, Thái-dương.
- 5.— Khúc-sai, Phong-tri.
- 6.— Đồng-tứ-liêu, Bách-hội.

Các huyệt trên đây thay đổi châm trị ngày 1 lần hoặc 2 ngày 1
lần, 1 tuần nhụy hoặc 2 tuần làm 1 liệu trình. Bệnh nhẹ khỏi phục lại
được, nhưng nếu bệnh nặng làm cũng khó công hiệu.

Áp dụng phương này đã trị nhẹ được 2 người (bệnh nhẹ) thời
gian châm trị 2 tuần nhụy mà họ được độ kiến (Cận thị dùng kiến
3 độ sau khi trị trong 2 tuần thử mắt lại có kết quả thay kiến 2 độ
ruồi).

B.— BỊNH TAI.

Thình quắn bể tắt.

Bệnh này vì Thình quắn bể thường phát sanh trong tai có tiếng
kêu, nghe không rõ, kiểm tra thấy màng trống hầm vào trong, nếu
không trị thì ảnh hưởng đến Thính giác làm tai điếc.

Trị pháp : Dùng các huyệt : Phong-tri, Huyền-ly, Nghinh-hương
Thính-cung, Khúc-tri, châm tri.

Màng trống tai bị thương.

Chứng này do các chứng Thình quắn bể tắt, chứng sưng mũi,
sưng yết hầu dần phát ; làm tai ứ nghe không rõ, chứng phát cấp
tanh thường nóng cao độ trong tai rỉ ra nước, trên màng trống có
thủy hào, bệnh lâu ngày thấy chứng giảm nhưng làm cho màng trống
có lỗ chảy mủ, nếu có phát nồng sốt nhiệt độ cao ắt thành bại chứng,

Trê con thường phát binh nặng làm toàn thân kinh dực.

**Chứng này nếu lâu không hết thành Nhĩ-lậu, thích lỵ c giảm Ban
thâm chí làm cho tai nhức, cả nhức đầu xoay xầm.**

Trị pháp. Dùng các huyệt : Phong-tri, Nhĩ-liêu, Thính-cung, É-phong, Thiên-dung, Thính-hội, Kiên-trung, Ngoại-du, Giáp-xa, Hiệp-cốc, Khúc-tri Túc-tam-lý, tùy châm cứu trị.

Trị bình đau tai dùng các huyệt tổng trị.

— Bình nặng làm tai điếc : Châm nhẹ huyệt Thận-du, châm kích thích mạnh É-phong, Nhĩ-môn.

Không nghe được tiếng nhỏ. Châm các huyệt : Thính-cung, Nhĩ-môn, Thính-hội, Phong-tri, É-phong, Hiệp-khé.

— Tai sưng nhức : Châm các huyệt : É-phong, Túc-lâm-khấp, Dương-lăng-tuyền.

— Sưng đỏ đau nhức châm các huyệt : Thính-hội, Hiệp-cốc, Giáp-xa.

— Trong tai chảy mủ, nước vàng, châm các huyệt : Hiệp-cốc, Lam-khấp, Nhĩ-môn.

— Tai điếc thường dùng các huyệt : Nhĩ-môn, É-phong, Trung-chū- Ngoại-quang, Túc-lâm-khấp, Hoặc châm Ngoại-quang, Thính-hội, Thính-cung, Nhĩ-môn, và thích huyệt Thương-dương ra máu.

— Tai ù lùng bùng vì bình hư châm các huyệt : Túc-tam-lý, Hiệp-cốc, cứu Tỳ-du, Thận-du, Túc-tam-lý.

Bình nhiệt làm tai ù châm các huyệt Nhĩ-môn, Dịch-môn, Túc-lâm-khấp. Hậu-khé, Dương-cốc, Đại-lăng, Kim-môn.

— Thận kinh tánh làm tai ù châm các huyệt : Thính-hội, Thính-cung, É-phong rồi châm Dịch-môn, Phong-tri, nếu chưa nghe rõ tiếng xa, cứu thêm Tâm-du 5 tráng.

Trị nghiệm bình tai lở 1 năm không hết.

Cô Lôi 40 tuổi bình tai bên mặt lở làm điếc đã hơn 1 năm, tai bên trái chảy mủ sưng nhức, điếc, đêm không ngủ được.

Trị pháp : Châm Thính-hội tả pháp xoay lưu kim.

Kết quả đêm ấy tai trái không nhức, ngủ được.

Trị lần thứ 2 châm Thính-hội tả, Thính-cung tả lưu kim.

Kết quả tai trái hết nhức và nghe rõ (tai mặt vì hư nên không trị).

Già tai hay ù, lùng bùng.

Ông Thành 64 tuổi già, nên tai hay lùng bùng đã hơn 1 năm, thường đến tiết Thu, Đông, bình lại càng nặng, thường cứ nghe như tiếng Phi cơ bên tai luôn.

Trị pháp : Châm Thịnh-hội 2 huyệt tả.

Kết quả : tai trái hơi bớt, tai mặt còn nặng. Nhưng vì đêm không ngủ được nên vẫn còn trở lại.

**Trị lần thứ 2 châm Thịnh-cung bỗ, É-phong tả. Cứu Nhị-môn.
Giác-tôn, Thận-du 3 tráng.**

Kết quả : tai bớt lồng bùng ngay.

**Bình này vì thè hư súc già nên dùng bỗ nhiều mới kết quả,
nhưng cần phải bỗ Thận, nên cứu bỗ Thận-du công hiệu ngay.**

C.— CÂM ĐIẾT.

Trị bệnh Câm Điết.

**Thủ pháp trị liệu : Lần thứ nhứt châm mạnh các huyệt : Thịnh
cung, Thịnh-bỗ, Nhị-môn, É-phong, Phong-phủ, Thiếu-thương.**

**Lần thứ 2 châm Phong-trí, Á-môn, Thủ-yếu, Thủ-tương, Đại-
chủy, Sau bết châm Kim-tan, Ngọc-dịch ra máu.**

**Lần thứ 3 Trước khi châm Kim-tan, Ngọc-dịch ra máu, đòn
giờ sau châm Á-môn, xoay kim trong 2 giờ rút kim.**

Dùng đủ 3 phương thuật này tuân tự trước sau át có công hiệu.

Kinh nghiệm trị bệnh Câm Điết.

(Cách trị của Châm-sư Bảo-Bình-Lưu Trung-hoa.)

Trong 3 năm dùng châm cứu trị bệnh Câm Điết có hiệu nghiệm.

**Ban đầu dùng các huyệt : Á-môn, É-phong, Thịnh-cung, Bách
bội, Thiên-dung, Giác-tôn, Nghinh-hương, Liêm-tuyền, Nội-quang,
Quang-xuông, Tiêu-hai, Túc-tam-lý (Trừ huyệt Á-môn châm sâu còn
các huyệt kia châm cạn xem phương pháp Trị liệu sau).**

**Áp dụng phương pháp trên đây trị bệnh Câm Điết đầu tiên đã
giúp cho những người cảm có hiệu quả sơ bộ 25, 26, o/o bình hoàn
toàn nói nặng được.**

**Sau tiếp tục đi sâu vào nghiên cứu trị bệnh Câm Điết, nhận định trị
cảm trước nên trị Điết mới đúng, vậy huyệt É-phong là chủ huyệt
trị bệnh này. sau xem phía sau tai nhận định có chỗ hơi lõm gần
huyệt É-phong, án lấy 1 huyệt mục-dịch cốt yếu trị Điết, tư giải là
huyệt Y-thông, dùng huyệt này áp dụng trị rất công hiệu.**

**Từ khi ứng dụng huyệt Y-thông đến sau trị tổng cộng trên
1000 bệnh kết quả được trên 58% tức được tăng hiệu nghiệm gấp
hai lần.**

**Năm nay số lượng kê từ tháng 8 đến tháng 9 trị bệnh Câm Điết cả
tháng 317 bệnh nhọn, có 8 bệnh hoàn toàn hết hẳn, tức có thè nói
nặng đối đáp như người thường, nhiều bệnh nói được 1/2, có bệnh**

khi châm phải gia tăng sự luyện tập nói, thì kết quả trong 130 người, chiếm tổng số 41%, những người này sau khi châm trị cho đến Bình-viên Quang-khoa rồi điện xem cho biết châm trị làm cho khiếu chất của Thính quản biến đổi rất nhiều.

Những bệnh nhơn đến trị nguyên nhân không nhất định :

Có bệnh vì sốt cao độ sau thành Cảm Điếc,

Có bệnh ngộ châm cừu phạm buyet Â-môn thành cảm.

Có bệnh phát ban trái sau di độc làm Cảm Điếc v.v...

Thè chất bệnh nhơn cũng không đồng : có trai, có gái, có trẻ em 3 tuổi, có người lớn trên 40 tuổi.

Thời gian trị nhẹ có khi mau chỉ 3, 4 lần khỏi phục được thính lực, và tùy theo người dạy nói thi đến 8, 9 lần nói năng được hoàn toàn, có người có thể nói chuyện, đàm thoại được.

Thời gian trị lâu nhất thì đến 2 tháng có kết quả, hoặc đến 3 tháng thính lực mới tăng lần lần học 1 tiếng, 2 tiếng, 3 tiếng rồi cả câu sau cùng lần lần dạy nói được.

Kinh nghiệm khi lâm sàn trị bệnh thi trẻ em từ 3 đến 10 tuổi cần trị lâu, vì bệnh nhơn còn nhỏ sợ châm đau, không thể cùng hợp tác với Y-sanh. Bệnh từ 10 tuổi đến 30 tuổi trị dễ hơn vì có thể đeo lưu kim và dạy học nói.

Vậy xin giới thiệu phương pháp và thủ thuật cùng những chứng bệnh sau đây để dễ tham khảo :

TRỊ NGHIỆM.

1) Anh Vương-văn-Hồ 19 tuổi lúc mới sanh 7, 8, tháng nhơn bị bệnh sốt cao độ sau thành cảm điếc.

Trị pháp : Lần thứ 1. Khi châm phía sau đầu, bệnh nhơn xoay lại, trước không nghe, sau hỏi nghe, bảy giờ ai ai cũng vui lúc về nhà đọc đường dạy tập nói 1, 2 tiếng. Rồi tối hôm ấy lại dạy tập nói bập bẹ : Áo, Thuốc, v.v... từng tiếng một.

Trị lần thứ 2 (ngày sau) tiếp châm trị rồi nhơn lúc ấy dạy tập nói từng tiếng : Tay, cây viết, v.v... nói được ai nấy đều mừng.

Sau tiếp tục châm trị và dạy tập nói trong 10 lần bệnh hoàn toàn nói được như người thường.

2) Cô Huỳnh 19 tuổi đến châm trị 3 lần sau nhận biết hơi nghe được, sau khi châm xong bảo người cha dạy tập nói, tiếp tục châm trị trong 10 lần về nhà sau cho biết có kết quả nói năng được.

Anh Lý 24 tuổi đến trị thời gian 50 ngày thịnh Âm menses trục, tiếp tục trị thời gian 2 tháng rưỡi mới nói được, về nhà lập nói mải, sau cho biết có kết quả.

4) Cô Lê 24 tuổi đã có chồng, lúc 4 tuổi vì bị phát sốt cao độ sau thành cảm, đến châm trị trong thời gian 50 ngày mới khôi phục được thính lực và cũng luôn luôn mỗi ngày đều dạy nói, châm trị thời gian 2 tháng rưỡi mới nói nồng rõ được, và về sau lần lần nói được như người thường.

5) Anh Trương 26 tuổi quân nhân, vì bị ngoại thương ở Thái-dường phát không nói được, đến Bình-viện kiểm tra xem cho là bình Não, không trị được, đến châm trị nhưng anh thấy châm sợ đau không dám cho trị, sáp châm kim anh rụn rãy toát mồ hôi, hòn mè không thể trị được, về nhà khuyên đồ mải mới bằng lòng cho châm trị.

Bình này mới châm trị 1 lần là nói được ngay 1, 2 tiếng, tiếp trị 2 lần nữa khôi phục hẳn, tiếp trị đến lần thứ 8 bình phục lại như thường.

Thống kê các bệnh trong thời gian 2 năm trị nghiệm, thì trong quá trình châm trị có bệnh không hoàn toàn nói được, nhưng về nhà tiếp tục dạy nói thì vẫn có kết quả như thường hợp 1 bệnh nhơn Phu nữ 28 tuổi trong lúc châm trị không nói nồng gì được, nhưng về nhà dạy cho học nói mải rồi lần lần cũng nói được hoàn toàn.

Phương thức trị liệu :

Lúc ban đầu châm trị dùng các huyệt :

Á-môn, É-phong, Thích-cung, Bách-hội, Thiên-dung, Giác-tôn, Nghinh-hương, Liêm-tuyền, Nội-quang, Quang-xung, Tiêu-hải, Túc-tam-lý.

Huyệt Á-môn châm sâu, các huyệt khác châm cạn.

Mỗi lần châm trị nên dùng chừng 10 huyệt, vì sợ bệnh nhơn sợ đau, các huyệt Y-thông, É-phong, Thích-cung, Bách-hội, Liêm-tuyền, Túc-tam-lý nên thay đổi châm trị mà huyệt Á-môn và Y-thông hai huyệt làm chủ thì lần nào cũng dùng cả:

Mỗi lần chỉ châm 3, 4, kim đè ít đau đơn và cần khuyên bình nhơn nên túc nhiệm theo trị thì mới có kết quả.

Ám huyệt : Huyệt Á-môn ngay sau đầu, giữa cổ trên/mỹ tóc 5 phân, dưới Phong-phủ 1 tấc tại xương cổ thứ 1 và thứ 2, ngay giữa cổ Đệ tam Châm-cốt thần kinh và thần kinh Não-tủy có nhiều hạch tiếp thần kinh bao trợ Tích-tủy vào Não.

Châm, không nên châm trực tiếp ngay vào các hạch thận kinh và Tích-tủy, nếu không thận trọng phun vào tủy khắc xùi ngay, phải chú ý. Chúng tôi châm huyệt này, từ 15 tuổi trở lên châm sâu 1 tắt hoặc 1 tắt 2 phần, tùy người ốm béo, mà bình thường chỉ châm sâu vào lối 5 phần rồi lần lần dày sâu thêm vào, khi nào đầu kim đã đến thăm độ hơi cứng thì đinh ngay, Châm-y cầm kim thận trọng hơi hơi dày vào sâu 1 ty nữa phun đến 1 phần là cũng bình nhơn cầm giác tay chân tê hết, tức thời rút kim ra (không nên lưu kim).

Huyệt Y-thông án ngay trái tai ra phía sau I tắc hoặc I tắc 2 chỗ có lõm, nơi ấy có Nhị đại-thần-kinh, châm xiên vào trái tai (từ châm giác độ 15-20) châm I tắc đến I tắc 2, tùy lớn nhỏ ốm béo mà định, châm đúng vị-trí (ngay tuyến vú) thì bình nhơn cầm giác như có nước trong tai chảy ra, có khi có cảm giác có tiếng động trong tai, đầu kim dày xé qua 1 ty, bình nhơn tùy thời cầm giác tê đến mặt, thì rút kim ra cũng không lưu kim, ngoài ra các huyệt Thính-cung, E-phong, Bách-hội, Liêm-tuyền, Túc-tam-lý, v.v. đều nên châm cạn.

Phụ chú : Phương pháp trị liệu này được giới thiệu tỷ mỷ, nhưng cần chú trọng áp dụng kinh nghiệm mới mong thành đạt được kết quả. Nhứt là 2 huyệt Á-môn và Y-thông, vì huyệt Á-môn ngay Hành-tủy cầm châm sâu mà phương thuật này châm đến I tắc, nên cần thận trọng.

D.— BỊNH MŨI (Tỷ bệnh).

Chảy máu cam (Tỷ xuất huyết)

Trị pháp : Châm các huyệt : Hiệp-cốc, Thượng-tinh, Thần-dinh lưu kim 5 phút, xoay vận 2, 3 lần ắt máu hết chảy.

Hoặc châm Hiệp-cốc, Thiếu-thương.

Châm Hiệp-cốc đến bết chảy máu mới lấy kim (lưu kim lâu) huyệt Thiếu-thương nên châm nhẹ.

Hoặc dùng phương pháp sau đây :

Như ra máu cam 1 lồ, hay 2 lồ, hoặc chảy nhiều làm Não bầm huyệt nhức đầu, xoay xẩm, tai ử, sắc mặt xanh mét.

Dùng các huyệt : Phong-tri, Kiên-trung-du, Thượng-tinh, Hiệp-cốc, Túc-tam-lý, Thái-xung. (Các huyệt ở tay ở chân châm mạnh, như chưa cầm máu dùng ngai cứu trị).

Bệnh Náo lậu (Tỷ uyên)

Trị pháp : Dùng các huyệt : Phong-tri, Kiên-trung-du, Thượng-tinh, Nghinh-hương, Thủ-tam-lý, Hiệp-cốc.

Cách nhứt châm trị kích thích trọng độ và dùng ngải cứu các huyệt Thượng-tinh, Cách-du 5, 7, tráng,

Cấp tánh, Mạng tánh tỳ viêm.

Trị pháp dùng các huyệt ; Phong-trì, Thiên-tru, Thượng-tinh, Nghinh-hương, Hiệp-cốc, Châm kích-thích trọng độ, thêm cứu Thượng tinh.

Như lâu không hết, cứu các huyệt Bách-hội, Thông-thiên, Thượng-tinh, Phong-môn.

Phụ trị nghiệm :

Trị bệnh mũi không biết mùi hôi.

Theo Y-khoa ngày nay định chứng mũi không biết mùi hôi do các bệnh Não, Tích-tủy, Thần-kinh suy nhược, hoặc bệnh Tinh thần.

Theo các sách xưa thì ; Bách-chứng có câu ; Thông-thiên trị tỳ nội vô văn chi khò. (Huyệt Thông-thiên trị bệnh mũi không biết mùi).

Ngọc long ca : Bất văn hương xú túng hà tri, Nghinh-hương nbi huyệt khă kham công. (Mũi không biết mùi dùng 2 huyệt Nghinh-hương).

Y-học cương mục : Tỷ bất văn hương xú thū Nghinh-hương, Thượng-tinh, Hiệp-cốc, cứu Phong-phủ, Bách-lao, Tiền-cốc (mũi không biết mùi dùng các huyệt).

Tham khảo các sách xưa tôi trị 1 bệnh như sau đây :

Một bệnh nhân mũi không biết mùi hôi đã hơn 1 năm rưỡi, lỗ mũi nghẹt thở ít thông suốt, ban đầu ít biết mùi sau càng ngày càng nặng.

Trị pháp : dùng các huyệt : Châm Nghinh-hương, Liệt-khayết, Hiệp-cốc, cứu Thượng-tinh, Bách-lao, Đại-chùy, Phong-phủ, Phế-du.

Trước sau châm cứu trị 9 lần, Xúc giác lần lần biết mùi, tiếp tục trị 31 lần tất cả, các chứng đều mất. hoàn toàn bình phục, mũi như người thường, rất công hiệu.

Trị bệnh mũi thở hơi nóng, đau khó chịu.

Bà Cúc 52 tuổi thường mũi thở ra hơi nóng, trong mũi khô, chóng đau đã 8 ngày. miệng khát mà không muốn uống nước.

Trị pháp : Châm Hiệp-cốc bên mặt, Đại-lăng 2 huyệt, Nghinh-hương 2 huyệt, tá pháp.

Kết quả : bệnh hết hẳn.

Bệnh phim trong mũi mộc mạc nhô.

Cháu Thành 16 tuổi trong lỗ mũi phát sinh mọc nhô.

Trị pháp : Châm Nghinh-hương, Hiệp-cốc, Thượng-tinh th
pháp.

Kết quả : nhẹ hẳn hết bệnh.

TRỊ NGHIỆM CÁC BỊNH TÝ VIÊM.

Trị bệnh mũi thường các Đanh-y bay dùng 2 huyệt Thượng-tinh
và Túc-tam-lý.

Sách Châm cứu Đại-Thành : Trị bệnh mũi như ; Mũi chảy nước,
thường hay nhảy mũi, dùng những huyệt ; Liệt-khuyệt, Thần-dinh,
Phế-du, Thái-uyên, Tam-lý, mũi không biết mùi dùng huyệt Nghinh-
hương.

Các chứng bệnh mũi như Mũi ngứa như trùng bò, mũi chảy
nước, chảy máu cam. Sách Tân-châm-cứu học dạy châm huyệt Tam-
lý và Nghinh-hương làm cho lỗ mũi thông.

Thủ pháp ; Châm huyệt Nghinh-hương gần cánh mũi thì cảm
giác đau xót, châm độ 2, 3, phân lần lần dày vào làm cho bệnh nhora
cảm hơi té, lưu kim 5, 10 phút mới rút kim.

Châm huyệt Túc-tam-lý từ 5 đến 8 phân bình nhora té rǎn chạy
đến cả lưng chảo, châm và lưu kim cùng với huyệt Nghinh-hương.

Áp dụng trị liệu phương thức này xin ghi rõ vào đây những
kết quả để tham khảo.

Trong số bệnh nhora đến trị bệnh có trai, gái, già, trẻ từ 3 tuổi đến
50 tuổi đủ các bệnh nào là : Mũi ngứa, mũi nghẹt, thường chảy nước
mũi, hay thường nhảy mũi.

Có 3 bệnh do Hen Suyễn phát sinh, có 1 bệnh nhora trong mũi có
thịt dư, có bệnh thuộc màng tách Tý viêm. Bệnh phát có người đã 10
năm có người mới phát, có người 5, 7 tháng. Phận nhiều đã dùng
đủ thuốc Đông, Tây không hiệu nghiệm.

Trong thời gian châm trị gần đây 26 bệnh nhora. Ban đầu ngày
nào cũng châm trị, sau quyết định nên cách 1 ngày châm trị 1 lần,
và châm trị trong 6 lần là 1 liệu trình.

Trong khi trị thì đa số bệnh nhora mới trị lần thứ 1 mũi
nghẹt thông ngay, bỏt nhảy mũi, mũi chảy nước cũng giảm, trị trong
4, 6, lần có người hết hẳn, nhưng sau nghỉ châm mấy ngày lại trở
lại ; tiếp tục châm trị lại bệnh mới hoàn toàn hết, nhưng cũng có
một số ít bệnh nhora sau châm trị lại không công hiệu.

Đơn cử những bệnh sau đây :

1.— Anh Vương 18 tuổi thường nghẹt mũi, mũi ngứa, nhảy mũi chảy nước mũi hơn 1 năm, kiểm tra bệnh chứng : màng mũi trắng, trong nước mũi có lỗn hồng bạch huyết cầu, 68% đã trị ở các nơi không kết quả.

Bắc đầu trị, lần thứ 1 châm huyệt Túc-tam-lý và huyệt Nghinh-hương kết quả còn nghẹt mũi nhưng chảy mũi đã định chỉ, sau cứ mỗi ngày hoặc cách 1 ngày châm trị 1 lần cả thảy 8 lần, về sau gặp tiết trời lạnh thì nghẹt mũi còn chút ít mà không chảy nước cũng không nhảy mũi nữa.

2.— Em Tích 12 tuổi vì nghẹt mũi, nhảy mũi nên chảy nước mũi rất nhiều ; mỗi ngày phải dùng 4, 5, cái khăn tay hỷ mũi, nước mũi có khi màu lợt vàng, bệnh hơn 1 năm, kiểm tra bệnh chứng thì màng mũi tím bầm trong nước mũi có 90% hồng bạch huyết cầu.

Trị pháp : Châm Túc-tam-lý và Nghinh-hương, ngày sau lại trị cho biết sau khi châm trị về nhà các chứng trạng hoàn toàn hết, qua ngày thứ 2 cũng không thấy phát rồi cứ cách 1 ngày trị 1 lần cả thảy 4 lần bệnh hoàn toàn biến biến, gấp thời tiết thay đổi không tái phát.

3.— Cô Phan 35 tuổi, mũi nghẹt, nhảy mũi cả ngày mỗi ngày trên 100 cái, nước mũi chảy dàn dụa. Châm trị huyệt Túc-tam-lý và Nghinh-hương, trị 2 lần, chứng nhảy mũi hôm ấy chỉ còn 19 cái, về sau cách 1 ngày châm trị 1 lần, trị đến lần thứ 5 nghỉ 5 ngày thì lại phát lại cũng mỗi ngày nhảy mũi 100 cái. Bắc đầu châm trị lại liên tiếp đến 9 lần, thì bình tĩnh nhẹ hẳn mũi thông không nhảy mũi, hết chảy nước, nhưng sau nghỉ 9 ngày bệnh phát lại 1 lần về sau cứ tiếp tục cách 1 ngày châm trị 1 lần trong thời giao trị 5 lần nữa các chứng mới hết hẳn.

4.— Cô Ngô 43 tuổi, chảy mũi nước rất nhiều, nhảy mũi nhưng không nghẹt, ngày nào cũng phát, bệnh đã 5 năm trị cũng nhiều không có hiệu, nay kiểm tra thuộc Mạng tánh sưng huyết, trong nước mũi có 5/00 hồng bạch huyết cầu. Châm trị Túc-tam-lý và

Nghinh hương, ngày hôm ấy không có kết quả, ngày hôm sau thử nước mắt mũi chảy ít, cách 1 ngày châm trị 1 lần đến 3 lần có hiệu quả, sáng sớm còn chảy mũi chút ít, nghĩ 1 lần tiếp tục trị lại mấy lần bình nhơn cho biết bết bắn.

5). Anh Thi 42 tuổi thường chảy mũi nước, và hay nhảy mũi bình đă hơn 10 năm, gần đây lại chảy mũi nước rất nhiều trong mũi ngứa, ở cổ Hắc nghe cũng ngứa thường phát phong chần. Châm trị 4 lần cổ hắc hết ngứa, nhảy mũi và chảy mũi nước bớt còn ít, Châm trị đến lần thứ 7, bình nhơn cho biết chỉ bớt $\frac{3}{4}$ không phát nặng nữa, nhưng sau lại không trị nữa, bình này mới bớt được phân nữa.

6). Chị LUU 15 tuổi nghẹt mũi, ngứa, nhảy mũi, chảy mũi nước hơn nữa năm nay, đến Bệnh viện điều trị kiềm tra cho là Chứng Tỷ-giáp nở lớn. Châm trị 3 lần thì bình nhơn cho biết giảm được phân nữa ngứa mũi họng, tiếp tục lại trị mấy lần nữa không thấy tiến bộ hơn, như thế là bình này lại không kết quả được hoàn toàn.

Vậy xem những bệnh trị tiêu chuẩn trên đây chỉ áp dụng 2 huyệt Túc-tam-lý và Nghinh hương trị bệnh Tỷ viêm nhận thấy có kết quả khả quan, nhưng vì liệu trình trị bệnh hoặc do bệnh nhơn không theo trị tiếp hay vì quá nghỉ lâu rồi mới trị lại nên kết quả có bệnh không được hoàn toàn xin giới thiệu để nghiên cứu.

D.— BÌNH MIỆNG, LƯƠI, RĂNG.

Răng đau nhức. Thủ huyệt : Dùng huyệt chính : Hiệp-cốc, và huyệt phụ : Hạ-quang, Giáp-xa.

Thủ-pháp : Châm huyệt Hiệp-cốc 1 tấc (châm mạnh) mũi kim tròn lèo xoay mạnh cho phản ứng té ràn lên đầu rồi lần lần rút kim lên gần đến lỗ da hướng mũi kim trỏ xuống đâm vào làm cho cảm giác té đến đầu ngón tay. Mỗi ngày châm trị 1 lần, trị 2, 3, lần ắt bết.

Nếu răng trên nhức châm thêm huyệt Hạ-quang bên đau 8 phân. Răng dưới nhức châm thêm huyệt Giáp-xa bên đau 8 phân.

Phong-hòa nha thông (Răng nhức nhai đồ không ăn được). Thủ-huyệt : Dùng những huyệt chính : Hiệp-cốc, Hạ-quang, Giáp-xa. Huyệt phụ : Trung-uyên, Túc-tam-lý.

Thủ pháp : Châm huyệt Hiệp-cốc 8 phần như răng trên đau châm huyệt Hạ-quang bên đau 8 phần, Răng dưới đau châm huyệt Giáp-xa bên đau 8 phần (tất cả dùng tâp pháp).

Huyệt Trung-uyên và Túc-tam-lý đều châm 1 tấc (Trung-uyên châm lợt xuống), tất cả dùng bình bồ bình tâp lưu kim 30 phút.

Mỗi ngày châm trị 1 lần đến hết hẳn (nhớ khi hết rồi không nên ăn đồ quá nóng hay quá lạnh).

Trị nghiệm :

Phương này đã trị 11 người bị chứng Phong hỏa nha thông chỉ châm trị 1 lần công hiệu ngay, không tái phát. (nhiều lâm sàng chỉ 2 lần). Bình này dùng 2 huyệt Túc-tam-lý và Trung-uyên là trị gốc lỗ ngọn nên càng công hiệu.

Răng nhức không hà miệng ra được

Thủ huyệt : Dùng huyệt chính : É-phong, Liết-khuyệt. Huyệt phụ : Giáp-xa, Hạ-quang.

Thủ pháp : Châm huyệt É-phong 1 tấc, huyệt Liết-khuyệt mũi kim trờ lên châm 3 phần rưỡi, Giáp-xa Hạ-quang 3 phần đến 5 phần châm kích thích mạnh và lưu kim 30 phút.

Trị nghiệm : Cô Hầu 34 tuổi bị bệnh răng đau nhức không hà miệng ra được, ăn uống khó khăn, dùng phương pháp này châm trị 2 lần hết hẳn.

Kinh nghiệm : Trị bình nhức răng bất kỳ bình thê nào đều dùng huyệt Hiệp-cốc làm chủ sau tùy chứng thêm bớt.

Như : Răng trên nhức gia thêm Giáp-xa, Hạ-quang, Nhơn-trung*

Răng dưới nhức gia Giáp-xa, Nhơn-nghinh, Thủ-tướng, Túc-tam-lý.

Phong nbiệt thêm Xích-trạch, Nội-quang, Túc-tam-lý, Nội-dinh.

Hư hỏa gia Khúc-trạch, Nội-quang, Thần-môn, Khúc-tuyễn, Tam-ám-giao.

Răng sâu ăn nát cả áp dụng phương này, hết nhiều rồi nên nhớ trừ cẩn, nếu khó nhổ thì phương này cũng làm cho hết đau nhức rất công hiệu.

Trị bình răng Mũ (phát làm mủ nướu răng)

Cháo Chi 14 tuổi 3 tháng trước bên miệng phía mặt chỗ gốc chân răng sưng phai chảy mủ đau đến tai, tay đè chảy mủ, bên má cũng sưng lở có mủ lộn mán bầm đen, phía trong má sưng cứng, ấy là chứng nha lậu, dùng đủ thuốc không công hiệu.

Trị pháp : Châm É-phong, Hiệp-cốc, Khúc-tri phía trái tâ pháp ngoài dán thuốc cao.

Kết quả bớt nhiều; chỗ sưng phát ngừa hơi nhức.

Trị lần thứ 2 Châm như trên thêm Hạ-quang tâ pháp, không phản ứng.

Trị lần thứ 3 Châm É-phong, Hiệp-cốc, Giáp-xa; đều bên trái tâ.

Kết quả Chỗ cứng tan ra sưng to lên, phía trong hơi bớt (độc, xuất ra).

Trị lần thứ 4 Trị như lần thứ 3 thêm Khúc-tri, Hạ-quang tâ.

Trị lần thứ 5 như trên. Kết quả : Chỗ sưng nổi lên 1 cục, không đau, nhưng đè chỗ sưng thì đau đến màng tang và sau đầu.

Trị lần thứ 6 Châm Phong-tri, É-phong, Hiệp-cốc, Liệt-khuyết Địa-thương.

Kết quả Ra mủ lẫn máu, sau đầu hết nhức, má hơi xop.

Trị lần thứ 7 trị như trên ; kết quả Khôe miệng ra mủ, nhưng phía ngoài lại sưng; má nhức.

Trị lần thứ 8 Châm Quyền-liệu, É-phong, Giáp-xa, Hạ-quang, Địa-thương, Hiệp-cốc tâ.

Kết quả : Má hết đau, chỗ răng sưng lồi ra 2 lỗ chảy nước vàng,

Trị lần thứ 9 Châm Hiệp-cốc, Khúc-tri hổ, Hạ-quang, É-phong tâ.

Kết quả : Đêm ấy chỗ răng có 2 lỗ chảy ra mủ.

Trị lần thứ 10, 11, 12 ; trị đều như trên. Kết quả chỗ tai nơi buốt É-phong ra mủ và cục cứng.

Trị lần thứ 13. Cũng trị như trên.

Kết quả đè chỗ É-phong thì chỗ Địa-thương ra mủ chỗ răng lại nhức.

Trị lần thứ 14 trị như trên thêm Giáp-xa, bên đau đều tâ. (hết đau nhức).

Trị lần thứ 15 trị như trên, chỗ Hạ-quang nồi lên 1 cục, khói miệng bên trái cũng nồi lên cứng.

Trị lần 16, 17, đều châm Khuất-tri, É-phong, Hạ-quang, Hiệp-cốc Tam-Âm-giao bên trái tã.

Trị lần thứ 18 cũng như trên kết quả mủ ra nhiều.

Trị lần thứ 19 Châm É-phong, Thiên-tinh, Phong-tri, tã, cứu Bách-lao 5 tráng.

Kết quả : Hết sưng.

Trị lần thứ 20 Châm Hiệp-cốc, Hạ-quang, É-phong và chỗ đau đều tã.

Trị lần thứ 21 Châm Khúc-tri, É-phong, Thiên-tinh tã.

Kết quả bên tai hết sưng, hết mủ, chỗ bên miệng có mủ đã xẹp.

Trị lần thứ 22 như trên. Kết quả ghê kéo miệng, còn 1 lỗ lớn. Tiếp tục luôn như trên đến lần thứ 34 hiện chỗ lỗ má lồi ra các xương răng như bè từng miếng lộ ra ngoài không dám đụng.

Châm Phong-tri, É-phong, Hiệp cốc, Liệt-khuyết, Uyên-cốt, Chi chánh bên trái tã.

Trị lần thứ 35 như trên.

Kết quả ; Các xương răng đều rụng còn lại 1 lỗ không đau nhức phia trong cũng xẹp, bệnh thể giảm nhiều, lần lần chỗ ấy hết sưng và bằng phẳng như thường.

Tiếp tục 1 tuần nữa thì chỗ lỗ ấy hết hẳn.

Trị bình Nướu răng lở đau nhức luôn cả mặt.

Anh Hương 48 tuổi 2 hàm răng trên dưới đều đau nhức, nướu răng lở, miệng hả không ngậm được, mắt bên trái nở tròng, mắt đỏ, mí mắt kéo xuống không thấy đá 7 ngày.

Trị pháp : Châm Ngưu-yêu tã, Tinh-minh, Thái-xung đều tã.

Kết quả : Châm Thái-xung công hiệu, châm bên trái hết nhức châm bên mặt thì bên mặt bết nhức, Huyệt Ngưu-yêu châm tú xung mắt mở được mà nở nhục cũng tiêu xẹp bớt.

Trị hai lần nữa Mắt ngoả thấy được răng cũng hết nhức.

Trị bình chân răng sưng nhức không ăn được

Cô Vương 30 tuổi chân răng bên trái đau sưng nhức, chỏ hàm

bên trái sưng có hạch bình đà 4 ngày, nhức quá không ngậm miệng lại được, ăn vào hay ho đều nhức khó chịu.

Trị pháp : Châm Hạ-quang, Hiệp-cốc, Giáp-xa, đều tâ

Kết quả châm Hạ-quang tâ xong bình giảm chỗ sưng xop, châm Hiệp-cốc tâ rần đến vai đến chân răng, làm hết đau, hàm cử động được, sau châm Giáp-xa bên chân răng nhức tâ xong chỗ sưng xop hết đau. Sau các chứng lần lần hết hẳn.

Trị răng đau nhức luôn cả tai và màng tang (thái-dương).

Cô LUU 49 tuổi Răng trên dưới bên trái đều nhức còng lên đến cả trong tai và hai bên thái-dương, bình đà 10 ngày rất đau khó chịu không ngủ được.

Trị pháp : Châm Hiệp-cốc, Hạ-quang, tâ pháp.

Kết quả trong khi vận dụng thủ thuật lần lần các chứng hết hẳn.

Trị bình miêng lưỡi lờ, cuồn họng sưng.

Anh Trung 24 tuổi miệng sanh ghẻ và cả lưỡi cũng lờ, cuồn họng sưng đau chảy nước giải nỗi nồng khó khăn, nhức không ăn được bình đà 5, 6 ngày dùng đủ các thứ thuốc không công hiệu.

Trị pháp : Châm Hiệp-cốc (2 huyệt) Thừa-tương, Đại-lăng; Tam ỷ (1 huyệt) tâ pháp. Thích Ân-bach, Lệ-doài ra máu.

Kết quả : Đêm ấy lại nhức nhiều.

Trị lần thứ 2 ngày sau Châm Hiệp-cốc, Đại-lăng ; Lao-cucg (đều 2 huyệt) Thần-môn bên trái, Chiếu-hải bên mặt, Thiền-dot tâ pháp.

Thích ; Trung-xung, Thiếu-xung, Quang-xung, Thiếu-trach, Thiếu-thương, Thương-dương, Lệ-doài đều ra máu, cứu Tâm-du, Mạng-môn 1 tráng

Kết quả : Đêm ấy hết đau.

Trị lần thứ 3 Châm Chiếu-hải, Tâm-âm-giao, Hiệp-cốc, Nội-quang, Phong-long. Cứu Tâm-du, Tỳ-du. Thận-du đều 1 tráng.

Kết quả : Bớt nhiều, ăn được ; ít đau.

Trị lần thứ 4 Như trên kết quả bình bớt phần nữa.

Chú ý bình này trị 2 lần sau có công hiệu là vì bỏ Tâm-âm-giao và Chiếu-hải.

Trị lần thứ 5 Châm Tam-ám-giao bô ; Hiệp-cốc Phong-lợng lâ.

Kết quả bình hết hàn bình phục.

Trị bình đầu lưỡi lạnh mấy năm.

Bà Vọng 50 tuổi có chứng bình lỵ, đầu lưỡi cảm giác lạnh dâ
mấy năm không có thuốc gì trị được.

Trị pháp : Châm Thần-môn, Tam-ám-giao, Hiệp-cốc bô.

Kết quả Ngày ấy khỏi lạnh.

Trị lần 2, 3, Trị y như trên.

Kết quả trị 3 lần hết lạnh.

Trị lý : Theo sách xưa tam khai khiếu tr thiệt (tam khai thông
khiếu nơi lưỡi), về cơ thể học thì lưỡi thuộc nhánh thần-kinh mặt
cho nên kích thích Nbiêu-cốt Thần kinh và Xích cốt thần-kinh 2
huyệt Thần-môn và Hiệp-cốc trị bình này công hiệu.

Trị bình Trùng-thiệt (hai lưỡi)

Anh Mác 25 tuổi bình dưới lưỡi hàn trái chỗ huyệt Kim-tân. nỗi
lồi ra 1 cục như cái lưỡi lớn bằng ngón tay dài 1 tấc, Đông y gọi là
chứng Trùng-thiệt.

**Trị pháp : Châm Thừa-tương, Hiệp-cốc, Thần-môn (trái) tâ
pháp, châm Kim-tân (chỗ mũ) ra máu.**

Kết quả cục thịt ấy nhỏ lại.

Trị lần thứ 2 Châm Thừa-tương; Hiệp-cốc (trái) tâ pháp.

Kết quả nhỏ lại nhiều.

**Trị lần thứ 3 Châm Hiệp-cốc, Thần-môn; tâ pháp. Châm Kim
tân ra máu.**

Kết quả bình hoàn toàn hết hàn.

Bệnh Khẩu xang hay Nga khẩu xang.

Trẻ con thường hay phát sốt, lưỡi tưa trắng, có mụn hay nhọt.

Tùy tuổi tác dùng các huyệt sau đây châm trị :

Hoàn-cốt, Phong-tri, Thiên-tru, Kiên-sinh, Đại-chùy, Thần-tru
Giáp-xa, Địa-thương, Hiệp-cốc, Thủ-tam-lý.

Như nhọt nước giải không thi dùng các huyệt ; Hiệp-cốc, Khúc-
tri, Giáp-xa.

Trị bệnh sưng chân răng.

1) Anh Thanh niên công nhân, chân răng bên trên đau dùng thuốc uống và xức đủ cả không công hiệu đã 3 tuần.

Trị pháp : Châm các huyệt : Giáp-xa, Thiên-dung, Hạ-quang, Thái-dương, Hiệp-cốc. Châm trị 2 lần không công hiệu. Sau dùng đơn huyệt Hiệp-cốc bên mặt (đau bên trái dùng huyệt bên mặt) châm lưu kim nữa giờ mới rút kim.

Kết quả không đau nhức nữa.

2) Cậu Thiếu-niên răng đau nhức khó chịu, ban đêm càng đau không ngủ được, dùng thuốc xức cũng chỉ hết chốc lại đau.

Trị pháp : Châm huyệt Hành-gian (1 chèp hết đau, rút kim ra) sau lại nhức lại. Cậu không cho châm trị nữa, nhưng đồ mài châm lại huyệt Hành-gian, để cho cậu ngũ lưu kim luôn không lây động, đến sáng tinh dậy mới lấy kim, từ ấy về sau không đau nhức nữa.

3) Một người Dân bà đau răng công lên đau đầu 1 bên rất khó thở, nắm ôm 1 bên đầu ; ngày phát 2 lần.

Trị pháp : Châm các huyệt : Thái-dương, Đầu-duy, É-phong, Khúc mẩn, Phong-tri. Kết quả các chứng hết hẳn không tái phát.

4) Bệnh chân răng sưng làm mù : Cô Thơ-ký bệnh thường 2, 3 tháng hay phát sốt lại cả đau răng, dùng Âu được trị hết sốt nhưng răng lại đau, lâu lâu làm mù ; lần này đau nhức không hết ; đã dùng thuốc 3 ngày rồi vô hiệu.

Trị pháp : Châm Thái-dương, Đầu-duy, Thiên-dung.

Kết quả : Răng hết đau, hết sưng, mù cũng hết.

XXIX BỊNH CÓ HẦU CUỐN HỘNG, HẠCH, BỨU

Trị bệnh có hầu nhức chân răng chảy mù.

Cô Lâm 26 tuổi có hầu sưng nhức 3 ngày không ăn được, chân răng dưới bên trái sưng cứng 3 ngày, bây giờ chảy mù toàn thân phát lạnh, xoay xombok, tim thuốc ngừa độc thì bệnh lại càng nặng nhiệt độ trên 37, 5.

Trị pháp : Châm bên trái huyệt Giáp-xa ; xiên đều Địa-thương,

Châm các huyệt Nội-dinh, Chiếu-hải, Hiệp-cốc đều 2 huyệt tâ pháp, thích Thiếu-thương ra máu.

Kết quả : cỗ hầu giảm nhưng đêm lại đau nặng; ngày sau chỗ rùn đau. Trị lần thứ 2 Châm Thượng-uyền Hiệp-cốc 1 huyệt bỗ, Giáp-xa cũng xiên đến Địa-thương.

Kết quả : Răng hết nhức cỗ hầu hết, bình phục hẳn.

Trị bình cỗ hầu nhức miệng khô.

Cỗ Thanh 24 tuổi bình đau cỗ hầu, miệng mũi khô khó chịu.

Trị pháp : Châm Hiệp-cốc 2 huyệt tâ, Liệt-khuyệt 1 huyệt tâ, Chiếu-hải 1 huyệt bỗ.

Kết quả : cỗ hầu hết nhức, miệng mũi hết khô.

Trị bình Biên đào tuyến viêm (2 bấm cỗ sưng)

Anh Lâm 48 tuổi vì uống rượu sau đọc công kèn làm cỗ hầu sưng lở ăn uống nói nặng khó khăn, ho nhỏ ra đàm, rồi kiến chỗ cỗ hầu hai bên tuyến cỗ lở, sắc vàng cỏ mủ.

Trị pháp : Châm Phong-phū, Thiên-đột, Hiệp-cốc đều tâ.

Kết quả : Cỗ hầu bớt nhức, nước miếng chảy ít mủ vàng.

Trị lần thứ 2 : Trị như trên.

Kết quả : giảm nhiều ăn cơm được.

Trị lần thứ 3 Châm Chiếu-hải 1 huyệt bỗ, Hiệp-cốc trái tâ. Thiên-đột tâ. Kết quả các chứng giảm và sau hết hẳn.

Trị bình mai hạch khí. (Nghẹn hột me)

Trong cỗ như có vật gì chặn lại khai không ra nuốt không xuống, tục gọi là nghẹn hột me.

Trị pháp Dùng các huyệt : Thiên-đột, Liệt-khuyệt, Chiếu-hải.

Châm Thiên-đột đầu kim trỏ xuống sâu 1 tấc. Liệt-khuyệt châm 8 phân Chiếu-hải 4 phân bình bỗ bình tâ lưu kim 30 phút.

Trị nghiệm : Cháu Chi 18 tuổi bị bệnh trong cỗ như vướng vật gì nuốt không xuống, nhô không ra, ngực đầy hơi không đưa xuống được. Dùng Phương pháp này trị trong 4 lần bình hết hẳn.

Trị bệnh cò hàn có nỗi bứu không ăn được.

Anh Tôn 34 tuổi lúc bệnh mới sơ phát do ăn làm uất hơi, rồi cò bên trái nồi lên 1 cục hạch, to bằng trứng gà đã 6 tháng, cứng như đá, hiệu bệnh tinh kh盻ong ăn được đã 8 ngày, miệng khát muốn uống nhưng uống nước không xuống, đêm lại nhức không ngủ được, ngày bớt nhức, lưng bụng đau đai tiện 13 ngày không thông, ho đồ mồ hôi nhỏ đậm vàng, miệng chảy nước giải, đầu não xoay xẩm kèm đập hối hộp, lúc tim nhảy thì tại nơi phía trên rún thấy có dạn thoi thóp, tiểu tiện 1 ngày đi 1, 2 lần mặt hơi màu khói đen, người gầy, tinh thần mệt mè.

Trị pháp : Cứu Đại-chùy, 1 trắng, Phế-du, Cách-du, Tỳ-du, Vị-du, Đởm-du, Thận-du, Nội-quang, Kỵ-môn, Chương-môn, Khi-hải-Quang-nguyễn, Túc-tam-lý, Tam-âm-giao, Thái-xung, Túc-lâm-khấp, Công-tôn, Trung-uyên, đều 3 trắng.

Thương-uyên, Hạ-uyên, các huyệt giữa ngực và hai bên đều 1 trắng, U-môn, Âm-dò, Thông-cốc, Thiên-dột, Nội-đinh đều 1 trắng.

Kết quả : Đêm ấy ngủ yên, tinh-thần khỏe, nói năng hơi thông, nuốt nước được, lưng bớt đau.

Trị lần thứ hai (ngày sau) Châm Thiên-dột, Nội-đinh 2 huyệt tâ, Túc-tam-lý bồ, Trung-uyên dùng ngại quyền cứu bồ 3 lần.

Kết quả : Nhờ cứu Trung-uyên nên thâu phát nóng, nhưng ăn cơm còn cảm thấy nghẹn cứng không xuống, nuốt mãi mới hạ được ăn được 1 chén cơm chỗ tim bớt nhảy, và các chứng đều giảm bớt.

Trị lần thứ 3 (Nhơn vì trời mưa gió quá không trị, nhưng bệnh nhon ở xa yêu cầu xin trị nên phải trị.)

Trước cứu Thiên-tinh, Phong-tri, Ế-phong Chiên-trung Nhú-căn, Tỳ-du, Vị-du, Chương-môn, Khi-hải, Túc-tam-lý, đều 3 trắng Thương-Trung-Hạ-uyên, Âm-lăng-truyền, Tam-âm-giao đều 1 trắng.

Kết quả : Ho bớt đau xoay xầm giảm.

Trị lần thứ 4 Châm cứu như trên, cứu thêm Đại-trử, Phong-môn, Phế-du Khuyết-âm-du, Tâm-du, Thận-du, Chiên-trung đều 3 trắng.

Kết quả : Đầu xay xầm giảm nhiều, bụng hết đau, ho bớt mặt tươi nhuận chỗ hạch hơi nhô.

Bịnh nhon vì ở xa nên về quê làm ăn không trị nữa.

Trị bệnh này vì chứng nặng nên cấp cứu hình nguy cấp trước cho khỏe hẳn mới trị chứng hạch sau, nay bệnh nhân khỏe bình phục vì chỗ hạch ấy cũng bớt nhiều nên không lại trị nữa.

BÚU-CÓ

Chứng Anh lựu, Anh khí

Trị chứng hưu cỗ thường dùng các huyệt : Hiệp-cốc, Khúc-trì, Thủ-tám-lý, Thiên-đột, Liêm-tuyễn, Thiếu-thương và Trạch-tiền (trước huyệt Xích-trạch 1 tấc), hoặc cứu tại đầu khôn ngón tay giữa (co ngón tay giữa lai cứu) 3,5, tráng, Huyệt Chi-chánh cả 2 tay và cứu tại hưu 3, 5 tráng.

Hoặc châm nơi đầu cục bứu (dùng kim nhỏ)专栏 1 phần, xoay rút kim ra như chất phấn trắng là Phấn lựu, ra chất mủ nước là Khi-lựu, nếu ra máu nhiều không dứt tức là cản lựu, phần nhiều dùng thuốc uống trong hay đắp ngoài cũng có công hiệu (nhờ nếu huyệt cản lựu phá ra máu không dứt rất nguy hiểm).

Trị nghiệm ; Cò Hương 26 tuổi cò nồi bứu 8 tháng to bằng trứng gà.

Trị pháp : Châm các huyệt : Thiên-đột, Khúc-trì, Kiên-tĩnh, Trạch tiền, Thiếu-thương, châm lưu kim 10 phút. Sau kích-thích tại cục bứu 3 phút liên tục trị trong thời gian 2 tháng (Cách 1 ngày trị 1 lần, trong uống thuốc Anh-lựu hoàn, cục bứu lòn lòn nhỏ teo lại giữa cò 1 mực nhỏ cứng như hột bắp).

XXX.— BỊNH NỒI HẠCH, ĐÀM HẠCH

Trị lâm ba kiết hạch (hạch ở cổ, ở nách).

1) Cò Hoa 26 tuổi hai bên dưới tai (lâm ba tuyễn) kết hạch làm cỗ lớn nặng, trong lở chảy mủ không lành và bên mặt cũng nồi cục trên 10 cục, vú bên trái lén đến cò có rất nhiều lỗ chảy nước vàng, người phát sốt có lúc lim đập mệt, xoay xầm tối tăm ; từ hai năm khi mới nồi những hạch này thi tắc kinh, dưới rún đau âm ỷ, người mệt mèo muốn ngủ hoài, miệng khô, nước miếng hôi. Các Bác sĩ cho là lâm ba kiết hạch, nhưng vì nghèo không đủ sức dùng thuốc trị, nhờ châm cứu trị.

Trị pháp : Châm Khúc-trì 2 tấc, Tam-âm giao, Huyệt Hải (đều

bên mặt) bồ, Cứu Khi-hải, Đồm-du đều 10 tráng, Can-du, Cách-du, Tỳ-du, Khi-hải-du đều 7 tráng.

Kết quả : Rún hết đau.

Trị lần thứ 2 Châm Khúc-trì, Tam-âm-giao Khiên-tuyễn như trên. Cứu Khi-hải; Thiên-tinh, É-phong và các huyệt trirõ.

Kết quả : Miệng bết khô nhưng lâu lâu còn phai sốt.

Trị lần thứ 3 Châm Khúc-trì, Tam-âm-giao như trên, thêm Nội quang, Túc-lâm-khấp lả. Cứu Chiên-trung, Phong-trì, É-phong, Đồm-du, Cách-du, Can-du đều 3 tráng.

Kết quả : Vú bên trái có 1 lỗ chảy ra máu từ 1 chén.

Trị lần thứ 4 trị như trên. Kết quả : Các mủ hết mủ chỉ chảy nước vàng, người hơi khỏe, các chỏ hạch hót nóng.

Trị lần thứ 5 trị như trên. Kết quả : Bảy giờ ăn biết ngon. Trị lần thứ 6 cũng như trên, không có phản ứng gì.

Trị lần thứ 7 Châm Khúc-trì, Tam-âm-giao Khiên-tinh bồ. Cứu Chiên-trung Thiên-tinh, 3 tráng, Phong-trì, É-phong 1 tráng, Đồm-du, Cách-du, Can-du đều 3 tráng.

Kết quả : Bảy giờ có kinh sắc thường nhưng rất nhiều, các mủ hạch hơi nhỏ, sắc mặt tươi nhuận.

Trị lần thứ 8 như trên. Kết quả : Các mủ ở vú bên mặt phát đỏ muôn pha.

Trị lần thứ 9 Châm cứu cũng y như trên trừ huyệt Khiên-tinh, Kết quả các mủ nhỏ hết mủ, các mủ lớn còn.

Trị lần thứ 10 như lần thứ 7. Kết quả, người hoạt động được.

Trị lần thứ 11 cũng như lần thứ 7.

Kết quả : Nách bên trái phát đau như muôn vỡ mủ.

Trị lần thứ 12 như lần thứ 7.

Kết quả : Quá nhiên chỏ nách phá 1 lỗ ra máu mủ, dưới vú có 1 lỗ lủng ra mủ nước vàng, hót đau, nhưng vú bên mặt lại đau cứng không đưa tay lên được.

Trị lần thứ 13 như lần thứ 7.

Kết quả : Vú bên mặt cũng phá ra 1 lỗ chảy máu mủ, tay nhẹ bớt.

Trị lần thứ 14 cũng như trên.

Kết quả : Nách bên trái ra máu mủ nhiều bên mặt ít, người tươi nhuận miệng hết hôi.

Trị lần thứ 15 : cũng như trên, bảy giờ chảy mủ nhiều.

Trị lần thứ 16 Vì trời nắng người khó chịu. Châm Nội-quang, Khúc-tri bên mặt tả, Tam-âm-giao mặt bồ; cứu như trước.

Kết quả : Nách bên mặt ra máu ứ, bên trái ra mủ.

Trị lần thứ 17 như lần thứ 16 trừ huyệt Nội-quang, Không phản ứng.

Trị lần thứ 18 : Châm Khúc-tri, bên trái tả, Kiên-tinh, Tam-âm giao mặt bồ.

Kết quả : Nách bên trái nhẹ.

Trị lần thứ 19 Châm Khúc-tri, Tam-âm-giao, Kiên-tinh trái tả.

Kết quả : Hết đau và giảm cơn sốt.

Trị lần thứ 20 Châm-Khúc-tri, Tam-âm-giao, É-phong bồ cứu Bách-lao 7 trắng. Kết quả: hai bên hạch đều giảm bớt.

Trị lần thứ 21 như trên.

Kết quả : Sau-2 ngày ghê dưới nách bớt mủ và ra máu bầm, bớt sưng đau.

Trị lần thứ 22 như trên. Bây giờ dưới nách trái hết sưng, mực vú bên mặt nhỏ bớt, ít đau nhức, ít chảy mủ.

Trị lần thứ 23 như trên không phản ứng.

Trị lần thứ 24 như trên trừ huyệt É-phong, nhưng châm thêm chỗ đau.

Kết quả : Nách trái chảy mủ nhiều và lại có kinh (dùng tháng) 2 ngày rưỡi hết kinh

Trị lần thứ 25 Châm Khúc-tri, Tam-âm-giao (dùng 1 huyệt) tả, chỗ đau tả. Cứu Thiên-tinh É-phong, Phong-tri 5 trắng.

Kết quả : 2 bên ra máu giảm ít.

Tiếp trị luôn như trên đây 6 lần nữa các mực hạch hết, bình nhẹ hẳn.

2) Cổ nồi hạch to bằng hột me.

Có Phan 17 tuổi phia cổ bên trái 3 tháng trước nồi hạch sưng phát sốt, hạch to bằng hột me.

Trị pháp : Châm É-phong, Phong-tri, Khúc-tri, Thiên-tinh, Khuu hưu, (đều bên mặt) tả. Cứu Bách-lao 15 trắng, Trữu-tiêu 9 trắng.

Kết quả : Hết sưng đau.

Trị lần thứ 2 trị như trên.

Kết quả : Hạch trên lần lần nhỏ lại.

Tiếp trị như trên cả thấy 8 lần Hạch tiêu hết.

3) Bình Lâm bắc kiết hạch cù nhũ nham. (ung thư vú)

Cô Thương 22 tuổi vì bình thiếu máu phát chỗ nách có nồi mut hạch (lâm bắc hạch) phía trên gần đến vai, dùng Âu được và mổ sau vú bên mặt nồi hạch cũng lớn muôn lõi, di mò lành miệng nhưng đến nay lại đe thấy cứng đau, chỗ đầu vú có cục hạch trị mãi không hết.

Trị pháp : Châm Tam-ám-giao, Nội-quang bồ, Nhũ-căn bên mặt tà.

Kết quả : Mụt dưới vú nồi lên muôn phá, các chỗ mò cứ đau.

Ngày sau có kinh cách 1 ngày trị lần thứ 2 như trên.

Trị lần thứ 3 Châm như trước thêm Ê-phong bên mặt tà (không phản ứng).

Trị lần thứ 4, thứ 5. Châm Túc-tam-lý, Tam-ám-giao 1 huyết bồ, Kiên-tĩnh mặt bồ, ngoài dán thuốc cao.

Kết quả: đau nhiều, 3 ngày sau lại đau dữ dội rồi phả chảy mủ.

Trị lần thứ 6 Châm Nhũ-căn mặt tà, Kiên-tĩnh, Xich-trách, Tam lý mặt tà. Kết quả giảm đau chảy mủ nhiều.

Trị lần thứ 7 Châm như trên. Kết quả bớt nhiều nhưng tại bên trái lại đau.

Trị lần thứ 8 Châm như trên thêm Thịnh-hội, Ê-phong trái, tà.

Kết quả : Tai bớt đau ghê dầu vú miệng nhỏ lại.

Trị lần thứ 9 Châm trị như lần thứ 6 không phản ứng.

Trị lần thứ 10 Châm Kiên-tĩnh, Xich-trách Tam-lý, Ê-phong mặt bồ.

Kết quả : các mụt ghê đều bớt nhiều.

Tiếp trị đến lần thứ 11 và 12 cũng như trên các mụt ghê lành hẳn.

4) Trị bình kiết hạch và tay chân lở 6 năm.

Chau Trinh 12 tuổi 6 năm trước bị té nhầm bên vú bị thương sanh ghê sau chỗ cù nồi hạch, chân trái và chỗ hồ khâu tay trái sanh ghê lớn chảy mủ lâu năm không hết người gầy ốm.

Trị pháp : Châm Khúc-tri Tam-âm-giao Túc-tam-ly hở.

Kết quả : Châm tri xong chỗ hạch cò bớt đau.

Trị lần thứ 2 như trên ; **Kết quả** mủ chảy ít, một hạch xẹp nhỏ.

Trị lần thứ 3 cũng như trên. **Kết quả** hết sưng ghẻ tay châm nhỏ lại và khô bớt nhiều.

' Tiếp trị 3 lần nữa y như trước bình hết hẳn, bình phục.
(về ghê độc xem mục sau).

XXXI BỊNH PHONG MÉO MIỆNG

Trung Phong sau làm méo miệng hoặc **bệnh hậu** phát méo miệng
tục gọi là **Phong méo miệng**.

Trị pháp : Châm huyệt Giáp-xa (mé bên trái châm bên mặt và
trái lại lấy vải keo băng dán lại, lưu kim luôn 2 ngày mới lấy ra.

Trị nghiệm : Cô X ; 20 bị méo miệng 7 năm đã dùng đủ các
phương trị vô hiệu, châm các huyệt Giáp-xa, Địa-thương, Hiệp-cốc
cũng không kết quả. Sau cài dùng phương pháp này châm trị 2
lần miệng trở lại bình thường.

Huyệt Nghinh-hương trị **bệnh Phong méo miệng**.

Cách trị : Dùng kim dài châm huyệt Nghinh-hương phía bên
méo, xoay vặn 1, 2, phân. Rồi dùng giấy vò quấn trên đầu cán kim
(không nên đẽ sát da mắt), lấy nhíp cầm kim, sau dùng alcool
đốt lại cán kim, đẽ nguội mới nhồi kim ra, chỗ kim nồi phồng lên,
nếu chưa nhẹ thì 10 ngày sau châm trị 1 lần nữa.

Trị nghiệm : Áp-dung phương pháp này đã trị nhẹ nhiều người
kết quả 90%. Đơn cử 1 bệnh nhân sau đây :

Ông Vương 52 tuổi méo miệng bên trái dùng đủ cách trị không
kết quả, sau dùng phương này, lúc đốt kim thi trên mặt có cảm
giác lâ, rút kim ra thi miệng lần lần chuyền chính lại. Sau 10
ngày trị 1 lần nữa hoàn toàn hết méo.

Bệnh Phong méo miệng có khi co đực tê dại.

Thủ huyệt : Liệt khuyết. A-thị-huyệt ; các huyệt phổi bọp : Địa
thương, Giáp-xa, Nhơn-truug, Thừa-tương, Hồng-tử liêu.

Thủ pháp : A-thị-huyệt tại bên miệng không méo, phía trong
khóe miệng chỗ tĩnh mạch.

Trước châm phia bên bình huyệt Liệt khuyết đầu kim xoay trở lên, châm 8 phân đến 1 tấc, rồi châm phia bên bình các huyệt : Địa-thương, Giáp-xa, châm 8 phân.

Sau châm Nhơn-trung, Thừa-tương, Đồng-tử liêu 8 phân bình bồ bình tẩy xoay kim rồi lấy ra, cách nhút châm trị 1 lần.

Trị nghiệm : (nhớ khi trị cảm uống rượu).

Phương này trị nhẹ nhiều người, bình nhẹ châm trị 1 lần kiến hiệu, bình nặng nhiều lâm cũng 5 lần kiến hiệu.

Đơn cũ các bệnh sau đây :

Anh Di 35 tuổi bị Phong méo miệng đã 7 tháng, mắt méo bên mặt méo chảy nước giải ; mắt bên trái không nhắm lại được nói khó khăn trị dùng các huyệt : Giáp-xa, Hạ-quang, Hiệp-cốc, Đồng-tử liêu và châm đường tĩnh mạch phía trong miệng ra máu, lưu kim 5 phút.

Lần thứ 2 châm cả 2 bên. Trị lần thứ 3 châm xong nói rõ, hết chảy dài. Sau cả 2 bên thay đổi dùng huyệt châm trị đến 7 lần, mặt miệng hoàn toàn khôi phục hẳn.

2) Anh Thương 22 tuổi hiện chứng phong méo miệng, nói năng khó khăn bình đã 7 năm.

Trị pháp : dùng các huyệt trị như trên, châm trị cả thảy 28 lần, bình hoàn toàn hết hẳn.

Trị Khẩu nhăn boas tà các phương : (Miệng méo mắt xéch).—Những huyệt chính : Nhơn-trung, Giáp-xa, Hiệp-cốc, Hạ-quang. Phối hợp : Phong-tri Ế-phong, Nhĩ-môn, Đầu-duy.

Như cảm giác té thêm Tứ-bạch, Nghinh-hương và châm ra máu đường gần xanh (tĩnh mạch) bên khói miệng.

Thủ pháp : Châm phia bên bình (hoạn trắc) Địa thương, Giáp-xa 1 tấc châm 2 đầu kim đối nhau, lâu lâu xoay vận đầy kim.

Sau châm Nhơn-trung 8 phân Hạ-quang, Hiệp-cốc 1 tấc, châm nhẹ lâu lâu xoay kim, như bên bình cảm giác té, châm Nghinh-hương 5 phân, Tứ-bạch 3 phân. Còn các huyệt Nhĩ-môn châm 5 phân, Ế-phong 3 phân, Đầu duy châm xiên ra sau 8 phân, Phong-tri 1 tấc.

Mỗi lần châm các huyệt chủ yếu đều dùng các huyệt phối hợp tùy thay đổi châm lưu kim trong 1 giờ.

Ngoài ra xem bên trong khói miệng có gần xanh châm ra máu.

Phương này bình nhẹ châm trị 5 lần kiến hiệu, bình nặng trị 10 lần thành công.

Bình miệng méo 1 bên, không ngậm miệng lại được, phía méo mắt hiếp lại.

Dùng các huyệt : Giáp-xa, Địa-thương, Thủy-cầu, Hòa-liêu, Tứ bạch, Huyệt phổi hợp, Liệt khuyết.

Thủ pháp : Méo hòn trái châm bên phải, méo bên phải châm bên trái. Châm Huyệt Giáp-xa châm ngang đầy kim vào gần huyệt Địa-thương. Châm huyệt Thủy-cầu cũng châm xiên ngang đến huyệt Hòa-liêu.

Huyệt Tứ bạch châm luôn 2 huyệt 2 phần

Huyệt Liệt khuyết châm xoay trở lên 8 phần lưu kim 40 phút.

Trong khi lưu kim cứu huyệt Liệt-khuyết 3 tráng rồi rút kim.

Trị nghiệm : Phương pháp này đã trị 90 người, những bệnh quá lâu không kết quả.

Chứng Náo bình sau phát sanh Phong mèo miệng không dùng phương này, khó trị hết được (Nhớ khi trị rồi nên dùng khăn bao phía bên bình lại để giữ yên tĩnh và tránh gió).

Hoặc dùng phương sau đây

Thủ huyệt : 2 huyệt Địa-thương Giáp-xa phối hợp với các huyệt : Phong-tri, Nhơn-trung, Nghinh-hương, Gian-sử.

Thủ pháp : Trước châm huyệt Địa-thương bên bình đầy kim xiên đến huyệt Giáp-xa, chèm mạnh không lưu kim, rồi châm bên không bình huyệt Địa-thương, Giáp-xa, Phong-tri, Gian-sử và 2 huyệt Nghinh hương, huyệt Nhơn-trung xoay vận kim rồi lưu kim 15, 20 phút.

Mắt không nhắm lại được thì châm Thái dương bên bình rẽ máu và châm Dương bạch, thừa khấp xoay vận kim 1, 2 phút không lưu kim.

Nếu nhúc đầu trừ châm 2 huyệt Phong-tri rồi thì châm 2 huyệt Liệt-khuyết và Đầu-duy lưu kim như trên.

Châm tất cả rồi cứu phía bên bình các huyệt Địa-thương, Giáp-xa, Gian-sử.

Cứ mỗi ngày châm cứu trị 1 lần liên tiếp trong 3 ngày, rồi sau cách 1, 2, 3 ngày trị 1 lần. Phương pháp này trị bệnh nhẹ 3, 4 lần, Bình nặng 6, 7 lần kiến hiệu.

XXX CẨM MẠO.

Trị chứng cảm mạo, thương phong.

Trị chứng này cần phát huy (cho ra mồ hôi, tùy chứng châm trị).

Thủ huyệt : Phong-tri, Phế-du, Thân-tru, Ngoại-quang làm chủ.

Tùy chứng thêm các huyệt sau đây

Nghẹt mũi châm thêm Thương-tinh, Hiệp-cốc, Cổ đau châm thêm Dịch-môn Ngư-tế. Họ đau ống khi quẳng châm thêm Thái-uyên, Xích-trạch. Ngoài ra thường hay sợ dễ bị cảm mạo thì dùng ngải cứu các huyệt :

Phong-môn, Phế-du, Túc-tam-lý, tiếp tục cứu 1 tháng thì sau này không phát (Dự phòng cảm mạo).

Trị bệnh cảm mạo như nhơn vì thần kinh hệ biến đổi nên châm làm điều chỉnh thần kinh và kích thích huyết dịch.

1. Châm các huyệt : Phong-tri, Phong-phủ, Đại-chùy, Đồng-tử-liệu, Khúc-tri, Túc-tam-lý, Chi-cầu, Nội-dinh.

2. Châm các huyệt : Liết-khuyệt, Hiệp-cốc, Uỷ trung, Phong-tri, Nội-dinh, Đại-chùy, Túc-tam-lý.

3. Có phát ho châm các huyệt : Hiệp-cốc, Liết-khuyệt, Phong-tri, Uỷ trung Đại-chùy và tùy hiện chứng dùng huyệt châm trị như :

Nhức đầu châm Phong-tri, Đầu-lâm-khấp, Toán-trúc, Đầu-duy.

Đau minh châm các huyệt : Khúc-tri, Ngoại-quang, Dương-lăng, côn-lon. Chảy máu cam : châm thêm Hiệp-cốc. Nghẹt mũi châm thêm Nghinh-hương.

Ho : Châm thêm Thái-uyên. Qe mửa châm thêm Trung-uyễn, Túc-tam-lý.

Tiện bí hoặc ia châm thêm Thiên-xu.

Nối xàm mè man châm Gian-sử, Nội-dinh.

Lưng phản trương châm Đại-chùy, Thân-tru, Chi-dương,

Giảm nóng châm các huyệt : Đại-chùy, Thân-tru, Khúc-tri, Hiệp-cốc, Tam-lý và Nội-dinh.

Bí chú : Phương pháp này áp dụng trị Lưu hành tánh cảm mạo, nên tùy chứng châm trị rất có kết quả.

Trị Cảm mạo ho, nhức đầu, đau lưng, Mất ngủ.

Anh Tiết 36 tuổi cảm ho, nhức đầu, mửa nước chua, có đàm, đau lưng, đêm bức rút không ngủ được.

Trị pháp : Châm : Phục-lưu, Phi-dương bồ,, Uỷ-trung, Kinh-cự, tâ.

Cứu Đại-chùy, Phong-môn, Phế-du, Tỳ du, Vị du, Thận-du, Phong-long 5 tráng.

Kết quả : Các chứng đều giảm, ho cũng hết.

Trị cảm mạo mất sưng đau, tiện bí tay chân vô lực.

Anh Bình 25 tuổi vì cảm mạo làm mất sưng đau, tay chân yếu, miệng khô muỗi uống nước nóng, mũi chảy nước có lợn máu, muỗi mửa, đại tiện 3 ngày không thông, không ăn, nước ái vàng, lưỡi tưa trắng, bình đà 3 ngày.

Trị pháp : Cứu Bách-hội, Phong-trì, É phong, Đại chùy, Phong-môn, Phế-du, Thận-du, Mạng-môn, Chiên-trung, Khi-hải, Thương-uyễn, Trung-uyễn, Hạ-uyễn, Chương-môn, Túc-tam-lý. Tam-âm-giao-đều 3 tráng.

Sau châm Bách-hội, Nhĩ-tiêu, Thái-dương ra máu.

Kết quả (trước cứu,) khi cứu xong bắc đi đại tiện, đầu càng nhức. Sau châm các huyết ra máu, bình giảm ngay và nhẹ liền.

Bệnh này sau khi trị xong đại tiện thông nên bình nhẹ ngay.

Trị cảm mạo đau xoay xẩm mũi nghẹt.

Anh Mạc 22 tuổi vì cảm mạo làm xoay xẩm mũi nghẹt cứng.

Trị pháp : Châm Hiệp-cốc, Nghinh-hương tâ. Cứu Đại-chùy, Thông thiền, Đầu-lâm-khấp đều I tráng. Phế-du, Phong-môn 3 tráng, Bách-hội, Thương-tinh I tráng.

Kết quả : Châm cứu xong bình hết xoay xẩm mũi hắt nghẹt..

Trị tiếp lần thứ 2, Bình phục hẳn.

Trị cảm mạo đau mình đau lưng, lòng bàn tay nóng.

Cô Thương 26 tuổi, cảm mạo đầu xám xầm, toàn thân đau, miệng khô, mắt đỏ, oẹ mửa nước trong, lưng đau, kinh nguyệt 50 ngày không có, không muốn ăn uống, lòng bàn tay nóng, nhiệt độ 36,0.

Trị pháp : Châm Hiệp-cốc, Đại-lăng, Tam-lý tả. Cửu-Bach-hội; Phong-tri, Thái-dương, Đại-chùy, Phong-môn, Thận-du, Trường-cường 3 trắng.

Kết quả : Lòng bao tay nóng giảm, hết mửa, đầu lưng miệng đều giảm.

Trị lần thứ 2, vì nhận thấy nơi hông đau, tim hồi hộp, Châm Nội-quang, Hiệp-cốc, Thái-xung tả. Cứu như trước.

Kết quả Bình hết hàn.

Trị Cảm mạo đầu xoay xém phát sốt, ho, túc chí tê lạnh

Thị Bình 23 tuổi cảm mạo ho, cảm trắng, đầu xoay, miệng lạt, mồ hôi nhiều, lâu lâu tim nóng, nhiệt độ 39, tiêu vàng nóng.

Trị pháp : Châm Hiệp-cốc, Hậu-khê, Hạ-quang, Nội-quang, Dũng-tuyền-tả, Cửu-Đại-chùy 1 trắng, Phong-môn, Phế-du đều 3 trắng.

Kết quả : Châm xong các chứng giảm, hết sốt; hết mồ hôi, Bình phục.

Cảm mạo dùng huyệt chủ trị và đề phòng.

Vì làm việc hoặc lao lực quá độ do thân thể yếu nên dễ bị cảm mạo, túc Thương phong, phát nhức đầu, nghẹt mũi, hay chảy nước mũi, ố hàng, phát sốt, ho.

Dùng huyệt chủ trị : Châm Đại-chùy, Hiệp-cốc, Phong-môn, như ho thêm Phế-du, nhức đầu thêm Thái-dương, đau cổ thêm Thiếu-thương, nghẹt mũi thêm Nghinh-hương.

Thân yếu đuối thường dễ bị cảm nên thường cứu các huyệt Đại-chùy, Phong-môn; Phế-du đều 3 trắng đề phòng khỏi bị cảm mạo hoặc dùng phương dự phòng trên.

XXXIII BỊNH BAN TRÁI VÀ THƯƠNG-HÀN PHÁT BAN THỦY-ĐẬU. (Trái rạ)

Châm trị miễn dịch Ma chẩn. (Ban sưởi)

Theo tài liệu các bệnh viện Nhị-dồng Trung-hoa châm trị trẻ đề đề phòng bệnh Ban sưởi Ma chẩn sau đây:

Thủ huyệt : Đại-trũ, Phong-môn, Phế-du.

Thủ pháp : Châm mỗi huyệt 2, 3 phân không lưu kim, ban

đầu châm 1 lần. Sau ít hôm châm 1 lần nữa, nếu cách 16, 20 ngày chưa phát bệnh thì châm thêm 1 lần thứ 3 (đều châm như trước).

Trị nghiệm : Lần thứ 1 châm cho 251 em theo dõi 109 em thì có 88 em phát bệnh (các em này chỉ châm 1 lần).

Lần thứ 2 châm cho 54 em châm 2 lần (cách 5 ngày sau phát bệnh) 38 em.

Lần thứ 3 châm 19 em (châm 3 lần) có 7 em phát bệnh.

Vậy đến mùa phát Ban chàm, nên châm ngừa trước thi sau phát bệnh nhẹ, trung bình nhiệt độ lên 39, bệnh phát trong 7 ngày đến 9 thi hết, bệnh nặng cũng chỉ 10 ngày bình phục, ngoài ra có mấy phần trăm được miễn dịch hẳn.

Ngoài ra tại 1 Y-viện khác theo báo cáo của Viện này về châm miễn dịch Ban chàm thi châm như sau :

Dùng các huyệt : Hiệp-cốc Túc-tam-lý. Đối với trẻ em suy nhược thi cứu Phong-mòn, Thần-trụ, Linh-dài.

Cũng có phương dùng các huyệt : Bách-hội, Dương-khê, Hiệp-cốc, hoặc Phong-phù, Phong-mòn; Đại-chùy.

Tất cả đều ghi châm cứu trị miễn dịch để phòng Ban chàm.

Về thời gian thi châm 2 lần có hiệu quả hơn 1 lần. Theo báo cáo châm 2 lần thi trong 54 em, phát bệnh 38 em, tức miễn dịch được 60%, đồng thời phát bệnh thi bệnh giảm nhẹ như thế rất hiệu nghiệm.

Vậy các phương trên đây dùng huyệt và thời gian châm trị nên nghiên cứu thêm để có thể phổ biến phương thức Dự phòng miễn dịch Ban chàm trong quãng-đại quần chúng.

Trị bệnh trẻ con phát Ban chàm, nóng sốt mắt nhảm.

Cháu Đoan I tuổi phát sốt 2 ngày toàn thân, mặt nổi ban, mắt nhảm, miệng chảy giái.

Trị pháp : Châm Thủ-tinh-huyệt và Hiệp-cốc ra máu. Châm Khúc-trì, Tam-ám-giao. Kết quả Chàm bớt, mắt mờ, miệng hết chảy giái.

Trị lần thứ 2 châm Thủ-tinh-huyệt, Khiếu-ám ra máu, châm Nội-quang, Khúc-trì, đều tẩy và cho uống thêm thuốc trị Ban chàm, Bệnh hết hẳn.

Trị trẻ em phát Ban chán đầu mặt như ghè chày nước vàng.

Trị pháp : Châm Hiệp-cốc, Thiếu-thương, Thương-dương ra máu, Khúc-tri, Nội-quang. Kết quả : Chán giảm bớt.

Trị lần thứ 2 Châm Khúc-tri, Tam-âm-giao; Đại-chùy, và thich Hiệp-cốc, Thiếu-thương, Thương-dương ra máu.

Kết quả chán và nước vàng giảm.

Trị lần thứ 3 như trên, chán lặng không tái phát.

Trị tiếp lần thứ 4 cũng như trên. Nước vàng hết, chán tiêu.

Trị trẻ con phát Hồng ban (Ban đỏ).

Cháu Phú 3 tuổi toàn thân phát sốt nồi Hồng ban, bụng đau trên đầu nồi như ghè lớn.

Trị pháp : Châm Uỷ-trung, Khúc-tri, tã, Hiệp-cốc, Thủ-tinh-huyệt ra máu Cứu Bách-hội 3 trắng.

Kết quả : Châm Rồi về nhà ban tiêu, sốt giảm, các phong xang cũng bớt, bụng hết đau.

Trị lần thứ 2, Ban còn ít, miệng nóng.

Châm như trước thêm Nội-quang tã, và cho uống thêm thuốc Ban bình hết hẳn.

Trị người lớn phát ban và nhức đầu.

Thị Phương 47 tuổi, bệnh phát, nhức đầu, toàn thân phát Ban đỏ, có nồi mут ngứa, trước phát bên trái sau phát luôn bên mặt.

Trị pháp : Châm Khúc-tri, bên trái, Phong-phủ, Hiệp-cốc bên trái đều tã, châm Tam-âm-giao bồ,

Cứu Bách-hội, Phong-tri, Phong-môn, Đại-chùy, Phế-du, Trung-uyễn, Khi hải đều 3 trắng, Thái-dương, Ế-phong, Thương-tinh, Nhị-tiêu đều 1 trắng.

Kết quả : Bệnh hết hẳn.

Trịngh bệnh Ban chán phát ho, sốt, đêm không ngủ được.

Cháu An 3 tuổi bị phát Ban chán, ho, sau buỗi trưa làm sốt-đêm không ngủ được.

Trị pháp : Châm Hiệp-cốc, Thiếu-hương, Trung-xung ra máu.

Cứu : Đại chùy, Phong-môn, Phế-du, Trung-uyễn, Tam-lý đều 1 trắng.

Kết quả bệnh hết hẳn.

Trị Ban chán phát sát làm oẹ mửa.

Cháu Hoàng mới sinh 6 tháng phát chán đầy mình, sốt nóng ọc mửa, không bú được, nhiệt độ 38, ngày ia 3, 4 lần.

Trị pháp : Châm Hiệp-cốc, Thiếu-thương, Thương-dương, Trung xung ra máu cho uống thuốc. Kết quả hết ia mửa chỉ còn 1 ngày 1 lần, nhiệt độ hạ còn 36/5., ra mồ hôi.

Trị lần thứ 2 trị như trên, Kết quả đêm lại ra mồ hôi, ngày sau nhiệt độ còn 36.

Trị lần thứ 3 Châm Hiệp-cốc ra máu Cửu Khí-hải, Trung-uyễn, Tam-ly.

Kết quả : Bình hết hẳn.

Trị Ban chán phát sưng phổi, miệng mũi lở.

Cháu Cửu 3 tuổi phát Chán sốt nóng cao độ đến 41, ngực, mặt, mũi nóng quá, ho không ra tiếng, đêm không ngủ được, la khóc hoài, miệng mũi lở, tiện táo, đái vàng ; 2 ngày không ăn uống, trị huống tây cho là bệnh sưng phổi nặng, uống thuốc không công hiệu không trị được.

Trị pháp : Châm Thủ-tinh huyệt, Ân-bach, Lệ-doài, Thiếu-thương ra máu và châm Xích-trạch, Nội-quang trong cho uống thuốc Đông-y. Kết quả đêm lại ia ra 1 con lâai dài, da dày mỏ, cho ăn được nữa chén cháo, nhiệt độ xuống 39.

Trị lần thứ 2 trị như trước. Kết quả miệng mũi ghê hơi nhuộm bớt, đêm ngủ được nhiệt độ xuống còn 37.

Trị lần thứ 3 cũng trị như trên. bình hết hẳn bình phục.

Trị Chán hậu sưng phổi, lưỡi vàng có đóm đen.

Cháu Tư 1 tuổi, bệnh Ban chán phát rồi sau nóng không dứt, làm sưng phổi, đến 14 ngày, lưỡi vàng, giữa lưỡi đen, khô, thèm ho khan, mũi, miệng cứng khô, hay ợ sủi dùng Âu được không hiệu.

Trị pháp : Châm Hiệp-cốc, Thủ-tinh huyệt, Lệ-doài đều ra máu, trong uống thuốc giải ban.

Kết quả : Ngày sau nóng giảm; nhưng đêm lại còn nóng, giữa lưỡi hết đen, tươi nhuận, nhiệt độ xuống dưới 39,

Trị lần thứ 2 như trước thêm Nội-quang, Nội-dinh tả.

Kết quả ; Nóng giảm, nhưng đêm lại nóng đến khuya mới bớt, đầu còn nóng, lưỡi bớt vàng, tươi nhuận, đại tiện thông, nhiệt độ còn 38.

Trị lần thứ 3 trị như trước. Kết quả Nóng giảm, đến nửa đêm còn hầm hầm, nhiệt độ dưới 38.

Trị lần thứ 4. Châm Hiệp-cốc, Thiếu-thương, Thương-dương Trung-xung, ra máu. Cứu Đại-chùy, Phong-môn, Phế-du, Trung-uyễn, Khi-hải, Tam-lý, đều 1 tráng. Kết quả : Nhiệt độ hạ còn 38.

Trị lần thứ 5. Cứu Trung-uyễn, Thần-khuyết, Thiên-xu 1 tráng, Thủy-phần 3 tráng. Không thay dồi.

Trị lần thứ 6 Châm Hiệp-cốc, Thiếu-thương, Thương-dương ra máu.

Cứu Đại-chùy, Phong-môn, Phế-du, Tâm-du 1 tráng. (Nhiệt độ còn 37). Trị lần thứ 7 Châm trị như trước thêm Trung-xung ra máu, trong cho uống thuốc như trên.

Kết quả Bình hoàn toàn bình phục hẳn.

Trị bình Chán hậu, sưng phổi, miệng lở tay sưng

Cháu Sanh 1 tuổi, chán phát sau rồi vẫn còn nóng. Tày y cho là sưng phổi uống thuốc ho hơi giảm, nhưng miệng lở, cánh tay sưng, tinh-thần mèm-mệt, lưỡi tưa vàng.

Trị pháp : Châm Hiệp-cốc, Thủ-tĩnh-huyệt ra máu, trong uống thuốc.

Kết quả : Hai giờ sau, đại tiện thông, miệng hết nóng.

Trị lần thứ 2, trị như trên, miệng nhuận lại bớt lở, đêm ngủ yên, ăn được, lưỡi bớt vàng, còn cắn trắng.

Trị lần thứ 3 Châm Hiệp-cốc, Thiếu-thương, Thương-dương ra máu. Cứu Đại-chùy, Phong-môn, Phế-du 1 tráng, trong cho uống thuốc. Kết quả : tay sưng xop, miệng nhuận hết nóng.

Trị lần thứ 4 Châm Hiệp-cốc Thủ-tĩnh-huyệt ra máu, cũng uống thuốc như trên. Kết quả ngủ yên được, bình giảm nhiều.

Trị Chán hậu ; chảy máu cam, phát đau bụng.

Cháu Quân 3 tuổi phát Chán sau rồi chảy máu cam, phát đau bụng, ban đêm là 3 lần.

Trị pháp : Châm Hiệp-cốc Thiếu-thương, Thương-dương ra máu.
Cứu Phế-du Cách-du đều 1 trắng. Kết quả : Bệnh hết hẳn.

Trị Chán hậu cơn nóng, phát kiết không ăn được.

Cháu Trương 2 tuổi phát chán sau 5 ngày còn nóng đi cầu ra máu, hai má đỏ, miệng khô, lưỡi tua vàng mỗi đêm uống nước 1 chén mà không ăn.

Trị pháp : Châm Hiệp-cốc, Thiếu-thương, Thương-dương Trung-xung, Thiếu-xung ra máu.

Kết quả : Bệnh hết hẳn.

Trị Chán hậu đau bụng.

Cháu Liên 5 tuổi chán phát rồi sau đau bụng dữ dội đã 3, 4, ngày.

Trị pháp : Cứu Trung-uyên, Chương-môn, Thủy-phần Thiên-xu Khi-hải, Tam-lý, Tam-ám-giao đều 3 trắng, Thần-khuyết, Ám-giao, Công-tôn Nội-quang đều 1 trắng.

Kết quả : Bệnh hết hẳn

BẢN CHÁN THƯƠNG HÀNG.

Chứng này là Thương-hàng phát ban (cũng gọi là ban bạch)

Chứng phản từng thời kỳ từ 10 đến 14 ngày, phản làm 4 kỳ.

Thời kỳ thứ 1. Đột nhiên phát sốt phát lạnh, nhức đầu đau lưng, ác cảm oẹ mửa lưỡi tua, ho, thời kỳ này kéo dài 4, 5 ngày..

Thời kỳ thứ 2. Lưỡi khô thở mệt, mất ngủ, nói xàm trong thời kỳ này khoản trong 5 ngày phát Ban bệnh cản tham nhập vào huyễn dịch.

Thời kỳ thứ 3. Thời kỳ này phản nhiều bệnh đã quá 8, 9 ngày, bệnh thế đã nặng, như nhiệt độ bình linh hạ xuống, đi tiểu nhiều ngày đêm nói xàm, hôn mê, mắt đồng tử tán, không nhận rõ được người, tai diếc, lưỡi tua, người vô lực.

Thời kỳ thứ 4. Bệnh nhơn cảm giác hơi thanh tịnh, đồ mồ hôi, bệnh nặng đi tả ra nước, toàn thân bớt như hơi khỏe lại, từ ấy về sau người ngày càng vô lực, nhiệt độ trở lại bình thường, hay muỗi ngủ, như biết cách điều dưỡng thi khỏe lại.

Bối với bệnh này thường dùng được vật huyễn thanh, trên đầu

đập nước đá lạnh trong 1 tiếng đồng hồ, rồi nghỉ nữa giờ lại đập lại cho ăn trứng gà sữa trái cây.

Vậy cần Châm cứu phổi hợp, để làm tăng sức đề kháng cơ thể và giảm thế bệnh.

Thời kỳ thứ 1. Dùng các huyệt : Khúc-tri, Túc-tam-lý, Tam-gian, Trung-uyền, Dương-lăng-tuyền.

Thời kỳ thứ 2 Dùng các huyệt : Gian-sử; Đầu-duy, Phong-tri, Tam-Âm-giao, Thủ-tam-lý, Thận-du, Tỳ-du.

Thời kỳ thứ 3 dùng các huyệt : Chi-cáu, Quang-nguyên, Phục-lưu, Thịnh-cung, Nhĩ-môn, Cao-hoan, Linh-dài, về sau cách 3, 4, ngày Châm cứu trị 1 lần dùng các huyệt : Khúc tri; Liệt-khuyết, Túc-tam-lý, Dương-quang Tam-Âm-giao, Vị-du, Cách-du, Thận-du.

(Phương này xin ghi vào đây để nghiên cứu, về bệnh Thương hàng xin coi mục Thương-hàng bệnh sách Châm cứu Thực hành).

BỊNH THỦY ĐẬU (TRÁI RẠ).

Trị bệnh phát trái rạ (thủy đậu).

Cháu Túc 16 tuổi phát bệnh trái rạ hơn tháng, cả đầu mặt tay chân đầy mụn, có hột nhỏ, có hột lớn trong bong, chân bên trái nồi 1 cục hạch bằng 3, 4, phân tây, phát nóng sốt, chân sưng, miệng khát, phát ngứa, đại tiện 4, 5, ngày đi 1 lần, nhiệt độ 37.

Trị pháp : Châm Khúc-tri, É-phong, Hiệp-cốc, Phong-phú, tà, Nội-quang 1 huyệt, Phục lưu, Bồ.

Kết quả : Chân hết đau, Khoan khoái được.

Trị lần thứ 2 (Cách 1 ngày) Châm Khúc-tri, Lao-cung, Tam-Âm-giao, Hiệp cốc tà.

Kết quả : Chân nhẹ hẳn, trái xuồng.

Trị lần thứ 3 : Châm Khúc-tri, Hiệp-cốc, Nội-quang, Phong-tri, É-phong tà. Cứu-Tiêu-hải, Trầu-tiêu 5 tráng.

Kết quả ; chỏ nồi hạch bớt nhiều, trái xuồng nhưng còn ngứa.

Trị lần thứ 4 Trị như trên. Trái rạ đã xuồng hết.

Trị lần thứ 5 Châm Khúc-tri, Hiệp-cốc, É-phong, trên Mụt hạch 1 huyệt, tà. Kết quả : Hạch nhỏ lại bớt.

Trị lần thứ 6, 7, 8. Châm Khúc-tri, Hiệp-cốc, Nội-quang, É-phong và trên müt hạch, tả và châm Thiếu-thương, Thương-dương, Trung-xung, Thiếu-xung ra máu. Kết quả : Hạch nhỏ lại nhiều.

Trị lần thứ 9 Châm Khúc-tri, Hiệp-cốc, Nội-quang, É-phong, Phong-tri tả, và cũng thích Lệ-doài, Ân-bạch, Trung-xung, Thiếu-xung đều ra máu.

Kết quả : Müt hạch teo nhỏ và bình trái hoàn toàn hết hẳn.

XXXIV BÌNH SỐT RÉT

Bình Sốt Rét (Ngược tật).

Kinh nghiệm trị các bệnh sốt rét kiến hiệu đến hơn 80% đều áp dụng các huyệt và phương thức sau đây :

I. Thủ huyệt : Đại-chùy, Phong-tri, Bách-hội, Thái-dương, Hiệp-cốc, Khúc-tri, Thận-du, Hậu-khé, Nội-quang, Ngoại-quang.

Châm trị trước cơn phát 1, 2, giờ, lưu kim 15 phút.

Trị nghiệm : Dùng phương thức này trị 6 người sốt rét đều hết hẳn.

Đơn cử bình nhơn sau đây :

Cô Chữ 24 tuổi mỗi ngày 4 giờ chiều phát cơn trước lạnh sau nóng, đầu nhức ra mồ hôi, đến 8 giờ tối mới dứt hết cơn sốt.

Qua ngày sau thì còn ớn lạnh nhưng làm việc được.

Kiểm tra tạng phủ không bị thương, chỉ sưng lá lách nhẹ, lớn hơn bình thường độ 1 ngón tay, thử máu có vi trùng sốt rét (giản nhụy ngược nguyên trùng Plasmodium vivax).

Bắt đầu áp dụng châm trị trước cữ 2 giờ. Châm các huyệt và lưu kim 15 phút, Nội ngày ấy không phát cơn, liên tiếp châm trị 5 ngày làm 1 liệu trình. Lần sau thử máu lại không còn vi trùng sốt rét nữa, và bình tiệt hẳn.

Phương thức này trị 6 người như vậy, có 3 người châm trị 1 lần hết cơn, 2 người châm trị 2 lần tiệt, 1 người châm trị 1 lần không còn vi trùng sốt rét.

2) Thủ huyệt, Đại-chùy, Đao-dao (2 huyệt chủ yếu), phổi hợp các huyệt Nội-quang, Gian-sử, Liệt-khuyệt, Chương-môn, Phục-lưu, Thái-khé, Hậu-khé. Các huyệt thay đổi châm cứu, hoặc châm rồi sau gia cứu, hay châm huyệt này cứu huyệt khác.

Mỗi ngày dùng 3 hay 5 huyệt hoặc châm hoặc cứu. Trong khi châm nên chú ý, châm cho bệnh nhơn tê, rần như luồn điện chạy (dùng kích thích trung độ) và sau lưu kim 3, 4 phút mới rút kim. Trong khi cứu cũng chú ý đến lúc da hồng đỏ mới đúng độ.

Nhưng khi châm trị phải trị trước 1, 2 giờ mới có công hiệu, nhớ trong lúc lên cơn châm trị không kết quả.

3) Phương pháp sau đây áp dụng cách đo lấy huyệt như sau :

Dùng sợi giây do từ giữa lồng chỉ khuỷu cùm tay nam tâ, nứ hưu, kéo lên đến chót đầu ngón tay giữa làm 1 đoạn dè do sau đầu từ chỗ mý tóc cõ xuống xương sống, chỗ đốt thứ 3, 4, tức chỗ huyệt Thành-trụ (trên huyệt Thành-trụ) ấy là huyệt Kỵ-huyệt, dùng kim lớn châm lại đó rồi lấy tay ép từ huyệt Đại-chùy xuống, và từ huyệt Mạng-môn lên cho ra máu (ép lên xuống độ 7 lần rồi ép ra máu) dùng bông thấm alcool tiêu độc chùi máu.

Phương thức này trị rất là kiến hiệu, nhưng nhớ nên trị trước cơn 1 hay 2 giờ mới kiến hiệu, châm trị 1 lần bình hết ngay.

Đã trị được 22 người bị Ác tánh ngược trùng (*Plasmodium falciparum*) Giang ngược trùng (*Plasmodium Vivax*) và Tam nhụt ngược trùng (*Plasmodium malariae*) chỉ châm trị 1 lần, 2 lần, có bình đến 3 lần là tiệt hẳn.

Chú ý : Nếu bệnh chưa dứt cơn đó là vì châm trị quá sớm hay quá muộn, hoặc thủ pháp không đúng nên không kết quả.

4) Phương thức sau đây : Dùng hai huyệt Đại-chùy và Đào-dao.

Chỉ dùng hai huyệt này trị bình, đã châm trị 4 người, chỉ châm trị 1 lần hết hẳn, 6 người châm trị 2 lần kết quả và sau 3 người già thêm cứu 3 lần kiến hiệu.

Có người bình cả tháng dư cũng chỉ châm trị 3 lần trừ cẩn ngay, không cần uống thuốc. Thật ra 2 huyệt này trị Sốt Rét rất hiệu nghiệm, nhưng cũng nên chú ý châm trước cơn 1 giờ hay 2 giờ.

Thủ pháp : Châm huyệt Đại-chùy 4 phân, cứu 15 đến 20 phút.

Châm huyệt Đào-dao 4 phân, cứu từ 10 đến 20 phút.

Khi châm 2 huyệt này thì bệnh nhơn cảm giác tê rần đến suýt lung mờ mao kiến hiệu (2 huyệt này cũng có thể châm trị trong lúc lên cơn hay sau cơn nhưng hiệu quả kém hơn châm trị trước cơn).

5) Trong 40 năm trị bệnh châm cứu, trị bệnh sốt rét có vị Lão y sử dụng thủ pháp dưới đây rất đơn giản và kết quả thần tốc, xin giới thiệu sau đây :

Thủ pháp : Thời gian trị bệnh cũng trước cơn 2 giờ, bão bệnh nhơn ngời ngay ngắn, trước án huyệt Đào-đao, ngón tay trái đè tại huyệt tay mặt cầm kim châm vào 3 phân, lưu kim không lấy động. Rồi án huyệt Thân-trụ cũng y như vậy châm vào 3 phân.

Hỏi bệnh nhơn có cảm giác nơi ngón tay giữa lạnh hay té nóng không, nếu chưa có cảm giác gì thì đày kim vào nữa phân nữa thì bệnh nhơn cảm giác té nơi 10 đầu ngón tay, đó là đúng mức độ, lưu kim đến khi tay hết cảm giác mới rút kim, lấy tay án tại huyệt thì cơn rét tiệt ngay.

Nếu áp dụng đúng thủ thuật bệnh nhơn cảm giác như trên, nhưng lần thứ nhứt chưa hết cơn, thì châm trị lại 1 lần nữa sâu hơn 1 ty át kiến hiệu. Đối với người héo mập cơ thể châm sâu đến 6 hay 8 phân nhưng không nên quá sâu lăm.

Kinh nghiệm.

Trị 6 bệnh Sốt Rét có kết quả mỹ mãng xin phô biến sau đây :

1. Bà Hà 68 tuổi bị bệnh sốt rét mỗi ngày đến 5 giờ chiều phát cơn tay chân và toàn thân lạnh run, sắc mặt mét xanh, thở hào hển, cơm lạnh kéo dài 3 giờ rồi qua nóng sốt, ngắn hờn, đến ra mồ hôi thi hết cơn, rồi không muốn ăn uống gì, tinh thần mè mệt, tay chân vô lực.

Châm trị : Vì thấy bệnh nhơn quá già và cho biết cơn phát lạnh run như thế, mà người yếu, nên trước châm huyệt Túc-tam-lý châm trước cù 2 giờ) bệnh nhơn cảm giác không ớn lạnh, Châm tiếp các huyệt Hiệp-cốc, Ngoại-quang, Gian-sử, khi châm không biêt té, chỉ cảm giác đau. Qua ngày sau cho biết, cơn sau phát rất nhẹ, chỉ phát sơ qua. Ngày hôm sau cũng trị trước cơn 2 giờ, trị y như trước.

Kết quả : cơn giảm nhiều, duy không muốn ăn uống.

Trị lần thứ 3 Dùng các huyệt : Châm Hiệp-cốc, Trung-chữ, Ngoại-quang, Túc-tam-lý, Thái-khê. (Bây giờ châm bệnh nhơn cảm giác té rắn và đau). Tiếp trị như thế 2 lần nữa bệnh hết hẳn tuyệt không phát sốt rét nữa và bình phục.

2. Ông Phùng 53 tuổi bệnh giang nhọt ngược, cơn phát lúc 2 giờ chiều ban đầu hơi dùn xương sống rồi phát ớn lạnh đến 3 giờ (lúc ớn lạnh muỗi ra nắng ngồi), lạnh xong thì phát nóng sốt một chập, ra mồ hôi mới hết cơn, tay chân vã lục, tim phiền táo; miệng khát nước, ăn ít, nhưng ngày sau không phát cơn thì làm việc được, chỉ ngày phát cơn không làm lung gì được cả.

Bắc đầu châm trị, đến ngày lên cơn trước cử 2 giờ châm các huyệt :

Công-tôn, Túc-tam-lý, Uỷ-trung, Hiệp-cốc, Dương-tri, Khúc-tri.
Châm trị I lần bình tuyệt hẳn, đến sau không phát nữa.

3. Ông Mồ 50 tuổi bệnh sốt rét lên cơn đã nhiều lần, mỗi ngày đến 2 giờ chiều phát, có ngày lại phát lúc 12 giờ trưa, cơn phát trước cũng lạnh run trong 1 giờ rồi đến nóng đến 3 giờ ra mồ hôi chùn thàn ướt đầm mới hết sau đó không ăn gì được, người mệt.

Bắc đầu trị châm lưỡng túc tam lý (cảm giác té rần) rồi châm Dương châm huyệt Hiệp-cốc, vừa châm vào bên trái túc thì bệnh nhơn cảm thấy đầu xoay xombok (đó là phát hiện vững chắm), túc thời rút kim ra liền, bệnh nhơn còn cảm giác nhức đầu, bao bịnh nhơn nằm yên nghỉ 1 chập, người xuất mồ hôi, miệng khát, cho uống 1 chung trà dè hết mồ hôi mới ra về.

Hôm sau cho biết từ ngày ấy không có phát cơn và tuyệt luôn, lại ăn ngon, mạnh khỏe như thường.

4. Anh Quý 34 tuổi Giang nhọt ngược, sốt rét phát cơn từ 9 giờ mà trước ớn lạnh đến 3 giờ rồi phát sốt, đầu nặng, miệng khát, kéo dài đến chiều tối ra mồ hôi rồi hết, lại chuyền đến cơn sau. Hỗn dùng thuốc không công hiệu, bệnh kéo dài hơn 1 tháng, ăn ít, lá lách sưng Bắc đầu châm trị trước lên cơn châm các huyệt: Đại chày, Hiệp-cốc Uỷ-trung, Dương-tri, Trung-chữ, Dương-lăng-tuyễn, Công-tôn; Nội-dinh. Châm các huyệt này bịnh nhơn đều cảm giác té, chỉ tại huyệt Đại chày đau. Châm trị xong đến 9 giờ không phát cơn sau luyệt hẳn. Bệnh này đã phát hơn tháng thế mà châm trị có 1 lần bịnh dứt khó tái phát nữa.

5. Cô Trương 31 tuổi sốt rét giang nhọt ngược khi lên cơn phát trước lạnh sau nóng, nóng lạnh như nhau, đến 6 giờ, đến khi xuất mồ hôi mới hết cơn, trong lúc làm cử lại cơn phát oẹ khan, bệnh đã phát 3, 4, lần rồi cứ đến 4 giờ chiều thì phát, sau cơn phát rồi cũng không muốn ăn.

Trước cơn 1 giờ dùng châm trị các huyệt : Khúc-tri, Túc-tam-ty, Cổng-lòn, Nội-định. Chỉ trị 1 lần hết hẳn.

6) Có 1 là 34 tuổi sốt rét ngày nào cũng lên cơn, cơn phát trước lạnh sau nóng, cứ ờn lạnh xương sống thì phát cữ, đầu nặng lưng đau, kéo dài đến 3-4 tiếng đồng hồ mồ hôi ra mới dứt cơn, mỗi ngày cứ đến 10 giờ mai thì lên cơn, Bình đă 3 ngày

Bắc đầu 9 giờ mai châm trị dùng các huyệt : Ủy-trung, Kim-môn, Đại-chùy, Khúc-tri, khi châm đều cảm giác tê rần. Châm trị 1 lần bình dứt hẳn không tái phát.

SỐT RÉT KHIÊM BÌNH.

Trị bình sốt rét mình đau tiêu gắt.

Cần Hưng 25 tuổi bình sốt rét, cơn phát trước lạnh lâu sau phát nóng ít, nhưng toàn thân đau nhức, chỗ ò tim đau, ăn không tiêu, mắt vàng, tiêu tiện gắt đau.

Trị pháp : Nhơn vì trời mưa không nên châm cứu, sợ phạm khí lạnh xâm nhập vào, nhưng bình nhơn yêu cầu nhở trị.

Dùng Ngại-quyện châm cứu Thượng-uyền 10 phút, châm xong hết rét, nhưng sợ đến cơn phát, nên tiếp cứu Đại-chùy, Gian-sử Hậu-khé, Nội-quang 3 tráng.

Kết quả : ngày sau bình vẫn lên cơn.

Trị lần thứ 2 : Châm Hậu-khé, Nội-quang, Cổng-lòn, Cứu-Thượng-uyền, Trung-uyền, Hạ-uyền, Chiên-trùng, Thần-tàng, Thiên-xu, Túc-tam-lý. Đều 1 tráng.

Kết quả : không phát cơn nữa.

Trị lần thứ 3 (hiện chỗ bụng huyệt Trung-uyền có cục bẩn, tiêu gắt. Dùng Ngại-quyện ngay tại cục bẩn nguyệt Trung-uyền.

Châm Thái-bạch, Phong-long. Cứu Chiên-trùng, Tỳ-du, Vi-du, Chương-môn, Thiên-xu, Túc-tam-lý đều 3 tráng. Thảo-khuyết, Khí-hải, Tam-ám giao, Nội-quang, Cổng-lòn đều 1 tráng.

Kết quả : Tim bớt đau, toàn thân xương cốt bớt ghen, sắc mặt tươi nhuận, ngực bớt đầy.

Trị lần thứ 4 cũng trị như trước, cứu thêm Bàng-quang-du 3 tráng

Kết quả : tiêu bớt gắt, tinh thần khoan khoái.

Trị lần thứ 5 Trị như lần thứ 3, Dùng ngại quyện châm cứu. Trung uyền.

Kết quả : Cực bán hết, tiêu tiệt thường; người khỏe; ăn ngon; mặt tươi nhuận bình phục.

Trị bệnh sốt rét khiêm dầu nhứt xoay xàm.

Anh Vinh 44 tuổi khi lên cơn rét, tay chân đều nóng xung lên não, làm não thần kinh đau kịch; xoay xàm hoa mắt tối tăm, trước nóng ít sau lạnh kéo dài, đại tiện 3 ngày không đi, lưỡi tưa, tiêu vàng nhiệt độ lên 40.

Trị pháp : Châm Đại-chùy; Nội-quang, Hậu-khê; Hiệp-cốc, Bách-hội, tư-trúc-không, và thích Nhì-tiêu ra máu.

Kết quả : Bớt sốt, dầu hết xoay xàm, đại-tiện thông, hết rét, nhiệt độ xuống 39.

Trị lần thứ 2 Dương lúc cơn hực nóng xong lên dầu làm chóng mặt tay chân hực nóng.

Châm Phong-phủ, Phoug-tri, Đại-lăng, Hiệp-cốc. Cứu Bách-hội, tiền-danh, Thượng-linh, Tinh-hội, Đại-chùy, Phong-mòn, Phế-du, đều 3 tráng Thái-dương, Nhì-tiêu I tráng.

Kết quả bệnh hết hẳn không lại trị nữa.

Trị bệnh sốt rét làm thủng qe mõra nước đắng.

Anh Hoa 40 tuổi bị sốt rét cách nhau đã lâu, cơn phát trước lạnh sau nóng, xoay xàm ác tâm mõra nước vàng (có đờm trắng) mặt vàng, làm thủng (thủng mõi) móng tay trắng, chân yếu vô lực.

Trị pháp : Cứu Đại-chùy, Đào-dạo, Phong-mòn, Phế-du, Nội-quang, Hậu-khê, Trung-uyền, Túc-tam-lý, Hạ-uyền (vì người mè mệt quá nên trước phải cứu).

Trị lần thứ 2 : Châm Tam-lý, Ngoại-quang, Công-tôn, Nội-quang, Đại-chùy và cứu như trước.

Kết quả : Hết mõra nước vàng, hết sốt rét.

Trị lần thứ 3 trị như trên thêm châm Hiệp-cốc

Kết quả mõi bớt thủng, bớt mõi, bớt xoay xàm và chân vững.

Trị lần thứ 4 trị như lần thứ 2.

Kết quả : Hết xoay xàm, tinh thần khỏe, hết thủng mõi.

Tiếp trị 2 lần nữa bệnh hoàn toàn bình phục hẳn.

Trị **bệnh** **rét** **dây** **dưa** **phát** **đi** **phát** **lại** **nhiều** **lần** **thứ** **máu** **có** **về** **trùng** **sốt** **tết**.

Anh Cao 25 tuổi 4 tháng trước phát sốt rét cách nhau, phát 4, 5 lần dùng thuốc trị rét, rồi cách nữa tháng sau lại phát mẩy lần dùng thuốc cũng rét, cách 1 tháng sau vẫn phát lại cứ trước lạnh 1, 2 giờ, sau nóng 1, 2 giờ, máu có vi trùng sốt rét.

Trị pháp : Châm Hậu-khê, Nội-quang, Cửu Đại-Chùy, Phong-môn, Phế-du 3 tráng.

Kết quả ngày sau giảm nóng lạnh 1/2 giờ.

Trị lần thứ 2 cách 1 ngày, Châm Hậu-khê, Gian-sử, Cửu Đại-chùy, Phong-môn, Phế-du, Đào-dạo, Vi-du, Mang-môn đều 3 tráng:

Kết quả : bệnh hết hẳn và thử máu không còn vi trùng sốt rét nữa.

XXXV HẮC NHIỆT BINH.

Bệnh sốt rét thường sau phát lá lách sưng to, bệnh cứ diễn tiến mãi đến 2, 3, năm làm huyết dịch bị tổn hại, dinh dưỡng bị tiêu hao bệnh nhọn bạch huyết cầu đại giảm, nếu không trị sớm có thể chết.

Trị sớm có thể nhẹ được 95/0.

Châm cứu trị cần làm cho tăng cường sức đề kháng.

Dùng các huyết chủ trị : Khúc-tri, Túc-tam-lý, Cực-tuyễn, Hành gian, Phế-du, Tỳ-du, Thiên-xu, Đại-chùy, Nội-quang, Loe-cung, Nội-dinh tùy châm cứu trị. (Bệnh này do vi trùng hấp huyết trùng, bệnh dễ truyền nhiễm, vậy nên đề phòng).

Trị bệnh Hắc nhiệt bệnh, lá lách sưng lớn, tám tạng, hạch phúc thủy

Anh Dần 23 tuổi năm trước họng bên trái phát sưng 1 cù húu đi mồ, nhưng về sau không lành miệng, cứ chảy mủ, nước vàng, đến nay tại bên rún phát lên 1 cục lớn lăn to lèn (tức lá lách sưng).

Bụng và chân đều phát thủng, bên sườn trái dưới xương sườn dần đến dưới rún 2 tất đè có 1 khối độ 3 tất, thường khi ứng dày thì chỗ lá lách sưng cứng tri xuống, bụng đau, lại thêm phát ho, khi ho thì chỗ ở tim đau làm như khi suyễn, tim đập, mắt hơi lồi ra mặt mét hấp chân phù thủng, khi nằm bên trái thì mặt bên phải sưng, khi nằm bên phải thì bên trái sưng, ban đêm ho nhiều không ngủ được, ăn cơm không tiêu, 2, 3, chén đã phát ách, chỗ lò mò còn chảy mủ, bệnh đã hơn 3 tháng.

Trị pháp : Châm Trung-uyên, Thiên-xu bên trái, chương-môn bên trái. Dùng ngai quyền trực tiếp cứu Cửu-vỹ, Cử-khuyết, Chiền-trung, Thượng-uyên, Hạ-uyên, Âm-dô, Thông-cốc, Thiên-xu, Khí-hài Tam-ly, Tam-Âm-giao; Nội-dịnh, Thân-du, Mang-môn, Tuyệt-cốt đều 3 tráng.

Kết quả : Châm cứu xong bụng hết đau, khí đứng lá lách không trệ nữa, ho bớt đau chớp tim, ăn được, dễ tiêu.

Trị lần thứ 2 (cách 1 ngày trị 1 lần) Châm Thượng-uyên, Nội-quang trai; Chương-môn; Thông-cốc 2 huyệt, Túc-tam-ly trái. Cứu như trên.

Kết quả : Các bệnh giảm nhẹ, ăn được nhiều duy còn ho như trước.

Trị lần thứ 3. Châm cứu như trước.

Kết quả : Chán hết thủng, bụng giảm ăn nhiều, vẫn còn ho, đàm khó nhổ rit, nằm thi nghẹt ở cuống họng, không ngủ yên được.

Trị lần thứ 4. Châm các huyệt : Trung-uyên, Chương-môn, Thiên-xu, Phong-lòng bên trái, tả, cứu như trước.

Kết quả : Ho giảm, đàm lỏng, nằm ít vướng cổ, lá lách bên trái đã nhỏ lại 2, 3, tất.

Trị lần thứ 5 Châm Trung-uyên, Chương-môn 2 huyệt, Thiên-xu, Kinh-cự, Công-tôn đều bên trái. Cứu như trước.

Kết quả : Ho giảm đàm dễ nhổ hết vướng.

Trị lần thứ 6 : Trị như trên.

Kết quả : Rọi kiến thử xem : Lá lách teo nhỏ, không có cục như trước các chứng đều giảm nhiều.

Trị lần thứ 7. Châm Trung-uyên, Chương-môn, Thiên-xu Công-tôn, Nội-dịnh đều bên trái. Cứu như trước.

Kết quả : Các chứng đều hết, người khỏe mạnh bình phục hoàn toàn.

Trị Hắc nhiệt bịnh tỳ thủng tim đau.

Anh Thân 24 tuổi. Bên hông trái chỗ lá lách sưng to 5 tấc chạy ngang đến Vi-uyên, chỗ ở tim có lúc đầy khó chịu, có khi đến ngất xiêu thường cầm thấy hơi nóng xông lên đầu làm xoay xombok tai có mủ, không còn tri nhớ gì cả, bình thường đi đường hoặc

nói nhiều thì tức ngắt người mệt mỏi, phải ngồi nghỉ 5 phút mới tĩnh lại được, nếu ca hát ngâm nga ít câu thì tự nhiên mất tiếng. Ngồi xe cũng bắt nón mũ người mặc thường để chắn tè.

Trị pháp : Châm Nội-quang, Còng-tôn, Chương-mòn là pháp. Cửu Tỳ-du, Vị-du, Cách-du, Phế-du, Tam-lý, Dũng-truyền đều 3 tráng.

Kết quả : Khi châm tá các huyệt nhiệt khi công lên đầu não. lục kim hơi giảm, trị xong sau 3 người phát ngứa (độc phát ra ngoài), chỗ ở tim bớt ngạt, lá lách nhỏ lại, sắc mặt nhuận, bớt mệt, còn nóng.

Trị lần thứ 2 (sau 12 ngày). Châm cứu trị như trước thêm Túc-tam-lý và thích Châm Khiếu-âm, Ân-bach Đại-dòn đều ra máu.

Kết quả : Tình thần khỏe, đi xe không xoay xẩm nữa.

Trị lần thứ 5 cách 8 ngày hiện bệnh đầu mặt tai đều cảm giác nóng mắt nhấp nháy 1 con, tai lùng bùng).

Châm Bách-hội, Nhĩ-tiêu, Thiếu-thương, Hiệp-cốc, Chi-âm, Ân-bach, Khiếu-âm: Thái-dương ra máu, Toán-trúc, Ngư-yêu Thịnh-hội, Tam-lý, Âm-lăng-tuyền, Đại-chùy đều dùng tá pháp.

Kết quả : chán ra máu ở đầu và các huyệt xong thì đầu nhẹ nhàng, châm trị xong thì đầu mặt bớt nóng, mắt mỡ, bệnh giảm.

Về sau bệnh nhẹ hoàn toàn không trị nữa.

XXXVI BỊNH ĐÁI DƯỜNG.

Bệnh này cũng gọi là bệnh tiêu khát. Trị bệnh này nên bảo bệnh nhơn cứ ăn các chất đường.

Châm cứu trị dùng các huyệt : Tỳ-du, Thận-du, Quang-nguyên, Cách-du, Quang-nguyên-du, Bàng-quang-du, Trung-tử-du, Bát-liêu, Túc-tam-lý, Tam-âm-giao, Thủy-tuyền, Thừa-phò, Âm-ky.

Tùy chứng trạng áp dụng châm cứu trị.

Hoặc dùng phương sau đây : tùy dùng ít huyệt thay đổi châm trị : Trung-uyên, Tam-tiêu-du, Vị-du, Thái-uyên, Liệt-khuyết, Thận mòn, Nội-quang, Thận-du, Phế-du, Quang-nguyên, Bát-liêu, Túc-tam-lý, Thừa-phò, Tam-âm-giao.

Hoặc cứu các huyệt : Quang-nguyên, Khi-hải, Túc-tam-lý, Yếu-du.

Trị bệnh đái đường nên phân Tam-tiêu : Thượng-tiêu, Trung-tiêu, Hẹ tiêu

Hẹ tiêu (theo sách xưa gọi là tam-tiêu bệnh).

Gần đây Một bệnh viện ở Trung-hoa châm cứu trị bệnh này kết quả 80%, phân tam-tiêu như sau :

1. Thượng tiêu : Bệnh phế kinh thiêt hỏa, thượng-tiêu nhiệt; Tâm nhiệt xung khắc phế kim.

Chứng trạng : Lưỡi đỏ, cõ nóng, Khát nước uống ngày đêm vô độ.

Dùng các huyệt trị : Hành-gian, Dũng-tuyền, (châm 3 phần) Thiếu-thương châm 1 phần bồ pháp, và lưu kim 1 giờ; Cứu nứa giờ.

2. Trung tiêu : Tỳ-kinh thiêt hỏa, hoặc dương phục xong lên vị.

Chứng trạng : Cơ thè thè táo, miệng khô muỗn uống nước, đại tiện táo, nước tiểu như nước cam có chất đường.

Dùng các huyệt trị : Trung-uyên, Tam-lý, Phục-lư châm 2 phần phân bồ pháp và lưu kim 1 giờ, Cứu nứa giờ.

3. Hẹ tiêu : Thận âm hư hoặc thủy phục tam-tiêu :

Chứng trạng : Phiền táo muỗn uống nước, tai hơi lùng bùng, tiêu tiện khó hoặc nước tiểu đặc như keo.

Dùng các huyệt trị : Quang-nguyên, Hành-gian, Dũng-tuyền, châm 3 phần lưu kim 1 giờ; cứu nứa giờ.

Lâm sàng trị bệnh kinh nghiêm châm cứu trị trong 3 ngày thì bớt khát nước, 10 ngày thì nước tiểu hết chất đường.

Đơn cử hai bệnh sau đây :

1. Anh Lâm 37 tuổi, 2, 3, tháng gần đây thường lưỡi khô, khát nước cõ nóng uống nước 2, 3, lần thì bớt nhưng khát trở lại hoài.

Trị pháp : Châm các huyệt : Hành-gian; Dũng-tuyền 3 phần, Thiếu-hương 1 phần, lưu kim 1 giờ, cứu nứa giờ.

Châm trị 2 lần bớt khát nước, lưỡi không táo. Tiếp châm cứu trị 2 lần nữa, bệnh giảm nhiều. Rồi từ ấy cứ tiếp tục trị trong 3 tháng, bệnh hoàn toàn bình phục.

2. Ông Đoan 61 tuổi, mấy năm gần đây thường làm phiền khát bắc uống nước hoài không đã khát, tiêu tiện gắt, đi hoài.

Trị pháp : Dùng các huyệt : Dũng-tuyền, Hành-gian, Quang-nguyên châm 3 phần lưu kim 1 giờ, cứu nứa giờ, trị 1 lần ngày sau bệnh giảm khát nước, còn uống ít.

Tếp tri đến lần thứ 15; bình khôi phục bình thường, tiêu tiễn như thường.

Phụ chú : Bình tiêu khát, đái đường theo Tài-liệu các sách xưa thì bình này không thể dùng châm cứu trị (Thiền-kim phương : Phàm Tiêu khát bình kinh Bách nhút vỉ thương bắc đặc cứu thích), tức là bình tiêu khát trên 108 ngày không nên trị bằng châm cứu.

Gần đây theo Y-sư Trần-cử-lâm thì trị bình đái đường không thể dùng châm cứu trị. Nhưng theo các sách của Thừa-dam-Am, Trần-tôn-Nhơn, Tân-châm cứu học đều có ghi những phương trị liệu. (Tất cả các phương ghi vào đây là những phương kinh nghiệm).

Trị Bình Tam tiêu bịnh.

Trung tiêu bịnh, ăn nhiều mau đói, ngày ăn 5, 6, lần, ăn rồi vẫn đói tháo hình gầy ốm, tim lói khó chịu.

Trị pháp : Dùng các huyệt : Vị-du : Tỳ-du; như tim nhảy hồi hộp thêm Thần-môn, Tim bức rức khó chịu thêm Tâm-du.

Thủ pháp : Châm bình bồ bình tả các huyệt : Vị-du Tỳ-du 1 tấc, Thần-môn 3 phân lưu kim 1 giờ, châm rồi cứu trị 1 lần.

Trị nghiệm : Phương này đã trị 37 bịnh nhơn đều nhẹ hẳn.

Phương này là trị Trung tiêu bịnh. trường vị táo nhiệt; khí huyết hư nên công hiệu.

Áp dụng phương này phối hợp với các huyệt Túc-tam-lý, Tam-ám-giao để hạ nhiệt, phá nhiệt kiết.

Phối hợp Tam-ám-giao, Nội-quang để trị vị dày trừ khí trệ.

Phối hợp Thương-tinh, Bách-hội để tan nhiệt ở thương tiêu đồng thời dùng Tam-ám-giao để điều chỉnh cơ năng bài tiết.

Vậy tùy phối hợp các huyệt mà xử dụng.

Phương này dùng Tỳ Vị du huyệt là để làm tăng cường sức để khán nên đối với các bịnh hư nhiệt ăn vào đói liền cơ thở hư tồn rất công hiệu; gia thêm Thần mòn để tản tĩnh an thần trừ hồi hộp, và gia Tâm du là để thanh Tâm nhiệt.

Vậy trị bịnh Trung-tiêu cần thanh hư nhiệt; trừ táo kiết, dương ám bồ thận, tùy chứng áp dụng thì bịnh ắt bình phục.

XXXVI TẬP BỊNH

MỒ HÔI TRỘM.

Trị bình mồ hôi trộm ban đêm.

Anh Tài 21 tuổi ban đêm thường ra mồ hôi nhiều ướt cả áo khó ngủ phát nóng lạnh xoay xầm tay chân bã hoái vô lực.

Trị pháp : Châm Phục-lưu bồ, Hiệp-cốc tã Thái-bach bồ. Cứu Thương-uyễn, Thương-môn, Phong-môn, Phế-du, Đại-chùy, Âm-ky đều 3 tráng.

Kết quả : đêm ấy bớt nhiều, ngày sau các chứng xoay xầm hết, tay chân bớt bã hoái.

Trị tiếp lần thứ 2 bình hết hẳn bình phục.

2. Anh Lập 20 tuổi ban đêm hay ra mồ hôi lạnh ?

Trị pháp : Châm Phục-lưu, Thần-môn bồ.

Kết quả hết ra mồ hôi.

THÂN LẠNH

Trị bình thân lạnh gần lữa không biết nóng.

Cô Lâm 38 tuổi, cháu thân lạnh như tảng nước đá; tay chân té, gần lữa không biết nóng, tay hơ lên lữa không biết, miệng hả hơi cũng lạnh, nhức đầu hay nhò nước hột, đàm hơi mặn, không ngồi dậy nổi, mắt bên mặt, trên con người có 1 mut bằng hột đậu, không thấy rõ, đầu thường nặng triệu xuống, tim khó chịu, hay sợ gió, bình dã au không tiền chạy thuốc, chứng trạng rất nguy.

Án-bịnh : Bình này thuộc Tủy không bình, biến thành mất tri giác, và ôn độ có thè cũng mất.

Trị pháp : Châm Thái-dương, Bách-hội, Nhĩ-tiêu ra máu, Cứu Bách-hội, Phong-tri, Tiền-danh, Đại-chùy, Phong-môn, Phế-du, Kiên-ning, Khúc-tri, Hiệp-cốc, Chiên-trung, Trung-uyễn, Thương-môn, Khi-hài, Tam-lý, Tam-Âm-Giao đều 3 tráng.

Kết quả : Hết sợ gió, Gần lữa biết nóng, ngón tay té thành cứng, tinh-thần khỏe, ngồi dậy được, nhưng ngày sau tim đập mạnh, đầu khó chịu.

Trị lần thứ 2. Châm Kiên-lý, Nội-quang, Nội-dịnh. Cứu như trên.

Kết quả : Đêm ấy mắt bên mặt trương lên lấy tay đè, chảy ra như 1 cục thịt, sau mắt ấy lại hơi ngó thấy và đầu bớt nhức, hết sợ gió, đàm hết mặn, tay chân ấm lại và có huyết sắc (cò máu) gần

lửa biết nóng, lại có hắc hơi (trước không có), hịnh giảm được phân nữa.

Trị lần thứ 3 : Hiện chứng dầu cò nóng, chỗ da dày dày trường.

Châm Thái-xung, Nội-định, Phong-phủ.

Kết quả : Cò hết nóng, ngực hết dày, bây giờ vận động được không đến trị nữa. Mấy tháng sau lại cho biết bệnh hết hẳn.

XXXVIII ĐẠI TIỆN VÀ THOÁT GIANG

Bệnh thoát giang 2 năm, đi cầu ra máu.

Anh Doản 25 tuổi bị bệnh mỗi lần đi cầu đều ra máu trước sau rặn ra phân thì lòi trè gần 4 tấc (thoát-giang), đi cầu xong không thâu vào, phải lấy tay ăn lâu mới vào được, có lúc lại làm phản vị muôn mửa, ngồi dưới đất thì thấy xoay xầm tim đập. (Trước kia do bệnh đi cầu ra máu 2 năm).

Trị pháp : Châm Trung-uyên, Khúc-tri bồ, Thái-xung tà, Trường cường thích ra máu. Cứu Bách-hội, Chiên-trung, Thượng-uyên-Kiện-lý; Hạ-uyên, Thủy-phàn, Thông-cốc, Mang-môn, Thận-du, Âm-dò, Thần-khuyết, âm-giao, Đại-trường-du, Tiêu-trường-du, Nội-quang, Tam-lý, Thái-khé, Tam-Âm giao đều 1 trắng.

Kết quả ngày sau đi cầu ra máu ít, thoát giang giảm nhẹ chỉ còn 6 phân và ăn vào dễ.

Trị lần thứ 2, Trị như trên Bệnh nhẹ hẳn, từ đó về sau lại map map bình phục vô sự.

Làm nặng thành thoát-giang (lòi trè).

Ông Văn 51 tuổi khi làm việc gì nặng thì thoát giang, bụng dưới đau, lại kiêm ho có đờm nhớt.

Trị pháp : Châm-Khúc-tri, Túc-tam-lý, Kinh-cụ tà.

Kết quả : Hết lòi trè, ho giảm nhẹ.

Đại tiện táo bí.

Cô Lương, 28 tuổi thường đại-tiện 6, 7, ngày không đi.

Trị pháp : Châm Manh-du tà, thích Trường-cường, Thượng-Trung, Thủ, Hạ-liêu (bác-liêu).

Kết quả : Ngày ấy đi cầu phân hết táo.

Đại tiện bón 3 năm, Ngày đi 5 lần ?

Cô Minh 29 tuổi 3 năm trước đi cầu ra máu đã hết. nay đại tiện táo bón đi ít, mỗi ngày phải đi 5 lần; mỗi lần rặn phi hơi, phản táo.

Trị pháp : Châm Phục-lưu, Phi-dương, Thái-bạch, Phong-long bồ, Cửu Thận-du, Mạng-môn, Tỳ-du, Đại-trường-du, Bách-liêu, Trường-cường, Tam-Tam-lý, Tam-âm-giao đều 3 tráng.

Kết quả không phản ứng.

Trị lần thứ 2 Châm Quang-nguyên, bồ, Khi-hài tà.

Kết quả : Ngày sau đại tiện giảm bớt 1 lần.

Trị lần thứ 3 Trị như trên Thệm cứu Thận-du, Mạng-môn, 3 tráng.

Kết quả : Đi cầu giảm 2, 3, lần.

Trị lần thứ 4 trị như trên, Kết quả hết hẳn

Đại tiện ra máu.

Cậu Gian 23 tuổi đại tiện bị táo, 2 ngày đi 1 lần, táo bón ra máu như nước làm xoay xầm bã hoai vò lực không muốn ăn.

Trị pháp : Châm Chi-Cầu, Phong-long, Thái-bạch tà.

Kết quả : Đi cầu máu giảm, ăn được, xoay xầm và tay chân bớt.

Xè sau bình nhẹ hẳn hoàn toàn.

Trị bệnh đại tiện ra huyết.

Ông Hiên 62 tuổi bị bệnh đi cầu ra máu, hơn 30 ngày chưa hết, máu sắc đỏ, thường có khi ra máu phán hoặc lộn với phân. Vì huyết ra nhiều nên người tinh thần mệt mè, (đã dùng đủ thuốc Đông-Tây không công hiệu).

Trị pháp : Trị lần thứ 1 Châm Đại-chùy, Khác-tri, Cứu Tỳ-du, Mạng-môn, Thận-du, Đại-trường-du, Trường, Chỉ-thất.

Trị lần thứ 2 Châm Đại-chùy, Khác-tri, Huyết-hái, Cứu Mạng-môn, Thận-du, Trường-cường, Thừa-sơn.

Kết quả Đại tiện đã đi thường hết máu nên không trị nữa.

Nhưng qua ngày thứ 4 nhơn ăn đồ cay nồng đi ra máu lại.

Trị pháp : Châm Tam-âm-giao, Huyết-hái, Côn-lon, Thừa-sơn.

Ngày thứ 5 còn đi ra máu chút ít. (Châm Âm) lăng-tuyễn, Hành-gian, Huyết-hái Túc-tam-lý, Cứu Mạng-môn, Thận-du.

Ngày thứ 6 còn đi ra máu chút ít lại ngực hơi khó chịu. Châm-

Hiệp-cốc, Nội Quang, Túc-tam-lý, Thái-xung, Côn-lon, Thừa-sơn-Cửu Trường-cường.

Kết quả Bình hết hẳn về sau không tái phát.

Bình Đại tiễn thường táo, đi cầu không thông, bụng dày :

Trị pháp : Dùng các huyệt : Chương-môn, Chiếu-hải, Thái-bạch, phổi bôp với các huyệt : Trung-uyên, Lương-môn, Thượng-uyên, Khi-hải, Nội-quang, Tam-âm-giao.

Thủ pháp : Trước châm Chương-môn 8 phân đến 1 tấc, Chiếu-hải 5 phân, Thái-bạch 3 phân, lưu 10 đến 20 phút. Trung-uyên 1, 2 tấc, Lương-môn, Thượng-uyên, Khi-hải 1 tấc ? Nội-quang 5 ph. Tam-âm-giao, 5-8 ph. bình hở bình tả, châm rồi cứu. Mỗi ngày trị 1 lần, nếu bệnh nóng quá không nên thêm cứu.

Trị nghiệm : Bà Lưu 64 tuổi thường quen tách táo bón, chỗ da dày dày đau, hai bên hông đau, ăn không ngon, dùng đủ thuốc không công hiệu, dùng phương này châm cứu trị 3 lần bệnh hết hẳn.

Bình Đại tiễn ra máu, lòi trè.

Chứng tiễn huyệt lòi trè, sắc mêt; bần huyệt, mè mệt ăn uống không biết ngon.

Trị pháp : Dùng các huyệt : Trường-cường Hồi-dương.

Châm huyệt Trường-cường 1 tấc (xiên trở lên). Hồi-dương 8 phân xoay kim đến té rần mới rút kim.

Mỗi tuần châm trị 2, 3, lần, nếu bệnh nặng trị 1, 2, tuần hết hẳn.

Trị nghiệm : Phương pháp này đã trị 21 người bệnh tiễn huyệt lòi trè đều kết quả 100%. Đơn cử bệnh sau đây :

Anh Cao 27 tuổi bệnh đại tiễn ra máu, thoát gian đã 3 tháng, mỗi lần đi cầu giang môn lòi ra 2 tấc, nhức đầu, mỗi ngày đi 1, 2 lần làm mè mệt đuối sức, không thiết đến ăn. Hiện người ốm yếu, thiểu huyệt nhiều, dùng phương này trị trong 2 tuần mỗi tuần 3 lần.

Tuần thứ nhứt thoát giang bớt, đi cầu giảm, qua tuần thứ 2 hết ra máu, bình hết hẳn.

Trị bình thoát giang (lòi trè).

Trị pháp : Châm huyệt Bách-hội (xiên ra sau dọc theo da đầu 1 tấc Trường-cường xiên trở lên 1 tấc, lưu kim 20 đến 40 phút 2 ngày châm trị 1 lần.

Chứng nặng bình thời cũng không thâu vào dùng các huyệt :
Khí-hải, Trưởng-cường, Bách-hội, Thừa-sơn.

Thủ pháp : Bảo bình nhọn nằm ngửa trước châm huyệt khí-hải 1 tấc, xoay đầy vào rút lên bình bô bình tà, không lưu kim, rút kim rồi gia cứu đến đỏ da. Sau đẽ nằm sấp lại châm Trưởng-cường 5 phân, Bách-hội xiên ra sau 5 phân. Thừa-sơn châm thẳng vào 1 tấc, lưu kim 20 phút. Cách 1 ngày châm trị 1 lần trị tiếp 10 lần công hiệu.

Chú-ý : Hai phương này là dùng Trưởng-cường để thâu ép giang-môn, Bách-hội thăng dương hổ khí, phối hợp với Thừa-sơn, Khí-hải để đạt đến trực trườn, nên rất công hiệu.

XXXIX BÌNH TRỊ.

Theo kim giám ngoại khoa có ghi 24 thứ trị là theo hình giáng mựt trị mà đặt tên, hoặc nhơn tánh chất mà gọi là : **Máu-tri, Mạch-tri, Trưởng-tri, Tứu-tri, Sắc-tri, Khí-tri, Huyết-tri, Phiên-hoa-tri, Liên-tu-tri** v.v. Hiện theo Khoa học thì chỉ phân các loại : **Nội-tri, và Ngoại-tri, Côn-hiệp-tri, Lậu-mạch-lươn.**

Nội-tri : Nội-tri sanh phia trong giang-môn và Trực trường, phia ngoài giang-môn không thấy, bạch tri nhiều ít không chừng, ngoài có bọc nèn mựt tri có thể di động.

Nội tri thời kỳ thứ I có hơi làm ra máu, nặng nhẹ nhiều ít không nhứt định nhẹ thì thường sau khi đại tiện ra máu hoặc ra có từng giọt, nặng thì máu ra nhiều, hoặc như băng huyết có vòi rất nguy hiểm. Thời kỳ thứ 2 thì trực trường sưng đại tiện rồi có niêm dịch theo ra, xung quanh giang mòn có mựt đỏ, hoặc sanh u huyết ở tĩnh mạch và động mạch, Thời kỳ thứ 3 hạch tri hơi ẩn ra ngoài, có thể hạch tri lồi ra, ban đầu có thể thụt vào, lâu ngày có niêm mạc giàn nèn lồi ra không thụt vào, phải lấy tay ẩn mới vào, phần nhiều lồi ra chồ giang mòn nặng, sưng đau khó chịu, lẩn lẩn có thể phát mửa, phát sốt hay bí phân rồi tri hạch phá vỡ thành mạch lương chảy ra máu mù.

Ngoại-tri : ban đầu tại gian mòn hơi tri nặng, ngửa khó chịu, đại tiện khó khăn hoặc bí táo, chồ gian mòn lồi ra như núm vú, như hột đào, hoặc hình tròn như trứng chim, sưng cứng đau, trên dưới đều có thể di động, trong có máu ứ, lâu hóa mủ đến thành lậu mạch lươn. Ngoại-tri hạch nhiều ít không chừng, da bọc ngoài

thường sắc hơi xanh, đứng đi thì lồi ra, lấy tay đeo vào thì thot nhô lai, bình có cảm giác đau, có khi phát sốt mà không ra máu.

Ngoại trĩ thời kỳ phát đau không kịch liệt lắm, nhưng đi đứng khó chịu, đó là thời kỳ phát viêm chưng, có khi 1 vài tuần lại hết đau thành ngoại trĩ không đau.

Còn hiệp trĩ : tức Nội ngoại trĩ đều phát cả trong lỗ ngoài.

Lỗ mạch lươn : Chứng này do hạch trĩ lỗ biến thành, có lỗ sâu to ngoài vào trong, hoặc thông vào trực trường, thường có máu mủ chảy ra khi ra khi hết, lỗ mạch nhiều ít không chưng, ít thì 1 hạch pha nhiều thì 3, 4 mut, cũng có nội ngoại phân ra :

Nội lỗ : Miệng ở trong không thông ra ngoài, hoặc 1 miệng hay 2 miệng, thông với xi-dạo, bàng-quang, tử-cung, âm-dạo.

Ngoại lỗ : Miệng phia ngoài, bên trong không có nên không thông với trực trường, ngoại thì tại giang môn bị phá chồ lồi chồ lõm, hoặc co khúc lại, có khi chỉ có 1 ống, có khi phân ra 2, 3, nếu miệng trong gian môn bị pha cũng có khi 1 lỗ hoặc 2, 3 lỗ.

Nếu ống mạch lươn bị bít lại thì không chảy máu mủ không đau, như miệng lỗ thì sau khi đi đại tiện chảy vào ống lỗ làm đau nhức khó chịu.

Nội ngoại lỗ : Thị miệng ngoài khi đi đại tiện lòi ra chảy máu như thế không phải do giang môn (vì nên phân biệt khi trực-trường bàng-quang sưng thì máu hay niêm dịch tự giang môn chảy ra).

Trị mạch lươn là xem các ống mạch ấy mà trị.

Nhưng bệnh trĩ cũng nên phân biệt với thoát giang (lòi trè), vì khi giang môn bị phá do đại tiện táo bón cũng có ra máu, vì trực trường bị trĩ xuồng cũng có khi làm cho giang môn lòi ra, nhưng nên phân biệt giang môn thoát ra thì không có mut trĩ, còn chưng ra máu hoặc do cơ ruột bị thương hay các bệnh trường-phong-hạ huyết thì đại trường cũng ra máu (không nên nhận định sai lầm mà trị sai).

Trị bệnh Trĩ về phương pháp châm cứu cũng có thể trị, theo các phương pháp sau đây :

Châm liệu : Dùng các huyệt : Nhị-bạch, Trường-cường, Thủ-sơn, Đại-trường-du, Ký-móng, Thiên-ứng huyệt.

Cứu liệu : Dùng vị thuốc Phụ-Tử tán nhỏ làm thành miếng dày 2, 3 phân đeo trên mut trĩ cứu (tức cứu cách phu-tử), Cứ cách 2, 3 ngày cứu 1 lần, cứu 5, 6 lần, cứu đến nóng dừng để đau nhức lầm, làm cho mut trĩ hồng hoát lại mới hết.

Nếu toàn thân suy nhược nên cứu thèm Tỳ-du, Thận-du, Quang-nuyên Thúc-liệu. Mùn hạch tri lòi ra ngoài (ngoại tri) Cứu Bách-hội và Khổng-lối, Hoặc-châm Kỳ-môn, Nhị-bạch, Thừa-sơn, Trường-cường, cứu Bách-hội Kỳ-môn, Thừa-sơn, Thận-du, Mạng-môn.

Chúng tôi chỉ giới thiệu 1 phương pháp trị liệu về châm cứu, ngoài ra hiện nay đã có phương pháp Ngoại khoa tim thuốc làm rung tri rất hay không làm cho bệnh nhân đau đớn khó thở, như dùng Khô-tri-tán (tuy trị rung tri nhưng vẫn làm cho bệnh nhân đau đớn khó thở và có khi cũng không được kết quả mỹ mãn).

XXXX BỊNH DƯƠNG MAI.

Phụ nữ bị độc Dương-mai toàn thân ngứa, Nhức đầu :

Cô Tu 38 tuổi bị nhiễm dương mai độc, chỗ âm hộ phát ghê, toàn thân ngứa, đầu xây xâm, miệng hôi, đèn khô cò, đại tiện đau, kinh ít mà không đều.

Trị pháp : Dùng ngoại quyện cứu Khúc-trạch 40 phút.

Kết quả : Âm-hộ bớt ngứa, toàn thân bớt ngứa nhưng lại miệng khô quá (vì cứu hỏa nóng quá; nếu dùng đơn châm chắc không phản ứng).

Trị lần thứ 2 dùng ngoại quyện cứu Khúc-tri. Châm tam-âm-giao, Khúc-trạch, La-cung, Ủy-trung tả (rút kim huyết Khúc-trạch ra máu đen).

Kết quả : Cứu Khúc-tri xung quanh phát tê, 2 tay bớt ngứa. Các chứng lần lần hết hẳn.

Trị lý : Các chứng ngứa đều thuộc Tâm dùng huyết Khúc-trạch kinh Tâm-bao-lạc ngoại quyện cứu để giải mai độc nên ngày hôm sau âm hộ và toàn thân bớt ngứa; nhưng vì cứu quá nóng nên mới sanh khô cò, và sau châm lại Khúc-trạch lấy máu độc ra, lại châm tả các huyết giải độc và cứu Khúc-tri nên các chứng hết.

Bị độc Dương mai làm Âm hộ sưng làm độc.

Cô Trinh 25 tuổi bị chồng truyền độc dương mai làm Âm-hộ mọc mụn xung quanh làm độc nặng ra nước vàng, ngứa nhức khó chịu; trong âm hộ sưng chỗ tử cung đau, mỗi ngày dùng thuốc rửa Âm-hộ thì tiêu tiễn đau rất.

Trị pháp : Châm Khúc-tri, Huyệt-hài; Tam-âm-giao, Lao-cung tâ.
Kết quả : bớt ngứa.

Trị lần thứ 2 dùng ngại quyền cứu Trung-Cực, Châm Khúc-tri, Lao-cung, Tam-âm-giao tâ.

Kết quả : xung quanh âm-hộ bớt ngứa bớt mụn; tiêu hết đau, lần lần sau hết hẳn. (Nên nhớ ngại quyền dùng cứu trị mai độc dày có chết thuốc giải mai độc trộn với ngại dùng trị).

Bệnh dương mai độc phát ghẻ lòng bàn tay lở.

Bà Thành 50 tuổi bị độc dương mai phát ghẻ âm-hộ ngứa, lòng bàn tay mặt lở mای tháng, cã lưng bàn tay cũng ngứa, cách 4, 5 ngày làm não xày xầm, dùng dù thuốc vò hiệu.

Trị pháp : Châm Khúc-tri, Lao-cung, Tam-âm-giao, 1 huyệt tâ;

Kết quả : nǎo vưng giảm, lòng bàn tay bớt ghé.

Trị lần thứ 2, trị như trên.

Kết quả : Ghé tay hết, chỉ còn ngứa, lột da gần lành.

Trị lần thứ 3 dùng ngại quyền cứu Khúc-tri, Châm Tam-âm-giao, Đại-chung tâ. **Kết quả :** bình hoàn toàn hết hẳn.

Bị độc dương mai, dương vật lở.

Anh Châu 39 tuổi vì chơi hời 2 lần bị nhiễm độc dương mai phát bệnh toàn thân và tay chân đều phát ghé, cõi miệng, mũi đều lở, dương vật lở gần 1 phân tây, chảy nước vàng rất khò sờ.

Trị pháp : Châm Khúc-tri, Lao-cung, Tam-âm-giao (dùng 1 huyệt bên trái) tâ.

Kết quả : Qua 15 ngày sau cho biết chỗ dương vật hết lở, hết chảy nước vàng, các mụn ghé cũng bớt, nhưng tim cảm thấy nóng.

Trị lần thứ 2 : Châm Khúc-tri, Hiệp-cốc, Tam-âm-giao, Đại-lăng, Đại-chung, (cũng dùng 1 huyệt bên trái) tâ, cứu Thận-du, Can-du, Phế-du đều 3 tráng.

Kết quả : Qua 2 tuần sau lại cho biết ghé độc đã giảm bớt, hai bên miệng mũi hết nhiều.

Trị lần thứ 3 Châm Ủy-trung ra máu đen, châm tâ các huyệt : Khúc-tri, Hiệp-cốc, Tam-âm-giao, Dương-lăng-tuyễn (tổn bên trái).

Kết quả : về sau bệnh hết hẳn.

Bị mai độc nổi hạch ở han, phát sốt nặng.

Anh Van 21 tuổi bị bệnh dương-mai, cứ đến nửa xuân thì phát ghè độc đã 7, 8 năm, nay các chỉ ngón tay ngón chân đều nổi ghè làm mù ngón tay không co lại được, hán bên mặt nổi lên 3 cái hạch, lớn như hạt me, ghè phát ngứa, đêm càng ngứa dữ, nước đái đỏ uồng, thân sốt nặng, người đi hạ nan.

Trị pháp : Châm Khúc-tri, Lao-cung tà (xoay kim tà mồi huyết 6, 7 lần trong 4, 5 phút).

Kết quả : Bớt ngứa và chò hạch bớt đau, hết đi hạ nan, đêm ấy bớt ngứa, các chò chỉ tay hơi bớt, hết sốt, hạch chò hán cũng nhỏ bớt 1/2 (Bệnh nhơn còn thanh niên khỏe mạnh nên tà nhiều có kết quả, nếu bệnh nhơn lớn tuổi sức yếu không nên tá nhiều có hại).

Trị lần thứ 2 Châm Khúc-tri, Lao-cung tà (lần này xoay tà ít hơn).

Kết quả : Ngày sau hạch tiêu, ghè giảm.

Trị lần thứ 3 Châm tà Khúc-tri, Lao-cung, Đại-chung.

Kết quả : Đêm ấy ngủ yên, nước tiểu trắng, ghè và hạch bớt nhiều.

Trị lần thứ 4 Châm tà Khúc-tri, Đại-chung.

Kết quả : Sau mấy ngày bệnh lành hẳn.

Bị Dương mai độc 20 năm kèm đau tim, cốt nhục cứng đau tê.

Cô An 45 tuổi 20 năm trước bị chòng truyền độc dương-mai thâm nhập làm âm hộ lở 2 lần, gần đây độc lại tăng làm âm hộ sanh ghè lở ngứa như trùng bò; 2 bên hán ngứa gãi chà rịn nước mót dâng ngứa đầu vú ra nước độc, tại đ tim nóng, trời n âm bình càng nặng, tim đập mạnh có lúc làm nghẽn tắc, phát ho, ăn ít tiêu, lại miệng khô, cảm giác khi tim nhảy thi hơi độc nóng xung lên đầu, làm nứa bên đầu nặng, mặt mắt phù đau 1 bên, mắt chảy ghèn quòn, ghèn ra đầu thi ngứa, người chỉ nằm ngồi không vận động được, khi có kinh đicc rồi thi âm hộ ngứa, kinh nguyệt đèn ít, tay chân tê. Cố sanh mấy đứa con đều bị sưng phổi chết.

Trị pháp : Châm Khúc-tri, Nội-quang, Tam-âm-giao, tà. Trong uống thuốc đồng-y giải độc dương mai.

Kết quả : Sau 14 ngày lại cho biết khi trị xong về nhà độc công làm nóng sốt, ho, cõi nóng, bớt chảy nước mắt và ăn được.

Trị lần thứ 2 Châm Trung-cực, Lao-cung, Khúc-tri, Tam-âm-giao tà, thich Trung-xung, Thiếu-xung, Thiếu-thương ra máu.

Kết quả : Châm xong miệng bớt nóng, đêm ấy âm hộ ít nóng.

bach trọc ít, ngày sau độc công lên đầu làm đau 1 bên đầu (nhưng không xuất mồ hôi như trước).

Trị lần thứ 3 cách 3 ngày Châm Lao-cung, Khúc-trì, Tam-âm-giao, Trung-cực tà rồi dùng ngại quyền cứu Trung cực, 30 phút (nhờ cứu nhiệt lục vào bụng nên tim hết đập mạnh).

• Kết quả : Âm-hộ bớt ngứa, tim hết nóng.

Trị lần thứ 4 cách 4 ngày. Dùng ngại quyền pha thuốc trị mai độc cứu Khúc-trạch 20 phút. Kết quả tim nhẹ, âm hộ ghê bớt nhiều.

Trị lần thứ 5 cách 4 ngày Châm Lao-cung, Khúc-trì, Tam-âm-giao, Trung-cực tà và cũng dùng ngại quyền cứu Trung cực mấy phút.

Kết quả : Tháng này có kinh nhưng ra ít sau 3 ngày hết (trước kinh ra nhiều 5, 6 ngày mới hết) vây trước có kinh như làm băng nay đã khôi phục nhờ cứu trung-cực có kết quả).

Trị lần thứ 6 cách 4 ngày. Dùng ngại quyền pha thuốc cứu huyết Khúc-tuyền 40 Phút.

Kết quả Âm hộ phát ngứa, toàn thân ngứa, miệng bớt khát, nhiệt độc xung lên đầu nhưng nhẹ hơn.

Trị lần thứ 7 cách 3 ngày. Dùng ngại quyền cứu Khúc-trì, Huyết-hải, châm Ủy-trung ra máu.

Kết quả : về nhà xuất huyết nhiều, ghê bớt, nhiệt độc xong lên đầu bớt, ngũ được, hết chảy nước mắt.

Trị lần thứ 8 cách 4 ngày (hiện bình còn 2 bên âm-hộ ngứa, rát khô) Châm Đại-lăng, Chiếu-hải bỗ, Khúc-trì, Tam-âm-giao, Tuyệt-cốt tà.

Kết quả : Âm-hộ ghê bớt, ngực bớt ngứa, lần này độc cũng công lên đầu nhưng nhẹ hơn).

Trị lần thứ 9 cách 3 ngày. Hiện tim khó chịu, mệt suyễn độc công lên đầu mặt. Châm Nội-quang, Tam-âm-giao bỗ, Kết quả : bớt ho, bớt mệt.

Trị lần thứ 10 cách 3 ngày. Châm trị như trên. Kết quả : hết ngứa.

Trị lần thứ 11 (hiện còn ngực nóng, các chứng giảm bớt).

Dùng ngại quyền cứu Trung-uyền châm Nội-quang, Tam-âm-giao tà, thích Quang-xung, Thiếu-xung, Thái-dương, Tú-trúc không ra máu.

Kết quả : Cứu Thương-uyễn cảm giác đỡ chịu ngọt-nhỏ và ghê hết, ngực cũng hết nôn.

Trị chứng này sau 1 châm tri lần thứ 7, ra mồ hôi nhiều ấy là độc bình xuất nên các lần sau đều lần lần nh.

Sau tiếp tục thay đổi trị đến cả thảy 24 lần các bệnh đều lần lần tiêu giảm và độc ra hết. làm việc khỏe như thường.

Bệnh dương mai độc phát dương vật sưng làm ghè, tiểu tiện đau, qắt.

Ông Lâm 54 tuổi năm trước bị nhiễm độc dương-mai phát chỗ bung dưới sanh ghè sau thâm nhập vào trong, nay dương vật phát sưng, sanh ghè, đầu âm hành sưng to, đi tiểu buốt đau.

Trị pháp : Châm Khúc-tuyền 2 huyệt tà xoay kim 5 phút.

Kết quả : Bớt nhẹ.

Trị lần thứ 2, như trên thêm Thái-xung tà và lru.kim.

Kết quả : Âm-hành hót xung giảm phân nữa, nhưng lại sưng chàu.

Trị lần thứ 3, như lần thứ nhất.

Trị lần thứ 4 như lần thứ 1 thêm huyệt Phục-lưu bò.

Kết quả : Mụt ở Âm-hành hết sưng, chân xop, vì bò Phục-lưu nên có công hiệu).

Trị lần thứ 5, 6, 7, như trên lưu kim 3 giờ. Lần này lưu kim lâu rất hiệu nghiệm, bớt nhiều).

Trị lần thứ 8 Châm Phục-lưu bò, Khúc-tuyền, Trung-cực tà.

Kết quả : Bụng dưới có 1 lỗ phát ra mũ (nội độc xuất) hết thủng, ghè âm hành hót.

Trị lần thứ 9, 10. Châm Phục-lưu, Tam-Âm-giao bò, Khúc-tri, Trường-cường tà. Kết quả : tiểu tiện khi đi bớt đau, nhưng dứt thì buốt.

Trị lần thứ 11. Châm Phục-lưu, Tam-Âm-giao, Trung-cực bò, Khúc-tri tà.

Kết quả : Khi châm bên trái thì âm hành bên trái bớt, châm qua bên mặt thì bên mặt xop, tiểu tiện bớt đau nhiều.

Trị tiếp đến lần thứ 14 cũng y như trên.

Kết quả : Hết ghè và âm hành lành miệng bình phục.

Phụ nữ bị độc dương mai làm âm hộ sưng phồng lở, chân run dữ.

Cô Anh 20 tuổi bị nhiễm độc dương-mai làm âm hộ phồng lở sưng nhức, chảy mủ, vì đua quá nên chân mặt phát run dữ hoài, kinh 2 tháng không có.

Trị pháp : Châm Trung-cực, Khúc-tri, Lao-cung, Tam-âm-giao-tả.

Kết quả : Khi châm chân mặt bớt dữ run, ghê hết đau, bớt sưng.

Trị lần thứ 2. Châm trị như trên. Kết quả : Bớt sưng, ít chảy mủ, nhưng trong âm hộ còn đau.

Trị lần thứ 3. Châm Trung-cực, Tam-âm-giao, Khúc-tri, Lao-cung, Hành-gián-tả.

Kết quả : Về sau hịnh lần lần hết hẳn bình phục.

Bệnh dương mai độc làm Âm-hộ phát ghê nhức khó chịu.

Cô Tân 28 tuổi vì bị chồng cộp độc dương mai truyền sang làm 2 bên âm hộ sưng ghê, nhức ngứa khó chịu, đã 3 tháng, mặt mệt vàng, ho, kinh sắc đen.

Trị pháp : Châm Khúc-tri, Lao-cung, Khúc-tuyễn, Tam-âm-giao-tả.

Kết quả : Ghê hết nhức, mặt bớt mệt.

Trị lần thứ 2 Như trên. Kết quả : Ho bớt, Ghê bớt.

Trị lần thứ 3 cũng như trên.

Kết quả : ngày sau hết ngứa, ghê hết.

Trị lần thứ 4 như trên : nhưng thời gian tả lâu hơn.

Kết quả : sau chở về nồi lên 1 vè đồ (độc bài tiết ra). Ghê âm-hộ bớt nhiều.

Trị lần thứ 5 Châm Nội-quang 2 huyệt tả. Cửu, Trung-uyễn, Hỷ-uyễn, Chiên-trung, Chương-mòn Túc-tam-lý đều 3 tráng.

Kết quả : Ngày sau giảm nhiều, âm hộ hết, ăn ngon bình phục hẳn.

Bệnh Mai độc phát tay chân và dái làm ghê độc.

Anh Lành 31 tuổi bị độc dương mai làm tay chân và dái (chỗ

thân bộ) phát ghê dộc, sưng nhức, nóng, chảy nước vàng phát nóng lạnh, tim nóng miệng khát nước.

Trị pháp : Châm Khúc-trì, Đại-lăng, Khúc-uyền, Tam-âm giao tà.

Kết quả : Các chứng hơi giảm.

Trị lần thứ 2 như trên.

Kết quả : Ghê bớt ít chảy mủ và nước vàng, bớt nóng lạnh.

Trị lần thứ 3; Trị như trên. Các mủ ghê bớt nhiều.

Trị lần thứ 4, 5, Cũng trị như trên thêm Thái-xung, Xich-trạch tà, (vì tay chân phát ra mủ nhỏ chảy nước vàng, nên châm thêm các huyệt này, tay chân bớt ngay).

Trị lần thứ 6. Cũng trị như lần thứ 1 thêm Thái-xung tà.

Kết quả : Tay chân ghê đều bớt nhiều, tay hết đau.

Trị lần thứ 7, 8 trị như trên. Kết quả Chân cũng bớt nhiều.

Trị lần thứ 9 Trị như trên (Tay chân lại ra mủ ngừa toàn thân cũng ngừa).

Trị lần thứ 10 cũng như trên, phản ứng toàn thân ngừa phát sốt.

Trị lần thứ 11, 12 như trên. Kết quả ghê bớt khô miệng.

Trị lần thứ 13 Cũng như trên. Giảm bớt nhiều.

Trị lần thứ 14, 15, cũng như trên kết quả chân bớt nhiều.

Trị lần thứ 16, 17, 18, cũng như trên. Kết quả chân toàn hết ngừa, nhưng dưới đầu gối còn sưng thủng.

Trị tiếp 10 lần nữa cũng như trên bình mới hoàn toàn bình phục. Bình Dương mai độc đã thâm nhập sau châm trị đều phát ban chân, nên tiếp tục trị mãi đến hết độc thì mới lành hẳn được.

Dương mai dư độc phát chân sanh ghê lưng đau.

Anh Minh 26 tuổi bị dương mai dư độc này 2 chân sanh ghê, ngừa, đau lưng, mất ngủ.

Trị pháp : Châm Thần-môn, Phục-lưu bồ, Khúc-trì, Tam-âm-giao, Nội-quang tà.

Kết quả : ngủ được, Bớt ngừa.

Trị lần thứ 2 trị như trên thêm Hiệp-cốc tà.

Kết quả : Các bệnh đều nhẹ hẳn không trị nữa.

Bệnh Dương mai làm độc sưng Quy đầu.

Ông Sơn bị dương mai làm quy đầu sưng, chò lò tiều có nốt mọc hạch lần lần 1 năm phát lớn làm lò tiều hể tắc, đi tiều rất khó khăn, uống thuốc không công hiệu.

Trị pháp: Châm Trung-cực, Tam-âm-giao Thái-xung.

Kết quả : Mọc hạch ở quy đầu nhỏ lại, đi tiều hết đau.

Trị tiếp lần thứ 2 bệnh hoàn toàn hết hẳn.

A.— XXXXI GHÈ LỞ NGOẠI KHOA GHÈ ĐỘC NGOẠI THƯƠNG.

Trị bệnh đầu gối sanh ghè sưng nhức :

Anh Phước 22 tuổi đầu gối nóng sưng đỏ ngứa chảy nước vàng dùng thuốc không công hiệu.

Trị pháp : Châm Khúc-tri, Đại-lăng, Khúc-tuyền, Tam-âm-giao tâ pháp.

Kết quả : Chân giảm bớt sưng, bớt nhức.

Trị lần thứ 2 Y như trên. **Kết quả :** bớt nhiều, nước vàng cũng bớt.

Trị tiếp lần thứ 3. Đầu gối xẹp hết hẳn.

Trị bệnh sau cò có ghè nhức đầu.

Anh Trạch 37 tuổi phía sau cò và mặt cò ghè bệnh dây dưa 20 năm không nhẹ, có khi phát sốt làm nhức đầu xoay xầm, thần trí mê-mệt.

Trị pháp : Châm Phong-phủ, Khúc-tri, Tam-âm-giao, Đại-lăng, Khúc-tuyền; Hiệp-cốc tâ pháp.

Kết quả : Ghè khô, đầu bớt xoay xầm.

Trị lần thứ 2. Y như trên, **Kết quả :** Tinh thần khỏe bớt nóng.

Trị lần thứ 3 Cũng trị như trên, **Kết quả** ghè trên mặt hết.

Trị lần thứ 4 Cũng trị như trên.

Kết quả : Ghè bớt nhiều, đầu bớt xoay xầm.

Tiếp trị luôn đến lần thứ 8, 9, 10 đều cũng y như trước, bệnh hoàn toàn bình phục.

Bệnh mu bàn tay sưng nhức.

Cô Hoa 31 tuổi mu bàn tay mặt ban đêm tự nhiên sưng nhức.

Trị pháp : Châm Trung-chữ. **Kết quả** Hết sưng, hết hẳn.

Bệnh lòng bàn tay có ghẻ kiêm bệnh ho:

Ông-Chương 61 tuổi trong lòng bàn tay đều sanh ghẻ.

Trị pháp : Châm Lao-cung, Đại-lăng, Khúc-trì, Hiệp-cốc tà.

Kết quả : Ghé hết, do giảm.

Bệnh cùi chỏ sanh ghẻ ngứa, tay không hoạt động được.

Cô Thành 37 tuổi phía trong cùi chỏ tay mặt trên dưới đều phát ghé, 7, 8, mạt, lở nỗi cao lên, ngứa rợ rát như trùng bò, mủ Đóng vảy ; ghé sưng đỏ, tay không hoạt động được.

Trị pháp : Châm Khúc-trì, Tạm-âm-giao tà, thích Thiếu-xung Thiếu-trạch, ra máu, ngoài dán thuốc cao.

Kết quả : bớt nhức, tay hoạt động dưới xuống được (trước chỉ co).

Trị lần thứ 2. Trị như trên. Kết quả : Mủ giảm nhiều.

Trị lần thứ 3 Châm Khúc-trì, Lao-cung,

Kết quả : sưng bớt nữa, nhức giảm, ghé lớn tóm miệng; ghé nhỏ bớt mủ.

Trị lần thứ 4. Trị như trên. Kết quả : Bớt nhức tay vận động tự nhiên.

Trị lần thứ 5 Trị như trên. Kết quả : Ghé khô bớt nhức.

Trị tiếp 2 lần nữa bệnh hết hẳn.

Trị nách sanh ghé.

Anh Quý 26 tuổi nách bên trái phát mọc ghé như núm vú định dã 7, 8 ngày.

Trị pháp : Châm Khúc-trì, Kiên-tinh, Túc-lám-khấp, Thái-xung Đại-lăng. Kết quả : Ghé nhỏ lại.

Trị lần thứ 2 Trị như trên bệnh hết hẳn.

Chân sanh ghé lở.

Bà Châu 50 tuổi Chân bên trái chỏ gối bên trong phát ghé đã phá mủ ; sưng nhức.

Trị pháp : Châm Tam-âm-giao, Khúc-trì, Nội-quang, Phục-thổ (gân mạc ghé). Kết quả : Châm trị xong tối ra huyết độc nhiều, hết sưng, ngày sau ghé bớt.

Trị tiếp 1 lần nữa y như trên. Bệnh hết hẳn.

Bệnh Ông chân sanh ghé.

Cô Anh 49 tuổi hai ống chân sanh ghé, ban đầu nỗi

đã ngừa chảy nước vàng, lão lão sanh nhiều mọt, tay phát ngứa, tay bụng.

Trị pháp : Châm Thái-xung, Tam-âm-giao, Khúc-tuyền bên cái.

Khúc-tri Lao-cung bên hặt đều tả.

Kết quả : Hết nhức bớt ngứa.

Trị lần thứ 2 Trị như trên. Kết quả : Tay hết ngứa, hết đau bụng, ghè hết sưng, hết nhức, tóm miệng giàn lành.

Trị lần thứ 3 cũng trị như trên. Bình hoàn toàn bình phục.

Chân phát thấp xang, không để chân xuống được.

Cháu Hoa 11 tuổi. Ông chân bên trái sưng, mẩy ngón chân nòi mọt ghè trong bóng, không để chân xuống dắt được, phía sau mắt cá sưng nhức, từ huyệt Lệ-doài sưng đỏ.

Trị pháp : Châm Khưu-hư, Khúc-truyền, Phong-long, Thích-ần-bach, Lệ-doài ra máu.

Kết quả : Đêm ấy ngứa ít.

Trị lần thứ 2, thứ 3 Trị y như trên thêm Huyệt Côn-lòn.

Kết quả : Sau các chỗ ghè khô, duy chỗ Huyệt Hiệp-khé sưng.

Trị lần thứ 4 Châm Thái-xung, Nội-dinh, Túc-lâm-khấp, cùu Túc-bách-phòng. Kết quả : Ngày sau các ngón chân ngứa, cùu cái mọt ghè chỗ mắt cá hơi khô bớt nhiều.

Trị lần thứ 5 Châm Huyệt-hải, Nội-dinh, Túc-lâm-khấp.

Kết quả : Ngày sau các chỗ gót và giàn huyệt Dũng-tuyền, Thác bạch, lại có nòi mọt (thương bào).

Trị lần thứ 6 Châm Huyệt-hải, Phong-long, Thương-khưu. Cùu Túc-bách-phòng, Thái-khé, Công-tôn.

Kết quả : Bình hoàn toàn bình phục.

Ngón chân gót chân sanh Thấp xang.

Anh Thành 25 tuổi 2 chân các ngón và gót chân sanh ghè chảy nước.

Trị pháp : Châm huyệt Huyệt-hải. Kết quả ngày sau hết ngứa ghè khô.

Mát cá chân sanh ghè chảy mù không lành.

Anh Quang 48 tuổi mát cá chân mạt phia trong phát ghè nhát lở dùng áu-dược không hết nay lại chảy mù.

Trị pháp : Châm Tam-âm-giao, Thủ-khé, Khúc-trì, Đại-lăng.

Kết quả : Chảy mủ ít.

Trị lần thứ 2 như trên. Kết quả hết nước vàng.

Trị tiếp 2 lần nữa và dùng cao dán ngoài, bình hết hẳn.

(3) Nhiễm độc Dương-mai phát ghẻ :

Anh Nguyễn 48 tuổi, lúc nhỏ bị độc giang mai, nay phát chửng lậu chưa nhẹ. Thêm phia dưới mũi, Tai, đều sanh ghẻ, 2 gót chân đau nhức, đầu xoay xầm.

Trị pháp : Châm Tam-âm-giao, Phục-lưu bồ, Đại-lăng, Khúc-trì tả.

Cứu Bách-hội, Phong-trì, Thượng-tinh, Thần-dịnh, Án-dương, Thái-dương, Thần-du, Tình-cung, Mạng-mòn, đều 3 tráng.

Kết quả : Hai chân bớt nhức, Đầu xoay xầm giảm nhẹ ?

Trị lần thứ 2 (hiện bệnh phía bên vú trái và vai lưng tê đau).

Trị như trên trừ Đại-lăng, Thêm Nội-quang tả.

Kết quả ghẻ bớt vai lưng bớt đau.

Trị lần thứ 3 trị như trên thêm Nhơn-trung tả.

Kết quả : Các chứng hoàn toàn hết hẳn.

Bệnh nhù ung, vú sưng nhức.

Cô Thanh 17 tuổi vú bên trái sưng trên 10 ngày, bây giờ đau nhức như đòn đập, chảy mủ.

Trị pháp : Châm Kiên-tinh, Du-phù, Uỷ-trung, Tam-lý, Đại-lăng đều tả.

Kết quả : Vú sưng giảm.

Trị lần thứ 2 Trị như trên. Kết quả hết nhức hết mủ nhẹ hẳn.

Rún làm ghé.

Anh Tiên 28 tuổi trong rún sưng đỏ nổi cao lên, nhức nhối, chảy mủ bình đã 16 ngày.

Trị pháp : Châm Nội-quang, Mạnh-du, Khúc-trì, Tam-âm-giao Âm-giao, tả.

Kết quả : Hết nhức hết mủ nhẹ hẳn còn nước vàng.

Trị lần thứ 2 Trị y như trên bình hết hẳn.

Tuyến vú sưng.

Thị Đoan vì con bú làm vú phát nồng sưng cứng, sưng ra tí.

Trị pháp : Dùng ngai quyền cứu các chỗ vú-sưng cứng làm chỗ sưng mềm, sưng chảy, bình hết ngay.

Phương pháp này đã trị nhiều người công hiệu.

Bộ phận sinh dục phát mọc ngứa.

Anh Bình 35 tuổi bộ phận sinh dục phát mọc ngứa, bình dã hơn 1 năm.

Trị pháp : Châm Tam-âm-giao, Khúc-tuyên tả.

Kết quả : Hết ngứa. Tiếp trị lần thứ 2, bình hết hẳn.

Bộ phận sinh dục ngứa chảy nước.

Anh Chánh 48 tuổi bộ phận sinh dục và tại giang môn sưng ngứa chảy nước.

Trị pháp : Châm Đại-lăng, Khúc-tri, Tam-âm-giao tả.

Kết quả : chỗ giang môn hết ngứa hết nước vàng.

Trị lần thứ 2 trị như trên. Các chứng giảm nhiều. Tiếp trị 1 lần nữa bình hết hẳn.

Đàn bà bộ phận sinh dục ngứa.

Cô Thịnh 48 tuổi bộ phận sinh dục và giang môn ngứa sưng

Trị pháp : Châm Đại-lăng, Khúc-tri, Tam-âm-giao tả.

Kết quả : Chỗ giang môn; hết ngứa.

Trị lần thứ 2 Châm Khúc-tri, Tam-âm-giao, Trung-cực, Đại-lăng tả.

Tiếp trị luôn 1 lần nữa như trên bình hết hẳn.

Đàn bà bộ phận sinh dục và hán sanh mọc ngứa.

Cô Lương 41 tuổi vì chồng có bệnh dương mai, nên truyền cho cô ta làm bộ phận sinh dục và hán sanh ghẻ ngứa.

Trị pháp : Châm Khúc-tri, Lao-cung ; Tam-âm-giao tả.

Trị tiếp kết quả sau 14 ngày bình hết hẳn.

Bệnh trĩ mò rồi sau làm nhức chảy nước vàng.

Anh Châu 45 tuổi bệnh trĩ lớn phải mò, bây giờ lại nhức, chảy nước vàng không ngồi đứng được.

Trị pháp : Châm Tam-âm-giao, Phục-lưu, Khúc-truyền bồ.

Kết quả : Hết nhức di dừng hành động được (bình nhơn vì yếu nên châm tâ sợi sanh vựng châm phải châm bồ).

Trị lần thứ 2 cũng như trên.

Kết quả : bây giờ ngồi được (trước không ngồi được), vận động dễ, nước vàng bớt.

Tiếp trị lần thứ 3 cũng như trên bình hoàn toàn bình phục.

B GHÈ ĐỘC

Bệnh khớp cùi chỏ hóa mủ làm độc.

Cô Lang 14 tuổi bịnh chõ cùi chỏ tay trái lở đã 1 năm, đầu khớp cùi chõ có 2 lỗ chảy mủ, cùi chõ sưng to cứng, từ đó đến đầu ngón tay thẳng đỡ cứng, 6, 7, tháng không vận động gì được, lòng bàn tay sưng to.

Trị pháp : Châm Khúc-trì, Xích-trạch, Hiệp-cốc, Tam-âm-giao, phía bên đau hò, chõ ghè dùng cao dán.

Kết quả : Mủ ra rất nhiều.

Trị lần thứ 2 cách 2 ngày trị 1 lần. Trị như trên.

Kết quả : Cùi chõ phát ngừa đau, bàn tay cánh tay ngừa.

Trị lần thứ 3 cũng như trên. Khi châm các huyệt tê rần đến cùi chõ làm mủ chảy ra rất nhiều.

Kết quả : cùi chõ hơi mềm bớt sưng.

Trị lần thứ 4 cũng trị như trên.

Kết quả : Khi châm huyệt Xích-trạch vào tê đến ngón tay trỏ, tay động đầy được và bớt đau bớt nhức.

Trị lần thứ 5 trị như trên. Kết quả : về nhà tay sưng bớt nhức.

Trị lần thứ 6 trị như trên. Kết quả : tay đưa cao ngang vai được, bớt đau bớt nhức.

Trị lần thứ 7 Châm Tiêu-hài, Thiếu-hài, Nội-quang, Khúc-tri bồ.

Trị lần thứ 8 như trên Thêm Khúc-trạch, Thiên-tinh bồ.

Kết quả : tay dễ xuống không đau nữa.

Trị lần thứ 9 cũng trị như trên; (kết quả bàn tay xop khô mặt).

Trị lần thứ 10, 11. Trị như trên Kết quả tay xop hết sưng.

Trị lần thứ 12 trị như trên.

Kết quả : Tay co lại được, xoay trổ được, co ngón út và ngón trỏ được.

Tiếp trị như thế đến lần thứ 16. Châm Trung-chữ, Nội-quang, Ngoại-quang, Thiên-tinh, Khúc-tri, Tiêu-hải.

Kết quả : Tay đưa cao lên đầu được và co được, ngày ấy lại đi cầu 7, 8, lần, phát sốt ra mồ hôi (ấy là đặc tích bài xuất ra được).

Trị lần thứ 17 trị như trên.

Kết quả : Các ghe đều xẹp hết, cùi chỏ hết đau, ăn uống khỏe, dai tiễn như thường.

Về sau trị tiếp như thế 8 lần nữa, các chứng đều hết hẳn.

Bệnh khớp xương cùi chỏ sưng và chân phát độc.

Cô Quỳnh 22 tuổi khớp cùi chỏ tay mặt sưng, nhức không đưa lên được tay co không dỗi ra được, chân bèn trái lại phát 2 mut độc, chảy mủ đã nữa năm nay, đi đường thì mệt, phát ho đêm thường khò cổ, dai lúu tiêu tiện gắt.

Trị pháp : Châm Khúc-tri, Tam-âm-giao, Lao-cung, Hiệp-cốc, bđ.

Trong uống thuốc giải độc ngoài dân thuốc cao.

Kết quả : Tay đưa ra sau đầu được.

Trị lần thứ 2 như trên. Kết quả : Đi mệt hết ho, tay mặt cử động được ghê bớt mủ, trắng nhuận.

Trị lần thứ 3 như trên. Kết quả cùi hết khô, chân mặt di được (trước không bước được thẳng, chỉ nhót chân không chấm đất), bớt nhức.

Trị lần thứ 4 cũng trị như trên.

Kết quả : Tay, cùi chỏ hết đau, chân ghê xẹp.

Trị lần thứ 5. Châm Khúc-tri, Tam-âm-giao, Lao-cung, Uyền-cốt.

Kết quả : Hoạt động mạnh được ghê hết mủ, làm da non.

Trị lần thứ 6 trị như trên. Kết quả ghê tay cùi chỏ hết, chân gần lành.

Trị lần thứ 7 Trị như trên. Kết quả : Bệnh hết hẳn.

Tay phát hạch chảy nước vàng không hết.

Bà Khôn 58 tuổi 20 năm trước, tay chân hay nồi hạch; chỏ bên dit nồi hạch lở gần 2, 3, tắc, đắp thuốc cứ chảy mủ luôn không hết, đến nay dưới cùi chỏ tay mặt còn 1 mut, cánh tay còn 1 mut, nói ngược cũng có.

Trị pháp : Châm Tam-Âm-giao, Khúc-tri, trên müt hạch dùng
ngai quyện cứu 3 phút, dán Thái-Ất-cao.

Kết quả : Bớt sung, nước vàng ít.

Trị lần thứ 2 Cách 1 ngày trị 1 lần. Trị y như trên.

Kết quả : Müt hạch cùi chỏ hơi nhỏ, nước vàng bớt nhưng lại
đau nhiều.

Trị lần thứ 3 như trên Thêm Nội-quang.

Kết quả : Đau nhức nhiều, ít nước vàng nhưng ròi ra máu bầm
mới bớt nhức, Các müt hạch nhỏ bớt đau.

Trị lần thứ 4 : Trị như trên.

Trị lần thứ 5 Châm Khúc-tri, Côn-lon, Chiếu-hải.

Kết quả : Cùi chỏ co thì lại nhức, chân lại đau.

Trị lần thứ 6 Châm Khúc-tri, Tam-Âm-giao, Thủ-tam-lý, Phong-thi.

Kết quả : Tay chân bớt đau; miệng ghê bằng mặt, lại hết chảy
nước.

Về sau liên tiếp châm bồ Khúc-tri và Tam-Âm-giao mấy lần nữa.

Các hạch ghê đều tiêu hết, bình phục hẳn.

Ngực phát ghê độc chảy nước không lành miệng.

Ông Vinh 50 tuổi nơi ngực chỗ huyệt Hoa-cài nổi ghê phá 1 lò
chảy nước vàng, ban đầu lành miệng nhưng sau cũng phát lại dán
thuốc mãi không lành.

Trị pháp : Châm Khúc-tri, và Thái-uyên bên trái bồ pháp.

Kết quả : Hòn sau tai miệng ghê có 1 cục mũ lớn.

Trị lần thứ 2 trị như trên. (Sau anh này không lại trị nữa).

Chứng này không lại trị nữa, nhưng cũng có thể bớt được,
tuy vậy nơi ngực không có thịt nhiều, cũng khó lành hẳn,
thường chảy nước vàng ít mũ đó là trạng thái (hàn huyệt) cần
châm trị làm cho tăng sức đề kháng diệt trùng dùng 2 huyệt
Khúc-tri, Thái-uyên có công hiệu.

Trên bàn chân sanh ghê độc.

Bà Xương 45 tuổi trên bàn chân mặt sanh ghê độc, nhức, có
nhiều müt chảy nước vàng, đã 3 năm dùng đủ thuốc không công
hiệu, có chỗ thâm đen.

Trị pháp : Châm các huyệt : Giải-khê, Khuu-hư, Thái-xung, Túc-lâm-khấp, Chi-Âm, Chiếu-hải, Tam-Âm-giao.

Châm trị 1 ngày nghỉ 1 ngày trong thời gian hơn 1 tháng (15 lần châm trị). Bệnh hoàn toàn hết hẳn, các chỗ thâm đen cũng trắng lại, không còn sẹo và thâm nữa, nhưng còn hơi té (chưa biết đau khi véo ngắt).

Tiếp trị châm bò Tam-Âm-giao và Thái-xung, 3 lần bình hể hẳn.

Phụ chú : Các bệnh hạch và ghẻ độc trên dây dùng thuốc không hết mà vẫn nhờ Châm cứu trợ giúp nên có kết quả, có bệnh lúc châm trị có khi phát đau nhức dữ, nhưng rồi sau cùng hết, vậy dừng nên ngộ nhận không công hiệu mà không trị, cứ tiếp tục châm trị mãi (xem cách trị các bệnh trên), cho đến khi độc phát ra hết thì hoàn toàn bình phục ngay.

C. BỊNH NGOẠI THƯƠNG

Bệnh lưng bị thương đau đã 2 năm.

Anh Tư 35 tuổi 1 năm trước nhơn làm lao động bị thương ở lưng đau nhức phía bên trái, dưới dài hay ra mồ hôi ướt khó chịu.

Trị pháp : Châm Phúc-lưu, Phi-dương bò, Ủy-trung tà. Cứu Thận-du, Tinh-cung 5 tráng, Mạng-môn 3 tráng.

Kết quả : Lưng hết đau, Dài hết ra mồ hôi.

Lưng bị cúp xương sống đau nhức.

Anh Lân 42 tuổi năm trước nhơn xách vược làm cúp xương sống lưng cả ngày đau nhức, khó đi đứng, đến nay chưa hết.

Trị pháp : Châm Ủy-trung tà. Tê thấu đến lưng.

Trị lần thứ 2 Châm Hoàn-khiêu, Ủy-trung tà, chỗ huyệt Ủy-trung có nồi gân châm ra máu.

Kết quả Châm Hoàn-khiêu tê rần đến lưng 4, 5 tắc rồi lần lần hết đau. Sau hết hẳn.

Lưng sưng nhức vì quá vận động.

Anh Hòa 33 tuổi vì làm lao động cổ ráng quá sức bị cúp xương sống chỗ lưng bị sưng nhức.

Trị pháp : Châm Đại-chúy, Hậu-khê, Ngoại-quang bò,

Kết quả : lưng bớt đau nhức 8/10, nhưng sau trở lại.

Trị lần thứ 2 trị như trên. Bình hết hẳn.

Cong lồng lấy đồ quá sức làm lồng đau nhức.

Anh Thương 48 tuổi nhơn cong lồng lấy đồ vận động quá sức
tầm chồ Mạng-môn đau cứng.

Trị pháp : Châm Nhơn-trung, Mạng-môn tr., Cứu Mạng-môn,
Thận-du 3 trán.

Kết quả : hôm sau chồ ấy lại đau dữ.

Trị lần thứ 2. Cũng trị như trên, thêm cứu Bác-liêu, Hoàn-
khiêu, Trường-cường đều 3 trán.

Kết quả : bình hoàn toàn hết hẳn.

Bị đánh ở ngực hông bị thương.

Ông Vịnh 60 tuổi bị người đánh chồ hông, ngực 20 ngày làm
đau nhức.

Trị pháp : Châm Khúc-tri, Nội-quang, Thái-uyên, Hậu-khê.

Kết quả : giảm nhẹ.

Trị lần thứ 2 trị như trên. Bình hết hẳn.

Bụng bị thương ứ huyết.

Cô Anh 20 tuổi năm trước bị đá nhắm bung dưới làm cho
bên bụng đau, ăn vào không xuống, trong cô uồi 1 cục lớn (ứ
huyết).

Trị pháp : Châm Trung-cực, Khúc-tuyên; Tử-cung tả, Khúc-
tri hò.

Kết quả : Bớt đau nhức, ngày sau đi cầu ra 1 cục máu bung
đầu ngón tay. **Trị lần thứ 2 trị như trên. Bình hết hẳn.**

Tay bị thương ngón tay không vận động được.

Ông Thành 50 tuổi, Quay xe tay mặt, đau đến trong nách hơn
tháng sau m ấy ngón tay thẳng cứng không co được.

Trị pháp : Châm Ngoại-quang, Nội-quang, Hiệp-cốc, Khúc-tri
và.

Kết quả : Ngón tay hoạt động được nhưng nách còn đau.

Trị lần thứ 2 Châm Nội-quang, Ngoại-quang hò, Khúc-tri, Hiệp-
cốc, tà.

Kết quả : Bớt nhức, Trị tiếp 1 lần nữa bình phục hẳn.

Tay cánh tay sưng nhức.

Anh Hoa 30 tuổi năm trước tay trái vì dùng lực vận động quá mạnh bị trặc làm sưng nhức.

Trị pháp : Châm các huyệt Hiệp-cốc, Ngoại-quang, Tử-dộc, Khúc-tri, Trâu-tiêu tả.

Kết quả : Trước châm các huyệt Hiệp-cốc Ngoại-quang, Tử-dộc sau châm Khúc-tri, châm vào đau quá chịu không nổi gần khóc, nhưng xoay tay tiếp 2 lần chỗ sưng bớt nhức.

Trị lần thứ 2 trị như trên. Kết quả : bớt nhức sưng giảm nhiều.

Trị lần thứ 3 trị như trên. Bình hết hẳn.

Bị thương cườm tay sưng cứng.

Cô Thanh 45 tuổi tay mặt bị thương chỗ cườm tay sưng cứng 2 tháng không vận động được.

Trị pháp : Châm Hiệp-cốc, Ngoại-quang, Thái-uyên Đại-lăng, Dương-cốc, tả. Kết quả : Cườm tay vận chuyển được.

Trị tiếp lần thứ 2 y như trên bình hết hẳn.

Nách bị trặc, tay không đưa lên được.

Bà Tô 53 tuổi chỗ nách bị trặc đau nhức, tay không đưa lên được, không cầm nắm được.

Trị pháp : Châm Nội-quang, Ngoại-quang, Khúc-tri, Túc-lâm-khấp, Đại-chủy, xoay vận kim tay pháp.

Kết quả : Nách hết đau nhức, tay hơi cử động được.

Trị lần thứ 2 trị như trên.

Kết quả : tay hoàn toàn đưa lên cao được và cầm nắm được như thường.

Hai cánh tay bị thương co lại không đưa lên được.

Bà Khuôn 58 tuổi hai cánh tay nắm ngoài bị thương đau nhức co lại không đưa lên được, tim hồi hộp đập mạnh, nứa đêm mè mệt.

Trị pháp : Châm Kiên-ngung tả, Túc-tam-lý bồ.

Kết quả : Châm 2 huyệt Kiên-ngung công tay xong tay đưa lên được.

Sau Châm bồ huyệt Túc-tam-lý, Tim hết hồi hộp.

Trị tiếp 1 lần nữa bị thương sưng lở.

Ngón tay giữa bị thương sưng lở.

Cháu Nguyễn 14 tuổi ngón tay giữa tay trái bị đánh sưng nhức phát làm mủ.

Trị pháp : Châm Ngoại quang, Đại-lăng, Khúc-trí tà.

Kết quả : bớt đau, đầu ngón tay ra mủ.

Trị lần thứ 2 Châm Hiệp-cốc tà, dán thuốc cao bạc độc.

Kết quả : Ngày sau hết nhức. Trị tiếp 1 lần nữa như trên hết hẳn.

Tay bị đánh khớp cùm tay sưng nhức.

Bà Hân 54 tuổi tay trái bị đánh chỏ khớp cùm tay sưng nhức 3 ngày.

Trị pháp : Châm Nội-quang, Hiệp-cốc, Khúc-trí tà.

Kết quả bớt nhức.

Trị lần thứ 2 Châm Nội-quang bồ, Đại-lăng, Hiệp-cốc, Khúc-trí tà.

Kết quả : Không phản ứng, (vì bị thương nặng tà ít nên không kết quả).

Trị lần thứ 3 Châm Xích-trạch, bồ, Đại-lăng, Nội-quang, Hiệp-cốc tà.

Kết quả : hết hẳn.

Chân đầu gối phía trong sưng nhức.

Cô Thanh 23 tuổi bị đánh phía trong đầu gối chân trái bị thương sưng nhức.

Trị pháp : Châm Khúc-tuyền tà. Kết quả hết sưng hết nhức.

Đầu gối té trặc sưng nhức.

Cháu Sinh 14 tuổi phía trong đầu gối bị té trặc sưng nhức.

Trị pháp : Châm Thái-xung, Tam-ám-giao tà.

Kết quả : bớt nhức.

Trị lần thứ 2 như trên ; bình hết hẳn.

Bịnh đánh chân sưng nhức làm đầu xoay xẩm.

Anh Hán 22 tuổi chân bị đánh sưng nhức, mỗi lần đau công lên đầu làm xoay xẩm.

Trị pháp : Châm Dương-lăng, Tam-ám-giao, Tuyệt-cốt đều bồ, Âm-thị, Túc Tam-lý tà. Cứu Phong-thị, Dương-lăng, Âm-thị Tuyệt-cốt, Khuu-hư, Thái-xung, Còn-lòn, Phục-lưu, Phục-thổ đều 5 tráng,

Kết quả : Hết sưng nhức.

Trị lần thứ 2 Châm Phục-lưu hồ Thái-xung tà.

Kết quả : bớt nhức nhiều.

Trị lần thứ 3, 4, trị như trên. Kết quả : Hết sưng.

Trị lần thứ 5 như trên thêm châm hồ Khúc-tuyền.

Trị lần thứ 6 như trên thêm châm hồ Tam-ám-giao.

Kết quả : Bình hết hoàn toàn.

Mắt cá châm bầm sưng nhức không vận động được.

Anh Trương 35 tuổi chỏ mắt cá chân trái bị đánh bầm, đau nhức không vận động được.

Trị pháp : Châm Khuu-hư, Túc-lâm-khấp tà.

Kết quả : Bớt đau.

Trị lần thứ 2 (phía trong mắt cá còn đau) Châm như trên thêm Thủy-tuyền hồ.

Trị lần thứ 3 (hiện chỏ Giải-khé sưng lớn trong nóng).

Châm Thái-khé, Chiếu-hài, Khuu-hư tà.

Trị lần thứ 4, 5 trị như trên. Kết quả : Chân mặt hết sưng, bình giảm.

Trị lần thứ 6. Trị như lần 3. Kết quả : 2 chân đều bớt nhiều.

Trị lần thứ 7, (hiện chỏ huyệt Thủy-tuyền có nồi hạch).

Trị như lần thứ 3 thêm hồ huyệt Thủy-tuyền. Bình hết hẳn.

Ngón chân cái bị dập sưng nhức.

Cô Trinh 41 tuổi ngón chân cái chân trái bị dập phát sưng nhức.

Trị pháp : Châm Thái-bạch, Thái-xung tà, Khuu-hư hồ.

Kết quả : hết ngay.

Ngón chân bị dập sau phát sốt nóng làm đau nhức đã 45 ngày.

Trị pháp : Châm Hàm-cốc hồ. Nội-dịnh tà. Cứu chỏ đau (dùng ngoại-quyện cứu). Kết quả : hết hẳn.

Bàn chân bị dập nhức không để chân xuống được.

Trị pháp : Châm Khuu-hư hồ, Thái-xung, Túc-lâm-lý tà. Cứu chỏ nhức, (dùng ngoại-quyện cứu). Kết quả : hết sưng.

Trị lần thứ 2. Trị như trên. Bình hết hẳn.

Mắt cá ngoài bị dập (chỗ huyệt Khuu-hư). Phát sốt.

Anh Kim 28 tuổi mất cả ngoài bị đẽo sưng đỏ, toàn thân phát sốt, phát lạnh đau nhức kịch.

Trị pháp : Châm Khuu-hư, Túc-lâm-khấp, Thái-xung tà.

Kết quả : hết sưng hết nóng.

Trị lần thứ 2. Trị như trên. Bình hết hẳn.

Bị té nhầm chở Hội-âm bị thương sưng đau.

Anh Văn 34 tuổi hai tháng trước trên cao té xuống cắn tại chở Hội-âm ; tiêu ra máu, đi Bệnh viện trị cầm máu, sau tiêu tiện tự rã ra, có lúc phát sốt nồi trưởng lên đau, chở Hội-âm và dái cũng sưng lớn.

Trị pháp : Châm Trường-cường, Trung-cực tà. Cứu Hội-âm 9 tráng, Tam-âm-giao, Khúc-tuyền, Thủ-y-dạo; Quy-lai, Bàng-quang-du Tiêu-trường-du, Bác-liệu đều 3 tráng. Không phản ứng.

Trị lần thứ 2. Châm Quang-nguyên, Cứu Hội-âm, Trung-cực, Thủ-y-dạo, Quy-lai, Khúc-cốt, Thái-xung 3 tráng.

Kết quả : Nước tiểu bớt và đi tiêu thông. Nhưng qua ngày sau lại sưng, đi tiểu đau, ngày nhẹ đêm nặng.

Trị lần thứ 3 Châm Quang-nguyên, Trung-cực, Thủ-cốt, Thái-xung, tà. Cứu như trên thêm Thái-khé; Tam-âm-giao 4 tráng.

Kết quả : Đi tiểu thông nhưng có lúc lại đau.

Trị lần thứ 4 Châm Quang-nguyên, Tam-âm-giao bđ.

Kết quả : Đi tiểu đau bớt.

Trị lần thứ 5 Trị như trên. Cứu thêm Thận-du, Mạng-môn, Thái-khé, Côn-lon 3 tráng. Khi-hài 4 tráng.

Kết quả: Đi tiểu hết sưng đau, các chở đau xung quanh bụng hết.

Trị lần thứ 6 Cung trị như trên. Kết quả bụng dưới hết đau.

Trị lần thứ 7 Châm Quang-nguyên, Tam-âm-giao bđ Khúc trị tà. Cứu Trường-cường, Khi-hài đều 3 tráng.

Kết quả : Tiểu thông, Các chứng hết hẳn.

Bị mảnh bôm làm bị thương ba sườn mổ ròi vẫn còn nhức không lành miệng.

Ông Nhạc Thầy Hiền ở Trảng-Bàng 72 tuổi, bị mảnh bôm vẩn nhầm chở xương sườn đi Bệnh-viện mổ mucle mảnh ra, cắt hết 3 sườn, cắt mổ hai lần, nhưng vẫn còn nhức, chở mổ sâu vào không lành miệng, phía trong các xương sườn còn nhức chảy nước vàng, Bệnh

viện định mồ lần thứ 3, thời gian trị tại Bình-viện hơn tháng (hiện chờ dưỡng sức để mồ) lại, sau nhờ người giới thiệu châm cứu trị.

Trị pháp : Châm nhẹ các huyệt : Chiên-trung, Nhũ-căn, Thiên-tri, Thực-độc, Bộ-lang, Linh-khưu, Hung-hương, (chỗ bị thương mồ) lưu kim 10 phút.

Châm trị đến lần thứ 5 hết nhức bớt nước vàng (trong khi châm trị, không dùng thuốc uống trong không tim thuốc, chỉ rửa Éther và dihistreptomycine pha nước rửa ngoài).

Trị tiếp đến lần thứ 9 miệng nhỏ lại và bớt nước vàng làm da non. Đến lần thứ 11 lành hẳn, Bình-viện chứng nhận không cần mồ nữa, mà sờn bên trong cũng lành, cho ra Bình-viện.

Bệnh này chỉ châm trị trong thời gian 11 lần bình phục hoàn toàn.

D.— BỊ RÂN ĐỘC CÁN.

Chân bị Rắn độc cắn sưng nhức không vận động được.

Anh Hoa 38 tuổi chân trái bị rắn cắn sau làm sưng nhức đã 40 ngày bây giờ không vận động được.

Trị pháp : Châm Túc-tam-lý, Tam-âm-giao bò, Thái-xung, Nội-dinh tả.

Kết quả : hết sưng, sau tựu lại chỗ mắt cá phía ngoài nhức, Trị lần thứ 3 Châm Côn-lòn, Thái-khê, Thái-xung tả.

Kết quả : hết hẳn.

Trị lý : Châm làm cho độc giải diệt trùng, trên bò dưới tả cho nên sau độc tu lại chỗ mắt cá, sau tả lại, diệt hết trùng hết bệnh.

Ngón tay bị rắn cắn làm độc.

Anh Sơn 49 tuổi vì bị rắn độc cắn ngón tay út tay trái, đã 4 ngày nhức không ngủ được, độc chạy lên đầu, chỗ Thái-dương như bị đùi đầm, bên nách trái nồi hạch đau.

Trị pháp : Châm Trung-chữ, Ngoại-quang, Đại-lăng tả, Tzungh-xung ra máu.

Kết quả : Giảm nhẹ bớt 1/2.

Trị lần thứ 2 Châm Thái-dương bên trái, Phong-tri, Đại-lăng, Trung-chữ.

Kết quả : bình hết hẳn.

CHƯƠNG IV

PHỤ NHƠN KHOA

I KINH NGUYỆT.

Kinh nguyệt bịnh : Kinh thống. (có kinh đau bụng).

Châm cứu trị bịnh này cần làm cho thần kinh được vượng. để cho sự tiết kinh thông suốt, làm giảm cơn đau :

Trị pháp : I.— Khi phát đau châm các huyệt : Nội-dinh, Tam-âm-giao, (trước tác thuật), như hết đau châm thêm các huyệt : Túc-tam-lý, Âm-lăng-tuyễn, Thận-du, Quang-nghuyên.

Đau lâu năm cũng trị hết, bịnh nhẹ châm trị 1. 2 lần bịnh nặng trị 5, 6, lần hết hẳn; người già nên trị nhiều lần, ngoài ra cũng cần phối hợp các huyệt : Thận-tru, Khi-hải-du, Đại-trường-du, Thượng-liêu, Thủ-liêu tham dụng.

2.— Hoặc châm các huyệt : Thủ-liêu, Trung-liêu (trước tác thuật), Đại-hoành, Quy-lai; Khi-xung, kích thích mạnh, Huyết-hải, Túc-tam-lý, Tam-âm-giao (trước tác thuật).

3.— Trước khi có kinh đau bụng dùng các huyệt : Địa-cơ, Khi-hải, Trung-cực, Huyết-hải, Túc-tam-lý, Tam-âm-giao.

4.— Sau khi có kinh đau bụng dùng các huyệt : Khi-hải, Quang-nghuyên, Túc-tam-lý, Tam-âm-giao, Công-lòn, Thái-xung.

Suy nhược kinh ít không đau thai dùng các huyệt : Trung-cực, Quy-lai, Quang-nghuyên; Huyết-hải, Địa-cơ.

Hoặc dùng phương pháp cứu trị thì dùng các huyệt : Thận-tru, cứu 7 trắng, Yếu-nhản, Trung-liêu 10 trắng, Huyết-hải 8 trắng.

Hoặc cứu : Nội-dinh, Tam-âm-giao, Khi-hải, Quang-nghuyên, Thận-du.

Hỗn phương : Trị thống kinh.

Trước khi có kinh đau bụng hay trong khi hành kinh đau bụng, nhức đầu, mè mệt, tay chân bãnh hoái, bình nặng làm ác cảm ầu-thở đến khi hết kinh bình mới lần lần giảm khỏe lại.

Trị pháp : Cứu các huyệt : Quang-nghuyên, Trung-cực, Đại-cử, Thủy-dạo, Huyệt-hải, Tam-âm-giao, nếu không cứu dùng châm trị thi áp dụng châm kích thích trung độ và lưu kim.

Kinh nghiệm trị chứng này cứ trước khi có kinh 4, 5 ngày cách nhau châm trị 4, 5, lần sau khi hết kinh cũng châm trị 4, 5, lần nữa.

Qua tháng sau cũng y như trước châm trị 4, 5, lần, đến tháng thứ 3 nếu hết đau nhưng cũng châm trị thêm 3, 4, lần nữa thì về sau bình mới bình thường, điều hòa được.

Những phương dã trị nghiệm :

Đến kinh kỳ đau bụng :

1.— Cháu Văn 18 tuổi đến khi có kinh phát đau bụng phía bên trái gần rún, như có hơi chạy, khi đau khom lưng không ngay được mặt mệt xanh, không muốn ăn uống, thậm chí cứ nằm trên giường ôm bụng. Khi kinh ra 3 ngày, mới hết đau, dây dưa 7, 8, ngày mới dứt.

Trị pháp : Dùng ngoại quyện cứu Khi-hải, Liệt-khuyệt tay mặt 3 lần, cứu Trung-cực, Quang-nghuyên, Tử-cung 3 trắng.

Kết quả : Hai lần kinh sau đau ít, lưng không khom nữa, ăn được, kinh huyết sắc đỏ, nhiều, mặt tươi nhuận.

Trị lần thứ 2 trị như trên. Kết quả giảm bớt đau.

Trị lần thứ 3 cũng như trên. Kết quả các chứng đều hết.

2.— Cô Thục 27 tuổi khi có kinh đau bụng phía bên rún.

Trị pháp : Dùng ngoại quyện cứu Huyệt Khi-hải.

Kết quả khi cứu trong bụng cảm giác có tiếng hơi chạy, hết đau.

Trị lần thứ 2 (ngày hôm sau đau lại) Châm Khi-hải, Nội-quang, Tam-âm-giao bò. Kết quả bình hết hẳn.

3.— Cô Tịnh 37 tuổi mỗi lần có kinh bụng dưới đau nặng như tử-cung trệ xuống, trường lên, lúc đau thì bụng lạnh, đồ mồ hôi lộm, ẩn vào lại mữa.

Trị pháp : Châm Khi-hải bò Tam-âm-giao bên mặt bò. Cứu Thận-du, Phục-lưu, Quang-nghuyên, 3 trắng, Mạng-môn, Trung-cực, Âm-ky 1 trắng.

Kết quả : Bụng hết đau, hết mồ hôi, ăn được, tử cung hết trướng.

4.— Cô Anh 38 tuổi mỗi lần có kinh bụng dưới đau cả ngày không ăn uống được, bệnh đã gần 10 năm, dùng đủ các thứ thuốc vô hiệu.

Trị pháp : Dùng ngại quyền cứu Khi-hải 3 lần bình giảm.

Bến khi có kinh lần thứ 2 (tháng sau) bụng ít đau trị 1 lần nữa về sau hết hẳn.

Trước khi có kinh đau bụng không dứt.

Cô Ngọc 18 tuổi trước khi có kinh phát đau bụng dưới trướng, tử-cung cũng đau, ho, đại tiện táo, tiểu vàng, làm xoay xầm.

Trị pháp : Châm Khi-hải, Tử-cung, Trung-cực, Tam-âm-giao.

Kết quả : ngày ấy hết đau, kinh hết (lúc trị là lúc có kinh đã 2 ngày, như vậy là 3 ngày dứt kinh, tháng trước 4, 5 ngày mới dứt), ngày sau bụng còn đau nhưng nhẹ hơn.

Trị lần thứ 2 châm Túc-tam-lý, Thái-uyên (dùng huyết này và chỗ phổi hơi đau làm ho) Tam-âm-giao, Nội-quang. Cứu Khi-hải, Tử-cung, Trung-cực, Khúc-tuyền đều 3 tráng.

Kết quả : Ngày ấy hết đau, bình hết hẳn.

Có kinh quá kỳ bụng trướng đau.

Cô Nguyệt 18 tuổi có kinh (49 ngày 1 lần, kinh hậu kỳ) kinh nguyệt sắc lợt, khi hành kinh bụng trướng đau.

Trị pháp : Châm Khúc-truyền, xoay bồ, tả 3 lần.

Trị lần thứ 2 Châm Phục-lưu, Tam-âm-giao bồ,

Trị lần thứ 3 Châm Túc-tam-lý bồ.

Kết quả : Sau kinh dung kỳ 28 ngày, hết đau bụng.

Có kinh rất ít lại trước kỳ.

Cô An 20 tuổi có kinh trut 25 ngày, kinh nguyệt rất ít.

Trị pháp : Châm Tam-âm-giao bồ, Ủy-trung tả, Khúc-truyền bồ, cứu Thận-du, Mạng-mòn, Quang-nguyên, Khi-hải đều 5 tráng, Tử-cung 3 tráng.

Kết quả : Tháng sau kinh nguyệt ra nhiều có máu bầm và dung kỳ.

KINH BẾ TÁC.

Phàm có kinh sau tự nhiên không có mà không phải chữa, đó là kinh bế, có khi kèm cả chứng đau lưng, nhức đầu, ăn nồng

không tiêu, tiêu bí, cũng có người phát chảy máu cam, khạc ra máu, oẹ ra máu, đó là trắc kinh.

Trị pháp : Dùng các huyệt Mạng-môn, Thận-du, Đại-trường-du, Trường-cường, Hiệp-cốc, Tam-âm-giao, Địa-cơ, Huyết-hải, Tứ-mãng, Đại-hích, Quang-nguyên, Trung-cực, Khúc-cốt, Quy-lai, Côn-lon.

Trị bệnh này đến khi kinh có lại thường điều hòa rồi, cần nên dùng ít huyệt bồ dưỡng để khởi tái phát.

Bệnh tắc kinh 5 tháng, tiểu tiện đi luôn.

Cô Vinh 49 tuổi mất kinh đã 5 tháng, phát ho, lưng bụng đau, ra mồ hôi lạnh đau đầu hai bên thái dương, cứ bắc đi tiểu hoài.

Trị pháp : Châm Thái-khé bồ, Nội-quang tả. Cứu Đại-chùy, Phong-môn, Phế-du, Chiên-trung, Trung-uyễn, Chương-môn, Thận-du, Mạng-môn 3 tráng. Kết quả : Sau 3 ngày có kinh, bo, bụng, lưng, đều giảm, tiểu cũng hết.

Kinh bế, Đinh kinh, Trắc-kinh.

Trị bệnh này cần làm cho tử cung buồng trứng vượng mạnh lại.

Trị pháp : Dùng các huyệt chủ yếu : Tam-âm-giao, Huyết-hải, Âm-lăng-tuyền Trung-cực, Quang-nguyên; Nội-dinh, Khi-hải; Hiệp cốc.

Người thè chắt mạnh kinh bế châm các huyệt ; Cách-du, Khi, hải, Nội-dinh, Địa-cơ, Huyết-hải, Trung-cực, Hành-gian, Khúc-tuyền-Túc-tam-lý, Hiệp-cốc, Khúc-cốt, Tam-âm-giao.

Người thè chắt hư kinh bế Cứu các huyệt : Tam-âm-giao, Quy-lai, Quang-nguyên, Mạng-môn, Thận-du, Khúc-cốt, Can-du, Trường-cường.

Phụ chú : Trị bệnh tắc kinh phải tùy thè chắt, bệnh chứng mà áp dụng phối hợp các huyệt trị, không thè đặc 1 nguyên tắc nào-nhứt định, vì bệnh chứng khác nhau, nên cần phân biệt trị mới có kết quả.

Kinh bế 1 năm toàn thân té đơ.

Cô Phùng 19 tuổi, mất kinh 1 năm toàn thân té đơ, bên trái càng nặng, có lúc trong nách ngực đau, cõi phía trái cứng, khi ngồi dậy thì hơi xộc làm té, sợ gió, nằm không dậy nổi, mặt mệt xanh, Đại tiễn táo.

Trị pháp : Cứu Bách-hội, Phong-trì, Đại-chùy, Phong-môn, Phế-du, Kiên-ngung, Khúc-trì, Nội-quang, Ngoại-quang, Thủ-tam-lý

Thủ-hác-phong, Hoàn-khiêu, Phong-thị, Dương-lăng-tuyền, Âm-lăng-tuyền, Túc-tam-lý, Tam-âm-giao, Thái-xung, Túc-bác-phong. Cứu xong chàm Phong-phù, Phong-trì ra máu.

Kết quả : Cứu Bách-hội, Phong-trì, thì hết ngứa, cứu Khúc-tri tay trái chân trái hết co, cứu Thủ-hác-phong đều ngón tay té, Túc-hác-phong, thì chân té, nội đệm ấy có kinh sắc thường, các chứng kinh dữ, đều cõi cứng đều giảm.

Trị lần thứ 2 Trị y như trước.

Kết quả : Tay chân cử động được, hớt sợ gió.

Trị lần thứ 3 cứu Kiên-ngung, Đại-chùy, Phong-môn, Chàm Phong-phù, Phong-trì.

Kết quả : khi cứu Kiên-ngung té đến đau ngón tay, 2 huyệt Phong-môn, Đại-chùy thì ngứa nhiều, sau chàm các huyệt thì tay chân cử động mạnh được. Về sau bình phục hẳn.

Kinh bế, Chân yếu, xương sườn lõi, người suy nhược.

Cháu Trinh 18 tuổi Mất kinh 2 tháng, lưng đau, xương sườn dưới vú bầm lộ ra, chò ô tim ngực đau, hai chân lạnh yếu không đứng được, chồ dạ dày cũng đầy, đại tiện 4 ngày không đi, nước tiểu vàng.

Trị pháp : Chàm Nội-quang, Kỳ-môn, Chương-môn, tà, Túc-tam-lý, Công-tôn bồ. Cứu Đại-chùy, Phong-môn, Phế-du, Can-du, Tỳ-du, Vị-du, Thận-du Mạng-môn, Chiên-trung. Cử-khuyết, Trung-uyền, Khi-hải, đều 3 tráng.

Kết quả : Đi cầu được, chân trái đứng được.

Trị lần thứ 2. Cách 1 ngày. Trị như trên.

Trị lần thứ 3. Chàm Thái-khé bồ, Thượng-uyền, Nội-quang tà. Cứu như trên. Kết quả ngày hôm sau có kinh, chân co duỗi được, vẫn sau bình phục hẳn.

Bệnh huyết khô kinh bế.

Thị Quân 39 bị bệnh phổi nặng, huyết khô mất kinh đã 3 tháng tay chân nóng, mỗi ngày sau 2 giờ chiều tim phiền nhiệt, đêm không yên chỉ ngủ được 1 vài giờ, đầu xây xầm mắt hoa, ho nhòe bợt, ăn không tiêu, hoặc no hơi, tim hồi hộp, nói hơi mệt, dùng đủ thuốc Đông Tây cho là chứng Cản huyết lao rọi phổi thì là vì chứng lao phổi.

Trị pháp : Vì sợ vượng chàm nên trước cứu bồ Túc-tam-lý, Nội-

quang. Thái-khé 3 tráng sau châm bồ Phuc-lưu, Tam-âm-giao, Tam-lý, Nội-quang. Kết quả ngày sau ăn được.

Trị lần thứ 2 : Châm Tam-lý, Tam-âm-giao bồ, cừu như trước, thêm Phuc-lưu, Phi-dương, Châm-bồ Đại-chủy, Phế-du, Phong-môn châm tà.

Kết quả . Tinh thần sẵn khoái, ăn tăng, vai bớt đau.

Trị lần thứ 3. Trị như trước, không phản ứng duy chỗ Trung-uyên đau.

Trị lần thứ 4 trị như trên bồ Phuc-lưu, Tam-âm-giao, Tam-lý, Trung-uyên, tà Nội-quang.

Kết quả : Đêm ấy bớt ho, ngày sau trưa lại chứng triều nhiệt giảm, sắc mặt tươi nhuận ; tinh thần khỏe, ngủ thêm 3 giờ.

Trị lần thứ 5 trị như trên. Bớt ho nhiều và khỏe nhiều.

Trị lần thứ 6 : Châm Đại-lăng tà, Phục-lưu, Tam-âm-giao, Tam-lý bồ và cừu như trên.

Trị lần thứ 7 trị như trước nhưng thế Đại-lăng dùng Chiếu-hải.

Kết quả : Các chứng hết hẳn.

Trị bệnh này : Trị Phế bệnh thi đối với kinh Phế-trực tiếp trị, nhưng nên hòe Thận-thủy và tà Tâm-hỏa, bệnh mới yên.

Kết quả : Sau 3 ngày có kinh, ho, bụng, lung đều giảm, tiêu cũng hết.

Tắc kinh 2 tháng đau bụng sưng, chân.

Có Trinh 30 tuổi; mắt kiøh hai tháng, bụng đau, sưng chân, mặt vàng, móng tay móng chân trắng bạc.

Trị pháp : Châm Đại-dô, Phong-long, Tam-lý, Ngoại-quang bồ,

Cửu Đại-chủy, Phong-môn, Phế-du, Cách-du, Tỳ-du, Vị-du. Mang-môn, Tam-âm-giao đều 3 tráng.

Kết quả : Ngày sau kinh thông, các chứng đều giảm, móng tay móng chân hết trắng.

Tắc kinh 6 tháng, phát ban chân dày mìn.

Có Trần 20 tuổi mất kinh đã 6 tháng cả người phát ban chân-

Trị pháp : Châm Khác-trí, Tam-âm-giao tà.

Kết quả : Ban chân phát ngừa (độc phát ra ngoài).

Trị lần thứ 2 cách 2 ngày Châm-Khúc-tri, Tam-âm-giao, Khúc-quyền, Lao-cung tả.

Kết quả : Ngày sau có kinh, ban lần lần lặng và hết ngứa, sau hoàn toàn bình phục.

Tắc kinh làm thận kinh suy nhược, đầu xoay xẩm.

Cô Thung 46 tuổi, hút a phiến, người suy yếu, sau bò hút, chứng càng nặng, 3, 4 tháng không có kinh, thận thè te mỏi, có lúc co dục, tim đập, đầu xoay bỗng, rãng đau, bụng dưới đầy trướng, tiểu tiện đi hoài, mỗi buổi sáng đi cầu 3, 4 lần, tinh thần suy nhược, mặt sắc thâm.

Trị pháp : Châm Nội-quang, Tam-lý, Tam-âm-giao bồ. Cứu Bách-hội, Phế-du, Thận-du, Thái-khé, Côn-lôn, Tam-âm-giao 3 tráng bồ. Quang-nguyên, Khi-hải bồ 7 tráng, Tam-lý bồ 5 tráng. Phong-môn, Chiên-trung, Trung-uyên, Chương-môn 3 tráng, Mạng-môn 1 tráng.

Trị lần thứ 2 Cách Hai ngày Châm Thần-môn, Tam-lý, Tam-âm-giao, Phục-lưu bồ. Kết quả : Đêm ấy làm bức rức khó chịu nhưng tim bớt đập Trị lần thứ 3 Châm Thần-môn, Phục-lưu, Tam-lý, Trung-cực, bồ, Cứu Thận du, bồ 9 tráng, Mạng-môn, Âm-lặng, bồ 3 tráng.

Kết quả : Mặt trở lại trắng nhuộm, tim bớt đập.

Trị lần thứ 4 Châm Phục-lưu, Uỷ-trung, Tam-lý, Thai-uyên bồ. Cứu Thần-môn, Nội-quang, Tam-âm-giao bồ 3 tráng, Mạng-môn bồ 5 tráng, Thận-du, Quang-nguyên bồ 5 tráng, Khi-hải bồ 7 tráng.

Kết quả : Châm cứu xong, về nhà có kinh.

Về sau trị bồ gần 10 lần nữa tinh thần khỏe lại, sắc mặt tươi đỏ, làm lung được, người lần lần khỏe mạnh.

Trị bệnh này chỉ dùng châm cứu trị mà bồi dưỡng được bệnh hư nhược có kết quả.

Có kinh, tim Âu được làm tắc kinh.

Cô Trương 41 tuổi trước khi có kinh bị bệnh tiết tả (giả nước) đến lúc hành kinh luôn, tim thuốc cầm ỉa làm kinh tắc luôn, sau cứ mỗi tháng 20 ngày thì có kinh, có rất ít, nay hơn 1 tháng không có kinh, người mệt mè, đầu xoay xẩm ra mồ hôi.

Trị pháp : Châm Khúc-tri, Tam-âm-giao. Cứu Khi-hải, Quang-nguyên, Thận-du, Giao-tín bồ 3 tráng.

Trị lần thứ 2 trị như trên thêm châm Khi-hải bò, Thái-xung tà.

Trị lần thứ 3 Châm Thái-khè, Tam-ám-giao bò, Thủ-y-đạo. Quy-lai tà.

Cứu Thận-du, Tam-lý, Khi-hải, Quang-nguyễn đều 3 tráng, Mạng-mòn 1 tráng.

Trị lần thứ 4 Châm Khúc-tuyễn, Tam-ám-giao Khi-hải bò.

Trị lần thứ 5 Châm Khúc-tri, Tam-ám-giao, Khúc-tuyễn, Thái-xung; bò.

Kết quả phát hành kinh.

Kinh không điều làm lâu hạ không dứt.

Trị người lớn tuổi có kinh làm lâu hạ không dứt, bụng bung đầy trường, mất ngủ.

Bà Đức 52 tuổi, lúc 50 tuổi hết kinh, nay lại phản phát có kinh ra nhiều, không dứt, đêm không ngủ được, bụng dưới và lưng đầy, tim hồi hộp, không thiết gì ăn uống.

Trị pháp : Cứu Đại-chùy, Phong-mòn, Chiên-trung, Kỳ-mòn, Chương-mòn, Trung-uyễn, Thần-khuyết, Thiên-xu, Túc-lam-lý, Tam-ám-giao, Khi-hải, Quang-nguyễn, Thái-xung, Túc-lâm-khấp đều 3 tráng.

Kết quả : Đêm ấy ngủ được 3 giờ, tim bớt hồi hộp, bụng bớt đau, sáng mai ăn được.

Trị lần thứ 2 ngày hôm sau. Trước cứu như trên sau châm Tam-ám-giao, Nội-quang bò.

Kết quả : Kinh giảm ít còn 1/2, ngủ được, ăn thèm, ngực, lưng, bụng đều hết đầy.

Trị lần thứ 3 : Cách 1 ngày, trước cứu Khi-hải, Quang-nguyễn-Trung-cực, Tử-cung, Thận-du 5 tráng, Mạng-mòn 3 tráng.

Châm Tam-ám-giao, Nội-quang bò.

Kết quả : Trị xong bụng bớt đau (giảm nhiều), tim khỏe, kinh còn ít.

Trị lần thứ 4 : Cứu như trên, Châm thêm Khi-hải bò.

Kết quả : Bình hết hẳn bình phục.

Trị Ký : Bình này không phải kinh bình, vì khi 50 tuổi hết kinh rồi, đó là vì Tử cung bị bình, thể chất suy yếu, nên trị lần đầu chỉ dùng toàn cứu cho cơ thể mạnh lại sau mới thêm châm trị để chỉ huyết lâu hạ, nên bình hoàn toàn bình phục.

Kinh nguyệt nhiều lâu 7, 8 ngày không dứt.

Cô Anh 28 tuổi mỗi tháng có kinh 7, 8 ngày không dứt, sau 12 giờ trưa, tay chân phát sưng, đầu chân vân mệt, tháng này có kinh dương 4 ngày hắc đầu châm cứu trị.

Trị pháp : Châm Túc-tam-lý, Tam-âm-giao bò, ngại quyển cùu Khi-hải Cùu Trung-uyễn, Quang-nguyên, Thái-khè, Thần-du, Mạng-môn 3 tráng.

Kết quả : Kinh dứt (kinh dứt lại bởi 2 ngày).

Trị lần thứ 2 Châm Tam-lý, Nội-quang, Tam-âm-giao bò.

Trị lần thứ 3 Trị như trên trừ huyệt Túc-tam-lý.

Kết quả : về sau kinh đều hòa và người mập mạp.

II BỊNH BĂNG HUYỆT, TỬ CUNG XUẤT HUYẾT.

Kinh nguyệt quá nhiều, kinh ra nhiều quá 3, 4 ngày chưa dứt, kéo dài lâu làm nhức đầu xoay xẩm, ăn không tiêu tiêu tiện bí, tim đập không yên, nặng nề thành băng huyết, phần nhiều do buồng trứng và tử-cung bị bệnh.

Trị pháp : Dùng các huyệt : Khi-hải, Đại-dòn, Âm-cốc, Quang-nguyên, Thái-xung, Nhiên-cốc, Tam-âm-giao, Trung-cực, Đại-dò.

Tùy chứng áp dụng châm cứu trị

Hoặc dùng những phương pháp sau đây :

Dùng các huyệt : Quang-nguyên, Trung-cực, Khúc-cốt, Thủ-liêu, Trung-liêu, Hạ-liêu, Yếu-du.

Dùng tői, ngại, xạ, cùu mỗi huyệt 3, 5 tráng, khi nóng thì thay tői.

Trước cùu các huyệt ở bụng, tiếp cùu các huyệt ở dì (Thứ, Trung, Hạ-liêu và Yếu-du) các huyệt cùu 1 lượt. Ban đầu cùu 3 tráng nếu không có phản ứng gì mới cùu 5 tráng.

Cách 1, 2, hay 3 ngày cùu 1 lần, đến khi bệnh giảm, hoặc khi cùu hết ra máu thì giảm số tráng hay định chỉ cùu trị.

Phương này trị bệnh tử-cung bị thương làm băng lâu, tử-cung bị bệnh, đại tiện hoặc bị hoặt tiết tả, có lúc làm ác tâm ầu thò (tức Tử-cung xuất huyết, băng lâu).

Hoặc dùng những phương pháp sau đây :

Châm liệu : 1.— Dùng các huyệt Khi-hải, Đại-dòn, Quang-

nguyên, Thái-xung, Nhiên-cốc Tam-âm-giao, Trung-cực; Đại-dò, Khúc-trach, Cực-tuyễn, Uỷ-trung.

2.— Trước châm Ân-bach, Nội-dinh, Tam-âm-giao, tiếp cứu Đại-dò số tráng, như bình lâu thêm châm cứu : Quang-nguyên, Trung-cực, Thận-du, Thông-lý, Thái-xung, Khi-hải.

3.— Châm các huyệt : Tam-âm-giao, Hành-gian, Túc-tam-lý.

4.— Châm các huyệt Thủ-liêu, Trung-cực, Hạ-liêu (trước tác thuật), Tam-âm-giao (đơn thích thuật) 5 phần, Hành-gian (đơn thích thuật) 2 phần.

5.— Kinh kéo dài không dứt. Châm các huyệt : Thái-xung, Trung-cực, Âm-cốc, Khi-hải. Tam-âm-giao.

Cứu Kịu : Cứu các huyệt : Quang-nguyên, Bách-hội, Khi-hải, Thận-du Mạng-môn, Đại-dò.

2.— Cứu Quang-nguyên, Trung-cực, Khúc-cốt, Ân-bach, Tam-âm-giao.

Phường này dùng ngai viên nhỏ cách tói cứu, Trước khi cứu dùng xà-hương chút ít đê trên tói rồi đê ngai lên đốt từ 3,5 tráng, Mỗi ngày 1 lần, hoặc cách 1 ngày 1 lần, liên tiếp cứu 10 lần làm 1 liệu trình, cứu đến hết bệnh.

Trị nghiệm :

Băng huyệt 2 ngày không dứt, xoay xầm muỗn té.

Có Cháu 25 tuổi, thịnh linh đau ở Tử-cung làm băng ra huyết nhiều 2 ngày không cầm, xoay xầm tối tăm đi muỗn té, mặt đỏ tim đập, loát mồ hôi lạnh.

Trị pháp : Dùng ngai-quyện cứu Khi-hải, Trung-cực, Rồi cứu Đại-dòn 7 tráng và các huyệt : Bách-hội, Cách-du, Chương-môn, Chiên-trung, Can-du, Tỳ-du, Thận-du, Nội-quang đều 1 tráng.

Kết quả : Cứu xong huyết hắt ra, hắt xoay xầm rồi cầm hết luôn, nhưng lại phát ho, khi ho thì máu ra chút ít (đã 2 lần). Nhưng rồi lần lần mặt hết đỏ, tinh thần khỏe khoắn; ngày sau hết hẳn.

Bệnh kinh bế 4 tháng thịnh linh làm băng.

Có Quế 34 tuổi 6 tháng trước có làm băng 1 lần uống thuốc cầm, sau tắc kinh luôn 4 tháng thịnh linh tử cung ra máu, hai ngày đều ra huyết khối, mỗi ngày rất nhiều, ra 3,4 lần làm xoay xầm muỗn té, bệnh đã 4 ngày.

Trị pháp : Châm Ân-bach-Dại-dòn, ra máu. Cứu Bách-hội, Phé-

du, Tâm-du, Cách-du, Quang-nghuyên đều 3 tráng, Thận-du, Trung-uyên, Thần-khuyết Âm-giao, Khi-hải, Tử-cung, Trung-cực, Âm-liêm Tam-lý, Huyết-hải, Âm-lăng-tuyễn, Tam-Âm-giao, Thái-xung đều 1 tráng.

Kết quả : Ngày ấy còn ra 2 lần,

Trị lần thứ 2 trị như trước, Châm thèm Trung-cực (châm thèm huyết này vì chỗ ô tim nỗi lên bì khói đau). Cứu thèm các huyết : Chiền-trung, Trung-dịnh, Cửu-vỹ, Nhũ-căn, Kỳ-mòn, Chương-mòn; Thần-khuyết đều 3 tráng.

Kết quả : Đêm lại ra 2 lần nhưng ít hơn, ngày sau cũng ra 2 lần, nhưng tinh thần khỏe.

Trị lần thứ 3 dùng ngại quyện cứu Khi-hải, Khúc-tri rồi châm cứu như lần thứ 1 nhưng trước cứu sau châm.

Kết quả : Đêm ấy ra 1 lần huyết bầm.

Trị lần thứ 4 hiện chứng còn xoay xẩm, bụng dưới đau, ngực đầy, đi đại tiện bắc rặn.

Dùng ngại quyện cứu Khi-hải, Trung-uyên, cứu Thủy-đạo, Quy-lai, Tam-Âm-giao 3 tráng, Thủy-phần, Thần-khuyết, Tử-cung, Thái-xung đều 1 tráng. Kết quả : huyết ra ít.

Trị lần thứ 5. Hiện phát kiết ngày đêm 7, 8 lần, ăn không tiêu chỗ ô tim đầy, huyết còn ra ít, mà sắc đỏ, đợt.

Châm Khúc-tri, Trung-uyên, Trung-cực, Cứu Thủy-phần, Thiên-xu, Khi-hải, Tam-lý, Tam-Âm-giao, Thần-du bò 3 tráng, Thần-khuyết, Âm-giao, Thái-xung, Mạng-mòn bò 1 tráng.

Kết quả : Các chứng giảm, đi kiết còn 4 lần.

Trị lần thứ 6 Châm Khi-hải, Khúc-tuyễn, Đái-mạch. Cứu Gian-sử, Thận-du, Chương-mòn, Trung-uyên đều 3 tráng, Thần-khuyết, Thái-xung 1 tráng.

Kết quả : Ra huyết khối 1 cục và ra huyết đỏ 2 lần, ngày sau không ra nhưng ngày thứ 3 lại ra màu lợt, chứng đi kiết hết.

Trị lần thứ 7. Vì ra máu cục nên chỗ cuồn Dạ dày dày daun Châm Trung-uyên, Nội-quang; Trung-cực, Cứu Bách-hội, Chiềng, Trung, Thương-uyễn, Hạ-uyễn, Chương-mòn 3 tráng. Khi-hải, Quang-nghuyên, Tam-Âm-giao, Đái-mạch 4 tráng.

Kết quả : sau khi châm cứu dạ dày bít đau mà lại ra máu nhiều toàn màu đen có ứ huyết.

Trị lần thứ 8 (hiệu ra máu nhiều đau bụng). Dùng ngoại quyền cứu huyết Trung-uyễn 5 lần. Kết quả : bệnh nhân cảm giác chỗ dạ dày đau, ngày sau ra 1 cục máu út lớn. Rồi bắc đầu lại ra máu 3 lần liên tiếp (loại như có kinh) bây giờ lại xoay xẩm mắt tối không thấy rõ, nhưng sau hết đau bụng và chỗ dạ dày cũng hết đau.

Trị lần thứ 9 Trị theo phương pháp lần thứ 1. Kết quả : ra máu ít.

Trị lần thứ 10 hai bên hông có hơi khó chịu. Trị cũng như lần thứ 1 Thêm châm huyết Chương-môn lưu kim.

Kết quả : bệnh hết hẳn sau bình phục như thường.

Bệnh có kinh điên trị không dứt.

Cô Anh 28 tuổi mỗi khi có kinh h đều quá 7 ngày chưa hết, sau buỗi trưa thì phát chân sưng, kỳ này quá 4 ngày chưa hết lại làm đau tim.

Trị pháp : Dùng ngoại quyền cứu Khi-hải, Túc-tam-lý Tam-Âm-giao. 4 lần dùng ngoại viễn cứu Trung-uyễn, Quang-nguyễn, Thái-khê, Thận-du, Mạng-môn đều 1 trắng.

Kết quả : Ngày hôm sau hết kinh, tim hết đau. Về sau kinh điều.

Bệnh băng huyết, xoay xẩm té.

1.— Cô Trianh 34 tuổi bệnh băng huyết, ra nhiều làm xoay xẩm té, mắt hoa không đứng được, trị châm cứu 5 lần bệnh giảm, nhưng gần đây lại ra máu út, lưng đau, bụng đầy đau, đại tiện trệ đau.

Trị pháp : Dùng Ngoại quyền cứu Khi-hải, 3 lần. Huyết-hai, Đại-mach 2 lần ngoại viễn cứu Gian-sử, Tử-cung, Thận-du, Chương-môn, Trung-uyễn, 3 trắng. Trung-cực bỗ 3 trắng. Thái-xung, Thận-khuyết là 1 trắng.

Kết quả : Về nhà ra máu út 1 cục ngày sau hết đau lưng và bệnh hết hẳn.

Bệnh băng huyết làm phù thủng.

2.— Cô Châu 45 tuổi 8 tháng trước làm băng huyết, tay chân đau mặt phù thủng, người hư nhược.

Trị pháp : Dùng ngoại quyền cứu Khi-hải 4 lần, ngoại viễn cứu Bách-hội Cách-du, Thận-du 3 trắng, Tâm-du, Mạng-môn 1 trắng, Chương-môn, Huyết-hai, Tam-Âm-giao 3 trắng, Trung-uyễn 1 trắng; Đại-don 7 trắng.

Kết quả : Trị sau huyệt bớt ra và ngày sau lưng bớt đau, thủng xẹp.

Trị lần thứ 2 Dùng ngai quyện cùn Trung-cực 3 lần. Ngai viền cùn các huyệt như trên.

Kết quả : Tay chân mặt đều hết phù thủng, ăn được; tinh thần sẵn khoái bụng dưới cũng hết đau, băng cũng bết bình phục hẳn.

III BỊNH TỬ CUNG. BUỒNG TRỨNG.

Sưng màng tử cung, nguyên nhân vì vi trùng lậu, hoặc vì sanh đẻ nhiều vì khi có kinh không gìn giữ, phòng dục quá độ, tử cung lõi bị nhiễm trùng, chứng này có thời kỳ cấp tính và thời kỳ mặng tánh.

Thời kỳ mặng tánh (mặng tánh tử cung mạc viêm).

Châm trị : Châm các huyệt ; Thương, Thủ, Trung, Hạ-liêu (trước tác thuật, 3, 5 phân, Kỳ-môn, Huyết-hải, Tam-lý, Tam-âm-giao, 5 phân, Trung-chú, Quy-lai, Khi-xung, Châm cạn đơn thích thuật;

Hoặc châm các huyệt : Thận-du, Tiêu-trường-du, Quang-nguyên Trung-cực, Tam-âm-giao, Thương-khưu; Châm nhẹ.

Cứu trị : Cứu các huyệt : Thủ-Trung, Hạ-liêu 8 tráng, Trung-chú Tam-âm-giao, Dương-cốc 5 tráng. Cách nhút cứu 1 lần.

Thời kỳ cấp tính (cấp tính tử cung nội mạc viêm).

Châm trị : Châm các huyệt. Đai mạch, Thủ, Trung, Hạ-liêu, Khi-hải, Quang-nguyên, Trung-cực, Chi-cấu, Tam-lý, Tam-âm-giao, Kỳ-môn.

Hoặc châm các huyệt : Trung-liệu, Tam-âm-giao, Huyết-hải, Thái-xung, Kích-thích trung đờ, như có làm đầy trường, châm các huyệt : Trung-nyễn, Túc-tam-lý, Nội-quang. Có nóng lạnh gia châm Khúc-trí, Ủy-trung. Tất cả đều liên tục châm trị nhiều lần.

Cứu trị : Cứu các huyệt : Trung-cực; Quang-nguyên, Đai-dô, Tam-lý, Tam-âm-giao.

Tử cung co thắt đau bụng (tiểu phúc xán thống).

Trị pháp : Dùng các huyệt : Túc-tam-lý, Tam-âm-giao, Dùng-tuyễn, Trung-cực, Nội-dịnh, Độc-âm, Thừa-sơn.

Phối-hợp các huyệt : Âm-lăng-tuyễn, Quang-nguyên, Khúc-cốt.

Thủ thuật : Trước châm Túc-tam-lý, tiếp châm Tam-âm-giao, Nội-dinh, rồi châm Thừa-sơn, Trung-cực, châm trị cho hết đau.

Như bình nhơn sơ đau thì cứu các huyệt : Túc-tam-lý, Dūng-tuyễn, Độc-âm, Trung-cực.

Sưng buồng trứng.

Cấp tách lâm lâu bình, cảm mào, phát sốt, bụng dưới đau 1 bên, đứng thẳng càng đau kịch, có thể làm sưng thũng, nếu trị không lành thành mang tách, đau 1 bên bụng dưới, lúc có kinh, giao-cấu hay đi đường, đi tiểu đều đau, đau dần đến chân, không phát sốt, kinh kỳ vẫn thường. Bình này cần chú ý an dưỡng.

Châm cứu trị cần làm tăng cường sức khỏe, tiêu viêm trấn thống.

Dùng các huyệt : Bàng-quang-du, Trung-lữ-du, Thượng, Thủ, Trung-hạ-liêu, Khúc-cốt, Hoành-cốt, Túc-tam-lý, Thượng-cự-hu; Hạ-cự-hu, Lậu-cốc, Tam-âm-giao.

Chứng cấp tách : chỗ đau và xung quanh các huyệt gần chỗ đau châm cứu.

Mạng tách : chỗ đau cảm châm sâu, nên dùng ngại quyện hay ngại viền cứu.

Hoặc dùng phương pháp sau đây.

Cấp tách : châm các huyệt : Trung-chú, Đại-mách, Khúc-cốt, Trung-cực, Bác-liêu, Tam-âm-giao phối hợp các huyệt : Tử-liêu, Trung-cực, Đại-hích, Khúc-tuyễn, Thận-du, Tam-âm-giao. Châm lưu kim.

Mạng tách : Châm các huyệt : Thượng, Thủ, Trung, Hạ-liêu, (trước tác thuật) Khúc-cốt; Hoành-cốt, Quy-lai, Tam-âm-giao; châm lưu kim, hoặc châm gia cứu. Hay cứu các huyệt : Thủ, Trung, Hạ-liêu, Hoành-cốt, Tam-âm-giao đều 7 tráng.

Bệnh Tử cung lở đêm nám ra máu nhiều, dạ dưới đau.

Cô Châu 32 tuổi 9 tháng trước đi tiểu thường đau buốt; tối nám nghĩ tử cung lại ra máu, sáng băng nịt lại thi bụng dưới đau, đi tiểu thì đau, nước tiểu có lợn chất trắng. Khám Tử cung bị lở.

Trị pháp : Châm Phục-lưu, Ủy-trung, bò Trung-cực tà.

Cứu Quang-nguyên, Khi-hải, Thận-du, 3 tráng, Phong-môn 1 tráng.

Kết quả . Bung hết đau, đêm ra máu giảm phân nữa, bỏ đi tiểu, ăn biết ngon.

Trị lần thứ 2 cách 3 ngày hiện bệnh chỗ âm đạo phát ngứa
đi tiểu đau. Châm Phục-lưu, Ủy-trung bồ, Trung-cực tá.

Kết quả Ban đêm hết ra máu, bình phục.

Bệnh âm đạo sưng.

Âm đạo sưng đỏ, ngứa đe đau, có bạch đái hả, thường sanh
thấp chân, người suy nhược.

Trị pháp : dùng các huyệt : Mang-môn, Bạch-hoàn-cu, Tam-Âm-
giao, Trung-liêu, Trường-cường, Trung-cực, Khúc-cốt, Âm-liêm, Đái-
mạch, Đại-hích, Địa-cơ, Quy-lai, Yếu-du. Dùng ngại quyền cứu trị.

Âm hộ lở.

Âm hộ ngứa lây lở làm mất ngủ, phiền táo bị nhiễm trùng độc.

Dùng các huyệt châm cứu trị :

Đại-trường-du, Thượng-Thú, Hả-liêu, Trường-cường, Quang-
nguyên, Trung-cực, Khúc-cốt, Tỳ-quang, Âm-liêm, Khi-xung và cứu
Hội-âm.

Bệnh Tử cung sưng âm đạo lở

Cô Quản 23 tuổi đến tháng menses ha thì tử cung sưng đau, 2 bên
âm-môn có mọt lở, rửa ra máu bầm, đi tiểu đau buốt, trước khi có
kinh 6, 7 ngày thì tử cung đau, đến khi hết kinh 6, 7 ngày mới hết
đau. Khi đau thì tay té móng ngón tay đen, Mắt hoa, lưng ngực đầy.

Hiện dương có kinh 2 ngày sắc trước lợt sau bầm.

Trị pháp : Châm Khúc-tuyền, xoay kim bồ tà đều 3 lần.

Kết quả : Sau khi châm trị da con phát nóng, qua hôm sau hết
kinh (giảm 3 ngày), ngày thứ 3 âm mòn hết ngứa, rửa ra máu hồng
không đen.

Trị lần thứ 2 Bảy giờ bụng dưới còn đau tử cung lạnh.

Châm Trường-cực xoay kim bồ tà 2 lần.

Kết quả : Bụng hết đau, tử cung hết lạnh, hết sưng (sau khi
châm trị hết lạnh). về sau hết hẳn bình phục.

Bệnh tử cung lạnh.

Sau khi menses tử cung, trong tử cung lạnh, chân yếu, lưng mỏi
đau, và miệng hôi thối.

Cô Đức 31 tuổi, vì bệnh tử cung có mọt độc đi Bình-viện mổ, và
vì có nhiễm độc dương mai nên tim Âu-dược 914, tuyệt độc, nay
phát sanh tử cung lạnh, hơi tri xuống đầy đau, lưng đau; mắt hoa,

chân yếu, miệng hôi, bạch đái rất nhiều, đại tiện táo, tiểu vàng, lòng bàn chân nóng, miệng khô cằn đau.

Trị pháp : Châm-tam-lý, Tam-Âm-giao, Trung-cực. Cứu Thận-du 5 tráng, Mạng-môn, 3 tráng, Khi-hải, Quang-nguyên 7 tráng, Tử-cung, Tam-lý 3 tráng (đều cứu hàn).

Kết quả : Chân hết yếu, lòng bàn chân hết nóng, tử cung hết lạnh, hót đau nhiều.

Trị lần thứ 2 Trị như trên.

Kết quả : Tử cung hết đau hết lạnh, lưng hót nhức, đại tiện thông về sau hết hàn không trị nữa.

Âm hộ sưng đau.

Dùng các huyệt chủ yếu : Tam-Âm-giao, Trung-cực, Địa-cơ, Quy-lai, Khúc-cốt, Trường-cường, Yếu-du.

Phối hợp các huyệt : Mạng-môn, Chi-thất, Bách-hoàn-du, Âm-liêm.

Nên châm trị, nhưng huyệt Yếu-du châm rồi già cứu.

Hoặc châm Đại-mạch, Tam-Âm-giao, Trung-cực, Quy-lai, Khúc-cốt, Trường-cường, Yếu-du, Mạng-môn, Quang-nguyên (cũng mỗi lần châm già cứu Yếu-du).

Hoặc cứu các huyệt : Ân-bach, Trung-cực, Mạng-môn, Thận-du, Khi-hải, Quang-nguyên, Tam-Âm-giao.

Bịnh tử cung ra ngoài (tục gọi tật kín).

Chứng nhẹ tử cung trệ xuống, làm đau tráng; nặng tại dạ con, âm hộ, nhưng còn ở trong (lúc sa tử cung) chứng nặng tử cung sa xuống gần âm hộ và lỏi ra ngoài nhưng cũng vẫn còn trong âm đạo, nếu bị liệt hẳn thì mới lỏi ra ngoài âm đạo.

Châm liệu : 1.— Châm các huyệt ; Trung-uyễn, Khi-hải, Huyết-hải, Hội-Âm, Thận-mạch, Tam-Âm-giao.

2.— Châm Đại-trường-du, Tiêu-trường-du, Tử-liêu, Bách-hội, Trung-cực, Tam-Âm-giao, Huyết-hải.

Cứu liệu : Cứu các huyệt : Trung-uyễn, Khi-hải, Hội-Âm đều 10 tráng nhờ mỗi ngày cứu 1 lần, liên tiếp cứu nhiều ngày sẽ có công hiệu.

Hoặc dùng những phương sau đây

Tử cung trệ phía trước.

Châm cứu các huyệt : Tam-liên-du, Thận-du, Túc-tam-lý, Hội-ám, Âm-bảo; Huyết-hải, Thân-mạch.

Tử cung trệ 1 bên hay phía sau.

Châm các huyệt : Gian-sử, Âm-cốc, Huyết-hải, Tam-ám-giao. Khúc-cốt, Thượng-liêu, **gia cứu các huyệt :** Gian-sử, Huyết-hải Thượng-liêu.

Tử cung co hẹp lại.

Châm Thượng-liêu, Trung-liêu, Hạ-liêu, Trung-cực, Huyết-hải, Âm-liêm, Nhiên-cốc, Chiếu-hải, Cứu Thủ-liêu, Trung, Hạ-liêu, Âm-liêm.

Trị bình tử cung sa (hẹ trụy).

Tử cung trị xuống đầy đau làm bụng dưới đau, tiêu tiện gắt

Cô Nhược 21 tuổi, tử cung bị trị xuống đầy nặng, bụng dưới đau (đè đau), tiêu tiện đì hoài, mỗi lần tiêu ít, tay chân yếu, bạch-dái nhiều, kinh không điều.

Trị pháp : Châm Thái-uyên, Trung-cực, Tam-ám-giao bò, Hiệp-cốc tà. Cứu Khi-hải, Đái-mạch (ngai quyền cứu 2 lần).

Kết quả : Ngày sau không phản ứng gì.

Trị lần thứ 2 cũng trị như trên.

Kết quả : 2 ngày sau tử cung hết trị nặng nữa, đì tiêu thông, bình phục hẳn.

Bình âm hạch to cứng.

Cô Bích 32 tuổi bị bình-âm hạch to cứng trị nặng tại âm hộ ; không đau, không ngứa, nhưng bạch đái nhiều.

Trị pháp : Châm Trung-cực, Thái-xung, Khúc-uyễn xoay kim, bò tà 2 lần ?

Cứu Chiếu-hải, Đại-dò 3 trắng, hai bên rún thẳng xuống cứu 14 trắng.

Kết quả : Trị nặng giảm bớt, Bạch-dái ít.

Trị lần thứ 2 Trị như trên kết quả : ngón tay ngón chân phát-tinga nồi mực bọc có nước vàng.

Trị lần thứ 3 cách 3 ngày, Châm Khúc-tri, Tam-ám-giao tà, Thái-xung bò. Cứu Bàng-quang-du 3 trắng, Bác-liều 1 trắng.

Kết quả : Âm hạch nhỏ teo lại còn 1/5 bớt cứng.

Tiếp trị như trên 3 lần nữa. Kết quả teo lại còn 1/2.

Trị tiếp 4 lần nữa. Như trên, không phản ứng gì.

Trị lần thứ 11 Châm Khúc-cốt, Hoành-cốt xoay bồ tă, Khúc-tuyền tă, Cứu Bác-lieu, Bàng-quang-du, Tứ-cung, Hội-ám. Trên chót chò lồng âm-hộ 3 tráng.

Trị lần thứ 12 trị như trên. Kết quả : hơi teo lại 1 ty.

Tiếp tiếp 4 lần nữa không có công hiệu.

Trị lần thứ 17. Châm Khúc-cốt bồ, Hiệp-cốc, Khúc-tuyền tă, cứu như lần thứ 11. Kết quả : âm hạch hơi teo lại 1 ty nữa.

Trị lần thứ 18, trị như trên.

Kết quả : Khi châm huyệt Hoành-cốt thì cảm giác đau đến Thủy phần và xung quanh bụng.

Trị lần thứ 19 Châm Khúc-tuyền, Tam-âm-giao bồ, Hoành-cốt tă.

Kết quả : Âm hạch lại teo nhỏ lại 1 ty nữa.

Trị lần thứ 20 Trị như trên. Lần này thì tại âm hạch cảm nhận đau rần lên đến rún và dưới đau đến Hội-ám.

Trị lần thứ 21. Cũng trị như trên.

Kết quả : Âm hạch cũng đau nhưng rồi lại teo nhỏ lại dần đến chỉ còn 20/0 đi đứng dễ dàng không trở ngại nữa.

Sau này không đến trị nữa (bệnh đã hoàn toàn bình phục).

Bịnh Bọng đái lớn làm trệ xuống âm hạch lòi ra ngoài âm hộ.

Cô Lưu 37 tuổi bịnh bọng đái lớn trệ xuống âm hạch lòi ra ngoài Âm-hộ lớn bằng trứng gà, chảy nước, bịnh đã 6 tháng, nhưng ban đêm ngủ thì thâu vào, khi dậy thì lòi ra, nguyên nhân vì trước bị bịnh ỉa chảy, sau suy yếu nên dần phát chứng này, thêm khát nước và tim đập mạnh.

Trị pháp : Châm Khúc-tuyền, Chiếu-hải, Tam-âm-giao bồ Khúc-cốt tă, Cứu Bách-hội, Đại-dòn 3 tráng.

Kết quả : bớt ra nước và bớt trệ xuống.

Trị lần thứ 2 Châm trị như trên, Cứu Bách-hội, Đại-dòn, 3 tráng Quan-nguyên bồ 7 tráng. Đầu ngón chân cái, Đầu ngón chân út 5 tráng, Nữ tắc 7 tráng.

Kết quả : Châm cứu xong âm hạch teo nhỏ lại 3/5 chò teo có lâng chỉ, nhưng ngày sau di xa công trệ xuống như cũ.

Trị lần thứ 3 Dùng ngoại quyền châm Khi-hải 3 lần và châm

Các huyệt Tam-âm-giao, Khúc-tuyền, Thái-khê bồ. Cứu như trên.

Kết quả : Trị xong thấy đã teo nhỏ lại. lấy tay ấn vào, bảo nǎm yên không đi đứng thì không trẹ xuỗng nữa, nhưng ngày sau làm lung cũng trẹ xuỗng.

Bệnh này vì bệnh nhơn cả ngày làm lao động không nghỉ được, nên đầu đã teo lại mà vẫn còn lồi ra là vì thiếu bồi dưỡng.

Trị lần thứ 4. Châm Thái-uyên, Khúc-tuyền, Khi-hải, Quang-nghuyên, Túc-lam-lý, Tam-âm-giao bồ, Cứu như trước trừ Đại-dòn, Khi-hải, Quang-nghuyên.

Kết quả : Ngày sau bụng dưới đau quá không ngồi được, nằm ngủ đêm ấy thâu vào, đến nữa đêm hết đau, nhưng phát ho, phát sốt.

Trị lần thứ 5 Châm Khi-hải, Trung-cực; Khúc-tuyền, Tam-âm-giao bồ, Hiệp-cốc tả. Cứu Bách-hội 5 trắng.

Kết quả : Ngày ấy hết đau bụng nhưng ngày sau dưới rún cảm thấy dày rồi phát đau bụng nhưng ngày sau dưới rún cảm thấy dày rồi phát đau bụng 1 giờ mới hết, ngồi thi chồ ấy teo vào hết phần nữa (trước không thâu vào).

Trị lần thứ 6 Châm Phục-lưu, Phi-dương bồ.

Kết quả : Bảy giờ ngồi thi teo hẳn vào hết, nhưng vì phải làm lao động đi chạy lâu lại ra, nhưng nhỏ hơn (trước hẽ đi chạy ta liền bảy giờ lâu mới ra).

Bệnh này hoàn toàn hết hẳn nhưng vì nghèo phải làm lao động nhiều đi chạy mãi, nên kết quả không được như ý, vậy nếu bệnh nhơn có điều kiện tĩnh dưỡng thì nhất định bệnh không trở lại.

IV BẠCH ĐÁI HẠ

Trị chứng xích bạch đái hạ.

Áp dụng những phương pháp sau đây.

1.— Châm các huyệt : Thủ, Trung, Hạ-liêu (trước tác thuật), Yếu-du, Đái-mạch, Ngũ-xu, Bào-mạch, (thi niêm thuật), Nhiên-cốc.

Châm xong cứu : Thủ-Trung, Hạ-liêu 7-10 trắng, Lày-cầu, Bào-mạch, 5, 7 trắng.

2.— Châm các huyệt : Trung-cực, Quang-nghuyên, Tam-âm-giao, Âm-lăng, Thận-du, Túc-lam-lý; Thượng, Thủ, Trung, Hạ-liêu.

Châm xong cứu Trung-cực, Quang-nghuyên 5, 7 trắng.

3.— Cứu Ân-bach, Đái-mạch, Khi-hải, Tam-âm-giao (trị bách đái).

Hoặc châm cứu các huyệt : Đái-mạch, Trung-cực, Quy-lai, Tam-âm-giao, Chương-môn. (Trị xích-dái).

4.— Châm các huyệt : Quang-nguyên, Trung-cực, Thận-du, Tam-âm-giao, Âm-lăng-tuyễn, Bát-liêu, Khi-hải, Quy-lai.

Châm xong cứu Trung-cực, Quang-nguyên 5, tráng.

Trị bệnh Bạch-dái lâu người tiêu khô.

Có Chương 26 tuổi bị bệnh bạch đái sắc vàng, ngồi lâu càng ra nhiều, người khô gầy, tinh thần mệt mè.

Trị pháp : Châm Tam-âm-giao, Hiệp-cốc hổ.

Trị tiếp 2 lần. Kết quả : bệnh hết hẳn, người lần lần béo mập lại.

Bệnh bạch đái nhiều, phát ho, mắt kính, đầu xoay xầm.

Có Hoa 28 tuổi kinh 8 tháng không thông, thường xoay xầm lòng bàn tay nóng; chỗ dạ dày đau, ho, cảm chất mặn, bệnh đã nửa tháng.

Trị pháp : Châm Phục-lưu, Thái-uyên, Tam-âm-giao bồ, Nội-quang tà, cứu Bách-hội, Đại-chủy, Phong-môn, Phế-du, Thận-du, Mạng-môn, Túc-tam-lý, Chiên-trung, Thượng, Trung, Hạ-uyên-Chương-môn, Khi-hải, Quang-nguyên đều 3 tráng.

Kết quả : Các chứng đều giảm hết về sau bệnh phục hẳn.

Bệnh bạch đái nhiều, Tim hồi hộp, Âm hộ đau.

Có Tư 22 tuổi bệnh bạch đái nhiều sắc vàng, âm đạo ngứa lở, đầu xay xầm, Tim hồi hộp, đại-liện ra máu.

Trị pháp : Châm Khúc-tri, Tam-âm-giao, Nội-quang, Trung-cực, xoay bồ.

Kết quả : Bệnh giảm nhiều.

Trị lần thứ 2 trị như trước.

Không lai trị nữa chắc bệnh đã hết hẳn.

V BỊNH VÚ

Nhữ tuyễn sưng.

Chứng này không nhất định, có bệnh làm nóng lạnh, và nỗi

những hạch đậm cứng, hoặc hết nóng lạnh da đỏ, sưng nóng, không tiêu dễ phát sanh mủ.

Châm cứu trị bệnh này cần làm tiêu viêm, trấn thống (trước khi phá mủ hay sau khi phá mủ).

Dùng những huyệt : Ung-song, Thiên-trì, Thiên-khé, Nhũ-căn, Bộ-lang, Can-du, Đồm-du, Cực-tuyên, Thiên-tuyên, Cao-hoang, Thần-đường, Kiên-tĩnh, Chiên-trung Đại-lăng, Thiếu-trạch Ủy-trung, Túc-tam-lý.

Hỗn phương :

Bệnh sơ khởi chưa làm mủ cần trị cho hết sưng nhức, Châm kích thích mạnh các huyệt : Ung-song, Nhũ-căn, Kiên-tĩnh, Khúc-trạch, Thương-cử-hư, Thái-xung.

Hoặc 1.— Châm Kiên-tĩnh 4 phân thi niêm thuật trong 2, 3 phút rút kim, mỗi ngày châm trị 1 lần (bệnh sơ phát).

2.— Châm Nhũ-căn, Kiên-tĩnh Khúc-trạch, Thái-xung, Thương-cử-hư, Ung-song, Kích thích mạnh và châm Thiên-trì, Túc-tam-lý, Bộ-lang, Ủy-trung.

3.— Châm Hiệp-cốc, Nội-quang đều 3 phân. Cứu Thiếu-trạch 1 trắng, Tiếp châm Nhũ-căn 3, 4, phân, rồi châm Kiên-tĩnh 5 phân, tiếp cứu Chiên-trung 3 trắng.

Trị bệnh tuyễn vú sưng đỏ sùa không thông.

Cô Thu 30 tuổi vú bên mặt sưng đỏ, nhức sùa không thông, bệnh đã 7 ngày, nhức đầu, phát nóng lạnh, nhiệt độ 37/5.

Trị pháp : Châm Kiên-tĩnh, Tam-lý, Xích-trạch, Ủy-trung tà và dùng ngại quyện cứu chồ sưng nhức.

Kết quả : Châm cứu xong sùa thông, các chứng giảm.

Trị tiếp 1 lần nữa bệnh hết hẳn.

Bệnh vú sưng nhức.

1.— Cô Trần 29 tuổi vú bên mặt sưng đỏ nhức đã 10 ngày.

Trị pháp : Châm Kiên-tĩnh, Du-phủ, Tam-lý, Ủy-trung tà.

Kết quả : Châm xong phát xoay xầm (vụng châm) trị vụng châm hết xong chồ vú sưng cảm giác tê lần lần nhức giảm, ngày sau hết hẳn.

2.— Cô Thành 18 tuổi vú bên mặt sưng đỏ nhức 4 ngày.

Trị pháp : Châm Kiên-tĩnh, Du-phủ, Tam-lý, Ủy-trung; Đại-lăng tà.

Kết quả : Bình giảm bớt.

Trị lần thứ 2 trị như trên, thêm dùng ngoại quyền cứu chồ sưng

Kết quả : Bớt đau nhiều nhưng chưa tiêu hẳn.

Trị lần thứ 3. Dùng ngoại quyền cứu chồ sưng.

Kết quả : Bình hết hẳn (dùng ngoại quyền cứu chồ sưng là làm cho sưng thông thì hết sưng nhức).

Bình nhủ nham (Ung thư vú).

Cô Hoa 34 tuổi vú bên mặt phát ung thư lở đã 6 năm, nay cứ chảy nước không dứt. Trong nồi cưng.

Trị pháp : Châm Kiên-tinh, Thái-uyên, Khúc-trì, Tam-Âm-giao bồ 3 tấc 1.

Kết quả : Chồ cứng bớt.

Trị lần thứ 2 Trị như trên,. Kết quả nhức hơi giảm, chồ cứng, hơi bớt, ít chảy nước, hơi khô mặt.

Trị lần thứ 3 cũng trị như trên. Bình giảm 2/3.

Trị tiếp 4 lần nữa như trước, chồ sưng hết, miệng ghen khô.

Trị lần thứ 8 cũng trị như trên, các chồ cứng lần lần tiêu. Tiếp thêm đến lần thứ 12 các chồ sưng cũng mới thật tiêu hết và bình phục hẳn.

Trị lý : Bình phát lở lâu năm nên dùng châm trị bồ nhiều tâit có công hiệu, vậy trị pháp châm bồ rất hay.

Sữa ít; Sữa nhiều.

Sữa quá ít; không đủ cho con bú, hoặc chỉ ra từng giọt, lat thêm có phát nóng lạnh, bần huyệt.

Trị pháp : Châm các huyệt : Thiếu-trạch, Cực-tuyễn.

Cứu : Chiên-trung, Nhũ-căn.

Sữa quá nhèo; đầy nặng triệu vú làm trưởng lên, hoặc phải làm đau Thần kinh vú, thường sữa cứ chảy tròng ra, làm lòn thất tinh thần.

Dùng các huyệt : Nhũ-căn, Kiên-trung-du, Phụ-phần, Phá-ch-hộ
Trung-phù : Can-du, Tâm-du, Thiếu-hai, Thông-lý. Tùy châm cứu rị.

VI THAI TIỀN.

Thai tiền phát thủy thủng.

Chứng này thường phát ở chân, ngoài âm hộ, thành bụng, có khi cả toàn thân đều phát thủy thủng, có khi thử nước tiểu có đờm bạch.

Bệnh này khi trị nên hạn chế ăn chất mặn, và thịt, nên ít dùng sữa ăn rau đậu thanh đạm.

Châm cứu trị dùng các huyệt : Thủ-tam-lý, Túc-tam-lý, Tỷ-du, Vị-du, Huyền-chung và cứu Khi-hải, Giao-tìn, Tam-ám-giao, Ám-lăng-tuyễn, Quang-nguyên.

Thai tiền làm ứ thũng, chứng Ác trớ.

a) Châm các huyệt : Túc-tam-lý, Nội-quang, Gian-sử, Tam-ám-giao, Xích-trạch, Đại-lăng, Đõm-du.

Nếu các thai chưa quá 5 tháng dùng các huyệt : Trung-uyên, U-môn, Kiện-lý, cứu Trung-uyên, Thiên-đột.

Hoặc thường dùng huyệt Túc-tam-lý phối hợp Trung-uyên, Nội-quang, Tam-ám-giao kích thích nhẹ. Hoặc chỉ châm mấy huyệt trên 1, 2 lần chưa kiến hiệu thì 5, 6 lần cũng kết quả.

b) Châm các huyệt : Thiên-trụ, Phong-trì, 3, 5 phân (đơn thích thuật), Chiên-trung 2 phân, Bất-dung, Trung-chú, Thừa-mẫn, Đại-mạch, Ngoại-lăng (đơn thích) Can-du, Tỷ-du, (trước tác) Thủ-tam-lý Túc-tam-lý châm 5 phân (đơn thích thuật).

Trị bệnh chữa làm ác trớ.

Cô Xuân có thai 2 tháng làm ác trớ, ăn vào mửa liền, mửa hết đỡ ăn, làm xoay xẩm tối tăm mày mặt, sau buỗi trưa lại phát ớn lạnh, uống thuốc vô hiệu, diễn trì cả tháng, hình thế tiêu tay, tay chân vô lực.

Trị pháp : Châm tà hưu Nội-quang, Đại-chùy, Thiên-đột, Trung-uyên.

Kết quả : bớt mửa, trưa bớt ớn lạnh.

Trị lần thứ 2 ngày sau châm tà hưu Nội-quang, Thiên-đột, Cửu-vỹ, Trung-uyên.

Sau trị tiếp 2 lần nữa bệnh hết hẳn.

Tử gián chứng.

Có thai làm kinh, bệnh sơ phát nhức đầu, ác cảm, chò ô tim hơi

nghèo mắt hoa, huyết áp hơi tăng, đột nhiên nghiến răng cắn lưỡi, ngực tay chân hoặc nắm lại, mắt xanh tim, mạch cò trương lên, miệng phèo bọt miếng, cơn phát 1 vài phút lần lặp tinh lại, chứng này cứ diễn tiến hoài, nước tiểu ít, nhiều đản bạch, áp huyết do cao.

Khi hết cơn, tiểu nhiều đản bạch ít, áp huyết hạ.

Chứng này nên phân biệt không phải như các chứng Điện giản.

Phương diện trị liệu là để phòng bệnh phát và làm cho giảm cơn.

Trị pháp : Châm các huyệt : Túc-tam-lý, Đại-lăng, Nội-quang, Dương-lăng tuyên, Thái-dương, Kiên-ngoại-du.

Khi cơn dương phát cần trấn tĩnh gấp dùng huyết :

Thiền-trụ, Phong-tri, Phong-phủ, Thủy-cầu, Thần-môn, Nội-quang, Bách-Hội.

Thai động hư thai.

Có thai bị ra huyết bất kỳ vì nguyên nhơn gì, nếu không cầm được bệnh nhơn mặt mét xanh, tay chân khuyết lành, mạch yếu, hờ mệt, xuất họng, tim đập, hư thoát chứng, sợ nguy hại cả mẹ lẫn con, vì nếu thai không chết thì mẹ ắt mang vong.

Như ra máu nhiều ắt phải hạ thai, cần cấp tốc làm cho thai ra mới cứu được mẹ.

Châm cứu trị là làm cho huyết quẳng co hẹp lại và làm cho xúc động sản lực. Dùng các huyết :

Tam-âm-giao, Chi-cầu, Âm-lăng-tuyên, Đại đờ; Thái-xung; Côn-lòn; tùy châm cứu trị.

Đè non; Tiểu sản

Có thai hoặc vì tử cung bị liệt, sản phụ có thể suy nhược, kinh mạch Hồi-âm bị liệt, dễ làm cho thai hạ, đến rớt không hay, có khi đi cầu đi tiểu thai cũng ra, sản phụ nhơn tử cung thình lình hư thoát làm xâm té, làm tử cung ra máu thai trệ không cầm giữ được đến lưu sản.

Trị pháp : Như bị xúc động quá. Châm Túc-tam-lý, hoặc Hành-gian để cho giải bớt.

Nếu chứng nặng tử cung bị liệt nguy hiểm sản phụ xâm té. Châm huyết Nhơn-trung, Nội-quang kích thích mạnh.

Như thai trệ ra huyết nhiều dùng các huyết : Trung-cực, Tam-âm-giao Chiếu-hải, Châm nhẹ.

Có 1 người chưa mới 3 tháng rưỡi làm lưu sản (dè non) huyết lưu ra lùng miếng và ra mãi đã 4 ngày nhưng thai vẫn không ra.

Dùng huyết Ân-hạch 2 huyệt, Cứu mẩy phút, 3 giờ sau liền hạ thai mà huyết hết ra nữa.

Ngừa tiêu sản.

Sợ quen dạ dè non cứu các huyệt.

Mang-mòn, Thận-du, Quang-nghiên-du, Khí-hải, Thủ-tuỷ, Túc-tam-lý, Tam-Âm-giao. Mỗi ngày hay cách nhau cứu 1 lần để ngừa khỏi lưu sản.

Trị bệnh có thai miệng mọc mụn lưỡi đau.

Cô Hường 29 tuổi có thai 8, 9, tháng, tháng trước phát ho, lưỡi đau rát, tháng sau miệng đau lưỡi có mụn, sau buỗi trưa nóng làm chảy nước giòn, cò khô, đại tiện trì nặng.

Trị pháp : Châm Hiệp-cốc, Nội-quang tà, Thủ tinh huyệt ra máu.

Kết quả : Hết nóng lưỡi cò hết và đại tiện không trì nặng nữa, thai không kè huống gi.

Có Thai té làm thai bị thương.

Cô Nhâm 34 tuổi chưa 4 tháng, vì bị vấp té làm thương tồn thai làm bụng dưới đau, lưng đau, tim hồi hộp.

Trị pháp : Châm Tam-Âm-giao bỗ, Hiệp-cốc-tả, Cứu Túc-tam-lý bỗ 7 tráng Khí-hải, Nội-quang, Quang-nghiên bỗ 4 tráng, Thận-du 3 tráng, Mạng-mòn 1 tráng.

Kết quả : Bụng bụng bớt đau, tim bớt hồi hộp.

Trị lần thứ 2 Trị như trên. Bệnh hoàn toàn bình phục.

Có thai bị sưng tử cung, sợ tiêu sản.

Cô Thanh 29 tuổi, mất kinh 4 tháng, kiểm tra là đã thụ thai nhưng bị bệnh sưng tử cung, bệnh nhau cho biết đã tiêu sản 3 lần nay sợ sảy thai.

Trị pháp : Châm Nội-quang, Tam-Âm-giao bỗ.

Trị lần thứ 2 và hai lần sau nữa thêm châm bỗ Túc-tam-lý và Ngoại-quang.

Trị lần thứ 5, 6. Châm Thần-mòn, Phục-lưu, Tam-Âm-giao, Hiệp-cốc tà Tiếp trị lần thứ 7, 8, 9, trị nhau trên thêm Khí-hải, Túc-tam-lý đều bỗ.

Kết quả : Ngủ yên, ăn khỏe, Tình thần vượng.

Trị lần thứ 10, 11, 12 Châm Phục-lưu Thần-môn Tam-Âm-giao, Tứ-cung bồ, Trung-cực tà, Cửu Thủ-u-du, Mạng-môn, Bàng-quang-du đều 3 tráng.

Từ dây mạnh khỏe luôn không sợ sảy thai nữa.

Phụ-chú : Hai huyệt Hiệp-cốc và Tam-Âm-giao các sách có nói đối với đàn bà chưa cẩm-châm, thế mà hai bình trên dây lại dùng trị an thai có công hiệu lại không làm hại thai (Bồ Tam-Âm-giao, tà Hiệp-cốc an thai). Như vậy cũng nên thận trọng, vì người khỏe mạnh nên áp dụng chắc không quan hệ, nếu gặp người yếu đuối, bầm thọ thai không được mạnh, nếu áp dụng trị tà quá ắt có thể truy thai.

Và lai tôi (lời của Châm sư Trần-tòn-Nhơn) có áp dụng trị ty dựng châm cứu trị 2 người vẫn có chữa mà không quan hệ gì cả, châm 2, 3 lần, thai không hề huống gì cả.

Có 1 lần trị cho một người đàn bà vì có nhiều con quá muộn ai không có thai nữa (ty dựng) cứu Huyệt Thạch-môn 5 tráng, Kết quả: kinh mất 2 tháng sơ có thai, bình nhơn yêu cầu châm trị đè hạ thai, tôi áp dụng châm bồ Hiệp-cốc, tà Tam-Âm-giao 2, 3 lần, vẫn y nhiên thai lớn và sanh đẻ như thường. (Tả Tam-Âm-giao bồ Hiệp-cốc hạ thai)

Nhưng lai có 1 lần trị bệnh 1 phu nữ có thai 7 tháng, tôi cũng dùng huyệt Hiệp-cốc tà 1 huyệt thế mà làm thai động đau bụng trường hợp này nếu áp dụng thêm huyệt Tam-Âm-giao ắt thai hạ (ngay).

Vậy theo kinh nghiệm trên đây nếu có thai trên 5 tháng không nên áp dụng cần 2 huyệt này, hoặc người yếu cũng nên thận trọng là hơn.

(Trường hợp trên đây của Châm sư Trần-tòn-nhơn, chính tôi trong thời gian làm sản trị bệnh cũng gặp trường hợp tương tự, xin ghi vào đây để tiện tham khảo và chú ý. Vật đối với Đàn bà có thai khi trị nên thận trọng hai huyệt Hiệp-cốc, Tam-Âm-giao).

Không đau thai

Có kinh đau bụng 10 năm không có thai.

Cô Kinh 35 tuổi mỗi lần có kinh đều đau bụng, có chồng 10 năm nay không có chữa lần nào.

Trị pháp : Dùng ngại quyền cứu Huyệt Khi-hải 40 phút.

Kết quả : hết đau bụng và tháng sau có chữa.

Có chồng 15 năm không đậu thai.

Cô Anh 38 tuổi có chồng 15 năm không có chưa nay lại phát bệnh tử cung có mùi ngứa.

Trị pháp : Châm Khúc-tri, Tam-âm-giao, Trung-cực, Nội-quang tà.

Kết quả : Tử cung hết ngứa.

Trị lần thứ 2 cũng trị như trên. Kết quả : hoàn toàn bình phục.

Về sau lại bắt đầu mất kinh đậu thai sau sanh con gái.

VII. SẢN HẬU.

Sản hậu, phát ho, ỉa chèo, hực nóng.

Dùng các huyệt : Thiên-xu, Túc-tam-lý, Thận-du.

Như có mửa thêm Trung-uyên, Thượng-uyên.

Cách nhụt châm trị 1 lần, châm nhẹ lưu kim trong 15 hay 20 phút.

Hoặc dùng thêm cứu càng hay, (Huyệt Thiên-xu đối với người yếu đuối thì không nên châm, mà cần cứu nhiều).

Sản hậu cầm thương hàn, phát nóng sốt.

Dùng các huyệt: Châm Đại-trường-du, Tiêu-trường-du, Thượng-liêu, Trung-thứ, Hạ-liêu, Trung-cực, Quang-nguyên, Thủ-tam-lý, Túc-tam-lý, Hiệp-cốc, Tam-âm-giao, Huyết-hài, Đại-dô, Ân-bach, Quy-khai.

Hoặc cứu Quang-nguyên, Trung-cực, Đại-dô, Túc-tam-lý, Tam-âm-giao.

Trị bệnh sản hậu ra huyết nhiều, xoay xẩm, mặt thủng.

Cô Vinh 35 tuổi sanh đã hơn tháng thình lình tử cung ra huyết làm cho xoay xẩm, mắt hoa, mặt thủng.

Trị pháp : Cứu Bạch-hội, Thượng-tinh, Phong-tri, Phế-du, Cách-du, Can-du, Thận-du, Chiêm-trung, Nội-quang, Trung-uyên, Khi-hải, Trung-cực, Chương-môn, Túc-tam-lý, Tam-âm-giao đều 3 tráng, Đại-dôn, 5 tráng, E-phong, Nhị-tiêu 1 tráng.

Kết quả Huyết bớt ra (vì sản hậu người suy nhược nên cứu không châm).

Trị lần thứ 2 Châm Nội-quang, Phục-lưu, Tam-âm-giao bđ.

Kết quả : Xoay xầm giảm, ra huyết còn ít.

Trị lần thứ 3 Trị như trên. Bình phục hẳn.

Bệnh sản hậu bị lạnh làm xoay xầm, ngực đau, chân sưng.

Cô Lan 35 tuổi, 5, 6, năm về trước sau khi sanh bị lạnh làm đầu xoay xầm; mặt sưng, đau lưng, nay gặp cảm lạnh lại phát tại ngực nặng như bị đá đè, hai chân sưng thủng.

Trị pháp : Châm Nội-quang, Hiệp-cốc, tả, Túc-tam-lý bồ.

Trước cứu Đại-chùy, Bách-hội, Phong-tri, Phong-môn, Phế-du, Khuyết-âm-du, Cách-du, Thận-du, Vị-du, Mạng-môn, Chiên-trung, Thương-uyền, Hạ-uyền, Chuong-môn, Kỳ-môn, Khi-hải, Tam-lý, Thái-xung đều 3 tráng.

Kết quả : Đầu bớt xoay xầm, ngực nhẹ, chân xẹp 1/2.

Trị lần thứ 2 Trị như trên. Kết quả các chứng nhẹ, chân xẹp hết.

Trị lần thứ 3 Trị như trên bình phục hẳn.

Bệnh sản-hậu tử cung sưng, mắt hoa, đêm nóng.

Cô Thương 31 tuổi lúc 17 tuổi sanh con đầu lòng, vì nằm ngồi chổ ẩm thấp phát bệnh, sau hè gặp lạnh thì phát bệnh, Bây giờ tử-cung sưng nhức đã 15 ngày, ban đêm phát nóng sốt, lòng bàn tay nóng, ngón tay tê, vận động thì mắt hoa, bụng đau từ chập bắc đi cầu, có khi ra máu rồi kiến thi da dày bị lở không ăn được, thường có bạch-dái nhiều, nhiệt độ 38,5, chân mặt nóng chân trái lạnh.

Trị pháp : Trước cứu Đại-chùy, Phong-môn, Phế-du, Cách-du, Tỷ-du, Thận-du, Can-du, Chiên-trung, Trung-uyền, Chuong-môn, Khi-hải, Túc-tam lý, Tam-âm-giao đều 3 tráng.

Châm Trung-uyền, Nội-quang, Thái-xung.

Kết quả : Các chứng Bạch-dái, đau bụng, Tử-cung bớt đau, ăn được không dày tức như trước.

Trị lần thứ 2 ngày sau (hiện bệnh chỗ xương đùi đau, đầu ngón tay và ngón chân đều tê cứng).

Châm Phong-phủ, Dương-lăng tả. Cứu như trên thêm Bách-hội, Tiên-đành, Thương-tinh, Thái-dương đều 3 tráng.

Kết quả : Lòng bàn tay bớt nóng, Bạch-dái ít, chân bớt đau.

Trị lần thứ 3. Hiện bệnh này 2 bên hông đau, miệng có hơi ra nóng, môi khô, hàm răng trên nhai đau, cổ họng như muỗi

Đại tiễn 4 ngày không đi.

Châm Thái-khè, Trung-uyền bồ, Thái-xung, Phong-phủ tà. Cứu như trên.

Kết quả : Đại tiễn thông, 2 bên ngực và hàn răng bớt đau, có hơi thở.

Trị lần thứ 4 Châm Phục-lưu, Tam-âm-giao, Túc-tam-lý bồ, Phong-phủ, Thái-xung-tả.

Kết quả : Bạch-dái ít, tử cung bớt đau, họng cũng giảm nhiều.

Trị lần thứ 5 trị như trên, Kết quả chán hết đau, bạch đái ít.

Trị lần thứ 6 cũng trị như trên.

Kết quả: Ăn biêt ngoa không còn đau dạ dày nữa, về sau bình phục hẳn.

Bệnh Sản-hậu vì giao cấu làm bụng đau, toàn thân đều đau.

Cô Hoa 31 tuổi Sản hậu làm rét uống thuốc nhiều lại vì mới sanh 40 ngày, giao hoan quá sớm làm bụng dày, làn lòn chán gối đau, đến nay từ rún đến Vị-uyền 2 bên đều đau, Lá lách sưng lớn, ngực đau cong khum xuống không ngay được, cứ đến 3 giờ chiều lại đau đầu, Đại tiễn 1 ngày đi 2, 3 lần, lại thêm phát ho, ợ, hơi.

Trị pháp : Châm Trung-uyền, Chương-môn Tam-âm-giao đều 3 tráng, Thượng, Hạ-uyền, Thái-xung đều 1 tráng, Khi-hải, Thùy-phần bồ 3 tráng.

Kết quả : Ngực bớt đau, bụng ngay ra được, ho và ợ hơi bớt.

Trị lần thứ 2 cách 1 ngày. Châm Nội-quang, Kinh-cự, tà, Án-đường châm ra máu. Cứu như trước thêm Phong-môn, Phong-tri, Phế-du.

Kết quả : Sắc mặt hồng hào, tinh thần khỏe, duy còn đau bụng và đi cầu.

Trị lần thứ 3 ngày hôm sau.

Châm Nội-quang, Trung-uyền, Chương-môn tà. Cứu Thùy-phần, Thần-khuyết, Thiên-xu, Khi-hải, Quang-nguyên, Túc-tam-lý, Tam-âm-giao đều 3 tráng. Phong-môn, Phế-du, Kỳ-môn, Thái-xung, Túc-lâm-khấp 2 tráng.

Kết quả : Các chứng giảm, họng hết đau.

Trị lần thứ 4 (Hiện bệnh còn khi ăn cơm vào bụng lại dày đau

tại huyệt Chương-môn, và hay sôi ruột mà khi sôi ruột thì phải đi cầu tà ra nước).

Cũng trị như trên. Kết quả : Châm cứu xong bệnh giảm 1/2.

Trị lần thứ 5 cách tuần như. Châm Chương-môn, Khi-hải, Nội-quang tà.

Cứu như lần thứ 3.

Kết quả ; Tuần sau lại cho biết bệnh đã thuyên giảm nhiều và về sau bình phục hẳn.

Sản-hậu bụng dưới và lưng đều đau.

Cô Thinh 37 tuổi sanh mới đầy tháng, giao cấu phạm phòng nồng làm bụng dưới và lưng đều đau; đi đường lại càng đau kịch, bệnh đã 40 ngày.

Trị pháp : Châm Khi-hải, Trung-cực, Tam-âm-giao. Cứu Thận-du, Mạng-môn, Bàng-quang-du đều 3 tráng.

Kết quả : Bệnh giảm nhưng 3 ngày sau lại phát lại.

Trị lần thứ 2. Trị như trước thêm Châm Chương-môn, Hành-gian.

Kết quả : Bệnh hết hẳn.

Sản-hậu phát ho.

Cô My 23 tuổi sanh rồi ngộ hàng phát ho, nay đến nửa năm khi hết khí bệnh, ho khan đậm trắng mũi mặn, tăng sáng lại ho nhiều, khi ho nhiều thì lưng đau, đầu xoay xẩm.

Trị pháp : Châm Thái-uyên, Xoay kim bồ tà, Phong-long tà. Cứu Mạng-môn, Thận-du, Phế-du, Phong-môn, Tam-lý.

Kết quả : Ho giảm bớt.

Trị lần thứ 2 (Vì đậm mặn nên định bệnh thuộc Thận. Châm Phục-lưu bồ. Kinh-cự tà. Cứu Phế-du, Phong-môn, Nhũ-căn, Du-phủ, Hoặc-trung, Linh-khưu, Thần-phong, Âm-cốc, Túc-tam-lý đều 1 tráng.

Kết quả : Bệnh hết hẳn (Áp dụng phương pháp này về sau trị các bệnh như thế đều công hiệu).

Sưng tinh mạch :

Đàn bà sau khi sanh hoặc khi có thai có khi vì sự biến thể của máu phát từ nơi hán xuống chân, tĩnh mạch nổi lên có cục, ban đầu do thành ống mạch biến sanh từng bộ phận sau các tò

chữc xung' quanh chỗ ấy phát sưng lâu thành hình huyết khối, Chứng này lúc phát cũng có phát sốt cao độ (trên 40), có lúc làm ơn lạnh, chân sưng phù, sau nóng không còn cao độ nữa mà chân sưng càng lớn, thân thè trầm trọng, làm tim suy nhược, phổi bị út huyết ; thận cũng thương tổn, làm sưng Bàng-quang, Thận-vu. Bệnh này nếu dè biến sanh hại huyết hóa mủ thi át nguy hiểm, khó trị lành.

Trị pháp : Cần an tĩnh tăng gia sự dinh dưỡng, uống thuốc lợi tiểu tiện Châm cứu trị dùng các huyệt :

Mạng-môn, Dương-quang, Đại-trường-du, Bát-liêu, Âm-liêm, Khúc-tuyền, Phục-thổ, Huyết-hải (châm nhẹ). Chỗ sưng phù nhớ cảm cứu.

TIỂU-NHI KHOA

1. BỊNH CAM-TÍCH.

Em Trương 4 tuổi, bụng nồi gân sanh, đau bụng, miệng thèm muốn ăn hoài, nhưng ăn ít tiêu, thường phát sốt, da đỏ hồng, ưa nằm gió, trên trán có nốt ghẻ, dưới tay có hạch, bay khát nước, đêm không ngủ yên, tay chân yếu, đi đại tiện hay rặn, phân sắc đen, bình dã 4 tháng, dùng đủ thuốc Đông Tây đều không công hiệu.

Trị pháp : Châm Hiệp-cốc, Thiếu-thương, Thương-dương, Trung-xung ra máu Cứu Thần-khuyết, Thiên-xu, Thông-cốc, Âm đờ, Thủy-phản, Nội-định, Công-tôn, Khi-hải Âm-giao đều 1 trắng. Trung uyển, Chương-mòn. Tỳ-du, Vị-du đều 3 trắng. Thận-du, Túc-tam-lý, Tam-âm-giao bò 3 trắng.

Kết quả : Bớt sốt nóng, hết nằm gió.

Trị lần thứ 2 cách 1 ngày : Châm Khúc-tri, Tam-âm-giao tà Hiệp-cốc, Thiếu-thương, Thương-dương ra máu. Cứu như trước.

Kết quả : Tình thần hơi khoan khoái, miệng hết thèm ăn bậy.

Trị lần thứ 3 cách 4 ngày. Châm Khúc-tri, Tam-âm-giao bên, trái tà, Cứu như trước.

Kết quả : Bụng bớt đau, đi cầu phân sắc vàng.

Trị lần thứ 4 Châm Trung-uyển, Khúc-tri, Tam-âm-giao bò. Cứu, như trên. Kết quả : Ăn uống khá.

Trị lần thứ 5. Châm Khúc-tri bên trái, Túc-tam-lý bên trái bò Cứu như trước.

Kết quả : Sau bụng hơi xẹp lõn, gan xanh lõa lõa lõng, bình từ từ hết hẳn bình phục.

Bệnh Cam tích, bụng cứng không biết no, đói.

Cháu Cbi 3 tuổi, tháng trước phát sốt nóng kèm ja, nay ban đêm

Lát : **miệng khát, bụng rỗng, người ốm,** thường sau 12 giờ trưa
nhất chán sưng, Mỗi đêm h. r. 4, 5, lần, sáng dậy cũng đi 4 lần,
không biết nói, đói, bình phát ngày nhẹ đêm nặng, bình khí thăng
chỉ giảm, nhiều thay thuốc cho là khó trị.

Trị pháp : Châm các huyệt Tứ-tung (châm vào thi lóng gốc ngón
trỏ ra út tay trái có ra máu, còn các ngón tay khác chỉ ra nước
(trong trắng) Cửu Thủy-phần, Thần-khuyết, Thiên-xu, Túc-tam-lý,
Tam-ám-giao bồ 3 trắng Trung-uyễn, Âm-giao, Phế-du, Phong-môn,
Đại-chùy, Tỷ-du. Vị-du đều 1 trắng.

Kết quả : Đi cầu bớt, Biết nói, phân tốt, tinh thần vượng lại, vui
cười, sắc mặt hồng hào trở lại.

Trị lần thứ 2 : Cách 1 ngày Trị như trước, (châm các huyệt Tứ-tung
có ra máu hơn trước, tinh thần vượng lại khá).

Trị lần thứ 3 Trị cũng như trước nhưng huyệt Thần-du cứu bồ
3 trắng. Mạng-môn bồ 1 trắng.

Kết quả : Đi cầu giảm chỉ còn 2 lần,

Trị lần thứ 4 Cũng trị như trước, huyệt Vị-du cứu bồ 3 trắng,
(bây giờ Châm Tứ-tung thì ra máu hơn các lần trước).

Kết quả : Nóng giảm, hết chảy nước mũi, bớt khát nước; ngày
sau đi cầu có nước, bụng bớt cứng.

Trị lần thứ 5 : Châm Tứ-tung, Cửu Thượng-uyễn, Trung-uyễn,
Hạ-uyễn, Thủy-phần, Thiên-xu, Thần-khuyết, Âm-giao, Thần-du,
Túc-tam-lý bồ 3 trắng.

Kết quả : Sau khi châm thì mửa ra đồ ăn, lần lần bụng bớt
cứng nhiều.

Sau 15 ngày lại cho biết bệnh đã hết hẳn. Bây giờ châm các
huyệt Tứ-tung đều ra máu.

Kết quả : Về sau bệnh hoàn toàn bình phục.

Bệnh Cam tích, bụng trương, thân phù thủng, thường nóng cơn
Cháu Học 2 tuổi bụng cồ trương, trong có tích nước, mỗi ngày
đều có phát nóng cơn, toàn thân người phù thủng.

Trị pháp : Châm Tứ-tung huyệt (ngón tay trỏ và ngón út tay
trái ra nước trắng, ngón giữa tay mặt ra nữa nước nữa máu).

Cửu; Thượng, Trung, Hạ-uyễn, Thiên-xu, Khi-hải, Quang-nguyên
đều bồ 3 trắng Thần-khuyết, Âm-giao bồ 1 trắng, Tỷ-du, Vị-du, 3
trắng, Thần-du, Mạng-môn, Đại-chùy, Tam-lý, Tam-ám-giao, Công-
tôn đều 1 trắng.

Kết quả : Về sau lần lần bụng sụp, thủng sụp, bình hết hẳn.

Bệnh Cam tích bụng trướng, người gầy ốm.

Cháu Hon 2 tuổi bị đồ ăn làm tích, phát ấm mửa, sau lần lần bụng trướng to, tay chân gầy yếu, không muốn ăn uống, chỉ ngón trỏ lên đến bộ quang đi cầu ngày 2, 3 lần hói thui, khát nước muốn uống hoài.

Trị pháp : Châm đầu ngón tay giữa ra máu. Cứu Trung-uyên, Thủy-phần, Thần-khuyết; Âm-giao, Thiên-xu, Thần-du, Túc-tam-lý, Tỷ-du, Vị-du, Chương-môn, Công-tôn, đều 2 tráng, Tam-âm-giao, Mạng-môn đều 1 tráng.

Kết quả : Bụng trướng giảm, ăn được.

Trị lần thứ 2 Cứu trị như trên.

Kết quả : Bớt khát nước; Đại tiện hơi có phần sệt, ít thui, bụng giảm.

Trị lần thứ 3. Cũng cứu như trên. **Kết quả :** Hết đi cầu, bụng giảm nhiều.

Trị lần thứ 4 Cũng cứu trị như trên.

Kết quả : Lần này đi cầu ra toàn máu đen, nước rất hói thui, sắc mặt hơi trắng mét (ấy là chất độc trong Dạ dày ra và bình đã giảm nhiều nhưng nguyên khí còn yếu, chưa khôi phục).

Trị lần thứ 5. Cho uống thuốc Đông-y bồi dưỡng tinh thần khỏe lại hết đi cầu.

Trị lần thứ 6 Châm Tú-tung huyết (tay mặt 1 ngón có máu, tay trái hai ngón có máu). Cứu như lần thứ 1 và uống thuốc bồi dưỡng thêm.

Kết quả : Đêm ấy ngủ được nhưng lại còn đi cầu toàn sắc đen, ngày sau vẫn còn đi vài lần nữa, rồi lần lần mới hết, tinh thần khỏe trở lại, chơi giốn như bình thường, bình phục hẳn.

Bệnh Cam tích mặt vàng, người gầy ốm, nỗi gan xanh.

Cháu A 5 tuổi 3 năm nay nước da vàng gầy ốm, bụng nóng, mặt nỗi gan máu và vết xanh, tay chân lạnh, lòng bàn tay nóng, ăn không tiêu, nhiệt độ 39,5.

Trị pháp : Châm Nội-quang, thích Ân-hạch, Lê-doài ra máu, Cứu Trung-uyên, Thủy-phần, Chương-môn, Thần-khuyết, Thiên-xu, Khi-hải, Cách-du, Tỷ-du, Vị-du, Thần-du, Mạng-môn, Tam-âm-giao đều 3 tráng.

Kết quả : Ngày sau đi cầu 5 lần, đêm 2 lần ra nước vàng, tay bớt nóng, nhiệt độ xuống 38,5.

Trị lần thứ 2. Châm Nội-quang. Cứu như trên.

Kết quả : Bung bớt cứng, nhiệt độ xuống 35,6.

Trị lần thứ 3. Cứu như trên.

Kết quả : Từ đây về sau các chứng đều giảm và bình phục hẳn.

Bệnh bụng to cứng, thân thủng, người yếu nhún.

Cháu Liêm 3 tuổi 3 tháng trước là nước, thân thủng, dùng đủ thuốc trị không nhẹ, nay bụng to cứng, lưng đau, cả người yếu nhún, đại tiện mỗi ngày đi 2 lần rất hôi thối.

Trị pháp : Cứu Trung-uyên, Thủy-phần, Thiên-xu, Khi-hải, Túc-tam-lý, Tam-âm-giao, Tỵ-du, Vị-du, Đại-trường-du, Thành-du đều 3 trắng, Thành-khuyết, Âm-dô, Âm-giao, Thái-xung, Công-tôn 1 trắng.

Kết quả : Ngày sau 12 giờ trưa đi cầu 2 lần, ban đêm 4 lần, ngày sau cũng đi 3, 4 lần; đêm cũng 4 lần toàn nước vàng, bụng xop nhỏ, thủng xop.

Trị lần thứ 2 : Vì đi cầu nhiều nên tay chân lạnh. Cứu Trung-uyên, Thủy-phần, Thiên-xu, Thành-khuyết, Âm-giao, Khi-hải, Quang-nghuyên, Túc-tam-lý, Tam-âm-giao bồ 4 trắng.

Kết quả : Hết đi cầu tay chân hết lạnh, sắc diện tinh thần khỏe khoắn, bình phục hẳn.

Bệnh Cam tích bụng to cứng hình thẻ óm như sậy.

Cháu Mùi 2 tuổi bụng to trường cứng, ngày là 4 lần, phần trắng có nước, có lúc phẳng ra toàn đồ ăn, miệng khát nước uống hoài, lòng bàn tay trắng bạc chẵn, người như cây sậy.

Trị pháp : Cứu Trung-uyên, Thủy-phần, Thiên-xu, Khi-hải, Tam-lý, Tam-âm-giao, Thành-khuyết đều bồ 3 trắng, Tỵ-du, Vị-du, Đại-trường-du 3 trắng, Âm-giao, Thái-xung, Công-tôn 1 trắng, trong uống thuốc Cam-tích.

Kết quả : Hết là nước, phần sắc vàng, chỉ đi 3 cầu lần, bớt khát nước.

(Trước châm Tú-tung huyệt, các ngón út, trỏ, ngón giữa tay trái ra nước trắng, còn các ngón khác ra máu).

Trị lần thứ 2. Cách 2 ngày. Cứu trị như trên.

Kết quả : Các bệnh giảm nhiều, lòng bàn tay hồng hào trở lại.

Trị lần thứ 3 Châm Tú-tung-huyệt (các ngón đều có máu chỉ ngón áp út tay trái còn nước trắng), cứu như trước thêm Phong-môn,

Kết quả : Bụng trướng xop.

Trị lần thứ 4. Hiện bệnh bụng cồn to, làm kiết, mũi ngứa hay lấy tay cào; miệng khát nước.

Châm Khúc-tri, Nội-quang. Cứu như lần thứ 3.

Kết quả : Chứng kiết giảm, hết khát nước, mặt hết mệt.

Trị lần thứ 5 Châm Khúc-tri, Hiệp-cổc, Nội-quang. Cứu Bách-hội, Phong-môn, Phế-du và các huyệt như trên.

Kết quả : 10 ngày sau gia đình cho biết bệnh hoàn toàn bình phục hẳn.

Bệnh Lưỡi tua trắng, bụng sôi thường là đêm.

Cháu Tu 1 tuổi, lúc mới sanh lưỡi thường có cẩn trắng (Đen), sau làm bụng hay sôi, rồi phát ỉa, ngày 1, 2 lần, đêm 4, lần, mặt vàng, đêm cho người trị Đen lè Tú-tung huyệt, hai tay đều phát sưng, 4,5 ngày chưa hết.

Trị pháp : Cứu Phế-du, Phong-môn, Tâm-du, Tỳ-du, Vị-du, Thận-du, Trung-uyễn, Thần-khuyết, Khi-hải, Công-tôn đều 1 trắng. Thiền-xu, Túc-tam-lý, Tam-âm-giao đều 3 trắng.

Kết quả : Trị sau 6 giờ, đi cầu sắc vàng và từ đó về sau đều như vậy.

Trị lần thứ 2 Trị như trên.

Kết quả : Ngày sau còn đi cầu 1 lần có phần trắng, ngày thứ 3 hết, lưỡi hết tua và ăn được.

Trị lần thứ 3 Cứu Đại-chùy, Phong-môn, Phế-du, Chiên-trung, Tâm-du, Thần-khuyết đều 1 trắng, Khi-hải, Túc-tam-lý, Tam-âm-giao bò 3 trắng.

Kết quả : Hết đi cầu, sắc mặt tươi nhuận và chơi giời.

Trị lần thứ 4, 5. Cũng trị như trên. Kết quả: đi cầu hết hói thui

Trị lần thứ 6 Trị như lần thứ 3 Thêm huyệt : Nội-quang, Trung-uyễn, Chương-môn, đều cứu 3 trắng.

Kết quả : Bệnh nhẹ hẳn; miệng hết tua.

(Bệnh này trị lần thứ 2 đi cầu xò ra chất trắng lớn cơn 2 lần đó là đậm đặc, ra được nên chứng Đen ở lưỡi hết hẳn).

II – TÍCH THỰC. TRÚNG THỰC.

Trẻ con bị tích đờ ợ.

Trẻ con vì quá phàm ăn, trẻ con bú sữa bò không tốt, hoặc sữa mẹ không tốt, sanh bình làm tinh thần không an, mặt xanh xao, đau bụng, hay khóc, sau khi đi cầu được mới yên, phân thường sắc xanh hoặc vàng có cặn, hoặc sắc trắng rất hôi thối, chứng nặng làm tả toàn nước, ợ mửa, phát sốt bụng đè đau, nói xàm có khi cũng phát kinh dục.

Châm cứu trị bệnh này cần làm cho bộ phận tiêu hóa mạnh.

Trị pháp : Dùng các huyệt . Tam-tiêu-du, Vị-du, Đại-trường-du, Thiên-trụ, Khi-hải, Thiên-xu, Tam-âm-giao, Phong-trì, Đại-chùy, Thủ-tam-ly, Hiệp-cốc. Châm cạn 1,2 phân; nếu cứu thì dùng trước tác cứu.

Nếu trường hợp sưng ruột làm Kiết-ly.

Dùng các huyệt : Châm Tam-âm-giao, Thiên-xu, Hiệp-cốc trị 3 ngày ắt nhẹ và nên cứu Đại-trường-du, Thiên-xu, Túc-tam-ly mỗi ngày 3 lần, mỗi lần 3 phút, vài ngày ắt khỏi phục.

Tiêu nhĩ cấp tánh tiêu hóa bất lương.

Trẻ con bộ phận tiêu hóa yếu ăn lâu tiêu làm Trúng thực, Thượng-thực. Trị bệnh này cần làm cho cơ năng Trường-vị mạnh để giúp bộ phận tiêu hóa.

Châm pháp : 1.— Châm các huyệt : Thân-trụ, Can-du, Cách-du, Đở-n du, Tỳ-du, Thượng, Trung, Hạ-uyền, Thượng-khưu, Mạnh-du, Thiên-xu, Phong-trì, Kiên-tinh, Kiên-trung-du, Đại-chùy và các huyệt chín i tay, chân châm nhẹ.

2.— Hoặc châm Tam-tiêu-du, Thiên-trụ, Khi-hải, Phong-trì, Đại-chùy, Thủ-tam-ly, Hiệp-cốc châm nhẹ.

Cứu pháp : Cứu Thân-trụ 3 trắng, Tam-tiêu du 3 trắng.

Hoặc cứu Can-du bên trái 1 huyệt. Tỳ-du bên mặt 1 huyệt (trí con trai). Cứu Can-du bên mặt, Tỳ-du bên trái (trí con gái).

Trẻ con bệnh về Tỳ-vị nên dùng phương cứu này rất hay.

III— CÁP-MẠNG KINH

Trẻ con Kinh phong, Kinh giàn, Cáp, Mạng kinh.

Trẻ con hoặc vì Thương-thực, Trung-thực, ăn không tiêu, kiết-lỵ, Tiễn bi Cảm sốt nặng thường phát sanh Cáp-giản.

Chứng nặng cắn răng, nghiến răng, tay chân ngay cứng, hoặc eo ngực, thở dốc, 1 chàp lại tĩnh, rồi lại phát trở lại.

Trị pháp : Dùng các huyệt tùy châm cứu trị :

Thiểu-thương, Hiệp-cốc, Khúc-tri, Nhơn-trung, Đại-chùy, Dũng-Tuyễn, Trung-uyễn, Ủy-trung, Bách-hội, Án-dường, Thừa-sơn, Vị-du, Thần-du.

Trẻ con 5, 6, tuổi châm 2, 3 phán, nhổ lâm không nên châm.

Cáp cứu châm Thập-tuyễn rất công hiệu.

Chứng Kinh giàn, trẻ con nên phân ra 2 chứng Cáp-kinh, Mạng-kinh.

Cáp-kinh : Châm cứu đối với bệnh này cần làm cho trấn tĩnh cơ năng Thần kinh để định chỉ sự eo ngực.

Dùng những pháp sau đây :

1.— Khi cơ dương phát châm các huyệt :

Thiểu-thương ra máu, Hiệp-cốc, Nhơn-trung, Khúc-tri, Dũng-tuyễn, Đại-chùy, Bách-hội, Ủy-trung.

Nếu chưa kết quả châm thêm Trung-uyễn trước tác thuật, châm 1, 2 lần, mỗi lần 1, 2 phút, ngoài ra các huyệt sau đây nên châm sâu :

Mang-môn, Phong-phủ, Thương-dương, Trung-chữ, Quang-xung, Thiểu-xung, Thiểu-trạch, Án-dường, Án-bạch, Thừa-sơn.

2.— Châm Tiểu-thương ra máu, Bách-hội, Nhơn-trung, Đại-chùy, Chi-dương, Mang-môn, Phong-phủ, Ủy-trung, Khúc-tri.

Nếu chưa kiến hiệu châm thêm Trung-uyễn như trên.

Mạng kinh : Dùng những phương pháp sau đây :

1.— Châm các huyệt : Bách-hội, Tiễn-danh, Thương-tinh, Thần-tru, Phong-tri, Hiệp-cốc, ngoài ra các huyệt chính ở bụng, lưng, chân nên châm nhẹ.

2.— Cứu Thiên-tru, Phong-tri, Thần-tru, Phế-du, Hiệp-cốc, Túc-tam-lỵ.

3.— Cứu Xích-trạch 4 tráng.

- 4.— Cứu Đại-chùy, Thiên-xu, Quang-nguyên 10 tráng.
- 5.— Cứu Gian-sử, Hiệp-cốc, Thái-xung.
- 6.— Cứu Tỳ-du, Tam-ám-giao, Quang-nguyên, Khi-hải, Trung-
nguyên.
- 7.— Cứu Thiên-xu, Quang-nguyên, Bách-hội, Thần-khuyết.

Chứng Dạ kinh (phát kinh dực ban đêm).

Trẻ con hoặc vì tiêu hóa không tốt, thè chát suy yếu, thần kinh dễ bị kích thích, hoặc vì bệnh mũi, cổ họng, cũng dễ phát chứng này.

Thường trẻ con từ 3 tuổi đến 6 tuổi thường phát.

Chứng trạng 1 giờ hay 2, 3 giờ, tự nhiên dực mình khóc la cá 5, 10 phút có khi lâu hơn, bình mới hết, hoặc 1 đêm phát 1 lần, hay 2, 3 đêm 1 lần, hoặc 10 ngày 1 lần bình cù diễn tiến hoài.

Trị bệnh này nên cứu huyết Bách-hội (trước tác cứu) từ 3, 7 phút, tùy thêm các huyết như trị bệnh cấp mang kinh trên áp dụng trị.

Trị bệnh Dạ-kinh trẻ con.

Cháu A 6 tuổi bị bệnh ban đêm thường ngủ hay dực tay chân, miệng méo, tinh thần hỗn loạn bất tĩnh. Anh em không ai dám nằm ngủ chung, khi cơn phát cha mẹ thức dậy ôm 1 chắp mời tĩnh lại, ban đầu 1, 2 tuần phát 1 lần; sau này 1 tuần phát 3, 4 lần, gần đây liên tiếp phát luôn 3 đêm.

Trị pháp : Châm Thần-môn, Nội-quang, châm nhẹ và mau, châm Đại-chùy châm nhẹ lấy kim, gia cứu 3 tráng.

Trị lần thứ 2 (cha mẹ cho biết đêm ấy cũng phát nhưng nhẹ hơn). Châm Thần-môn, Đại-lăng, châm nhẹ và mau, châm Địa-thương bên mặt châm nhẹ và lưu kim 15 phút. Huyệt Đại-chùy, châm gia cứu 3 tráng.

Trị lần thứ 3 (cha mẹ cho biết đêm ấy không có phát, miệng hết méo, nhưng ngủ tráng trọc cả đêm). Tôi nhận vì cứu Đại-chùy, nhiều nên ánh hưởng, Châm lại Thần-môn, Địa-thương, Túc-tam-lý châm nhẹ (3 huyết này không cốt trị chứng kinh giãn nữa mà cốt làm tĩnh thần-kinh).

Trị lần thứ 4 (cha cho biết đêm ấy cũng không phát mà ngủ yên (nhận định chứng giãn đã hết hẳn), hỏi còn cần trị nữa hay không, tôi cho biết bệnh này nên trị tiếp thêm 10 lần nữa cho điều

hòa thàn kinh mới có thể dứt hẳn được. vì thế nên cố theo trị luôn 10 hôm nữa (cũng áp dụng những huyệt trị lần thứ 3).

Kết quả . Từ ấy về sau bình phục hoàn toàn, không tái phát.

Trị bình trẻ con đực kinh la khóc.

Cháu Long mới sanh 6 tháng, thỉnh lình tay chân co đực la khóc.

Trị pháp : Châm Khúc-tri, Thái-xung.

Châm trị xong toàn thân phát ban đỏ hết đực, hết la khóc.

Trẻ con nóng sốt kinh đực.

Cháu Nam 2 tuổi, nóng sốt, kinh đực dùng Âu-được trị không công hiệu, miệng lở, nồi mực trắng, hòn mè, mắt nhắm, nhiệt độ 37/5, mạch nhấp 108.

Trị pháp : Châm Hiệp-cốc, Thủ Tĩnh-huyệt, An-bạch, Lệ-doài, Đại-dòn ra máu và châm Khúc-tri, Nội-quang, Thái-xung, Dương-lăng-tuyễn.

Kết quả : Bớt co đực, nhiệt độ còn 37.

Trị lần thứ 2 (hiện mắt còn nhảm). Châm Hiệp-cốc, An-bạch, Lệ-doài ra máu, Nội-quang, Khúc-tri.

Kết quả : Châm xong mở mắt, qua ngày sau miệng hết mực, bình phục hẳn

Trị nghiệm.

Trị chứng trẻ con Mạng kinh.

Cháu Thị Cao 1 tuổi phát ỉa mửa trên 1 tháng, nay phát sốt cao độ, đầu cút lắt hoái, tay chân co khi co đực, miệng hả lớn, mắt trợt, miệng hồi thui, 3 ngày không đi cầu, có khi thán lại lạnh, đêm khóc không yên, xem chỉ tay đã lên đến bộ Quang, lại hay phát mửa, đi Bệnh-viện trị, chứng nhận là chứng Mạng-kinh Não-mạc viêm trị lâu không bớt cho là chứng hắt khà trị. Xin về nhờ Châm cứu trị.

Trị pháp : Châm Đại-chủy, Phong-phủ, Phong-tri, Hiệp-cốc, Thủ-tĩnh huyệt, An-bạch, Lệ-doài.

Kết quả : Giảm cơn sốt, đêm nằm yên tay chân bớt diệu động.

Trị lần thứ 2 (liên tiếp trị mỗi ngày). Châm Bách-hội, Phong-phủ, Phong-tri, Đại-chủy, Phong-môn, Thần-trụ, Mạng-môn, Trương-cường, Nhơn-trung, Án-dưỡng, Thái-xung, Túc-lâm-khắp và châm ra máu Thập-tuyễn.

Dùng ngại quyền cứu Khi-hải, Quang-nghuyên.

Kết quả Tay chân bớt diệu động, hết sốt, ngủ yên, các chứng ho miệng thổi cũng giảm, còn nghiến răng.

Trị lần thứ 3 Châm cứu trị như trên. Đêm ấy đại tiện thông (đã 4 ngày) tinh thần khỏe.

Trị lần thứ 4 Châm Đại-chùy, Phong-phủ, Phong-tri, Đại-dôn, Phong-môn.

Dùng ngại quyền cứu Khi-hải, Quang-nghuyên, Trung-uyễn.

Kết quả : Đêm ấy ho, mửa, suốt đêm không nằm yên được, sáng ngày mè mệt, gia đình sợ mời Đông-y trị, vì thấy lạnh thay ấy dùng theng Lý trung gia giảm cho uống 1 thang không kiền hiệu, đêm lại Châm trị.

Trị lần thứ 5 : Dùng Ngại quyền cứu Khi-hải, Quang-nghuyên, Trung-uyễn, Chương-môn.

Kết quả : Đêm ấy bớt mửa nhưng nghiến răng nhiều hơn, chồm dậy đầy, sắc mặt mệt.

Trị lần thứ 6. Cứu Tỳ-du, Vị-du hổ 3 trắng, Đại-chùy 1 trắng, Phong-môn 3 trắng, Khi-hải, Quang-nghuyên, Trung-uyễn, Chương-môn cứu như trước.

Kết quả: Sắc mặt tươi nhuận lại, tay, đầu bớt lắt, còn mửa 3 lần.

Trị lần thứ 7 Cứu trị như trên.

Kết quả : Hết nghiến răng, hết ho, mửa 1 lần, tay chân hết diệu động.

Trị lần thứ 8 Trị như lần thứ 6. Đầu trờ lại lắt và nghiến răng.
(Ấy là vì cứu nóng quá phản ứng).

Trị lần thứ 9. Trị như lần thứ 5.

Kết quả : Tinh thần khỏe lại, nhưng đêm ấy hơi mửa.

Trị lần thứ 10 Cứng trị như lần thứ 5.

Kết quả : Tay chân thật hết diệu động, đêm ngủ yên, lại đi cầu là chất trắng như sữa chưa biến, trên châm phát nồi ban đỏ.

Trị lần thứ 11. Trị như trên.

Kết quả : Bình hoàn toàn nhẹ hẳn, sau chỉ cho uống thuốc bồi dưỡng.

Trị chứng trẻ con Kinh đực nguy cấp.

Cháu Anh 28 tháng bị ban đêm phát sốt rất nặng, ra mồ hôi lạnh; qua 12 giờ trưa phát mệt trực thì đầu uổng ngược, tay chân co đực, miệng phèo nước bọt, trước rất nhấm không mở, nay hai

mõ không nhấm, tròng mắt bên trái xeo qua 1 bên, đã 4 ngày không đi cầu, thần sắc hờn mè, đưa đi Bình-viện tìm thuốc và chẩn đoán là bệnh Nǎo bị liệt không thể trị được, đem về nhờ Châm trị.

Hiện bệnh rất nguy cấp, bệnh nhân chỉ tay trỏ đã lên đến Mạng Quan, nhiệt độ 38/3, khó cứu sống, nhưng vì quá khẩn cầu, nên trị cấp cứu.

Trị pháp : Cứu Đại-chùy, Thầm-khuyết (ngại quyện cứu) Châm Nǎon-trung lưu kim, Bách-hội, Phong-phủ ra máu, rồi lỗ Đại-chùy đến huyệt Chi-dương mỗi đốt sống lưng cho ra m้าu, Châm Thập-tuyền và 11 tĩnh huyệt ở tay ra máu, tiếp châm Phong-trì, Trung-uyễn, Khi-hải, Quang-nguyên lưu kim.

Kết quả : Miệng hết phèo bọt, tay bớt ngực, mắt diệu lại nhưng vẫn hôn mê (chứng này vì Nǎo bị độc rất nặng nên còn mê).

Trị lần thứ 2 Đại tiện 5 ngày không đi, nhiệt độ 38/3. Châm Thiếu-thương, Quang-xung, Trung-xung ra máu, Thương-phục-thổ (2 huyệt trên chỗ xương Khuyết-bồn có sưng). Ân-hạch ra máu, Thiên-địa-tráp bên trái (dưới huyệt Tuyệt-cốt 1 tấc) châm 1 kim trả lên 1 kim trả xuống, Lưu-can-huyệt (Dưới lồng chỉ khuỷu nhượng chân 1 tấc, châm dưới lồng da mũi kim hướng trả lên 6 phân).

Kết quả : Khi châm huyệt Thiên-địa-tráp thì đại tiện ra phần đen, 2 mắt trực thị, vài phút sau hết. Nhưng ngày sau chết.

Án trị lý : Trị chứng này ban đầu trị mà vẫn còn hôn mê là vì Nǎo bị nhiễm độc rất nặng, không phương gì cứu được, sau hội với Ông bạn Y-sư Châm cứu Vạn-vạn-Trinh kinh nghiệm trị bệnh sưng màng não cho biết đã trị nhiều bệnh dùng huyệt Thiên-địa-tráp để làm cho bộ phận tuần hoàn mạnh lại thì cứu được. Sau khi áp dụng huyệt này châm trị thì đại tiện thông ngay, duy bệnh vì Nǎo bộ bị nhiễm độc quá nặng, nên khi châm phản xạ lên não làm mắt trực thị mà không khôi phục được, (Nǎo đã bị liệt) nên chết. Vậy xin ghi vào đây để nghiên cứu (lời của Châm sư Trần-tòn-Nhơn).

Trị chứng Mạng kinh, chẩn đoán không nhận rõ được.

Cháu Tú 18 tháng bị bệnh đưa đi Bình-viện đã 12 ngày; thử máu nhiều lần không nhận định rõ bệnh, vẫn cho là chứng Mạng-kinh, không trị được, hiện bệnh trạng: tay chân ngay cứng; miệng ngậm hắt tĩnh nhơn sự, thở từng hơi một, rất nguy không thể chữa trị được, nhưng vì gia đình yêu cầu giúp may ra phàn

nào, vì không lý khoanh tay ngồi nhún chau chưa chết.

Trị pháp : Châm các huyệt ; Nhơn-trung, Trung-uyên, Khi-hải, Quang-nghuyên lưu kim 2 giờ, rồi châm Bách-hội, Phong-phù, Thái-dương, Xích-trạch, Côn-lôn, Thái-xung, Thập-tuyên, Nội-quang, Khúc-trạch, châm Trung-xung ra máu Án-đường châm xoay kim qua mặt qua trái.

Kết quả : Châm trị trong 30 phút, tay chân diệu động co lại, miệng hả chân vận động, châm xong tròng mắt liết, ngày hôm sau hổm miệng. Các chỗ tay, Đầu, Cổ đều nồi mực như phát ban, môi cứng bớt đỏ, nhiệt độ đo 37,8.

Vậy nên nhờ vì lưu kim, đến nữa giờ nên tay chân vận động châm xong hả miệng, qua ngày sau liết mắt, ấy náo độc nhiễm bình giảm phát ra ngoài nén nồi mực như ban).

Trị lần thứ 2 ngày sau.

Châm Nhơn-trung lưu kim Phong-phù, Á-môn, Thương-tinh, Xích-trạch Thich-Bách-hội, Án-đường, Thái-dương ra máu. Cứu Khi-hải, Quang-nghuyên (dùng ngại quyện cứu).

Kết quả : Ngày hôm ấy về nhà đại tiện thông, ngày thứ 2 ngủ được, tay chân diệu lại (không cứng như trước), chân nồi lên ban đỏ, phía sau đầu có nồi về đỏ bằng ngón tay, nhiệt độ 37.

Trị lần thứ 3. Châm Nhơn-trung, Phong-phù, Phong-trie, Thái-xung, Túc-lâm-khấp (Nhơn-trung châm lưu kim). Thich-bách-hội, Án-đường, Thái-dương ra máu. Cứu như trước thêm Đại-chùy 3 tráng.

Kết quả : Tình thần khỏe, hay đòi uống nước, mắt bên trái mở ngoé có thần còn mắt bên mặt còn hơi hý, trong tai lại có rỉ máu, huyệt Phong-trie bên mặt nồi 1 cục. Nhưng ngày hôm sau lại tim nhảy mạnh, bụng hơi cứng, chân mặt lại đơ, nhiệt độ cao 38 (dấy là vì cứu Đại-chùy nóng làm phản ứng).

Trị lần thứ 4. Châm Á-môn, Phong-phù, Tích-trung, Thập-tuyên, Côn-lôn, Bách-hội, Án-đường, Nhĩ-tiêu, Thái-dương ra máu. Cứu Đại-chùy, Thần-khuyết, Khi-hải, Quang-nghuyên (dùng ngại quyện cứu).

Kết quả : Bụng bớt cứng, tim ít đập, nhiệt độ hạ 37.

Trị lần thứ 5. Cứu Khi-hải, Quang-nghuyên, Trung-cực (cũng dùng ngại quyện cứu 3 lần).

Kết quả : Chân mặt bớt đơ, hơi phát ho.

Trị lần thứ 6 Trị như trên.

Về sau không lại trị nữa.

Bệnh này chưa rõ thể nào vì sau không cho biết kết quả, nhưng ta chắc bệnh ấy về sau cũng bớt nhiều, vì các chứng nguy hiểm không còn nữa.

Trị chứng Dục kinh nguy cấp.

Cháu Mùi mới sanh 9 tháng 10 ngày trước phát bệnh ban đầu thỉnh lình phát sốt, cõi cứng đơ, không khóc được, tiêu tiệu ít, ngã rời lờ dờ, mắt lảo liên, có khi trực thị, không đi cầu, đến Bác-sĩ chẩn đoán cho rằng ruột bị bể tắc, trị 3 hôm không có công hiệu lại thêm phát kinh dục, mắt tròn tráo, đến Bác-sĩ khác cũng không hiểu chứng gì, sau cho uống thuốc làm mửa, trị trong 3 ngày nữa chứng lại càng nguy hiểm hơn, đưa lại Đông-y cho uống thuốc thì không nhò thuốc được nữa, sau đến nhờ Châm cứu trị.

Hiện bệnh nhiệt độ 38, đầu cõi ngay đơ, mắt lợ lão, khờ khao, rǎu cắn chặc, sắc mặt xanh, chỉ ngón trỏ tím đen lên đến Mạng-Quan, nhận là chứng kinh dục Não-mạc-viêm nhưng chứng rất nặng sợ không trị được nữa, nhưng vì cha mẹ khẩn cầu quá nhờ cứu giúp, nên cố tận lực trị giúp.

Trị pháp : Bắt đầu châm Thiếu-thương, Trung-xung Hiệp-cốc (châm vào không la khóc gì cả), nhưng châm rồi hơi mở miệng thấy chót lưỡi, lập tức cho uống thuốc. Kết quả : nhỏ vào được, bảy giờ hơi dịu lại, mắt nháy, bớt dục, tiêu được (có kết quả trị được).

Trị lần thứ 2 ngày hôm sau Châm Thiếu-thương, Thủy-cầu, Trung-xung, Thừa-tương (khi châm thì lại lắc cõi), cũng tiếp cho uống thuốc.

Kết quả : Trồng mắt hết lảo liên, cõi xoay được, đi cầu 1 lần.

Trị ngày thứ 3 Châm Thiếu-thương, Trung-xung, Hiệp-cốc, Phong-trí, Phong-phủ, Á-môn, Thiếu-trạch, Thương-dương, Thủy-cầu, Thừa-tương, uống thuốc như trước.

Kết quả : Cắn cõi bảy giờ dịu như thường, đại tiện như thường (đã thoát được sự nguy hiểm, cha mẹ rất mừng).

Trị lần thứ 4 Châm Thừa-tương, Gian-sử, Đại-chúy (châm biết đau hơi rên cũng chưa khóc) cho uống thuốc như trước.

Kết quả : Tay chân cử động, bồng ngồi được.

Trị lần thứ 5 Châm Đại-chúy, Á-môn, Phong-trí, Thiếu-thương, Thương-dương, Trung-xung (châm lần này khóc to lên chảy nước mắt nước mũi).

Kết quả : bây giờ đã biết, hơi cười.

Trị lần thứ 6 Châm Thương-dương, Đại-chùy, Gian-sử Quang-xung, Thừa-son.

Kết quả : đã bớt nhiều (không cho uống thuốc nữa). Bệnh đã gần bình phục.

Trị lần thứ 7 Châm Thiếu-thương, Trung-xung, Đại-chùy, Phong-phủ.

Kết quả : Bệnh hoàn toàn bình phục.

IV— BỊNH PHONG-ĐÒN-GÁHH (PHÁ-THƯƠNG-PHONG) TÉTANOS.

Bệnh Phong-đòn-gánh trẻ con thường vì vết thương, trẻ sơ sanh thường vì khi cắt rún, trùng nhiễm vào, hoặc vì bị trầy, dứt, ghè lở, bệnh nhơn thường bị nhiễm từ 3 ngày đến 30 ngày, càng phát sớm thì bệnh càng trầm trọng.

Chứng phát làm kinh dục, cứng quai hàm, rắn cắn chặc, mặt đứng tròng, tay chân co dục, lưng ngực, mặt tái xanh, bụng đầy, không sốt, nhưng nếu sốt thì nhiệt độ cao 39 hay 40, Đại tiêu tiện thường bị.

Châm cứu trị dùng những phương pháp sau đây :

A. Dùng các huyệt :

1.— Nếu bệnh nhơn lưng uốn ngược ra phía sau thì dùng các huyệt : Đại-chùy, Phế-du, Tâm-du, Can-du.

2.— Nếu cổ và hàm răng cứng dùng các huyệt : Phong-tri, Giáp-xa.

3.— Nếu tay chân co dục dùng các huyệt : Khúc-tri, Hiệp-cốc, Hoàn-khiêu, Dương-lăng-tuyền.

4.— Nếu nóng lấm châm ra máu các Tinh-huyệt.

5.— Như chứng mới sơ phát dùng ngại viền nhỏ bằng hột gạo cứu trên dưới và hai bên rún mỗi huyệt 3, 5 tráng.

B. Cứu ngay huyệt Thần-khuyết (rún, lót muối) nếu chứng trẻ con sơ sanh thêm Bách-hội, Án-dưỡng, Thừa-tương, Thiếu-thương.

Nếu chứng Phá thương phong vì ngoại thương thì cứu thêm Thiên-ứng-huyệt và châm Địa-thương, Giáp-xa.

C. Dùng Tim-hất nhúng dầu Mè đốt cháy cứu Bách-hội, Thừa-tương, Án-dưỡng, Thiếu-thương và dùng ngại-viền nhỏ cứu

nơi mồ gân xanh phát từ trên rán, cứu 1 tráng, gân xanh ấy rút ngắn lại thì cứu thêm chỗ đầu gân cho đến khi gân xanh ấy tiêu mất. (Quyền trước có ghi phương thức trị liệu bệnh này).

Sau đây là những phương trị nghiệm :

1.— Cháu Bé 4 tuổi bị thương ở chỗ gân xương hán (vì bõng em) vết thương hơi sâu, sau bị lâm đờ nhợp phát dục kinh.

Hiện chứng Hầm răng nghiến chặt, mắt đứng tròng, tay chân co dục, lưng dục uốn ngược, mặt tái xanh, bụng đầy trướng, nhiệt độ 39/4 đại tiện bí, tiểu ít.

Trị pháp : Châm Nhơn-trung, Giáp-xa, Hiệp-cốc, Liệt-khuyết (để khai khíếu), Bách-hội, Phong-phū, Phong-tri, Ngoại-quang (để khu phong), Hậu-khé (trị lưng uốn cong) Đại-dôn, Hành-gian (binh can).

Kết quả : Hôm sau miệng hơi mờ, nhưng bụng còn đầy, đại tiện còn bí, tiểu còn ít, chứng uốn-ván giảm bớt.

Trị lần thứ 2 Trị y như trên thêm châm Chi-cấu, Phong-long, Trường cường (thông đại-tiện) Âm-lăng-tuyền (thông tiểu-tiện).

Trị lần thứ 3 và 4 Hiện hàm răng đã mờ phản nứa ăn uống hơi được, uốn ván giảm nhiều, đại tiểu tiện thông. Trị y như trên.

Trị từ lần thứ 5 về sau thì cách 2 ngày trị 1 lần dùng các huyệt : Đại-dôn, Hành-gian, Nhơn-trung, Hiệp-cốc, Giáp-xa, Ngoại-quang, Hậu-khé.

Trị đến 9 lần, bệnh hoàn toàn bình phục.

2.— Cháu Tiết 9 tuổi cắt cổ bị đứt nơi bàn chân sau xuống ao nước do gân đó r้า, về phát bệnh, kinh dục, Đóng-y, Tây-y đều nhận là chứng Phá-thương-phong, nhưng dùng thuốc không công hiệu,

Hiện chứng hàm răng nghiến chặt, mắt đứng tròng không iây chuyền, tay chân co dục, lưng uốn ngược và dục liên tiếp, sắc mặt xanh, bụng trướng, nhiệt độ 39, đại tiện không thông, tiểu tiện ít.

Trị pháp : Châm các huyệt : Đại-chùy; Hậu-khé, Nhơn-trung, Giáp-xa, Hiệp-cốc, Liệt-khuyết, Bách-hội, Phong-phū, Phong-tri, Ngoại-quang, Đại-dôn, Hành-gian.

Ngoài dùng vị thuốc Thuyền-thối (xát-ve) tán mìn 5 chỉ dùng 2 chén rượu nấu sôi hòa thuốc tán cho uống.

Kết quả hôm sau bệnh nhẹ, ngày thứ 3, rắn hơi mờ rõng, ăn cơm được, chứng uốn lưng dục, giảm, nhiều, đại tiểu tiện thông, là lần đến 8 ngày bệnh hết, bình phục hẳn.

V— CHỨNG TÊ-LIỆT TRẺ CON.

Chứng này trẻ con dưới 5 tuổi dễ phát, lúc mới phát ban đầu phát sốt, oe khan, oẹ mửa, sau phát hòn mé, mắt ngứa, đồng thời toàn thân hoặc bán thân hơi co rút 1 ngày đến 10 ngày sau hơi giảm nhưng cơ nhục bi tê, thường phân dưới 2 chân tê, vận động khó khăn, cơ nhục teo ốm, toàn thân không toàn vẹn, thành tật.

Thú huyết. Dùng các huyệt : Thần-trụ, Thiên-xu, Túc-tam-lý, và dùng thêm các huyệt thuộc bộ phân tê.

Bị ở tay dùng Hiệp-cốc, Túc-tam lý, Khúc-tri, Thiên-trụ.

Bị ở chân dùng các huyệt Hoàn-khiêu, Dương-lăng-tuyền, Giải-khé, Thái-khé. Cũng cần phối hợp các huyệt : Nội-dinh, Khuu-hư, Tất-nhản, Phong-thị-Tiệt-khuyết.

Trẻ con phát chứng này nếu sau khi sốt mà 1 bên tay chân bị liệt, khoảng trong 15 hôm cấp dùng phương này trị ngay. (các chứng thần kinh bị tê liệt cũng dùng được cả).

Trị pháp. Mỗi lần châm 6-9 huyệt cách 3 ngày trị 1 lần, phêm trị thời gian 36 lần làm một liệu trình trong vòng 2 tháng, nên kiềm xem bệnh lại, rồi tiếp tục trị cho đến 1 liệu trình át công hiệu.

Lúc mới phát nên áp dụng đơn thich thuật (châm lấy kim ra liền) sau lần lần dùng thủ thuật lưu kim.

Ngoài ra cũng nên dùng thêm dầu nóng xoa bóp cho thường để giúp cơ nhục vận động thì mau có kết quả.

Trị nghiệm những bệnh tê liệt sau đây :

Chau Sanh 4 tuổi bị bệnh tê liệt cò cứng đơ tay chân không vận động được, tay trái bùn rùn xuôi đã mấy ngày.

Lúc ban đầu mới phát sốt, ngày nhẹ đêm nặng ra mồ hôi nhiều, lần lần phát hiện chứng trạng như trên, sau cả hai chân cũng yếu xuội, không ngồi được, đem đi Bệnh-viện Nhi-dồng chẩn trị nhận là chứng tê liệt tim thuốc trị không kết quả, đã thành bại.

Bây giờ đến nhờ châm cứu trị.

Bắc dầu trị từ ngày 21/4 đến 29/4 tay chân lần lần vận động, cò cũng hơi giảm.

Trị đến ngày 26/4 tức trị đến lần thứ 15 thì bên hông trái sưng lần lần nghiên được và đe ngồi được. Trị đến ngày 23/6 thì đứng được, đến 26/7 lần lần diu dắt đi được; trị tiếp đến ngày 21/8 thì tự đi đứng được 2,3 bước.

Qua năm sau đến trị lại từ ngày tháng giêng đến 20/3 tay trái vận động mạnh, chỉ các ngón tay giữa, áp út và ngón út còn hơi cong.

Kè cả các lần trị từ năm ngoài ngày 20/4 đến năm nay 20/3, cộng cả thảy 66 lần, bình lần lần giảm nhiều, hiện gần mạnh.

Tất cả đều dùng các huyệt chủ yếu sau đây :

Lịt-khuyết, Hiệp-cốc, Khúc-tri, Thái-khê, phổi hộp các huyệt Hành-gian Nội-quang, Hoàn-khiêu, Tam-âm-giao, Kiên-ngung, Thái-xung, Giải-khê.

Vì kinh nghiệm trị bệnh này nên trường kỳ áp dụng châm cứu trị thì có thể có kết quả.

KINH NGHIỆM TRUNG HOA

Gần đây ở Bệnh-viện Trung-hoa trị bệnh lè liệt trẻ con đã trị 186 em kết quả sau đây :

Chứng Tè-liệt trẻ con từ lúc phát đến đi hại thành tật theo sách Đông-y xưa gọi là Úy-chứng tức là chứng liệt nhược,

Nội-kinh có câu : Phế nhiệt sanh Úy, Tâm khí nhiệt sanh Mạch Úy,

Cao khí nhiệt sanh Cân Úy, Tỷ khí nhiệt sanh nhục Úy.

Thận khí nhiệt sanh Cốt Úy. Và câu cốt úy già sanh ư Đại nhiệt già (Xương liệt nhược do bệnh nóng sốt dữ dội phát sanh).

Vì năm tạng bị nhiệt đều sanh 5 chứng Lịt-nhược, tức không vận động được. Ấy là chứng Tè liệt do nhiệt phát sanh.

Châm cứu trị bệnh này thì tùy theo mỗi bệnh áp huyệt chủ trị, và cứ cách nhặt trị 1 lần, đến 36 lần 1 là liệu-trình.

Trong mỗi liệu trình trị thì cứ 1, 2, tuần nhặt cần quan sát kết quả thế nào mà định áp dụng huyệt và từ 6 đến 10 lần phải xem lại

Phương pháp trị liệu : Tùy bộ phận mà dùng huyệt và cần phần huyệt chủ yếu và huyệt phổi hộp như sau :

Bộ phận ở tay : Dùng các huyệt chủ yếu : Bách-hội, Kiên-ngung, Khúc-tri, Hiệp-cốc, Đại-trũ.

Phổi huyệt : Kiên-tích, Ngoại-quang, Địa-thương.

Bộ phận toàn thân : Dùng các huyệt chủ yếu : Khi xung, U mòn, Thận-du, Đại-trũ, Quang-nghuyên.

Phổi huyệt : Thượng-liệu, Túc-lam-lý, Hoàn-khiêu.

Bộ phận ở chân : Dùng các huyệt chủ yếu : Khi-xung, Dương Găng-tuyên, Túc-tam-lý, Quang-minh, Giải-khê.

Phổi huyệt : Phong-thị, Tam-âm-giao, Phục-lưu, Côn-lôn, Hoàn-khiêu, Huyền-chung..

Thủ pháp : Bảo thích pháp (Châm nhẹ không cần lưu kim). Mỗi lần dùng từ 7 đến 10 huyệt là nhiều,

Kết quả trị nghiệm ở Bệnh-viện như sau :

Trong số 186 trẻ em bị bệnh sau khi châm trị kết quả :

1/. Bệnh hoàn toàn khôi phục, đi đứng cầm nǎm như người bình thường 31 Em.

2/. Chỉ khôi phục hành động được mà không được bình thường 132 Em.

3/. Bệnh không kết quả 23 Em.

Tất cả các bệnh này có : 51 em mới phát dưới 1 tháng.

67 em đã phát từ 1 tháng đến 6 tháng.

67 Em phát trên 6 tháng. Có bệnh mới phát 3, 4, ngày, có bệnh đã 2 năm.

Bệnh bị liệt phần dưới nhiều hơn : 162 em liệt 1 chân, 87 em liệt 2 chân.

Thời gian trị bệnh và trị kết quả thì có :

114 em bệnh trên 3 tháng thì kết quả 107 em.

6 em bệnh từ 3 đến 6 tháng kết quả 4 em.

28 em bệnh từ 6 tháng đến 12 tháng kết quả 23 em.

38 em bệnh trên 1 năm kết quả 19 em.

Kinh nghiệm : Trong số 186 em trên đây, về bộ phận dưới bị liệt áp dụng sau đây : Chân vẹo vào trong dùng các huyệt Huyền-chung, Côn-lôn, phổi hộp có kết quả.

Nếu vẹo ra phía ngoài dùng các huyệt Tam-âm-giao, Phục-lưu phổi hộp có kết quả. Như cơ nhuc hị yếu nhũn dùng các huyệt : Phong-thị, và Hoàn-khiêu phổi hộp có kết quả.

Đơn cử những bệnh sau đây :

Cháu lão trai 7 tuổi 4 tháng trước bị bệnh phát nóng sốt sau tay chân đều té liệt, lần lần 2 tay hơi vận động được, nhưng không cầm nắm gì được; 2 chân vẹn xoắn liệt chỗ khớp mắt cá.

Dùng phương pháp châm trị như trên đến lần thứ 4 thì 2 tay cầm vật được, đến lần thứ 12 thì 2 chân hoạt động được, đến lần thứ 15 thì 2 tay đã bình thường, 2 chân bước đi được 20, 30 bước về sau kết quả bình phục hoàn toàn.

2.— Cháu Tài trai 2 năm 8 tháng bị bệnh hai năm trước cùng phát sốt trong 1 ngày phát bệnh chân mặt té liệt, không vận động đi đứng được đã trị đủ cách kè cẩn chạy điện cũng không kết quả, sau áp dụng phương pháp trên đây châm trị 10 lần kết quả điều đãt đi được. Tiếp trị đến 28 lần bình phục tự đi chạy được, kết quả hoàn toàn.

3.— Cháu Lử trai 1 tuổi, lúc mới 5 tháng thành lanh phát sốt cao độ 2 ngày sau làm liệt luôn cả 2 chân dùng đủ phương pháp trị vô hiệu, xem bệnh thấy chân mặt tuy liệt nhưng còn vận động, còn chân trái vì 1 năm không vận động được nên cơ nhục đều yếu nôn.

Áp dụng phương pháp này trị đến 7 lần thì khỏi phục được, tiếp đến 22 lần tự chạy được, nhưng chân trái vẫn hơi vẹo 1 bên.

Trị bệnh này cũng kiêng hiệu được nhưng vì lâu ngày chân ấy cơ nhục bị yếu nhún quá nên phải còng tật.

4.— Cháu Đức trai 5 tuổi 3 năm trước, sau khi phát ban sởi thành lanh phát nóng sốt cao độ trong 3 ngày làm 2 chân té liệt không vận động được, cũng đã dùng đủ cách trị nhưng vô hiệu, sau đến trị.

Áp dụng phương pháp trên châm trị đến 10 lần, 2 chân hoạt động được, đến thứ 36 thì đãt đi được, sau lần thứ tư đi được 10 bước, về sau cũng bình phục như thường.

VI BỊNH ĐÓT XƯƠNG SÓNG. (TÍCH-CHÙY).

Chán Hưng 7 tuổi bị bệnh năm trước phát phia sau xương cổ khoắn xương thứ 5, 6, lần lần cao lên cõi nồi lên 1 cục như cục biếu lò làm phia trước xương ức nồi cao lên, thành hình như chữ S, phia tai bên mặt dưới cõi cứng nồi lên 1 cục cứng, lấy tay ấn xuống thì đau thốn đến vú, lâu ngày phá vỡ chảy nước vàng, khi đi thi cũng xốc đau đến 2 bên vú, đầu cuối xương, cõi rút lại, không ngửa mặt ngược lên được, sắc mặt xanh đen, đã dùng đủ các thứ thuốc đông tây đến vô hiệu.

Trị pháp : Châm Khúc-tri, Tam-âm-giao, Đại-chùy, Nội-quang, Cứu Đại-chùy, Thành-trụ, Đào đạo, Đại-trứ, Phong-môn, Linh-dài, Bột

Tang, Thần-phong, Nhũ-căn, Phong-tri, É-phong, Thiên-dot, Kiên-tinh đều 1 tráng, Phé-du 3 tráng Kết quả : Ngực bớt đau.

Trị lần thứ 2 Cách 3 ngày trị như trên.

Kết quả : Hai bên vú hơi đau, Đi không đau nữa.

Trị lần thứ 3 Cách 3 ngày cũng trị như trên.

Kết quả : Gần cổ bớt cẩn, đầu cử động được, ngược mặt lên được, vận động chạy nhảy không đau ngực nữa.

Trị lần thứ tư : Châm Khúc-tri, Tam-âm-giao, Đại-chùy, Nộ-quang. Cứu như trên.

Kết quả : Mụt chồ cổ bớt chảy nước.

Trị lần thứ 5 Trị như lần thứ 4. Kết quả Mắt hồng hào.

Trị lần thứ 6 Cũng trị như trên.

Kết quả : Hạch cổ và sau đầu xóp, bình nhẹ hết tức, nhưng chồ xương cổ không thè ngay thẳng ra được (Trị bình này thời gian ngắn lành bình nhưng vì đã có tật nên khó lành hẳn, vậy phải trị thêm thời gian lâu nữa để nghiên cứu áp dụng nhiều phương điều trị mới mong cải thiện như người thường được.)

Bệnh Lao xương sống, chân yếu không đi mau được.

Cháu Nhơn 5 tuổi năm trước bị té, xương sống bị thương lâu làm chồ xương thứ 3, 4, 5 nồi cao lên làm cong vẹo ảnh hưởng đến hai chân yếu sụn, không vận động mạnh được, 5 tháng nay không đi được nữa.

Trị pháp : Châm Đại-chùy, Đào-đạo, Thần-trụ, Thần-đạo.

Cứu chồ xương nồi cao lên và các đường gần giữa và 2 bên cách 5, 6, phân. (dùng ngại quyền cứu và bảo người nhà mỗi ngày cứu các chồ ấy 1 lần).

Kết quả : đi được ít bước.

Trị lần thứ 2 cách 7 ngày. Cũng trị như trên sau lần này đi trong nhà được chút ít.

Trị lần thứ 3. Cũng trị như trên. Lần lần đi được nhiều:

Trị lần thứ 4. Cách 10 ngày trị như lần thứ 1.

Kết quả ; Chạy được 30, 40, bước.

Trị lần thứ 5 cách 17 ngày. Cũng trị như trước. Kết quả chạy nhanh được.

Lần thứ 6 cách 18 ngày. Châm Đại-chùy, Đào-đạo, Thần-trụ,

Thần đạo cứu như trước.

Kết quả : Bình chuyên khá nhiều, đi xa được,

Bình này do bị thương nên Thần kinh tách chày bị trễ ngai, trỹ cứu thông suốt nên đi chạy được như thường và tiếp tục cứu lâu thì chỏ xương sống bình lại khỏi liệt.

Bệnh Lao xương sống làm 2 chân bại không đứng được

Cháu Cầm 4 tuổi 7 tháng trước bị té, nay 2 chân bại không hoạt động được, chỏ xương sống nổi cao lên, trước ngực cũng nổi lên, thường nữa đêm chỏ ấy đau nên khóc hoài, tại bên mặt sưng lở, chỏ và cũng sưng lோ bây giờ không ngồi đứng được.

Trị pháp : Châm Đại-chanye là 4 lần, chỏ giữa đốt sống lưng nổi cao lên châm là 4 lần, Khúc-tri, Tam-Am-giao bên mặt, Trường-cường là pháp.

Kết quả : Ban đêm hết khóc, hai chân hơi cử động được, đỡ dậy 1 chân hơi vững.

Trị lần thứ 2 cách 1 ngày trị như trên châm Hậu-khê và cứu huyệt Tuyệt-cốt 1 tráng.

Kết quả : Chân trái tự vận động được.

Trị lần thứ 5. Cũng trị như trên thêm cứu chỏ xương sống nổi cao lên và hai bên.

Kết quả : Ăn uống tăng, tình thần khỏe, có vận động, đứng mạnh hơn.

Trị lần thứ 6 trị như trên thêm dàn điện trên kim chân mặt.

Kết quả : Bây giờ ngồi lâu được 10 phút,

Trị lần thứ 7 châm trị như trên không cửu.

Kết quả : Chỗ sống lưng hơi ngay ra được 1 ly, nhưng đè còn đau.

Trị lần thứ 8, 9. Cũng trị như trên.

Ngày hôm sau vì cảm mạo nên phát sốt mà tay chân lại lạnh (nhưng lúc trước khi phát sốt thì toàn thân không vận động được, nay hoạt động được).

Trị lần thứ 10. Châm như trên và sau mỗi huyệt châm rút kim iều dùng ngai quyện cứu 1 lần.

Kết quả : Tình thần tươi nhuận, đỡ đứng thẳng ngay được không cong như trước. (những lần trước đỡ đứng dậy đều cong, lưng yếu)

Trị lần thứ 11, 12 trị nứa trên.

Kết quả : Ngồi lâu được 20 phút.

Trị tiếp thêm y như trước đến lần thứ 17, tinh thần khỏe nhiều và ngồi lâu được nữa giờ

Bệnh nhơn vì ở xa nên phải về, không ở trị lâu nữa được, bảo người nhà cứ mỗi ngày đều dùng ngai quyền cứu chở đổi xương sống cao lên và cả 2 bên cùng trên dưới.

Về sau thơ cho biết bệnh giảm nhiều, cứ tiếp tục cứu như thế mãi sau chở xương sống lồi lên lần lần bớt được.

VII— BỊNH SUNG PHỔI

Bệnh trẻ con phát sốt làm sưng phổi.

Cháu Quán 18 tháng bệnh ho hoi kéo (khi suyễn) khi ho hơi xóc lên, bệnh đã 4 ngày, Tây y chẩn trị cho là chứng sưng phổi, tiêm thuốc nhưng sốt không giảm, nhiệt độ 39. Đại tiện thường đau nước tiểu vàng.

Trị pháp : Châm Phong-phủ, Phong-trí; Đại-chùy, Đại-lăng, Khúc-trí, Nội-quang, Ngoại-quang, Thái-uyên, Phong-long, Thái-xung, Túc tam-lý, và châm Hiệp-cốc, Thủ tinh huyết ra máu.

Kết quả : Hết sốt nhiệt độ giảm xuống 37, 5, ho giảm.

Trị lần thứ 2 : Châm Hiệp-cốc, Thiểu thương, Thương dương ra máu, Châm Nội-quang, Xích-trạch, Khúc-trí.

Kết quả : Hết sốt, bình phục.

Sau không lại trị nữa nhưng cho biết bệnh đã hết hẳn và phổi hết sưng.

Bệnh trẻ con phát ban chán làm sưng phổi nặng.

Cháu Kỵ 1 tuổi phát ban chán luôn cả sưng phổi, hiện chứng rất nguy, miệng hả, môi khô, mũi phồng lên, mắt nhầy, hôn mê. Nhiệt độ 41, lưỡi đen chứng bệnh ai thấy cũng phải sợ vì đã nguy cấp chỉ trị mielin cưỡng.

Trị pháp : Châm Nhơn-trung lưu kim rồi châm Hiệp-cốc, Thiểu-thương, Thương-dương, Trung-xung ra máu, thổi thuốc Thông quan-láu và cho uống thuốc Đông-y giải nhiệt.

Kết quả : Thổi thuốc và châm ra máu thì khóc lên được, nhảy mũi, đèm ấy vẫn còn nhảy mũi và ho, sáng hôm sau đi cầu một lần, nhiệt độ xuống 38/7 bệnh hoi giảm.

Trị lần thứ 2 Châm như trên trừ huyết Trung-xung. Cứu Khúc

hai, Quang-nghuyên (ngai quyền cửu) và châm Thập-tuyên ra máu.

Kết quả : Khi châm không la khốc (ra máu bầm đen) tôi cho là chứng quá nguy sợ khó cứu, nhưng sau khi về nhà bệnh lăn lóc hắt nhiều, về sau cho biết đã giảm đến 2/3, sau cho uống thuốc bình phục hẳn.

Bệnh trẻ con sưng phổi, tiếng khao, đàm kéo.

Cháu Gian 1 tuổi bị phát ban chàm trong 2 tuần làm sưng phổi, tiêm thuốc tây không đủ sức nên bệnh trở lại phát trầm trọng, làm ho, tiếng khao, cò hẫu kéo đàm, không bú được, nhiệt độ 40.

Trị pháp : Châm Hiệp-cốc, Thiếu-thương, Thương-dương, Trung-xung, Lệ doài ra máu, châm Xích-trach, Nội-quang, Cửu Phế du, Phong-môn, Trung-uyễn, Phong-long 1 trắng, cho uống Linh-dơn

Kết quả : Miệng hắt hơi nóng, bú được, cò hẫu hắt kéo đàm, đại tiện đi 3 lần, nhiệt độ xuống 39.

Trị lần thứ 2 trị như trên. Bây giờ la khôle (trước không khốc) mồi hết đỏ, nhiệt độ xuống 38.

Trị lần thứ 3. Châm Hiệp-cốc, Thiếu-thương, Thương-dương ra máu và cũng cho uống Linh-dơn.

Kết quả : Bệnh hết hẳn.

Bệnh trẻ con nóng ho sưng phổi, mặt sưng.

Cháu Thi 5 tuổi bị ho đàm hơn 1 tháng bây giờ phá sốt nhiệt độ 39,5 hắt suyễn, miệng khát, mũi chảy nước, hai bên mũi đỏ, bụng trương, mặt sưng, nước tiểu vàng, không muốn ăn, Tây y chẩn đoán là chứng sưng phổi, nhưng dùng thuốc không công hiệu.

Trị pháp : Châm Hiệp-cốc, Thủ tinh-huyết ra máu uống thuốc Linh-dơn.

Kết quả : Bụng hết đầy trương, mặt xop, hai má hắt đỏ, toàn thân lác phát ban chàm, đại cầu ra phản trắng, nhiệt độ xuống 38,5.

Trị lần thứ 2 : Châm Hiệp-cốc, Thiếu-thương, Trung-xung ra máu.

Kết quả : Ban chàm lăn lóc hết, 3 ngày sau bình phục hẳn.

Bệnh trẻ con sưng phổi, mũi khô lười lờ.

Cháu Sanh 2 tuổi phát ban chàm tại ngực cũng đầy và lưng cũng nhiều nhưng chân lạnh không phát, ho suyễn, lười lờ, mũi khô mót mồi đỏ, đại tiện phản vàng, nhiệt độ 39.

Trị pháp: châm Hiệp-cốc, Thủ-tinh-huyệt ra máu, châm Đại-chúy, Nội-quang Đại-láng, cho uống thuốc Linh-don.

Kết quả: Khi suyễn nhẹ ho to tiếng (đã thông).

Trị lần thứ 2, 3, châm Hiệp-cốc, Thủ-tinh-huyệt, Ân-bach, Lê-doai Khiếu-âm ra máu cũng cho uống thuốc trên.

Kết quả: suyễn giảm nhẹ nhiều, các chứng lùn lòn giảm, nhiệt độ 38,5 và mìu hết khô.

Trị lần thứ 4. Vì phát sốt dai tiên 3 ngày chưa thông, miệng lưỡi khô Châm các huyệt Ân-bach, Lê-doai, Khiếu-âm, Chí-Âm, Đại-don đều ra máu và các huyệt như trên (lần thứ I) cũng cho uống thuốc.

Kết quả: Khi châm Túc-tinh huyệt thì mũi chảy nước thông (trước khô táo ngày hôm sau di cầu I lần phản táo, lùu sau có nước vàng hơi, nhiệt độ giảm độ 37,8; các chứng cũng giảm lần.

Trị lần thứ 5 Châm Hiệp-cốc, Thủ-tinh-huyệt ra máu; châm Đại-chúy, Đại-lăng, Nội-quang Cửu-Tâm-du, P-he-du; và uống thuốc trên

Kết quả: Chân hết lạnh, hết suyễn, nhiệt độ xuống 37,5.

Trị lần thứ 6 Cửu-Dai-chúy Phong-môn, Tâm-du, Phế-du Thân-tru Chiên-Trung, Trung-uyên, Thà-n-khuyết, Túc-tam-lý-Tam-Âm-giáo đều I tràng.

Kết quả: Ho giảm, đến 11 giờ trưa phát sốt I lần

Trị lần thứ 7 trị như trên.

Kết quả toàn thân khỏe; hết sốt nhiệt độ còn 37. Biết phục hẳn.

VIII BỊNH PHÁT SỐT.

Trẻ con tối phát sốt không muốn ăn uống.

Cháu Vọng 3 tuổi ban đêm phát sốt cao độ 40,5. toàn thân ra mồ hôi lạnh sảng ngày nhiệt độ 39,2, không muốn ăn uống.

Trị pháp: Châm Hiệp-cốc Thiểu-thương, Thương-dương, Trung-xung ra máu.

Kết quả: Sốt giảm còn 36,9, hết ra mồ hôi, dạ dày khỏe, ăn được.

Trẻ con phát sốt nóng 3 ngày chưa thôi.

Cháu Minh 3 tuổi phát sốt nhiệt độ trên 40 đà 3 ngày không giảm.

Trị pháp: Châm Thủ-tinh-huyệt, Ân-bach, Lê-doai, Khiếu-âm ra máu, Châm Nội-quang, Khúc-tri

Kết quả: Nóng sốt giảm, ngày sau nhiệt độ xuống 38,5, bình nhẹ hẳn,

Trẻ con phát sốt ho, đau bụng.

Cháu Hồn 3 tuổi phát sốt ho, đau bụng nhiệt độ 39,7.

Trị pháp: Châm Hiệp-cốc, Thủ ủnh-huyệt, Ân-bạch, Lê-doài ra máu.

Kết quả: Bình hết hẳn.

IX BÌNH-HO

Trẻ con ho kéo dài

Cháu Thi 18 tháng bình ho, kèm kéo, mũi chảy nước, cánh mũi quặt.

Trị pháp: Châm Hiệp-cốc, Kinh-cự, Phong-phẫu, Cửu Bách-hội, Thương-tinh, Phong-tri; Đại-chúy, Phong-môn Phế-du 3 tráng.

Kết quả: Bình nhẹ hết ho.

Trẻ con ho, đêm phát sốt.

Cháu Ngọc phát nóng sốt như lửa, đêm lại nóng dữ, ho khan không dứt nhiệt độ 38,4.

Trị pháp: Châm Hiệp-cốc Thiếu-thương, Thương-dương Trung-xung ra máu cửu Phong-môn Phế-du, 1 tráng.

Kết quả: Ho sốt giảm ít.

Trị lần thứ 2: Còn ho ít, mũi có máu. Châm Thiếu thương ra máu, cứu như lần trước.

Trị lần thứ 3: Còn ho nhiều, nhổ đàm lộn máu sợi, môi hơi nước.

Châm Thủ ủnh-huyệt, Lê-doài, Ân-bạch ra máu.

Trị lần thứ 4 (hiện hình còn lợi răng trên dưới đều rướm máu miệng hôi. Châm Hiệp-cốc, Thiếu-thương Thương-dương, Trung-xung ra máu.

Kết quả: Các bệnh giảm, sau 4 ngày mẹ cho biết bình hết hẳn.

Hình ho khan mũi khô, mộc mạc.

Cháu Sanh 1 tuổi ho suyễn, miệng khô, mũi khô nát mọc, uống thuốc mấy tháng không nhẹ, nay hình lại ngày nhẹ đêm nặng, không ăn nhiệt độ 38.

Trị pháp: Châm Hiệp-cốc, Thủ ủnh-huyệt ra máu, Không kết quả.

Trị lần thứ 2 nhiệt độ còn 38. Châm Hiệp-cốc, Thủ ủnh-huyệt Ân-bạch, Lê-doài ra máu, Châm Nội-quang. Khúc-tri Xích-trach,

Kết quả: Các chứng giảm nhưng còn ho, bú được.

Trị lần thứ 3: Hiện còn ho nhiệt độ còn 37,2.

Cứu Đại-chùy, Phong-môn, Phế-du đều 1 táng.

Kết quả: Ho giảm (trước sáng thì ho liên tiếp, nay ho chỉ vài lần).

Trị lần thứ 4 Cứu như trên thêm Trung-nyễn, Hạ-uyễn, Kỵ-hải đều 1 táng.

Kết quả: Bình hết hẳn.

Trẻ con ho mũi miệng ra máu hôi khó chịu.

Cháu Hoa 2 tuổi ho mũi chảy nước mèo ra máu hôi thối, ngực đầy đau, Trước 12 giờ trưa phát sốt khô gắt, tay chân hơi phù thủng.

Trị pháp: Châm Hiệp-cốc, Thủ tinh-huyết, Ân-bach, Lê-doài ra máu, châm Nội-quang, Khúc-tri.

Kết quả: ho hết, tuy chân hơi thủng, sốt cũng hết, ăn được.

Trẻ con ho ra máu (đàm lộn máu), đau bụng nhức đầu.

Cháu Trần 6 tuổi ho đàm có lộn máu sợi, đau nhức có lúc đau bụng.

Trị pháp: Châm Thiên-đột, Xích-trach, Kinh-cự, Hiệp-cốc. Cứu Đại-chùy, Phong-môn, Phế-du, Cao-hoan, Cách-du, Đồm-du, Can-Du, Thượng, Trung, Hạ-uyễn, Kỵ-hải, Quêng-nguyên, Chiên-trung, Túc-tam-lý đều 3 táng, Phục-lưu bồ 3 táng.

Kết quả: Các chứng hết bình phục hẳn.

Trẻ con ho có đàm máu,

Cháu Trịnh 12 tuổi ho đàm có lộn máu đỏ tươi.

Trị pháp: Châm Thiếu-thương, Thương-dương, Hiệp-cốc ra máu.

Kết quả: Hết ho, bình phục.

Trẻ con ho làm Ấu-thổ có máu sợi.

Cháu Tạ 5 tuổi ho làm mửa có lộn máu sợi.

Trị pháp: Châm Hiệp-cốc, Thủ tinh-huyết, Ân-bach, Lê-doài ra máu.

Kết quả: Hết mửa.

Trị tiếp 10 ngày y như trên. Bình hết hẳn.

Trẻ con ho suyễn đàm nghẹt phát sốt.

Cháu Nhi 1 tuổi; hắt sổ 4,5 ngày mũi khô miệng nóng, ho suyễn đàm nghẹt khạc không ra, khi ho thì la khóc, lâu lâu vẫn khóc hoài

Trị pháp : Châm Thiếu-thương, Thương-dương, Hiệp-cốc ra máu, Châm Kinh-cu.

Kết quả : Qua 12 giờ trưa sốt giảm các chứng bớt và chot như thường, bình không tái phát nữa rất hay.

Bệnh trẻ con ho gà (Bách nhợt khái)

Trị bệnh này dùng phương-pháp sau đây làm cho giảm bớt con ho và lần lần kết quả.

Lần thứ nhất châm Thương-Khoro, Cứu Phế-du — Lần thứ 2 châm Hiệp-Cốc cứu Cao-Hoang — Lần thứ 3 châm, cứu Khúc-Tri. — Lần thứ 4 cứu khuyết-Bồn.

Về sau cứu Can-du, Tỳ-du, và châm lại Thương Khúc. Khúc-Tri. Hoặc chỉ châm, không cứu, hoặc chỉ cứu không châm.

Thuật pháp : Châm cạn, Kích thích mạnh lấy kim liền.

Cứu pháp : Nên cứu khi trẻ con ngủ, cứu từ 10-15 phút.

X. BỊNH BAN TRÁI TRẺ CON.

Trẻ con bị ban trái thường phát sốt chảy nước giải :

Cháu Đoan 1 tuổi phát sốt 2 ngày sau toàn thân phát ban chàm, mắt nhảm ; miệng chảy giải.

Trị pháp : Châm-Thủ tinh-huyệt, Hiệp-cốc ra máu, Châm-Khúc-tri, Tam-âm-giao, trong cho uống thuốc Tiêu-ban-lán.

Kết quả. Ban chàm lặn dặn, mắt mờ, bớt chảy giải.

Trị lần thứ 2 : Châm Thủ tinh-huyệt, Chi-âm ra máu, châm Nội-quang, Khúc-tri, cho uống thuốc trên. Bệnh hết hẳn.

Trẻ con có ban trái phát ở đầu mặt rất nhiều.

Cháu Anh mới sanh 3 tháng, lúc mới 1 tháng đã phát ban sười, phát rất dày; đầu mặt càng nhiều chảy nước vàng 2,3 ngày sau rất nặng các thuốc dùng không công hiệu.

Trị pháp : Châm Hiệp-cốc, Thiếu-thương, Thương-dương, toàn ra máu. Châm Khúc-tri, Nội-quang.

Kết quả ; Bệnh bớt ít.

Trị lần thứ 2. Châm Khúc-tri, Tam-âm-giao, Đại-chány, Thíp hiệp-cốc, Thiếu-thương, Thương-dương, Trung-uyễn ra máu.

Kết quả : Các chứng giảm, nước vàng cũng ít.

Trị lần thứ 3. Trị như trên.

Kết quả : Các chứng giảm nhiều.

Trị lần thứ 4. Trị như trên.

Kết quả : Ban lăn lăn và hết hẳn.

Trẻ con phát ban đỏ

Cháu Phù 3 tuổi, toàn thân phát sởi, nồi ban đỏ, bụng đau, ngực đau đều nồi ghè nồi u bỗng trứng gà.

Trị pháp : Châm Ủy-trung, Khúc-tri, Thích Hiệp-cốc, Thủ-tinh-huyệt ra máu Cửu Bách-hội.

Kết quả : Về nhà ban đỏ giảm, ghè nhỏ lại, bỏt đau bụng

Tụ lăn thứ 2 ban hiện còn chõ ô tim nóng.

Trị như trên thêm, châm Nội-quang.

Kết quả : Các chứng giảm, ghè xẹp và ban lăn lăn lặn hết hẳn.

Trẻ con phát ban chán sau mỗi ngày lăn lăn gầy ốm không ăn
lại làm ia.

Cháu Phụng 1 tuổi, từ phát ban chán sau làm mặt đỏ, không ăn, càng ngày gầy ốm đại tiện đi hoài ngày mẩy lăn.

Trị pháp : Cửu Bách-hội, Đại-chùy, Phế-du, Phong-môn, Thận-du, Chiên-trung, Thượng-uyên, Trung-uyên, Hạ-uyên, Chương-môn, Khi-hải, Tam-túc-lý, Tam-âm-giao, Thái-bạch, Công-tôn đều 1 trắng.

Kết quả : Bỏt đi cầu, dạ dày mờ, ăn được.

Tụ lăn thứ 2 trị như trên.

Kết quả : Đại tiện hết ; đi nhú thường, sau bình hết hẳn.

XI. BỊNH IA MÙA.

Bệnh trẻ con ia mùa.

Cháu Tánh 2 tuổi ban đêm hay mửa

Trị pháp : Cửu Đại-chùy, Phong mòn, Phế-du, Thượng-uyên, Trung-uyên, Hạ-uyên, Túc-tam-lý, Công-tôn, Tam-âm-giao đều 1 trắng.

Kết quả : Bệnh hết hẳn.

Trẻ con đau bụng ho, ăn vào lại mửa ra.

Cháu Trinh 5 tuổi bụng đau đè có cục, phát mửa, ăn vào ho lại mửa ; bệnh 3 ngày không ăn uống gì được. Từ lúc phát bệnh đến nay đã 7 tháng.

Trị pháp : Cửu Chiên-trung, Trung-uyên, Chương-môn, Hạ-uyên, Thần-khuyết, Thiên-xu, Âm-giao, Khi-hải, Tam-túc-lý, Tam-âm-giao, Đại-chùy, Tỳ-du, Vị-du, Thận-du đều 3 trắng.

Kết quả : Bụng bỏt đau và hết mửa, rồi nhẹ hẳn.

Trẻ con mửa không ăn, đau đầu, chân yếu.

Châu Cương 5 tuổi bay múa, không muốn ăn, đầu xoay xầm, chân yếu, miếng khát, ra mồ hôi.

Trị pháp : Cứu Bách-hội Phong-trì, Nội-quang, Tam-lý, Tuyệt-đối, Tam-âm-giao đều 3 tráng, Phục-lưu, Trung-uyên; Thần-khuyết, Thiên-xu bồ 3 tráng.

Kết quả : Bình hết hẳn bình phục.

Trẻ con đau bụng là phần xanh.

Châu Lâm 2 tuổi là nước, phao hơi xanh, hay là đau bụng.

Trị pháp : Châm Khúc-trì, Cứu Trung-uyên, Thủy-phần, Thần-khuyết, Thiên-xu Âm-giao, Đại-trường-du, Túc-tam-lý, Khi-hài, Tam-âm-giao đều 3 tráng.

Kết quả : bình hết hẳn.

Trẻ con bình là nước hơn cỡ tháng, ngày đi 5, 6 lần.

Châu Cầu 1 tuổi là nước cả hơn tháng nay, ngày đi 5, 6 lần.

Trị pháp : Cứu Thủy-phần, Thần-khuyết, Thiên-xu, Túc-tam-lý, Công-tôn, Âm-giao đều 1 tráng.

Kết quả : hết là bình phục.

Trẻ con là nước xối xả.

Châu Minh 18 tháng là nước xối xả, phần sắc trắng, ngày 5, 6 lần.

Trị pháp : Cứu Trung-uyên, Thủy-phần, Thần-khuyết, Thiên-xu, Âm-giao, Túc-tam-lý, Thần-du, Mạch môn đều 2 tráng.

Kết quả : giảm còn ít.

Trị lần thứ 2 trị như trên. Bình hết hẳn.

Trẻ con là nước, Mắt sưng

Châu Sanh 3 tuổi là nước sắc vàng, trắng. 2 mắt sưng, buốt mũi, càng nặng.

Trị pháp : Châm Tu-trúc-không, Nhĩ-tiêu ra máu. Cứu-Thủy-phần, Thiên-xu, Túc-tam-lý, đều 3 tráng, Trung-uyên, Thần khuyết, Âm-giao, đều 1 tráng.

Kết quả : Mắt hết sưng.

Trị lần thứ 2 Trị như trên thêm Hiệp-cốc, Thiếu-thương-Thương-duong, ra máu.

Kết quả : Bình hết hẳn bình phục.

XII. BÌNH KIẾT LÝ.

Trẻ con bình xích lý ngày đi nhiều lần.

Cháu Nhân 1 tuổi bình Xích lỵ (đi kiết lộn máu đỏ) ngày đêm vò dở.

Trị pháp : Châm Tiêu-hải, và thich các huyệt : Hiệp-cốc, Thiếu thương, Thương-dương, Thiếu-trạch ra máu. Cứu Chiên-trung, Thủy phần, Thiên-xu, Túc-tam-lỵ, Tam-âm-giao, 3 tráng Thành-khuyết, Âm giao, Thái xung, Dương-lăng đều 1 tráng.

Kết quả : Bình hết hẳn.

Trẻ con xích-lỵ khát nước, uống vào phát đi cầu.

Cháu Lành 2 tuổi bình Xích-lỵ khát nước, uống vào là phát đi cầu.

Trị pháp : Châm Khúc-tri, Tiêu-hải. Cứu Thương-uyễn, Trung uyễn, Thủy-phần, Thành-khuyết, Thiên-xu, Tam-âm-giao, Quang-Nguyễn, Đại-trường-du, Tiêu-trường-du, Trường-cường; Bát-liệu đều 1 tráng.

Kết quả : Bình hết hẳn.

Trẻ con hồng bạch lỵ.

Cháu Sanh 2 tuổi cứ ỉa rặn, phần đỏ trắng (hồng bạch-lỵ)

Trị pháp : Châm Hiệp-cốc (hơi xiên phía trong gần ngón trỏ) Thiếu-thương Thương-dương, Quang-xung, Thiếu-trạch ra máu châm Nội-quang.

Kết quả : Bình giảm bớt.

Trị lần thứ 2 trị như trên. Bình hết hẳn.

Trẻ con Kiết Hồng bạch lỵ, bát rặn (lý cấp hậu trọng).

Cháu Minh 3 tuổi làm chứng Kiết hồng bạch lỵ gần 1 tháng, mỗi ngày đi cầu không biết mấy lần. bát rặn đỏ mặt.

Trị pháp : Châm Khúc-tri, Tiêu-hải, Trường-cường.. Cứu Trung-uyễn, Thủy-phần, Thành-khuyết, Thiên-xu, Túc-tam-lỵ, Tam-âm giao đều 3 tráng.

Kết quả : Đi cầu hết ra trắng đỏ, sắc vàng, rặn cũng bớt (giảm 2/3).

Trị lần thứ 2 châm cứu như trên.

Kết quả : Bình giảm nhiều và ngày sau hết hẳn.

Trẻ con làm kiết bạch lỵ phát nóng sốt.

Cháu Trụ 1 tuổi bình ban đầu phát mửa, ỉa nước, sau thành chứng Kiết lỵ sắc trắng (bạch-lỵ), ngày đi 2 lần phát sốt 38, 5.

Trị pháp : Châm Thiếu-thương, Thương-dương, Hiệp-cốc ra máu.

Kết quả : Bình giảm sốt hạ còn 37,

Trị lần thứ 2. Cứu Trung-uyên, Thủy-phần, Thần-khuyết, Thiên-xu, Âm-giao, Túc-tam-lý, đều 1 tráng.

Kết quả : Bình bớt sau hết hàn.

Trẻ con Kiết bạch-lý, chảy nước mũi, phát sốt.

Cháu Tánh 2 tuổi bị chứng bạch-lý, mũi thò lò chảy nước mủi, toàn thân sốt cao độ 39, 7.

Trị pháp : Châm Hiệp-cốc, Thủ tinh-huyệt ra máu.

Kết quả : Bình nhẹ hết chảy mũi, nhiệt độ còn 38.

Trị lần thứ 2 trị như trên. Bình hoàn toàn hết hàn.

XIII. BỊNH ỈA MÁU

Trẻ con bịnh ỉa máu, nóng sốt cao độ, 2 má đỏ

Cháu Thành 3 tuổi bịnh ỉa ra máu (trước ra phần sau ra máu), sốt cao độ (40), 2 má đỏ.

Trị pháp : Châm Hiệp-cốc, Thiếu-thương, Thương-dương, Trung-xung ra máu Cứu Trung-uyên, Thủy-phần, Thiên-xu, Túc-tam-lý, Tam-Âm-giao đều 3 tráng Thần-khuyết, Âm-giao 1 tráng.

Kết quả : Bình hết sốt, nhiệt độ xuống 37, bình phục.

Trẻ con bịnh ban chán hầm vào trong làm ỉa máu.

Cháu Phùng 3 tuổi phát ban chán, nhưng tai ngực phát rộn lặn, dùng Thuốc Tây sau phát ỉa ra máu, một ngày đi 10 lần, tiếng khan phát sốt sắc mặt vàng.

Trị pháp : Châm Tiêu-hải, Thích Hiệp-Cốc, Thiếu-thương, Thương-dương, Trung-xung đều ra máu, Cứu Phế-du, Phong-môn, Trung-uyên, Thủy-phần, Thiên-xu, Âm-giao, Thái-xung, Công-tôn, đều 3 tráng, Thần-khuyết, Tam-Âm-giao, Túc-tam-lý, Dương-lăng-tuyễn 1 tráng.

Kết quả : Về nhà bình lần lần hết hàn bình phục.

Trẻ con đi cầu phán lộn máu.

Cháu Hai 8 tuổi, bịnh mỗi lần đi cầu phán đều có lộn máu, khi ít đi nhiều, đại tiện 3 ngày 1 lần.

Trị pháp : Châm Thừa-sơn 2 huyệt, Trường-cường đều tà xoay kim 3 lần.

Kết quả : Ngày hôm sau bình hết hàn.

Bình thoát giang : (Lời trẻ),

Trẻ con ỉa nước lòi trê.

Cháu Vinh 4 tuổi bịnh lòi trê, mỗi lần đi cầu phải lùi vào, ỉa toàn nước han đêm đi 2 lần, ăn không tiêu.

Trị pháp: Châm Trường-cường ra máu. Cứu Đại-trường-dơ 3 tráng, Trường-cường 10 tráng.

Kết quả: Hết hết đi cầu, tròn trê thâu vào bình phục hẳn.

Trẻ con bịn lòi trê, khiêm ho.

Cháu Ngọc 2 tuổi bị bịn lòi trê, lại phát ho đậm vường không khạc được.

Trị pháp: Châm Phong-long, Hiệp-cổ, thích Thiếu-thương, Thương-dương ra máu. Cứu Bách-hội 7 tráng.

Kết quả: Các chứng nhẹ hẳn.

Sau 9 ngày phát trở lại. Trị lần thứ 2. Trị như trước.

Kết quả: Bình hết hẳn không tái phát nữa.

Bí đại tiện. Trẻ con đại tiện không thông.

Cháu Tâm 18 tháng bịn đại tiện không thông, (mấy ngày không đi cầu)

Trị pháp: Châm Bát-liêu, Trường-cường.

Kết quả: Ngày ấy đi cầu đại tiện thông ngay.

XIV. BỊNH XÁN KHÍ.

Trẻ con khóc, dài chạy vào bụng có cục cứng.

Cháu Cầu 1 tuổi khóc thì dài chạy vào bụng có nồi cứng, lại kiêm phát sốt.

Trị pháp: Cứu Phè-du, Can-du, Thận-du Trung-uyễn, Chương môn, Khí-hài, Chiên-trung, Thần-khuyết, Tam-âm giao 3 tráng, Đại-dôn 5 tráng, Mạng-môn, Thiên-xu, Thái-xung 1 tráng.

Kết quả: hết khóc, dài không chạy vào, chỗ bụng không còn nồi cứng, nóng giảm.

Bệnh này không phải vì khóc dài chạy vào, mà chính là bệnh đau trong bụng, nên trị hết khóc là hết bệnh.

Trẻ con dài bên trái sưng to, khóc luôn.

Cháu Miên 1 tuổi hòn dài bên trái sưng to cứng, đau khóc luôn, lại đi cầu ra nước giải tráng.

Trị pháp: Cứu Quang-nguyên, và huyết Tam-giác bên mặt, Thận-du, Mạng-môn, Khí-hài đều 3 tráng, Đại-dôn 7 tráng, Thái-khô Chương-môn 2 tráng.

Kết quả: Cứu Xong hết đau, đêm ấy không khóc, ngày sau dài bớt sưng, và cũng bớt đi cầu.

Trị lần thứ 2 trị như trước, Hết đi cầu.

Trị lần thứ 3 trị như trước. Kết quả bình hoàn toàn bình phục.

Trẻ con dài sưng bụng sôi.

Cháu Lương 6 tuổi dài sưng to bụng sôi.

Trị pháp: Cứu Quang-nghuyên, Khi-hải, Kỳ-môn, Chương-môn
Bách-bội 3 trắng.

Kết quả: Dài xẹp, bụng bớt sôi.

Trị lần thứ 2, trị như trên.

Kết quả: bệnh nhẹ hẳn không trị nữa.

Trẻ con bên háng có nỗi hạch cứng.

Cháu Mùi 4 tháng phia bên bộ sinh dục tự nbiên có nỗi lên
cục hạch cứng.

Trị pháp: Cứu Bách-bội, Chiên-trung, Chương-môn, Khi-hải,
Quang-nghuyên, Huyệt Tam-giác bên mặt, Đại-dôn đều 3 trắng, Thầu-
khuyết, Độc-âm 1 trắng.

Kết quả: Về nhà lần lần chở ấy nhỏ lại

Trị lần thứ 2 Cung trị như trên.

Kết quả: Hạch xẹp hết.

Trẻ con khóc dài sưng to cứng.

Cháu Lương 18 tháng mới sanh trên tháng thi phát bệnh dài
sưng, khi khóc thi bên bộ sinh dục nỗi lên 1 cục cứng dài phát sưng
đò to cứng.

Trị pháp: Cứu Huyệt Ân-bạch bên trái 3 trắng, Hội-âm,
Cáp-mach, Khi-xung đều 1 trắng.

Kết quả: Dài bớt đò, giảm 1/3.

Trị lần thứ 2 Cứu Đại-dôn, Ân-bạch, đều 5 trắng, Thái-bạch,
Công-tôn, Âm-lăng, Khúc-tuyến Tiêu-trường-ilu, Hạ-liêu, Chương-
môn, Kỳ-môn, Thái-xung, Trúc-lâm-Khấp đều 1 trắng, Thầu-khuyết,
Thiên-xu, Khi-hải, Quang-nghuyên bò 3 trắng.

Kết quả: Dài hết sưng đò.

Trị thêm 1 lần nữa như trên. Bệnh đã đỡ không trị nữa.

XV. BỊNH Ở ĐẦU.

Trẻ con mồ ác đầu nỗi cao lên hay khóc đòn không bú.

Cháu Mùi sanh 4 tháng chở mồ ác nỗi cao lên cả phần tây, nỗi
gần ở tĩnh mạch đầu xanh đen, không bú đòn 5, 6, ngày nhiệt độ 35,9,3

Trị pháp: Châm Phong-phủ, Phong-tri, Hiệp-cốc, Nhĩ-liêu.

Cứu Bách-hội, Tiễn-danh, Tinh-hội; Thương-tinh Thần-dịnh, An-đường, Đại-chùy, Thái-xung, Côn-lon, Dũng-tuyễn đều 1 tráng

Kết quả : Đêm ấy bú, chỗ mồ ác hơi xẹp, chảy mũi hết khóc đêm.

Trẻ con thường khóc đêm là do bị bệnh, nên trị bệnh hết thì hết khóc.

Trẻ con mồ ác lồi, thân nóng sốt cao độ.

Cháu Ly 1 tuổi mồ ác đầu nồi cao lên, nhiệt độ 39, 40 (sốt cao độ).

Trị pháp : Châm Đại-lăng, thich Hiệp-cốc, Thiếu-dương, Thương dương, Trung-xrang ra máu.

Kết quả : Ngày ấy nóng dữ, nhưng hôm sau bớt, nhiệt độ còn 37,6.

Trị lần thứ 2 (hiện khóc dữ như bị đau bụng) Châm trị như trên, thêm cứu Trung-uyền, Khi-hải, Túc-tam-ký đều 1 tráng.

Kết quả : Chỗ mồ ác xẹp.

Trị lần thứ 3 Châm Nội-quang, thich Hiệp-cốc, Lệ-doài, Đại-don, Thiếu-thương, Thương-dương ra máu. Cứu Đại-chùy, Phong-môn, Phế-du 3 tráng.

Kết quả : mồ ác bung như thường, hết khóc.

Trẻ con đầu nóng chân lạnh.

Cháu Ngọc 5 tuổi sau 12 giờ trưa chân lạnh đầu nóng, chiều ho nhiều, đồ mồ hôi trộm.

Trị pháp : Cứu Phục-lưu bò 1 tráng, Dũng-tuyễn 1 tráng, Phong-môn, Phế-du đều 5 tráng.

Kết quả : Bệnh hết hẳn bình phục.

XVI. BỊ NHƯỚI LUỒI, MIỆNG.

Trẻ con bị luồi nồi mực miệng răng mũi ra máu, phát chán.

Cháu Vinh 5 tuổi bị luồi cỏ mọc mực thâm đen, khươi thì chảy máu, chỗ mực to như hột đậu, phá chảy máu, nướu răng và mũi cũng chảy máu, trên mặt và toàn thân phát ban lấm tấm như hột lúa, cào phá cũng chảy máu, chân trái chỗ huyệt Thái-xung và chân mặt chỗ huyệt Giải-khê, bên ống chân chỗ huyệt Thúc-cốt đều có nồi ghè chảy máu, cả ngày đêm khóc, miếng ra máu, thân sốt nóng, từ ngày phát ghè đến nay lần lần gầy ốm, hiện bệnh làm hôn mê.

Trị pháp : Châm Thủ túc Tinh-huyệt (trừ Dũng-tuyễn), Uỷ-trung ra máu.

Châm Thừa-tương, Hiệp-cốc, Lao-cung, Tam-âm-giao, Khúc-tuyễn tả pháp (xoay kim tảo 8 lầu)

Kết quả : Miệng, môi, lưỡi, răng các molar giảm, hết chảy máu, ghê ở chân cũng bớt, hơi lạnh tái lại, sau khi châm trị xong đi tả 1 lần toàn máu đen lẫn máu bầm, ăn được, ngồi dậy được lại phát sốt.

Trị lầu thứ 2 Châm Khúc-tuyễn, Tam-âm-giao, Lao-cung, Thừa-tương, Hiệp-cốc, Huyết-hải, Giải-khé, Hành-gian (là 4 lần) Uỷ-trung tảo 3 lần và cho ra máu, Thủ-túc Tinh-huyệt (trừ Dũng-tuyễn và Ân-bach).

Kết quả : Ghê chân bớt, tóm miệng, hết sốt, toàn thân ban lặn bớt, trên lưỡi còn vài mực nướu răng hết ra máu.

Trị lầu thứ 3 Châm Thừa-tương, Giải-khé tảo 4 lần (1 huyệt), Hiệp-cốc, Khúc-tri, Tam-âm-giao, Lao-cung 1 huyệt, Hành-gian bên tảo, tảo 3 lần. Chi-âm, Lê-doài châm ra máu.

Kết quả : Ban châm lặn, ghê ở chân xẹp, đi cầu nhiều, tinh thần khỏe, mực ở lưỡi vỡ, răng mũi hết ra máu.

Trị lầu thứ 4. Châm Lao-cung, Thừa-tương, Hiệp-cốc, Khúc-tri, Tam-âm-giao, Kinh-cốt đều 1 huyệt tảo 4 lầu, Chi-âm, Lê-doài châm ra máu.

Kết quả : Chân xẹp hết ghê khô; ban châm tiêu mắt.

Trị lầu thứ 5 Châm Khúc-tri, Lao-cung, Tam-âm-giao 1 huyệt tảo 4 lần, Chi-âm châm ra máu.

Kết quả : Ghê đều hết, ban châm đều tiêu lặn, hai chân xẹp hẳn, hành động đi đứng như thường, bình phục.

Trẻ con miệng nhèo nước giải, mặt vàng, tiêu nóng.

Chú Nghỉ sanh 8 tháng miệng thường chảy nước giải, mặt nhèo vàng, nước tiêu nóng.

Trị pháp : Châm Hiệp-cốc, Thiếu-thương, Thương-dương ra máu, Châm Khúc-tri. Cứu Trung-uyễn, Thần-khuyệt, Thiên-xu, Âm-giao đều 1 tráng.

Kết quả : Hết nhèo giải, nước tiêu bắt nóng, mặt tươi nhuận, bình nhèo hẳn.

Trẻ con miệng hay nhèo nước giải, lại là nước.

Chú Trí sanh 8 tháng miệng thường nhèo nước giải, là nước ngày 5, 6, lầu, nhiệt độ 36,7, da mura nám dunting đủ thuốc không công hiệu.

Trị pháp : Châm Hiệp-cốc và phía ngoài đầu ngón giữa

máu, Cứu Trung-uyễn Thủy-phần, Thần-khuyết, Thiên-xu, Âm-giao-Tam-lý, Đại-trường-du, Thủ-u-du đều 3 tráng.

Kết quả : Hết nhiều, ia cũng cầm, bình hết hẳn.

Trẻ con nướu răng ra máu, mũi khô.

Cháu Mão 3 tuổi nướu răng ra máu, mũi khô táo hay oe khan,

Trị pháp : Châm Thủ Tinh-huyệt, Hiệp-cốc, Ân-bach, Lệ-doài, Đại-dôn ra máu.

Kết quả : Các chứng hết, mũi hết khô, bình hết hẳn.

Trị trẻ con miệng lưỡi sanh mụn (Khẩu xang, Nga khẩu xanh).

Trẻ con thường luồi tua trắng : phát sốt hay nhèn nước giải.

Dùng các huyệt chủ trị : Phong-tri, Thiên-tru, Kiên-tinh, Đại-chủy, Thủ-tru, Giáp-xa, Địa-thương, Thủ tam-lý, Hiệp-cốc, tùy lòn nhỏ áp dụng châm trị, thường nhèn nước giải châm Hiệp-cốc, Khúc-tri, Giáp-xa, rát hay,

XVII. BỊNH TAI.

Trẻ con tai chảy nước vàng hơn nám.

Cháu Thương 9 tuổi tai bên mặt chảy nước vàng hơn nám không hết.

Trị pháp : Châm Quang-xung, Khiếu-Âm ra máu và châm Khúc-tri.

Kết quả : Bình hết.

Trẻ con trong tai lờ chảy mủ.

Cháu Bách sanh 8 tháng trong tai bên mặt lờ đã gần nửa tháng chảy mủ.

Trị pháp : Châm Ê-phong, thich Khiếu-Âm ra máu.

Kết quả : Mủ giảm ít.

Trị lần thứ 2 trị như trên. Hết hẳn.

Trẻ con tai sanh ghê sưng.

Cháu Linh 2 tai đều sanh ghê sưng.

Trị pháp : Châm Đại-chủy, Hiệp-cốc, Thích Quang-xung. Khiếu-Âm ra máu.

Kết quả : Tai bên trái bớt,

Trị lần thứ 2 châm trị như trên thêm Thiếu-thương, Thương-dương, Thiếu-trạch ra máu.

Kết quả : 2 tai giảm bớt nhiều. Trị tiếp lần thứ 3 như trên. Hết hẳn.

Trè con 2 tai sanh ghê chảy nước vàng.

Cháu Lục sanh 8 tháng 2 tai sanh ghê chảy nước vàng.

Trị pháp Châm Hiệp-cốc, É-phong, Thích Quang-xung, Khiếu-
Âm ra máu.

Kết quả : ghê khó bắt.

Trị lần thứ 2 trị như trên, ghê lặn lẩn hết chảy nước vàng.

XH. BÌNH CHÂN.

Trè con chân yếu không đứng được.

Cháu Văn 3 tuổi 2 chân yếu không đứng được,

Trị pháp Cứu Thần-du 3 tráng Mạng-môn, Hoàn-khiếu,
Đương-lăng, Túc-tam-lý, Tuyết-cốt, Thái-xung đều 1 tráng.

Kết quả : Chân đứng được.

Trị lần thứ 2 trị như trên. Kết quả Bình phục hẳn.

Trè con tự nhiên chân trái không đứng được.

Cháu Hoa 4 tuổi từ nbiên chân trái không đứng được, không
thấy bệnh trang gì không rõ nguyên nhân.

Trị pháp : Dùng ngai quyền cứu Bát-liên, Ủy-trung, Hoàng-
khiếu. Và cứu Âm-lăng-tuyễn, Dương-lăng-tuyễn, Côn-lôu, Thái-xung
Túc-lâm-khấp điều 1 tráng.

Kết quả : Cứu xong di chạy như thường.

Trí kỵ : Bình này do Não tủy thần kinh bị trö ngại, tuy chân
không có trang thái gì nhưng chứng này có liên quan đến xương
sống, nên cứu huyết Bát-liên rất nhiều làm cho thông Thần kinh
tích tủy nên bình hối ngay, nếu xem thường không trị thì bệnh này
có thể thành tật.

Trè con sanh chân vẹo vào không ngay ra được.

Cháu Dần 18 tháng lúc sanh hai chân hơi vẹo vào trong (tuc
gọi là chân cua) đầu gối xéo ra (khớp đầu gối trật ra) nên không
đứng ngay được.

Trị pháp : Cứu Thần-du, Mạng-môn, Trường-cường, Hoàn-
khiếu, Âm-lăng tuyễn, Dương-lăng-tuyễn, Tam-âm-giao, Túc-tam-lý
Thái-xung đều 3 tráng.

Trị tiếp lần thứ 2 không thấy phản ứng gì.

Trị lần thứ 3 cũng trị y như trên.

Kết quả : đứng ngay được rất hay.

Vậy bệnh này nếu nhẫn nại trị át không kết quả.

Trẻ con 2 chân bại không ngồi đứng được.

Cháu Vinh 3 tuổi 2 chân lạnh, yếu vô lực, không ngồi dậy được, nên không đứng được lung phia bên trái đau.

Trị pháp : Châm Nội-quang, Khúc-trì, Hoàn-khiêu, Thái-xung Tác-lâm-khấp, Cửu Đài-chùy, Phong-môn, Phế-du, Thận-du, Mang-môn, Kỳ-môn, Hoàn-khiêu, Âm-lăng-tuyễn, Dương-lăng-tuyễn, Tắc-tam-lý, Tuyệt-cốt, Tam-âm-giao, Dung-tuyễn đều 3 tráng.

Kết quả : Châm cứu xong tối ngủ cảm giác nóng, lưng hết đau, ngày sau lại chân ấm bớt lạnh.

Trị lần thứ 2 : Châm cứu y như trước.

Kết quả : ngồi dậy được.

Trị lần thứ 3 (hiện hình bên huyệt Hoàn-khiêu đau dần đến trước) . Châm cứu trị cung y như trước.

Kết quả : lưng hết đau, chân trái đứng được.

Trị lần thứ 4, 5 trị y như trên, thêm châm huyệt Nội-quang

Kết quả : Vịn đê đứng được, nhưng bộ phận dưới hơi té.

Trị lần thứ 6 (hiện chân té, và lạnh) . Trị như lần thứ 1

Trị lần thứ 7. Châm trị như trên (nhưng chỉ châm trị 1 bên mặt).

Kết quả : Các chứng té giảm phần nữa.

Trị lần thứ 8. Trị như trên.

Kết quả : Chân hơi mạnh, nhưng lưng đau nên chưa đứng được, chân trái đứng thì nóng (trước lạnh)

Trị lần thứ 9 Trị như lần thứ 1 thêm Châm Chương-môn,

Trường-cường, Đài-chùy; kết quả 2 chân hơi mạnh, lưng vẫn còn đau chưa đứng được

Trị lần thứ 10. Trị như lần thứ 1.

Kết quả : Chân hết lạnh; lưng mông hết đau.

Trị lần thứ 11 Trị như lần thứ 1 thêm cùn Trường-cường 1 tráng, Dương-quang 3 tráng.

Kết quả : Hai chân đứng được.

Trị lần thứ 12 Trị như lần thứ 1 thêm cùn Dương-quang 3 tráng.

Trị lần thứ 13 (hiện bệnh nhơn hơi ho, đau chỗ mông, tay bên trái có mọc mụn. Trị như lần thứ 1 thêm cùn Thác-cốt, Hoàn-khiêu, Linh-dai đều 3 tráng.

Kết quả : Chân mệt mỏi hơn nhưng đi chưa được, lấy tay đỡ đi được vài bước, ho hối đau, mệt cũng hết.

Trị lần 14, 15, 16 đồng trị như trên.

Kết quả : Hai chân đỡ mạnh, đứng vững và đi được ít bước về sau lặp đi lần lần bình phục đi như thường.

Trẻ con phát sốt đực kinh tim Âu được, **phát bệnh xương sống** lồi lên chân xù hơi không đứng được.

Cháu Thoa 18 tháng nhơn hịnh sốt nặng, tay chân co rút tim Âu được hịnh nhẹ nhưng sau đó 10 ngày chỗ xương sống nồi lên, hai chân yếu không đứng được, chân trái từ đầu gối trở xuống không vận động được, hội các thày thuốc trị, nhận định vì tiêm thuốc chân trái bị thương thắn kinh nên phát bệnh.

Trị pháp : Cửu Hoàn-khiêu, Khúc-tuyễn, Côn-lon, Dương, Lăng-tuyễn, Âm-lăng-tuyễn, Túc-tam-lý, Tuyệt-đốt, Tam-Âm-giao, Thái-xung, Dũng-tuyễn, Mạng-môn, Thận-du đều 1 tráng, chiểu diện từ lưng, thận bộ đến chỗ đau.

Kết quả : Ngày sau chân trái co bớt đau, chân hơi yếu.

Trị lần thứ 2 Trị như trên không phản ứng gì.

Trị lần thứ 3 Châm Dương-lăng-tuyễn Côn-lon (2 huyệt, hưu bồ, tả tà, trị như bệnh bại bán thân), cửu như trên không chạy điệu.

Kết quả : Chân hơi mạnh, chân trái đỡ đứng được.

Trị lần thứ 4 (hiện chỗ lưng đau muốn ngồi phải lấy tay đỡ) Trị lần này như lần thứ 3 thêm dǎn điện. Cửu Thận-du, bồ 3 tráng, Đại-chùy, Phong môn, Phế-du, Mạng-môn, Tam-Âm-giao, Túc-tam-lý, Dương lăng-tuyễn, Âm-lăng-tuyễn, Côn-lon, Thái-khé bồ 1 tráng, Hoàn-khiêu, Dũng-tuyễn 1 tráng.

Kết quả : Ngón chân trái vận động được (trước là không vận động được).

Trị lần thứ năm trị như trên.

Kết quả khả quan hơn ; mặt tươi nhuận.

Trị lần thứ 6. Châm Đại-chùy, Trường-cường, chỗ xương sống lồi lên, dùng trước tác thuật. Các huyệt Dương-lăng, Hoàn-khiêu, Côn-lon (châm hưu bồ, tả tà), dùng ngại quyền cửu chỗ lưng cong và chỗ đốt sống lưng lồi lên (trên dưới tả hưu đều 1, 2 phân), cửu 9 lần, và cửu các huyệt Hoàn-khiêu, Âm-lăng-tuyễn, Túc-tam-lý đều 1 tráng

Kết quả chỗ khớp cườm chân vận động được, lưng khoẻ nỗi /trước ngồi phải lấy tay đỡ lưng, nay ngồi vững khỏi đỡ.

Trị lần thứ 7 Châm chỗ các đốt xương sống nồi lên, sau dùng ngoại quyền cứu xung quanh lò kim châm 1, vài phân cho nhiệt lực thâm nhập vào, tiếp châm, Ủy-trung, Phong-thị, Âm-thị, Tuyệt-cốt, Thái-xung và dùng ngoại quyền cứu chỗ đau (biến ứng) các buyết trên như lần thứ 6.

Kết quả Chân trái hoạt động mạnh và chân mặt cũng mạnh.

Trị lần thứ 8 Trị như trên.

Về sau không lại trị nữa. (Bệnh này đã chuyển được nhiều, tin chắc lần lần khôi phục được, vì sau 8 lần trị đều tiến bộ, và lại chứng này chỗ xương sống nồi lên là vì Thần kinh bị húc bách quá, mà trị đúng cách cốt làm cho thần kinh hoạt động mạnh lại điều hòa, vì vậy nên tin chắc chắn có công hiệu.

XIX. TẬP BỊNH.

Hay khóc.

Cháu Sanh 1 tuổi ho suyễn, khi ho thì khóc, khóc hoài, miệng nóng lưỡi khô.

Trị pháp : Châm Thiếu-thương, Thương-dương ra máu, châm Hiệp-cổ, Kinh-cự, Cứu Phế-du, Phong-môn, 1 trắng.

Kết quả : Hết khóc, Hết ho.

Trẻ con khóc Rún lồi, bụng cứng.

Cháu Mô 1 tuổi ban đêm thương bay khóc, mỗi lần khóc, Rún lồi lên, bụng cứng.

Trị pháp : Cứu Trung-uyên, Khi-hải, 1 trắng, Phục-lưu, Tam-ly bò 3 trắng, Côn-lon 1 trắng.

Kết quả : Hết khóc nhẹ hẳn.

Trẻ con tự nhiên thần kinh tích-tùy té, thân hình phát cong như chữ S

Cháu Mỹ 18 tháng tự nhiên phát chỗ cõi hơi nghiên qua trái, bụng lại hơi cong vào, lưng co lại như hình chữ S, toàn thân thè yếu vô lực.

Trị pháp : Châm Phong-phủ, Đại-chủy, Trường-cường. Cứu Bách-hội 3 trắng, Phong-trí, 1 trắng, Thận-du, Mang-môn, Hoàn-khiếu dùng ngoại quyền cứu 4 lần, Khi-hải, Quang-nguyên cứu bò 3 trắng.

Kết quả : Lưng co hơi giảm.

Trị lần thứ 2 Trị như trên.

Kết quả : Bụng lồng ngay lại được nhưng còn hơi lệch bên trái.

Trị lần thứ 3 như trên.

Kết quả : Bình chuyền ngay lại được và bình phục hẳn.

Trẻ con phát vàng da, không muốn ăn.

Cháu Bi 1 tuổi toàn thân phát vàng da, ăn không hạ nên không muốn ăn.

Trị pháp : Cửu Trung-uyên, Chương-môn, Thiên-xu, Khi-hải, Túc-lam-lý, Tam-Âm-giao 3 tráng, Thần-khuyết, Âm-giao đều 1 tráng.

Kết quả : Ăn uống được như thường và thân lần lần hết vàng.

Mẹ cai thuốc phiện, độc nhiễm, cho con bú, nên con phát bịnh thủng, dài sưng.

Cháu Sêru mới sanh 40 ngày nhơn mẹ cai thuốc phiện cho cháu bú, độc nhiễm làm đầy bụng, và dài sưng, toàn thân phù thủng.

Trị pháp : Cửu Bách-hội, Chiên-trung, Phế-du, Khi-hải, Túc-lam-lý, Tam-Âm giao đều 3 tráng, Thừa-tương, Kỳ-môn, Trung-uyên, Đại-chủy, Thận-du, Mạng-môn, Trường-cường, Thiên-xu, Thái-xung, Hội-âm, Hiệp-cốc, Nội-quang 1 tráng.

Kết quả : Rung xop, dài xop.

Trị lần thứ 2 trị như trên.

Kết quả : Bình hoàn toàn hết hẳn.

Trẻ con tim thuốc Chứng đau sau phết ghê, mũi ra máu.

Cháu Châu 3 tuổi sau khi tim thuốc Chứng đau toàn thân phát nồi mũi như ghê (nhô) làm đau ngứa, mũi chảy máu.

Trị pháp : Châm Khúc-tri, thích Hiệp-cốc, Thiếu-thương, Thương dương, Trung-uyên ra máu

Kết quả : Các mul ghê già đen, hết đau ngứa, hết chảy máu mũi. **Trị lần thứ 2** Trị như trước (trừ huyệt Khúc-tri).

Kết quả : Các chứng hết hẳn, bình phục.

XX .GHÉ ĐỘC.

Trẻ con mặt, lưng sanh ghê độc.

Cháu Trà 3 tháng phát ghê độc ở đầu và lưng.

Trị pháp : Châm Khúc-tri, Đại-chủy, Hiệp-cốc, Tan... giao,

Kết quả : Ghé hết.

Trị lần thứ 2 : Trị như trên. Bình hết hẳn.

Trẻ con phát sốt nóng toàn thân phát ghè.

Cháu Trinh 2 tuổi, mặt phát nóng hực, toàn thân phát sanh ghè độc.

Trị pháp: Châm Hiệp-cốc, Thiếu-thương, Trung-xung, Quang-xung. Thương-dương ra máu.

Kết quả: Hết sốt, ghè bớt,

Trị lần thứ 2 Châm Hiệp-cốc, Khúc-tri, Nội-quang.

Kết quả: Ghè lẩn lẩn khô hết hẳn.

Trẻ con miệng sanh ghè dưới hàm nòi hạch.

Trị pháp: Châm Hiệp-cốc, Lệ-doài, Thủ Tinh-huyệt ra máu.

Kết quả: Ghè bớt,

Trị lần thứ 2 trị như trên. **Kết quả:** Ghè hết, Hạch hết.

Trẻ con sanh ghè từ Đầu. Cổ. Ngực Lưng. 肓 ng.

Cháu Hoa 2 tuổi từ đầu cổ, đến ngực bụng nòi ghè rất nhiều, bên đầu mọc 1 mụn lớn.

Trị pháp: Châm Lao-Cung, Khúc-tri, Hiệp-cốc, Tam-âm-giao, Đại chủy tà 1 lần, Thích thủ Tinh-huyệt, Chi-âm, Đại-Đôn ra máu.

Kết quả: Ghè bớt.

Trị lần thứ 2 trị như trên.

Kết quả: Các mụn ghè lẩn lẩn lặn hết, bình nhẹ

Trẻ con lòng bàn tay lở.

Cháu Tánh mới sanh 7 tháng, 2 tay trong lòng đều lở loét, toàn thân đều nồi mụn ghè nhỏ.

Trị pháp: Châm Lao-cung, Hiệp-cốc, Khúc-tri, Nội-quang, Khúc-tuyền.

Kết quả: Lòng bàn tay bớt, mình cũng bớt ghè.

Trị lần thứ 2. Trị như trước, bịnh sẽ hẳn.

Trẻ con chân sanh ghè.

Cháu Anh 2 tuổi chân trái từ đầu gối xuống chân có ghè chảy nước vàng chân mặt có ít, nơi cánh tay cũng có nồi-mụn.

Trị pháp: Châm Lao-cung, Khúc-tri, Tam-âm-giao, Khúc-tuyền thích Hiệp-cốc, Thiếu-thương, Thương-dương ra máu

Kết quả: Ghè khô bớt chảy nước vàng.

Trị lần thứ 2 Thích Hiệp-cốc, Thiếu-thương, Thương-dương, Trung-xung, Khiếu-âm, Chi-âm ra máu.

Kết quả: Bớt phân nứa. Trị tiếp một lần nữa như trên. Ba ngày sau bình hết hẳn.

Trẻ con tay chân sanh ghê ngứa.

Cháu Tâm 2 tuổi tay chân đều phát ghê ngứa dùng thuốc nữa tháng không công hiệu.

Trị pháp: Châm Khúc-tri, Lao-cung, Hiệp-cốc, Khúc-tuyễn, Tam-âm-giao.

Kết quả: Ghê khó bớt.

Trị lần thứ 2 Trị như trên thêm Nội-quang, Địa-cơ.

Kết quả: Ghê bớt nhiều ghê nhỏ lặn hết,

Trị lần thứ 3 Châm Khúc-tri, Tam-âm giao, Huyết-hái, Lao-cung thích các huyệt Thiếu-thương, Thương-dương, Trung-xung, Hiệp-cốc ra máu.

Kết quả: bình hết hẳn.

Trẻ con miệng và bộ sinh dục nổi hạch.

Cháu Thịnh 4 tuổi miệng lở đỏ, nổi mut, Bộ phận sinh-duc 2 bên hán hám lõi, cõi có nổi hạch 2 bên cung, bình dã trên 1 tháng

Trị pháp: Châm Đại-lăng, Khúc-tri Tam-âm-giao, Khúc-tuyễn.

Trị tiếp lần thứ 2, 3, như trên.

Kết quả: Miệng hơi bớt 2 bên hán cung bớt.

Trị lần thứ 4 trị như trên. **Kết quả:** Ghê ở miệng bớt nhiều.

Trị lần thứ 5, 6, cũng trị như trên. **Kết quả:** Ghê ở miệng hết.

Trị lần thứ 7 trị như trên.

Kết quả: Hai bên hán giảm bớt, hạch 2 bên cõi hơi xẹp.

Trị lần thứ 8 Cửu trị như trên.

Kết quả: Các chứng đều giảm sau hết hẳn.

Trẻ con bị Dương-mai độc di truyền sưng khớp xương.

Cháu Hoài 2 tuổi chò cùi chỏ tay mặt sưng khớp đau nhức, đầu cõi thẳng đỡ không vận động được, đi Bình-viện thử máu cho là chứng bị độc dương mai cha mẹ di truyền.

Trị pháp: Châm Hiệp-cốc, Thái-xung, Thiếu-hái, Khúc-trach, Cửu Đại-chủy, Hoàn-khiêu, Âm-lăng-tuyễn, Dương-lăng-tuyễn, Túo-tam-lý, Tam-âm-giao, Tuyệt-cốt, Nội-quang, Ngoại-quang, Uyển-cốt, Thiếu-hái đều 1 tráng.

Kết quả: Cõi vận động xoay được.

Trị lần thứ 2 Châm Khúc-tri, Xích-trach, Thịt-đi, Khúc-trach, Hiệp-cốc, Thái-xung, Hoàn-khiêu, Trưu-liêu.

Kết quả : Cứu chỗ tay mặt sẹo.

Trị lần thứ 3, trị như trên. Kết quả : ít phản ứng.

Trị lần thứ 4, trị như trên.

Kết quả : Hoạt động được. Hai tay bớt nhiều.

Trị lần thứ 5 cũng trị như trên.

Kết quả : Về sau bình nhẹ, hoạt động như thường.

Bịnh dài đêm (dài đầm).

Trị 30 em bịnh dài đêm kết quả sau đây.

Theo các sách xưa trị bịnh này dùng các huyệt : Khi-hải Quang-nguyên, Trung-cực, Khúc-cốt, Hiệp-cốc, Tam-âm-giao, Thận-du, Mạng-môn.

Trị pháp : Cần dùng huyệt Quang-nguyên là chính, ngoài ra các huyệt khác nên tùy ngài xử dụng phối hợp.

Thủ thuật : Khi châm kim có cảm giác tê rồi thì chuyền xoay kim 1,2 phút, lưu kim 1 ty mới rút kim, mỗi lần thì trị trong thời gian 15 phút, kinh nghiệm đã trị kết quả : Trị các em dài đầm hoặc mỗi đêm 1 lần, 2, 3 đêm 1 lần, 6, 7, đêm 1 lần hay 1 đêm 2,3 lần

Trong khi lâm sàn trị bịnh có khi chỉ dùng đơn huyệt Quang-nguyên, cũng dứt hẳn, có khi dùng cả 5,6 huyệt cũng không có hiệu quả.

Trong số này thì 16 em, trị chỉ dùng 1 huyệt Quang-nguyên mà hoàn toàn hết hẳn, có 2 em sau thêm 2 huyệt Hiệp-cốc, Mạng-môn trị nhẹ. Còn các em khác có em trị dùng nhiều huyệt mà không kiến hiệu.)

Vậy trị bịnh này cốt là thủ pháp thi thuật, không phải tai dùng huyệt nhiều ít (thủ thuật châm cảm giác tê rào děo Bàng-quang rất công hiệu.

Thời gian trị bịnh thì cũng chỉ trong khoản 5 lần trị là công hiệu, Có em lâu lắm cũng chỉ đến 8,9 lần là cùng, không tái phát nữa.

PHỤ CHÚ : Những chứng bịnh thông thường của Trẻ em cũng có nhiều bịnh trị như người lớn. Những Án trị liệu trong các bịnh trước có kèm nhiều Y-Án trị cho trẻ em vậy xin kiểm tra các mục trị liệu ấy.

CỨU TRỊ BÌNH UNG THƯ. (CANCER)

Bình Ung-thư hiện nay chưa có thuốc trị, nhưng lúc ban đầu mới phát hiện (thời kỳ thứ nhất) nếu biết trị sớm, có thể có kết quả, vì đến khi phát hiện chứng trạng nặng cũng khó cứu được mạng sống.

Đối với Châm cứu trị bình Ung-thư có thể làm cho hết đau nhức, và lại về Cứu thuật theo Khoa học đã chứng nhận có tác dụng làm tăng Bạch-huyết-cầu diệt trùng nên trị bình Ung-thư dùng cứu trị có tác dụng tiêu viêm chỉ thống, diệt trùng nên có thể nhiều hiệu quả, vậy khi mới phát hiện thời kỳ thứ nhất nếu biết trị ngay sẽ có thể chữa trị được tận gốc.

Sau đây là những phương nghiên cứu trị liệu của Châm-sư Trần-Cử-Lâm phò biến để khi gặp bình nên áp dụng thực nghiệm.

1.— Trị bình Ung-thư Thực-dao : (Ung thư cuống họng) Dùng các huyệt cứu trị :

Cách-du, Thận-du, Kiên-tinh, Chiên-trung, Cu-vỹ, Thủ-tam-lý.

2.— Trị bình Ung-thư Dạ-dày : dùng các huyệt cứu trị : Vị-du, Tỷ-du, Thượng-uyền, Trung-uyền; Nội-dinh, Túc-tam-lý.

3.— Trị bình Ung-thư Ruột : dùng các huyệt cứu trị : Tam-tiêu-du, Thiệu-xu, Thủy-dao, Đại-mạch, Tú-tam-lý, Tam-âm-giao.

4.— Trị bình Ung-thư Gan : dùng các huyệt cứu trị : Can-du, Đởm-du, Kỷ-môn, Chương-môn, Cỵ-khuyết, Hành-gian.

5.— Trị bình Ung-thư Cố-hầu : dùng các huyệt cứu trị : Đại-chày, Kiên-tinh, Bách-Lao, Ế-phong, Ngoại-quang, Trữu-tiêu.

6.— Trị bình Ung-thư Phổi : dùng các huyệt Cứu trị : Phế-du, Cao-hoan, Đại-trữ, Trung-phủ, Vận-môn, Thiểu-thương.

7.— Trị bình Ung-thư Vú : dùng các huyệt cứu trị : Nhũ-cău, Kiên-tinh, Cao-hoang, Tâm-du, Chiên-trung, Đại-lăng.

Thủ pháp : Dùng viên ngai nhỏ bằng hạt gạo trực tiếp cừu 3 đến 5 tráng, ban đầu dùng hai, ba huyệt, sau tùy hiện chứng trạng mà tăng thêm từ 5 đến 7 tráng và dùng thêm huyệt Cứu trị cho đến khi hết đau nhức.

Ngoài ra cũng có thể dùng cửa cách gừng hoặc ôn-cứu bằng ngai quyện nhưng nên nhớ tại cuộc bộ không được dùng châm trị hay ôn cứu trên kim.

Ban đầu trị nên dùng những huyệt viễn cách kinh Du-dao và các huyệt phò cản cứu cho hết đau nhức, cũng không nên trực tiếp cứu chỗ Ung-dot.

Nếu áp dụng các phương pháp này cứu trị cho hết sưng nhức phổi hợp với thuốc trị Ung-thư có thể cứu chữa được kết quả.

Sau đây theo Y-Sư Việt-Phong-Tiêu, nghiên cứu trị bệnh Ung-thư phổ biến cứu trị sau đây :

1) **Trị Ung-thư Tỳ Vị** : Cứu những huyệt: Hiệp-cốc, Thủ-tam-lý, Khúc-tri, Túc-tam-lý, Kiên-tinh, Can-du, Lách-du, Tỷ-du, Quang-nghuyên.

2) **Trị Ung-thư Não** : Cứu những huyệt: Hiệp-cốc, Bách-hội, Kiên-tinh.

3) **Ung-thư Cổ-hầu Giáp-trạng-tuyến, Lâm-ba-tuyến** : Cứu những huyệt: Hiệp-cốc, Thủ-tam-lý, Túc-tam-lý, Bách-hội, Kiên-tinh.

4) **Ung-thư Cánh tay** : Cứu những huyệt: Hiệp-cốc, Khúc-tri.

5) **Ung-thư Gan** : Cứu những huyệt: Thủ-tam-lý, Tâm-du, Can-du, Túc-tam-lý, Thận-du, Quang-nghuyên.

6) **Ung-thư Ruột** : Cứu những huyệt: Thủ-tam-lý, Khúc-tri, Túc-tam-lý, Cách-du, Vị-du, Đại-trường-du, Trung-cực, Quang-nghuyên.

7) **Ung-thư Phổi** : Cứu những huyệt: Túc-tam-lý, Phế-du, Tâm-du, Cách-du.

8) **Ung-thư Thận** : Cứu những huyệt: Thận-du, Đại-trường-du, Trung-cực, Quang-nghuyên.

9) **Ung-thư Bàng-quang** : Cứu những huyệt: Đại-trường-du, Trung-cực, Đơn-diền, Quang-nghuyên.

10) **Ung-thư Tử Cung, Âm-dạo** : Cứu những huyệt: Đơn-diền, Quang-nghuyên.

Tất cả dùng 16 huyệt: Hiệp-cốc, Thủ-tam-lý, Khúc-tri, Túc-tam-lý, Bách-hội, Phế-du, Tâm-du, Cách-du, Can-du, Vị-du, Thận-du, Đại-trường-du, Kiên-tinh, Trung-cực, Đơn-diền, Quang-nghuyên. Cứu trị những bệnh Ung-thư tùy ứng dụng phối hợp rất công hiệu.

Vậy trên đây 2 tài liệu của 2 vị Châm-Cứu sư Trung-Hoa phổ biến trị bệnh Ung-thư xin trích dịch vào đây để Nghiên cứu.

— LÂM SÀN Y-ÁN TRỊ NGHIỆM

Xin giới thiệu Y-Án của Châm-y Tư-Liệu-Thất Trung-Hoa
trong thời gian trị bệnh ghi những kết quả sau đây :

1. Trị bệnh Tê-Liéet trẻ em (14 em).

Dùng những huyệt : Thiên-trụ, Khúc-trí, Uyên-cốt, Đại-lăng, Kien-Trinh, Tý-phu, Đại-chùy, Khúc-trach, Đại-trũ, Túc-tam-lý Thừa-sơn, Phong-long, Tuyệt-cốt, Bách-hoàn-du, Phong-thi, Thái-xung, Hành-gian, Trung-liêu.

Trị pháp : Các huyệt chính : Châm Mạng-môn, Thận-du, Đại-chùy, Nhơn-trung, Cửu Mạng-môn, Thận-du, Quang-nguyên-du.

Các huyệt phụ : Côn-lon, Linh-dài, Đào-đạo, Khưu-hư, Thiên-trụ, Châm lưu kim từ 5 đến 15 phút, dùng trước tác thuật và dùng ón cừu 15 đến 20 phút.

Kết quả : 80/100

2.— Trị bệnh Tê liệt trẻ em (16 em).

Dùng các huyệt : Bách-hội, Kiên-du, Khúc-trí, Phong-thi, Thủ-tam-lý, Hiệp-cốc, Kiên-linh, Hoàn-khiêu, Túc-tam-lý, Ủy-trung, Dương-lăng-tuyễn, Tuyệt-cốt.

Toàn dùng châm trị, áp dụng theo Đại-thành trước châm vò-bệnh thủ túc sau châm hưu bệnh thủ túc (châm giao kinh)

Kết quả : 5 Em hết hẳn, 10 em tiến bộ nhiều, có 1 em không kết quả.

3.— Trị bệnh Phong-thấp làm đau lưng (tích tuy viêm) 33 người.

Dùng các huyệt : Đại-chùy, Phong-môn, Can-du, Đại-trũ, Tích-trung, Mạng-môn, Thận-du, Quang-nguyên-du, Bàng-quang-du, Thủ-liêu, Trật-biên, Hoàn-khiêu, Ủy-trung.

Trị pháp : Bão bệnh nhơn thở ra, tùy hơi thở châm vào 1 phần cho cảm giác té rồi nhún kim lên xuống, sau bão bit vào dày thêm vào 2 phần, làm như vậy từ 3 đến 5 lần cho té rần hết mới lăn lăn rút kim, án tại huyệt, nếu chưa Té thì lại tần châm thêm cho Té.

Kết quả 14 người hết hẳn, 17 người thiệt khá nhiều, có 2 người vô hiệu.

4.— Trị bệnh Cảm Đít 53 người.

Dùng các huyệt chủ yếu : Bách-hội, Nhĩ-môn, Thịnh-cung, Thịnh-hội, E-phong-Â-môn, Liêm-tuyễn, Kim-tan, Ngọc-dịch, phổi
hợp các huyệt : Phong-phū, Phong-trí, Thiên-dot, Nhơn-nghinh, Đại-chùy, Tâm-du, Can-du, Thận-du, Ngoại-quang, Hiệp-cốc, Thông-lỵ.

Trung-chữ, Dịch-môn; Túc-tam-lý, Túc-lâm-khấp và có lúc dùng thêm các huyệt Hiệp-khê, Khiếu-Âm, Thái-xung, Thái-khê, Chiếu-hái.

Trị pháp : Cách 1 ngày trị 1 lần, Trị 7 lần là 1 liệu-trình.

Ngày thứ nhứt châm 1 bên É-phong, Thỉnh-hội, Ngoại-quang, Túc-tam-lý, Bách-hội.

Ngày thứ 2 châm bên kia cũng dùng các huyệt ấy.

Ngày thứ 3 châm cả 2 bên.

Mỗi lần cứ dùng chǔ huyệt 2,3 huyệt và phổi huyệt 2,3 huyệt. Luân phiên thay đổi. Ban đầu trị điết, sau trị cầm.

Châm dùng trước tác thuật cho cảm giác thật tê có thể lưu kim từ 20 phút đến 1 giờ, Trong khi lưu kim cứ 10 phút hay 20 phút áp dụng trước tác 1 lần.

Kết quả : Nói được 39 người, nói chút ít (43 người, tiến bộ khá 28 người, vô hiệu 30 người. Vậy kết quả được 78/100.

5.— Trị bình Tạng táo khờ ngóc 100 người. (Bình khùng).

Dùng huyệt Nội-quang.

Trị pháp : Khi cơn đau ngưng, bão 2 người giữ bình nhọn cho vững, châm huyệt Nội-quang, xoay tả pháp trong 2 đến 5 phút lưu kim 20 hay 30 phút.

Kết quả : Trị 100 người chỉ dùng 1 huyệt mà được 96 người hết hẳn có 2 người bớt phần nữa, và 2 người vô hiệu.

6.— Trị bình trẻ con ỉa chảy (phúc tá). 364 em.

Dùng các huyệt : Hiệp-cốc; Thiên-xu, Túc-tam-lý, Thủ-sơn, Thiểu-thương, Dũng-tuyễn, Nội-quang, Nhơn-trung.

Trị pháp : Dùng huyệt Túc-tam-lý làm chǔ.

Như có làm ấu thõ dùng thêm Hiệp-cốc, Dũng-tuyễn.

Phúc-trường dùng Thiên-xu, Thủ-sơn.

Phát sốt châm Thiểu-thương ra máu.

Nếu đặc kinh châm huyệt Nhơn-trung, Nội-quang.

Áp dụng thủ pháp nhẹ để làm điều chỉnh cơ năng Trung-khu thần-kinh và châm ra máu các chǔ tay phía trong chỗ dốt thứ nhứt cả 2 tay 8 ngón (trừ ngón cái.)

Kết quả : 311 em hết bệnh hoàn toàn, bớt phần nữa 38 em, không có kết quả 3 em, còn 22 em không rõ vì không theo dõi được.

7.— Bình vỉ Trường nhiệt làm bi tiêu tiễn. 16 người.

Dùng các huyệt : Trung-cực, Khúc-cốt, Âm-lăng tuyền, Tam-âm-giao, Túc-tam-lý, Lệ-doài.

Trị pháp : Châm dùng thủ thuật trước-tác cách 5 phút xoay kim 1 lần, lưu kim 15 đến 20 phút, rút kim không bể huyệt.

Như người hư mạch yếu, có mồ hôi, dùng bình bỗ, bình tà pháp, khi lưu kim 5 phút xoay trước tác 1 lần, sau rút kim cần chà hộp (Án-ma) tại bộ phận dạ con trong 15, 20 phút thì đi tiểu ngay.

Kết quả : 16 người chỉ trị 1 lần có hiệu không ai trở lại.

Chú ý : Trẻ con dưới 10 tuổi trong lúc lưu kim đái thông ngay, Trên dưới 30 tuổi châm sau đái thông, người già thì sau khi rút kim 1, 2, giờ đái thông. Trẻ em tuổi càng nhỏ thì càng mau có công hiệu.

8.— Trị chứng Tỵ-viêm. (bịnh mõi).

Dùng các huyệt : Nghinh-hương, Hòa-liêu, Thượng-tinh, Bách-hội, Phong-phủ, Phong-tri, Thiên-tru, Đại-chùy, Mạng-môn, Hiệp-cốc, Tiễn-cốc, Túc-tam-lý.

Trị pháp : Mỗi lần dùng từ 2 đến 5 huyệt tùy thay đổi.

1./ Nghinh-hương, Hòa-liêu, Thượng-tinh, Phong-phủ, Tiễn-cốc.

2./ Nghinh-hương, Mạng-môn, Túc-tam-lý, Phong-tri, Đại-chùy-

Thủ pháp : Xoay niêm vận kim 1, 2, phút, lưu kim 20 hay 30 phút, Cách 1 ngày châm trị 1 lần, 7 lần là 1 liệu trình nghỉ 1 tuần trị lại liệu trình thứ 2, liên tiếp trị 1 hay 2 liệu trình đều có công hiệu.

Kết quả : Trị 11 người hết hẳn 5 người, 2 người gần hết, Tiễn-hội 3 người, có 1 người vì không theo trị nên không có hiệu.

9. Trị bịnh đau khớp xương 307 người.

Trị bịnh này đều tùy bộ phận bị bịnh mà áp dụng huyệt và các kinh huyệt phân xạ và kinh huyệt tại cuộc bộ.

Bịnh tại khớp xương cùm tay dùng các huyệt Liệt-khuyết, Hiệp-cốc, Thủ-tam-lý. Tại phía trên cùm tay dùng các huyệt Chỉ chánh, Tiều-hải.

Tại cùm tay phía ngoài dùng các huyệt Ngoại-quang, Trung-chứ.

Đầu phía trong khớp chân dùng các huyệt Thái-xung, Tam-âm-giao.

Thủ thuật : mồi đau phát đỡ nhức sốt thi kích thích mạnh cho thật té rần đến chỗ đau, lưu kim 30 đến 40 phút, trong lúc lưu kim nên xoay 2, 3 lần và dùng tay đe chỗ đau sau rút kim gia cứu

Nếu đau lâu, không đỡ, sưng chỉ đau nhức thì kích thích nhẹ lưu kim 15 đến 20 phút, mỗi lần lưu kim cũng xoay 1, 2, lần, sau rút kim gia cứu.

Nếu sưng nề, lần thứ nhất trị không hết sưng, trị lần thứ 2 nên dùng thêm cao dán ngoài để trợ tiêu viêm hoặc cho uống thêm thuốc Huyết huyết chỉ thống

Kết quả : Hết hẳn 198 người, giảm nhiều 20, Không công hiệu 4 người, có 76 người không theo dõi được.

10.— Trị bệnh Kiết-ly (do vi trùng kiết ly). 24 người,
Dùng các huyệt Thiên-xu, Quang-nguyễn.

Trị pháp : Mỗi ngày châm cứu 1 lần, lưu kim 20 đến 30 phút dùng xoay kim để trấp cho thật lê rần mới kết quả.

Trị bệnh này phần nhiều rút kim gia cứu, có số ít lưu kim và cứu (nhớ cứu đến dỗ da cảm nóng mới thôi), cứ tiếp tục mỗi ngày trị 1 lần, trị đến hết hẳn, đại tiện thường mới thôi.

Những bệnh có nóng sốt thì châm không nên cứu.

Kết quả : trong 24 bệnh đều hết hẳn (trị từ 3 lần đến 5 lần).

11.— Trị bệnh Sán phụ ít sữa 50 người

Dùng các huyệt chủ yếu : Chiên-Trung, Nhũ-căn, Huyệt phổi hộp, Hiệp-cốc, Tam-ám giao.

Trị pháp : Châm nhẹ, và châm cho cảm giác tê đến bộ phận vú mới thôi, lưu kim 15 đến 20 phút, cứ 3, 5, phút xoay vận 1 lần.

Kết quả : Công hiệu 44 người, khả thi bộ 5 người, vô hiệu 1 người.

KẾT LUẬN : 11 Y-án trị bệnh trên đây nhận thấy rất công hiệu xin giới thiệu để làm tài liệu học tập nghiên cứu.

LÂM SÀN TỰ TRI-NHIỆM (Lớp dạy Châm cứu)

Những chứng bệnh và số bệnh nhân trị có kết quả.

Số bệnh nhận	Bệnh chứng	Huyết chủ yếu	Thời gian	Kết quả	Giảm bớt	Vô hiệu	Tỷ số
51	Nhức đầu	Đầu duy, Phong tri, Liệt khuyết Hiệp-cốc.	3-4	35	12	4	92/0
23	Đau lưng (Yếu thống)	Thận-du, Bác liêu Üy-trung.	3-6	14	5	4	82,6
17	Tọa cốt thần kinh thống	Hoàn-khiêu, Thừa-phò, Côn lòn, Üy-trung.	5-7	11	4	2	88,2
72	Vị thần kinh thống (đau thần kinh Dạ dày)	Nội-quang, Túc tam-lý, Trung- uyễn, Vị-du.	2-3	36	13	23	68,2
13	Tiêu hóa bất lương (ăn không tiêu)	Trung-uyễn, Vị du, Thiên-xu, Túc-tam-lý.	2-6	5	3	5	61,5
49	Trường vị viêm (sưng Dạ dày, Ruột)	Túc-tam-lý, Nội quang, Thần- khuyết Trunguyễn	3-8	25	12	12	67,5
46	Chí khí quặng viêm (Hô sưng ống khí quang)	Phế-du, Phong môn, Thiên-dột, Kinh-cv.	3-5	13	7	26	43,3
16	Quang tiết viêm (Sưng khớp xương)	Dùng A thị huyết và các huyết phu cần dù đạo	3-6	4	3	9	43,7
20	Kiết mạc viêm (Đau mắt)	Tu-trúc-không, Toán-trúc, Tinh minh, Hiệp-cốc.	2-3	9	6	5	43,7
18	Bàn bà có kinh đau bụng (kinh thống)	Tam-âm-giao, Trung-cv, Nội định, Huyêt-hải	3-7	8	4	6	66,6
11	Áp huyết cao	Khúc-tri, Üy- trung, Trung-xung Dũng-tuyễn.	5-6	5	2	4	66,6
84	Sốt rét	Đại chày, Gian sú Bảo đạo, Cao hoan	2-7	63	10	11	87/
33	Cảm mạo	Phong tri, Thái dương, Hậu-khê Hiệp-cốc.	2-3	19	4	10	79.
9	Đương nuy (Liệt xương)	Thận-du, Quang nguyễn, Tam-âm giao, ẩm lăng tuyễn	3-5	4	3	2	77
120	Các bệnh khác	Tùy chứng dùng huyết	5-10	68	37	31	74

KIỂM TRA HUYỆT VỊ THEO KINH-LẠC

TÊN HUYỆT	KINH LẠC	TÊN HUYỆT	KINH LẠC
- A -	Kinh	Cự-Liêu	6 -Vị-Kinh
Âm-môn	14-Đốc-Kinh	Cự-Khuyết	14-Nhâm-Kinh
Ân-Bạch	1-Tỳ-Kinh.	Cự-Cốt	16-Đại-Trường
Ân-môn	51-Bàng-quang	Cực-Tuyễn	1-Tâm-Kinh
Âm-Bào	9-Cao-Kinh	Cường-Gian	17-Đốc-Kinh
Âm-Cốc	10-Thận-Kinh	Cựu-Vì	15-Nhâm-Kinh
Âm-Đô	19-Thận-Kinh	- CH -	
Âm-Giao	7-Nhâm-Kinh	Chánh-Dịch	18-Đởm-Kinh
Âm-Kỵ	6-Tâm-Kinh	Châu-Vinh	20-Tỳ-Kinh
Âm-liêm	11-Can-Kinh.	Chi-Cầu	6-Tam-Tiêu
Âm-lặng-tuyễn	9-Tỳ-Kinh.	Chi-Chánh	7-Tiêu-Trường
Âm-Thị	33-Vị-kinh	Chi-Âm	67-Bàng-Quang
- B -	B	Chi-Dương	8-Đốc-Kinh
Bách-Hội	19-Đốc-Kinh,	Chi-Thất	47-Bàng-Quang
Bách-hoàn-du	30-Bàng-Quang	Chiên-Trung	17-Nhâm-Kinh
Bảo-manh	48-Bàng-quang	Chiếu-Hải	6-Thận-Kinh
Bàng-q-du	28-Bàng-quang	Chương-Môn	13-Can-Kinh
Bất-dung	19-Vị-Kinh	Chúc-Tân	9-Thận-Kinh
Binh-Phong	12-Tiêu-Trường	- D -	
Bộ-Lang.	42-Kinh-Thận	Dịch-Môn	2-Tam-Tiêu
Bột-Tham	61-Bàng-quang	Du-phù	27-Thận-Kinh
Bồn-Thần	9-Đởm-Kinh.	Duy-Đạo	28-Đởm-Kinh
- C -	C	Dũng-Tuyễn	1-Thận-Kinh
Cách-du	17-Bàng-quang.	Dương-Đốc	5-Tiêu-Trường
Cách-quang	41-Bàng-quang	Dương-Bach	10-Đởm-Kinh
Can-du	18-Bàng-quang	Dương-Cương	43-Bàng-Quang
Cao-hoang	38-Bàng-quang	Dương-Giao	35-Đởm-Kinh
Cấp-mạch	12-Can-Kinh	Dương-l-Tuyễn	34-Đởm-Kinh
Còn-lon	60-Bàng-quang	Dương-Khé	5-Tiêu-Trường
Công-Tôn	4-Tỳ-Kinh	Dương-Phù	38-Đởm-Kinh
Cơ-môn	11-Tỳ-Kinh	Dương-Lão	6-Tiêu-Trường
Cần-vực	7-Đốc-Kinh	Túc-N-Quang	33-Đởm-Kinh
Cự-Liêu	29-Đởm-Kinh	Dương-Quang	3-Đốc-Kinh
		Dương-Tri	4-Tam-Tiêu

TÊN HUYỆT	KINH LẠC	TÊN HUYỆT	KINH LẠC
-Đ-		-K-	
Đại-báo	21-Tỳ-Kinh	Hà-liêm	8 -Đại-trường
Đại-nginh	8 -Vị-Kinh	Hà-cự-Hư	39-Vị-kinh
Đại-trường-du	25-Bàng-quang	Hà-Liêu	34-Bàng-quang
Đại-Cự	27-Vị-Kinh	Hà-Quang	2 -Vị-kiuh
Đào-Đạo	12-Đốc-kinh	Hà-Uyễn	10-Nhâm-kinh
Đại-hoành	15-Tỳ-kinh	Hàm-cốc	43-Vị-kinh
Địa-Thương	7 -Vị-kinh	Hàm-Yết	4 -Đồm-kinh
Đại-trữ	11-Bàng-quang	Hành-Gian	2 -Can-kinh
Địa ngũ hội	42-Đồm-kinh	Hậu-Đánh	18-Đốc-kinh
Đại-dô	2 -Tỵ-kinh	Hiệp-Bạch	4 Phế-kinh
Địa-Cơ	8 -Tỳ-kinh	Hậu-Khé	3 Tiêu-trường
Điều-Khẫu	38-Vị-kinh	Hiệp-Cốc	4 -Đại-trường
Đại-Hích	12-Thận-kinh	Hiệp-Dương	55-Bàng-quang
Đoài-Đoan	26-Đốc-kinh	Hiệp-Khé	43-Đồm-kinh
Đại-chuog	4 -Thận-kinh	Hoa-Cái	20-Nhâm-kinh
Đồm-du	19-Bàng-quang	Hoa-Giao	19-Đại-trường
Đại-lặng	7 -Tâm bào lạc	Hoa-Liêu	22-Tam-tiêu
Đồng-tử-liêu	1 -Đồm-kinh	Hoàn-Khiêu	30-Đồm-kinh
Đại-mạch	26-Đồm-kinh	Hoàn-Cốt	17-Đồm-kinh
Đầu-duy	1 -Vị-kinh	Hội-Âm	1 -Nhâm-kinh
Đại-dôn	1 -Can-kinh	Hội-Dương	35-Bàng-quang
Đầu lâm khấp	11-Đồm-kinh	Hội-Tông	7 -Tam-tiêu
Đầu Khiếu-Âm	13-Đồm-kinh	Hoặc-Trung	26-Thận-kinh
Đốc-du	16-Bàng-quang	Hoành-Cốt	14-Thận-kinh
Độc-Tỷ	35-Vị-kinh	Hồn-Môn	42-Bàng-quang
Đại-Chùy	13-Đốc-kinh	Huyền-Chung	39-Đồm-Kinh
-E-		Huyền-Lư	5 -Đồm-Kinh
E-Phong	17-Tam-Tiêu	Huyền-Lý	6 -Đồm-Kinh
-G-		Huyền-Xu	5 -Đốc-mạch
Giáp-xa	3 -Vị-kinh	Hung-Hương	19-Tỵ-Kinh
Giải-khé	4 -Vị-kinh	Huot nhục mòn	21-Vị-kinh
Giao-Sứ	5 -Tâm bào lạc	Huyết-Hãi	10-Tỵ-kinh
Giao-Tín	8 -Thận-kinh	-K-	
Giác-Tôn	20-Tam-tiêu	Kinh-môn	25-Đồm-kinh
		Kiob-Cự	8 -Phế-kinh
		Kinh-Cốt	64-Bàng-quang

Kinh-Môn	63-Bàng-quang
Kiên-Liêu	14-Tam-tiêu
Kiên-Lý	11-Nhâm-kinh
Kiên ngoai-du	14-Tiêu-trường
Kiên-Ngung	15-Đại-trường
Kiên-Tinh	21-Đồm-kinh
Kiên-Trinh	9-Tiêu-trường
Kiên Trung-du	15-Tiêu-trường
Kỳ-Môn	14-Can-kinh
Kỵ-môn	4.Tâm-bào-lạc

-KH-

Khánh-chủ-nhơn	3-Đồm-kinh
Khé-mạch	18-Tam-tiêu
Khí-Hộ	13-Vị-kinh
Khí-xá	11-Vị-kinh
Khí-Hải	6-Nhâm-kinh
Khí-huyệt	13-Thận-kinh
Khí-xung	30-Vị-kinh
Khô-phòng	14-Vị-kinh
Khồng-tối	6-Phế-kinh
Khuyết-bồn	12-Vị-kinh
Khuyết-ám-du	14-Bàng-quang
Khí-hái-du	24-Bàng-quang
Khúc-cốt	2-Nhâm-kinh
Khúc-mẫn	7-Đồm-kinh
Khúc-tuyễn	8-Can-kinh
Khúc-tri	11-Đại-trường
Khúc-trạch	3-Tâm-bào-lạc
Khúc-sai	4-Bàng-quang
Khúc-viện	13-Tiêu-trường
Khưu-hư	40-Đồm-kinh
Khiếu-Ám	44-Đồm-kinh
(Túc)	

-L-

Lao-cung	8-Tâm-bào-lạc
Lân-khắp(Túc)	41-Đồm-kinh
Lệ-Đoài	45-Vị-kinh

Linh-Đài	9-Đỗc-kinh
Linh-Đạo	4-Tâm-kinh
Liệt-khuyết	7-Phế-kinh
Lạc-khuốc	8-Bàng-quang
Lệu-cốc	7-Tỷ-kinh
Lay-cấu	5-Can-kinh
Liêm-tuyễn	23-Nhâm-kinh
Linh-khưu	24-Thận-kinh
Lư-túc	19-Tam-tiêu
Lương-khưu	34-Vị-kinh
Lương-môn	31-Vị-kinh

-M-

Manh-du	16-Thận-kinh
Manh-môn	46-Bàng-quang
Mạng-môn	4-Đỗc-kinh
My-xung	3-Bàng-quaug
Mục-liêu	23-Tam-tiêu
(Tứ-trúc-không)	
Mục-song	13-Đồm-kinh

-N-

Não-hộ	16-Đỗc-kinh
Não-không	19-Đồm-kinh
Nội-dịnh	44-Vị-kinh
Nội-quang	6-Tâm-bào-lạc

-NH-

Nhi-gian	2-Đại-trường
Nhi-môn	21-Tam-tiêu
Nhiên-cốc	2-Thận-kinh
Nhơn-nghinh	9-Vị-kinh
Nhu-du	10-Tiêu-trường
Nhu-Hội	13-Tam-tiêu
Nhũ-căn	18-Vị-kinh
Nhũ-truog	17-Vị-kinh
Nhơn-trung	25-Đỗc-kinh
Nhứt-nguyệt	24-Đồm-kinh

-NG-

Ngân-giao	27 - Đốc-kinh
Ngoại-lăng	26 - Vị-kinh
Ngọc-Đường	18 - Nhâm-kinh
Ngoại-khru	36 - Đõm-kinh
Ngoại-quang	5 - Tam-tiêu
Ngọc-chàm	9 - Bàng-quang
Thủ-ngũ-lý	13 - Đại-trường
Túc-ngũ-lý	10 - Can-kinh
Ngũ-xu	27 - Đõm-kinh
Ngũ-xứ	5 - Bàng-quang
Ngư-té	10 - Phế-kinh
Nghinh-Hương	20 - Đại-trường

-Ö-

Öc-é	15 - Vị-kinh
Öc-lưu	7 - Đại-trường

-P-

Phách-hộ	37 - Bàng-quang
Phế-du	13 - Bàng-quang
Phi-dương	58 - Bàng-quang
Phò-dot	18 - Đại-trường
Phong-long	40 - Vị-kinh
Phong-mòn	12 - Bàng-quang
Phong-phù	15 - Đốc-kinh
Phong-trí	20 - Đõm-kinh
Phong-thị	31 - Đõm-kinh
Phù-bach	16 - Đõm-kinh
Phù-ky	52 - Bàng-quang
Phụ-phản	36 - Bàng-quang
Phù-xá	13 - Kỳ-kinh
Phúc-kiết	14 - Kỳ-kinh
Phúc-ai	16 - Kỳ-kinh
Phúc-lưu	7 - Kinh-thần
Phúc-thổ	32 - Vị-kinh
Phu-Dương	59 - Bàng-quang

-Q-

Quang-minh	37 - Đõm-kinh
Quang-n guyễn	4 Nhâm-kinh

Quy-lai	29. Vị-kinh
Quyền-liêu	18. Tiêu-trường
Quang-n guyễn-du	26. Bang-quang
Quang-mòn	22. Vị-kinh
Quang-xung	1. Tam-tiêu

-S-

Suất-cốt	8. Đõm-kinh
----------	-------------

-T-

Tam-gian	3. Đại-trường
Tam-âm-giao	6. Tỵ-kinh
Tam-dương-lạc	8. Tam-tiêu
Tiếp-cân	23. Đõm-kinh
Tiêu-lạc	12. Can-kinh
Tam-tiêu-du	22. Bàng-quang
Tiêu-hải	8. Tiêu-trường
Tâm-du	15. Bàng-quang
Tiêu-trường-du	27. Bàng-quang
Tiễn-cốc	1. Tiêu-trường
Tiễn-danh	20. Đốc-kinh
Tinh-minh	1. Bàng-quan
Tinh-bội	21. Đốc-kinh
Tích-trung	6. Đốc-kinh
Toán-trúc	2. Bàng-quang
Tổ-liêu	21. Đốc-kinh
Tư-lรุc-không	23. Tam-tiêu
Tư-bach	5. Vị-kinh
Tư-Độc	9. Tam-tiêu
Tư-mảng	14. Thần-kinh
Tư-Cung	19. Nhâm-kinh
Túc-tam-lý	36. Vị-kinh
Tuyệt-Cốt	39. Đõm-kinh
Tỵ-Quang	31. Vị-kinh
Tỵ-Du	20. Bàng-quang
Tỵ-Nhu	14. Đại-trường
Túc-lâm-Khấp	41. Đõm-kinh

-TH-

Thái-Át	23. Vị-Kinh
Thái-Bach	3. Tỵ-Kinh
Thái-Khé	3. Thân-Kinh
Thanh-lanh-Tuyễn	11. Tam-Tiêu
Thái-Xung	3. Can-Kinh
Thái-Uyên	9. Phế-Kinh
Thanh-linh	2 -Tâm-Kinh
Thach-Quang	18.Thận-Kinh
Thần-mạch	62.Bàng-Quang
Thần-Trụ	11.Đốc-Kinh
Thach-Môn	5 -Nhâm-Kinh
Thần-Đường	39.Bàng-Quang
Thần-Đạo	10.Đốc-Kinh
Thần-du	23.Bàng-Quang
Thần-dinh	23.Đốc-Kinh,
Thần-môn	7 -Tâm-Kinh
Thần-Phong	23.Thận-Kinh
Thần-Tàng	25.Thần-Kinh
Thần-Khuyết	8 -Nhâm-Kinh
Thiên-Đột	22.Nhâm-Kinh
Thiên-Dù	16.Tam-Tiêu
Thiên-Dung	17.Tiều-Trường
Thiên-Liệu	15.Tam-Tiêu
Thiên-Song	16.Tiều-Trường
Thiên-danh	17.Đại-Trường
Thiên-Tinh	10.Tam-Tiêu
Thiên-Tông	11.Tiều-Trường
Thiên-Tuyễn	2 -Tâm-bào-lạc
Thiên-trí	1 -Tâm-bào-lạc
Thiên-Xung	15.Đồm-Kinh
Thiên-Xu	25.Vị-Kinh
Thiên-Trụ	10.Bàng-Quang
Thiên-Lịch	6 -Đại-Trường
Thiên-Phủ	3 .Thể-Kinh
Thiếu-Hải	3 -Tâm-Kinh
Thiếu-Phủ	8 -Tâm-Kinh
Thiếu-Thương	11.Khế-Kinh
Thiếu-Trạch	1-Tiều-Trường
Thiếu-Khé	16.Tỵ-Kinh

Thịnh-Hội	2 Đồm-Kinh
Thiếu-Xung	9 -Tâm-Kinh
Thịnh-Cung	19.Tiều-Trường
Thông-Cốc (phúc)	20.Thận-Kinh
Thông-Cốc (lúc)	66.Bàng-Quang
Thông-Lý	5 -Thận-Kinh
Thông-Thiếu	7 .Bàng-Quang
Thủy-tam-Lý	10.Đại-Trường
Thúc-Cốt	65.Bàng-Quang
Thủy-Cầu	25.Đốc-Kinh
Thủy-Đạo	28.Vị-Kinh
Thủy-Đột	10.Vị-Kinh
Thủy-Phản	9 .Nhâm-Kinh
Thủy-Tuyễn	5 -Thận-Kinh
Thứ-Liệu	32.Bàng-Quang
Thứa-Linh	14.Đồm-Kinh
Thứa-Sơn	57.Bàng-Quang
Thứa-Phô	50.Bàng-Quang
Thứa-Mãn	20.Vị-Kinh
Thứa-Cân	56.Bàng-Quang
Thứa-Thấp	4 -Vị-Kinh
Thứa-Tương	25.Nhâm-Kinh
Thực-Độc	17.Tỵ-Kinh
Thương-Khúc	17.Thận-Kinh
Thương-Dương	1 .Đại-Trường
Thương-Khưu	5 .Tỵ-Kinh
Thương-cự-Hư	37.Vị-Kinh
Thương-Liêm	9 .Đại-Đường
Thương-Liệu	31.Bàng-Quang
Thương-Tinh	22.Đốc-Kinh
Thương-Uyễn	12.Nhâm-Kinh

-TR-

Trật-Biện	49. Bàng-Quang
Triền-Cơ	21. Nhâm-Kinh
Trung-Cục	3. Nhâm-Kinh
Trung-Liệu	33. Bàng-Quang
Trung-Chữ	3. Tam-Tiêu
Trung-Chú	15. Thận-Kinh
Trung-Đô	6. Can-Tiếp

Trung-Độc	32. Đõm-Kinh
Trung-Định	16. Nhãm-Kinh
Trung-Phủ	1. Phẽ-Kinh
Trung-lữ-Du	29. Bàng-Quang
Trung-Xu	Đốc-Kinh
Trung-Xung	9. Tâm-hảo-Lạc
Trung-Uyễn	12. Nhãm-Kinh
Trữu-Giao	12. Đại-Trường
Trường-Cường	1. Đốc-Kinh
Trung-Phong	4. Can-Kinh

-U-

U-Môn	21. Thận-Kinh
Ung-Song	16. Vị-Kinh
Üy-Trung	53. Bàng-Quang
Üy-Dương	54. Bàng-Quang
Üyên-Cốt	4. Tiêu-Trường
Üyên-Dịch	22. Đõm-Kinh

-V-

Vân-Môn	2. Phẽ-Kinh
Vị-du	21. Bàng-Quang
Vị-Thương	45. Bàng-Quang

-X-

Xich-Trach	5. Phẽ-Kinh
Xung-Dương	42. Vị-Kinh
Xung-Môn	12. Tỵ-Kinh

-Y-

Ý-Hy	40. Bàng-Quang
Ý-Xá	44. Bàng-Quang
Yêu-Du	2. Đốc-Kinh

BÌ CHÚ: Bản kiêm tra này, ghi vị trí Huyệt thứ tự theo các kinh lạc bồ khuyết vào bản kiêm tra quyển Châm cứu Thực hành trước.

Và cũng để cho các bạn tiện tra huyệt trong các Phương trị liệu trong sách này. (Xem đồ hình toàn bộ Đầu, Lưng, Bụng, Tay, Chân phía trước cũng có thè điểm huyệt đúng vị trí).

CHUNG

MỤC LỤC

Thay lời tựa (Châm-cứu ở Âu-châu của Ông
SOULIÉ de MORANT.)

CHƯƠNG I.

I : Nguyên tắc Châm đoán bệnh của một Y-sĩ, Châm-y.	1
1) Vọng, Văn Văn-Thiết.	2
2) Hàn, Nhiệt, Hư, Thiệt, Biểu, Lý, Âm, Dương.	2
II.— Luận Châm Bồ Tát.	11
III.— Bí quyết châm thuật.	16
IV.— Châm cứu Tân-liệu-pháp.	21
1) Châm dẫn điện.	21
2) Ngại quyền cứu trị.	26
3) Chỉ châm.	29
4) Thủy châm liệu Pháp (Tìm thuốc vào huyệt trị bệnh).	30
V.— Châm cứu gấp . phản ứng.	31
VI.— Cứu trị bí truyền.	32
VII.— Cứu huyệt Thận-du.	38
VIII.— Bồi du huyệt hiệu nghiệm.	40

CHƯƠNG II

I.— Những huyệt chủ yếu đối với ngũ tạng, ngũ hành.	45
A. Thập nhị Tinh, Vinh, Du, Kinh, Hiệp.	46
B. Tinh, Vinh, Du, Kinh, Hiệp, Hư, Thiệt, Bồ, Tát.	53
C. Nguyên, Lạc Phối hợp.	57
1 — Can Đórн liên hệ trị nghiệm.	58
2 — Tam Tiêu-trường liên hệ trị nghiệm.	—
3 — Thận Bàng-quang liên hệ trị nghiệm.	—
4 — Phế Đại-trường liên hệ trị nghiệm.	—
5 — Tinh, Vinh, Du, Kinh, Hiệp trị nghiệm.	60
6 — Áp dụng Nam tâ, Nữ hưu,	76
7 — Ngũ hành sanh khắc trị nghiệm.	77
8 — Ngũ tạng thuộc Ngũ hành.	80
9 — Ngũ tạng tương quan ngũ hành sanh khắc.	84
10 — Ngũ sắc quan hệ ngũ tạng.	88
11 — Ngũ tạng quan hệ ngũ vị.	90
12 — Ngũ tạng sở chủ.	92
13 — Ngũ tạng bình cơ.	94
14 — Ngũ lao sở thương.	96

CHƯƠNG III.

A.— Yếu Châm cứu Đại-thành.	98
B.— Yếu thực nghiệm.	101
Nội Ngoại khoa.	
I.— Áp huyết-cao. (6 bệnh Áp huyết cao trị nghiệm).	101
II.— Bệnh nhồi máu (15 bệnh trị nghiệm).	106
III. Chứng bệnh Huyền-dụng (xoay xầm) 12 bệnh trị nghiệm	114
IV.— Cơ năng thần kinh biến : Diêu-triệu, Kinh phong,	123
Khớc-ngõc Ý-bệnh.	131
17 Bệnh Điện-giản kinh phong trị nghiệm.	—
V.— Thần kinh suy nhược, Tâm-úy, Chính-xung (3 bệnh trị nghiệm.)	137
Phu chứng Hu-lao.	139
VI.—Bệnh về mạch máu : Sưng tĩnh-mạch, Tĩnh mạch lỵ	141
Bản huyết; Hồng huyết cầu quá nhiều.	
VII.— Bệnh đau tim (10 bệnh đau tim thực nghiệm).	142
VIII. Bệnh mất ngủ (6 bệnh thực nghiệm).	147
IX.— Bệnh Não-Tich-tỷ, Trúng phong, Bai xuôi, 12 bệnh	150
Trúng phong di lận trị nghiệm. Ngừa Trúng phong.	153
X.— Bệnh phổi, Ho suyễn, Lao. (23 bệnh đau phổi).	160
Ho ra máu, Suyễn, Lao phổi các bệnh trị nghiệm. Phụ	168
phương dùng lối sát trị nghiệm bệnh Lao phổi.	171
Bệnh Hen Suyễn nặng trị nghiệm của Bác-Sĩ COZE	177
ở Pháp.	
XI. . Bệnh Đa dày và Ruột. (20 bệnh đau Đa dày cấp	180
tánh và mang tánh).	
Bệnh Thủ huyết, Đa dày lở, Đa dày trút.	190
Chứng nắc cục, ĩa nước, Hoát-loạn, Bệnh Kiết-ly.	194
XII — Bệnh đau vùng Ngực, Hồng.	200
XIII. Bệnh đau vùng bụng.	202
XIV.—Bệnh Đau Gan, Mắt (7 bệnh đau Gan da vàng, hắc đòn)	207
Bệnh sưng Túi Mắt.	212
XV. Bệnh Thận và Hàng-quang Bệnh Thủy thũng.	213
XVI Tiêu tiện. Tiêu bí, Lâm lậu.	217
XVII - Bệnh Mộng, Di linh.	220
XVIII. Bệnh Liết-dương.	225
XIX.—Bệnh về Tinh-hệ, Xán-khí (5 bệnh Xán-khí trị nghiệm	226
XX. Bệnh Phong-thấp. Phong-Tè, Bô-phân& Tay, Chân, Lung	229
Phong thấp khuếch khí.	
	259

XXI.— Bình ngoài Da, Bình Thấp xang, ghẻ ngứa.	260
XXII.— Bình về Mắt, Tai, Mũi.	263
Bình Cảm Điếc.	
XXIII.— Bình Miệng, Lưỡi, Răng.	274
XXIV.— Bình Cổ hẫu, Cổng họng.	287
Bíu cổ, Nồi hạch.	290
XXV.— Phong Méo miệng.	294
XXVI.— Cảm-Mạo.	297
XXVII.— Bình Bao trái.	299
Thương-hàn phát ban Thủy-dàn. (Trái rạ)	304
XXVIII.— Bình Sốt-Rét.	306
Hắc nhiệt bình.	312
XXIX.— Bình Đại đường, Mồ hôi trộm.	314
XXX.— Bình Đại tiện và Thoát-giang.	318
XXXI.— Bình Tỏi.	321
XXXII.— Bình Dương-mai.	323
XXXIII.— Ghé lở, Ngoại-thương, Ghé độc, Bị Rắn độc cắn.	330
PHỤ-NHƯƠN-KHOA.	
I.—	—
I.—	—
Bình về Kinh nguyệt. Có kinh Đau bụng.	345
II.—	—
Bình Kinh bế.	347
III.—	—
Kinh q á nhiều.	353
IV.—	—
Băng-huyết.	—
V.—	—
Bình Tử cung, Buồng trứng.	357
VI.—	—
Bach Đại hạch.	363
VII.—	—
Bình Vú.	364
VIII.—	—
Thai tiền.	367
IX.—	—
Sản Hậu.	371
TIỀU-NHI-KHOA.	
I.—	—
Cam-lịch.	376
II.—	—
Tura-lưỡi (Đeo).	380
III.—	—
Thượng-thực, Trung-thực.	381
IV.—	—
Kinh-phong, Kinh-giản, Cấp Mang kinh.	382
V.—	—
Bình Tè Liệt Trẻ con.	391
VI.—	—
Bình Đốt-xương sống (Tich chày).	391
VII.—	—
Bình sưng phổi.	397
VIII.—	—
Bình phát sốt, nóng.	399
IX.—	—
Bình Ban-trái.	402
X.—	—
Bình ỉa mửa, Bình Kiết-ly, Bình ỉa máu.	403
XII.—	—
Bình xán-khi.	407
XIV.—	—
Bình ở đầu, Bình Miệng, Lưỡi, Bình Chân.	408
XVII.—	—
Tap Bình, Ghé độc, Đài dầm.	416
XV.—	—
Cứu trị Ung-thư.	417
CHƯƠNG IV.	
Lâm sàng — Y-án trị nghiệm.	419
Lâm sàng tự trị nghiệm.	426
Phụ bản kiểm tra huyết vị theo Kinh Lac.	427

ĐÍNH CHÁNH

Trang	giồng	In sai	Chữ cũ
2	28	hường thě	thường thě
8	4	băng lầu	băng lầu
—	29	vết sụ	vết sụ
12	6	Hưng phẩn	Hưng phẩn
13	14	Cô thờ	Cô vi trùng, thờ
14	4	rút khinh	rút kim
27	11	Thái-át thùa	Thai-át Thần
36	3	7 tháng	7 tráng
54	20	Chứng thư	chứng thiêt
55	32	khi nghinh	khi nghịch
—	34	Thốn-khầu	Khi-khầu
58	1	nòng huyết	nòng huyết
59	22	hai tay	hai tai
60	18	lâm trị nén	nén trị lâm
—	18	nguyên nguyệt	nguyên huyết
64	15	hiện chương	hiện-chứng
78	10	Thủy khắc thò	Thủy khắc Hóa
96	24	hết nén	thể nén
100	1	Nô-quang	Nô-quang
121	4	chương phát	thường phát
125	12	sự vừa	sự không vừa
131	17	huyết ngày	huyết này
150	21	Nội-đi	Nội-dinh
157	1	Giáp-xau	Giáp-xa
—	1	nhẹt sụ	nhơn sụ
—	5	Thừa-tương	Thừa-tương
168	23	Khúc-tuyền	Khúc-tuyền
231	5	vai.. mặt	vai mặt
274	15	Trước khi	Trước
304	26	Như nhiệt	Nhưng nhiệt
309	16	Đương châm	Đương-trí
310	26	quyên ngay	quyên cứu ngay
—	—	nguyệt trung	huyết Trung
311	20	hot ghu	hot đau
312	=	Lao cung	Lao cung
—	31	tồi ra	lòn ra
315	12	thè thè táo	thè khò táo
—	15	Phục lưu	Phục lưu
316	5	Tiều khát	Tiêu-khát
—	25	Dã diều	dê diều
317	24	Tri giác	Tý Giác
319	5	Bắc-liêu	Bắc-liêu
—	6	Tam tam lý	Túc-tam-ly
—	20	Tiễn ra huyết	phản lòn máu
321	27	Cô niêm	Cô niêm
322	33	Ký mòn	Ký mòn
323	20	Lao cung	Lao cung
324	7	Chết thuốc	Chết thuốc
331	4	đo giòn	hỏ-giòn
332	5	bén hặt	bén mặt
—	24	Thác bạch	Thai-bach
359	7	hoa du	Hoàn-du
361	29	Tri năng	Tri năng
367	14	Cai-tháo	Cai-tháo
368	18	lần con	lần con
370	16	sí không	Cai-không
372	36	như muốn	như ngheet
390	5	vì bóng em	clô bóng em
391	16	1-iệu trieb	2-liệu tinh
394	30	lo lầm	U-may
395	36	Cứu Khúc	Cứu Khu

Nhà xuất bản HỒNG-DÂN

ĐÃ PHÁT HÀNH SÁCH VIỆT - VĂN

1 — Tiên-Thiên Diệt Số Dị Bốc Tiên Trí soạn giả : Nguyễn-Khắc-Hải	120đ
2 — Kim-Oanh-Ký I Bát-Môn soạn giả : Thái-kim-Oanh 1 cuộn	60đ
3 — Kim-Oanh-Ký II Bát-Trạch Minh-Cảnh — 1 —	120đ
4 — Kim-Oanh-Ký III Bát-Tụ Lữ Tài — 1 —	120đ
5 — Kim-Oanh-Ký IV Bác Lãm Quản Thủ — 1 —	120đ
6 — Thông-Thơ Bồ-Hình soạn giả : Viễn-Tài 1 —	100đ
7 — Bát-Trạch Cháu-Tòng — 1 —	120đ
8 — Khảo-Cứu Chiêm-Tinh Lý-Sô — . — 1 —	200đ
9 — Văn-Công-Thợ-Mai Gia-Lè — . — 1 —	80đ
10 — Hồn-Lê Lê-Tục Cười-Gà — . — 1 —	80đ
11 — Diễn-Cầm Tam-Thế Dương-công-Hầu 1 —	220đ
12 — Cǎn-Duyên Tiên-Định — . — 1 —	200đ
13 — Thiên-Văn Văn-Sô — Dương-công-Vinh 1 —	300đ
14 — Long-Hoa Chuyển-Thể Chơn-Tâm và Thiên-nghĩa-Minh 1 —	70đ
15 — Sẩm-Trạng-Trinh — Thiên-nghĩa-Minh 1 —	90đ
16 — Cao-Lý Đầu-Hình Đoàn-Văn-Đau —	60đ
17 — Lục-Huyền-Cam soạn giả : Bảy-Bé (Viễn-Châu) 1 —	30đ
18 — Âm-Nhạc Thực-Hành (Banjo et Mandoline) B.g. Nam-Phong 1 —	40đ
19 — Kim-Vân-Kieu soạn giả : Nguyễn-Du 1 cuộn	30đ
20 — Vần-Quốc Ngữ Con Gà Lớp Đồng Áu. 1 nhóm giáo-viên	25đ
21 — Tập-Đọc Quốc-Ngữ Mới Lớp Đồng Áu. 1 nhóm giáo-viên	20đ
22 — Châm-Cứu Học soạn giả : Thương-Trúc 1 —	400đ
23 — Y-Án Châm-Cứu soạn giả : Thương-Trúc 1 —	450đ
25 — Xem-Tướng, Chỉ Tay không cần Thầy 1 —	

Đã Phát Hành Sách VIỆT ANH PHÁP VĂN

1 — Anh-Văn Thực-Dụng	Võ-quang-Lầu	giá : 16đ00
2 — Những Câu Thông-Dụng Việt-Mỹ	—	giá : 45đ00
3 — Việt-Mỹ Cáp-Tốc	—	giá : 30đ00
4 — Cám-Nang Giao-Thiệp Việt-Mỹ-Pháp	Bô-Văn	giá : 60đ00
5 — Nói Giỏi Tiếng-Anh I	—	giá : 80đ00
6 — Nói Giỏi Tiếng-Anh II	—	giá : 50đ00
7 — Anh-Việt-Mỹ Xâ-Giao Hàng Ngày	Bô-Văn	giá : 30đ00
8 — Tiếng Mỹ Hàng-Ngày	—	giá : 20đ00
9 — Nói Tiếng Mỹ Cáp-Tốc	— .	giá : 40đ00
10 — Cám-Nang Giao-Dịch Việt-Mỹ	Một nhóm giáo-sư	giá : 70đ00
11 — Cám-Nang Đàm-Thoại Việt-Mỹ	Hội-L-Phương	giá : 80đ00
12 — Nghệ Thuật Nói và Viết Tiếng-Anh	Trần-hàn-Nga	giá : 72đ00